

1963 – 2013
NĂM MƯƠI NĂM NHÌN LẠI

TẬP I



Tuyển tập của **99 tác giả**
và những lời ***Phê phán của 100 Chứng nhân***
về chế độ Ngô Đình Diệm

Thomas Ahern, Jr. • Vũ Bằng • Đào Văn Bình • Nguyễn Văn Bông • Peter Brush • Nguyễn Trí Cẩm • Nhóm Caravelle • Niguel Cawthorn • Vũ Ngự Chiêu • Vũ Hoàng Chương • Lê Cung • Tiểu Dân • Cao Thế Dung • Lý Nguyên Diệu • Trần Quang Diệu • Trần Quốc Đại • Phan Quang Đán • Chính Đạo • Cao Hữu Điền • Lương Hữu Đình • Trần Kiên Đoàn • Trần Văn Đôn • Phan Lạc Giang Đông • Góp Gió • Bobby Ghosh • Nguyễn Phan Hoàng • Lê Mạnh Hùng • Nguyễn Ngu Í • KHHB • Bùi Kha • Nguyễn Kha • Vân Xưa Hồ Sĩ Khuê • Bảo Quốc Kiếm • Phan Ký • Pháp Lạc • Trần Lâm • Thái Kim Lan • Nguyễn Lang • Nguyễn Hiến Lê • Lịchsvietnam.info • Trần Hồng Liên • Khúc Hà Linh • Trịnh Bá Lộc • Hồng Quốc Lộc • Lê Nguyên Long • Chính Luận • Phạm Trọng Luật • Vũ Tài Lục • Nguyên Ly • Avro Manhattan • Hoàng Linh Đỗ Mậu • Minh Không Vũ Văn Mẫu • Trần Chung Ngọc • Định Nguyên • Minh Nguyễn • Lê Chân Nhân • Lý Đương Nhiên • Quán Như • Trần Ngọc Nhuận • Hoàng Nguyên Nhuận • Lê Xuân Nhuận • James Olsen • Lloyd Phạm • Nguyễn Hữu Phiếm • O.V.V. • Nguyễn Kỳ Phong • Trần Gia Phụng • Lê Quân • Phùng Quân • Nguyễn Mạnh Quang • Võ Văn Sáu • Nguyễn Tường Tâm • Minh Tân • Nguyễn Thái • Lê Quang Thái • Nguyễn Hy Thần • Minh Thạnh • Nguyễn Tường Thiết • Cao Huy Thuần • Ngô Đình Thục • Văn Thư • Trần Văn Thường • Trần Tam Tĩnh • Ngô Đắc Triết • Nguyễn Văn Trung • Nguyễn Quốc Tuấn • Nguyễn Tường • Phạm Tường • Hồ Hữu Tường • Trần Thị Vĩnh Tường • Lê Tuyên • Phạm Quý Vinh • VirtualArchivist • VTruong • Huyền Vũ • Hàn Phong Quốc Vũ • Nguyễn Hạnh Hoài Vy • Erich Wulff • và ...

Lời phê phán chế độ Ngô Đình Diệm của 100 Nhân chứng

DẪN NHẬP

Nửa thế kỷ trước đây, tại miền Nam Việt Nam, một biến cố bi hùng đã làm chao nghiêng lịch sử và trở thành một trong những dấu ấn quan trọng trong dòng sinh mệnh dân tộc vào hạ bán thế kỷ thứ hai mươi. Biến cố đó là sự **sụp đổ của chế độ độc tài Ngô Đình Diệm**, kéo theo sự **phá sản của một sách lược cải đạo ở cấp độ quốc gia** của Công giáo La Mã tại miền Nam Việt Nam.

1963 – 2013! Năm mươi năm đã trôi qua... Một nửa thế kỷ là khoảng thời gian đủ dài để có thể soát xét và suy nghiệm xem từ biến cố đó ta rút ra được những bài học lịch sử gì. Tuy nhiên, ở trong nước, từ lâu, đã **không có một công trình** quy mô nào nghiên cứu và trình bày một cách toàn diện, nghiêm túc và cập nhật hơn về chế độ Ngô Đình Diệm. Còn ở hải ngoại, một vài trí thức Công giáo có nỗ lực “xét lại” bản chất và thành quả của chế độ này, nhưng **vì phải mạo hóa lịch sử để biện minh cho ý đồ chạy tội** nên những tác phẩm của họ vừa không có giá trị lịch sử vừa thiếu tiêu chuẩn trí thức.

Trong tình hình đó, sự hình thành Tuyển Tập này là một động thái trí thức chủ yếu nhằm đóng góp vào 4 nỗ lực:

1. Thứ nhất là đúc kết lại thành một **chứng liệu lịch sử** từ cả hai góc độ *chứng nhân* và *văn bản*, đóng góp thêm vào việc kiện toàn các nghiên cứu tương lai về chế độ Ngô Đình Diệm.
2. Thứ nhì là để làm **sáng tỏ một số ngộ nhận** dấy lên vì những biến động sau đó trên đất nước ta, khiến sự thật đã vô tình bị biến dạng đằng sau những lăng kính và bụi mù do một số người Việt và người nước ngoài vô tình hay cố ý tạo ra.
3. Thứ ba là nhận diện để **phản biện một số xuyên tạc và mạo hóa lịch sử** của tàn dư chế độ Ngô Đình Diệm tại hải ngoại đang tìm cách đánh tráo sự thật để chạy tội quá khứ. Nỗ lực này có thể là để âm mưu, dưới hình thức này hay hình thức khác, thiết lập một chế độ “*Diệm không Diệm*” trong tương lai tại Việt Nam. Điều **bất hạnh** này, nếu xảy ra, thì sẽ chỉ vì **lợi ích của một thiểu số giáo quyền** mà đi ngược lại lợi ích của toàn thể Dân tộc.

4. Và thứ tư là nỗ lực trao gửi một **bài học cho thế hệ tương lai** để cảnh giác họ đừng bao giờ để cho một chế độ như chế độ Diệm xuất hiện trên quê hương ta nữa.

Vì bốn lý do kể trên, Tuyển Tập này sẽ không được bán mà chỉ in với một số lượng giới hạn để gửi tặng những cá nhân hoặc định chế nào nghiên cứu chủ đề này mà thôi.

Trong quá trình hình thành Tuyển Tập, việc thu thập tài liệu (mà đa số đã được phổ biến rộng rãi trên Internet từ nhiều năm qua) và liên lạc với các tác giả để xin phép là một điều vô cùng khó khăn, hầu như là bất khả thi nên xin các tác giả thông cảm và rộng lòng tha thứ. Nhất là khi có một số ít bài viết xuất xứ từ trong nước và/hoặc đã được phổ biến (trên báo giấy) từ trước 1975. Cho nên **122 bài viết của 99 tác giả**, và **100 lời nhận định** về chế độ Ngô Đình Diệm trong Tuyển Tập này, dù chỉ là một số lượng rất nhỏ trong hàng núi tài liệu cả trong lẫn ngoài nước, nhưng có lẽ cũng đủ để nhận diện được nguyên nhân, mô tả được bản chất và đánh giá được công tội của chế độ này rồi.

Nội dung các bài viết được phân bố thành **8 Chương** là để dễ truy cứu theo từng chủ đề hơn là theo một cấu trúc trình bày nhất định nào đó. Và vì Tuyển Tập dài hơn một ngàn sáu trăm trang nên sẽ được chia thành **3 Tập**, phát hành trong năm 2013 để đánh dấu mốc *50 năm nhìn lại*.

Cuối cùng, chúng tôi xin trân trọng cảm tạ những tác giả có bài trong Tuyển Tập “1963-2013 – Năm Mươi Năm Nhìn Lại” này. Những tác giả đó, đã mất hay còn sống, đa số đã là những **chứng nhân** và cũng đã là, trong nhiều trường hợp, những **nạn nhân**, cho nên tiếng nói của họ thì trung thực, cần được phổ biến rộng rãi và bảo lưu lâu dài.

Trân trọng,

Nhà Xuất bản **Thien Tri Thuc Publications**

P.O. Box 4805

Garden Grove, CA.92842-4805 - USA

MỤC LỤC

Dẫn Nhập.....	5
Mục lục.....	7

TẬP I

■ Chương Một - **TỘI TỔ TÔNG**

Hễ đã Phi dân tộc thì thế nào cũng Phán dân tộc

1- Ngô Đình Diệm trong Liên minh Mỹ - Vatican Nguyễn Mạnh Quang.....	13
2- Hồng y Francis Spellman và Chiến tranh Việt Nam Trần Thị Vĩnh Tường.....	34
3- Khi nước Mỹ chọn Đồng minh Lý Nguyên Diệu.....	46
4- Giáo hội trong cơn bão bùng (Chương 3 - Thập giá và Lưỡi gươm) Trần Tam Tinh.....	57
5- Nghĩ về hai Dòng họ Thông gia Huế Nguyễn Hạnh Hoài Vy.....	85
6- Bát cơm Bảo hộ của Ngô Đình Khôi Vũ Ngự Chiêu sưu tầm.....	92
7- Thư Ngô Đình Thục gửi Đô đốc Jean Decoux, Toàn quyền Đông Dương Ngô Đình Thục.....	94
8- Tổng Giám mục Ngô Đình Thục: Nhiều Tham vọng Nhiều Cay đắng, Văn Thư.....	99
9- Jean Baptiste Ngô Đình Diệm - Thời kỳ chưa nắm quyền Chính Đạo.....	104

■ Chương Hai – **VÌ ĐẤU NÊN NỔI**

Đoạn trường ai có qua cầu mới hay ...

10- Kiêu dân Công giáo thời Ngô Đình Diệm Trần Lâm.....	133
11- Danh từ “Công giáo”: Chữ và Nghĩa Nguyễn Hy Thần.....	148
12- Tổng Giám mục Ngô Đình Thục: Thân quyền và Thế quyền O.V.V.....	156

13- <i>Dạy Sĩ dưới thời Diệm</i> Nguyễn Hiến Lê.....	161
14- <i>Gia đình Sĩ gia Tạ Chí Đại Trùng và Chế độ</i> <i>Ngô Đình Diệm Virtualarchivis.....</i>	163
15- <i>Sự Thiên vị Thiên Chúa giáo về Phương diện Pháp lý</i> Vũ Văn Mẫu.....	165
16- <i>Đảng Cần Lao và các Tổ chức ngoại vi</i> Trần Văn Đôn.....	174
17- <i>Đảng Cần Lao</i> Lê Xuân Nhuận.....	178
18- <i>Chế độ Ngô Đình Diệm và Vấn đề Buôn bán Nha phiến</i> Phạm Trọng Luật.....	204
19- <i>Những khẳng định chết người</i> Phạm Tường.....	210
20- <i>Trăm tư của một tên tội tử hình</i> Hồ Hữu Tường.....	215
21- <i>Giải tòa Bí mật về Cái chết của Tướng Trịnh Minh Thế</i> Tạp chí Góp Gió số 112, 7-2-2003.....	222
22- <i>Tại sao Ngô Đình Diệm không cho Tướng Lê Quang Vinh</i> <i>chết toàn thây, Trịnh Bá Lộc.....</i>	226
23- <i>Ông Diệm dùng dưỡng gián điệp Việt Cộng nhưng lại</i> <i>triệt hạ lực lượng chống Cộng - Cao Thế Dung.....</i>	237
24- <i>Vài Vụ Thủ Tiêu Dưới Chế Độ Ngô Đình Diệm</i> <i>.Virtualarchivis.....</i>	243
25- <i>Chuyện Thế thao thời Ngô Đình Diệm</i> Huyền Vũ.....	247
26- <i>Báo chí thời Ngô Đình Diệm</i> Vũ Bằng.....	257
27- <i>Ngô Đình Diệm và Dollar Mỹ</i> Virtualarchivis.....	273
28- <i>Những nhân vật Việt Nam nhận tiền của CIA</i> Bobby Ghosh.....	275
29- <i>Tôi không chủ trương hợp tác với ông Diệm</i> Phan Quang Đán.....	278
30- <i>Tuyên ngôn của 18 nhân vật thuộc nhóm “Tư do Tiến bộ”</i> <i>gửi Tổng thống Diệm, “Nhóm Caravelle”.....</i>	283
31- <i>Trường hợp gia đình Phan Lạc Tuyên</i> Phan Lạc Giang Đông.....	290

32- Vợ của Sĩ quan vụ Binh biến 1960 bị An ninh Diệm xâm phạm tình dục, Trần Ngọc Nhuận	294
33- Một điển hình tàn ác của nhà Ngô Võ Văn Sáu.....	297
34- Nhớ về Nhất Linh Nguyễn Hữu Phiếm.....	300
35- Xung quanh cái chết của nhà văn Nhất Linh, 45 năm trước, Khúc Hà Linh.....	317
36- Tưởng niệm Nhất Linh 7.7.1963 – 7.7.2008 Nguyễn Tường Tâm.....	321
37- Bài văn Truy điệu Văn hào Nhất Linh Vũ Hoàng Chương.....	334
38- Đại học Huế tranh đấu chống chế độ cũ (Phỏng vấn giáo sư Lê Tuyên, Bách Khoa), Nguyễn Ngu Í.....	337
39- Giai đoạn Khởi thủy sự sụp đổ của nền Đệ Nhất Cộng hòa, Trần Văn Thường	366
40- Từ Đồng minh với Mỹ đến Thỏa hiệp với Cộng Hoàn Linh Đỗ Mậu.....	375
41- Tổng thống Diệm và Quân đội Mỹ Ngô Đắc Triết và Lý Dương Nhiên.....	435
42- Ngô Đình Diệm muốn dâng miền Nam Việt Nam cho Cộng sản , Lê Chân Nhân.....	445

■ Chương Ba – **CHỨNG NHÂN LỊCH SỬ** –

Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ

Phê phán chế độ Ngô Đình Diệm của 100 Chứng nhân458

TẬP II

■ Chương Bốn - **BÁNH XE LỊCH SỬ**

Thiên thời Địa lợi Nhân hòa

Nguyễn Thái - Nguyễn Văn Bông - Avro Manhattan - Hoàn Linh
Đỗ Mậu - Hội Khổng học Việt Nam - Lê Mạnh Hùng - Nguyễn Ngu Í
- Peter Brush – KHHB - Trần Chung Ngọc - Nhật báo *Chính Luận*
22-7-1964 - Lê Xuân Nhuận - Nguyễn Hữu Ngự / Nguyễn Văn Trung

■ Chương Năm - **MA GIỮA BAN NGÀY**

Những nguy biện và tráo trở lịch sử của tàn dư chế độ Diệm

Phan Ký - Vtruong2602 - Định Nguyễn - Báo Quốc Kiểm - Minh
Thạnh - Lê Xuân Nhuận - Trần Lâm - Chính Đạo Vũ Ngự Chiêu –

Vân Xưa Hồ Sĩ Khuê - Trần Quốc Đại - Lý Nguyên Diệu - Nguyễn Tường Thiết - Nguyễn Mạnh Quang - Nguyễn Trí Cẩm - Trần Quang Diệu - Trần Gia Phụng - Nguyễn Phan Hoàng – James Olsen - Lloyd Phạm - Lê Quân – Pháp Lạc - Hồng Quốc Lộc.

TẬP III

■ Chương Sáu – **KIM CƯƠNG BẤT HOẠI**

Hoa sen trong biển lửa

Avro Manhattan - Vũ Ngự Chiêu - Vũ Tài Lục - Nguyễn Lang - Erich Wulff – Quán Như Phạm Văn Minh - Chính Đạo - Lê Cung - Hoàng Nguyên Nhuận - Trần Kiên Đoàn - Erich Wulff - Minh Nguyễn - Hàn Phương Quốc Vũ - Lương Hữu Định - Lê Quang Thái - Cao Hữu Điền - Nguyên Ly - Thái Kim Lan - Đào Văn Bình - Trần Chung Ngọc - Cao Huy Thuần

■ Chương Bảy - **LỬA TỪ BI**

Gọi hết lửa vào xương da bỏ gỗ

Lichsvietnam.info - Phạm Quý Vinh - Nguyễn Quốc Tuấn - Minh Không Vũ Văn Mẫu - Lê Cung - Trần Hồng Liên – Vũ Ngự Chiêu

■ Chương Tám - **GỬ LẠI NGHÌN SAU**

Suy nghiệm về một số bài học lịch sử

Lê Nguyên Long - Quang Phục Võ Văn Sáu - Quán Như - Nguyễn Kha - Bùi Kha - Thomas Ahern, Jr / Nguyễn Kỳ Phong - Cao Huy Thuần - Suru tâm của Lê Xuân Nhuận - Nigel Cawthorne - Tiểu Dân - Phùng Quân - Lý Nguyên Diệu

Chương Một

TỘI TỒ TÔNG

*Hễ đã Phi dân tộc
thì thế nào cũng Phản dân tộc*

NGÔ ĐÌNH DIỆM TRONG LIÊN MINH MỸ-VATICAN

Nguyễn Mạnh Quang

Với chủ tâm dựa vào Mỹ để duy trì quyền lực ở Việt Nam, tháng 8 năm 1950, Vatican cho người đưa ông Ngô Đình Diệm sang Hoa Kỳ để vận động liên kết với siêu cường này trong một thể liên minh mới mà các nhà viết sử gọi là Liên Minh Mỹ – Vatican hay *Trục Washington – Vatican* (The Vatican – Washington Axis) thay thế cho liên minh cũ Pháp và Vatican. Như vậy là Vatican đã tự động bỏ rơi nước Pháp và Liên Minh Đế Quốc Thực Dân Pháp- Vatican coi như bắt đầu tan vỡ kể từ đây.

Cũng xin nói rõ là Liên Minh Đế Quốc Thực Dân Xâm Lược Pháp-Vatican do Vatican chủ xướng, vốn bắt nguồn từ một Sắc Lệnh *Romanus Pontifex* được ban hành vào ngày 8/1/1454 trong thời Giáo Hoàng Nicholas V (1447-1455), khởi sự vận động vào đầu thế kỷ thứ 17, cũng do người của Giáo Hội La Mã là Linh-mục Alexandre de Rhodes đề nghị với nước Pháp kèm theo với bản tường trình thành quả công tác tình báo tại Việt Nam và lá thư yêu cầu Pháp Hoàng Louis XIV phái quân đi chinh phục Đông Dương (đã được trình bày đầy đủ trong Chương 20.) Vì hoàn cảnh khó khăn lúc đó, Pháp Hoàng Louis XIV không đáp ứng được yêu cầu của Giáo Hội lúc bấy giờ. Trong thập 1780, lại cũng người của Giáo Hội là Giám-mục Pigneau de Béhaine lặn lội từ Việt Nam đem Hoàng Tử Cảnh mới có 5 tuổi đến triều đình Pháp Hoàng Louis XVI, thỉnh cầu viện trợ quân sự cho Nguyễn Ánh để đánh bại nhà Tây Sơn với chủ ý là Vatican và nước Pháp sẽ lợi dụng công ơn viện trợ để:

- 1.- Khuyên dụ Nguyễn Ánh, một khi đã chiến thắng, thì phải chiều theo những đòi hỏi Vatican và Pháp. Nếu Nguyễn Ánh chiều theo thì cả Vatican và Pháp lần lần nắm thế thượng phong, áp dụng chính sách “được đảng chân lân đảng đầu” như Vatican đã từng làm đối với Pháp trong thời Pháp Hoàng Henry IV (1589-1610), dần dần áp đảo và biến triều đình Việt Nam trở thành một thứ chính quyền tay sai cho cả Vatican và Pháp.

2.- Nếu Nguyễn Ánh không thành công hay không thỏa mãn những đòi hỏi của Vatican và của Pháp, thì các nhà truyền giáo của Giáo Hội tại Việt Nam sẽ xúi giục giáo dân Việt Nam nổi loạn, bất tuân lệnh chính quyền, nhằm tạo nên loạn lạc khắp nơi, và mỗi xóm đạo sẽ là một ổ phiến loạn, lúc bấy giờ Giáo Hội mới công khai nhẩy vào thừa nước đục thả câu, kết hợp với Pháp đem quân đến đánh chiếm và thống trị Việt Nam.¹ Giáo Hội cũng đã tiến hành sách lược này ở East Timor mấy năm vừa qua.

Giám-mục Pigneau de Béhaine đại diện cho phe đảng Nguyễn Ánh, tiếm danh là đại diện cho Việt Nam, thương thuyết với triều đình vua Louis XVI và đã đạt được một hiệp ước ký tại Điện Versailles vào ngày 28-11-1787. Theo hiệp ước này, Pháp sẽ viện trợ quân sự cho Nguyễn Ánh 4 chiến hạm, 1750 sĩ quan và binh sĩ, và Nguyễn Ánh phải nhượng cho Pháp và Giáo Hội La Mã một số quyền lợi. Nhưng Hiệp Ước Versailles vừa ký xong thì nước Pháp rơi vào tình trạng khủng hoảng tài chính và kinh tế do bất công trong xã hội gây nên, rồi lan sang lãnh vực chính trị và chuyển thành Cách Mạng 1789. Vì thế mà Pháp không thể viện trợ cho Nguyễn Ánh được. **Pháp bỏ cuộc, nhưng Vatican vẫn không nản lòng và vẫn còn bám lấy Việt Nam.** Được Vatican triệt để ủng hộ, Giám-mục Pigneau de Béhaine nhân danh Vatican bỏ tiền ra mua sắm súng đạn và thuê mượn được một số binh lính đánh thuê đem đến viện trợ cho Nguyễn Ánh đánh bại nhà Tây Sơn.

Giáo Hội La Mã thường dạy là phải sống nghèo. Sao ông Giám-mục Pigneau de Béhaine của Giáo Hội tiền của đâu mà giàu thế? Nếu không phải do Vatican cung ứng để mua sắm các chiến tàu, súng đạn cũng như trang trải tiền trả lương cho quân lính, quân cụ, quân trang, quân dụng và quân nhu trên đây, thì tiền bạc ở đâu để ông giám-mục này mua sắm chiến tàu, khí giới, tuyển mộ quân lính, nuôi quân và trả lương cho lính? Nhưng, lại cũng chữ “nhưng” một lần nữa, "*muu sự tại nhân, thành sự tại thiên*". Công lao và tiền của bỏ ra viện trợ thì có, nhưng những yêu sách của Giáo Hội thì lại không được Nguyễn Ánh (khi thành công là Gia Long), đền bù. Giám-mục Pigneau de Béhaine và Hoàng Tử Cảnh lại sớm lên thiên đường, khiến cho Giáo Hội đã thất bại nặng nề ván bài Béhaine-Nguyễn Ánh.

Tuy nhiên, như đã nói trước đây, **kế hoạch xâm thực của Giáo Hội là một kế hoạch dài hạn và trường kỳ mai phục.** Thua keo này, Giáo Hội lại bày keo khác. Cuối cùng, vào đầu thập niên 1850,

Giáo Hội cũng đã thành công trong việc vận động được chính quyền Pháp cùng với Giáo Hội bỏ công bỏ của đem quân đến chinh phục Việt Nam và Liên Minh Đế Quốc Thực Dân Xâm Lược Pháp-Vatican thực sự thành hình và tích cực hoạt động kể từ đây.

Trở lại vấn đề vận động thành lập Liên Minh Chống Cộng Hoa Kỳ-Vatican, để cho kế hoạch này được thành công, tất cả những tín đồ của Giáo Hội tại Hoa Kỳ cũng như tại Pháp tùy theo khả năng đều được huy động để góp công vào việc vận động với chính quyền Hoa Kỳ làm áp lực với chính quyền Pháp và Quốc Trưởng Bảo Đại để đưa ông Ngô Đình Diệm về Việt Nam làm thủ tướng. Từ bà Ngô Đình Nhu ra vào thủ thi với ông Bảo Đại, Bà Nam Phương Hoàng Hậu với tình chăn gối trong chốn phong the, khối dân Kitô La Mã người Pháp cùng với đảng Da-tô Mouvement Republique Populaire (MRP) do ông Da-tô George Bidault làm đảng trưởng cho đến các ông Hồng Y Spellman, Thượng Nghị Sĩ John F. Kennedy, Thượng Nghị Mike Mansfield, Dân Biểu Walter Judd, ông Tòa Tối Cao Pháp Viện William Douglas đều được huy động để vận động vào việc làm áp lực với các thế lực liên hệ để cho ông Diệm về Việt Nam cầm quyền.

Việc Vatican cho người dẫn ông Ngô Đình Diệm sang Mỹ giao cho Hồng Y Francis Spellman vận động những tín đồ Da-tô có thế lực trong chính quyền Hoa Kỳ để đưa ông ta (Ngô Đình Diệm) về cầm quyền làm tay sai cho Giáo Hội La Mã đã được rất nhiều sách sử trình bày đầy đủ. Dưới đây là một số sách sử nói về sự thật lịch sử này:

1.- Sách *Vietnam: A History* viết:

“Diệm rời Việt Nam vào năm 1950 với danh nghĩa đi dự lễ năm Thánh ở Vatican. Cuối cùng, ông ta đi Hoa Kỳ và lưu ngụ hai năm ở Chung Viên Maryknoll ở Lakewood thuộc tiểu bang New Jersey, làm những công việc rửa chén, lau sàn nhà và cầu nguyện giống như một người mới đi tu. Quan trọng hơn, ông ta được giới thiệu gặp các vị chính khách nổi như Hồng Y Francis Spellman của địa phận New York, Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện William O. Douglas, Thượng Nghị Sĩ Mike Mansfield và Thượng Nghị John F. Kennedy. Ông Diệm biện minh cho trường hợp của ông với một lý luận đơn giản có thể lôi cuốn được cả những người bảo thủ và tự do. Lý luận đơn giản này là ông chống lại cả cộng sản và thực dân Pháp thống trị Việt Nam. Như vậy, ông trở thành người đại diện cho chủ nghĩa quốc gia. Điều hấp dẫn đối với Hồng Y Spellman là ông Diệm là một tín đồ Kitô La Mã. Nhờ vậy mà Hồng Y Spellman đã tích cực ủng hộ ông

Diệm”.ⁱⁱ

2.- Sách *Vietnam: A Dragon Embattled* viết:

“Sau khi được chính quyền Pháp cho phép đi dự lễ Năm Thánh ở La Mã, ông Diệm rời Việt Nam vào tháng Tám năm 1950. Trăm đầu tiên, ông ghé Đông Kinh đến thăm ông Cường Để. Ông này đã lưu vong ở Nhật từ năm 1906. Đồng thời, ở Đông Kinh, ông Diệm cũng gặp một số người Hoa Kỳ. Họ dẫn dò ông khi đến thủ đô Washington phải nên nói những gì với những nhân vật ông được tiếp kiến. Ông Diệm lưu lại ở Hoa Kỳ trong hai tháng 9 và 10 năm 1950. Trong thời gian này, ông được làm quen với một số chính khách người Hoa Kỳ rất quan tâm đến Việt Nam nhưng lại không hiểu rõ tính cách phức tạp về tình hình chính trị và quân sự ở Đông Dương. Luận cứ đơn giản của ông Diệm là nếu chấm được chế độ thực dân và Việt Nam có được một chính quyền quốc gia thực sự thì Việt Minh sẽ bị đánh bại nhanh chóng. Hồng Y Spellman, người mà Giám-mục Ngô Đình Thục đem ông Diệm đến giới thiệu, có lẽ là người Hoa Kỳ đầu tiên đang tìm một tín đồ Kitô La Mã như ông Diệm để lãnh đạo chính quyền Việt Nam.

Thời kỳ ở La Mã của ông Diệm rất ngắn. Ở đây, ông được Giáo Hoàng XII tiếp kiến, rồi ông đi Thụy Sĩ, Bỉ và Pháp. Tại các nước này, ông nói chuyện với những người Việt lưu vong. Những vì thấy rằng đối với Pháp, ông chẳng có cơ may nào, ông trở lại Hoa Kỳ vào đầu năm 1951 và lưu ngụ trong các Chủng Viện Maryknoll ở New Jersey và Chủng Viện Ossining ở New York. Thời gian này kéo dài tới hai năm và thỉnh thoảng ông đi thuyết trình tại các Đại Học ở miền Đông và miền Trung Tây. Nhiều lần ông đi Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn để nói chuyện với các chính khách người Hoa Kỳ và chiếm được cảm tình của họ đối với quan điểm của ông. Trong những chính khách ủng hộ quan điểm và khát vọng cá nhân của ông, có Thượng Nghị Sĩ Mike Mansfield, Thượng Nghị Sĩ John F. Kennedy, Dân Biểu Walter Judd và Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện William Douglas. Nhưng những việc vận động của họ cho nên độc lập của Việt Nam không được chính quyền của Tổng Thống Truman và chính quyền của Tổng Thống Eisenhower quan tâm, vì rằng lúc đó Hoa Kỳ vẫn còn theo đuổi chính sách viện trợ vô điều kiện cho người Pháp. Chán nản với những biến cố này, ông Diệm quay ra dồn nỗ lực vào việc suy tưởng và cầu nguyện, một phương cách rất thích hợp với bản chất của ông ta để tìm ra phương cách được chấp nhận đưa về Việt Nam cầm quyền hơn là tích cực tổ chức để thu hút sự ủng

hộ cho việc làm của ông.

Thực ra, giả thuyết về việc ông Diệm được đưa lên làm thủ tướng được nhiều người chấp nhận là lúc bấy giờ Hồng Y Spellman với sự tiếp tay của các thành phần trong Phong Trào Cộng Hòa Bình Dân Kitô La Mã và chính quyền Pháp làm áp lực mạnh với ông Bảo Đại.^{”iii}

3.- Chuyện Vatican cho người dẫn dắt ông Diệm đi Vatican và Hoa Kỳ để chạy chọt cho lên cầm quyền ở Việt Nam được tác giả Hoành Linh Đỗ Mậu ghi lại trong sách **Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi** đầy đủ hơn cả. Dưới đây là nguyên văn:

“Trở lại năm 1950, khi tôi bắt đầu một giai đoạn nổi trôi lăn lóc trong những năm tàn khốc của cuộc chiến Pháp Việt từ Trung ra Bắc, thì tháng 8 năm đó, sau một thời gian vận động ngầm của Giám-mục Ngô Đình Thục, ông Diệm và người anh có ảnh hưởng lớn lao trên Giáo Hội Thiên Chúa Giáo Việt Nam này, lên đường đi La Mã dự lễ Năm Thánh để che đậy âm mưu đi Mỹ vận động chính trị.

Lộ trình không đi thẳng đến La Mã mà còn ghé qua Nhật Bản thăm Kỳ Ngoại Hầu Cường Để (một giải pháp hầu như không có giá trị nữa kể từ năm 1945) và nhất là để ông Diệm có cơ hội gặp giáo sư Wesley Fisher, một cựu sĩ quan tình báo hải quân thuộc Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ thời Đệ Nhị Thế Chiến và nghe nói đang là một nhân viên cao cấp của CIA. Buổi họp mặt với viên chức quan trọng này của cơ qua tình báo Mỹ đưa đến kết quả là **trường Đại Học Michigan sẽ bảo trợ chuyến đi Mỹ của ông Diệm.**

Sau đó, ông Diệm lên đường đi La Mã dự Năm Thánh và yết kiến Đức Giáo Hoàng, rồi từ đó bay đi Mỹ. Qua trung gian của Giám-mục Ngô Đình Thục, ông được Hồng Y Spellman, thuộc dòng Franciscaín, tiếp kiến.

Từ Mỹ, ông Diệm lại quay về La Mã mấy ngày rồi mới đi Thụy Sĩ, Bỉ và Pháp để thảo luận với một số chính khách Việt Nam mà phần đông là Thiên Chúa Giáo đang cư ngụ tại các nước này. Năm 1951, Ông Diệm trở lại Hoa Kỳ hai năm, sống trong tu viện Maryknoll tại Lakewood (New Jersey) và Ossining (New York). **Nhờ sự giúp đỡ của Hồng Y Spellman**, thỉnh thoảng ông lại được mời đi thuyết trình tại các đại học miền Đông và Trung-Tây Hoa Kỳ. Ông cũng diễn thuyết tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn. và với lý luận rằng “chỉ cần chấm dứt chính sách thực dân Pháp và chỉ cần Việt Nam có một chính phủ do người quốc gia lãnh đạo là có thể đánh bại được Cộng Sản” mà ông đã chiếm được cảm tình và lời hứa sẽ yểm trợ của các

chính trị gia Mỹ như Nghị Sĩ Mike Mansfield, John F. Kennedy, Dân Biểu Walter Judd, Chánh Án Williams Douglas và nhiều chính khách Thiên Chúa giáo khác. Phê bình câu nói của ông Diệm, giáo sư Buttinger cho rằng luận cứ này phối hợp được sự đơn giản rất hấp dẫn và sự hợp lý khó cãi được.

Chính vì “sự hấp dẫn không cãi được” đó và quyết tâm của **Hồng Y Spellman muốn có một chính phủ Việt Nam do người Thiên Chúa giáo lãnh đạo** mà ông Diệm đã trở thành một “giải pháp” khả dụng và khả thi cho chính sách của Mỹ tại Đông Dương trong tương lai rất gần.. Nhưng cái luận cứ “đơn giản và hợp lý” này đã chứng tỏ tính cách thiếu khoa học và không thực tế của nó khi ông Diệm, với một chính phủ quốc gia và 9 năm cai trị, ông Thiệu với một chính phủ quốc gia và 11 năm cai trị khác, vẫn không đánh bại được Cộng Sản. Nếu không muốn nói rằng chính phủ quốc gia của ông Diệm đã chính nghĩa hóa sự hiện diện nguy trang của Cộng Sản tại miền Nam, và chính phủ quốc gia của ông Thiệu đã kiện toàn hóa chiến thắng “tự nhiên thành” của Cộng Sản tại miền Nam. Như vậy, rõ ràng hai chế độ quốc gia đã quản trị đất nước trong khoảng thời gian từ 1954 đến 1975 quả thật đã không xứng đáng trên cả hai mặt nội dung cũng như thực tế để mang nhận danh từ này.

Theo dõi hành trình vận động quốc tế của ông Diệm, ta thấy gồm 6 chặng đường.(1) Đi Đông Kinh gặp một nhân viên tình báo Mỹ, (2) đến Vatican gặp Đức Giáo Hoàng, (3) đi Mỹ gặp Hồng Y Spellman, (4) trở lại Vatican không biết làm gì trong một thời gian ngắn, (5) rồi lại trở qua Mỹ gặp tiếp Hồng Y Spellman, (6) sau đó là các chính khách Hoa Kỳ. **Sáu chặng đường đó thật ra chỉ gồm trong hai danh từ lẩy lừng: Vatican và Mỹ.**

Tháng 5 năm 1953, theo lời mời của một số chính khách Việt Nam lưu vong mà đa số là người Thiên Chúa giáo, ông Diệm từ ghế Hoa Kỳ về Pháp rồi đi Bỉ và trú ngụ tại tu viện Bénédictine de St. André les Purges. Đúng một năm sau, năm 1954, khi số phận Việt Nam bắt đầu bị cột chặt bởi chiến bại của Pháp tại Điện Biên Phủ vào ngày 7 tháng 5 và cuộc mặc cả tại Hội Nghị Genève thì ông Diệm trở lại Paris và sống tại ngôi nhà ông Tôn Thất Cần. Tại đây, với sự yểm trợ đặc lực của người em là Ngô Đình Luyện, ông bắt đầu mở các cuộc thăm dò và vận động trong giới chính khách Việt Nam cũng như với các thế lực quốc tế.

Theo giáo-sư Buttinger thì tại Sài Gòn, ông Nhu biết rằng anh mình không đủ khả năng đối phó với những vận động chính trị quốc

tế khó khăn và phức tạp, bèn vội vàng phái cộng sự viên thân tín là ông Trần Chánh Thành và Lê Quang Luật qua Paris để tăng cường thêm cho ông Diệm. Ông Trần Chánh Thành nguyên là tri huyện thời Pháp thuộc, sau theo Việt Minh làm chánh án Liên Khu Tư, rồi bỏ kháng chiến về Tề vào năm 1952. Còn ông Lê Quang Luật là một trí thức Thiên Chúa giáo Bắc Việt, người thân tín của Giám-mục Lê Hữu Từ.

Ba mục tiêu vận động quan trọng và quyết định nhất của ông Diệm là (1) đạt được sự yểm trợ của chính quyền Mỹ, (2) tranh thủ được sự thoả thuận của chính quyền Pháp, và (3) cuối cùng là thuyết phục được Quốc Trưởng Bảo Đại bổ nhiệm làm thủ tướng. Ba vận động liên hệ chặt chẽ của hàng triệu người Việt Nam mà sức mạnh vô địch của chính hàng triệu người Việt Nam đó không hề được vận dụng tới. Thật ra ba bước vận động này trùng vào nhau như ba mắt xích mà trong bối cảnh chính trị quốc tế lúc bấy giờ, mở được mắt xích thứ nhất là hai mắt xích còn lại sẽ bị tháo tung. Mắt xích thứ nhất, **Hồng Y Spellman đã giúp ông Diệm mở ra từ năm 1953** rồi cho nên Bảo Đại và chính phủ Pháp lúc bấy giờ không đồng ý “con người Ngô Đình Diệm”, nhưng dưới áp lực của Ngoại Trưởng Mỹ Foster Dulles và sự can thiệp mạnh mẽ của Hồng Y Spellman vào chính sách của Phong Trào Cộng Hòa Bình Dân Thiên Chúa Giáp Pháp (MRP), cuối cùng chính phủ Pháp và Bảo Đại đành phải chấp thuận bổ nhiệm ông Diệm làm thủ tướng.

Trong cuốn hồi ký *Le Dragon d' Annam*, trang 328, ông Bảo Đại đã cố tình không nói rõ những áp lực này dù những vận động chính trị của các nước liên hệ đến chính tình Việt Nam lúc đó, (xem thêm *Bên Giòng Lịch Sử 1940-1975*, ấn bản Hoa Kỳ, của Cao Văn Luận). Một cách thật tinh tế, để nói lên áp lực của người Mỹ, ông Bảo Đại đã cho biết rằng “*Sau khi gặp ông Foster Dulles để cho ông ta biết dự án của tôi, tôi đã gọi ông Diệm đến và nói rằng: (“Après m’ être entretenu avec Foster Dulles, pour lui faire part de mon projet...”)*. Sự kiện trước lúc lấy một quyết định nội bộ quan trọng (chỉ định một thủ tướng) mà vị nguyên thủ quốc gia **phải hội ý với Ngoại Trưởng của Mỹ** (không như trước đó, Bảo Đại đã chỉ định 5 thủ tướng không cần phải qua “thủ tục” này) đã chứng tỏ áp lực của Mỹ quả thật có tác dụng lên quyết định của Bảo Đại. Hơn nữa, ngay ở trang 329 sau đó, Bảo Đại còn viết thêm:

“Thật vậy từ nhiều năm nay, ông ta được nhiều người Mỹ biết và thích nhờ tính cứng rắn. Dưới mắt họ, ông Diệm là người hùng

phù hợp một cách đặc biệt cho hoàn cảnh hiện tại, vì vậy mà Hoa Thịnh Đốn không ngần ngại gì mà không ủng hộ ông ta. (En effet, depuis de nombreuses années, il était connu des Américains qui appréciaient son intransigeance. À leurs yeux, il était l'homme fort convenant particulièrement à la conjoncture, aussi Washington ne lui ménagerait pas son appui).

Nêu lên nhận định này, Bảo Đại ngầm cho ta biết **sự can thiệp của người Mỹ trong quá trình chọn lựa Ngô Đình Diệm** làm thủ tướng của ông là một sự can thiệp có thật. (Những người không hiểu rõ cá tính của ông Bảo Đại và ông Diệm, lại không nắm vững những vận động quốc tế cũng như nội bộ Việt Nam lúc bấy giờ đã nhầm lẫn và không hiểu rõ được sự can thiệp này nên đã hiểu sai luôn những biến cố lịch sử sau đó là lẽ dĩ nhiên.)”

Sự kiện ông Diệm được Vatican và Mỹ ủng hộ là một yếu tố quan trọng xoay chuyển lịch sử Việt Nam trong chiến tranh Quốc Cộng nên tôi cần trích dẫn ra dưới đây những đoạn sách khá tin của các ký giả, nhà văn nổi tiếng Anh, Mỹ để thêm tài liệu cho các nhà nghiên cứu sử sau này.

Theo John Cooney thì Giáo Hoàng Pius XII (1939-1958) muốn Hồng Y Spellman vận động với Hoa Kỳ tham dự vào chánh tình Việt Nam và ủng hộ cho Ngô Đình Diệm cầm quyền tại nước này:

“**Theo Malachi Martin**, một giáo sĩ Dòng Tên đã từng làm việc tại Vatican trong những năm Mỹ gia tăng sự tham dự vào Việt Nam, thì lập trường của Hồng Y Spellman hợp với ý của Giáo Hoàng (in accordance with the wishes of the Pope...) Giáo Hoàng muốn Hoa Kỳ ủng hộ Diệm vì Ngài bị ảnh hưởng của Giám-mục Thục là anh của Diệm. **Ông Martin xác nhận rằng:** “*Giáo Hoàng lo ngại Cộng Sản sẽ bành trướng thêm làm suy hại đến Giáo Hội. Giáo Hoàng đã nhờ Hồng Y Spellman khuyến khích người Mỹ can dự vào Việt Nam.*” (*The American Pope*, John Cooney, tr. 241, 242).

Vì vậy Spellman đã bắt tay vào việc điều động kỹ càng một chiến dịch xây dựng chế độ Diệm (carefully orchestrated campaign to prop up the Diem regime). Spellman và Kennedy cũng thành lập một tổ chức ở Hoa Thịnh Đốn để vận động cho Diệm. Chiêu bài vận động là Chống Cộng và Thiên Chúa Giáo (the rallying cries were anti-Communism and Catholicism). Sách đã dẫn, trang 242.

Tháng 10 năm 1950, hai anh em Thục Diệm gặp các viên chức Bộ Ngoại Giao tại khách sạn Mayflower ở Hoa Thịnh Đốn, có sự

tham dự của Dean Rusk . Diệm và Thục được Linh-mục McGuire và giáo sĩ chính trị gia (political churchmen) đặc trách chính sách Chống Cộng thập tùng, đó là Cha Emmanuel Jacque, Giám-mục Howard Carroll và Edmund Walsh của Đại Học Georgetown. Mục đích của cuộc gặp gỡ là để tìm hiểu tình hình Việt Nam và để xác định lập trường chính trị của hai anh em Diệm-Thục. *Hai anh em tin rằng Diệm đã được an bài để cai trị đất nước* (Both Diem and Thuc believed that Diem was destined to rule his nation). *Sự kiện giáo dân Việt Nam chỉ chiếm mười phần trăm chẳng làm cho hai ông bận tâm.* (The fact that Vietnam's population was only ten percent Catholic mattered little as far as the brothers were concerned...) như Diệm đã nói trong bữa ăn tối rằng hai lập trường không lay chuyển của ông ta đã quá rõ ràng. *Ông tin rằng vào quyền lực của Tòa Thánh và ông chống Cộng kịch liệt* (He believed in the power of the Catholic Church and he was virulently anti-Communist). Sách đã dẫn, trang 241.

Thật vậy, ngoài cuốn **“The Ameican Pope - The Life and Times of Francis Cardinal Spellman”** của John Cooney do Times Books phát hành, trong quyển “Vietnam - Why did We go?” của Avro Manhattan (trang 58, ấn bản 1984), chuỗi sự kiện này cũng đã được trình bày rõ ràng:

Tạm dịch: “*Hồng Y Spellman đã giới thiệu ông Diệm với ông William O. Douglas., Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện. Ông này lại giới thiệu ông Diệm với ông Mike Mansfield và ông John F. Kennedy, cả hai đều là Thượng Nghị Sĩ the Thiên Chúa Giáo. Ông giám đốc CIA Allen Dulles cũng đã đỡ đầu cho ông Diệm - tiếp theo quyết định của anh ông ta là (Ngoại Trưởng) John Foster Dulles.và của Hồng Y Spellman, người đại diện của Giáo Hoàng Phêrô XII. Ông Diệm đã được họ tuyển chọn, ông sẽ là người cầm đầu chính phủ Nam Việt Nam.*

Sau khi lấy quyết định xong, ông (Ngoại Trưởng Mỹ) Dulles khuyến cáo chính quyền Pháp hãy nói với Bảo Đại bổ nhiệm ông Diệm làm thủ tướng. Vì lúc bấy giờ đã có quyết định bỏ Việt Nam nên Pháp đồng ý. Ông Diệm trở thành thủ tướng vào tháng 6 năm 1954. Ngày 19 cùng tháng đó, Bảo Đại phong cho ông Diệm toàn quyền, không những quyền kiểm soát dân sự mà còn cả quân sự nữa trên toàn quốc. Ông Diệm về tới Sàgòn ngày 26 tháng 6 và thành lập chính phủ vào ngày 7 tháng 7 năm 1954.”

Những bí ẩn lịch sử trên đây cho ta thấy ngay từ trước năm 1950

ông Diệm vì không thể cộng tác được với Pháp và cựu hoàng Bảo Đại nữa nên hướng về Hoa Kỳ mà cuộc vận động nhíp nhàng của **Vatican và cơ quan CIA** đã đưa ông thành công với chức vụ thủ trưởng khi Pháp thất bại tại Điện Biên Phủ. Bấy giờ thì ta thấy rõ ràng tại sao trên đường xuất ngoại vào năm 1950 hai ông Diệm và Thục lại gặp giáo sư Wesley Fisher tại Nhật Bản, một nhân viên cao cấp của Tình Báo Trung Ương Mỹ, tại sao trong “Bên Giòng Lịch Sử” Linh-mục Cao Văn Luận khoe khoang: “*Có thể nói rằng nếu không có Cha Houssa, thì số phận Việt Nam không chừng đã khác*”, tại sao khi đến Saigon thăm lính Mỹ, Hồng Y Spellman tuyên bố: “*Các bạn chiến đấu cho văn minh Thiên Chúa Giáo*”. Từ nay ông Diệm trở thành người lính tiền đồn ngăn chặn Cộng Sản cho Vatican và Hoa Kỳ.”^{iv} [Ngưng trích sách **Việt Nam máu Lửa Quê Hương Tôi**]

4.- Trong bài viết “*Bài Học Chiến Tranh Việt Nam Nhìn Từ Hậu Trường Chính Trị Hoa Kỳ*” đăng trong cuốn Sự Thật (Đặc San Xuân Đinh Sửu 1997), ông Lương Minh Sơn cho chúng ta một cái nhìn rõ ràng và đầy đủ về bàn tay của Giáo Hội La Mã trong việc chạy chọt cho ông Ngô Đình Diệm về cầm quyền ở Việt Nam. Dưới đây là mấy đoạn văn quan trọng nói về những việc làm của Giáo Hội ở Hoa Kỳ trong những cố gắng chạy chọt với Hoa Kỳ cho ông Diệm về Việt Nam cầm quyền.

“Năm 1861, người Pháp đem quân đội và tôn giáo vào để cai trị Việt Nam nhưng năm 1954, người Pháp chỉ có thể triệt thoái quân đội mà không có một kế hoạch thỏa đáng để cứu vãn tình thế cho giáo dân Việt Nam đã từng đặt niềm tin nơi người Pháp. Trong lúc hồi tưởng về những ngày cuối cùng ở miền Bắc, Đại-tá Vanuxem của Quân Đội Viễn Chinh (Pháp) đã kể lại những lời lẽ trách cứ của Giám-mục Phạm Ngọc Chi, một người bạn thân của Vanuxem, khi đơn vị của ông sửa soạn rút khỏi giáo phận Bùi Chu, như sau:

“*Chúng tôi cứ tưởng rằng chúng tôi xứng đáng được hưởng sự độc lập (1) mà chúng tôi đã có bổn phận góp công giúp đỡ, nhưng đến khi nhận ra thì đã quá muộn. Những người mà chúng tôi đã trông cậy lại là những kẻ thù đang muốn chúng tôi bị mất linh hồn*” [VAN, Tr. 158-159].

Ở Vatican, Đức Giáo Hoàng Pius XII có lẽ cũng đã dự đoán được tình trạng cực kỳ nguy hiểm cho giáo dân Việt Nam một khi quân đội Pháp rút khỏi miền Bắc, nên kể từ cuối thập niên 1940, Ngài đã khuyến khích Đức Hồng Y Francis Joseph Spellman vận động

chính phủ Hoa Kỳ sửa soạn can dự vào Việt Nam. Điều này có thể là một thách thức không nhỏ đối với những người chuyên nhìn trên phương diện tôn giáo thuần túy. Tuy nhiên, dưới khía cạnh chính trị, ngoài nhiệm vụ lãnh đạo đời sống tâm linh của giáo dân trên thế giới, Đức Giáo Hoàng của Thiên Chúa Giáo La Mã (The Roman Catholics) còn có trách nhiệm đại diện cho Hội Đồng Giáo Hội (The Council) và quốc gia Vatican để phản ảnh quan niệm và phát huy ảnh hưởng chính trị của Tòa Thánh đối với thế giới. Thành thử, muốn tìm hiểu về quan niệm và ảnh hưởng chính trị của quốc gia Vatican trong cuộc chiến tranh “Quốc Cộng” ở Việt Nam nói riêng, và trong cuộc Chiến Tranh Lạnh nói chung, lịch sử cần nhìn lại quan điểm chính trị của một số giáo hoàng, bắt đầu từ Đức Giáo Hoàng XII.

Giáo Hoàng Pius XII tên thật là Eugino Pacelli, sanh năm 1876 ở Ý Đại Lợi. Năm 1930, Ngài được cử làm Ngoại Trưởng cho Đức Giáo Hoàng XI (1922-1939). Năm 1933, Ngài lập công lớn với Tòa Thánh vì đạt được thỏa hiệp dung hòa với Phát Xít Đức (The 1933 Concordat). Theo thỏa hiệp này, Tòa Thánh coi như sẽ không phát biểu ý kiến về tình hình chính trị của Đức Quốc Xã, chẳng hạn như chuyện Đức Quốc Xã đang chuẩn bị giương máy chiến tranh cho Đệ Nhị Thế Chiến. Ngược lại, Đức Quốc Xã coi như sẽ tôn trọng thực thể và chủ quyền của Tòa Thánh. Sau này, trên đường tiến vào thôn tính thủ đô La Mã, thiết đoàn chiến xa Panther của biệt đội SS Phát Xít Đức phải chệch thành hai đường đi vòng qua Tòa Thánh thay vì có thể san bằng để băng qua, nếu họ muốn.

Trong suốt cuộc Đệ Nhị Thế Chiến, quan điểm của Đức Giáo Hoàng Pius XII về đường lối tiến tới hòa bình là duy trì tư thế trung lập cho Tòa Thánh đối với mọi phe lâm chiến. Tuy nhiên, lịch sử thế giới Tây Phương chỉ trích Ngài nặng nề nhất là vì Tòa Thánh đã không lên án Đức Quốc Xã khi quốc gia này thẳng tay tàn sát 6 triệu người Do Thái, và vì Tòa Thánh đã không tận dụng khả năng để che chở cho những người Ý gốc Do Thái khi mật vụ SS Đức lùng bắt họ ở Ý Đại Lợi.

Khi một số giới chức lãnh đạo Tây Phương khuyên Joseph Stalin, chủ tịch Đảng Cộng Sản Nga Sô nên cho người Thiên Chúa Giáo La Mã giảng đạo tự do ở Nga để lấy lòng Đức Giáo Hoàng, Stalin hỏi, “Đức Giáo Hoàng? Đức Giáo Hoàng có mấy sư đoàn?” [WIN], [CDQ]. Năm 1949, Đức Giáo Hoàng Pius XII kêu gọi giáo dân trên thế giới đứng lên chống lại chủ nghĩa Cộng Sản, và đồng thời tuyên bố “phạt tuyệt thông” (excommunicate) tất cả những giáo dân

nào theo Cộng Sản [CUP, Pope Pius XII].

Nhưng, tại sao chính trị lại có tôn giáo, và tôn giáo lại có chính trị? Tổng Thống Richard M. Nixon (1969-1974) đã từng nói: “Mặc dù người Cộng Sản là những người vô thần nhưng chủ nghĩa Cộng Sản lại là một tôn giáo với hơn một phần tư tín đồ trên thế giới,” [NIX, chg. 5]. Thành thử, ngoài vấn đề “an ninh phòng thủ” cho Hiệp Chúng Quốc, sự bành trướng của khối “tôn giáo vô thần” Cộng Sản trong thập niên 1950 còn là một mối đe dọa trực tiếp đến ảnh hưởng của Vatican nói riêng, và của khối Thiên Chúa Giáo hữu thần nói chung. Giáo-sĩ Malachi Martin, người đã từng phục vụ trong Tòa Thánh Vatican cũng đã xác nhận. “Đức Giáo Hoàng (Pius XII) lo ngại Cộng Sản sẽ bành trướng và làm suy hại đến uy tín của Giáo Hội,” [COO, Tr. 241-242].

Nhưng quan điểm của quốc gia Vatican có ảnh hưởng gì đến chiến tranh Việt Nam? Các dữ kiện của đầu thập niên 1950 cho thấy **Ngô Đình Diệm được Đức Giáo Hoàng Pius XII gửi gắm cho Đức Hồng Y Spellman dẫn qua Hoa Kỳ để vận động chính trị** vì quan niệm tôn giáo nhiều hơn là quan niệm cho phép một quốc gia nhược tiểu như Việt Nam được sống lại sau hơn 80 năm bị đô hộ.

Tháng 10 năm 1950, Đức Hồng Y Spellman, Linh-mục McGuire, và ba nhân vật Ủy Viên Chính Trị (political churchmen) của một số giáo phái Thiên Chúa Giáo ở Hoa Kỳ như Cha Emmanuel Jacque, Giám-mục Carroll và Giáo-su Edmund Walsh đưa Ngô Đình Diệm và Đức Cha Ngô Đình Thục đi gặp một số nhân viên của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ tại Khách Sạn Mayflower ở Washington. Ông Dean Rusk là một trong những nhân vật của Bộ Ngoại Giao có mặt trong buổi cơm tối hôm đó. Sau này, ông Rusk làm Ngoại Trưởng từ năm 1961 đến 1969. Mục đích của cuộc gặp gỡ xã giao này là để chính phủ Hoa Kỳ tìm hiểu về tình hình Việt Nam và để xác định lập trường của ông Diệm và Đức Cha Thục. **Sự kiện 90% người dân Việt Nam không phải là tín đồ Thiên Chúa Giáo không làm cho ông Diệm quan tâm vì ông đã tuyên bố trong bữa cơm tối hôm đó rằng ông “tin tưởng vào quyền lực của Vatican và ông chống Cộng một cách cực lực,”** [COO. Tr. 242].

Với hai yếu tố vì tôn giáo và vì chống Cộng, ông Diệm được Đức Hồng Y Spellman tiếp tục giới thiệu với William O. Douglas, Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện, Thượng Nghị Sĩ Mike Mansfield, Thượng Nghị Sĩ John F. Kennedy, Allen Dulles, Giám Đốc Trung Ương Tình Báo CIA, và anh của ông Dulles là Ngoại Trưởng John

Foster Dulles [MAN, Tr. 58]. Từ đó, ông Diệm trở thành con đũa sỏ gần như mỹ mãn trong bài toán chính trị của một phe phái có ý muốn can dự vào Việt Nam:

1.- Chính sách đối ngoại đang đòi hỏi **Hoa Kỳ phải xây dựng một thành trì chống Cộng** ở Việt Nam.

2.- Ngoại Trưởng John Foster Dulles đang muốn **tìm một lãnh tụ chống Cộng theo khuôn mẫu đạo đức và xã hội Thiên Chúa Giáo**.

3.- Đức Hồng Y Spellman đang cần Hoa Kỳ thay thế Pháp ở Việt Nam, và cũng **cần một giáo dân trung kiên như ông Diệm để lãnh đạo công cuộc chống Cộng như lời kêu gọi của Đức Giáo Hoàng Pius XII**.

Điều còn lại sau cùng cho kế hoạch chính trị hỗn hợp này là làm thế nào để giải thích cho Hội Đồng Chính Phủ và Quốc Hội Hoa Kỳ về kinh nghiệm chính trị và khả năng lãnh đạo của ông Ngô Đình Diệm? Tổng Thống Eisenhower cũng chỉ có thể trấn an Hội Đồng Chính Phủ bằng câu nói, “Trong đám mù, thẳng chột làm vua.” [HER]. Điều này cho thấy: một là ông Diệm không có một thành tích chính trị nào đáng kể, hai là ông Diệm không có khả năng lãnh đạo, hoặc ba là người Mỹ hoàn toàn không biết gì về ông Diệm.

Đầu năm 1954, Ngoại Trưởng John Foster Dulles khuyến dụ Pháp khuyên nhủ Báo Đại bổ nhiệm ông Ngô Đình Diệm về Việt Nam làm thủ tướng.”^v [Ngung trích tài liệu của Lương Minh Sơn]

* * *

Tạm kể ra bốn tài liệu trên đây để độc giả thấy rằng **vai trò của Giáo Hội trong việc chạy chọt với Hoa Kỳ cho ông Diệm lên cầm quyền ở Việt Nam** nhằm để làm tay sai phục vụ cho quyền lực và quyền lợi của Vatican.

Để cho kế hoạch này được thành công, tất cả những tin đồ của Giáo Hội tùy theo khả năng đều được huy động để góp công vào việc vận động với chính quyền Hoa Kỳ làm áp lực với chính quyền Pháp và Quốc Trưởng Bảo Đại để đưa ông Ngô Đình Diệm về Việt Nam làm thủ tướng. Từ bà Ngô Đình Nhu ra vào thủ thi với ông Bảo Đại, Bà Nam Phương Hoàng Hậu với tình chẵn gối trong chốn phong the, khối dân Kitô La Mã người Pháp cùng với đảng Da-tô Mouvement Republique Populaire (MRP) do ông Da-tô George Bidault làm đảng

trưởng cho đến các ông Hồng Y Spellman, Thượng Nghị Sĩ John F. Kennedy, Thượng Nghị Mike Mansfield, Dân Biểu Walter Judd, ông Tòa Tối Cao Pháp Viện William Douglas đều được huy động để vận động vào việc làm áp lực với các thế lực liên hệ để cho ông Diệm về Việt Nam cầm quyền.

Về việc tín đồ Da-tô có thế lực Pháp và đảng Da-tô MRP của Da-tô Georges Bidault vận động cho ông Da-tô Ngô Đình Diệm được đưa lên cầm quyền, sách **Việt Sử Khảo Luận** kể lại lời cựu Luật-sư Trần Văn Tuyên với nguyên văn như sau:

“Đur luận Việt Nam thường coi ông Ngô Đình Diệm là “người của Hoa Kỳ” và việc ông lên cầm quyền là do Hoa Kỳ thúc đẩy.

Thực ra, ông Ngô Đình Diệm không phải là “con ngựa” của Hoa Kỳ mà là “người cung” của Pháp hay đúng hơn của một đảng Công Giáo Pháp, “Mặt Trận Bình Dân” (M.R.P.), mà lãnh tụ là Bidault, bộ trưởng ngoại giao, trưởng phái đoàn Pháp ở Hội Nghị Geneve.

Năm 1953, ông Diệm được nhóm chính trị Công Giáo Pháp - Việt ở Paris mời về Pháp để “tính toán” công việc với Bidault. Khi Bảo Đại giải tán chính phủ Nguyễn Văn Tâm (tháng chạp 1953), Pháp (của đảng Da-tô MRP - NMQ) muốn vận động cho ông ta về làm thủ tướng Việt Nam. Tuy nhiên, những người tay chân của ông trong nước đã hành động vụng về hấp tấp, khi họ muốn lợi dụng Phong Trào Đại Đoàn Kết để đưa ông lên cầm quyền (muốn dùng tất cả giáo phái Cao Đài – Hòa Hảo và nhóm Bình Xuyên để làm hậu thuẫn cho ông Diệm chống Bảo Đại). Vận động đó thất bại, Bảo Đại không dùng ông Diệm mà cử ông Bửu Lộc ra lập chính phủ thay ông Nguyễn Văn Tâm.

Trước những khó khăn nội bộ cũng như trước trách nhiệm nhận chia đôi đất nước, Bửu Lộc xin từ chức, giữa lúc Hội Nghị Genève tới chỗ bế tắc (trung tuần tháng 6/1954), Bidault lại tấn công Bảo Đại, yêu cầu ông chỉ định Ngô Đình Diệm làm thủ tướng, Bảo Đại ngần ngừ. Ngày 12/6 (1954), Bảo Đại đánh điện triệu tôi và Đại-tá Lê Văn Kim xuống Cannes để hỏi công việc. Ông ra tận sân bay Nice để đón chúng tôi. Sau khi nghe báo cáo về tình hình hội nghị, ông hỏi tôi: “Bửu Lộc từ chức. Pháp (của đảng Da-tô MRP – NMQ) đề nghị ông Ngô Đình Diệm lập chính phủ. Hoa Kỳ có ủng hộ ông Ngô Đình Diệm hay không?”

Tôi trả lời: “Không thấy các đại biểu Hoa Kỳ nói gì về ông Diệm và xin về Genève hỏi ý kiến các bạn Hoa Kỳ của chúng tôi trong Hội

Nghị Genève.”

Đây là một câu trả lời của nhân viên cao cấp Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ khi tôi hỏi về ông Ngô Đình Diệm: “Ông Diệm và anh ông là Thục có đến thăm Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ. Sau khi nói chuyện, chúng tôi đều đồng ý là nên để ông giám mục làm chính trị và nhà chính trị làm giám mục thì đúng hơn. (ý nói ông Diệm không xứng đáng bằng cha Thục). Về ông Bedell Smith, thì cho chúng tôi biết: “Hoa Kỳ không ủng hộ một cá nhân ai cả, sẵn sàng ủng hộ chính phủ quốc gia chánh thức chống Cộng, dù ai cầm đầu cũng được.”^{vi}

Về việc Vatican vận động bà Nam Phương Hoàng Hậu thủ thi với Quốc Trưởng Bảo Đại bổ nhiệm ông Diệm là Thủ Tướng được, ông Đại Mạc viết trong Nguyệt San *Người Dân* số 77 (tháng 1/1997) như sau:

"Lại cũng có ký giả ngoại quốc (Bernard Fall) viết rằng chính bà Nam Phương, do khuyến cáo của giáo hội, đã bảo đảm với ông Bảo Đại để ông giao chính phủ cho ông Diệm. Ông Diệm đã quỳ lạy thề cùng cả hai người là trung thành với nhà Nguyễn. Sự phản bội của ông Diệm khiến bà Nam Phương giận giáo hội, và đã tự tử để chứng tỏ bà không còn thuộc giáo hội nữa. Ông ký giả lập luận rằng, trong y bạ, bà Nam Phương không hề có triệu chứng về tim. Mà bà lại mất bất ngờ, đến nỗi chính ông Bảo Đại cũng không hay biết gì. Tuy ông Bảo Đại vợ nọ con kia, nhưng vẫn là người chồng cha tốt với gia đình chính thức cũng như rất hiếu đễ với mẹ." ^{vii}

Tóm lại, ngay từ mùa hè năm 1950, **Giáo Hội La Mã đã chạy chốt lo lót với các nhân vật quyền thế trong chính quyền Hoa Kỳ** để cùng với Giáo Hội làm áp lực với chính quyền Pháp và Quốc Trưởng Bảo Đại đưa ông Ngô Đình Diệm lên làm thủ tướng chính phủ của chế độ Bảo Đại. Sự thật là Hoa Kỳ đồng ý với Vatican trong việc dùng áp lực với chính quyền Pháp và với Quốc Trưởng Bảo Đại để đưa ông Ngô Đình Diệm về Việt Nam cầm quyền với toàn quyền dân sự và quân sự. Sự kiện này cho ta thấy rõ Liên Minh Thánh Mỹ - Vatican đã được thành lập kể từ đây. Cái Liên Minh Thánh này được sử gia Chính Đạo tức Vũ Ngự Chiêu gọi là “**Cuộc Thánh Chiến Chống Cộng**”. (Houston, TX: Văn Hoá, 2004).

Nhận xét về vai trò của Vatican trong việc vận động Hoa Kỳ đưa ông Ngô Đình Diệm về Việt Nam cầm quyền, rất nhiều sử gia và chính khách thời bấy giờ đều cùng một nhận xét đại khái như sau:

Nếu không có Hồng Y Francis Spellman và những tín đồ Kitô có thế lực và ảnh hưởng lớn trên sân khấu chính trị ở Pháp như ông

Georges Bidault cũng như các chính khách Hoa Kỳ vốn là những con chiên của Giáo Hội như các ông Thượng Nghị Sĩ John F. Kennedy, Thượng nghị Sĩ Mike Mansfield, Dân Biểu Walter, Thẩm Tỏi Cao Pháp Viện William Douglas, Ngoại Trưởng John Foster Dulles, Giám Đốc Cơ Quan Tình Báo Trung Ương (CIA) là ông Allen W. Dulles đỡ đầu, thì Hoa Kỳ có thể đã đưa một trong các ông Phan Quang Đán, Phan Huy Quát, Trần Văn Tuyên, Nguyễn Tường Tam và Nguyễn Hữu Trí lên làm thủ tướng rồi. Lý do dễ hiểu là **ông Ngô Đình Diệm không những đã có thành tích phản quốc đối với nhân dân Việt Nam, mà lại không có tài năng chính trị, không có thành tích cách mạng và cũng không có một uy tín nào đối với nhân dân Việt Nam** và nhân dân Hoa Kỳ. Cũng vì thế mà sau khi đưa ông Diệm lên cầm quyền rồi, Tổng Thống Eisenhower mới bị nhiều người cật vấn khiến cho ông lúng túng mà đành phải tuyên bố rằng "*Trong đám thằng mù, thằng chột sẽ làm vua.*"

Hoa Kỳ có ngờ đâu sau khi đưa "*cái thằng chột*" Ngô Đình Diệm này về làm vua ở Miền Nam Việt Nam thì nó lại làm hỏng hết cả chương trình viện trợ của Hoa Kỳ cho mục đích chống Cộng và làm mất hết đi cái ý nghĩa cao đẹp của lý tưởng tự do dân chủ mà nhân dân Hoa Kỳ hằng theo đuổi từ khi phát động cuộc chiến Cách Mạng (1776-1783) đánh đuổi Đế Quốc Thực Dân Anh để giành lại quyền tự chủ và quyền tự do bất khả nhượng của Trời đã ban cho. Tất cả cũng chỉ vì "*cái thằng chột*" Ngô Đình Diệm mang căn bệnh cuồng tín về tín ngưỡng, chỉ biết nghe lệnh Vatican, theo đuổi "*chính sách bất khoan dung*" đối với các thành phần thuộc tam giáo cổ truyền của dân tộc, tiến hành "*kế hoạch Da-tô hóa*" miền Nam Việt Nam bằng bạo lực, cho nên chính sách viện trợ của Hoa Kỳ cho Miền Nam mới rơi vào thảm cảnh đau thương nhất trong lịch sử ngoại viện của Hoa Kỳ. Sự kiện này được ông Lương Minh Sơn nói rõ như sau:

"Năm 1971, dựa theo tập tài liệu "Hồ Sơ Ngũ Giác Đài", bình luận gia Neil Sheehan có đúc kết một phần nhận định về chính quyền của Tổng Thống Ngô Đình Diệm như sau: "Ngay từ những ngày đầu, chính cá nhân của Tổng Thống Diệm và quan niệm chính trị của ông đã làm giảm thiểu hiệu năng của chính quyền... Được trưởng thành trong một gia đình vừa cuồng tín theo Thiên Chúa Giáo, vừa mang nặng tính cách phong kiến của giai cấp quan lại thống trị, ông Diệm là một người độc đoán, cố chấp, thơ lại, đa nghi và câu nệ về phương diện luân lý. Tinh thần của ông là tinh thần của một "Spanish Inquisitor"..., "một loại hung thần của Tây Ban Nha thời

Trung Cổ, [SHE, Trg 70-72].”^{viii}

Phần trình bày trên đây cho chúng ta thấy rõ ràng là ngày từ năm 1950, Vatican đã sử dụng tất cả những tín đồ Da-tô của Giáo Hội có thể lực ở Hoa Kỳ, ở Pháp và cả bà Nam Phương Hoàng Hậu để vận động đưa ông Ngô Đình Diệm về Việt Nam cầm quyền để làm tay sai cho Giáo Hội. Dĩ nhiên, khi đưa ông Diệm về Việt Nam cầm quyền, Hoa Kỳ cũng đã coi ông Diệm như là một thứ làm tay sai cho Hoa Kỳ và coi miền Nam như là thuộc địa của Hoa Kỳ. Đây là sự thật lịch sử và sự thật này không những các nhà viết sử chân chính đều khẳng định như vậy, mà ngay cả bọn văn nô Da-tô như Tú Gàn (một bút hiệu của cựu thẩm phán Nguyễn Cần) cũng phải nhìn nhận sự thật này bằng mấy đoạn văn dưới đây:

*“Coi miền Nam như thuộc Mỹ: Cảm tưởng đầu tiên của chúng tôi khi đọc Công Điện mang số Deptel 243 và các tài liệu tiếp theo của chính phủ Hoa Kỳ là **Washington coi miền Nam như thuộc địa của Mỹ.***

Nước Pháp ngày xưa khi đến đô hộ miền Nam và “bảo hộ” miền Bắc và miền Trung Việt Nam đều có ký hiệp ước với Triều Đình Huế. Đến năm 1887, Pháp hợp Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, và Cao Mên lại thành Liên Bang Đông Dương (Union Indochinoise) do một Toàn Quyền Đông Dương (Gouverneur Général de l’Indochine) ở Hà Nội cai trị và đặt dưới quyền của Bộ Thuộc Địa (Ministère des Colonies). Các quan lại ở tỉnh đều đặt trực thuộc một Công Sứ (Résident) Pháp.

Đầu năm 1956, do áp lực của Mỹ, Pháp đã phải ký thỏa ước với Việt Nam rút Quân Đội Pháp khỏi miền Nam trước ngày 30/6/1956. Nhưng đến ngày 26/4/1956, Quân Đội Pháp đã rút hết khỏi miền Nam. Ngày 26/4/1956, Pháp tuyên bố bãi bỏ chức Cao Ủy Đông Dương và ngày 28/4/1955 tuyên bố giải tán Bộ Tư Lệnh Pháp tại Đông Dương. Người Mỹ âm thầm vào thay Pháp.

Tuy chính phủ Mỹ không hề ký với các chính phủ Việt Nam một hiệp ước nào về “quyền bảo hộ” như chính phủ Pháp đã ký trước đây, nhưng Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã tự động biến thành Bộ Thuộc Địa để áp đặt mọi chính sách và đường lối lên trên miền Nam và Đại Sứ Mỹ tại Sài Gòn nghiêm nhiên trở thành Toàn Quyền Đông Dương hay Cao Ủy Mỹ tại Đông Dương, thường được người Việt gọi là “Quan Thái Thú”. Các lãnh sự Mỹ ở tỉnh cũng đóng vai trò của các Công Sứ Pháp. Một số đã tình nguyện làm lính Khố Xanh (Gardes Indigènes) hay lính Khố Đỏ (Tirailleurs) cho Mỹ. Trạm CIA (CIA Station) của Mỹ tại Sài Gòn đã hoạt động giống hệt Sở Mật Thám

hay Sở Liêm Phóng Đông Dương (Service de Sureté Générale de L'Indochine của Pháp ngày xưa!

Chúng tôi xin nhắc lại: Năm 1963, khi tiếp Đại sứ Frederick Nolting, ông Diệm có nói: “**Chúng tôi không muốn thành một xứ bảo hộ của Hoa Kỳ.**”^{ix}

Qua mấy đoạn văn trên đây, chúng ta thấy được hai điểm: **Thứ nhất**, ông Da-tô Tú Gàn trách móc người Hoa Kỳ đã coi miền Nam như là thuộc địa của Hoa Kỳ. **Thứ hai**, ông Tổng Thống Da-tô Ngô Đình Diệm nói với Đại-sứ Hoa Kỳ Frederick Nolting rằng: “*Chúng tôi không muốn trở thành một xứ bảo hộ của Hoa Kỳ.*” Sự kiện này chứng tỏ rằng (1) cả hai ông Da-tô Ngô Đình Diệm và Tú Gàn đều không học sử Việt Nam (quốc sử) và sử thế giới, và (2) cả hai ông Da-tô này đều thiếu thông minh.

Vì không học quốc sử cho nên hai ông Da-tô này không biết lấy chuyện ông vua Lê Chiêu Thống để suy ra thân phận ông Da-tô Ngô Đình Diệm. Vào cuối năm 1788, khi Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc dẹp tên ma đầu chính trị Nguyễn Hữu Chỉnh, Lê Chiêu Thống bỏ trốn Thăng Long chạy sang Tàu cầu cứu nhà Thanh đem quân sang Việt Nam tái lập vương quyền cho ông ta. Đáp lời cầu cứu của Lê Chiêu Thống, Vua Càn Long sai Tôn Sĩ Nghị, Tổng Đốc Lương Quảng, đem 280 ngàn quân Tàu đưa Lê Chiêu Thống về Thăng long cho ngồi vào ngai vàng, nhưng hàng ngày chính nhà vua và Lê Quỳnh cùng mấy chục tên lính hầu phải thân hành đến phủ của Tôn Sĩ Nghị ở Tây Long Cung để châu chực, chờ nhận lệnh cho phép làm gì thì mới được làm. Sự kiện này ông Hoa Bằng kể lại trong cuốn *Quang Trung Nguyễn Huệ Anh Hùng Dân Tộc 1788-1792* với nguyên văn như sau:

“*Dẫu được người Thanh “ban” cho danh hiệu hờ, vua Lê vẫn khép nép e dè, không dám đường hoàng trên văn thư dùng niên hiệu Chiêu Thống, mà vẫn phải để hiệu Kiên Long nhà Thanh (bấy giờ là năm Kiên Long thứ 53 tức năm Mậu Thân 1788).*”

Hằng ngày, Chiêu Thống cưỡi ngựa đi trước, Lê Quỳnh cưỡi ngựa theo sau, với vài chục lính hầu, cong cóc sang Tây Long Cung, nơi Sĩ Nghị đóng, châu chực công việc quân quốc. Có khi Chiêu Thống tiến yết, Nghị không tiếp, chỉ sai người đứng dưới gác chuông, truyền ra bảo vua Lê rằng: *Nay không có việc quân quốc gì, hãy cứ về cung mà nghỉ.*”^x

Trong những năm 1950-1954, Vatican cho người dẫn ông Da-tô Ngô Đình Diệm sang Mỹ, sang Pháp rồi lại sang Mỹ để khẩn khoản

nhờ Mỹ đưa về Việt Nam cầm quyền. Nhưng phải chờ tới khi có hoàn cảnh thuận tiện Mỹ mới thực hiện được. Mãi tới mùa xuân năm 1954, lúc đó, quân dân Việt Nam sắp đánh bại Liên Quân Xâm Lăng Pháp – Vatican tại tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, Mỹ mới ra tay hành động, gửi Đại-Tá tinh báo Edward G. Lansdale tới Việt Nam dọn đường, rồi tới ngày 26/6/1954 mới đưa ông Diệm về Sài Gòn cho ngồi vào ngôi vị thủ tướng với toàn quyền về quân sự và dân sự, dĩ nhiên là dưới quyền chỉ đạo của Mỹ.

Trường hợp này của ông Da-tô Ngô Đình Diệm được Mỹ đưa về ngồi vào ghế thủ tướng ở Sài Gòn và tổng thống trong những năm 1954-1963 giống y hệt như trường hợp Lê Chiêu Thống được nhà Thanh đưa về Việt Nam cho ngồi vào ngôi vua ở Thăng Long vào cuối năm Mậu Thân 1888. Có một điều hơi khác là vào thập niên 1950, người Mỹ tương đối khôn khéo và tế nhị hơn Tôn Sĩ Nghị:

Tôn Sĩ Nghị đòi hỏi Lê Chiêu Thống hàng ngày phải thân hành đến phủ Tôn Sĩ Nghị để châu chực việc quân quốc. Người Mỹ khôn ngoan hơn, họ để cho anh em ông Diệm và các tu sĩ Da-tô được nắm trọn quyền quản lý nhân dân miền Nam miễn là đừng quá trốn khiến cho họ mang tiếng là thủ phạm tạo nên một thứ Spanish Inquisitor ở miền Nam Việt Nam vào giữa thế kỷ 20. Còn họ, họ lo việc biến miền Nam thành tiền đồn chống Cộng ở Đông Nam Á Châu và biến đạo quân đánh thuê người Việt do người Pháp để lại thành một đạo quân hùng mạnh nhất trong vùng này để đánh thuê cho họ trong việc đối phó với phong trào Cộng Sản đang dâng tràn từ phương Bắc.

Thế nhưng anh em ông Diệm và các ông tu sĩ Da-tô không nhớ lời quan thầy Mỹ đã dặn rằng đừng quá trốn. Vì thế họ mới hăng say theo đuổi **chính sách Ki-tô hóa miền Nam bằng bạo lực**, tàn sát hơn 300 ngàn người dân không chịu theo đạo Da-tô ở những vùng hẻo lánh xa Sài Gòn, và công khai bách hại Phật giáo ở ngay cố đô Huế, ở ngay Sài Gòn và ở nhiều nơi khác trên toàn lãnh thổ. Vì thế chính phủ Mỹ mới ra lệnh cho ông Đại Sứ Frederick Nolting đến Dinh Gia Long ra chỉ thị cho ông Tổng Thống Da-tô Ngô Đình Diệm phải ngưng tức khắc chính sách bách hại Phật Giáo và không được tiến hành kế hoạch Ki-tô hóa nhân dân miền Nam bằng bạo lực nữa. Do đó mới có chuyện ông Diệm nói với ông Đại Sứ Hoa Kỳ Frederick Nolting rằng: *“Chúng tôi không muốn thành một xứ bảo hộ của Hoa Kỳ.”*

Sự thật rõ ràng là như vậy, mà cả ông Da-tô Tú Gàn, tức Lữ Giang, tức cựu thẩm phán Nguyễn Cần lại không nhìn ra. Phải chăng

vì thiếu thông minh hay vì không học quốc sử và không học lịch sử thế giới, cho nên ông ta mới không nhìn ra vấn đề này? Dù là ở vào trường hợp nào đi nữa, trong thực tế, ông Tú Gàn cũng ở vào tình trạng chậm hiểu về cái thân phận của ông Da-tô Ngô Đình Diệm, và chính ông Da-tô Ngô Đình Diệm cũng thiếu thông minh, cho nên mới không nhìn ra cái thân phận của ông trong những năm 1954-1963 không khác gì thân phận của Lê Chiêu Thống vào cuối năm Mậu Thân 1788. Hậu quả là anh em ông đã phải đền tội trước nhân dân Sài Gòn vào sáng ngày 2/11/1963.

Nếu năm 1889, người Pháp có thể đưa Thành Thái lên làm vua bù nhìn tại triều đình Huế để làm cảnh trang trí cho nền thống trị của họ ở Việt Nam, thì năm 1907 họ cũng có thể phế bỏ ông ta khi thấy rằng ông ta trở mồi nghe lời xúi giục của thằng Việt gian Ca-tô Ngô Đình Khả ngã theo Vatican chống lại người Pháp trong mưu đồ giành thế thượng phong trong bộ máy cai trị tại Việt Nam. Tương tự như vậy, nếu năm 1954, **người Mỹ đã có thể đưa tên phản thần tam đại Việt gian Ngô Đình Diệm lên cầm quyền ở miền Nam để làm tay sai cho họ trong nhu cầu biến miền Nam thành tiền đồn chống Cộng ở Đông Nam Á, thì năm 1963, họ cũng có thể lôi ông xuống hay khử diệt ông khi họ thấy rằng ông đã tỏ ra khăng khăng chỉ biết phục vụ cho quyền lợi của Vatican mà bất cần đến uy tín và quyền lợi của họ**, đúng như lời Giáo-sư Lý Chánh Trung ghi nhận:

“ông đã tưởng mình có thể nhảy vào vòng tay người Mỹ trong một giai đoạn ngặt nghèo rồi thoát khỏi vòng tay đó khi tình hình sáng sủa hơn, ông đã tưởng có thể chấp nhận làm con cò trong một ván cờ rồi ngay trong ván cờ đó, có thể tự động đi một nước cờ riêng của ông.

Khi ông nhìn thấy đó chỉ là ảo tưởng thì đã quá trễ: Ông đã chết vì ảo tưởng đó. Và cái chết bi thảm của ông cho thấy một sự thật hết sức tầm thường: Không một con cò nào có thể tự động đi một nước cờ cho riêng nó, dầu con cò đó mang tên Ngô Đình Diệm, và không một nước nhỏ nào có thể lợi dụng một nước lớn, nhất là nước đó mang tên Hoa Kỳ.”^{xi}

Nguyễn Mạnh Quang

[Trích từ tác phẩm *Lịch sử và Hồ sơ Tội ác của Giáo hội Công giáo La Mã*, Phần 5, Mục VIII]

Cước chú:

- i. Nguyễn Xuân Thọ. *Bước Mở Đầu Của Sự Thiết Lập Hệ Thống Thuộc Địa Pháp Ở Việt Nam 1858-1897* (Santa Ana, CA: Tác giả xuất bản, 1998, trang 17, 86-87 và 361.
- ii. Stanley Karnow, *Vietnam: A History* (New York: Viking Press, 1983), p 217.
- iii. Joseph Buttinger, *Vietnam: A Dragon Embattled*, Vol. II (New York: Frederick A. Praeger, 1967) pp, 846-848.
- iv. Đỗ Mậu, *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi* (Wesminster, California: Văn Nghệ, 1993), trang 87-91.
- v. Lê Hữu Dân, *Sự Thật - Đặc San Xuân Đình Sứ 1997* (Fremont, California, 1997), trang 23-24.
- vi. Hoàng Cơ Thụy, *Việt Sử Khảo Luận - Cuốn 5* (Paris: Nam Á, 2002), tr. 2621-22.
- vii. Đại Mạc. “*Báo Đại Đòi Tư Và Đòi Công*” Người Dân số 77 tháng 1/1997.
- viii. Lê Hữu Dân. Bđd., tr 27.
- ix. Tú Gàn. “*Ra Lệnh Đảo Chánh*” Sài Gòn Nhỏ, Số 568, phát ngày ngày 2/22/2007, phổ biến trên nhóm điện thư SAIGON_9 ngày 1/11/2007.
- x. Hoa Bằng. *Quang Trung Nguyễn Huệ Anh Hùng Dân Tộc 1788-1792* (Glendale, CA: Đại Nam, không đề năm xuất bản), tr.171.
- xi. Lý Chánh Trung, *Những Ngày Buồn Nôn* (Sài Gòn: Đối Diện, 1971), tr. 137.

HÔNG Y FRANCIS SPELLMAN VÀ CHIẾN TRANH VIỆT NAM

Trần Thị Vĩnh Tường

SOLDIERS NEVER LOSE

Người dân Mỹ biết tại sao họ tham chiến ở Pearl Harbor năm 1941, ở Triều Tiên năm 1950. Nhưng hình như họ không hiểu tại sao xứ họ lún vào “vũng lầy” chiến tranh Việt Nam từ 1954 đến 1975. Từ chiến trường Việt Nam xa xôi, quan tài liên tiếp trở về. Khi nốt nhạc chiêu hồn còn đang lơ lửng, bên nắm mồ phủ hoa và lá cờ đầy kịch tính, gia đình tử sĩ giật mình “Sự thật ở đâu? Người anh hùng không toàn thây kia nằm xuống cho ai?” Tướng McArthur nói “Old soldiers never die; they just fade away/Người lính già không chết; họ chỉ nhạt dần đi”. Có lẽ phải thêm “Soldiers never lose, but are betrayed/ Người lính không bao giờ thua trận/họ chỉ bị phản bội”.

Cựu quân nhân Việt Mỹ giống nhau một điểm: ồn ào nhận thua trận mà quên rằng:

Chỉ cấp lãnh đạo mới thua trận!

Chỉ cấp lãnh đạo mới phản bội!

Nhưng cấp lãnh đạo chiến tranh Việt Nam là ai?

Lúc người dân Mỹ khám phá ra rằng khi chấp nhận chiến tranh thì phải chấp nhận hy sinh nhưng Hồng Y Spellman chỉ muốn người “hy sinh” cho ngài, họ bắt đầu biểu tình trước nhà thờ St. Patrick và tư dinh của ngài ở New York. Lần đầu tiên tên một hồng y được đặt tên cho cuộc chiến, “*Spellman’s War.*” Những bài viết cay đắng về ngài khá nhiều. Có một điều người dân Mỹ “cay đắng” về cuộc chiến Việt Nam: đang từ một dân tộc anh hùng kiêu “vì dân diệt bạo”, họ trở thành hiệu chiến hiệu sát, trong khi đó, Vatican được tiếng là rao giảng hoà bình. Ý kiến của một cựu chiến binh “*Hơn 58,000 lính Mỹ không biết rằng họ chết ở Việt Nam cho Giáo Hội Ki-tô. Không đi lính, thì đi tù 5 năm. Biết vậy, tôi không đăng lính năm 1968. Tôi sẽ đi biểu tình chống chiến tranh và ngồi tù trong danh dự để thách đố những lão khoét của chính phủ về tình hình Việt Nam.*”

Điều đau của quân nhân Mỹ-Việt, từ tướng cho đến quân, trong

cuộc chiến Việt Nam: đào ngũ thì bị tù, muốn đánh cũng không được, muốn thua cũng không xong, muốn thắng lại càng khó! Chết uổng đời, sống bị phi nhò! Khi siêu quyền lực muốn kéo dài chiến tranh để tiêu thụ vũ khí, thì xác người chỉ là con số, Việt Nam là nắm mồi, chôn ai không cần biết.

Trong 28 năm làm hồng y, hồng y Spellman trực tiếp can dự vào cuộc chiến Việt Nam suốt 13 năm - từ 1954 đến 1967. Tuy có tới hơn ba triệu người Việt-Mỹ chết “Cho Ngài, Do Ngài và Vì Ngài”, mặc dù tên tuổi của ngài hình như còn rất xa lạ với người mình, ngoại trừ một số du học sinh ở Úc, Mỹ... những năm 1960, bật TV lên là thấy ngài.



Nhưng hồng y Spellman là ai?

Truyền thông Hoa Kỳ ghi chép đầy đủ cuộc đời và sự nghiệp hồng y Spellman (1889-1967). Quan điểm của những tác giả độc lập này khá khách quan, khi chỉ muốn tìm ra “sự thật”, tìm ra “mục tiêu tối thượng” của sự việc. Họ không tìm cách bào chữa/tâng bốc/đạp đổ nhân vật, mà chỉ phân tích mục tiêu cho cho ra lẽ. Tác giả Avro Manhattan còn cẩn thận viết “*Đề cập đến “giáo hội Ki-Tô” cuốn sách của tôi không nhằm đến những tin đồn thành, không biết chút xíu gì về những âm mưu toan tính nói trên, chỉ nói đến giới lãnh đạo cao cấp ở Vatican và những tu sĩ Dòng Tên*”.

Bài viết này chỉ nhật những chi tiết có liên quan xa gần tới chiến tranh Việt Nam, còn những sự việc khác như ngài là người đồng tính (homosexual), chiếm giải quán quân trong việc phát triển giáo hội qua việc xây dựng trường học Công giáo trên toàn thế giới, thành công vượt bậc trong kinh doanh “Knights of Malta”, thiết lập Ratlines giúp đám Nazis Đức Quốc Xã chạy trốn, thành tích quậy phá các xứ Trung Mỹ... không liên quan gì đến vận mệnh người Việt cả.

Có thể nói đường hoạn lộ của ngài thẳng băng như một cây thước kẻ.

1. VỀ TÔN GIÁO:

Năm 1911, chủng sinh Spellman/dòng Jesuits (tức dòng Tên), 22 tuổi tu học ở Rome được hân hạnh kết bạn rất thân với Hồng Y Eugenio Pacelli. Hồng y gọi yêu cậu là “Frank hay Franny”. Trong 7

năm, hồng y Pacelli đi khắp thế giới đều mang Frank theo, từ leo núi Alps đến bãi biển Hy Lạp. Tháng 7-1932, Frank được phong làm giám mục giáo phận Boston, thủ đô tiểu bang Massachusetts. Chính hồng y Pacelli, lúc đó là bộ trưởng ngoại giao, tấn phong cho Frank trong một buổi lễ trọng thể cử hành ở đền thờ Thánh Phêrô/St. Peter's Basilica ở Vatican, Frank mặc áo lễ màu vàng chói mà hồng y Pacelli mặc năm xưa. Lần đầu tiên một giám mục Hoa Kỳ được hân hạnh này, giáo dân Boston nở nang mặt mũi.

Tháng 3-1939, hồng y Pacelli được bầu làm giáo hoàng Pius XII. Đúng tám tuần lễ sau, giáo hoàng Pius XII phong cho Spellman làm Tổng giám mục New York, giáo phận giàu có nhất Hoa Kỳ. 20 năm sau, hồng y Spellman biến New York thành giáo phận giàu nhất thế giới. Cùng năm 1939, Spellman được phong chức *tổng tuyên úy quân đội*: cái vé tối danh dự đặt giám mục Spellman trên đỉnh *mạng lưới siêu quyền lực gồm siêu quý tộc/tài phiệt/chính trị/tình báo/quân sự liên quốc gia có tên Sovereign Military Order of Malta, viết tắt SMOM, hội viên phải được giáo hoàng sắc phong*. Nội cái tên không thôi đã nói lên mục đích của SMOM.

Năm 1946, giáo hoàng Pius XII phong Spellman chức hồng y. Không cần mọc cánh, ngài trở thành “thiên thần” giữa Vatican và bộ ngoại giao Mỹ. Ở Mỹ, người ta linh đình chúc tụng ngài là *American Pope*/Giáo Hoàng Hoa Kỳ. Ở Vatican, người ta gọi ngài là *Cardinal Moneybags*/Hồng Y Túi Tiền. Ngôi thánh đường Patrick ngài ngự được gọi chệch đi là “*Come-on-wealth Avenue*/Đại lộ Của Cái Nhào Vô” (thay vì “*Commonwealth*”), trở thành thời thượng. Ngài làm lễ cưới cho Edward Kennedy ở đó.

2. QUYỀN LỰC:

Đóng góp tài chánh của hồng y Spellman cho Vatican, tình bạn với Giáo hoàng Pius XII, vị trí chót vót trên đỉnh SMOM, quyền lực Spellman hầu như vô tận không ai dám đụng. **Bạn của ngài** nằm trong danh sách 100 người quan trọng nhất thế kỷ 20. Ngài giới thiệu với giáo hoàng Pius XII hàng loạt các nhà cự phú, biến họ thành *quý tộc Hiệp sĩ Malta*, không ai dám đụng tới. Hốt tiền chỗ này bỏ chỗ kia khéo léo như một bà chủ hội, dưới bàn tay Spellman mọi việc trôi êm. Thay vì nộp tiền niên liễm của Knights of Malta- *Hiệp sĩ Malta* vào tổng hành dinh SMOM ở Rome, Spellman chuyển tiền đó vào tài khoản riêng của hồng y Nicola Canali (1939-1961) bộ trưởng bộ ngoại giao Vatican. Vài câu hỏi yếu ớt vang lên, ngài không bận tâm

trả lời. Báo nào xa gần hơi “tiêu cực” về ngài, ngài cho lệnh các cửa hàng sang trọng khu Sak Fifth Avenue rút hết quảng cáo liền một khi. Thương xá *Sak Fifth/New York* chỉ là một tài sản khiêm nhường của ngài, cũng như tổng giám mục Ngô Đình Thục là chủ thương xá Tax/Saigon vậy.

Hồng y Spellman giúp Vatican 1 triệu đô la tài trợ Công đồng Vatican II nhưng ngài không hơi sức nào bầu bạn với những kẻ nghèo khổ. Tháng 3/1949, hai trăm phu đào huyệt nghĩa trang Calgary - rộng 500 mẫu mà ngài là chủ nhân - đòi tăng lương 20% từ 59.40 lên 71.40 \$USD (một tuần). Ngài không chấp nhận, ngày mím môi bắt các chủng sinh nhà thờ St. Patrick thay thế, đào huyệt chôn 1020 quan tài xếp lớp. Ngài đổ cho cái đám cùng khổ ấy là bọn... cộng sản. Mấy người vợ nghèo khổ của đám phu đào huyệt méo máo phân trần “Chồng tôi chỉ muốn tăng lương, không biết cộng sản là gì”.

3. VỀ CHÍNH TRỊ:



Cardinal Spellman hosting Presidential Candidates Kennedy and Nixon, Al Smith Dinner, 1960

Hồng y Spellman điều khiển thế giới bằng điện thoại. Ngài cho hay trước sẽ không ai viết được tiểu sử ngài, vì sẽ không bao giờ có dấu vết chứng từ. Ngài là cố vấn của năm đời tổng thống Mỹ từ 1933 đến 1967, từ Roosevelt, Truman, Eisenhower, Kennedy đến Johnson. Ngài là bạn thân với tướng William Donovan - xếp sòng OSS, tiền thân CIA. Donovan chỉ định Allen Dulles nối ngôi CIA, nên hai anh em nhà Dulles, bộ trưởng ngoại giao và

giám đốc CIA, cũng dưới tay ngài.

Một trong những người bạn danh giá là đại gia Joseph Kennedy, thân phụ của thượng nghị sĩ trẻ tuổi John Kennedy/tiêu bang nhà, Mass. Năm 1935, tài sản ông Kennedy đã lên tới \$180 triệu đô la, khoảng 3 tỷ bây giờ. Sau thế chiến II, một trong những chiến lược của Vatican trong việc ngăn chặn cộng sản bằng cách ủng hộ các ứng viên phe Dân Chủ Ki-Tô giáo. Đàng khi Vatican muốn có một tổng thống Ki-tô ở tòa Bạch Ốc, đúng lúc Joseph Kennedy muốn John Kennedy làm tổng thống. Giáo hoàng Pius XII gửi bác sĩ riêng

Riccardo Galeazzi đến gặp Spellman và Joseph Kennedy để thương lượng. Có tiền mua chức tổng thống dễ như mua bắp rang.

Những yếu tố trên chín mùi cùng lúc, Spellman dựa vào Vatican dựng lên hai tổng thống Ki-tô dân chủ đầu tiên: John F. Kennedy ở Washington D.C cũng như Ngô Đình Diệm trước đó ở Saigon.

Tài liệu ngoại quốc không có những chi tiết như trong bài viết “*Có phải Hoa Thịnh Đốn Đã Đưa Ông Diệm Về Làm Tổng Thống Đệ Nhất Cộng Hoà VN*” của Linh mục An-Tôn Trần Văn Kiệm. LM là người duy nhất ở gần ông Ngô Đình Diệm trong hơn hai năm ông Diệm ở Mỹ, Theo Linh mục, có ba người được hồng y Spellman bảo trợ, **nhận làm con nuôi**: hai linh mục Trần Văn Kiệm-Nguyễn Đức Quý và ông Ngô Đình Diệm.

(Ghi chú: **ông Ngô Đình Diệm có tới ba vị “cha nuôi” oai quyền một cõi: thượng thư Nguyễn Hữu Bài, Hồng y Spellman và trùm CIA Allen Dulles**)

Năm 1951, đang ở New York, Linh mục Trần Văn Kiệm, được điện tín từ Âu châu ra đón tổng giám mục Ngô Đình Thục và em là Ngô Đình Diệm tại phi trường Idlewild (phi trường Kennedy bây giờ). Sau đó Hồng y Spellman gửi ông Diệm trú tại nhà dòng các linh mục Maryknoll, New Jersey. Tuy được Hồng y Spellman giàu có bảo trợ, ông Diệm không được Hồng y cho đồng xu nào. Suốt hai năm, chỉ một mình Linh mục Kiệm thăm viếng, bao biện việc di chuyển, kể cả thuê khách sạn cho ông tiếp khách vì biết ông rất thanh bạch. Cho đến tháng 6/1953, ngày ông từ giã Hoa Kỳ qua Pháp gặp hoàng đế Bảo Đại trước khi về VN nhận chức thủ tướng, Linh mục Trần Văn Kiệm và năm người bạn còn chạy mua vội cho ông chiếc cà vạt màu xanh.

Tuy vậy, theo linh mục Trần Văn Kiệm, mãi đến giữa năm 1953, chính giới Mỹ chẳng biết gì về ông Ngô. LM TVKiệm viết:

- “*Có lần chính khách Mỹ phàn nàn với tôi: linh mục đề cao tư cách lãnh đạo của ông Ngô Đình Diệm, và cả Đức Cha Ngô Đình Thục cũng làm như thế, nhưng chúng tôi cần thêm chứng nhân, vì Đức Cha Thục là anh đề cao em thì có chi là lạ*”.

- “Mãi tới gần một tháng sau khi trận Điện Biên phủ nổ lớn ngày 13 tháng 3 năm 1954 (thất thủ ngày 26 tháng 6) và có lẽ cũng vì nghe lời Đức Hồng y Francis Spellman kêu gọi, ngày mùng 7 tháng tư năm 1954 tổng thống Eisenhower mới lên tiếng cảnh giác, khi ông xướng lên chủ thuyết Domino: “*Nếu Việt Nam sụp đổ trước sức tấn*

công Cộng sản quốc tế với Liên Xô và Trung hoa yếm trợ Hà nội, thì máy nước ở Đông Nam Á sẽ khó mà đứng vững được”.

HÔNG Y SPELLMAN DỰNG NÊN ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA VIỆT NAM

Một chân ở điện Capitol, một chân ở Vatican, hồng y Spellman ảnh hưởng cả tổng thống Mỹ, sai khiến được trùm CIA, hoạch định chính sách cho bộ ngoại giao, nên ngài yên chí sẽ được bầu làm giáo hoàng ở Vatican khi bạn thân ngài là giáo hoàng Pius XII qua đời. Không ngờ, ngày 28-10-1958, người được bầu là Hồng Y Angelo Roncalli, tức Giáo hoàng John XXIII. Hồng y Spellman giận lắm, nhieếc sau lưng ông: “Ông ta đâu xứng làm Giáo Hoàng, Ông đáng đi bán chuối/*He’s no Pope. He should be selling bananas*”.

Hồng y Spellman có vẻ như lập lại câu nói của Cesar “*Veni, Vidi, Vici*”. Những năm 1950, chính khách Mỹ nói về châu Á còn lọng cọng dở bản đồ, Spellman đã đi qua cả rồi. Năm 1948, ngài đỡ đầu cho linh mục Fulton Green qua Australia đọc diễn văn tại nhà thờ St. Mary’s ở Sydney. Spellman ghé Singapore và Bangkok, bay ngang Angkor Wat. Trên đường trở về Mỹ, trước khi bay qua Canton và Hongkong, ngài tiện chân ghé Saigon. Tổng giám mục Saigon người Pháp Jean Cassaigne có mời tổng giám mục Vĩnh-Long Ngô Đình Thục trong buổi tiếp đón ngày 25-5-1948: từ buổi “tiện chân” định mệnh này, số phận của dòng họ Ngô-Đình đã an bài.

Giới học thuật Mỹ - tôn giáo, chính trị, truyền thông, giáo dục - đồng ý dứt khoát 100% về vai trò của Hồng Y Spellman trong việc dựng lên tổng thống Ngô Đình Diệm. Xin chỉ giới hạn vào bốn tác giả mà sách của họ đã được thử thách với thời gian. Trong số bốn người này, hai là linh mục Ki-tô giáo:

- Theo **Wilson D Miscamble**, giáo sư môn sử/đại học Notre Dame/Indiana, trong bài viết “*Francis Cardinal Spellman and Spellman’s War*”, lý do người Mỹ nhúng tay vào chiến tranh VN bắt nguồn từ Chiến Tranh Lạnh kéo dài từ châu Âu. Dưới **ảnh hưởng vô cùng to lớn của Spellman**, chính giới Mỹ đều tin tưởng rằng sự bành trướng của khối Cộng Sản Liên Xô và đồng minh của họ, Bắc VN, là mối đe dọa trực tiếp nước Mỹ.

- “*The American Pope: The Life and Times of Francis Cardinal Spellman*”, tác giả **John Cooney** (cây bút của Wall Street Journal) viết: “*Nếu không có Spellman ủng hộ Ngô Đình Diệm hồi 1950, chắc chắn không có chính phủ miền Nam Việt Nam.*” Cooney dành

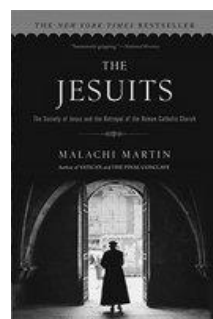
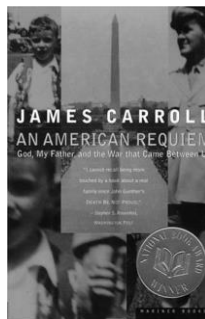
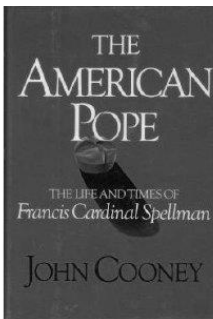
18 trang riêng về Spellman và Việt Nam. Tờ *Church & State* phê bình “dẫn chứng kỹ càng, tất cả người Mỹ nên đọc và học hỏi”

- “*An American Requiem/Kinh Cầu Hồn Nước Mỹ*”, tự truyện, tác giả **James Carroll** có bố là trung tá tình báo Pentagon: chuyên viên tìm toạ độ để ném bom ở Việt Nam, mẹ lại là bạn thân của hồng y Spellman. Ông viết “**Chiến tranh VN bắt đầu từ Spellman**”, sách bán-chạy nhất 1960-70, đoạt National Book Award for Non-Fiction (1996), giải thưởng cao quý nhất của văn học Mỹ. Carroll dành nguyên chương 8, “*Holy War/Cuộc Chiến Thần Thánh*” cho chiến tranh Việt Nam.

- Theo linh mục **Martin Malachi**: Spellman dẫn thân vào Việt Nam là theo ý muốn của **Giáo Hoàng Pius XII: muốn người Mỹ đưa ông Ngô Đình Diệm lên** vì ảnh hưởng của tổng giám mục Ngô Đình Thục.

[Ghi chú: Linh mục Malachi, giáo sư Giáo hoàng Học Viện Vatican (Pontifical Biblical Institute) từ 1958 đến 1964, cùng thời diễm chiến tranh Việt Nam. Ông là phụ tá, thư ký riêng, thông dịch viên cho hồng y Augustin Bea/dòng Jesuit và cho Giáo hoàng John XXIII. Ông ở cùng dinh với giáo hoàng John XXIII, được giao phó nhiều việc “nhật cảm”. Là linh mục dòng Jesuits/dòng Tên trong 25 năm, năm 1965 ông xin chấm dứt ơn kêu gọi, nghĩa là ra khỏi dòng Jesuits. Ông qua New York, sống lang thang làm bồi bàn, tài xế taxi, rửa chén. Hai năm sau ông bắt đầu kiếm ăn bằng viết sách. Cuốn nổi tiếng nhất: “*The Jesuits: The Society of Jesus and the Betrayal of the Roman Catholic Church/ Dòng Jesuit và Sự Phản Bội Của Giáo Hội La Mã*”].

(Cả ba cuốn *The American Pope*, *An American Requiem*, *The Jesuits* đều có trên amazon.com.)



Có thể tóm tắt: được các nhân vật tối cao của **lập pháp, tư pháp, tình báo, tài phiệt và tôn giáo Hoa Kỳ đã nâng đỡ, con đường hoạn lộ của ông quan Á Châu Ngô Đình Diệm** giống như truyện cổ tích Cô Bé Lọ Lem, ngoài trừ đoạn cuối.

1. 1951: tại New York, Hồng Y Spellman giới thiệu ông quan-tư lưu vong-Ngô Đình Diệm với chính giới Mỹ, gồm thượng nghị sĩ Michael Mansfield, thẩm phán tối cao pháp viện William O. Douglas, trùm CIA Allen Dulles, cha con Joseph Kennedy, tất cả là tín đồ công giáo.

2. 1954: CIA gửi Edward Landsdale qua Saigon hóa phép “trung cầu dân ý” trút phé Bảo Đại-ủng hộ thủ tướng NĐDiệm. Landsdale đề nghị tỷ lệ đắc cử là 70%, ông Diệm không đồng ý, đòi phải đạt được 92.2%, con số cao hơn cả số cử tri ghi danh.

3. 1955: Bộ Ngoại Giao gửi đoàn cố vấn dân sự qua Saigon (giáo sư Wesley Fishel/đại học Michigan cầm đầu) soạn cấu trúc cho an ninh, kinh tế, giáo dục, hành chính, **soạn cả hiến pháp cho Việt Nam Cộng Hòa**. Cơ quan USAID/Sở Thông tin Hoa Kỳ phát không tờ *Thế Giới Tự Do*, lò sản xuất những khẩu hiệu như “tiền đồn chống cộng, lý tưởng tự do, người quốc gia...”. USAID cũng bao dàn trọn gói luôn tờ *The Times* bằng tiếng Anh của ông Ngô Đình Nhu.

4. 1955: chính phủ Eisenhower tài trợ 20 triệu đô la cho quỹ [Roman] *Catholic Relief Services*, “Cơ Quan Viện Trợ Công Giáo”. Hồng y Spellman cũng đích thân viếng Saigon và tặng \$100,000 cho quỹ này, giúp tái định cư người di cư (có tài liệu ghi \$10,000). Từ đó mỗi năm, Hoa Kỳ viện trợ khoảng 500 triệu đô la một năm cho Việt Nam Cộng Hòa.

5. Ngoài cố vấn Mỹ chính thức tại dinh Độc Lập, Spellman còn gài điệp viên kiểm soát hai anh em ông Diệm-Nhu.

6. Từ đầu năm 1963, Spellman bắt đầu tách rời khỏi Ngô Đình Diệm khi chính phủ Diệm từ chối không cho **thêm** quân nhân Hoa Kỳ vào Việt Nam.

7. Ngày 7-9-1963 tổng giám mục Ngô Đình Thục rời Việt Nam qua Roma, bước lưu vong đầu tiên, không được giáo hoàng Paul VI tiếp. Ngày 11-9-1963 Ngô Đình Thục bay qua New York cầu cứu, hồng y Spellman lánh mặt đi Miami Beach/Florida dự lễ gắn huy chương.

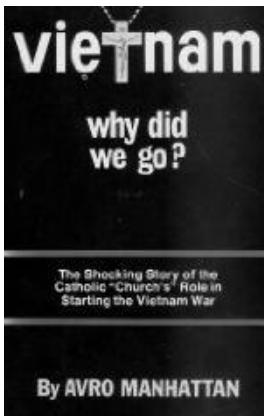
8. Ngày 1-11-1963: Spellman bật đèn xanh cho âm mưu dứt điểm con nuôi Ngô Đình Diệm. Từ đó, Spellman không hề nhắc đến tên Thục-Diệm thêm một lần nào nữa.

9. Spellman tiếp tục điều khiển guồng máy chiến tranh Việt Nam không-Diệm cho đến khi về hưởng nhàn thánh Chúa năm 1967.

Hồng Y hay đại tướng?

Đáng lẽ Hồng y Spellman phải theo nghiệp binh đao. Năm 1943, chỉ trong bốn tháng, ngài vượt 15,000 miles, đến 16 quốc gia vừa là đại diện của Vatican, vừa là tổng tuyên úy quân đội, vừa là đặc sứ của tổng thống Roosevelt. Ngài khéo léo luôn để Vatican đứng ngoài, và đứng trên chiến tranh. Ngài được West Point trao tặng huy chương. Ngài có bằng lái máy bay cả ở Italy lẫn Massachusetts.

Fidel Castro mô tả hồng y Spellman là “Giám mục của Ngũ Giác Đài, của CIA và FBI”. Tổng thống Mỹ còn sợ bị ám sát, Spellman thì không. Trong cuốn “*Vietnam... Why Did We Go?/Vì Sao Chúng Ta Đã Đi Việt Nam*” tác giả Avro Manhattan chứng minh “siêu quyền lực” giết tổng thống John Kennedy chính là Hồng y Spellman. Bản dịch tiếng Việt, có trên internet, dịch giả Trần Thanh Lưu.



Hậu thuẫn lớn của hồng y Spellman cho chính quyền Lyndon Johnson không phải ở châu Mỹ La Tinh, mà ở Việt Nam. Dù ở tuổi nào ngài cũng thích làm “anh là lính đa tình”. Ngài thường xuyên gặp gỡ các ông tướng ở tòa Bạch Ốc, có mặt tại những phiên họp mật của tình báo. Ngài họp với Ngũ Giác Đài, bàn cãi chiến thuật/chiến lược với hàng tướng lãnh. Phiên họp cuối ngài tham dự, tháng 3/1965, tại Carlisle một trường huấn luyện quân sự ở Pennsylvania. Ngài cho tiền các giáo hội địa phương, nguồn cung cấp tin tức vô tận. Khi cần ngài hỗ trợ cho CIA và FBI khiến hai cơ quan này khép nép dưới chân

ngài. Họ không sao có được mạng lưới rộng lớn, miễn phí và trung thành như giáo dân. Trong khi hồng y Spellman chỉ phán một câu, các giáo hội địa phương xa xôi nghèo nàn mừng mừng tủi tủi, vút cả tổ tiên ứng hầu thánh ý.

Linh mục William F. Powers viết “*Hình như Hồng Y Spellman đến Việt Nam để ban phép lành cho những khẩu đại bác, trong khi giáo hoàng John 23 đang năn nỉ phải cất chúng đi. Ngài sang thăm lính Mỹ ở Việt Nam trong binh phục kaki vàng. Có lần, vừa trở về từ mặt trận VN, “áo anh mùi thuốc súng” ngài lập tức bay đến Washington dùng cơm trưa với tổng thống Johnson, có cả mục sư Billy Graham (được coi như Giáo hoàng Tin Lành ở Mỹ). Tổng thống hỏi ý cả hai ngài bước kế tiếp phải làm gì. Trong khi mục sư Graham còn đang lúng túng giữ yên lặng, HY Spellman không ngần ngại, nói liền một câu lạnh căng “**Thả bom chúng! Chỉ việc thả bom chúng!**” Và Johnson đã làm theo lời cố vấn của ngài. [Thus, when Johnson asked both Spellman and Billy Graham at a luncheon what he should do next in Vietnam, Graham was uncomfortably silent. “Bomb them!” Spellman unhesitatingly ordered. “Just bomb them!”] And Johnson did]. Chúng là ai? Là người Việt. Chưa được đọc bài nào của tác giả Việt về câu nói kinh hãi này. Chỉ mới thấy tác giả Nguyễn Tiến Hưng giận dữ về câu “Sao chúng nó không chết phứt đi cho rồi” của ông Henry Kissinger.*

Billy Graham (1918-) đầu phải tay mơ. Ông được coi như “giáo hoàng Tin Lành,” cố vấn các tổng thống Mỹ từ đời Eisenhower đến G. Bush. Ông rất oai, quả trách tổng thống Richard Nixon như con cái trong nhà. Có lẽ thấy Spellman ngon lành quá, Graham bắt chước y chang khiến ông cũng rất nổi tiếng trong quân sự Hoa kỳ với lá thư 13 trang: Năm 1969 Graham đến Bangkok gặp gỡ vài “nhà truyền giáo” từ VN qua. Các đại diện Chúa sau khi làm dấu thánh giá, đề nghị nếu hội nghị hoà bình Paris thất bại, Nixon nên dội bom các đê điều ở Bắc Việt. Không rõ các nhà truyền giáo này kiêm điệp viên hay điệp viên kiêm nhà truyền giáo, họ là người Việt hay người ngoại quốc, thuộc dòng nào, từ đâu qua Bangkok gặp Graham... rất tiếc bản tin không nói rõ. Trở về Mỹ, Billy hăng hái gửi 13 trang viết tay đề ngày 15-4-1969 cho tổng thống Nixon “*dội bom các đê Bắc Việt Nam, chỉ trong một đêm thì kinh tế ở đó tiêu điều liền hà*”. Bức thư này được bạch hóa tháng 4/1989.

Tạ ơn Chúa, Alleluia!! “Dội bom đê điều” giết cả triệu dân là tội ác chiến tranh! Người Mỹ phải hành quân đáng mặt nước lớn. Họ

không quên án lệ Arthur Seyss-Inquart, luật sư người Đức, sĩ quan Phát xít của Hitler. Ngày 16-10-1946, tòa án quốc tế xử treo cổ ông này và 10 người khác vì phá hủy đê ở Hoà Lan trong thế chiến II. Trước khi chết, Seyss-Inquart còn nói kiêu sân khấu: “Hy vọng cuộc hành hình này là thảm kịch cuối cùng của thế chiến II mà bài học sẽ là hoà bình và hiểu biết giữa con người.” Từ tội xin “trở lại đạo”, được xưng tội và chịu đủ các phép bí tích. Kẻ cũng hay, giết người xong xưng tội là linh mục tha tội ngay, Chúa có tha không tính sau. Có hơi thắc mắc không biết ông có tái sinh làm Ki-tô hữu chưa.

Wilson D. Miscamble kết luận về “sự nghiệp” của hồng y Spellman như sau:

Lòng ái quốc mù quáng đã ngăn cản ông tự hỏi một điều rất quan trọng “mục đích của chiến tranh là gì?” Ông cũng không thêm biết đến “phương tiện và hậu quả”.

Ông không hề biết rằng những báo cáo của chính phủ về Việt Nam là lừa gạt.

Ông không bao giờ biết đến nhân mạng và tiền bạc trả cho cuộc chiến tính đến 1967.

Ông cũng không bao giờ phản đối cách nước Mỹ tiến hành cuộc chiến. Ngược lại ông là người cổ vũ việc ném bom Bắc Việt Nam.

Cuối cùng, ông không bao giờ tỏ ý hối tiếc về vai trò của ông. Sự thiệt hại nhân mạng do việc dội bom cũng không hề dấy lên trong ông bất cứ một tình cảm nào. Đó là điều đáng trách nhất, vì ông là một đảng chủ chân.

Theo nhà tranh đấu Lê Thị Công Nhân:

“Sự kiện 30-4-75 thì tôi không phải là chứng nhân của sự kiện đó vì tôi sinh ra vào năm 1979 nhưng với những gì mà tôi trực tiếp trải qua, và tôi chịu đựng trên đất nước Việt Nam, tôi thấy đây là 1 sự kiện hết sức đặc biệt và cá nhân tôi nghĩ rằng đây là sự an bài nghiệt ngã của Đức Chúa Trời dành cho dân tộc Việt Nam”.

Cứ dâng vạn nỗi đau thương lên cho Chúa, người cũng sẽ im lặng như ngàn năm nay, như khi dân Do Thái của Chúa bị tận diệt. Đồ cho Chúa, Việt Cộng mừng vì “Chúa an bài như thế, khỏi tranh đấu nữa”. Hồng y Spellman mừng, Cộng sản quốc tế mừng, tư bản mừng! Cứ làm đi rồi đổ hô cho Chúa. Nhưng một khi bom đạn và tổn thất sinh mạng cân đong đo đếm được thì nguyên nhân/thủ phạm cần phải được xem xét kỹ lưỡng. Dù không làm kẻ chết sống lại, người mù sáng mắt, nhưng ít ra học được vô số bài học. Nếu không, chắc

chấn quá khứ sẽ lập lại thêm lần nữa.

Có khi đang lặng lẽ xảy ra cũng nên!

Trần Thị Vĩnh Tường

[Nguồn: Tạp chí *Sài Gòn Nhỏ*, số 1265, ngày 22 tháng 10 năm 2010, Ấn bản Orange County, trang A1]

TRƯỜNG HỢP NGÔ ĐÌNH DIỆM – CÁCH MỸ CHỌN ĐỒNG MINH TẠI CHÂU Á

Lý Nguyên Diệm

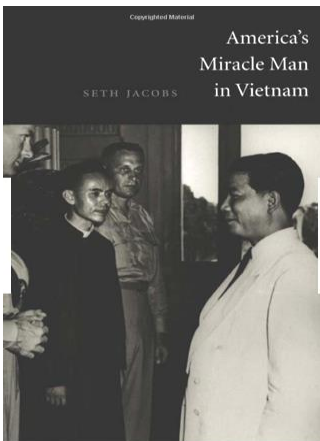
Cuộc chiến Việt Nam từ 1954 đến 1975 đã chia các tác giả Mỹ viết sách chính trị ra làm hai phe: Chống đối và Ủng hộ, mà họ mệnh danh là phái “chính thống” (*orthodox*) và phái “xét lại” (*revisionist*). Một cách tổng quát, phái Chính thống gồm những tác giả như **N. Chomsky, D. Halberstam, F. Fitzgerald, W. Fishel** với quan điểm nước Mỹ đã sai lầm khi can thiệp vào Việt Nam là một “đồng minh” bất lực. Phái Xét lại gồm những tác giả như **E. Hammer, N. Podhoretz, M. Moyar** thì chủ trương ngược lại. Điều đáng chú ý là những tác giả thuộc Chính thống lại gồm rất nhiều người trong quá khứ đã từng ủng hộ ông Ngô Đình Diệm như **J. Buttinger, M. Mansfield, D. Anderson** và ngay cả Hồng Y **Spellman** nhưng sau đó thì hoàn toàn thất vọng, thậm chí còn chống đối lại ông Diệm và chế độ của ông ta.

Cho một độc giả người Việt, những tác giả thuộc phái Xét lại thường phạm những lỗi lầm căn bản về văn hoá Việt Nam làm cho không còn muốn đọc tiếp. Lấy thí dụ của hai trường hợp tiêu biểu:

Thứ nhất là **Francis X. Winters**, giáo sư Đại học Georgetown, tác giả cuốn “*The Year of the Hare: America in Vietnam*”, University of Georgia Press xuất bản năm 1988. (Được hai ông cựu Bộ trưởng chế độ Diệm là Lâm Lễ Trinh và Tôn Thất Thiện, dĩ nhiên, hét lời ca ngợi). Sách này có những sai lầm như: Hồ Chí Minh sinh ở bên bờ sông Hương ở Huế, Thích Trí Quang là một luật sư thành công, đường mòn Hồ Chí Minh bắt đầu năm 1962. Ông Winters đã phải thú nhận những lỗi lầm sơ đẳng này khi bị một độc giả nêu ra trên tập san hữu khuynh *National Review* năm 1989. Điều đáng buồn là ngay cả cái tựa sách (“*The Year of the Hare*” -để chỉ năm Quý Mão, 1963) đã cho thấy tác giả không phân biệt được văn hoá Việt và Tàu.

Thứ hai là **Mark Moyar**, giáo sư Đại học Thủy quân Lục chiến

Mỹ, tác giả cuốn “*Triumph Forsaken: The Vietnam War 1954-1965*”, Cambridge University Press xuất bản năm 2006. (Cũng lại được ông Lâm Lễ Trinh khen ngợi hết lời). Cuốn sách này cũng chú trọng đến thời kỳ cai trị của Tổng thống Ngô Đình Diệm nhưng phân tích của tác giả thì quá súc nòng cạn. Khi nói về ông Ngô Đình Nhu, tác giả khen là “*một vị lãnh đạo tài giỏi, đã làm cho ông trở thành một trong những nhà tổ chức chính trị hữu hiệu nhất của Nam Việt-Nam.*” (trang 35) Người Việt Nam, kể cả trùm mật vụ Trần Kim Tuyền (trong sách “*Những Huyền Thoại và Sự thật về Chế độ NĐD*” của Vĩnh Phúc) cũng phải chê đảng Cần Lao, tổ chức Thanh Niên Cộng Hoà (TNCH) mà ông Nhu làm Thủ lĩnh. Nói về “hữu hiệu” thì ai cũng biết trong ngày đảo chánh 1/11/63, cả cái tổ chức TNCH ấy chỉ có một ông Cao Xuân Vỹ làm việc, còn Phong trào Cách mạng Quốc gia và nhất là đảng Cần Lao trước đó hết ra lửa thì nay hoàn toàn lặn đi đâu mất. Ba lực lượng chính trị do ông Ngô Đình Nhu “*tổ chức*” đó, khi chế độ lâm nguy và lãnh tụ bôn tẩu, thì tan như bọt xà phòng ! Còn cuộc đảo chánh giả *Bravo II* (giả để cho ông Nhu thay thế ông Diệm làm tổng thống) do chính ông Nhu tổ chức bằng cách dựa vào tướng Tôn Thất Đính thì tướng này đã bị Đại tá Đỗ Mậu “*tranh thủ*” rồi. Ngoài ra, cuốn sách dày 512 trang của Moyar phân tích chế độ Diệm mà chỉ nhắc tên ông Ngô Đình Thục 2 lần trong ... 2 dòng, trong khi nhà văn hoài Ngô của năm 2010 là Nguyễn Văn Lục cũng phải công nhận rằng hai người có trách nhiệm nặng nhất làm cho nhà Ngô sụp đổ là ông Giám mục Thục và bà Ngô Đình Nhu.



Ngô Đình Diệm, Religion, Race, and U.S. Intervention in Southeast Asia

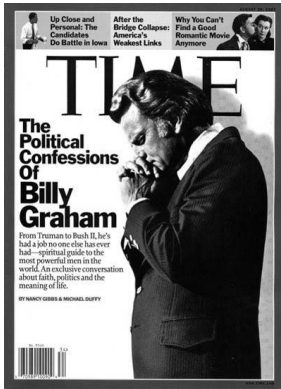
Với những tác giả như vậy trong phái Xét lại, tác phẩm của giáo sư **Seth Jacobs** đã xuất hiện như một hải đăng chững chạc chiếu sáng vào vùng sương mù của một cuộc tranh chấp đến nay vẫn còn nhiều tranh cãi.

Tác phẩm “*America’s Miracle Man in Vietnam – Ngo Dinh Diem, Religion, Race, and U.S. Intervention in Southeast Asia*” của tác giả Seth Jacobs, giáo sư Sử học tại Boston College, nguyên là một luận án tiến sĩ viết năm 1997. Sau đó, ông đã thu thập thêm tài liệu mới giải mật và cập nhật

hoá rời xuất bản cuốn sách này năm 2004 và tái bản năm 2006 (Duke University Press). Chủ đề của luận án này là lý do vì sao người Mỹ can thiệp vào Việt Nam và về sau đã trở thành một lỗi lầm tàn khốc cho “đồng minh” Việt Nam và cho chính cả nước Mỹ mà một nửa thế kỷ sau vẫn còn nhiều di chứng. Đó là một cái nhìn can đảm vì tác giả đã đề cập đến hai chủ đề “*không nên bàn cãi*”: Tôn giáo và Chủng tộc. Một cách tổng quát, luận án của Seth Jacobs gồm hai phần chính. Bốn chương đầu chứng minh chính sách ngoại giao của Mỹ sau Đệ Nhị Thế chiến bị ảnh hưởng bởi ba yếu tố: Tôn giáo, Chủng tộc và Chủ thuyết Cộng sản. Hai chương cuối phân tích tiến trình quyết định của chính quyền Mỹ đã dựa trên ba yếu tố đó để chọn ông Ngô Đình Diệm về Sài Gòn lãnh đạo một “*tiền đồn chống Cộng cho thế giới tự do*” của Mỹ.

Phần đầu của sách phân tích 3 yếu tố chỉ đạo của chính sách đối ngoại Mỹ sau thế chiến thứ Hai có thể tóm lược như sau:

■ Về **Tôn Giáo**, luân lý nước Mỹ được diu dắt bởi những khuôn mặt đáng nể như Mục sư Billy Graham (Tin Lành), Hồng y Francis Spellman (Công giáo). Mục sư Graham là bạn của 11 đời Tổng thống Mỹ, từ Eisenhower đến Obama, và sở hữu một đế quốc truyền đạo (evangelical empire) khổng lồ. Đặc biệt Hồng y Spellman, theo đúng đường lối chống Cộng sản triệt để của Vatican, nắm chức Tổng Tuyên úy của quân đội Mỹ. Khi qua Việt Nam năm 1955, dù chỉ là một chức sắc tôn giáo, ông được Tổng thống Diệm tiếp đón như một quốc khách với đại tiệc tại Dinh Độc Lập. Năm 1952, Kinh thánh bán được 26.5 triệu cuốn trên toàn nước Mỹ. Hai siêu đại gia trong ngành truyền thông là DeWitt Wallace và Henry Luce, đều là con các nhà truyền giáo Tin lành, và siêu đại gia thứ ba là Randolph Hearst Jr. đã sử dụng tối đa các cơ quan truyền thông để truyền đạo Chúa dù tờ báo của họ là *Life*, *Time*, hay *Popular Science*, *Mademoiselle*, *Fortune*. Tác giả Jacobs cũng đã dành nguyên một chương (số Bốn) để nói về bác sĩ quân y Tom Dooley là một người Công giáo cuồng tín, kỳ thị chủng tộc đã gián tiếp đẩy nước Mỹ dính vào với Việt Nam qua cuộc di cư năm 1954 trong hình ảnh một đại thảm họa Cộng sản đang ụp lên đầu những người Việt Nam (mà ông thường gọi là “dân Á Đông” (the Asians) yếu đuối, khờ dại, dốt nát).



Mục sư Billy Graham



Hồng Y Francis Spellman

■ Về **Chủng Tộc**, giữa thế kỷ 20, người dân Mỹ có một khái niệm rất mơ hồ về những quốc gia ngoài nước Mỹ. Nhất là các nước Phi châu và Á châu. Sự “mơ hồ” này đưa đến tình trạng *tổng quát hóa chủng tộc*, coi tất cả dân Phi châu là da đen (Black) và dân Á châu là da vàng mà người Mỹ gọi là “Asian”. Siêu đại gia Henry Luce đã khởi đầu tình trạng này bằng cách yểm trợ nhà văn James Michener xuất bản một loạt sách về Á châu để “dạy” người Mỹ những “sự thật” về một giống dân Á châu “*đơn giản, ngu dốt, vô chính trị*” chưa thể có khả năng để tiếp nhận và sử dụng những khái niệm của Tây phương như dân chủ, tự do, nhân quyền. Bên cạnh đó, Hollywood cũng sản xuất những phim như *The King and I*, *Sayonara*, *The Geisha Boy*, ... đưa ra hình ảnh những người Á Đông, chậm chạp, bán khai cần được “khai hoá”. Ngay cả cuốn “*The Quiet American*” nổi tiếng của Graham Green, được phe tiến bộ khen tặng nhưng khi nói về người tình Việt Nam của ký giả Fowler, tác giả cũng cho thấy một cô gái Việt Nam da vàng ngu ngơ và an phận.

■ Về **chủ thuyết Cộng sản** (đang được xây dựng ở Nga Sô và Trung Quốc) người Mỹ được giáo dục từ trong trường học ra đến cuộc sống thực tiễn rằng đây là hiểm họa lớn nhất của nước Mỹ về kinh tế (Tư bản chống Vô sản), về chính trị (Tự do, Dân chủ chống Độc tài, Độc đảng), về văn hoá (Tự do tư tưởng chống Kiểm duyệt tư tưởng), về tôn giáo (Hữu thần chống Vô thần), về quân sự (Bom A chống Bom A).

Phần thứ hai của cuốn sách đặt trọng tâm trên tiến trình chọn lựa đồng minh của Mỹ dựa theo ba tiêu chuẩn đã trình bày để hoàn tất chiến thuật “*ngăn chặn Cộng sản Nga Tàu*” (containment) của nhà ngoại giao George F. Kennan. Là đồng minh với Mỹ nghĩa là trước hết phải **chống Cộng**, thứ hai là phải **không có vấn đề chủng tộc**, thứ ba là theo một **tôn giáo mà người Mỹ cảm thấy thoải mái**.

Theo những tiêu chuẩn này, các nước Tây Âu da trắng theo đạo Thiên chúa và chống Cộng được coi như đồng minh hạng số một. Và Mỹ đã lập ra NATO (Tổ chức Minh Ước Bắc Đại Tây Dương) năm 1949 để làm trái độn cho Mỹ chống Nga Sô ở ngay bên cạnh các nước Tây Âu. Cũng phải nói thêm trường hợp nước Ý sau Đệ Nhị Thế Chiến, tuy có một đảng Cộng sản rất mạnh (năm 1970 vẫn có 1/3 dân Ý bầu phiếu cho đảng này), nhưng vẫn được Mỹ nhận cho làm hội viên của NATO là vì sự có mặt của Vatican tại La-Mã có khả năng hoá giải ảnh hưởng của chủ thuyết vô thần này.

Xong phần NATO chống Nga Sô đến phần chống Tàu, nước Mỹ sửa soạn một “*vòng đai ngăn chặn*” gồm 9 nước từ Nhật qua Hàn quốc xuống Đài Loan, Phi Luật Tân, Việt Nam Cộng Hoà, Indonesia, Thái Lan, Miến Điện và Ấn Độ. Trong 9 nước này, Ấn Độ là cựu thuộc địa của Anh quốc nên nước Mỹ không dính vào. Thái Lan và Miến Điện có đạo Phật là quốc giáo và Indonesia có đại đa số dân theo Hồi giáo làm cho thành phần thân Do Thái trong chính quyền Mỹ không muốn liên hệ chặt chẽ.

Chỉ còn lại Đài Loan, Phi Luật Tân, Nam Hàn, Việt Nam Cộng Hoà và Nhật bản. Theo tác giả Seth Jacobs, đây là những nước có **lãnh tụ chính trị theo đạo Thiên Chúa**, trừ Nhật, đã được chính quyền Mỹ chọn làm “đồng minh” dựa theo ba tiêu chuẩn kể trên, trong những năm đầu tiên của cuộc Chiến tranh Lạnh.



1. ĐÀI LOAN: Từ khi thay thế Tôn Dật Tiên làm Tổng thống Trung Quốc và Chủ tịch Quốc Dân đảng năm 1928, Thống chế Tưởng Giới Thạch phải cầm đầu cuộc chiến chống quân xâm lăng Nhật và cuộc nội chiến chống Cộng sản của Mao Trạch Đông. Một năm sau, ở tuổi 42, khi muốn cưới Tổng Mỹ Linh, vốn là con gái một nhà truyền giáo, Tưởng Giới Thạch đã **ly dị vợ rồi đổi từ một Phật tử thành tín đồ đạo Tin lành** (tương tự như ông

tướng Nguyễn Văn Thiệu bỏ đạo Phật theo đạo vợ). Và (cũng như ông Ngô Đình Diệm) họ Tưởng được báo Time năm 1931 đăng hình bìa nhiều lần và ca ngợi là “*nhân vật vĩ đại nhất của Viễn Đông*”. Ông được báo chí Tin Lành và Công giáo tranh nhau phỏng vấn (hệt như ông Diệm, họ ca ngợi Tưởng Giới Thạch là một người “*ngoan đạo và thánh thiện*”) đến nỗi nhiều nhà phân tích đã nghĩ là Tưởng Thống chế đang sử dụng tối đa chuyện đôi đạo của mình để lấy lòng dư luận Mỹ. Nhưng dù được sự ủng hộ triệt để về quân sự, kinh tế, chính trị và nhất là của giới truyền thông Mỹ, chế độ độc tài, tham nhũng quá độ của Tưởng Giới Thạch cũng đã đại bại trước Hồng quân của Mao Trạch Đông.

Năm 1949, Thống chế họ Tưởng xách tàn quân chạy qua ty nạn ở đảo Đài Loan, mơ một ngày về giải phóng Bắc Kinh không bao giờ trở thành hiện thực. Dù vậy, Tưởng Thống chế vẫn được Thiên Chúa giáo Mỹ tiếp tục bênh vực. Dân biểu Walter Judd, một cựu giáo sĩ từng truyền giáo bên Trung Quốc, đã không ngưng ngừng bênh họ Tưởng: “*Chúng ta không đòi hỏi kẻ thù phải cải tổ, nhưng với đồng minh thì chúng ta bắt phải có dân chủ, phải tôn trọng nhân quyền – ngay tức khắc. Dân Mỹ đã chờ 175 năm mới có được một nền dân chủ nhưng Nam Hàn, Đài Loan, Nam Việt Nam thì phải có dân chủ ngay tức khắc ... Đối với dân Á đông, đây quả là một sự khó hiểu. Tưởng Giới Thạch, không phải là một kẻ ngoại đạo, đã man mà là một con chiên của Chúa.*” Nhận xét cuồng tín này cũng không khác gì câu c ủa một ông Linh mục Việt Nam khác: “*Ông Thiệu là một người tôi kính phục, một người có tinh thần quốc gia cao độ và cương quyết chống Cộng. Ông Thiệu là một người Công giáo đạo đức, chủ nhật nào cũng đi nhà thờ xem lễ, và trước khi đi ngủ hai ông bà cùng nhau đọc kinh.*” (“*Bên Giòng Lịch Sử*”, Cao Văn Luận, trang 363)



2. PHI LUẬT TÂN: Ramon Magsaysay là một sĩ quan theo đạo Công giáo trong quân đội Phi Luật Tân. Ông đắc cử tổng thống năm 1953 với lập trường chống Cộng sản triệt để và đồng minh chặt chẽ với Mỹ. Tổng thống Magsaysay chết quá sớm trong một tai nạn máy bay năm 1957 nên khó có thể đi đến một kết luận rõ ràng về mối liên hệ giữa ông và Mỹ ngoài hai thành quả rất được người Mỹ ca tụng: Tiêu diệt lực lượng Phi Cộng *Hukbalahap* và giúp Mỹ thành lập *Tổ chức Minh*

ước Đông Nam Á (SEATO) vào năm 1954 để bao vây Trung Cộng. Magsaysay là một trong những trường hợp hiếm hoi mà liên hệ đồng minh của Mỹ có thể được coi như là thành công.

Kết quả này đến từ sự kiện ông Magsaysay đã đạt được cao điểm trong cả ba yếu tố chọn lựa đồng minh của Mỹ. Chính trị và truyền thông Mỹ ủng hộ ông tối đa vì hai yếu tố Công giáo và chống Cộng. Bên cạnh đó, yếu tố chủng tộc cũng không là một trở ngại vì sau ba thế kỷ rưỡi liên tục bị đô hộ bởi ba đế quốc Thiên Chúa giáo là Tây Ban Nha, Anh và Mỹ, nước Phi Luật Tân đã thành **một quốc gia không còn căn cước văn hóa đặc thù của chính mình nữa: Quốc gia này mất tên:** “Philippines” lấy từ tên của dòng họ *Philip* của các vua Công giáo Tây Ban Nha. Và **mất ngôn ngữ** vì tuy tiếng nói chính thức là *Tagalog*, nhưng cả nước, nhất là giai cấp tư trung lưu trở lên chỉ dùng tiếng Anh (ngay cả trong những hồ sơ chính thức), hệ quả của một chương trình giáo dục sâu đậm và rộng rãi của các **trường Giòng Công giáo** trong thời kỳ đô hộ giống như người Pháp đã cố gắng áp dụng ở Việt Nam. Tuy Phi Luật Tân làm tròn bổn phận “tiền đồn chống Cộng” cho Mỹ, nhưng xã hội Phi vẫn nổi tiếng với nạn đói diêm và tội ác xã hội dù hơn 80% dân Phi theo đạo Công giáo, người dân Phi vẫn nghèo đói dưới những chế độ độc tài, tham nhũng như Ferdinand Marcos.

3. NAM HÀN: Tổng thống Lý Thừa Vãn (Syngman Rhee) có khá nhiều điểm giống ông Ngô Đình Diệm. Ông xuất thân từ một gia đình quyền quý. Trước khi nắm chính quyền ông trải qua một thời gian ở Mỹ. Ông được chính quyền Mỹ ủng hộ vì đã đổi theo đạo Chúa (Tin Lành) và rất chống Cộng. Báo *Reader's Digest* tuyên dương ông là một “*nhà lãnh đạo Gia tô vĩ đại*”. Ông cũng được tướng Mỹ James Van Fleet, Tư lệnh Quân đoàn 8 của Mỹ ở Nam Hàn khen ngợi: “*Lý Tổng thống đã biến đổi một quốc gia lạc hướng và hỗn loạn thành một trong những tiền đồn chống Cộng hùng mạnh nhất thế giới*”. Tuần báo *Time* của đại gia Henry Luce so sánh ông với George Washington và, trong tinh thần “khai hoá” kiểu thực dân Tây, đã cho rằng dân trí Hàn Quốc chưa phát triển đến mức có thể có một nền dân chủ kiểu Jefferson của Mỹ. Năm 1945, Nhật bản bại trận, ông theo quân Mỹ về nước. Ba năm sau ông được bầu làm Tổng thống đầu tiên của Hàn Quốc như ông Diệm năm 1955. Trong thời kỳ nắm quyền, chế độ Lý Thừa Vãn cũng có một nét giống chế độ Diệm là **dùng lý do chống Cộng để đàn áp đối lập dù đó là những người đã từng**

cùng với ông kháng chiến chống đế quốc Nhật như Kim Ku, Yo Woon Young.



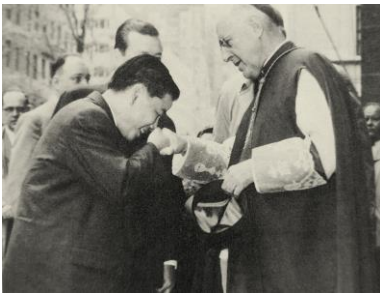
Lý Tổng thống có ba điểm khác căn bản với ông Diệm là (1) ông đã đổi từ gốc đạo Phật qua đạo Tin Lành, (2) chẳng những không hợp tác mà còn tham gia kháng chiến vừa chống Nhật vừa chống chế độ quân chủ của dòng họ Yi và bị đi tù 6 năm, và (3) khi bị dân chúng, sinh viên phản đối chế độ độc tài tham nhũng, ông từ chức và bỏ nước ra đi sống đời lưu vong ở Hạ Uy Di. Là vị lãnh tụ một quốc gia đứng đầu sóng ngọn gió với Bắc Hàn và Trung Cộng, Lý Tổng thống đầu độc tài tham nhũng bao nhiêu vẫn được người Mỹ bênh vực đến giờ phút chót như Tổng thống Thiệu của Việt Nam. Nghĩa là ông đã được một máy bay của CIA Mỹ đưa ông ra khỏi nước một ngày cuối tháng 4 năm 1960 (trước ông Thiệu đứng 15 năm) khi lực lượng biểu tình chống đối sắp tràn lên toà Bích Ốc (Blue House) để bắt ông xử tội độc tài và tham nhũng (Thứ trưởng Tài chính của ông, Kim Yong Kap, tiết lộ Lý Tổng Thống đã tham nhũng 20 triệu Mỹ kim). Điểm đặc biệt của Nam Hàn là sau kinh nghiệm đổ vỡ với Lý Thừa Vãn, những chính phủ quân nhân tiếp theo đã chẳng những không làm cho đồng minh Mỹ “tháo chạy” mà ngược lại, trong chuyến công du ngày 11/11/2010 mới đây, TT Obama đã tuyên bố tại thủ đô Seoul rằng sau gần 60 năm hợp tác: “*nước Mỹ sẽ không bao giờ từ bỏ trách nhiệm bảo vệ an ninh cho Nam Hàn.*” (“the U.S. ‘will never waver’ in its commitment to South Korea's security”)



4. NHẬT BẢN: Tháng 8 năm 1945, sau khi nước Nhật bại trận, tướng Douglas MacArthur dẫn quân đội Mỹ đặt bộ Tổng chỉ huy tại Đông Kinh. Một trong những điều đầu tiên ông tướng này làm là kêu gọi các nhà truyền giáo Tin lành và Công giáo hãy tích cực “*lấp đầy khoảng trống tâm linh*” của nước Nhật. Và ông đe dọa: “*nếu không lấp đầy nước này bằng Thiên chúa giáo*”

thì nó sẽ bị Cộng sản lấp đầy.” Ông nhấn mạnh: “nước Nhật không thể trở thành dân chủ nếu không có đạo Thiên chúa.” Ông Tướng này cũng nói thẳng rằng “nhiệm vụ của ông với tư cách là một Chiến sĩ của Chúa ... là phục sinh lại tôn giáo cho nước Nhật.” Hoàng tử Higashikuni, lãnh chức Thủ tướng đầu tiên của Nhật sau Đế Nhị Thế chiến, tuyên bố với một phái đoàn truyền giáo Mỹ rằng: “Chúng tôi cần một chuẩn mực đạo đức mới như của Chúa Giê-Su. Đạo Phật hay Thần đạo (Shinto) không bao giờ có thể dạy chúng tôi tha thứ cho kẻ thù.” Đọc câu tuyên bố này ta mới thấy được ông Thủ tướng Nhật đã hiểu rất rõ tiêu chuẩn “tôn giáo” của nước Mỹ để hạ mình đến mức chê cả đạo Phật và Thần đạo của quốc gia mình. Nhất là sau 54 ngày làm Thủ tướng, ông đã quyết định về hưu và lập một Thiền đường tên Higashikuni-kyo, và bị Bộ chỉ huy quân đội Mỹ đóng cửa. Nhưng nước Mỹ đã thất bại trong cố gắng thay đổi tôn giáo nước Nhật vì mối liên hệ quá chặt chẽ giữa văn hoá và đạo Phật của xứ Võ sĩ đạo này. Có phải để làm vui lòng nước Mỹ với những loại tướng như MacArthur, mà nước Nhật đã chấp nhận cho nhập cảnh hai môn thể thao dã cầu (baseball) và đá bóng (American football) không?

5. VIỆT NAM CỘNG HÒA: Qua bốn đồng minh trên của



Mỹ, ta có thể thấy ông Diệm từ Vatican bay đến Nữ Ước năm 1951 là “đúng người, đúng chỗ và đúng lúc” để được Mỹ chọn làm đồng minh trong cuộc chiến tranh lạnh chống Cộng sản. Ông là một con chiên Công giáo thuần thành có bảo đảm của Hồng y Spellman. Trong trường hợp ông Diệm, chỉ yếu tố tôn giáo đó mà thôi cũng đã đủ mạnh để thuyết phục người Mỹ về yếu tố chính trị (chống Cộng) và yếu tố chủng tộc (văn hoá Gia tô sẽ kéo dân tộc Việt đến năm ngoan ngoãn dưới cái dù vĩ đại của văn hoá Tây phương như các ông Cố Tây và các ông quan Tây Thực dân đã ráng thực hiện trong gần 100 năm trước đó). Và đây là một chìa khóa của sự sai lầm trong chính sách đối ngoại của Mỹ ở Việt Nam, ngay sau ngày thực dân Pháp bước chân ra và họ bước chân vào, khi họ nhầm lẫn về vai trò của một người lãnh tụ Công giáo cuồng tín trong một nước mà đa số người dân theo, hoặc chịu ảnh hưởng sâu đậm của, Phật giáo.

Theo tác giả Seth Jacobs, chìa khóa này lại bị kẹt cứng thêm nữa vì yếu tố thời gian. Nước Mỹ của Eisenhower, McCarthy, Spellman đã bị thay thế bởi nước Mỹ của Kennedy, Martin Luther King Jr. Điều oái oăm là sự kiện ông Kennedy được đắc cử tổng thống, dù là người Công giáo trong một quốc gia đa số dân theo Tin Lành, đã đem đến hậu quả là yếu tố Công giáo của TT Diệm trở nên không còn quan trọng lắm cho nước Mỹ nữa. Khi cử tri Mỹ chọn ông Kennedy vào chức Tổng thống năm 1960, họ đã bầu với tâm trạng “đạo nào cũng được”.

Ngược lại, trong khi yếu tố “chống Cộng” gia tăng tầm quan trọng khi Kennedy phải đối đầu với Krushchev qua vụ khủng hoảng đầu đạn nguyên tử ở Cuba sát nách nước Mỹ, thì ông Diệm và Nhu lại (vừa đàn áp Phật giáo vừa) đi gặp “đồng chí” Phạm Hùng và chứng cảnh đạo của ông Hồ Chí Minh trong dinh Độc Lập thì “đồng minh phải tháo chạy đồng minh” để yểm trợ cho “đảng Kaki” chống Cộng lật đổ Diệm-Nhu là một hậu quả không làm ai ngạc nhiên cả.

Thời gian cũng là một nhân tố làm cho yếu tố chủng tộc thay đổi. Từ chiến thắng đế quốc Anh bằng thuyết “bất bạo động” của Gandhi cho đến hình ảnh tù binh thực dân Pháp sắp hàng sau cuộc đại bại ở Điện Biên Phủ đã đem đến cho người dân Mỹ những suy tư khác (bạo động hay bất bạo động) về các dân tộc ở ngoài nước Mỹ. Đề thuyết phục người Mỹ về sự hiện hữu của những nền văn hoá ngoài Tây phương, người Mỹ của thập niên 1960 chỉ cần so sánh hình ảnh tàn bạo, dã man của cảnh sát Mỹ dẫn chó đi cắn những người da đen đi biểu tình ở ngay thủ đô Hoa Thịnh Đốn và hình ảnh tranh đấu bất bạo động của Hoà thượng Thích Quảng Đức trên truyền hình Mỹ.



Trong phần chót của chương kết luận, tác giả Seth Jacobs viết:
“Giữa những chính quyền nối tiếp nhau sau khi ông Diệm bị lật

đổ, chỉ có một nhân vật được Mỹ ủng hộ đã cầm quyền được lâu dài như ông Diệm: Nguyễn Văn Thiệu. Khoảng năm 1970, các ký giả Mỹ ở Sài Gòn thường nói giễu là chiến lược của Mỹ “Nồi hay chìm với Ngô Đình Diệm” đã biến thành ra “Đi đến cùng với Nguyễn Văn Thiệu”. Tổng thống Thiệu tuy là một chính trị gia mềm mỏng và ít cuồng tín hơn ông Diệm nhưng vẫn là một người theo đạo Công giáo. Cái yếu tố (tôn giáo) đã làm cho Mỹ từng quyết định ủng hộ vị tổng thống đầu tiên của Việt Nam Cộng hòa vẫn vương vất, dù kín đáo, cho đến nền Cộng hòa của vị tổng thống cuối cùng của miền Nam.”

Nghĩa là vẫn một chế độ loại “Diệm không Diệm” thì người Mỹ mới ủng hộ theo “yếu tố tôn giáo” của họ. Thực trạng cay đắng này cần được đối chiếu với một hiện trạng mà Samuel Huntington đã tóm lược một cách thông suốt:

“Các quốc gia ngoài khối Tây phương có những trở ngại khác nhau khi muốn đến với Tây phương. Ít trở ngại nhất là những nước Nam Mỹ và Đông Âu. Nhiều trở ngại là những nước theo đạo Gia tô nguyên thủy thuộc Nga Sô (của thời kỳ Chiến tranh Lạnh). Nhiều trở ngại nhất là những xã hội Hồi, Khổng, Ấn và Phật giáo. Riêng Nhật Bản đã tự tạo cho mình một vị thế đặc biệt trong vai trò một thành viên liên hiệp không chính thức: Tuy trong hàng ngũ của Tây phương ở một vài khía cạnh nhưng Nhật Bản rõ ràng không phải là Tây phương trong nhiều địa hạt quan trọng.” – The Clash of Civilizations, Foreign Affairs, Summer 1993).

Đọc xong tác phẩm này của giáo sư Seth Jacobs, người Việt Nam sẽ nhận chân rõ rệt hơn nữa trạng chính trị của siêu cường Mỹ quốc thì câu hỏi đặt ra có phải là: Trong trật tự mới của thế giới, với những quốc gia Á châu như Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Singapore đang sánh vai một cách tự cường, tự lập với các quốc gia Tây phương, thì liệu Việt Nam sẽ chuyển mình vươn cánh thành một con rồng trong bầu trời độc lập của mình như Nhật Bản hay vẫn “lê gót nơi quê người” đi tìm một “đồng-minh-không-bao-giờ-tháo-chạy” theo những tiêu chuẩn hoang tưởng?

Lý Nguyên Diệu

GIÁO HỘI TRONG CON BẢO BÙNG

Linh mục Trần Tam Tĩnh

(Trích từ tác phẩm “*Thập giá và Lưỡi guom*”, Chương III
- Việt dịch từ “*Dieu et César*”)
-



1 – GIÁO HỘI CHIẾN THẮNG

«*Tại các vùng tôi đã đi thăm, người Cộng sản đã giành được một loạt thắng lợi về chính trị, hành chính, quân sự và – cũng phải nói thôi – tinh thần... Điều đã gây ấn tượng mạnh nhất trong tôi, hồi ôi, lại là tinh thần hăng hái họ đã tạo được nơi các cán bộ không Cộng sản và sự ủng hộ mạnh mẽ họ giành được từ phía nông dân*». (Joseph Alsop, phóng viên chống cộng, viết ngày 31-8-1954).

Lêo Secơ (Leo Cherne) viết trong báo *Look* ngày 19-1-1955 rằng: «*Nếu tổ chức đầu phiếu hôm nay thì phần lớn người Việt (miền Nam) sẽ bỏ cho Cộng sản... Chúng ta biết làm được gì?* ».

Các phóng viên người Mỹ kể trên có lẽ chưa đọc lời tuyên bố chính thức của các tu sĩ dòng Tên trong báo *Missi* mười lăm hôm sau hiệp định Gionevơ, vốn đã tiên liệu bằng giấy trắng mực đen cuộc đầu phiếu cho năm 1956, như sau:

«*Sẽ không có đầu phiếu, đầu người của Nhà nước có suy nghĩ nói năng thế nào cũng mặc. Sẽ không bao giờ có đầu phiếu, bởi một lẽ là không thể làm việc đó, nếu chính quyền miền Nam có may mà thắng cử, thì liệu chính phủ Việt Minh có chịu giải tán quân đội, bộ máy hành chính, cảnh sát của họ để tuân theo sự phán quyết của dân chúng chẳng? Thực ra, Việt Minh vẫn mong một thắng lợi trọn vẹn, càng hòa hoãn thì càng có tính quyết định hơn. Họ mong chiến thắng*

về tâm lý «giải phóng» bởi vì các bối cảnh chính trị và mối liên lụy miền Nam mắc phải, lại có lợi cho họ.

Nhưng các cuộc bầu cử có lợi cho Việt Minh không thể xảy ra, bởi vì Hoa Kỳ và các thành viên trong Đông Nam Á không thể chấp nhận một sự đảo ngược cán cân như thế. Càng không thể được, khi mà chính quyền Việt Nam đã nhất định quay sang phía Hoa Kỳ, được coi là thành trì các nước tự do» (Missi số 7.1954, tr.252).

Danlot (F. Dulles), Quốc vụ khanh Hoa Kỳ, đã chẳng nói trong một mật điệp gửi cho phụ tá của ông, ngày 7-7-54, đang tham dự thương nghị Gionevơ như sau: «Chẳng còn hồ nghi về việc các cuộc bầu cử có thể thống nhất đất nước Việt Nam dưới quyền của Hồ Chí Minh» (Pentagon Papers 46). Aixonhao cũng đã chẳng cả quyết sau này rằng: «Nếu bầu cử xảy ra theo như Hiệp định Gionevơ đã tiên liệu thì 80% dân chúng miền Nam sẽ bỏ phiếu cho Hồ Chí Minh» đó sao?

Phải nhìn vào ánh sáng của chính sách rõ ràng đó, người ta mới hiểu được tại sao **Mỹ và các thành phần Công giáo** đã nỗ lực xô đẩy vào Nam những đoàn người Công giáo rồi đây trở thành những **toán quân xung kích chống Cộng** và có nhiệm vụ phá hoại bầu cử, để hoàn tất việc chia cắt đất nước ra làm hai, trái với Hiệp định Gionevơ và bảo vệ cho chế độ mỏng manh do Mỹ dựng lên.



Lansdale, Trùm CIA tại Việt Nam - Chiến dịch trút phế vua Bảo Đại để ông Diệm được thắng cử với ... 92% số phiếu

Toàn thể độc giả chắc còn nhớ các biến cố tại Sài Gòn những năm 1954 – 1956. Ngô Đình Diệm phải đánh dẹp các lực lượng phong kiến đã do quân Pháp dựng lên trong thời chiến: Quân Bình Xuyên, lúc đó kiểm soát ngành cảnh sát Sài Gòn Chợ Lớn, các đảng phái vũ trang như Cao Đài và Hòa Hảo và cái gọi là quân đội miền

Nam, nhưng sĩ quan đầu là tay sai của Pháp. Diệm đã thắng. Một đảng, nhờ Mỹ đã thành công hất cẳng Pháp, bắt họ rút hết quân thuộc địa về. Quân Pháp đi rồi, Ngô Đình Diệm truất phế Bảo Đại, rồi tự phong là tổng thống Cộng hòa miền Nam. Trong tất cả các cuộc khủng hoảng này, chú Sam luôn luôn có mặt đây, «*Theo yêu cầu của ông Diệm, chúng tôi (trung tá Lansdale, trùm CIA) đến thăm ông ta hầu như mỗi chiều, trong thời gian đó căng thẳng gia tăng, và nhiều khi cuộc thăm viếng của chúng tôi kéo dài hàng giờ*» (Pentagon Papers, tr.20).

Nhưng đảng khác, bên cạnh sự ủng hộ của Mỹ, Diệm cũng cần có lực lượng dân chúng để giúp Diệm cầm quyền. Nhân dân miền Nam tỏ thái độ hững hờ hoặc chống đối ông. Các đảng phái chính trị - tôn giáo hầu như không muốn hợp tác với ông. Quân đội thì còn ở dưới sự chỉ huy của các sĩ quan thân Pháp. Đảng Cần Lao do em của Diệm là Ngô Đình Nhu lập ra, tập hợp một nhóm chính trị gia Công giáo tư sản còn ở giai đoạn trứng nước. Diệm dựa vào khối Công giáo di cư, dễ sai bảo và cuồng nhiệt, sẵn sàng tuân lệnh các cha xứ kéo nhau xuống đường mít tinh ủng hộ. Cuộc xuống đường đầu tiên xảy ra ngày 21-9-1954. «*Trong không khí bị đầu độc của Sài Gòn, những người di cư khốn khổ ấy dầu sao cũng là một sự khích lệ cho Diệm, khi họ kéo nhau biểu tình hô to ủng hộ ông ta, với những khẩu hiệu được bôi vẽ vội vàng. Như thế ông không phải cô đơn một mình trong dinh Norôđôm, như một vài người muốn nói. Người di cư được tập hợp theo những mệnh lệnh hết sức đơn giản. Họ biết rằng người cha của họ, người họ cậy nhờ, người bảo hộ cho họ, đó là tổng thống Diệm... Người ta nói với họ rằng tổng thống sắp gặp rắc rối với các đối thủ, thế là họ kéo nhau tới, một cách hiền hòa, chẳng sùng óng gì, để nói lên sự gắn bó của họ*». Đó là mô tả tình hình theo báo *Missi*. Còn phải thêm luận điệu của Paris-Match để hiểu sự kết cuộc bi đát của nội vụ: «*Các đoàn xe cam nhông Bình Xuyên xuất hiện, điều động vào địa hình rất tài, dựng cản khắp đường phố. Rồi bỗng dưng một loạt súng máy bắn xả vào một toán, mà chỉ cần nhẹ hơn cũng đủ sức giải tán... Nhiều người chết và bị thương nằm la liệt giữa phố. Một nhóm nhỏ biểu tình tiến tới quảng trường Bá Đa Lộc và treo lên bờ rào của Nhà thờ chính tòa mấy câu khẩu hiệu. Các linh mục tới gỡ đi và khuyên đám biểu tình hãy giải tán*».

Những màn tương tự cứ tiếp tục xảy ra tại Sài Gòn. Mỗi lần «*Quốc gia lâm nguy*», hàng chục ngàn người Công giáo, từ các trại di cư quanh thủ đô sắp hàng theo sau các cha xứ bận áo chùng thâm, kéo

tuôn về thủ đô để biểu tình nói lên ý chí cương quyết ủng hộ Diệm tới chết. Quả thế, số phận họ được coi như gắn liền với số phận của thủ tướng.

Nhờ viện trợ Mỹ, việc định cư hầu như được giao phó **hoàn toàn trong tay cái cha xứ**, các làng «kiểu Bắc kỳ» mọc lên tại Hồ Nai, Cái Sắn v.v... bao quanh nhà thờ, lúc đầu chỉ làm bằng vật liệu nhẹ, sau được xây gạch thường có tháp chuông. Đó là những ốc đảo khép kín, vừa không thể xâm nhập, vừa không thể đánh chiếm.

Nhờ sự ủng hộ vô điều kiện đó, sau cùng Diệm đã hất được Bảo Đại trong cuộc trưng cầu dân ý ngày 23-10-55, Diệm chiếm được 98% số phiếu. Nước Cộng hòa được công bố và đương nhiên Diệm trở thành tổng thống đầu tiên. Các mục tiêu của chính phủ ông đơn giản lắm. a) củng cố miền Nam; b) giải phóng miền Bắc khỏi ách Cộng sản.

Người ta đã viết nhiều về Ngô Đình Diệm như một «người hùng Đông Nam Á», là «Côngxtantanh châu Á», là «Klôvít mới trong lịch sử Giáo hội». Theo dư luận của những người đã từng cộng tác với ông, Diệm là một người liêm khiết, độc tài, phong nho, và «trung cổ». Cổ lỗ, ông càng tỏ ra cổ lỗ hơn, khi tự cho mình là «*Người Chúa chọn*» để cứu dân. Là người độc thân từng sống gần chục năm trong tu viện, chủng viện, tại Việt Nam cũng như tại Mỹ, ông gần gũi với thuyết thiên chủ [théocratíe] hơn là dân chủ [démocratíe]. Là cha của nước Cộng hòa, ông chỉ chấp nhận một đảng duy nhất là *Cần Lao*, được thành lập và khuynh loát bởi ông em Ngô Đình Nhu, làm nòng cốt cho cái ông gọi là *Phong trào Cách mạng Quốc gia*. Phong trào này được tổ chức theo cơ cấu của một chính thể quốc gia, có tất cả các bộ phận như bộ máy chính quyền từ trên xuống dưới, khiến bất cứ ai muốn được thành tỉnh trưởng, quận trưởng, xã trưởng, giáo sư hay công chức, đều phải là đảng viên Cần Lao. Hệ tư tưởng của Đảng và Phong trào là «*thuyết Nhân vị*», chỉ có một trường đào tạo duy nhất là «Trung tâm đào tạo nhân vị», do người anh của tổng thống là Giám mục địa phận Vĩnh Long, Ngô Đình Thục sáng lập. Bất kỳ là Công giáo hay không, tất cả công chức đều phải qua một khóa học tập ít là một tháng tại đó. Các lớp học đều **do các linh mục đảm nhiệm**, nhồi nhét những khái niệm về nhân bản, con người được Thiên Chúa sáng tạo, giảng về **những điều lầm lạc của Phật giáo, Khổng Giáo**, về các tội ác của Cộng sản... Cuộc «tẩy não» này do chính các linh mục thực hiện, họ là những người chỉ biết triết học kinh viện tây Âu và «*đã tiếp thụ tại Rôma cái khái niệm về Phật giáo do các cố cựu*

thừa sai dạy cho» (lời thú nhận của giám mục Thục).

Vị giám mục này, anh của tổng thống, niên trưởng của hàng Giáo phẩm, đã hóa thành trí não tuyệt vời của chế độ. Người ta tìm tới ông để xin xỏ ân huệ, đặc quyền. Giám mục làm như hiện thân của Giáo hội, cũng như ông em là hiện thân của Nhà nước. Thật không phải vô cớ mà thiên hạ hàn tán về «*óc hiểu thắng của Giáo hội*» và chủ nghĩa gia đình trị của nhà họ Ngô. Đáp lại các lời chỉ trích, giám mục Thục nói năm 1963 rằng «*Trên bàn giấy của tôi nằm chồng chất những lô đơn xin tôi can thiệp cho họ ơn này ơn nọ, khổ thay, thường chỉ là thể tục, từ chóp bu của Giáo hội, băng qua các đồng nghiệp của tôi trong hàng giám mục (...) và xuống cho tới những tầng lớp thấp nhất của quần chúng, bất phân màu da và tôn giáo (tôi có thể kể ra tên tuổi đáng kính như hồng y Feltin và đức cha Rô-đanh (Rodhain). Tôi không thể đứng đưng trước những lời kêu xin của họ. Cho nên có sự ăn qua giữa cái thiêng liêng và cái phàm tục! Ở vào địa vị tôi, các ông sẽ xử sự thế nào?»* (ICI, 15.4.1963).

Từ 1955 đến 1963 là thời vàng son của chủ nghĩa cha chú, với những lợi ích thật chẳng bao nhiêu, nhưng với những hà lạm gây nhiều tiếng tăm hơn, nhất là trong khi **công chúng gồm 90% là ngoài công giáo mà bị kiểm hãm dưới một thứ «chính phủ công giáo»**. Khắp nơi, ở thành phố cũng như nông thôn, **chiếc áo chùng thâm là biểu tượng của quyền thế**.

Tại các vùng Công giáo di cư, cha xứ là toàn quyền, là những ông vua tuyệt đối. Giám mục Ngô Đình Thục cũng phải thừa nhận những chuyên hà lạm của các nhà độc tài áo đen. Trong một lá thư gửi cho một bạn cũ, ông viết: «*Người ta có cả trăm hồ sơ, tố cáo các linh mục ăn cắp tiền của di cư, bằng những danh sách ma, bằng cách tẩy xóa sổ sách, bằng cách thu xếp để chiếm đoạt tiền bạc của chương trình Cải cách ruộng đất, hoặc bán hàng viện trợ Mỹ (theo các lời tố cáo của chính bà con di cư) hay là giữ tiêu riêng các khoản tiền họ nhận để xây dựng nhà ở cho bà con di cư: Nhà nước (và cả Giáo quyền) dễ dãi cứ nhắm mắt làm ngơ cái vụ đó, bởi vì linh mục rất cần cho việc huy động dân chúng trong cuộc chống Cộng.*»

Tại thành thị, các linh mục chẳng có bằng cấp, chẳng tài giỏi gì, mà vẫn điều khiển các trường tư thục, được tổ chức những áp phe vơ vét tiền bạc. Hai linh mục đã được cử làm viện trưởng của hai trong ba đại học của toàn miền Nam, trong đó có đại học Đà Lạt. Đại học này chỉ là Công giáo nơi danh nghĩa thôi. Đất đai và cơ sở kiến trúc của nó đều do Nhà nước đài thọ. Để có nguồn thu nhập cho đại học,

giám mục Thục đã giành được độc quyền các vùng đồn cây tại Định Quán, là điểm ngon nhất nước. Ông cũng xin được những thửa đất ruộng mênh mông dọc bờ biển, để trồng dương liễu và dừa; công viện này được tiến hành nhờ có tiền vay được hàng triệu đồng của chính phủ. Đã có đại học Công giáo thì phải có sinh viên. Song Đà Lạt là một thành phố nhỏ miền cao nguyên, ở xa các trung tâm đô thị lớn và nhất là nó chỉ là một thành phố biệt thự dành cho hạng giàu có. Muốn cho đại học Công giáo này hoạt động, chính phủ quyết định dời khoa Sư phạm Sài Gòn lên, đem theo toàn bộ sinh viên, anh chị em nào cũng có học bổng Nhà nước cấp.

Thế là nhờ có sự bảo trợ của giám mục Thục thuộc địa phận Vĩnh Long, sau này làm Tổng giám mục Huế, các **sinh viên Công giáo đã giành được những vị trí then chốt và lương bổng cao**. Tòa giám mục trở thành một loại phòng ngoài của dinh Tổng thống. Người ta thấy bộ trưởng, dân biểu, tỉnh trưởng, tướng tá (trong đó có nhiều người mới trở lại đạo) lũ lượt sắp hàng vào hầu đức cha. Tại các tỉnh, các linh mục cố vấn chính trị rất có ảnh hưởng cạnh tổng thống hoặc bên cạnh người em thứ ba của tổng thống – phó vương không danh nghĩa của miền Trung – các cha không ngần ngại tìm cách đưa con chiên mình vào thay thế các quận trưởng hay xã trưởng không công giáo.

Để thành lập những đơn vị bảo vệ dinh tổng thống Diệm chiêu mộ những người di cư tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình vốn nổi tiếng là dũng cảm và chống Cộng. Ông nói chuyện đó với linh mục Cao Văn Luận, một người rất thân tín. *«Giả như tôi đem vào được ít chục ngàn chiến sĩ của Thanh Nghệ Tĩnh Bình và một chục cán bộ có khả năng cỡ cha Khai, thì mọi sự chắc chắn sẽ thành công.»* (Người ta biết rằng sau này linh mục Khai đã hối tiếc vì đã qua nhiệt tình phục vụ ông Diệm).

“Chính phủ công giáo” ngày càng trở nên lộ liễu khi ngành công binh, từng đoàn binh xa và vật tư của chính phủ được đưa ra sử dụng trong việc xây cất nhà thờ, chủng viện, các nhà thuê thuộc tòa giám mục; khi các cán bộ nông thôn và công chính được phái đi lo việc trồng dương liễu và dừa cho đức cha, khi các binh sĩ được biệt phái thường trực tại văn phòng Công giáo Tiến hành, khi các giám mục có chỗ danh dự đứng bên cạnh tổng thống trong các nghi lễ công cộng, hay là trong các cuộc duyệt binh, khi chính phủ phê nhận luật gia đình của bà Nhu, em dâu của Diệm, áp dụng – trong một nước mà 90% dân là không công giáo – các khoản luật gần giống như trong

Giáo luật. Khởi nói tới việc dựng các tượng Đức Mẹ do tay tổng thống, có giám mục nọ kia phụ vào, tại nhiều điểm ranh giới để «nhờ Đức Mẹ che chở đất nước khỏi nạn Cộng sản».

Quả thế, Đức Mẹ cũng được đưa vào môi trường của chủ nghĩa hiểu thẳng huênh hoang, nhất là dịp Đại hội Thánh mẫu tháng 2 năm 1959, có hồng y Agagian, sứ thần của Đức Giáo hoàng qua chủ sự. «Ba trăm ngàn giáo hữu đã đi theo cuộc rước không lồ trong ngày kết thúc, sau đó **hồng y đã long trọng dâng nước Việt Nam cho Đức Mẹ Vô Nhiễm**» theo tin tức báo chí thời ấy. Để cuộc rước đó thành công, ngoài sự tưởng tượng của Rôma và Pari, người ta đã huy động hàng ngàn lính công binh để xây dựng một bệ lớn trước nhà thờ chính tòa Sài Gòn, để dựng lên cổng chào, đồng thời đưa ra hàng trăm xe cãm không để vận chuyển hàng chục ngàn giáo dân từ các tỉnh về.

Đức Mẹ cũng được cung kính đặc biệt tại La Vang, quãng 30 km mạn nam vĩ tuyến 17. Vì những lý do chính trị, ngôi nhà nguyện nhỏ mất hút trong rừng núi, bỗng trở nên một nơi hành hương cho toàn thể người Công giáo Việt Nam, thậm chí **của toàn nhân dân Việt Nam!** Được mệnh danh là «*thành lũy thế giới tự do chống cộng sản*», ngôi nhà nguyện khiêm tốn này vừa được nâng lên hàng Vương cung Thánh đường từ sau Đại hội Thánh Mẫu, đã tiếp nhận vào tháng 8-1961 một cuộc hành hương không lồ nhất trong lịch sử chế độ Diệm. Ngày 16-8, tổng thống đích thân phú thác tương lai nước Việt Nam cho Đức Mẹ La Vang. Trước mặt 200.000 người hành hương, đây đủ các giám chức của Giáo hội, các bộ trưởng và công chức cao cấp, phần lớn không phải là Công giáo, **tổng giám mục Ngô Đình Thục đã đọc lời kinh dâng nước Việt Nam cho Đức Mẹ**, sau cuộc rước kiệu khổng lồ.

Nhằm biến La Vang thành một thứ Lộ Đức Việt Nam, hàng giám mục đã tổ chức tại La Vang để lấy cho được cỡ 10 triệu đồng dành cho việc xây nhà thờ mới, các tượng Thánh Giá và cái hồ «làm phép lạ». Vé số được phân phối một cách đương nhiên cho các công chức, Công giáo hay không cũng mặc, bằng cách khấu trừ tiền lương của họ. Các học sinh nghèo, nhất là tại các trường học miền Nam, cũng phải mua vé số. Một số vé được đem giao cho các công chức và quân sự phân phối. Tại Sài Gòn, một bữa tiệc kiểu Mỹ đã được tổ chức trong đó có khách được mời phải đóng 2.500 đồng (ngang với một tháng lương của công nhân) gọi là để đóng góp cho Trung tâm quốc gia La Vang. Danh sách các ân nhân «tự nguyện» của La Vang rất dài, với những người đứng đầu số là Phó tổng thống người Phật

giáo, các bộ trưởng, các tướng tá, mỗi người dân cũng từ 10.000 đến 20.000 đồng. Đối với Nhà nước cũng như giáo hội, La Vang không chỉ là một trung tâm tôn giáo, mà còn là biểu thị của chế độ chống cộng. Chẳng hạn khi bình luận cuộc hành hương năm 1961, tờ Viễn Đông, một tạp chí tuyên truyền của chế độ, đã viết: «*La Vang là nơi hòa nhập nên một, đối với người Công giáo, bản chất lòng yêu nước với đức tin giải ra trước con mắt của kẻ tin một việc lựa chọn hai chiều thật đúng với việc quan phòng của Chúa. Và sự chọn lựa này hiện rõ một lần nơi cái dự án kỳ diệu không tả nổi và nơi vị trí địa dư của La Vang. Nguyễn đường năm ngay đường ranh giáp với chủ nghĩa cộng sản vô thần, từ nay nhà nguyện này nổi lên như một «con đê thiêng liêng của Nước nhà».*

Bên cạnh chủ nghĩa hiếu thắng bề ngoài đó, phải nói thêm một thứ hiếu thắng khác về «mục vụ» như là đặc điểm của Giáo hội thời kỳ này, đó là việc đưa dân ngoại vào đạo. Giám mục Angxen (Ancel) phụ tá địa phận Lyon, đã nhắc lại lời giám mục Thục: «*có những làng nguyên vẹn xin chịu phép rửa tội. Người ta không làm sao dạy giáo lý kịp cho họ...*» Và ông kết luận: «*Đây là nước duy nhất tại Viễn Đông (không kể Philippin) đang trên đà trở lại đạo cả nước*». Những con số người lớn chịu rửa tội, nhất là tại địa phận Qui Nhơn xem ra phù hợp với cảm tưởng của vị giám mục Pháp: 16.323 năm 1956-1957, 27.385 năm 1958-1959, 37.429 năm 1960-1961. Năm 1959, tại Qui Nhơn, chỉ trong một tháng, 61.000 người xin chịu phép rửa tội. “*On Chúa hình như, dùng một phút, tuôn xuống như mưa trên địa phận của giám mục Phạm Ngọc Chi, giám mục phụ trách di cư những năm 1954-1956, ông đã nhận được từ cơ quan Viện trợ Công giáo Hoa kỳ 38 triệu đô la, của tổ chức viện trợ Pháp cũng như Caritas quốc tế còn nhiều triệu khác nữa.*”



Tổng Giám mục Ngô Đình Thục – Giám mục Phạm Ngọc Chi

Phong trào trở lại đạo hàng loạt như thế vừa là kỳ diệu vừa gây khó chịu, bởi vì dân chúng trong vùng do đã sống dưới quyền kiểm

soát của Việt Minh trong thời chiến tranh Pháp – Việt. Giám mục Chi đã cho chúng tôi biết rằng phép lạ đó, một phần vì nhờ có việc tuyên truyền «thuyết nhân vị» của chính phủ, dọn đường cho quần chúng tại đây tìm gặp được đạo Công giáo và đảng khác nhờ các việc từ thiện Công giáo, các trường học, cô nhi viện, nhà thương, điểm phát quần áo, bánh mì và lương thực. Có người cho rằng việc theo đạo hàng loạt đó chỉ lập lại theo ngạn ngôn đã có từ thời Pháp, «*đi đạo lấy gạo mà ăn*» thôi. Quả thế, viện trợ Công giáo từ ngoài vào đều do các linh mục tự tiện thao túng và thường chỉ dành để phân phát cho người Công giáo. Dân chúng miền Trung này, là vùng nghèo nhất miền Nam, chẳng qua đã tìm nơi việc theo đạo Công giáo một phương tiện kiếm ăn. Có những người cũng cho rằng họ vào đạo để khỏi bị sách nhiễu về chính trị. Quần chúng ở đây, vì đã từng sống lâu năm dưới chế độ Việt Minh, nên bị tình nghi có liên hệ với «*kẻ địch*», bây giờ vào đạo là gặp được con đường để tỏ lòng trung thành với chế độ hoặc ít ra tránh được những quây nhiễu của cảnh sát. Đó là ơn Chúa hay chỉ là do động cơ khác của con người? Có thể nói là cả hai phía vậy.

Điều chắc chắn là phong trào trở lại đạo đó chấm dứt với năm 1963, ngay khi tổng thống công giáo Diệm bị lật đổ.

Về phép lạ Qui Nhơn, nên đọc thêm những gì viết sau đây của báo *Missi* (1-1959): «*Các linh mục phải kêu xin tiếp cứu. Giám mục Fulton Shenn đã nghe những lời yêu cầu đó và người Công giáo Hoa Kỳ đã hợp tác với giám mục Chi. Hàng ngàn tràng chuỗi, sách kinh đã được gửi tới Qui Nhơn, cũng như những lô ảnh về Đức Mẹ và tượng Chúa Kitô là những dấu hiệu đầu tiên của con người mới.*

Người ta nói đến lý do chính trị của cuộc trở lại. Điều đó chắc chắn là có và có một cách hết sức đặc biệt.»

Mùa hè 1955, Ngô Đình Diệm tung ra chiến dịch Tố Cộng và qua luật 10-1959, ông đã lập các Tòa án quân sự đặc biệt, như một bộ máy đàn áp. Luật này, kết án tử hình và phải thi hành trong vòng 3 ngày, khỏi có quyền bào chữa, tất cả những người Cộng sản, những người có quan hệ với Cộng sản (những chiến sĩ yêu nước chống Pháp, cả cha mẹ và bạn bè của họ), tất cả những bị cáo được xem là phạm đến an ninh quốc gia. Các cuộc càn quét đã bắt về ngàn «*tên đồ*», từ nay gọi là Việt cộng và nhiều người trong số đó đã bị giết. Một số khác may mắn hơn, như ông Nguyễn Hữu Thọ, rồi đây sẽ là Chủ tịch Mặt trận Dân Tộc Giải Phóng, từng là luật sư ở Sài Gòn và là Chủ tịch Ủy ban Hòa bình Sài Gòn Chợ Lớn, phải sống lê lết trong các

trại giam. Trong lãnh vực này, tài liệu bí mật của Lầu Năm Góc cũng giống như những gì do chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa phổ biến hồi đó: «*Suốt thời gian của cái gọi là chiến dịch Tố cộng được tung ra mùa hè năm 1955, từ 50.000 đến 100.000 ngàn người đã bị nhốt vào ngục. Nhưng như bản báo cáo có nói, phần lớn những kẻ bị bắt đây không phải là đảng viên Cộng sản*». Đó là lời của Bottophiu (F. Butterfield) viết trong bản phân tích Tài Liệu Lầu năm góc. Tác giả còn thêm: «*Chương trình công dân vụ đã thất bại, bởi vì tổng thống Diệm hầu như chỉ phái toàn những người di cư miền Bắc hay là Công giáo đến các làng đó. Nông dân cho rằng những thứ người đó không phải là người của họ*» (Pentagon Papers, tr.82).

Mặc dầu thái độ thiên vị của Diệm không chỉ nằm lại nơi các bảng thống kê, cũng cần ghi nhận rằng, trong một miền Nam chỉ có 10% là Công giáo, mà tại Quốc hội có tới 30% dân biểu Công giáo, với 3 vị chủ tịch quốc hội liên tiếp là Công giáo: trong bộ máy hành chánh, có 9 trên 14 tỉnh trưởng miền Trung và 14 trên 18 tỉnh trưởng miền Nam là Công giáo, trong chính phủ thì 4 trong số 12 bộ trưởng là Công giáo và trong quân đội 3 trong số 16 tướng lãnh là Công giáo.

Các bản thống kê nói trên cho thấy một khuôn mặt xã hội không mấy đúng đắn về người Công giáo Việt Nam. Như đã trình bày ở trên, gần như toàn thể giáo dân người Việt là thành phần nông dân, nghèo đói. Cho đến năm 1954, giữa đám rừng tác giả và thi sĩ nổi tiếng, người ta chỉ đếm được một thi sĩ là công giáo. Rất ít người là trí thức. Như vậy, việc tăng vọt số người Công giáo trong chính trường cần được giải thích không phải vì họ có nhiều trí thức trình độ vượt trội, hay là tài ba lỗi lạc hơn thiên hạ trong lãnh vực quản lý hành chánh và chính trị.

Trong một báo cáo được soạn thảo vào cuối tháng 8, theo chỉ thị của tòa Khâm sứ Sài Gòn, để gửi cho Vatican, một linh mục khá thông thạo các các vấn đề Việt Nam có viết: «*Người ta đã nói đến tiếng «hiếu thảng». Tôi nghĩ tiếng đó không phải là thái quá để đánh giá cách xử sự của một số giám mục và linh mục. Trong các cuộc lễ nhậm chức giám mục hai năm trước đây cho hai đức cha Qui Nhơn và Đà Nẵng, người ta đã tổ chức những cuộc biểu tình khổng lồ. Không phải tất cả do người Công giáo đơn phương làm. Nhân sự và phương tiện của chính phủ đã góp một phần lớn vào các cuộc tập hợp đó, mà không phải bao giờ cũng do lòng tự nguyện...»*

«*Các đêm canh thức Giáng sinh, các Tuần Ta, nhật Tuần thánh của chúng tôi, được tổ chức với sự hỗ trợ to lớn của quân đội và bộ*

Thông tin, gây nên ganh tỵ nơi người Lương. Và các vụ xô số, hội chợ do các linh mục tổ chức để có tiền làm việc thiện, gây bực bội cho rất nhiều người trong quần chúng. (Tài liệu này, chúng tôi có bản sao, chắc đã ảnh hưởng mạnh mẽ tới đường lối của Vatican thời kỳ này)».

Một biến cố cuối cùng, lẽ ra phải đánh dấu tuyệt đỉnh của chủ nghĩa hiếu thắng, nếu không có vụ khủng hoảng Phật giáo nổ ra: Tổng giám mục Thục đang chuẩn bị lễ Ngân khánh, ăn mừng 25 năm làm giám mục, ngày 29-6-1963. Từ tháng 3, một Ủy ban Ngân khánh đã được thành lập, do Chủ tịch Quốc hội làm chủ tịch, với nhiều vị bộ trưởng và nhân vật tên tuổi làm ủy viên. Người ta tổ chức tại Sài Gòn một bữa tiệc mỗi thực khách phải đóng 5.000 đồng và tại các tỉnh thì tổ chức các cuộc lạc quyên, vừa xin vừa ép, với những cuộc xô số do tỉnh trưởng chỉ thị. Người ta muốn biến cuộc lễ Ngân khánh của Giám mục thành Quốc lễ. Nhưng cuộc lễ này đã chỉ ăn mừng «trong thân mật», do cuộc nổi lên của Phật tử.

2 – HOA SEN ĐẮM MÁU

Năm 1963, ngày Phật đản đúng mùng 8 tháng 5. Bà con Phật tử đem cờ Phật giáo treo đầy đường phố Huế. Chính phủ, trích dẫn qui tắc đã ra từ 1957, ban lệnh cắt đi các lá cờ tôn giáo đó, nếu cần thì dùng cả vũ lực, bởi vì chỉ có quốc kỳ mới được treo ở nơi công cộng. Hàng chục ngàn Phật tử đã tham gia xuống đường phản đối. Quân đội, theo lệnh chính phủ đã dẹp tan đám biểu tình và một loạt đạn súng máy giết chết 9 trẻ em.

Đó là một biến cố bi đát, nhưng bề ngoài thì cũng chỉ là sự việc lẻ tẻ thôi. Tuy nhiên vụ cờ Phật giáo phản ánh sự chín muồi của cơn khủng hoảng từ lâu đã âm ỷ dưới đám tro. Dự luận quốc tế được báo động qua bác sĩ Wulff, giáo sư người Đức tại đại học Huế, đã săn sóc những người bị thương trong vụ này. Sự căm phẫn của dân chúng tăng lên tột độ khi Thượng tọa Thích Quảng Đức tự thiêu tại ngã tư Lê Văn Duyệt-Phan Đình Phùng ngày 11 tháng 6. Tổng thống Diệm nói đến «*việc Việt cộng đã len lỏi vào kích động dân chúng*». Giám mục Thục giải thích vụ này, đã xảy ra hầu như trước mặt ông, tuyên bố rằng đó chỉ là một «*đám lửa rom*» thôi. Còn bà Nhu thì cho rằng ông thầy chùa tự thiêu là trò «*nuống thịt*» [barbecue].



*Thương tọa Thích Quảng Đức tự thiêu
Phật tử biểu tình chống kỳ thị tôn giáo*

Nhưng dân chúng rất xúc động. Dư luận quốc tế thì cho các biên cố đó là dấu hiệu chứng tỏ chính phủ Công giáo có bách hại đàn áp tôn giáo. Và dĩ nhiên người Công giáo, và cả Giáo hội Công giáo Việt Nam, đều liên lụy trong đó. Trong giới Công giáo, người ta tìm cách giảm nhẹ sự việc và giải độc dư luận «vốn bị báo chí chạy theo giật gân lừa bịp». Chẳng hạn, đức Tổng Giám mục Sài Gòn nói «Không có chuyện bách hại Phật giáo từ phía chính phủ, cũng như từ phía Công giáo. Không thể vì một hành vi phân biệt đối xử lẻ tẻ của cá nhân, mà đổ lỗi cho Nhà nước và Giáo hội. Vụ rắc rối ở Huế xảy ra ngày 8-5-1963 liên quan đến chuyện cờ Phật giáo treo tại các chùa, thiết tưởng có thể tránh không để xảy ra, nếu không có việc nhắc lại chỉ thị năm 1957 ra lệnh cấm treo cờ tôn giáo, dấu là Công giáo hay Phật giáo, ở nơi công cộng. Điều đã gây tức giận cho Phật tử là nhắc lại chỉ thị nọ lại xảy ra chỉ có 2 hôm trước lễ Phật đản và chỉ mấy bữa sau cuộc lễ nhậm chức của hai giám mục các địa phận gần đó, trong đó có cờ Tòa thánh bay phất phới khắp nơi» (Missi 1963, tr. 354). Một số người Công giáo tại Nam Việt Nam và một số tạp chí thừa sai Pháp và Ý, cho rằng Phật tử có tham vọng biến đạo mình thành quốc giáo và một nhóm thiểu số cuồng tín sẽ tiếp tục «tự thiêu và để cho người ta thiêu mình; nhằm bảo vệ một vị trí có đặc quyền ưu đãi».

Có người còn đi xa hơn. Theo họ, đây chẳng qua là một âm mưu Cộng sản giật dây phong trào Phật tử, nhằm trục lợi kiểu «đục nước béo cò». Hãy nghe tác giả của bản phúc trình gửi Vatican mà chúng tôi đã nhắc tới trên kia:

«Bọn Phật tử chẳng hề quan tâm gì tới các lợi ích và vấn đề hệ

trọng của đất nước. Chẳng mấy khi đọc được trong các tạp chí Phật giáo những bài chống Cộng. Họ có khả năng chống lại các yếu tố của học thuyết Mác-xít chẳng? Có thuở nào họ dám mạo hiểm đi vào con đường hành động chống lại Cộng sản không? Chúng tôi tin là không, bởi vì có những tay nòng cốt Cộng sản đang đóng vai điều khiển phong trào Phật giáo.

«Chính phủ nhằm mục đích cung cấp một cơ sở học thuyết cho cuộc chiến đấu chống Cộng của mình, nên đã công nhiên đưa ra những quan niệm duy linh và nhân vị. Hai học thuyết này đã được trình bày, không phải như là sản phẩm của đạo Công giáo, mà như là sản nghiệp chung của nền văn hóa tổ tiên. Thế nhưng, theo tôi biết được, thời chưa bao giờ thấy một vị sư, hoặc một giảng viên Phật tử, bàn về hai học thuyết đó trong các tạp chí hay trong diễn thuyết công khai...

«Trong lúc các cha xứ lao mình, cả xác lẫn hồn, vào việc định cư dân chúng và tổ chức khai thác các vùng đất bỏ hoang, nhất là vùng cao nguyên, đào tạo dân quân bảo vệ làng xã, thì tu sĩ Phật giáo chẳng quan tâm gì tới các chuyện đó bao nhiêu, không phải là không quan tâm gì hết».

Quan điểm này hình như là của phần đông người Công giáo miền Nam vẫn mang những tư tưởng chống Phật giáo khó dấu diếm. Chính tác giả của tài liệu này cũng thú nhận rằng «người của mình (Công giáo) thường có cặp mắt chẳng tốt gì đối với bất kỳ cái gì do bên Lương làm, trái lại thường chế diễu lòng tin, nghi lễ của họ, ngang nhiên khinh dễ các vị sư, chùa chiền của họ và hễ có dịp là phá luôn cả bàn thờ, với các đồ họ cúng trên đó».

Có những người khác đổ việc nổi loạn của Phật tử không những cho Cộng sản, mà cho cả đối thủ chính trị và bọn Mỹ, lợi dụng sự bất bình của một thiểu số nhà sư để trục lợi cho mình. Đó là ý kiến của một nhân vật quan trọng trong Giáo hội, theo Missi kể.

Những nhà quan sát ngoài Công giáo và có lưu tâm thì phân tích tình hình chính trị kỹ càng hơn, thì nghĩ rằng phong trào chống đối vừa có tính chất tôn giáo vừa có lý do chính trị của nó: «Một mức nào đó, phụ thuộc thôi, có sự đối chọi Phật giáo chống lại Công giáo. Nhưng phần chính yếu quan trọng hơn nhiều, là phong trào này đem những bộ phận đông đảo dân chúng, ở đây là Phật tử, chống lại một chính phủ độc tài do người Công giáo nắm hầu hết».

Đó cũng là một số ý kiến của một số linh mục và giáo dân sáng suốt hơn, nhưng tiếng nói của họ tan như hạt muối bỏ biển ở giữa trào

lưu hiệu thẳng của Giáo hội lúc bấy giờ. Bởi vì những nhà lãnh đạo Giáo hội quá tự mãn, vì được đứng đầu một «thiểu số nắm ưu thế», quá tin tưởng vào các bản thống kê về việc theo đạo hàng loạt, đã mù quáng bởi tham vọng **biến cả nước Việt Nam thành «đứa con đầu lòng đích thực của Giáo hội»**.

Quả thế, vụ rắc rối xảy ra ở Huế, lẽ ra có thể tránh được, nếu Tổng giám mục Huế đã không đích thân nhúng tay vào. «Ngày 7 tháng 5, theo lời linh mục Luận, một trong những linh mục gần gũi sâu với nhà Ngô và là viện trưởng đại học Huế - từ La Vang về, đức cha [Tổng Giám mục Thục] nhận thấy đường phố được giăng đầy cờ Phật giáo... Ngài bực mình và ngay chiều hôm đó, Ngài cho gọi ông Hồ Đắc Khương vào, ông là đại diện của chính phủ, và quở trách ông, tại sao để cờ Phật giáo treo đầy đường phố, trái với lệnh nhà nước cấm treo cờ đạo nơi công cộng. (Thật hết sức mỉa mai, thành phố Huế, nơi có tòa giám mục của đức cha Thục, nhiều lần đã từng được chứng kiến những cuộc rước kiệu Công giáo hết sức linh đình, với cờ vàng trắng của Vatican phát phới bay, chẳng những trên đường phố, mà ngay cả trước các cơ quan chính quyền. Năm 1961, ngày ông nhậm chức Tổng giám mục Huế, ông đã được nghênh đón tại sân bay bởi cả một tiểu đoàn bận lễ phục và một lá cờ tòa Thánh khổng lồ được dựng ở ngay sân bay).

Vị đại diện chính phủ chẳng biết làm thế nào được, bởi ông hiểu rõ, nếu cấm treo cờ lúc này thì không tiện chút nào, vì người ta sẽ cắt nghĩa việc đó như một điều hạ nhục Phật giáo. Ông điện vào Sài Gòn. Chẳng rõ bức điện có tới Tổng thống hoặc ông cố vấn Nhu chẳng, nhưng một bức điện từ Văn phòng Tổng thống đánh ra khẳng định rằng lệnh cấm cờ vẫn còn hiệu lực... Rồi câu chuyện ra sao thì sau đó ai cũng biết rồi...»

Nhưng không nên đơn giản nghĩ rằng con khủng hoảng Phật giáo chỉ vì có chuyện treo cờ và cấm treo cờ. Thực ra biển cỏ Huế chỉ là ngọn đuốc châm lên, soi rõ sự bất mãn của anh em Phật giáo từ lâu nay cứ bị trừ dập. Có nhiều nguyên nhân của sự bất mãn này.

Trước tiên là chỉ thị số 10 của Phủ tổng thống, lấy lại các sắc lệnh của chế độ thuộc địa, nói rằng: «Tất cả các hiệp hội tôn giáo, văn hóa, thể dục, chỉ trừ Công giáo, đều không được mua bất động sản, nếu không có phép của Phủ tổng thống». Bản văn của sắc lệnh đặt Công giáo ra ngoài và hạ Phật giáo xuống hàng các hiệp hội văn hóa và thể thao, tất nhiên nó phải làm bực bội Giáo hội Phật giáo. Việc trở lại thời thuộc địa như thế, cũng không làm hài lòng đại bộ

phận quần chúng nhân dân, dẫu sao cũng không bao giờ từ bỏ truyền thống nhà Phật. Hơn nữa, sắc lệnh khôi lại sự đố kỵ đối với người Công giáo, mới đây đã từng liên minh với bon xâm lược và hôm nay lại liên minh với chủ mới là Mỹ. Sau nữa, những hành động lặp đi lặp lại như dâng nước Việt Nam cho Đức Mẹ, đưa nhiều người Công giáo lên các chức vụ quan trọng trong chính quyền, cho phép giải thích sắc lệnh, vốn đã bất công, như một cử chỉ «*tìm cách Kitô hóa*» cả nước là trái ý mọi người.

Tiếp đến, việc áp đặt chủ nghĩa «Nhân vị» – học thuyết vừa mông lung vừa ngược với tinh thần người Việt – làm hệ tư tưởng của Nhà nước, việc **khinh dễ tất cả giá trị tinh thần và văn hoá của cả chục thế kỷ lịch sử Việt Nam đã từng thấm nhuần trong nhân dân**, việc thiên vị ưu đãi quá rõ ràng đối với người Công giáo trong mọi lãnh vực, đã tạo ra sự nổi giận lúc đầu còn ngấm ngầm, sau đã nổ rõ ra nơi quần chúng Phật tử. Bà con Phật tử ngày càng ý thức hơn rằng, muốn chống lại sự độc tài của Diệm, muốn cân bằng lực lượng của Công giáo, thì phải hiệp nhau lại trong Giáo hội Phật giáo.

Cuộc nổi loạn của Phật tử làm cả chế độ phải lung lay, nhưng cho tới ngày sụp đổ, chế độ vẫn tiếp tục gia tăng đàn áp, lục soát các chùa, bắt giam sư sãi và các chiến sĩ Phật tử. Hoa kỳ, chỗ dựa nếu Diệm không còn dựa được là sẽ rút đài, đã quyết định thay ngra. Cuộc đảo chính ngày 1 tháng 11 năm 1963 đã được chuẩn bị kỹ lưỡng, đã dàn dựng khéo léo, như chính Tài Liệu bí mật Lầu năm góc cho chúng ta biết.

3 – AI LÀ NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM.

Phải nhờ ánh sáng các sự kiện lịch sử nói trên, mới hiểu được sự phản ứng của vị Linh mục người Bỉ, một «cha xứ xung kích» khi ông tâm sự với Lacutuya: «*Ai là người chịu trách nhiệm về tình hình tan hoang đó, về sự thất bại hoàn toàn của chế độ Diệm, về sự xao xuyên rối rắm hiện nay của giới Công giáo chúng ta? Ai, tôi xin phép hỏi ông? Phải chăng quân đội? Phải chăng chính quyền? Phải chăng bọn Mỹ? Không, chính là giới Công giáo! Vâng chính khối Công giáo là kẻ chịu trách nhiệm. Họ đã chạy theo hiệu thướng, họ đã bay như diều, chẳng bao giờ biết kiềm hãm, tìm cách sửa chữa những lạm dụng không thể chịu nổi của chính chế độ. Có phản ứng chẳng, thì chỉ ở những cấp hết sức khiêm tốn thôi. Họ đã đồng ý với một kiểu lẫn lộn hoàn toàn giữa giàu có với Công giáo, giữa tư sản phì nôn với hàng giáo phẩm. Và ngày nay nông nổi đã xảy ra như thế này, chỉ*

còn chờ Phật giáo trả thù, tình hình có thể rẽ ngoặt một cách thảm hại nếu Việt Cộng thành công nắm được Phật giáo, như hiện họ đang ra sức làm. Người Công giáo không chịu sửa mình, không chịu cúi đầu uy tín cho ông Diệm, phải bắt đầu lại từ số không, trên những đồng gạch vụn, nếu phía địch là phía hiện đang nắm tới 80% số người có khả năng của đất nước này, còn cho chúng ta đủ ngày giờ...»

Tiếc thay, vị thừa sai kia đã không lên tiếng sớm hơn! Bàn cờ đã ngã ngũ. Theo lệnh của Mỹ, Diệm phải từ chức hay là chết thôi. Một tài liệu mật của Tòa Khâm sứ cho chúng ta biết một chuyện quan trọng, từ trước vẫn không ai hay biết, liên quan đến cuộc đảo chánh ngày 1-11-1963:

«Sự yên tĩnh của giờ nghỉ trưa bị xé tan vào lúc 13 giờ 45, bởi một loạt súng máy nổ ran phía sân bay Tân Sơn Nhất, ở 6 km mạn Bắc thành phố. Nghe loạt súng bất thường vào giờ này, lập tức tôi nghĩ ra rằng đây không phải súng đảo chánh, mà chỉ là chuyện cục bộ do một nhóm quân đội chống lại lính bảo vệ và quân khu thủ đô nằm dưới quyền trực tiếp của Phủ tổng thống. Tới 15 giờ 15, tôi nhận được cú điện thoại của ông Cabot, tôi có thể ghi lại đúng như sau: «Thưa Đức cha, như Đức cha có thể nghe đó, tiếng súng đã nổ. Quân đội đã chiếm sân bay Tân Sơn Nhất và căn cứ Biên Hòa, lúc này họ đang tiến về hướng Phủ tổng thống (Dinh Gia Long).

«Nghe ông nói tiếng Pháp, tôi lấy làm lạ, tại sao ông cho tôi những tin tức loại này, mà không cần giữ giọng kín tiếng lại, tôi bèn hỏi người đối thoại cho biết có phải là đích thân ông Cabot chăng. Ông này muốn tôi biết chắc bèn nói: Tôi là bạn của Đức cha, cũng đã từng là bạn của đức cha Asta. Đức cha nhớ lại, chúng ta đã gặp nhau nhiều lần tại tòa Khâm sứ». Nghe tôi hỏi tại sao tôi biết tiếng Ý mà lại không dùng nó để giữ sự kín đáo hơn tại Sài Gòn, ông nói rằng ông biết tiếng Ý nhưng không quen nói. Từ lúc đó, tôi thì nói tiếng Ý, còn ông ta thì nói tiếng Pháp. Cuộc điện đàm giữa chúng tôi tiếp tục như sau: «Tôi đã thấy cần tán thưởng vai trò trung gian mà tòa Khâm sứ đã vui lòng chấp nhận giúp trong vụ Phật giáo. Tôi phải nói cho Đức cha hay rằng, nếu lần này ông Diệm và ông Nhu có nhờ tòa Khâm sứ làm trung gian, thì xin Đức cha nói với hai ông rằng, không còn chuyện trung gian hoặc thương lượng nữa đâu, bản thân tôi cũng như phía quân đội đã quyết định là chỉ cho họ khỏi chết thôi, họ có thể dùng lối này hay lối khác để ra khỏi nước và không bao giờ trở lại nữa».

«Tôi nhận thấy giọng nói minh bạch và quyết định của lời đưa

tin này. Tuy nhiên, nhớ lại bầu không khí thương lượng đã có từ trước cho tới gần đây giữa chính phủ Diệm và Hoa Kỳ, tôi hỏi thêm mấy câu để ông Lốt xác lập lại điều đó. Tôi đang tính chuyển qua những người đang bị bao vây tại Dinh Gia Long các điều kiện người ta cho họ nếu họ chịu đầu hàng...»

So sánh các cuộc đàm thoại đó với cuộc điện đàm được ghi âm giữa ông Diệm và Cabot Lốt đã do Tài liệu Lầu năm góc công bố, người ta thấy rằng tổng thống đã gọi đại sứ Mỹ vào lúc 4 giờ rưỡi chiều, **sau khi** đã nhận được tin của Tòa Khâm sứ. Sau khi khước từ can thiệp giúp đỡ Diệm, ông Lốt nói với người đối thoại: ... «Đến giờ này rồi, tôi lo cho chính sự an toàn của Tổng thống nhất. Người ta cho tôi hay rằng, những kẻ đang điều động vụ này sẵn sàng cho ông và em ông lỏm thoát đề ra khỏi nước, với điều kiện ông từ chức. Ông có biết chuyện đó chưa? ». Diệm trả lời: «Không biết (nghĩ một lát), ông có số điện thoại của tôi không? Lốt đáp: Có. Xin cứ gọi tôi, nếu tôi có thể làm gì được gì cho sự an toàn sinh mạng cho ông».

4 – CÁC TƯỚNG TÁ MÚA MAY QUAY CUỒNG

Ngày trước, mỗi lần tổng thống Diệm thoát khỏi một vụ mưu sát hay một cuộc đảo chánh, người ta hát kinh ‘Te Deum» (Tạ Ơn Chúa) tại các nhà thờ. Lần này, cả kinh Requiem (an táng) cũng không có. Tờ nhật báo Công giáo *Thăng Tiến* mới hôm kia tuyên bố vung vít rằng Chúa đã làm những việc lạ lùng đặc biệt để bảo vệ mạng sống cho Tổng Thống, bởi ông là người Chúa chọn lựa cứu nhân dân Việt Nam. Ngay sau vụ ám sát Diệm, cũng tờ nhật báo đó đã gọi ông là tên độc tài, là tay đàn áp. Sự trở mặt đó cần được giải thích như một hành động xu thời, hay là chỉ vì hốt hoảng thôi? Quả thế, người Công giáo lúc này sống trong sự hốt hoảng, lo âu sẽ bị trả thù. Diệm bị ám sát, cái đảng toàn trị Cần Lao đã sụp đổ như một tòa nhà bằng giấy. Phong trào Cách mạng Quốc gia khổng lồ, như do một bàn tay phù thủy làm biến mất dạng. Thay vào đó, người ta dựng lên Hội đồng Cách mạng gồm toàn tướng tá. Trong quãng trống chính trị này, cái trống rỗng không lấp đầy được với những đảng phái chính trị tái xuất giang hồ, những nhóm nhỏ thường chẳng có chương trình rõ rệt nào, và các tướng tá bắt đầu màn nhảy múa quay cuồng của họ. Hết binh biến lại đảo chánh, hết đảo chánh lại binh biến thay phiên nhau. Cuộc binh biến đầu tiên do «Minh đại ca» chỉ huy đã bị lật nhào ngày 30 tháng giêng 1964 bởi một nhóm tướng trẻ do Nguyễn Khánh điều khiển. Khánh lại phải cuốn gói ngày 13 tháng 9 để

nhường tay lái cho một «tên Thồ trẻ», tướng không quân Nguyễn Cao Kỳ. Như một phép lạ, ngày 27 tháng 10 năm 1964, xuất hiện một chính phủ dân sự của Phan Khắc Sửu, chẳng mấy bữa đã bị lật đổ ngày 20 tháng chạp trong một cuộc «đảo chính bỏ túi». Nguyễn Khánh lại lên ghế Chủ tịch, bằng một cuộc trở về yên ổn ngày 28 tháng giêng năm 1965, để ba tuần lễ sau đó lãnh án «lưu vong», làm đại sứ lưu động, rồi sau đó làm chủ một quán ăn ở Pari. Vụ lật đổ thứ sáu đưa ông tướng hung hăng Nguyễn Cao Kỳ lên cầm đầu chính phủ.



Nguyễn Khánh – Johnson, Westmoreland, Thiệu và Kỳ

Trước trận mưa máy quay cuồng đó của tướng tá, những người theo dõi tình hình Nam Việt Nam một cách sơ sài sẽ lấy làm ngỡ ngàng, khó hiểu. Nhưng thực tế đơn giản hơn nhiều. Có một nhân vật ngồi ung dung trong văn phòng mình, tại sứ quán Mỹ, cứ giật dây, điều khiển các con rối và thay đổi chúng tùy thích, đó là Cabot Lott. Chính Lott đã công khai tuyên bố với những người cứ bảo rằng không ai thay thế được Diệm, rằng: «*Tại Việt Nam có hàng chục người có khả năng thay thế ông ta*». Chính Lott đã giết con «*cu cu*» (nói theo ngôn từ của tác giả cuốn «*Vị đại sứ*», bởi vì Mỹ «*sẽ không rút khỏi Việt Nam trước khi thắng giặc*») (theo lời của ngoại trưởng Dean Rusk), Lott có nhiệm vụ chọn người có khả năng thực hiện mục tiêu của Mỹ. Nhất là kể từ nay, chủ Sam không thể rút khỏi Việt Nam mà không mất mặt. Tài liệu nghiên cứu của Lầu năm góc nói rõ: «*Phần chúng ta đã có trong cuộc đảo chính này, chỉ làm gia tăng trách nhiệm của chúng ta tại đó, cũng như sự lún sâu của Mỹ vào đó*» (Pentagon Papers, tr. 158, 205).

Nhưng con người mà Mỹ mơ ước chẳng thể tìm ra. Các tướng tá của cuộc lật đổ đầu, những sĩ quan mang quá nhiều sao và được

đào tạo kiểu Pháp, bị cho là nhút nhát và chậm chạp trong việc chấp hành lệnh của quan thầy nóng nảy đã bị thay thế bằng Nguyễn Khánh, «con cưng» của tướng Pôn Hackin và được Têlo đánh giá là «không ai thể được» trong một báo cáo ngày 10-8-1964. Tên đồ đệ dễ bảo này phải làm bung xung cho thầy mình, vốn ước mơ từ lâu việc ném bom Bắc Việt. Ngày 8 tháng 8, sau một vụ xô xát nhỏ trong hải phận Bắc Việt, giữa hai tàu tuần tiễu nhỏ Bắc Việt và các khu trục hạm của hạm đội 7, tổng thống Giôn-xơn đã ra lệnh ném bom phía trên vĩ tuyến 17. Nhưng cả Nguyễn Khánh lẫn chính phủ dân sự của Sừu, đều không thể thỏa mãn được tham vọng của Lầu năm góc. Sau đó, họ tìm được một người, tướng Nguyễn Cao Kỳ, đã từng lái máy bay ra đánh phá nhiều lần trên vĩ tuyến 17, con người ôm ấp trong lòng kế hoạch tấn công miền Bắc và nhiều lần đã tuyên bố ý định đó với báo chí.

Tuy nhiên viên tướng ăn chơi này, đầu hoạt bát và hữu hiệu đấy, cũng chỉ là một chính trị gia bết bát. Chẳng bao lâu, y đã đành chịu đóng vai nhì bên cạnh một tướng cao mưu, xảo kế hơn, đó là Nguyễn Văn Thiệu. Tay này đã **trở lại đạo Công giáo dưới chế độ Diệm**. Một số người cho rằng y theo đạo Công giáo vì những động cơ chính trị, hơn là lý do tôn giáo.

Nhằm tô vẽ cho chế độ Sài Gòn có một nước sơn dân chủ và để hợp thức hóa cho cuộc chiến thực dân mới tại Việt Nam. Cộng hòa đệ nhị ra đời: Hiến pháp mới được công bố ngày 1-4-1967 và cuộc bầu cử tổng thống được tiến hành ngày 2-9-1967. Thiệu đắc cử với Nguyễn Cao Kỳ đứng chung một liên danh. Bốn năm sau, Thiệu được tái đắc cử với tỉ lệ áp đảo là «94.36%», trong một cuộc bầu cử lịch sử mà chỉ mình ông ta độc diễn.

Trong khi đó, sự can thiệp của Mỹ vào chiến tranh Việt Nam trở nên trực tiếp và ồ ạt. Người ta biết rằng từ năm 1961, Kenodi đã phái «*Lực lượng đặc biệt*» qua Nam Việt và đã từng tung ra một chiến dịch bí mật phá hoại và tấn công miền Bắc, bằng cách sử dụng các toán biệt kích Công giáo chọn lọc trong thành phần di cư. **Ngày Diệm đổ, có 17.732 lính Mỹ tại Việt Nam trong tư cách «cố vấn quân sự»**. Sau vụ ám sát Diệm, tình hình chính trị và quân sự xấu đi. Để «cứu vãn các vị trí Mỹ tại Đông Nam Á» và để «chặn đường Trung Quốc», Lầu năm góc vạch ra kế hoạch hành quân cả trên không lẫn ở đất liền.

5 – ĐỐI DIỆN VỚI CHIẾN TRANH CỦA MỸ

Ngày 5 tháng 3 năm 1965, ba ngàn rưỡi lính Mỹ đổ bộ lên Đà

Năng, rồi nhiều đơn vị khác tiếp theo sau. Đến cuối năm ấy, quân lực Hoa Kỳ tại Việt Nam lên tới 184,414 người. Các lần bổ sung cứ tiếp tục theo nhau: đến cuối năm 1966, quân lính Mỹ đã lên tới 400,000 và cuối năm 1967 có quăng 500,000 quân. Việc leo thang không chiến đã được chuẩn bị bởi một loạt vụ khiêu khích rùm beng nhằm bắt «phía địch phản ứng», rồi ngày 6-2-1965, cuộc ném bom mở rộng đầu tiên tại Bắc Việt được tiến hành và liên tiếp những vụ đó nối đuôi theo hầu như hằng ngày. Đến cuối năm đó, chiến tranh không quân đã đạt nhịp độ 1500 chuyến cất cánh mỗi tuần. Các vụ ném bom hàng ngày trở nên càng tàn bạo hơn ở Bắc cũng như Nam, trong hai năm 1966 và 1967. Người ta đưa đất nước này trở lại «thời kỳ đồ đá», để các nhà lãnh đạo của nó phải quì gối xuống. Tất cả được đưa ra sử dụng nhằm đưa tới mục đích ấy: bom hóa học, bom napan, các loại vũ khí tối tân của kho chiến cụ Hoa Kỳ mang qua.



Máy bay rải chất độc da cam – Pháo đài bay B-52 trải thảm bom

Song nhân dân Việt Nam vẫn bất khuất. Ngày 31 tháng giêng năm 1968, Mặt trận Giải phóng tấn công Tòa đại sứ Mỹ tại Sài Gòn và một số thành phố quan trọng khác. Người dân Mỹ cuối cùng đã nhìn ra sự khùng dại của các tướng lãnh đạo họ. Tổng thống Giônxon thừa nhận sự thất bại và ngày 3-4-1968 chịu ngồi vào bàn hội nghị hòa bình với Bắc Việt Nam và Mặt trận Giải phóng.

Các cuộc thăm sát do bàn tay lính thủy đánh bộ của Mỹ trong những cuộc hành quân «tìm giết cho sạch, phá cho hết», trước những cảnh hủy diệt các thành thị khắp nơi trên thế giới dấy lên những phản ứng khác nhau. Tại Mỹ, đám «điều hâu» vỗ tay và biện hộ cho sự can thiệp của Mỹ bằng những lý lẽ tôn giáo. Dựa vào lời lẽ của chính quyền, theo đó «người Mỹ sang Việt Nam là do lời yêu cầu của chính

phủ Nam Việt Nam, nhằm chấm dứt việc miền Bắc xâm lăng và tạo ra những điều kiện thuận lợi cho một cuộc dàn xếp êm đẹp». **hiều linh mục rao giảng hô hào một cuộc thánh chiến.** Một bài của tạp chí *Ave Maria* (25-9-1955) trích lời đức **Piô XII**, khẳng định rằng: «*Bất kỳ nước nào đi xâm lăng đều phải bị các nước khác trừng trị. Điều chúng ta đang làm đây là việc trị tội một nước xâm lăng nó đang bị nước Trung Hoa Cộng Sản xử phạt*». Theo một điều tra dư luận của Catholic Pools Inc. năm 1967 thì có **80% linh mục Hoa Kỳ tán thành chính sách hiếu chiến của Giôn-xơn** (Johnson). Lời biện



hộ ngoại mục nhất là do Hồng y Xpenman (Spellman), tổng tuyên úy quân đội Hoa Kỳ, sau thánh lễ Vọng Giáng Sinh năm 1966, đã hô hào lính Mỹ tại sân bay Tân Sơn Nhứt, trước mặt đại tướng tổng tư lệnh Oétmolen (Westmoreland) rằng: «*Tôi tin rằng chiến tranh Việt Nam là một cuộc chiến bảo vệ nền văn minh... Như tổng thống chúng ta đã tuyên bố, cũng như lời ngoại trưởng, không thể chỉ thắng một cuộc chiến nửa vời được. Vì thế, chúng ta cầu nguyện cho chiến tranh chóng đến với chúng ta, bởi vì không thể nghĩ rằng một giải pháp nào, ngoài sự chiến thắng... Chúng ta phải chiến thắng, hầu bảo toàn những gì chúng ta gọi được là nền văn minh... Các bạn ở đây không chỉ là binh sĩ quân lực Hoa Kỳ, nhưng còn là binh sĩ của Đức Kitô*». Ít hôm sau, phát biểu trước mặt quân sĩ Hoa Kỳ, Hồng y lại cả quyết: «*Ở đây, các bạn đang bảo vệ một chính nghĩa, chính nghĩa của văn minh và chính nghĩa của Đức Chúa Trời!*»



Những lời tuyên bố đó của Hồng y, hình như bị lu mờ đi trước cuộc vận động chống chiến tranh do một thiểu số linh mục và người Công giáo Mỹ tung ta. Quả thế, từ 1965, có một số linh mục, tu sĩ nam nữ Công giáo phối hợp với những cuộc biểu tình do Tin Lành tổ chức đòi ngừng bắn và rút lính Mỹ về. «*Thưa tổng thống, nhân danh Đức Chúa Trời, hãy ngừng tay lại*».

Đứng trước việc Mỹ leo thang chiến tranh, nhiều sinh viên đã tổ chức «*biểu tình ngồi ì*» hoặc bãi khóa, nhiều mục sư, linh mục và giáo sĩ Do thái giáo

cùng nhau lập ra một «Ủy ban giáo sĩ lo về Việt Nam». Rằng mình chỉ là một thiếu số.

«Chúng tôi nhận thấy với đầy lo âu rằng người Kitô giáo Hoa Kỳ, cho tới nay, đã không thành công trong việc góp phần vào việc giữ hòa bình thế giới. Họ hầu như câm nín, đang khi đất nước ta càng ngày càng sa lầy vào chiến cuộc Việt Nam». Về phía Công giáo, tình hình còn tệ hơn. *«Quả là đáng báo động, khi nhận thấy rằng người Công giáo không đưa ra một chứng cứ rõ rệt liên quan đến cuộc chiến khốn nạn này. Đã hẳn, có ít người trong họ, như các linh mục Danien và Philip Berigan có làm chứng. Nhưng đa số người Công giáo thì không.»* (Sứ điệp Hội đồng Nhà thờ thế giới ngày 3-12-1965).

Đúng thế, đa số người Công giáo Mỹ đi theo đường hướng của hàng giáo phẩm hơn là suy nghĩ tới những lời kêu gọi đầy lo âu của Hội đồng Đại kết các Giáo phái, của một số giới chức nước ngoài và của đức **Phaolô VI**, từ 1964, đã từng kêu gọi nhiều lần và tỏ ra lo lắng nhiều về nền hòa bình. *«Những khổ cực và lo âu phát xuất từ các cuộc tàn phá to lớn như thế, mà không dạy cho chúng ta điều gì sao? Nhìn thấy những cảnh xáo trộn của bao gia đình tàn nát, của bao nhiêu thân thể bị xâu xé, cùng những thành thị bị hủy diệt, mà không gây được ảnh hưởng gì trong tâm trí những người có trách nhiệm hay sao?»*. Trước và sau Giáng sinh 1965, đức Phaolô VI đưa ra một loạt hành động hăng hái, phục vụ cho một nền hòa bình bằng con đường thương lượng.

6 – GIÁO HỘI ĐỐI DIỆN VỚI VẤN ĐỀ HÒA BÌNH

Trong bối cảnh như thế, thái độ của Giáo hội Việt Nam như thế nào? Sau một lúc bị gạt ra rìa bởi nhóm tướng tá đảo chính và Hoa Kỳ đang muốn chơi con bài Phật Giáo, người Công giáo lại giành được thế mạnh chính trị vào năm 1965. Quả thế, trong vụ khủng hoảng Phật giáo và sau khi Diệm bị đổ, người Mỹ cứ nghĩ rằng có thể dựa vào Phật giáo để thực hiện mục tiêu của mình. Nhưng Giáo hội Phật giáo Thống nhất, mặc dầu có nhiều xu hướng và ý đồ khác nhau, vẫn không tán thành chiến tranh và không chống lại việc thương thuyết với Cộng sản. Một điều chắc chắn, theo cây bút Xunbecgo trong tờ *Nữ Uớc Thời báo* ngày 15-3-1965, tổ chức Phật giáo không đồng tình với kiểu cách của Oasinhton, mà lại nghiêng về phía các ước nguyện của Việt Cộng.

Mất hứng trước thái độ của Phật giáo, Lầu năm góc quay lại

luôn phía Công giáo và chơi cho hết ván bài này. Dĩ nhiên, trong các tài liệu của Tổng giám mục Sài Gòn, tiếng «hòa bình» hay được nói đến, nhưng luôn luôn chỉ rõ rằng phải là một thứ «hòa bình công bình bền vững» chứ không phải chỉ là «hòa bình giả tạo chẳng khác gì một cuộc đầu hàng Cộng sản». Người Công giáo lại bắt đầu xuống đường, biểu dương lực lượng. Ngày 12-6-1966, 20.000 thanh niên Công giáo biểu tình trên đường phố, trước mặt 40.000 người đồng đạo của mình. Thanh niên biểu tình được tổ chức thành những toán bán quân sự và bận đồng phục màu đen, có nịt lưng. Họ hãnh diện hô các khẩu hiệu, rồi được quần chúng hô theo: «*Nhân dân Việt Nam ghi ơn quân đội đồng minh*» (Hoa Kỳ). «*người Công giáo không thỏa hiệp với Xatan*», «*Liên hiệp với Cộng sản là tự sát*». Đồng thời, **các báo Công giáo hoan nghênh các cuộc ném bom của Mỹ** như là «*cử chỉ xứng đáng của người Xamarita tốt bụng*». Họ tránh né không công bố các lời kêu gọi hòa bình của Đức Giáo hoàng, hoặc kiểm duyệt cắt xén, hoặc tìm cách giới hạn ảnh hưởng của những lời kêu gọi ấy. Chẳng hạn tờ *Xây Dựng*, nhật báo Công giáo, viết: «*Đức giáo hoàng không được thông tin đúng đắn, Ngài không rõ tình hình phức tạp của Việt Nam, Ngài chỉ nắm được một khía cạnh của vấn đề, Ngài bị bao vây bởi nhóm người khả nghi... Đức giáo hoàng bị ép phải ăn nói có lợi cho kẻ thù...*»

Đức giáo hoàng, vừa nói ra một thông điệp đòi phải thương nghị tái lập hòa bình, không thể không lo lắng trước thái độ thiếu sốt sắng của hàng Giáo phẩm Việt Nam, cũng như trước lập trường công khai ngược lại của người Công giáo. Thực ra, có một số người Công giáo, gồm linh mục và giáo dân, lấy lập trường thương lượng hòa bình, như 11 linh mục đã ký tên vào một bản thương nghị và hòa bình ngày 1-11-1966. Nhưng các tài liệu đó **bị các cha xứ cấm giáo dân tiếp xúc**, còn tác giả thì bị anh em đồng nghiệp cô lập, và bị bẻ trên ruộng bỏ. Một nhà báo của tờ Thông tin Công giáo quốc tế đã hỏi một giám mục vào tháng 4 năm 1965 rằng: «*Tại sao Đức cha không phổ biến rộng rãi lời kêu gọi hòa bình của đức Phaolô VI?*» Trả lời: «*Ông cứ xem bức thư của 11 linh mục. Đó là một kiểu lên tiếng nguy hiểm. Chính phủ có thể giải thích bức thư đó như một sự hòa theo Cộng sản. Và Giáo hội có thể vì đó mà gặp rắc rối. Vì thế, chúng tôi khó lòng mà nói được về hòa bình. Bức thư đó gây nguy cơ chia rẽ Giáo hội, bởi vì kẻ thù của chúng tôi có thể coi đây như lập trường chính thức của hàng Giáo phẩm, điều đó không đúng đâu... Bên châu Âu, các ông không hiểu gì. Những người Cộng sản của các ông là lớp*

người tư sản, tử tế và hiền lành. Ở đây, biện pháp của Việt cộng kinh khủng lắm. Họ chôn sống những ai không chịu đi theo họ. Họ biết rõ từng người đàn ông, đàn bà, họ ghi số, kiểm soát, đóng khung dân chúng lại. Các ông không hiểu những điều đó là thế nào cả... ».

Như để bắt các giám mục tỏ một thái độ mềm dẻo hơn, tháng 10 năm 1966, đức Phaolô VI đã phái một đặc sứ qua Sài Gòn. Trong sứ mạng khó khăn này, đức cha Pighêdoli đã chỉ làm được cho các giám mục Việt Nam y như với đức Phaolô VI và lặp lại nguyên xi các lời của Ngài: «Nhân danh Chúa, chúng tôi xin kêu lên: Hãy ngừng lại. Cần phải gặp gỡ nhau một cách thành thật..., Hòa bình và tự do, phải tôn trọng các quyền con người, quyền lợi cách công đồng, nếu không thì chỉ là hòa bình mỏng manh và không bền vững».

Bản tuyên bố hơi miễn cưỡng đó, xem ra không ngược lại với lời cả quyết của đức cha Pighêdoli được tờ báo *Sống Đạo* đăng tải: «*Nếu có chống, hay đúng hơn, nếu có chống lại việc thương thuyết để đi tới hòa bình, thì đó là phía Công giáo. Nhận xét này là một cách tỏ cáo Giáo hội Việt Nam, quá chậm chạp trong phong trào hòa bình, mặc dầu đã có những lời kêu gọi và các nỗ lực của đức Giáo hoàng*». Các sự kiện xảy ra sau tháng 10-1966 xem ra xác nhận thực tế đau lòng nói trên. Người ta trông thấy sự có mặt âm thầm của một giám mục Việt Nam trong buổi Hồng y Xpenman đưa ra bản tuyên bố hiệu chiến dịp lễ Giáng sinh 1966. Người ta cũng nhận thấy toàn thể hàng Giáo phẩm giữ im lặng hoàn toàn đối với «quả bom Xpenman», nó đã gây bối rối cho Vatican và khiến một số giám mục, linh mục và giáo dân trên thế giới phản đối.

Trái lại, tại Sài Gòn, một tờ tuần báo cho rằng «*tu tưởng của Hồng y trùng hợp với tư tưởng của Đức giáo hoàng*». Lực lượng đại đoàn kết đồng tình với lời tuyên bố của Hồng y người Mỹ, bởi vì «*các vụ ném bom Bắc Việt là đúng đắn và có thể biện hộ được*». Hơn nữa, họ yêu cầu những người Công giáo «*chủ hòa*» Hoa Kỳ «*đừng làm gì, đừng nói gì có thể làm suy yếu sự kháng cự của Việt Nam*». **Giáo hội Việt Nam tin cậy vào đường lối cứng rắn, nghĩa là đường lối Mỹ, và chấp nhận lập trường chính thức của Lầu năm góc như một tín điều**, theo đó người Mỹ sang Việt Nam chỉ nhằm bảo vệ miền Nam khỏi họa xâm lăng Cộng sản. (Người ta biết được nhờ việc công bố Tài liệu Lầu năm góc, rằng những lý do đích thực của cuộc viễn chinh Hoa Kỳ là lợi ích của Hoa Kỳ thôi). Giám mục Xét (Seitx) địa phận Kông-tum, đã không dấu diếm ý kiến mình khi nói với ông Vanuxem, một cựu tướng lĩnh của đạo quân viễn chinh Pháp rằng:

«Tôi cam đoan, xâm lăng là từ Bắc vào. Và cuộc xâm lăng mang dạng tàn bạo nhất là xâm lăng các linh hồn. Dân của tôi là tốt hay xấu, tùy họ được che chở hay là bỏ rơi vào tay Việt cộng... Hoa Kỳ đã định bao vây và cô lập Trung Quốc. Để làm việc đó, còn thiếu Cambốt và Miến Điện. Nhưng Mỹ không thể lùi thêm một đốt ngón tay nữa, nhượng bộ một tấc đất, làm suy yếu vị trí của họ đi, là mọi sự sẽ lâm nguy, rồi sẽ mất hết». (Espoir à Saigon, tr. 171).

Ít lâu sau vụ Xpenman, hồng y Cac-đin (Cardin) ký tên vào một bản tuyên cáo «yêu cầu» ngưng tức khắc vụ ném bom của Mỹ tại Bắc Việt và phải tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân Việt Nam, bằng cách rút quân đội Mỹ về và chấm dứt mọi can thiệp nước ngoài vào Việt Nam. Chính Hồng y, vị sáng lập Phong trào Thanh Lao công, ngõ ý muốn qua Sài Gòn gặp *Thanh Lao công Việt Nam*. Phía Việt Nam đã phản ứng nhanh. Giám mục Phạm Ngọc Chi – người đã thường tháp tùng Hồng y Xpenman trong cuộc viếng thăm Sài Gòn – đã nhân danh mình và các linh mục, giáo dân của ông gửi một điện văn cho vị Hồng y người Bỉ, nói lên sự đau buồn của ông khi thấy Hồng y cổ vũ một nền hòa bình giả dối, bằng hành động «liều lĩnh và nguy hiểm trước khi bàn với hàng Giáo mục Việt Nam và Tòa Khâm sứ tại Việt Nam». Đức cha Khâm, Giám mục phụ tá Sài Gòn, viết cho Ngài rằng tại Việt Nam, người ta coi Hồng y là «người bất bảo». Nhiều bức điện khác cũng gởi tới phản đối Hồng y.

Để đánh dấu rõ sự phản đối của dân chúng, nhiều cuộc mít tinh không lồ đã được tổ chức tại Sài Gòn và các làng Công giáo, với những khẩu hiệu «Hồng y Cac-đin làm bung xung cho những tay chạy tìm hòa bình giả dối đang làm nên đạo quân thứ năm của bọn Cộng sản xâm lăng Việt Nam», «khi để cho những tay hòa bình giả dối lợi dụng tên tuổi mình, Hồng y Cac-đin đã để bàn tay mình vấy máu tín hữu Công giáo Việt Nam chuộng hòa bình thật», «Đã đảo những tay sai phát xít làm tội mọi cho Cộng sản»...

Có những tờ báo Công giáo gọi Hồng y là «Hồng y Cộng sản, là chiến ghê, là con ma quỉ». Tờ *Thắng Tiên*, một tờ báo Công giáo, coi đó như dấu hiệu của một âm mưu thực dân và Cộng sản chống lại miền Nam tự do. Người ta tố cáo sự điên rồ của các tín hữu người Âu, kể cả Giám mục và Hồng y dám nói việc chung sống giữa Công giáo và Cộng sản vô thần, giữa thế giới tự do và khối Cộng sản.

Năm 1967, khắp nơi trên thế giới, nhất là tại Hoa Kỳ, nhiều cuộc biểu tình được tổ chức chống lại hành động của Mỹ tại Việt Nam. Tại Việt Nam, các binh sĩ Mỹ đã đẩy được lên ngôi tổng thống

một người công giáo (Nguyễn Văn Thiệu) và đưa vào thượng viện đa số nghị sĩ Công giáo (35 ghế trên 60). Đó là thắng lợi lớn của chủ thuyết «*dánh tới cùng*». Tại Mỹ và trên thế giới, chính phủ Giônxon đang ngày càng mất hết tín nhiệm. Ngày 2-5-1967, Đức **Phaolô VI** kêu gọi thương thuyết và ngừng ném bom. «*Cần ngưng việc ném bom Bắc Việt và đồng thời chấm dứt việc chuyển quân và vũ khí vào miền Nam*». Bảy tháng sau đó, ngày 8-1-1968, Hội đồng Giám mục miền Nam cũng chỉ lặp lại các lời kêu gọi trên của Đức Giáo Hoàng, lời kêu gọi bị vô hiệu hóa bởi thái độ im lặng của Ngài về vụ lính Mỹ thảm sát dân thường tại Mỹ Lai tháng 3 năm 1968 bởi các bài Công giáo chống lại việc thương thuyết do báo chí Hoa Kỳ đề nghị.

Tại Mỹ, sau cuộc bầu cử tháng 11 năm 1968, Nic-xon thay thế Giônxon. Tổng thống mới hứa sẽ rút dần binh sĩ Hoa Kỳ về và sẽ *Việt Nam hóa chiến tranh*, đồng thời tăng cường ném bom Bắc Việt. Nhà trắng hy vọng làm dịu bớt tiếng phản đối của dân chúng Mỹ bằng cách giảm đến tối thiểu số binh sĩ bị giết, đồng thời vẫn làm cho đời sống tại Bắc Việt bị tê liệt, cũng như tại các vùng do Mặt trận Giải phóng kiểm soát, bằng các cuộc không tập còn tàn bạo hơn thời Giônxon.

Những cảnh bạo tàn của chiến tranh, **việc hủy hoại cả nền văn hóa Việt Nam do quân đội Mỹ chiếm đóng**, ngày càng tạo nên ở Việt Nam các phong trào chống đối, nhất là trong giới trẻ, học sinh, sinh viên và các nhà chùa. Cuộc đàn áp rất dã man. Hàng ngàn sinh viên và Phật tử bị bắt, tra tấn, thanh toán, không cần xét xử. Trong Giáo hội Công giáo, thái độ hàng giáo phẩm và linh mục không thay đổi. Người ta **tiếp tục ủng hộ sự can thiệp Mỹ và chế độ Thiệu**, trong đó người Công giáo nắm được các vị trí then chốt. Một số người hoan hô Nichxon tăng cường ném bom Bắc Việt. Họ **bực bội khi thấy Mỹ còn tha cho thành phố Hà Nội và các đê điều sông Hồng. Họ lấy làm lạ tại sao Hoa Kỳ chưa sử dụng bom nguyên tử mà hủy diệt Cộng sản**. Hàng giáo phẩm giữ im lặng trước các cuộc thảm sát dân thường, trước hoàn cảnh các tù nhân chính trị bị nhốt «*chuồng cọp*» khi các phương tiện thông tin cả thế giới đã làm rùm beng lên khắp nơi rồi. Nhờ việc tiết lộ của Don Luce và mấy thượng nghị sĩ Mỹ, người phương Tây biết được các cuộc tra tấn man rợ tại các đồn bót cảnh sát, tại các văn phòng mật vụ, tại các nhà giam được Mỹ trang bị và nuôi dưỡng, điều mà tại miền Nam mọi người đều hay biết và phản đối, chỉ trừ tiếng nói chính thức của Giáo hội.

Từ 1968 đến Hiệp định Paris tháng giêng 1973, tám thảm kịch

Việt Nam một mặt là những tàn phá do chiến tranh gây nên, mặt khác là những cuộc đàn áp đối lập và phản chiến, vì chủ trương trung lập cũng như những người thiên Cộng hay là Cộng sản.

Về mặt quân sự, chiến dịch Phụng Hoàng do CIA tung ra nhằm tảo thanh triệt để các vùng hoặc nghi ngờ, hoặc chính phủ Sài Gòn không kiểm soát được. Phương thức thật giản dị bởi quân cách mạng là cá sống trong nước, thì cứ tát hết nước đi thì bắt được cá. Trong những cuộc càn quét rộng lớn kinh khủng, quân đội Mỹ và Nam Việt quét sạch các làng mạc, bắt đi tất cả nam nữ và trẻ em cho vào cái trại «lánh nạn» có rào kẽm gai, rồi giao cho mật vụ thanh lọc. Những người tình nghi được đưa tới các phòng thẩm vấn hoặc trại giam. Sau khi đã cưỡng bức tập trung dân chúng vào các trại tỵ nạn chung quanh các thành phố hoặc căn cứ quân đội, nông thôn được coi là «vùng tự do» ném bom giết chết bất kỳ ai, hoạt hủy diệt bằng rải chất độc hóa học, thuốc làm trụi lá và bom napan. Cũng gọi là vùng «*tự do oanh kích*», những vùng do Mặt trận Giải phóng kiểm soát mà quân đội Mỹ và Nam Việt không thể chiếm được. **Số lượng bom ném xuống nguyên miền Nam đã vượt số lượng bom sử dụng trong thế chiến thứ hai.**

Về việc đàn áp, cảnh sát miền Nam, được Mỹ trang bị cho, đã đạt tới mức hiệu quả tối đa, vì có cả máy điện toán, và còn dụng cụ tra tấn thì có loại thuộc thời trung cổ, có loại hiện đại tối tân nhất. Những người bị giam giữ phải chịu những cực hình man rợ, vô nhân đạo, vượt xa khả năng tưởng tượng của con người. Về bình diện xã hội, các tệ đoan lan tràn khắp nơi: cái gì cũng mua được, bán được, các chức vụ trong Quốc hội, chức vụ các tỉnh, quận huyện, làng xã; chợ đen là địa bàn phổ biến cho mọi hạng người, Công giáo cũng như Phật giáo, tu sĩ cũng như giáo dân, nạn mãi dâm lan tràn rộng khắp, tham nhũng, ăn cắp, hối lộ ngày càng trở nên chuyện thường ngày của dân chúng.

Đứng trước những thực tế đau buồn đó, một lực lượng «đổi lập» hình thành trong Giáo hội: một thiểu số các linh mục và giáo dân, trí thức hay thợ thuyền, lên tiếng báo động và thức tỉnh Giáo hội đã «*sa lầy với Hoa Kỳ*», lại một lần nữa **phản bội tổ quốc vì những đặc quyền và đô la, liên hiệp với một chính quyền thối nát, áp bức.** Hai tờ báo «*Đổi Điện*» và «*Chọn*» có được một số bài rất có giá trị để tạo ra một bầu không khí đối thoại, thông cảm và đấu tranh cho hòa bình. Nhưng âm vang lại chỉ xảy ra chủ yếu nơi giới trẻ, người ngoài Công giáo. Một linh mục thổ lộ: «*Hể anh nói với một người*

Công giáo Việt Nam về trường hợp Cộng sản có thể thắng, anh sẽ làm cho họ phải run rẩy cả người, họ sẽ nạt nộ, mất cả trí khôn. Đối với người Công giáo đó, Cộng sản sẽ là loại người đã bị kết án sa hỏa ngục rồi». Mấy tạp chí kể trên chẳng mấy chốc đã bị chính quyền giáng cơn lôi đình cho. Ông chủ nhiệm Đối Diện bị kêu án 5 năm tù giam, và mấy triệu đồng tiền phạt, còn tờ báo thì sau nhiều lần bị tịch thu, cuối cùng đã bị đóng cửa vĩnh viễn từ 1972. Từ đó, nó trở thành báo lậu và phát hành chui. «Chọn» cũng không được nương nhẹ hơn, vì đã dám phổ biến và chú thích tài liệu Thượng hội đồng Rôma về «Công bằng trên thế giới», mỗi biên tập viên đã lãnh 5 năm tù giam và tờ tạp chí bị đặt ra ngoài vòng pháp luật.

Linh mục **Trần Tam Tĩnh**

[<http://sachhiem.net/TONGIAO/TTTINH/TranTamTinhCover.php>]

NGHĨ VỀ HAI DÒNG HỌ THÔNG GIA HUẾ

Nguyễn Hạnh Hoài Vy



Hai Thượng thư Nguyễn Hữu Bài (trái) và Ngô Đình Khả

Hai dòng họ Nguyễn Hữu và Ngô Đình nhờ vào mối liên hệ thông gia tôn giáo-chính trị (Nguyễn Thị Giang, con gái của Nguyễn Hữu Bài kết hôn với Ngô Đình Khôi) đã đưa dòng họ Ngô Đình bùng bành với quyền lực đến hơn nửa thế kỷ, mang một nét độc đáo vượt trội hơn cả, bao gồm các đặc tính sau:

- dòng dõi vốn xuất thân từ khó rách áo ôm, nhờ 'rửa tội' mà mấy đời con cháu no cơm ấm cật.

- cung cúc phục vụ cho ngoại nhân (thế quyền lẫn giáo quyền).

- tâm chất thì bán nước cầu vinh, nhưng lúc nào cũng có mang chiếc áo quốc gia, dân tộc.

- đạo đức qua bộ mặt cuồng tín tôn giáo.

- cả hai đều phải "vào ra" cánh cửa các nhà tu Công giáo mà tạo quyền thế về sau.

Theo "Nhân Vật Giáo Phận Huế", tập I (tác giả Lê Ngọc Bích, tài liệu lưu hành nội bộ), cho rằng "Nguyễn Hữu Bài vốn nguyên quán Thanh Hóa, là hậu duệ của Nguyễn Trãi" (trang 110). (Theo bảng phụ chú "Thế hệ dòng họ" (trang 111), Hoài Vy ghi nhận có rất nhiều dấu hỏi cần phải được đặt ra trên phương diện sử liệu về mối liên hệ dòng họ của ông Bài với Nguyễn Trãi, nhưng đây là một vấn đề khác cần được trình bày ở một bài viết khác).

Phêrô Giuse Nguyễn Hữu Bài, sinh ngày 18-9-1863 tại làng Cao Xá, phủ Vĩnh Linh, Quảng Trị. Thời thiếu niên, cha mất sớm, năm lên 10 tuổi mẹ ông xin linh mục Gioan Châu bảo trợ vào tiểu chủng viện An Ninh. Chính Linh mục Caspar (tên Việt: Lộc) có lần khen "*Bài là một thanh niên tuấn tú, tương lai thành tài, đạt đức.*" (trang 112), sau đó gởi ông đi học chủng viện Pénang (Mã Lai).

Học xong, Bài về nước vào đúng lúc hòa ước Patenôtre Việt-Pháp vừa được ký kết, Bài được giới thiệu làm thừa phái Nha Thương Bạc (chức nhỏ từng sự tại cơ quan ngoại giao của triều đình, việc chính là làm thông ngôn).

Năm 1887, ông được cử đi đánh giặc "thổ phi" miền thượng du Bắc kỳ trong 5 năm (sách đd, trang 113). Đây mới là chỗ có vấn đề! Giữa lúc thực dân Pháp tác oai tác quái trên khắp lãnh thổ Việt Nam, giai tầng "phục dịch ngoại nhân bản địa" thăng quan tiến chức, trong lúc các phong trào Cần Vương yêu nước nổi lên kháng chiến khắp nơi.

Ở Bãi Sậy có Nguyễn Thiện Thuật, Tạ Hiện, Phạm Bành.

Ở Thanh Hóa có Đinh Công Tráng với căn cứ Ba Đình.

Ở Bắc Giang có Hoàng Hoa Thám với chiến khu Yên Thế.

Ở Hưng Sơn (Hà Tây) có Phan Đình Phùng, Cao Thắng... Cao trào kháng chiến bùng nổ năm 1887, là kết quả một chuỗi tiếp nối từ "*Sau biến cố 1885, tầng lớp "kỳ lục" kiêm "thông sự" được đeo thẻ bài ở Tòa Khâm, cái giai tầng được sự đỡ đầu bằng đề cử của các giáo sĩ ở ngoại quốc. Họ thành lập giai tầng trung gian bản xứ thay thế giai tầng Văn Thân nho sĩ và thường biện minh cho sự hợp tác với Pháp qua chiêu bài "thánh chiến" lập tân trào.*" (Vũ Ngự Chiêu, sách đd, tập 2, trang 484)

Ngược lại với cảnh tượng nhốn nháo trên, hàng hàng lớp lớp sĩ phu trên lãnh thổ phía Bắc, các anh hùng kháng Pháp nổi lên khắp nơi, thì ông Nguyễn Hữu Bài lại được triều đình (tất nhiên là qua mặt lệnh của Pháp) được cử đi đánh dẹp "thổ phi" (theo Lê Ngọc Bích, sách đd).

Thổ phi thật ra là một lối chơi chữ để tránh phải gọi là các anh hùng nghĩa quân chống Pháp, một lối chơi chữ 'xách mé' vô trách nhiệm, không biết hổ thẹn với lương tâm, không sợ phải mang tội với lịch sử dân tộc. Biết bao nhiêu anh hùng kiêu 'thổ phi' này đã bị bọn người bản xứ được "rửa tội" và đeo "thánh giá" vào người gài bẫy, giết hại để lập công với nước Đại Pháp !

Và cũng nhờ các công trạng đó, Bài được thăng tiến từ Bó

chánh Thanh Hóa rồi ngóc đầu lên tới Thị lang Bộ Lại, Thượng tá Cơ Mật, Tham tri Bộ Hình, sau cùng là Thượng thư triều đình.

Năm 1922, được đi sứ sang Pháp, tháp tùng vua Khải Định với chức Hộ giá Đại thần, Bài ghé thăm kinh đô của con dân Chúa là Vatican, được Giáo hoàng Piô XI cho quý xuống hôn chân, tâm hồn Bài bốc lên tận mây xanh, làm bài thơ ca ngợi "Nước Thánh" như sau:

*"Nghe rằng La mã, nước văn minh,
Rằng mới qua xem thấy hiện hình.
Cung điện Giáo hoàng còn vị trí,
Thành trì Ý quốc đã kinh dinh.
Thần đồ, từ vũ, nên kỳ tuyệt,
Cổ tích lâu đài thật khủng kinh.
Yết kiến mông ơn châu Thánh tọa,
Trăm phần danh giá, bội thêm vinh."*

("Lịch Sử Giáo Phận Huế", 'Vịnh đi La mã', trang 116. Theo chú thích của Lê Ngọc Bích, "thần đồ": tượng ảnh, "từ vũ": đèn đài).

Bài thơ 'xuất thần' ca tụng Vatican này đáng được Giáo hội Công giáo Việt Nam khắc bằng vàng để ghi nhớ tấm lòng sắt son của những kẻ biết "hiếu nghĩa".

Bản chất của Bài rất đáng được xếp loại vào giai tầng "trung gian" mà Vũ Ngự Chiêu đã mô tả rất cụ thể: "*Vào thời điểm 1885, đây không còn là những lời cáo buộc vô bằng chứng nữa. Vì lý do này hay lý do khác, đa số tín đồ Ki-tô đã bị lọt vào vòng ảnh hưởng của Pháp, và một thiểu số khác – vì cuồng tín hay vì danh lợi bản thân, hoặc cả hai – tích cực hợp tác hoặc phục vụ quân viễn chinh Pháp. Trên khắp chiến trường từ Bình Thuận ra tới thượng du Bắc Việt, đại đa số thông sự, nho, lính tập, điếm chỉ, dẫn đường cho Pháp là giáo dân Ki-tô.*" (sách đd, tập 2, trang 456).

Và danh lợi muốn bền vững cũng cần sự kết hợp gắn bó: "*Ông Nguyễn Hữu Bài có một người bạn đồng liêu lớn hơn ông chừng một con giáp: ông Ngô Đình Khả (1857-1923). Hai vị đều là lương đồng của triều đình, đồng hương, đồng đạo và đồng chí. Mỗi vị có những hoạt động khác nhau, nhưng hỗ trợ nhau.*" (Theo Lê Ngọc Bích, sách đd – tập I, trang 125).

Khá khen cho cụ Lê Ngọc Bích dùng chữ để mô tả khá cụ thể: hai họ có rất nhiều cái "đồng", nhưng đồng chí mang một nét "độc đáo" nổi bật. Ông Khả và ông Bài đã đồng chí ở những điểm nào ?

Trước hết, hãy nhắc lại tông tích của ông Khả là ai? – Micae

Ngô Đình Khả sinh năm 1857 nguyên quán làng Đại Phong, huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình. Thuở nhỏ, Khả được cha là Giacôbê Ngô Đình Niêm hay cho đi giúp lễ với một vị linh mục Pháp ở họ đạo Mỹ Duyệt Hạ (tổng Thanh Xá, Lê Thủy). Năm 1870, Khả được Linh mục Caspar (Lộc) cho đi học chủng viện Pénang. Học được 8 năm, đến năm 1878, nhưng "*không thấy ơn Chúa gọi*", nên lấy vợ cho ấm thân. Lấy vợ lần thứ nhất với Madelêna Chữu, bà này qua đời, lấy vợ lần nữa (năm 1889) với Anna Phạm Thị Thân. (Theo Lê Ngọc Bích, sách đd, trang 105-109, tập I).

Chúng tôi chưa biết có tài liệu nào nói đến việc ông có con cái gì với bà Chữu hay không, riêng với bà Thân, đã đẻ ra một loạt quý tử Ngô Đình, có người về sau làm tới tổng thống. Cũng như Bài, ông Khả đã "vào ra" chủng viện Pénang, làm thông ngôn, Cơ Mật viện triều đình, quan hàm Chánh Tứ Phẩm, thăng đến Thượng Thư Bộ Công. Nét giống nhau độc đáo nữa, là 12 năm sau (1895) kể từ ngày Phêrô Giuse Bài ra Bắc trừng phạt "thô phi", Micae Khả được cử làm Phó tướng cho Nguyễn Thân ra Bắc đánh dẹp nghĩa quân "phản loạn" Cần Vương ở Vụ Quang (căn cứ kháng chiến của Phan Đình Phùng). Khả thắng trận, nhưng chưa hả dạ, đào mã lấy xác cụ Phan trộn thuốc súng làm đạn, bỏ vào súng đại bác bắn cho tiêu xác trên sông Lam giang.

Đây là "trò chơi" độc đáo nhất của "cụ" Khả, đúng là "*Đức lớn tài cao, trí có thừa; Đại thân Thị vệ tiếng khi xưa...*" ('Nhân Vật Giáo Phận Huế', Lê Ngọc Bích, sách đd, trang 109).

Cái tâm chất "trí có thừa" này hẳn là một nhiệm-sắc-thê di truyền khó thoát : các hậu duệ của ông Khả như Ngô Đình Khôi – đã từng nổi danh với cách dùng mãnh sành và nước lạnh để tra khảo những người làm cách mạng lúc ông làm Tổng đốc Quảng Nam, hay "cụ Ngô" hồi làm quan lớn cũng từng dùng đèn cầy hơi nóng hậu môn tù nhân ngay lỗ khoét của ghế ngồi để tra khảo tù nhân cách mạng. Có người đã cho rằng, một kẻ làm đến tổng thống, khi đã ra lệnh tấn công chùa chiền, bắt bớ hàng ngàn tăng ni, thì việc ác nào cũng có thể làm. Hậu duệ Ngô Đình Cần với 'Chín Hâm' ở gần Phủ Cam, Huế là nơi đã bức tử, hại sinh biết bao sinh mạng vô tội; hay một đứa con khác đã đi tu tới chức Giám mục rồi, mà vẫn đeo đẳng tinh thần:

*"Ngô Đình Thực háo danh thêm chức tước,
Tiếm loạn quyền nên cả nước khinh khi,
Tu hành gì mà gian ác sân si!
Thế mà vẫn nghiễm nhiên làm Giám mục..."*

(Nguyễn Mạnh Quang, *Thực Chất của Giáo Hội La Mã*, tập 2, tác giả xb, trang 571).

Nhận định về công trạng của hai đại dòng họ Nguyễn Hữu-Ngô Đình đã **đóng góp cho thể quyền (Đại Pháp) và giáo quyền (Giáo hội Công giáo Vatican)** lớn tới đâu, chỉ có trong nội bộ của hai thế lực này biết thôi, nhưng có một câu về trong dân gian ở Huế về hai nhân vật này "*Đày vua có Khả, đào mã có Bài*" vẫn còn là dấu hỏi. Dấu hỏi bởi, theo các tài liệu lịch sử Giáo hội Công giáo Việt Nam viết thường là ca tụng hai nhân vật "độc đáo" này hết lời, và tất nhiên câu về dân gian trên được sửa lại:

"Phé Vua không Khả, Đào mã không Bài" ("Nhân Vật Giáo Phận Huế", sách đd, tập I, trang 115) để ám chỉ tới lập luận của chính họ: Bài đã từng "lên tiếng" ngăn chặn, dù không thành, Khâm sứ Mahé ngang ngược bắt khai quật lăng Vua Tự Đức lấy vàng ngọc châu báu vào năm 1907, dưới triều Vua Duy Tân. Ông Thượng Ngô Đình Khả "phản đối" Pháp trong âm mưu truất phế và đày Vua Thành Thái (cũng chỉ lên tiếng thôi mà không thành!). Cho tới hôm nay, các nhà viết sử ở nước ngoài chưa thấy ai nói rõ điều này một cách rạch ròi cho thỏa lòng dân Huế. Đến ngay cả tác giả Hoàng Trọng Thược trong "*Hồ Sơ Vua Duy Tân*" (Thanh Hương xuất bản 1984, Hoa Kỳ) cũng dùng tài liệu cũ vốn thiếu phần chính xác để xác nhận việc Ngô Đình Khả không chịu ký tờ biểu vua thoái vị (trang 410). Nhưng với vai trò "Thị vệ" (đúng nghĩa là làm nhiệm vụ cảnh sát và báo cáo) báo cáo mọi hành vi, nhất cử nhất động của Vua Thành Thái lên quan Đại Pháp, thì sự việc ông Khả có lên tiếng "phản đối" âm mưu "truất ngôi, đày vua" có thật hay không cũng chẳng có giá trị thuyết phục nhân dân Việt thay đổi cái nhìn về bản chất và hành động của Bài và Khả.

Theo nhận xét qua phương pháp phân tích sử liệu của Vũ Ngự Chiêu ('*Các Vua Nhà Nguyễn*', tập 2), chúng ta thấy có sự mâu thuẫn giữa Giáo hội Công giáo (bản xứ + truyền giáo) và chính quyền thực dân về việc truất phế Thành Thái. Báo '*L'Avenir de Tonkin*' (có cổ phần của Hội Truyền giáo) đã báo cáo về Paris rằng: "*Có vẻ Thành Thái đã rữa tởi trong một cơn bệnh nặng trước khi lên ngôi (1884). Hội Truyền giáo chẳng bao giờ chống lại vua; vài năm trước Hội đã vận động để cắt cử một giáo dân Ki-tô, Ngô Đình Khả, vào chức vụ thân cận cho phép hành xử trên vua những ảnh hưởng trực tiếp và liên lụy...*" (trang 583).

Quan điểm của chính quyền thực dân Pháp (qua đại biểu Khâm sứ F. Levecque, có khuynh hướng Tam Điểm ('Freemason' –

vốn không ưa Công giáo Rôma) không quan tâm lắm tới một ông vua bù nhìn có "rửa tội" hay không, mà là một ông vua tương đối "tử tế", biết vâng lời nước Pháp và quan Đại Pháp.

Trong lúc Hội Truyền giáo và nhóm Ki-tô thì thích một ông vua đã rửa tội hơn, và điều quan trọng nhất là họ có khả năng kiểm soát và kiềm chế ông vua này không. "*Ngô Đình Khả – người được giao chức quan Thị vệ và an ninh Cẩm thành – bị nghi là gieo rắc những ảnh hưởng tai hại trên vua.*" (Vũ Ngự Chiêu, tập 2, sách đd, trang 585). Trong lá thư ngày 15/8/1907, Khả vận động 154 học sinh Quốc Tử Giám gửi Khâm sứ Leveque tỏ lộ rằng: "*Yêu cầu Pháp ban cho họ một ông vua mà chỉ nguyên sự hiện diện đủ trấn an tinh thần binh sĩ và các liệt thần của đế quốc.*" (sách đd, trang 585). Do đó, vấn đề Khả dù có chống việc "phế ngôi, đày vua", không phải vì ông ta thương xót gì triều đình nhà Nguyễn, lo cho sơn hà xã tắc nước Nam, mà do điều đó có phù hợp với mưu đồ hợp tung giữa Bài và Khả, có được lòng Giáo hội Mẹ, quyền lợi nước Đại Pháp và khả năng khuynh loát triều chính hay không? Câu trả lời: ngày 3/9/1907, Nguyễn Hữu Bài, cùng Phủ Phụ Chính (tất nhiên trong đó có Khả) chấp nhận giải pháp của nước Đại Pháp, và hơn một tháng sau (17/10/1907), Vĩnh San (hoàng tử thứ hai mới 10 tuổi) lên ngôi, Thành Thái phải rời Huế đi Bà-ri-a, mở đầu cho cuộc đời tù đày long đong viễn xứ của ông vua giả điên này.

Một tài liệu khác trong "Lịch Sử Phật Giáo Huế" của Thượng tọa Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm (nhà xb TP/Hồ Chí Minh 2000) lại trưng ra những chứng cứ đơn giản hơn, khẳng quyết Nguyễn Hữu Bài là kẻ đã đồng ý đào mã Vua Tự Đức: "*Nguyễn Hữu Bài là người đã ký giấy để bọn thực dân Pháp quật lăng Vua Tự Đức. Điều này có thể không sai, bởi vì ông đã nói với ông A. Delvaux là "nước Pháp đã mở rộng nền bảo hộ của họ một cách "cực chẳng đã", nghĩa là điều nước Pháp không muốn, họ vẫn bị đẩy bởi sự vi phạm không ngừng các hiệp ước do triều đình Vua Tự Đức gây nên."* (dẫn theo LSPGH, trang 355-356 A. Delvaux, 'Quelques précisions sur une période troublée d'histoire d'Annam' – Bulletin des Amis du Vieux de Hue số 3, năm thứ 28). Đây là lối luận định - tư tưởng đã như vậy thì hành động không thể khác. Riêng Ngô Đình Khả "*là người đã ký giấy cho bọn thực dân Pháp đày Vua Thành Thái sang Réunion. Dân Huế còn truyền tụng "Đày vua ông Khả, đào mã ông Bài"*" (trang 356). "Lịch Sử Phật Giáo Huế" đã kết luận về con người ông Khả rằng: "*Mấy chữ sau đây của ông Nguyễn Đình Hòe nói về ông Ngô Đình Khả, mà*

Louis Sogny trích lại trong bài viết của ông ở BAVH (*Bulletin des Amis du Vieux de Hue*), tưởng là quá đủ: "...un grand serviteur de la France..." Cho nên đối với nước Việt Nam và dân tộc Việt Nam, nhất là dân Huế, thì ông Ngô Đình Khả đã bị "tombé dans l'oubli depuis longtemps" như lời ông Nguyễn Đình Hòe đã nói vào đầu thế kỷ 20 này là điều hiển nhiên vậy." (LSPGH, trang 357).

Đúng vậy, cái 'tên' Ngô Đình Khả – "một đại-tôi-tớ cho nước Pháp" đã bị tiêu trầm trong lòng người dân Huế một thời gian dài đằng đằng, nhưng dòng họ Ngô Đình chỉ thật sự hoàn toàn "xóa sổ" vào ngày 13/12/1984, lúc Tổng Giám mục Ngô Đình Thục (con trưởng nam cuối cùng của dòng họ Ngô Đình) lia trần trong tình trạng "tù đầy" (captivity) cô độc sau một thời gian dài công khai chống lại Vatican. Còn một chút ảo vọng khác là Hồng y Nguyễn Văn Thuận (cháu ngoại của Ngô Đình Khả (*), trong niềm mơ ước hoang tưởng của một số người Công giáo hoài Ngô ôm ấp viễn mộng một ông Giáo hoàng Việt Nam đầu tiên – ngày 16/9/2002 cũng đã "về với Chúa". Ngoài những "hậu duệ" bàng dân thiên hạ như : Nguyễn Văn Lục, Thoma Thiện, Lữ-Giang-Tú-Gàn còn tỏ chút "Đôi dòng ghi nhớ", và những bùi ngùi, luyến thương công khai hoặc âm thầm khác; từ đây không biết còn có những tung hô "dựng đền tạc tượng" dòng họ Ngô Đình nữa hay không – cũng chỉ vì những bàng khuâng tiếc nuối, mơ tưởng về đồng của phù vân đã tan biến theo dòng đời?

Nguyễn Hạnh Hoài Vy

(Thu 2002 - hồi tưởng về 1.11.63)

[(*) Trích sau đây là một đoạn qua bản tin "Hồng y Nguyễn Văn Thuận từ trần" của website ở Paris tháng 10 năm 2002 : "Theo thông tin viên của chúng tôi ở Roma, cách đây vài tháng, em trai của hồng y, ông Nguyễn Văn Tuyên, đã từ trần tại Houston, Texas. Ông Tuyên sống độc thân sau khi li dị, chết đơn độc không ai hay. Nhiều ngày sau, bạn bè mới phát hiện khi thấy đàn quạ bay vùn vù trên nóc nhà"].

[Nguồn: <http://www.giaodiemonline.com/thuvien/doithoaiII/Hoaivy-BaiKha.htm>]

BÁT CƠM BẢO HỘ CỦA NGÔ ĐÌNH KHÔI

Tiến Sĩ Sử Học Vũ Ngự Chiêu

Sử gia Vũ Ngự Chiêu đã tìm được trong văn khố Pháp một **tài liệu quan trọng** giúp chúng ta biết được thái độ “chống Pháp” của người trong gia đình Ngô Đình Diệm:

Sau khi Đệ Nhị Thế Chiến bùng nổ, anh em ông Ngô Đình Khôi, Ngô Đình Diệm đã nương vào thế lực của đoàn quân viễn chinh Nhật tại Việt Nam để hoạt động chống Pháp. Mùa hè năm 1944, tổ chức Đại Việt Phục Hưng Hội của họ Ngô bị Mật Thám Pháp khám phá và hơn 50 thành viên của hội bị bắt giam. Ngô Đình Diệm may mắn được người Nhật giúp thoát khỏi bàn tay người Pháp, nhưng Ngô Đình Khôi thì lại phải đối diện với cơ quan an ninh của chế độ Bảo Hộ.

Ông Khôi đã nhờ Ngô Đình Nhu nói với Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Paul Arnoux ông ta xin thề ông không bao giờ xúi ai chống Pháp và chỉ mong được nhận bát cơm từ tay nước Pháp mà thôi. Sau đây là nguyên văn trong bức **điện tín** mà Arnoux đã gửi cho Toàn Quyền Jean Decoux để báo cáo thượng cấp về vụ này:

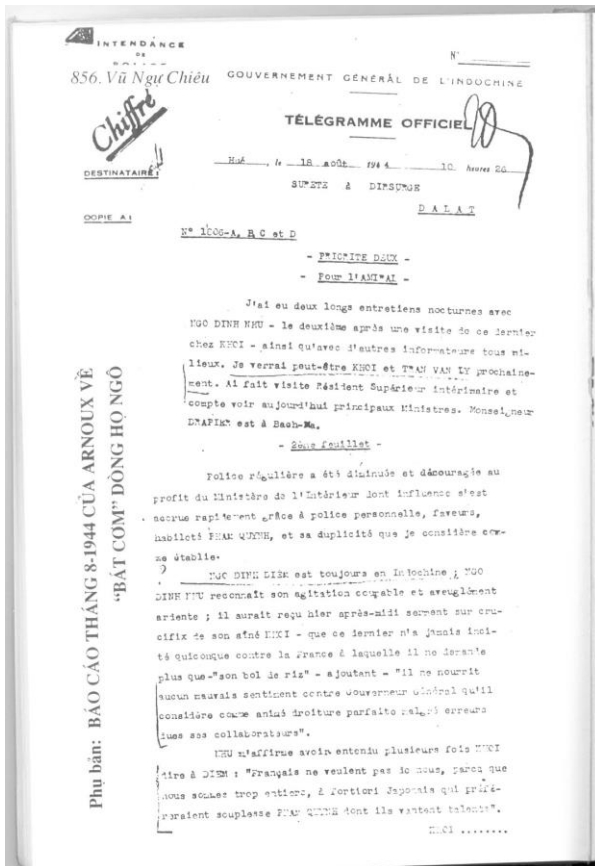
“NGO DINH DIEM est toujours en Indochine. NGO DINH NHU reconnaît son agitation coupable et aveuglement ardente; il aurait reçu hier après-midi sur crucifix de son aîné KHOI – que ce dernier n’a jamais incité quiconque contre la France à laquelle il ne demande plus que ‘son bol de riz’ ajoutant ‘il ne nourrit aucun mauvais sentiment contre gouverneur général qu’il considère comme animé droiture parfaite malgré erreurs dues ses collaborateurs’.”

[NGÔ ĐÌNH DIỆM thì vẫn luôn luôn ở Đông Dương. (Còn) NGÔ ĐÌNH NHU thì thú nhận tội sách động và nhiệt tình mù quáng; chiều hôm qua, Nhu thề trước thập giá là người anh trưởng (Ngô Đình) Khôi không bao giờ xúi dục ai chống lại nước Pháp là quốc gia mà Khôi không đòi hỏi gì hơn là “*bát cơm*”, và thêm rằng *Khôi không nuôi trong lòng một tình cảm xấu xa nào đối với quan Toàn quyền mà Khôi cho là biểu hiện sự ngay thẳng tuyệt hảo dù những cộng sự viên*

của quan có làm lỗi’ – Ban Chủ biên dịch]

Thái độ của Ngô Đình Khôi thật khác thái độ của những vị chỉ sĩ đấu tranh chống Pháp như Nguyễn An Ninh hay Nguyễn Thế Truyền rất xa. Ninh chết trong tù ngoài Côn Đảo còn Truyền bị đày sang Madagascar.

Bản phóng ảnh của bức điện tín nói trên đã được in lại trong: **Vũ Ngự Chiêu, Các Vua Cuối Nhà Nguyễn, Tập 3, Văn Hóa, 2000, tr. 856.**



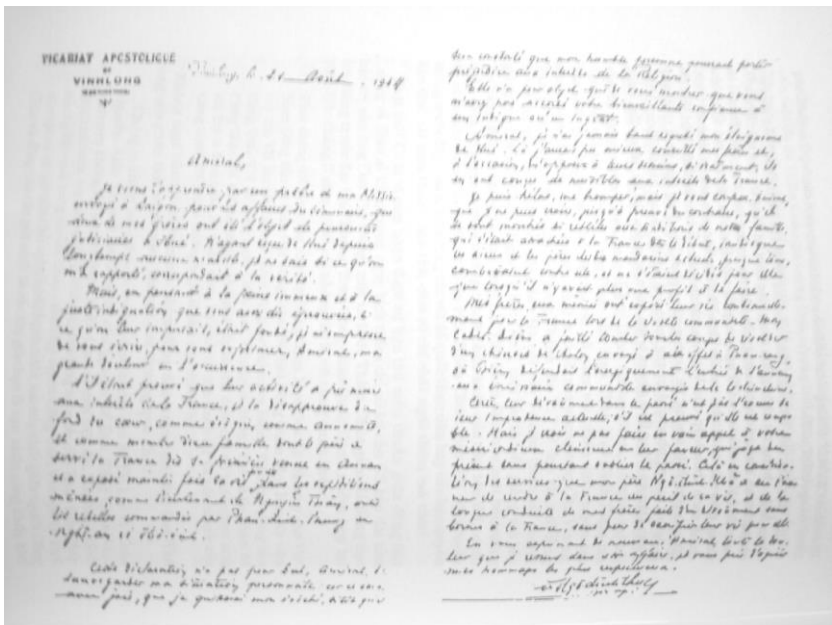
[Nguồn: <http://virtualarchivist.wordpress.com/page/2/>]

DÒNG HỌ BA ĐỜI LÀM VIỆT GIAN

Ngô Đình Thục

Tài liệu Pháp ngữ dưới đây do Tiến sĩ Vũ Ngu Chiêu phát hiện trong lúc ông nghiên cứu tại Trung tâm các Văn khố Hải ngoại (CAOM, Aix-en-Provence, Pháp) và được phổ biến lần đầu tiên trên tạp chí Lên Đường (Houston, Texas) năm 1989.

Ngoài việc làm tay sai cho Pháp đã được Giám Mục Ngô Đình Thục thuật lại khá rõ trong lá thư này, ông Ngô Đình Khả, thân sinh của ông Ngô Đình Diệm, đã cùng với tên Việt-gian Nguyễn Thân cũng đã từng đào mả và đốt xác vị anh hùng ái quốc Phan Đình Phùng, rồi lấy tro trộn với thuốc súng mà bắn cho hả giận.



Vicariat Apostolique de Vinh Long
(Cochinchine)

Vinh Long, le 21 Aout 1944

Amiral,

Je viens d'apprendre par un prêtre de ma Mission, envoyé à Saigon pour les affaires du séminaire, que deux de mes frères ont été l'objet de poursuites judiciaires à Hué. N'ayant reçu de Hué depuis longtemps aucune nouvelle, je ne sais si ce qu'on m'a rapporté corespondait à la vérité.

Mais, en pensant à la peine immense et à la juste indignation que vous avez du éprouvées, si ce qu'on leur imposait était fondé, je m'empresse de vous écrire, pour vous exprimer, Amiral, ma grande douleur en l'occurence.

S'il était prouvé que leur activité a pu nuire aux intérêts de la France, je la désapprouve du fond du coeur, comme évêque, comme annamite, et comme membre d'une famille dont le père a servi la France dès sa première venue en Annam et a exposé maintes fois sa vie pour elle dans les expéditions memées, comme lieutenant de Nguyễn Thân, contre les rebelles commandés par Phan Đình Phùng à Nghệ An et Hà Tĩnh.

Cette déclaration n'a pas pour but, Amiral, de sauvegarder ma situation personnelle: car ce sera avec joie que je quitterai mon évêché si tôt qu'il sera constaté que mon humble personne pourrait porter préjudice aux intérêts de la Religion.

Elle n'a pour objet que de vous montrer que vous n'avez pas accordé votre bienveillante confiance à un indigne ou à un ingrat. Amiral, je n'ai jamais tant regretté mon éloignement de Hué. Là j'aurais pu mieux conseiller mes frères et, à l'occasion, m'opposer à leur desseins, si vraiment ils en ont conçu de nuisibles aux intérêts de la France .

Je puis hélas me tromper, mais je vous confesse, Amiral, que je ne puis croire, jusqu'à preuve du contraire, qu'ils se sont montrés si rebelles aus traditions de notre famille, qui s'était attachée à la France dès le début, tandis que les aieux et les pères des mandarins actuels, presque tous, combattaient contre elle, et ne s'étaient décidés pour elle que lorsqu'il n'avait plus que profit à le faire.

Mes frères eux-mêmes ont exposé leur vie continuellement

pour la France lors de la révolte communiste. Mon cadet Diệm a failli tomber sous les coups de révolver d'un chinois de Cholon envoyé à cet effet à Phan Rang où Diệm défendait énergiquement l'entrée de l'Annam aux émissaires communistes envoyés de la Cochinchine.

Certes, leur dévouement dans le passé n'est pas l'excuse de leur imprudences actuelles; s'il est prouvé qu'elle est coupable. Mais je crois ne pas faire en vain appel à votre miséricordieuse clémence en leur faveur, qui juge du présent sans pourtant oublier le passé. Cela en considération des services que mon père Ngô Đình Khả a eu l'honneur de rendre à la France au péril de sa vie, et de la longue conduite de mes frères faite d'un dévouement sans bornes à la France, sans peur de sacrifier leur vie pour elle.

En vous exprimant de nouveau, Amiral, toute la douleur que je ressens dans cette affaire, je vous prie d'agréer mes hommages les plus respectueux.

NGO DINH THUC

BẢN DỊCH THƯ VIẾT TAY BẰNG PHÁP NGỮ CỦA GIÁM MỤC NGÔ ĐÌNH THỰC GỬI ĐÔ ĐỐC JEAN DECOUX, TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG

Tòa Truyền Giáo Vĩnh Long ngày 21/8/1944
Thưa Đô Đốc,

Một linh mục từ bên Tòa được phái đi Sài Gòn để lo việc cho chủng viện vừa cho tôi biết rằng hai người em của tôi đang bị truy tố tại Huế. Vì đã lâu không nhận được tin tức gì từ Huế, tôi không biết là điều tôi vừa được báo cáo có đúng sự thực hay không.

Tuy nhiên, nghĩ đến nỗi đau đớn và sự bất nhẫn rất đúng mà chắc là Đô Đốc đã cảm thấy – nếu sự truy tố các em tôi là có thật, tôi vội viết thư này để bày tỏ với Đô Đốc **nỗi đau đớn lớn lao của tôi** về việc này.

Nếu hoạt động của hai em tôi được chứng tỏ là **có hại cho quyền lợi nước Pháp** thì – với tư cách của một Giám mục, của một người An-nam, và với tư cách là người con của một gia đình mà thân phụ tôi đã phục vụ nước Pháp ngay từ khi Pháp mới đến An-nam, và đã nhiều lần đưa mạng sống cho nước Pháp trong các cuộc hành quân mà cha tôi cầm đầu, dưới quyền Nguyễn Thân, chống lại các kẻ nổi loạn do Phan Đình Phùng chỉ huy, tại Nghệ-

an và Hà-tĩnh – tôi, tự đáy lòng, không chấp nhận [hoạt động của các em tôi].

Thưa Đô Đốc, tôi tuyên bố như vậy không phải với mục đích bảo toàn địa vị cá nhân của tôi: bởi vì nếu xét rằng cá nhân hèn mọn của tôi có thể phương hại đến quyền lợi của đạo [Thiên Chúa], tôi sẽ vui vẻ rời khỏi Tòa Giám mục này ngay.

Lời tuyên bố của tôi chỉ có mục đích là tỏ cho Đô Đốc thấy rằng **lòng tin tưởng triu mến của Đô Đốc [đối với tôi] đã không bị đặt vào một kẻ bất xứng hay vô ơn.**

Thưa Đô Đốc, tôi chưa bao giờ tiếc là đã xa Huế như thế này. Giá có mặt ở đây thì tôi đã có thể khuyên răn các em tôi tốt hơn, và khi chuyện xảy đến tôi đã có thể chống lại các chủ đích của các em tôi, nếu quả thật các em tôi có nghĩ đến những dự định có thể gây hại cho quyền lợi nước Pháp.

Có thể tôi lầm, tuy nhiên, thưa Đô Đốc, cho đến khi được chứng minh ngược lại, tôi xin thú thực là không tin rằng các em tôi đã phản lại **truyền thống của gia đình chúng tôi đến như thế, một gia đình đã tự mình gắn liền với nước Pháp từ lúc ban đầu, trong khi ông cha của những quan lại bây giờ hầu hết đều chống lại Pháp** và chỉ quyết định thiên về Pháp khi thấy có lợi.

Ngay chính các em tôi đã từng liên tục đưa mạng sống ra vì **nước Pháp**, trong cuộc nổi loạn của Cộng Sản. Diệm, người em kế tôi, suýt đã phải ngã gục dưới những phát súng của một Hoa kiều Chợ Lớn được phái đến Phan-rang với mục đích hại Diệm, Phan-rang là nơi mà Diệm đã mãnh liệt chống giữ lối xâm nhập vào An-nam của các cán bộ Cộng Sản từ Nam Kỳ phái đến.

Lẽ tất nhiên, **sự tận tụy của các em tôi** trong quá khứ không phải là điều nêu ra để làm có mà biện hộ cho hoạt động bất cần của họ ngày hôm nay, nếu sự bất cần này được chứng tỏ là điều đã gây nên tội. Tuy nhiên, tôi không nghĩ là tôi đã làm chuyện vô ích khi **kêu gọi đến sự khoan hồng đầy xót thương của Đô Đốc hầu xét với hảo ý trường hợp các em tôi.** Đô Đốc không phải là người chỉ xét đến hiện tại mà lại bỏ quên đi quá khứ. Tôi nêu ra điều này khi xét thấy rằng **thân phụ tôi là Ngô Đình Khả đã từng được vinh dự phục vụ nước Pháp** dù sinh mạng bị hiểm nguy, và khi xét đến quá trình lâu dài của các em tôi, một quá trình được hình thành bằng **lòng tận tụy vô bờ của các em tôi đối với nước Pháp, mà không sợ phải hy sinh mạng sống của mình cho nước Pháp.**

Thưa Đô Đốc, một lần nữa bày tỏ với Đô Đốc tất cả niềm đau

đón của tôi trong vụ này, tôi xin Đô Đốc vui lòng nhận nơi đây lời kính chào trân trọng nhất của tôi..

NGÔ ĐÌNH THỰC (ký tên)

TỔNG GIÁM MỤC NGÔ ĐÌNH THỰC: NHIỀU THAM VỌNG NHIỀU CAY ĐẰNG

Văn Thư

Theo lời nhận xét của ông Quách Tông Đức, từng làm Đồng lý Văn phòng cho Ngô Đình Diệm khi ông này ngồi trên ghế Tổng thống của cái gọi là nền Đệ nhất Cộng hoà Việt Nam, trong gia đình họ Ngô theo Công giáo thời ấy có hai người đã gây nên nhiều tiếng xấu nhất trong dư luận là **Trần Lệ Xuân**, vợ Ngô Đình Nhu, và Tổng Giám mục **Ngô Đình Thục**.

Là một người khoác áo nhà tu nhưng Ngô Đình Thục đã có không ít những hành động sai quấy cả trên phương diện đạo đức lẫn chính trị, khiến cho chế độ gia đình trị của hai người em Ngô Đình Diệm - Ngô Đình Nhu rốt cuộc đã bị xoá sổ mau chóng sau chưa đầy một thập niên làm mưa làm gió trên chính trường Sài Gòn.

Trong số con cái của trọng thần triều Nguyễn Ngô Đình Khả, người con trai thứ hai Ngô Đình Thục chọn riêng một lối đi tôn giáo nhưng không phải vì thế mà không lắm bụi thế sự. Đặc biệt từ sau năm 1945, khi người anh cả Ngô Đình Khôi, một viên quan rất có máu mặt và khét tiếng gian ác của chế độ Nam Triều bị nhân dân trừng trị và phải chết bất đắc kỳ tử, Ngô Đình Thục đã nhận lấy "quyền huynh thế phụ" và vì thế, càng có những ảnh hưởng quyết định đến những xoay vần thế cuộc của dòng họ Ngô Đình. Nhiều nguồn tư liệu đã chứng minh vai trò không thể gì thay thế được của Ngô Đình Thục trong những móc nối với các thế lực ngoại quốc để đưa người em trai của ông ta là Ngô Đình Diệm lên ngôi vị hàng đầu của chính trường Sài Gòn những năm đầu thập niên 50 của thế kỷ trước.

Tổng Giám mục Ngô Đình Thục có tên thánh là Pierre Martin, sinh ngày 6-10-1897 tại Phú Cam, Huế. Thuở thiếu thời, Ngô Đình Thục đã được gia đình cho theo học tại trường tư thực Pellerin ở Huế. Năm 12 tuổi (1909), Ngô Đình Thục đã vào học ở Tiểu Chủng viện An Ninh (Quảng Trị) rồi tới tháng 9/1917, vào học ở Đại Chủng viện Phú Xuân thuộc Giáo phận Huế. Có lẽ ngay từ khi đó giới giáo chức

cao cấp ở Huế cũng như gia đình họ Ngô đã nhận ra thiên hướng có thể ăn nên làm ra trên con đường tu hành của Ngô Đình Thục nên Chánh xứ Phủ Cam khi đó là Eugène Marie Joseph Allys (thường gọi là Cố Lý, 1852-1936) tháng 11/1919 đã gửi cậu giáo sinh họ Ngô đi du học Trường Truyền giáo Rome. "Con ông cháu cha" nên Ngô Đình Thục ngay ở Rome cũng rất được chăm bẵm.

Cuối năm 1922, Thượng thư Nguyễn Hữu Bài, bạn đồng liêu của Ngô Đình Khả, cũng là một người Công giáo, sau khi tháp tùng vua Khải Định du ngoạn sang Pháp "*như một món hàng thuộc địa và có thể trưng bày ở Hội chợ*" (chữ dùng của Nguyễn ái Quốc) đã đến thành Rome. Sẵn quan hệ cũ, Nguyễn Hữu Bài đã mang theo cậu giáo sinh Ngô Đình Thục vào yết kiến Đức Giáo hoàng Piô XI. Sự việc này đã có tác động tốt đến hoạn lộ sau này của Ngô Đình Thục.

Cũng trong năm đó, Ngô Đình Thục đã có được bằng Tiến sĩ Triết học. Ngày 20/12/1925, Ngô Đình Thục đã được phong chức linh mục rồi đi dạy ở Đại học Sorbonne ở Paris, Pháp. Năm 1926, Ngô Đình Thục lấy được bằng Tiến sĩ Thần học và năm 1927 có thêm Tiến sĩ Giáo luật ở Đại học Appolinaire... Tiếp theo, Ngô Đình Thục qua Pháp học tại Institut Catholique de Paris từ tháng 10/1927 đến tháng 6/1929 và đỗ Cử nhân Văn chương.

Trở về Việt Nam năm 1929, Ngô Đình Thục khi đó còn là linh mục, làm giáo sư dòng Thánh Tâm ở Phường Đức (Trường An) Huế, từ tháng 11/1929. Đến tháng 9/1931, Giám mục Alexandre Chabanon (Giáo, 1873-1936) đã bổ nhiệm Ngô Đình Thục làm giáo sư Đại Chủng viện Phú Xuân, Huế.

Tháng 10/1933, Ngô Đình Thục trở thành Giám đốc Trường Thiên Hựu (Providence), một trường tư thục Công giáo tại Huế. Năm 1935, ông ta còn kiêm luôn cả chức Chủ nhiệm báo *Sacerdos Indosinensis*. Năm 1938, Ngô Đình Thục được thụ phong Giám mục Giám quản tông Tòa Giáo phận Vĩnh Long... Từ thời điểm đó cho tới cuối những năm 50 của thế kỷ trước, Ngô Đình Thục mặc dù chỉ ở Vĩnh Long nhưng đã tham gia khá tích cực vào các cuộc vận động hành lang cho sự ra đời của một chế độ riêng của gia tộc Ngô Đình.

Giám mục Ngô Đình Thục có ảnh hưởng mạnh mẽ tới Ngô Đình Diệm cũng như những người em khác trong gia tộc Ngô Đình. Chính nhà tu này đã có vai trò rất quan trọng trong việc thiết kế những mối quan hệ hữu hảo với phương Tây thông qua Hồng y Giáo chủ **Spellman** để cuối cùng **Washington đã chọn Ngô Đình Diệm làm con bài chống Cộng chủ đạo ở Việt Nam** sau khi quân đội viễn

chính Pháp phải thua chạy khỏi đây sau trận Điện Biên Phủ. Cũng chính Ngô Đình Thục đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình lôi Ngô Đình Diệm từ sân sau của chính trường Sài Gòn để giúp ông thu được 98% (?) số phiếu ủng hộ của các cử tri miền Nam trong cuộc trưng cầu dân ý giả hiệu ngày 23/10/1955 và nhờ thế, Ngô Đình Diệm đã qua mặt được vua Bảo Đại tiến tới ngôi Tổng thống.

Một khi em đã làm "vua" thế sự thì anh cũng dễ dàng hơn trong những thăng tiến ở nhà thờ. Ngày 24/11/1960, Ngô Đình Thục đã được bổ nhiệm làm Tổng giám mục Giáo phận Huế. Và ông ta đã tận dụng tối đa ảnh hưởng của ông em Tổng thống để triển khai đủ loại hoạt động kinh tế (thí dụ như khai thác lâm sản, mua thương xá Tax, làm chủ nhà sách Albert Portail...), để kiếm lời bạc tỷ. Thậm chí đã có lúc Ngô Đình Thục **dùng lính bộ binh và cả xe bọc thép thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và vận chuyển cho các vụ khai thác gỗ rừng** trong các tỉnh Biên Hòa, Long Khánh, lấy vật liệu của công và nhân viên chính quyền để xây cư xá Vĩnh Long, tổ chức lễ Ngân khánh (25 năm ngày Ngô Đình Thục được Vatican phong làm Tổng Giám mục) cường ép công chức cao cấp và thương gia nộp tiền... Một vị linh mục ở Sài Gòn thời đó tên là Trần Tam Tỉnh đã thuật lại việc tổ chức mừng lễ Ngân khánh trong quyền biên khảo *Thập giá và Lưỡi gươm* (Nhà xuất bản Sud - Est Asie, Paris, 1978): "*Từ tháng 3/1963, một ủy ban ngân khánh đã được thành lập do chủ tịch quốc hội làm chủ tịch với nhiều vị bộ trưởng và nhân vật tên tuổi làm ủy viên. Người ta tổ chức tại Sài Gòn một bữa tiệc mà mỗi thực khách phải đóng 5.000 đồng. Người ta muốn biến lễ Ngân khánh này thành quốc lễ*".

Cách hành xử như thế của Ngô Đình Thục hiển nhiên là đã gây nên nhiều bê bối trong dư luận nhưng Ngô Đình Diệm vẫn cứ đoan chắc rằng ông anh mình không làm điều gì sai quấy vì số tiền kiếm ra dường như đã được dùng vào việc nuôi sống Trường Đại học Đà Lạt do chính Ngô Đình Thục lập ra cũng như để đáp ứng các nhu cầu khác của nhà thờ. Thật nực cười! Không chỉ trục lợi kinh tế mà Tổng Giám mục Ngô Đình Thục còn tạo nên những lý do chính trị tai hại đối với chế độ Diệm - Nhu. Nhiều nguồn tư liệu còn lại tới hôm nay cho rằng, Ngô Đình Thục khi ở trên đỉnh cao danh vọng tôn giáo đã bị hoang tưởng về quyền lực của mình cũng như của gia tộc mình và đã **đánh đồng thân quyền với thế quyền**. Là anh của Tổng thống Diệm, Ngô Đình Thục nghĩ rằng ông ta, như linh mục Trần Tam Tỉnh nhận xét "*đã hóa thành trí não tuyệt vời của chế độ. Người ta tìm đến ông để xin xỏ ân huệ, đặc quyền. Giám mục làm như là hiện thân của*

giáo hội, cũng như ông em là hiện thân của Nhà nước...".

Một nhân chứng khác ở thời đó đã ghi chép lại về thời miền Nam nằm dưới sự trị vì của chế độ gia đình trị của dòng họ Ngô Đình như sau: "*Các linh mục thuộc tập đoàn Ngô Đình Diệm đã ra sức thao túng, bóc lột, cướp tài sản của dân chúng. Có những linh mục bắt các quận trưởng phải nộp tiền bạc, để làm cái này, làm cái kia, nếu ai không tuân lệnh, họ sẽ báo cáo xấu lên tổng thống mà bị mất chức hoặc bị ngồi tù. Vì muốn Ngô Đình Thục được làm Hồng y, vây cánh Ngô Đình Diệm đã dùng mọi thủ đoạn để gia tăng giáo dân, trong đó có việc cưỡng bách sĩ quan, binh sĩ và dân chúng theo Thiên Chúa giáo, ai không theo bị chúng vu khống là cộng sản rồi bắt bỏ tù. Họ khủng bố Cao Đài, Hòa Hảo, tận diệt Quốc Dân đảng và Đại Việt...".*

Viên sĩ quan dù cao cấp về sau trở thành tướng nổi loạn Nguyễn Chánh Thi đã nhận xét về sự lộng hành của một số linh mục thời Diệm - Nhu: "*Cứ hầu như mỗi một tỉnh của miền Nam, nhất là tại miền Trung, có một linh mục có quyền sinh sát trong tay mà chả ai đã động đến, vì đằng sau họ là sức mạnh chính quyền. Họ còn lộng hành hơn là nhận đơn kiện cáo của con chiên, rồi phê vào đơn, đưa đến tỉnh trưởng hay quận trưởng, bảo phải xử theo ý của linh mục A, linh mục B, không thì mất chức. Một số linh mục dưới chế độ Ngô Đình Diệm, họ sống như các ông vua của một xứ xưa kia!...".*

Cũng theo linh mục Trần Tam Tĩnh, đáp lại các lời chỉ trích, giám mục Thục nói với ICI, tạp chí Công giáo số 15/4/1963, rằng "*Trên bàn giấy của tôi chồng chất cả lô đơn xin tôi can thiệp cho họ ơn này, ơn nọ, khổ thay thường chỉ là thế tục. Tôi không thể đứng đưng được trước lời kêu gọi của họ! ở vào địa vị của tôi các ông sẽ xử sự như thế nào?".* Giả dối đến thế là cùng!

Tổng Giám mục Ngô Đình Thục cũng là một người **mang nặng tư tưởng phân biệt tôn giáo**. Thậm chí không ít người ở miền Nam khi đó còn cho rằng, Tổng giám mục Ngô Đình Thục đã nuôi tham vọng **Công giáo hóa toàn bộ cái gọi là nền đệ nhất cộng hòa**. Chính những lùm xùm xung quanh lễ Ngân khánh năm 1963 đã châm ngòi lửa cho những biến cố Phật giáo, gây nên mối nguy hiểm chí tử đối với chế độ tay sai này của Mỹ ở Sài Gòn. Mọi sự quá mù ra mưa tới mức **Vatican cũng lên án chính phủ Diệm - Nhu** và quyết định rút Tổng Giám mục Ngô Đình Thục ra khỏi Việt Nam.

Nhận thức được hiểm họa này, Washington đã không khoanh tay thúc thủ và quyết định gây sức ép để loại bỏ Ngô Đình Thục ra

khỏi trung tâm quyền lực ở Sài Gòn. Ngày 20/8/1963, Nhà Trắng đưa Cabot Lodge sang làm đại sứ ở Sài Gòn với những chỉ thị mang tinh thần khác hẳn trước đây... Giờ cáo chung đã điểm đối với quyền lực chính trị của gia tộc Ngô Đình. Trước đó khoảng 6 năm (1957), tại cố đô Huế đã xảy ra một điềm xấu: **sét đánh đúng ngôi mộ của ông Ngô Đình Khả**, từng được xây cất rất kỹ lưỡng bởi một lực lượng công binh tinh nhuệ nhất của chế độ Sài Gòn bằng những vật liệu có chất lượng tốt nhất...

Tháng 9/1963, Ngô Đình Thục rời Sài Gòn tới Vatican để tìm cách vớt vát uy tín cho chế độ Diệm - Nhu trên trường quốc tế (cũng là đúng ý Mỹ muốn ông ta đi cho "khuất mắt trông coi"). Tuy nhiên, mọi sự đã muộn màng. Bản thân Ngô Đình Thục cũng bị Vatican tước bỏ chức vụ tôn giáo.

Cuộc đảo chính ngày 1/11/1963 đã kết liễu tính mạng của anh em Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cần... Ngô Đình Thục đành phải sống tha phương trong cảnh khá là bần hàn và mãi tới sau năm 1975, mới được Vatican cho phục chức. Thế rồi Tổng Giám mục Ngô Đình Thục về hưu ở Mỹ và phải sống tại một Viện dưỡng lão Công giáo thuộc tiểu bang Missouri cho tới khi trút hơi thở cuối cùng ngày 13/12/1984.

Văn Thư

[Source: *sachhiem.net* – 9/2008]

JEAN BAPTISTE NGO ĐÌNH DIỆM: THỜI KỲ CHƯA NĂM QUYỀN, 1897-1954

Chính Đạo

1. Phần 1

Ngày 25/4/1961, Tướng Edward G. Lansdale–người được coi như hiểu biết rất rõ Việt Nam Cộng Hòa [VNCH]–viết báo cáo lên Thứ trưởng Quốc phòng Roswell L. Gilpatric, Chủ tịch Ủy Ban Đặc Nhiệm Việt Nam [Presidential Task Force on Vietnam], về “No Din Zee’em” (Ngô Đình Diệm) như sau:

Ông ta lùn, mập tròn. . . Nhiều người không chú ý đến cặp mắt đen hay liếc trộm [snapping] của ông ta mà chỉ chú ý đến cặp giò vừa đủ chạm mặt đất khi ngồi. Tuy nhiên, ông ta không cảm thấy ngượng ngùng về chuyện lùn, và có vẻ rất tự nhiên chung quanh những người Mỹ cao lớn. . . .

Ông ta tỏ vẻ ăn uống ngon lành (và thường có sở thích ăn ngon). Nụ cười của ông ta có vẻ e dè và bất thường. . . . Diệm sinh ngày 3/1/1901. . . Năm 25 tuổi [1926], Diệm đã được cử làm quan đầu tỉnh. Nhưng sau “sáu tháng làm Thượng thư” Diệm từ chức, trở thành “người hùng thực sự của người Việt.” Từ đó, anh em Diệm “âm thầm chống cả Pháp lẫn Cộng Sản.” Diệm là một người độc thân 60 tuổi, “đã cắt bỏ mối tình với người yêu đầu đời để dâng hiến cho tổ quốc.”(1)

Thực ra, Lansdale dường không muốn viết rõ, hoặc không biết nhiều về Tổng thống Diệm cũng như họ Ngô. Hầu hết chi tiết về hộ tịch Diệm hay thành tích chống Pháp của Diệm và gia đình Ngô Đình Khả, đều thiếu chính xác. Các học giả thế giới cũng chẳng bận tâm đến việc tu chỉnh lại tiểu sử người cầm đầu phe thua cuộc.(2)

Đáng buồn hơn nữa, lịch sử Việt Nam, dưới mắt nhiều học giả thế giới, chỉ là một thứ câu chuyện thêm thắt vào [anecdotes] chính sách và sự can thiệp của các cường quốc như Mỹ, Nga, Trung Hoa, Pháp, Bri-tên, Nhật, v.. v... Người Việt cũng có lý do riêng để không muốn thấy có một tiểu sử chính xác về Diệm, từ chính trị, tôn giáo, tới ý thức hệ. Nên chẳng ngạc nhiên khi khỏi văn chương hiện hữu về

họ Ngô hay Đệ nhất Việt Nam Cộng Hòa **trần ngập những lời “cung vãn” hoặc “đào mộ,”** bất chấp sự thực.

Bài viết này nhằm điền vào khoảng trống nói trên. Tư liệu chúng tôi sử dụng cơ bản là tập tiểu sử chính phủ Diệm do cơ quan an ninh Pháp thành lập vào tháng 7/1954, hiện vẫn còn chưa giải mật. Ngoài ra, còn nhiều tư liệu văn khố Pháp, Mỹ, Nga, Trung Hoa, cùng các tài liệu nguyên bản khác, kể cả tiểu sử Ngô Đình Diệm do cơ quan an ninh Mỹ biên soạn ngày 18/4/1957, nhân dịp Diệm sắp qua thăm Mỹ.(3) Tiểu sử này, dĩ nhiên, không đầy đủ.

I. SƠ LƯỢC GIA THỂ:

Ngô Đình Diệm, ngoài tên “thánh” Jean-Baptiste [Gioan Bao-xi-ta], còn có bí danh Nguyễn Bá Chính. Theo an ninh Pháp, Diệm sinh ngày 27/7/1897 tại Đại Phong [Phuong] hay Đại Phong Lộc, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.(4)

Cha là Ngô Đình Khả (1856-1914), một tín đồ Ki-tô tân tông, **xuất thân thông ngôn cho Pháp**, sau đổi qua ngạch quan lại Việt, lên tới Đề đốc Kinh thành (1905-1907).(5) “Mẹ” là Phạm Thị Thân.

Anh em Diệm khá đông, gồm sáu trai, hai gái. Khôi, **con vợ lớn**, là anh cả. Diệm, theo lời đồn, đứng hàng em của Khôi, Thục, và anh Ngô Thị Hiệp (bà Cả Lễ; chồng là Nguyễn Văn Ấm, sinh ra có Hồng y Nguyễn Văn Thuận), **dù tuổi “chính thức” Diệm lớn hơn Thục hơn hai tháng**. Dưới Diệm có Nhu Cẩn, Luyện, cùng một người em gái khác. Vì Khả chết khi Diệm còn nhỏ (17 tuổi khai sinh), Khôi quyền huynh thế phụ. Khôi chết, Thục có ảnh hưởng nhất trên Diệm, với cương vị một Giám mục.

Cha đỡ đầu là Nguyễn Hữu Bài (1863-1935), nhạc phụ Khôi, một thủ hạ cũ của Khả, cũng một Thượng thư uy quyền và đầy mưu mô tại Huế từ 1907 tới 1933. Theo tài liệu Pháp, Bài đã nuôi dưỡng Diệm từ nhỏ. Bài cũng có ý định chọn Diệm làm con rể, nhưng vì lý do nào đó không thành. Con gái Bài sau đi tu dòng kín Carmel.(6)

Sau khi lên cầm quyền, Diệm đổi ngày sinh thành 3/1/1901. Chẳng hiểu tại sao có việc “thay đổi” hộ tịch trên. Việc **thay tên, đổi họ và ngày sinh tháng đẻ** là việc thường xảy ra ở Việt Nam. Trước hết, vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, việc khai hộ tịch không được kiểm soát chặt chẽ. Viên chức xã ấp tại thôn quê không đặt nặng sự chính xác về ngày sinh của trẻ em. Cha mẹ nhiều khi khai rút tuổi con cái vì mục đích nào đó, như đi học hay khai sưu thuế. Hơn nữa, việc đổi từ ngày nhật (dương) lịch qua nguyệt (âm) lịch rất phức tạp,

đôi khi cha mẹ dùng ngày tháng sinh nguyệt lịch làm ngày tháng nhật lịch, rồi dùng năm nhật lịch tương đương trong khai sinh. Thông thường, cha mẹ hay khai rút tuổi các con. Nhưng rất hiếm trường hợp cha mẹ khai con mình tăng thêm ba bốn tuổi, ngoại trừ có biệt lệ nào đó. Phải chăng Diệm rơi vào trường hợp đặc biệt này, vì nếu sinh năm 1901, Diệm không thể nào được tập âm chức Cử phẩm và làm việc tại Tân Thư Viện Huế năm 1917, **khi mới ... 16 tuổi.**(7)

Theo Luyện, em út trong gia đình họ Ngô, Diệm đã khai tăng bốn tuổi (tức từ 16 lên 20 tuổi) để có thể vào trường Hậu Bô. Điều này khó tin, vì mãi tới năm 1918-1919, Diệm mới học trường Hậu bô.(8)

Luyện cũng là nhân chứng không đáng tin cậy. Thí dụ như khi được hỏi về vai trò chính trị của Luyện, Luyện nói được lệnh “*đứng ngoài chính trị.*” Thực tế, từ thập niên 1940, Luyện đã hoạt động với các tổ chức **thân Nhật**, và trở thành đặc sứ của Diệm với Bảo Đại, trước khi nắm chức Đại sứ tại London. Luyện cũng tung ra những tin đồn về giao tình giữa Luyện và Bảo Đại, mà theo Bảo Đại không hề có.(9) Và, như đã lược nhắc, Diệm được tập âm chức Cử phẩm, làm việc tại Tân Thư Viện Huế từ năm 1917, trước khi vào trường Hậu Bô.

Một ký giả ngoại quốc, Robert Sharplen, ghi rằng theo Diệm, khoảng năm 1915-1916, Diệm đã man khai hộ tịch để dự thi bằng tương đương tốt nghiệp trung học.(10) Chi tiết này không sát sự thực. Mãi tới giữa thập niên 1920, mới có những cuộc thi lấy bằng Tú Tài I và II chương trình Pháp-Nam. Bằng cấp mà Diệm thi tương đương chỉ là **bằng Cao đẳng tiểu học (Diplôme), gần tương đương với bằng Trung học phổ thông đệ nhất cấp.** Tài liệu thành văn cũng chứng minh Diệm đã vào quan trường từ năm 1916 hoặc 1917, với chức cử phẩm tập âm tại Tân Thư viện, mà không phải sau khi đã tốt nghiệp trường Luật Hà Nội năm 1921 **như Diệm khoa trương** hay Sharplen ghi. Thực tế, Diệm vào trường Hậu bô từ niên khóa 1918-1919, và chỉ học tại Hà Nội một niên khóa 1920-1921.

Một động lực trong việc sửa đổi hộ tịch có lẽ là để hợp thức hóa vai “em” của Diệm với Giám Mục Thực-Thực sinh ngày 6/10/1897 tại Phước Quả, Thừa Thiên, **thua Diệm hơn hai tháng.** Nhưng cũng có thể, và điều này cần được tra cứu thêm, Diệm không man khai hộ tịch, mà rất đơn giản là **không cùng mẹ (Phạm Thị Thân) với anh chị em khác.** Có lẽ vì muốn che đậy bí ẩn này, tiểu sử Khôi và Thực trong tập Vua chúa và người quý phái Đông Dương

[Souverains et Notabilités] năm 1943 không ghi ngày sinh.(11)

Tài liệu văn khố Pháp cũng ghi Diệm sinh tại Đại Phong Lộc, Lệ Thủy, Quảng Bình, mà không phải Phước Quả, Thừa Thiên, giống như Thục, Nhu, Cần, Luyện, v.. v... Địa danh “Đại Phong Lộc” từng được khai là nơi sinh của Khôi, anh cả trong gia đình, con Khả và người vợ lớn đã chết sớm, trước khi Khả lấy bà kể thất tên Thân.(12)

Rất ít chi tiết về học vấn Diệm được công bố. Có tin Diệm tự học ở nhà, rồi học trường Pellerin ở Huế, và tốt nghiệp Diplôme. Diệm biết cả chữ Nho [Hán Việt]. Lại có tin Diệm học ở chủng viện, năm 1915, định đi tu, nhưng sau đó bỏ dở nửa chừng.(13) Bởi thế, nhiều tài liệu cho rằng Diệm thuộc loại “religious fanatic” [cuồng đạo].(14)

II. “BÁT CƠM” BẢO HỘ PHÁP:

Trong nỗ lực biến hóa Ngô Đình Diệm thành một “lãnh tụ anh minh” đủ sức đương đầu với Hồ Chí Minh—kiểu “*ăn Ngô thì no, ăn Hồ thì đói*”—cơ quan tuyên truyền Mỹ và Nam Việt Nam tô chuốt cho Diệm những bằng hiệu như “yêu nước, chống Pháp,” v.. v... “Yêu nước” là một nhận xét khó lượng định, vì chỉ có mỗi cá nhân mới tự biết rõ mình yêu nước hay không. Có nhiều cách biểu lộ lòng yêu nước, nên khó thể sử dụng một hệ thống lượng giá cố định. Tầm huy chương nào cũng có mặt trái của nó. “Chống Pháp” thì dễ lượng định hơn. Tinh thần chống Pháp của Diệm, hay họ Ngô, **chỉ là những triển biến vào khoảng cuối đời, và động lực không hẳn do lòng yêu nước thuần túy, mà nặng về tôn giáo cùng quyền lợi bản thân và dòng họ.** Thực ra, Diệm xuất thân từ một gia đình trung gian bản xứ Ki-tô, **phục vụ Bảo hộ Pháp rất tận tụy.** Khả, cha Diệm, từng lên tới chức chánh thông ngôn tòa Khâm sứ Huế dưới thời Pierre Rheinart des Essarts, rồi chuyển sang làm thương biện Viện Cơ Mật. Ngày 10/4/1892 Khả dịch công văn của triều Huế xin Toàn quyền Jean de Lanessan đừng gửi ra Huế những người như Petrus [Key], Nguyễn Trọng Tạo, Lê Duy Hình, hay Diệp Văn Cương, v.. v... **Khả cũng tham dự chiến dịch đánh phá phong trào kháng Pháp tại Hà Tĩnh-Quảng Bình của Ngự sử Phan Đình Phùng (1847-1895) trong hai năm 1895-1896, và được đặc cách lên Thái thường tự khanh (Chánh tam phẩm) năm 1896, sau khi hài cốt Ngự sử Phùng bị đốt thành tro, ném xuống sông Lam “theo [lối trừng phạt] truyền thống.”**(15)

Sau một thời gian làm Phó Giám đốc trường Quốc Học Huế,

đặc trách nhà cửa, lương bổng và hành chính, Khả được chức Đề đốc kinh thành, lo bảo vệ và kiểm soát Thành Thái (1889-1907), cầm đầu một toán thân binh cao răng trắng, hót tóc ngắn, mang súng trường, nhưng nhiệm vụ chính yếu—nếu tin được báo cáo của Hiến binh Pháp—chỉ để **giúp vua lòng sục và bắt cóc gái đẹp** quanh kinh thành. Sau khi về hưu, Khả được hàm Thượng thư.(16)

Khôi, anh cả họ Ngô, bắt đầu “tham chánh” năm 1910, sau khi tốt nghiệp trường Hậu bổ. Khoảng 6 năm đầu, Khôi làm tại văn phòng Bộ Công do cha vợ làm Thượng thư. Sau ngày tiếp tay cho Khải Định (1916-1925) lên ngôi, Bài được thăng Thượng thư Bộ Lại, và Khôi bắt đầu đi ngôi huyện, phủ, rồi lên tới Bộ chính, Tuần vũ, Tổng đốc khá nhanh.

Diệm thi năm 1917 được tập ấm chức Cửu phẩm, làm việc tại Tân thư viện Huế (tức Musée Khải Định sau này), nơi đặt trụ sở Hội Bạn của Cổ đô Huế, và có bài đăng báo *Bulletin des Amis de Vieux Hué* [Đô thành hiếu cổ]. Năm 1918-1919, Diệm vào trường Hậu bổ Huế. Người đỡ đầu có lẽ là Nguyễn Đình Hòe, một phụ tá cũ của Khả trong chiến dịch truy giết Ngự sử Phùng, lúc đó làm Giám đốc trường (năm 1921 giữ chức Tổng thư ký Viện Cơ Mật). Thời gian này, triều đình đã bỏ lối thi Hương và thi Hội cũ, và trường Hậu bổ mở thêm phân khoa “pháp chính” [hành chính và luật] của trường Đại học Hà Nội. Học viên học tại Huế hai năm đầu, và năm thứ ba phải ra Hà Nội. Có lẽ Diệm được chuyển qua chương trình này.

Tốt nghiệp, nhờ sự nâng đỡ của Thượng thư Bài, năm 1922 Diệm được bổ nhậm ngay. Năm 1929 [1926?], Diệm lên tới chức đầu tỉnh, Quản đạo Ninh Thuận (Phan Rang), rồi Tuần Vũ Bình Thuận (Phan Thiết). Được cấp trên đặc biệt chú ý vì thanh liêm và tinh thần diệt Cộng cao. Một nhân chứng ghi nhận rằng Diệm, khi làm quản đạo Ninh Thuận, **ngoài những ngon tra tấn quen thuộc như tra điện, kim kẹp, còn bắt tù nhân Cộng Sản vượt lạt tre, hay dùng đèn cầy [nén] đốt hậu môn để lấy khẩu cung**. Ít nhất 7 trong số 500 tù nhân Cộng Sản bị tra tấn đến chết.(17)

Có lẽ vì thế, theo Giám Mục Thục, Cộng Sản đã thuê một sát thủ ra tận Phan Rang mưu sát Diệm, nhưng Diệm chỉ bị thương.(18)

Tóm lại, từ Khả xuống Khôi, rồi Diệm, **tinh thần phục vụ và lòng trung thành với Pháp khá vững chắc**. Khôi từng nhờ Nhu nói với Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Paul Arnoux ngày 18/8/1944 tại Huế rằng Khôi “*xin thề trên thập tự giá*” là **lúc nào cũng coi Bảo hộ Pháp như “bát cơm” [bol de riz] của họ Ngô**. Khôi cũng thường nói với

Diệm rằng sở dĩ người Pháp [Khâm sứ Emille Grandjean] không ưa vì “[họ Ngô] quá toàn vẹn,” và “Phạm Quỳnh (1892-1945) thì khôn khéo, nên được cả Pháp lẫn Nhật quảng cáo tài năng.”(19)

Bản tóm lược rõ ràng nhất công lao và lòng trung thành với Bảo hộ Pháp của họ Ngô, cũng như cá nhân Diệm, do Giám mục Thực trình lên Toàn quyền Jean Decoux ngày 21/8/1944:

Các anh em tôi cũng liên tục dâng hiến mạng sống họ cho nước Pháp trong dịp Cộng Sản nổi loạn. Diệm, em tôi, đã ngã xuống vì những viên đạn súng lục của một người Tàu Chợ Lớn, được gửi tới Phan Rang, nơi Diệm hằng say ngăn chặn sự xâm nhập của các cán bộ Cộng Sản từ Nam Kỳ [Mes frères, eux mêmes ont exposé leur vie continuellement pour la France lors de la révolte communiste. Mon cadet Diệm a failli tomber sous les coups de revolver d’un chinois de Cholon, envoyé à cet effet à Phan Rang, où Diệm défendait énergétiquement l’entrée de l’Annam aux émissaires communistes envoyées de la Cochinchine]. . (19bís)

Dấu mốc quan trọng trong sự nghiệp “yêu nước, chống Pháp” của Diệm, là cuộc “đảo chính cung đình” ngày 2/5/1933. Ngày này, Toàn quyền Pierre Pasquier (12/1928-1/1934) và Quyền Khâm sứ Léon Thibaudeau (2/1933-7/1934) đột ngột bắt Bài và toàn bộ nội các về hưu. Theo báo *Tiếng Dân*, tin trên chấn động dư luận Huế. Bề bàng nhất cho Bài là ngay chính Bài cùng các Thượng thư không hề được báo trước. Và, khi Thibaudeau tuyên bố danh sách nội các mới, có Trần Thanh Đạt thông dịch qua tiếng Việt, một số người vẫn chưa kịp về đến kinh đô.(20)

Nguyên Pasquier, với sự thỏa thuận của Albert Sarraut, quyết thực hiện một cuộc “đại cải cách” ở An Nam, đánh bóng uy tín vua Nguyễn để làm giảm bớt và điều-kiện-hóa các phong trào quốc gia mới—như cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng năm 1930, và nhất là sự du nhập và phát triển của phong trào Cộng Sản từ giữa thập niên 1920, bùng nổ thành những cuộc bạo động, khủng bố tại các đồn điền miền Nam, cùng phong trào Sơ Viết Nghệ Tĩnh trong hai năm 1930-1931. Pasquier và Thibaudeau đoạn tuyệt với nhóm hợp tác cựu trào (Nguyễn Hữu Bài, Ki-tô giáo). Nhóm này **chủ trương đồng hóa và thống trị theo kế sách của Giám mục Paul Puginier và Louis Caspar—nhằm Ki-tô hóa các vua quan rồi khiến toàn thể dân Việt sẽ phải theo đạo, và vĩnh viễn trở thành “bạn của nước Pháp.”** Từ thập niên 1890, nhóm hợp tác cựu trào trở thành một thứ kiêu binh của cải mà Phạm Quỳnh cũng như Bảo Đại gọi là “*một văn*

phòng phụ thuộc nhỏ nhỏ của Tòa Khâm,” tức triều đình Huế, lúc nào cũng mang công lao của khối giáo dân bản xứ trong việc thiết lập chế độ Bảo hộ ra áp lực Pháp. Ngựa mới của Pasquier là phe tân trào (tiêu biểu bằng Phạm Quỳnh, Bùi Bằng Đoàn, Nguyễn Bá Trác, Nguyễn Thái Bạt, Lê Du, v.. v...). Phe này chủ trương hợp tác tinh thành, hay Pháp-Việt đề huề. Quan chức Pháp đã chọn phe tân trào, vì chủ trương hợp tác có nhiều triển vọng thành công trước sự lớn mạnh của các phong trào quốc gia mới. Trong khi đó, nhóm Quỳnh chấp nhận “*tôn quân cũng là yêu nước,*” tạm ngưng lại đòi hỏi thể chế cộng hòa.(21) Để làm giảm sự bi phẫn của nhóm cựu trào, Pasquier và Thibaudeau đặc cách Diệm–con nuôi của Bài [son fils putatif], cũng một trong hai Tuần vũ thanh liêm, chống Cộng nhiệt tình nhất–lên làm Thượng thư Bộ Lại.(22)

Một số mật báo viên ghi, và ngay chính Diệm man khai (ngày 24/12/1947 với Tổng lãnh sự Mỹ tại Hong Kong là George D. Hopper) rằng “Giệm” được làm “quan đầu triều Bảo Đại.”(23) Thực ra, từ tháng 5/1933, Bộ Lại mất đi ảnh hưởng của những năm Bài được kiêm nhiệm chức Tổng lý [Chủ tịch Viện Cơ Mật], và chỉ ngang hàng với các Bộ khác. Người có uy thế nhất là Phạm Quỳnh, Thượng thư Giáo dục kiêm Ngự tiền Tổng lý của Bảo Đại. Quỳnh không những chỉ chuyển lệnh của Toàn quyền và Khâm sứ Pháp cho Bảo Đại, mà còn đồng thời dịch, và thiết kế việc thực thi các lệnh trên, cùng báo cáo kết quả lên Khâm sứ.

Thibaudeau còn cử Diệm làm Tổng Thư ký Ủy ban Cải Cách, và yêu cầu Diệm làm tờ trình về kế hoạch canh tân Bộ Lại. Diệm, có lẽ do ảnh hưởng của Bài, đưa ra 2 điều kiện: Phải thống nhất Bắc và Trung Kỳ; tái bổ nhiệm một Tổng Trú sứ (Résident Général) cho Trung và Bắc Kỳ như đã qui định trong Hoà ước 6/6/1884; và, cho Viện Dân biểu quyền thảo luận.(24) Đề nghị này giống hệt kế hoạch của Bài: Muốn cải cách, việc đầu tiên phải hủy bỏ chức Thống sứ Hà Nội và Khâm sứ Huế (tức tái sát nhập Bắc Kỳ vào An Nam), sau đó cho An Nam ngân sách riêng. Nói cách khác, phải trở lại với Hiệp ước 6/6/1884–đòi hỏi mà Bài đã gieo xuống đầu óc thợ đại của Duy Tân từ năm 1915-1916, đưa đến việc vua bị truất phế rồi đây qua Réunion cùng cựu hoàng Thành Thái (Bửu Lân) vào cuối năm 1916. Pasquier, dĩ nhiên, không chấp thuận.

Ngày 9/7/1933, Diệm ra Quảng Trị ở với cha nuôi ít ngày. Trở lại Huế, ngày 12/7, Diệm nạp cho Thibaudeau một bản sao đơn từ chức đã trình lên Bảo Đại. Lý do Diệm nêu ra là cơ cấu tổ chức hiện

tại không phù hợp với Hiệp ước 6/6/1884–Hiệp ước này qui định Pháp chỉ giữ một chế độ bảo hộ kiểm soát (protectorat de contrôle) mà không phải bảo hộ trực tiếp (protectorat direct).(25)

Thibaudeau gọi Bảo Đại từ Đà Lạt về Huế giải quyết. Bảo Đại bảo thẳng Diệm rằng không thể viện dẫn lý do chính trị để từ chức, vì đó là hành động phản nghịch. **Diệm đành viết lại đơn từ chức khác ngày 18/7, nêu lý do muốn dành thì giờ cho việc tu hành.** Lần này, Diệm được toại ý. Ngày 22/7, Thibaudeau đòi Thái Văn Toản qua thay Diệm nắm bộ Lại, và đưa Tôn Thất Quảng, Tổng đốc Thanh Hóa, mới lập công lớn trong việc đàn áp đẫm máu tại các tỉnh Bắc An Nam, lên nắm Bộ Công và Nghi Lễ thay Toản.(26)

Ngày sau ngày Bài bị cách chức, vài tờ báo Nam Kỳ công khai đả kích Pasquier. Theo một mật báo viên (Luật sư Lê Văn Kim), những bài đả kích trên từ Huế chuyển vào Sài Gòn. Tháng 12/1933, Diệm còn vào Sài Gòn gặp Nguyễn Phan Long, Lê Văn Kim, Jacques Lê Văn Đức v.. v... bàn thảo kế hoạch trả thù Pasquier và Thibaudeau. Tiếp đó, tờ *La Tribune indochinoise* [Diễn đàn Đông Dương] và tờ *La Lanterne* ở Paris mở chiến dịch đòi thay Pasquier bằng cựu Toàn quyền Alexandre Varenne (7/1925-11/1927) và đưa cựu Khâm sứ Yves Châtel (6/1931-2/1933) trở lại Huế.

Biết được tin này, Pasquier truất hết chức tước của Bài, Diệm và Pierre Nguyễn Đệ, Bí thư riêng của Bảo Đại, thuộc một gia đình trung gian bán xứ Ki-tô nổi danh khác ở miền Bắc (Án sát Nguyễn Liên). Diệm còn bị trục xuất khỏi Huế, chỉ định cư trú tại Quảng Bình.(27)

May mắn cho Diệm, ngày 15/1/1934, Pasquier chết vì tai nạn máy bay trên không phận Paris. Năm sau, Bài chết tại Quảng Trị. Toàn quyền René Robin (7/1934-1/1937) và Khâm sứ Maurice Graffeuil (7/1934-5/1936, 4/1937-8/1941) phục hồi tước vị hàm [honnaire] cho Bài, Diệm và Đệ. Diệm được về Huế dạy trường Providence [Thiên hựu] do Linh mục Thục, “anh trai” Diệm, làm Giám học.(28)

III. HỢP TÁC VỚI NHẬT:

Thế chiến thứ hai (1939-1945) và việc Nhật xâm chiếm Đông Dương từ hai năm 1940-1941 khiến Diệm và họ Ngô, do tham vọng và ý muốn phục thù Pháp, **đi tìm một bất cớ hay thiên mệnh ngoại cường khác.** Họ Ngô bí mật yểm trợ Hoàng thân Cường Để và từ năm 1942, **công khai hợp tác với Hiến binh Nhật** (Kempeitai).

Huân, con trai lớn của Khôi, làm thông ngôn cho Nhật. Trong khi đó, Nhu (1910-1963) che chở cho hai con của Cường Để, Tráng Đình và Tráng Liệt, tại văn khố Tòa Khâm sứ Huế. Những người thân Diệm cũng làm việc tại tòa Lãnh sự Nhật từ năm 1942. Đầu năm 1943, Y sĩ Trương Kế An, thủ lĩnh Liên Đoàn Ái Quốc Việt Nam, gặp Diệm ở Hà Nội. Pierre Đệ, anh rể hụt của Nhu, cũng có mặt.(29)

Trong khi đó, Khôi cho Diệm dùng dinh thự Tổng đốc Nam-Ngãi của mình để tiếp xúc với những cá nhân thân Nhật. Khôi còn che chở cho tín đồ Cao Đài (đang bị nghi ngờ thân Nhật, ủng hộ Cường Để) trong vùng cai trị. Mật thám Pháp cũng tìm thấy trong nhà một người cháu họ của Khôi ở Quảng Nam, Ngô Đình Dậu (?), tài liệu liên quan đến Việt Nam Phục Quốc Hội của Cường Để.. Vì việc này, Khâm sứ Grandjean (6/1941-8/1944) chẳng những không hồi âm thư chúc mừng của Khôi, mà trong buổi gặp mặt trên đèo Hải Vân, còn bắt Khôi về hưu không được hàm Thượng thư. Tháng 1/1944, Grandjean còn cho lệnh Bảo Đại bí mật trục xuất Diệm khỏi Huế, chỉ định cư trú ở Quảng Bình. **Anh em Diệm trút mọi hờn oán lên Quỳnh**, đương kim Tổng lý [Tể tướng] triều đình.(30)

Mùa Hè 1944, Mật thám Pháp khám phá ra tổ chức Đại Việt Phục Hưng của Diệm, gồm khoảng 50 đảng viên tích cực, kể cả một số giáo sĩ; nằm ngay trong đội lính khố xanh (Garde indochinoise), cảnh sát, công chức, v.. v... Một trong những lãnh tụ là Trần Văn Lý, Tuần vũ Hà Tĩnh. Pháp bèn cho lệnh khám xét tư thất Diệm, nhưng Diệm đã sớm tẩu thoát.

Ngày 12/7, **Trung úy Kuga Michio của Hiến binh Nhật bí mật đưa Diệm vào Đà Nẵng**, rồi đáp phi cơ vào Sài Gòn. Trong thời gian ở miền Nam, Diệm lui tới với Matsushita [Tùng Hạ] Mitsuhiko, Chủ công ty Dainan Koosi [Đại Nam hay Dainan Konsi], **trưởng lưới tình báo dân sự của Nhật**, cũng người tự nhận là bạn thân của Cường Để.(31)

Một tháng sau, ngày 12/8, Nguyễn Huy Tân, Cán sự Công chính ở Quảng Ngãi, một cán bộ của Diệm, khai rằng Nhật đã chọn Diệm làm Thủ tướng, trong một chế độ quân chủ lập hiến mà người làm vua không nhất thiết phải là Cường Để. Hai ngày sau, 14/8, Paul Arnoux, Giám đốc Cảnh Sát, được lệnh bí mật khai thác Nhu và Khôi ngay tại Huế. Ngày 18/8, Arnoux báo cáo rằng **Nhu nhìn nhận việc làm tội lỗi của Diệm, nhưng Khôi không dính líu, xin “thẻ trên thập tự giá” là chỉ muốn duy trì “bát com” Pháp**.(32)

Ngày 20/8, vì tình hình Âu Châu đang rối loạn, phe “Pháp tự

do” của Charles de Gaulle đang tiến vào Paris, Decoux đồng ý với đề nghị của Arnoux là chỉ trừng trị những cán bộ hạng trung, tránh khiêu khích Nhật.

Trong khi đó, ngày 21/8, Thục-đã được thụ phong chức Giám mục Vĩnh Long từ năm 1938–viết thư xin Decoux nghĩ đến công lao hãn mã của cha mình với chính phủ Pháp trong việc “*đánh dẹp phản loạn*” (tức những **phong trào Văn Thân và Cần Vương kháng Pháp**) khi xét xử Khôi và Diệm. Anh em họ Ngô, Thục nhân mạnh, cũng đã nhiều lần **dâng hiến thân tâm cho Bảo hộ Pháp, bất kể mạng sống**. Chẳng hiểu vì công lao của Khả (đặc cách từ Thương biện Cơ Mật viện lên Thái thường tự khanh, năm 1896), vị thế Giám Mục của Thục, thành tích phục vụ Bảo hộ của anh em Diệm-Khôi, hay vì mối lo ngại cho sự an nguy chính bản thân Decoux, Pháp không truy cứu việc này.(33)

Cuối năm 1944, đầu năm 1945, Diệm tá túc trong bệnh viện Chợ Quán, được trưng dụng làm trụ sở quân sự của Nhật, sau này đổi tên thành bệnh viện bài lao Hồng Bàng. Tại đây, Diệm cùng Y sĩ Nguyễn Xuân Chử, Y sĩ Lê Toàn, Kỹ sư Vũ Văn An, Ký giả Vũ Đình Dy (1906-1945) thành lập Ủy Ban Kiến Quốc, phò trợ Cường Để. Cuối năm 1944, khi chuẩn bị kế hoạch Mago để lật đổ chế độ thân Vichy Decoux, Hiến binh Nhật đã dự trù Diệm sẽ trở thành Thủ tướng. Tuy nhiên, tình hình ngày một đổi thay mau chóng. Tướng Tsuchihashi Yuitsu, Tư lệnh Quân đoàn 38–lực lượng trách nhiệm phòng thủ Đông Dương chống lại cuộc đổ quân Đồng Minh–dồn mọi nỗ lực cho mục tiêu quân sự hơn chính trị. Bởi thế Tsuchihashi giữ Bảo Đại làm vua một nước Việt Nam “*độc lập trong Khối thịnh vượng chung Đại Đông Á,*” chống việc đưa Cường Để về nước. Nhưng nước Việt Nam này trên thực tế chỉ bao gồm 12 tỉnh miền Trung, vì Nam Kỳ cũng như Bắc Kỳ được trù liệu sẽ trở thành hai trung tâm tử thủ chống lại sự đổ bộ của quân Đồng Minh. Giám đốc Kempeitai yêu cầu phe Diệm-Chử tham gia chính phủ độc lập tại Huế, nhưng cả hai đều từ chối.(34)

Tháng 3/1945, sau cuộc Hành quân Meigo (9-10/3/1945) loại bỏ Decoux, Bảo Đại hai lần nhờ Nhật mời Diệm làm Thủ tướng, nhưng không có hồi âm. Mãi sau này, Bảo Đại mới được Nhật thông báo rằng họ không muốn dùng Diệm. Thay vào đó, tháng 4/1945, Trần Trọng Kim (1883-1952) được đưa từ Krung Thệp về Huế làm Tổng lý nội các [Thủ tướng] “*Đế quốc Việt Nam*” (4-8/1945).(35)

Nhóm Diệm-Chử đã bị phân tán ra khắp ba miền. Y sĩ Chử về

lại Nam Định, rồi Hà Nội, và cuối cùng trở thành Chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Chính trị miền Bắc, thay Khâm sai Phan Kế Toại từ chức vào giữa tháng 8/1945. Diệm về lại Vĩnh Long, tá túc trong giáo phận của Giám mục Thục.(36)

IV. DIỆM & VIỆT MINH:

Mặc dù sau này Ngô Đình Diệm thường tuyên bố tại Việt Nam chỉ nổi danh thua Hồ Chí Minh, khoảng thời gian từ tháng 8/1945 tới đầu năm 1947 là một giai đoạn bí mật nhất đời Diệm.

Như chúng ta đã biết, ngày 19/8/1945, Việt Minh lên nắm chính quyền ở Hà Nội.(36) Ngày 25/8, Báo Đại ra thông cáo thoái vị. Khôi và con trai trưởng là Huân bị Việt Minh bắt, rồi thủ tiêu ở vùng Phong Điền, Thừa Thiên. Riêng Diệm và Thục đều có tin bị Việt Minh bắt. Thục, thục ra được tự do sống ở vùng Vĩnh Long, dưới sự che chở của viên chức Việt Minh. Tháng 10/1945, Thục định ra Bắc, nhưng bị quân Bri-tên chặn bắt ở Biên Hòa, rồi sau đó âm thầm trở lại giáo phận Vĩnh Long.

Phần Diệm, **tông tích bắt minh**. Ngày 7/5/1953, trong buổi ăn trưa và thảo luận [lunch talks] về tình hình Đông Dương tại Tối Cao Pháp Viện Mỹ, Diệm tuyên bố từng bị Hồ “cô lập” trong một làng thiếu số năm 1946. Sau 6 tháng, Hồ yêu cầu Diệm tham gia chính phủ, nhưng Diệm trả lời rằng vì biết Hồ là CS, Diệm muốn được toàn quyền và thông báo mọi tin tức. Những người ủng hộ Diệm đòi Diệm phải được giao Bộ Nội Vụ và nắm ngành Cảnh Sát. Hồ do dự ít tuần, rồi cuối cùng từ chối.(38) Gần một thập niên sau, ngày 16/1/1962, Diệm còn lập lại chi tiết bị bắt giữ ở vùng thượng du Bắc Việt với các viên chức Mỹ tại Sài Gòn.(39)

Diệm còn tuyên bố rằng Diệm bị Việt Minh bắt vào tháng 9/1945, khi từ Sài Gòn ra Huế ngăn Bảo Đại dùng theo Hồ. Sau đó, bị giải lên thượng du gần biên giới Hoa-Việt, suýt chết vì bệnh sốt rét. Sáu tháng sau, HCM mang Diệm về Hà Nội, thuyết phục Diệm theo mình. Diệm không đồng ý, HCM bèn thả Diệm. Sau này, Hoàng Tùng cho rằng tha Diệm là một sai lầm.(40)

Việc Diệm bị Việt Minh bắt được nhiều nguồn tin khác xác nhận. Hạ tuần tháng 11/1945, Giám mục Thục khai với Pháp rằng Khôi và Diệm đã bị Việt Minh bắt và có thể đã bị xử bắn.(41) Ngày 28/12/1945, Tổng Giám mục Antonin Drapier cũng viết cho Trưởng đoàn Truyền giáo Hải ngoại Pháp ở Sài Gòn, rằng Diệm đã bị Việt Minh bắt.(42)

Một nguồn tin khác nữa ghi vào khoảng tháng 6/1946, khi Diệm đến ở nhà Linh mục Độ, chính xứ Tuy Hoà, cán bộ VM đã “khéo léo” mời được Diệm lên miền Thượng (Mọi). Người gia nhân thoát chạy ra Phát Diệm, xin Giám mục Lê Hữu Từ giúp, sợ bị giống như Khôi. Từ bèn cùng Linh mục Phạm Quang Hàm và Dân biểu Ngô Tử Hạ vào Bắc bộ phủ xin Hồ tha Diệm. Chính Hồ cũng không biết việc này, và hứa sẽ can thiệp. Khoảng một tháng sau, Diệm về tới Hà Nội, Võ Nguyên Giáp cho gọi Nhu tới lĩnh về. (43)

Những chi tiết quanh việc Diệm bị Việt Minh bắt **có nhiều nghi vấn**:

1. Xét về ngày tháng Diệm bị bắt, có phần không ổn.

1a. Tài liệu Bộ Ngoại Giao Mỹ và Karnow dẫn lời Diệm là Diệm bị bắt vào tháng 9/1945, và trả tự do vào khoảng tháng 3/1946.

1b. Ngày tháng mà Lê Hữu Từ hoặc tác giả viết hồi ký cho Từ ghi là Diệm bị bắt đúng vào giai đoạn HCM đang ở Pháp, và mãi tới ngày 22/10/1946 Hồ mới về tới Hà Nội. Vậy Từ can thiệp vào dịp nào? (Diệm cũng không hề nhắc đến việc được Từ và Hạ can thiệp).

1c. Ngay chính Diệm, ngày 7/5/1953, chỉ nói mơ hồ đã bị “cô lập” tại một làng thiếu số trong 6 tháng vào năm 1946.

2. Không ai rõ Diệm được tha ngày nào, và cũng chẳng ai rõ hành tung Diệm từ lúc được tự do tới khi xuất hiện ở Hà Nội vào đầu năm 1947 trong bộ đồ tu hành.

3. Theo thư gửi Decoux đề ngày 21/8/1944, Thục nói Cộng Sản từng sai sát thủ người Hoa ra Phan Rang mưu sát Diệm, nhưng Diệm chỉ bị thương. Nếu bắt được Diệm năm 1945 hoặc 1946, ngay tại miền Trung, cách nào Cộng Sản tha Diệm? Người ta chưa quên số phận những Tạ Thu Thâu, Vũ Đình Dy, v.. v... ở Quảng Ngãi; và nhiều cảnh “mò tìm” khác khắp ba miền.

4. Anh em Diệm rất thành thạo thủ thuật tự đánh bóng (kiểu Diệm “làm Tể tướng cho Bảo Đại,” Khả làm “thượng thư đầu triều Thành Thái,” hay “đầy vua không Khả”). Thành tích “bị giam lỏng” tại miền thượng du năm 1946, hay đòi Hồ cho nắm Bộ Nội vụ **có thể chỉ để tăng thêm vốn cho việc rao bán lập trường chống Cộng hầu xin viện trợ Mỹ của Diệm.** Hy vọng sẽ có dấu vết việc bị “cô lập” này trong văn khố Đảng Cộng Sản Việt Nam hay Pháp.

Cho tới khi có tài liệu rõ ràng, có thể tin Diệm **đã trốn trong nhà tu [Redemptoristes hay Dòng Cứu thế] ở Huế** như tài liệu văn khố Pháp ghi nhận.

.....

... Từ năm 1947, Ngô Đình Diệm đã liên lạc với viên chức Mỹ, xin viện trợ. Đây chẳng phải là sáng kiến mới mẻ gì của họ Ngô. Hầu hết chính khách Việt đều nhận rõ vị thế siêu cường của Mỹ, nhưng không có đường giây móc nối như anh em họ Ngô. Ngay chính Hồ cũng đã hoạt động cho Sở tình báo chiến lược [OSS] Mỹ trong hai năm 1944-1945, và lực lượng võ trang đầu tiên của Việt Minh được OSS Mỹ trang bị và huấn luyện. Hồ còn được đặt cho bí danh Lucius. Điều khiến Mỹ e ngại, và cuối cùng theo đuổi chính sách "hands-off" [không nhúng tay] khi Pháp tái xâm lăng Việt Nam là thành tích hoạt động cho QTCS của Hồ. Việc Hồ quyết định giải tán Đảng CSĐD từ ngày 11/11/1945 vẫn chưa đủ thuyết phục các viên chức Mỹ—những người vẫn chủ trương chỉ có Âu Châu mới đáng chú tâm hàng đầu.(82) Dẫu vậy, trong hai năm 1945-1946, chính phủ Truman vẫn dành cho Hồ và Việt Minh đôi chút thiện cảm. Có lẽ nhờ sự can thiệp của Mỹ, Moutet đã đồng ý ký modus vivendi ngày 14/9/1946 cho Hồ an toàn trở lại Việt Nam vào hạ tuần tháng 10/1946. Hơn một tháng sau, dù biết rõ liên hệ giữa Hồ với QTCS, Bộ Ngoại Giao Mỹ vẫn chỉ thị cho đặc sứ Moffat tìm cách gặp Hồ để giải quyết sự khác biệt Việt-Pháp bằng đường lối ngoại giao.(83)

Sau khi Bollaert ký thông cáo chung Hạ Long (6-7/12/1947) với Bảo Đại, ngày 21/12, Diệm cùng Trần Văn Lý lên Hong Kong gặp cựu hoàng. Trước khi qua Geneva ngày 24/12, Bảo Đại ủy Diệm về nước tham khảo ý kiến các phe phái để thành lập chính phủ thống nhất. Diệm từ chối vì những nhượng bộ của Pháp quá ít. Ngày 26/12, Diệm trở lại Sài Gòn chờ đợi tình thế chuyển biến.

Điều ít ai biết là phía sau hậu trường, ngày 24/12/1947, Diệm bí mật gặp Tổng lãnh sự Mỹ tại Hong Kong là George D. Hopper, trình bày về nội tình VN và giải pháp Bảo Đại. Mục đích chính của "Giệm," theo Hopper, là xin viện trợ Mỹ. Hopper chỉ ghi nhận mà không hứa hẹn gì.(84)

Tại Việt Nam, đa số các chính khách chống Cộng đã tạm thời thỏa mãn. Ngày 25/12, mặc dù không ưa Xuân, Hoạch thành lập Việt Nam Quốc Gia Liên Hiệp để ủng hộ "giải pháp Bảo Đại."(85)

Riêng Diệm, qua đường giây Giám mục Thục, tổ chức một nhóm chống Cộng thân Mỹ. Tại miền Bắc, Diệm có những thân hữu cũ như Trần Trung Dung, Nguyễn Xuân Chử, Nguyễn Đình Thuần, v.. v... Tại miền Trung, Trần Văn Lý thành lập Đảng Xã Hội Công Giáo. Tại miền Nam, Diệm được Nguyễn Phước Hậu, Bertin, Nguyễn Bửu, Trần Tử Hoàng, v.. v... yểm trợ.(86)

Tuy nhiên, vai trò Diệm bị lu mờ trước những khuôn mặt được Pháp chọn lựa. Một trong những lý do là **thành tích hợp tác với Nhật của Diệm.**

Chuyến viếng thăm Sài Gòn ngày 25/5/1948 của Hồng y Francis Spellman mở thêm đầu mối liên hệ với Mỹ cho anh em Diệm. TGM Sài Gòn, Cassaigne, mời Thục tham dự buổi tiếp đón Spellman.(87) Trong tháng 6/1948, Trần Văn Lý chính thức thành lập Đảng Xã Hội Công Giáo, do Thục bảo trợ. Diệm được coi như lãnh tụ tối cao của đảng này.(88) Tại Đà Lạt, Nhu cùng nhóm Linh mục Parrell tụ họp hạt nhân đầu tiên của chủ thuyết "Nhân vị." Thuyết này dựa theo thuyết *Personalisme* [Nhân vị] của Emmanuel Mounier, **đặt trên cơ bản thần quyền Ki-tô giáo.**

... Ngày, 15/7/1949, Giáo hoàng Pius XII (1939-1958) ra lệnh "rút thông công" bất cứ ai có liên hệ với Cộng Sản. Thánh lệnh này phân nào giải tỏa mối lo ngại của Diệm, nhưng Diệm vẫn chưa chịu hợp tác với Bảo Đại. Trong khi đó, các cộng đồng Ki-tô ngày một nghiêng về phía Thế giới Tự Do, thấp hòng **"cuộc thánh chiến" chống Cộng Sản.**

Ngày 21/9, Diệm về Huế, sống ở nhà Ngô Đình Cẩn (1911-1964), em trai áp út. Ngày 22/11–trong khi Hồng quân Trung Cộng đang tiến sát dần tới biên giới Việt-Hoa–Diệm rời Huế vào Sài Gòn, rồi Vĩnh Long, và Đà Lạt (2/1950).

Tháng 3/1950, Giám mục Từ tại Phát Diệm sai Lê Quang Luật vào Nam yêu cầu Diệm dừng "chùm chẵn" và "ngang bướng" nữa, cần yểm trợ Bảo Đại.(122) Ngày 9/4/1950, Tổng lãnh sự Mỹ Edmund Gullion, XLTV Đại sứ, báo cáo chính phủ Nguyễn Phan Long sắp đổ và Trần Văn Hữu có thể lên thay. Gullion nghĩ rằng Pháp hẳn muốn Diệm, nhưng Bảo Đại không đồng ý.

Giữa năm 1950, Diệm có ý định thành lập một lực lượng thứ ba, thân Mỹ, chống Pháp để lôi kéo những người bất mãn trong hàng ngũ Việt Minh. Cuối tháng 6/1950, tổ chức Phong Trào Quốc Gia Quá Khích ra đời ở Trung và Nam Việt, có liên hệ với Diệm.

... "LÊ GÓT NOI QUÊ NGƯỜI":

Trong bài hát "Suy Tôn Ngô Tổng Thống," đề tô hồng cho thành tích cách mạng của Diệm, nhà văn Thanh Nam viết: "Ai bao năm từng lê gót noi quê người, cứu đất nước, v.. v..." Thực tế, cuộc hành trình ra ngoại quốc của Diệm chẳng có vẻ gì gian khổ. Trước hết, qua Mỹ, được gặp gỡ những nhân vật quyền thế; rồi qua Vatican

gặp Giáo hoàng Pius XII; trở lại Mỹ, tu học ở các tu viện và diễn thuyết đó đây; và cuối cùng qua Belgium, vận động làm Thủ tướng.

A. QUA MỸ XIN VIỆN TRỢ:

Ngày 18/6/1950, Giám mục Thục gặp XLTV Đại sứ Gullion tại Sài Gòn, xin giấy nhập cảnh Mỹ trên đường qua Roma dự năm Thánh cho mình và Diệm. Tháng 7/1950, có tin Diệm nhiều lần bị Việt Minh đe dọa đến tính mạng. Ngày 15/7, Diệm về Huế thăm mẹ bị đau nặng. Ngày 2/8, Diệm trở lại Sài Gòn sau khi ghé ngang Đà Nẵng. Ngày 14/8, Diệm cùng Thục rời Sài Gòn trên tàu La Marseillaise. Gặp Cường Để ở Nhật, bàn việc thành lập một chính phủ chống Cộng.(127)

Ngày 2/9, Diệm và Thục tới Mỹ. Hơn hai tuần sau, ngày 21/9, William S. B. Lacy, Trưởng Nha Philippines và Đông Nam Á, tiếp Diệm và Thục. **Thục tuyên bố phải lập một quân đội quốc gia, lấy giáo dân Ki-tô làm hạt nhân** để không sợ đảo ngũ mang súng hàng VM. Lacy nhận xét rằng **Thục mới là phát ngôn chính, trong khi Diệm chỉ tán thưởng ý kiến Thục.**(128)

Ngày 15/10, Diệm và Thục rời Mỹ qua Paris. Sau đó, xuống Roma, rồi trở lại Paris vào trung tuần tháng 11/1950. Ngày 8/12/1950, Thục rời Âu Châu trở lại Việt Nam. Cuối tháng đó, Diệm, qua trung gian Bửu Kỉnh, Nghị viên Hội Đồng Liên Hiệp Pháp, gửi cho Bảo Đại một thư riêng, đề nghị một chương trình hoạt động.(129) Sau đó Diệm lại sang Mỹ. Ngày 15/1/1951, Diệm khai với nhân viên Bộ Ngoại Giao Mỹ là mới từ Paris qua được khoảng một tháng để nghiên cứu về giáo lý và cơ cấu chính quyền Mỹ. Nói thêm là đã cho Bảo Đại biết sẵn sàng làm Thủ Tướng với một số điều kiện.(130)

Trong thời gian ở Mỹ, nhờ sự che chở của **Francis Spellman, Hồng Y Giám đốc Tuyên úy Ki-tô Roma trong quân đội Mỹ**, Diệm tá túc tại Tu viện Maryknoll, thuộc tỉnh Lakewood, tiểu bang New Jersey. Có dịp làm quen với Thẩm phán Tối cao Pháp viện William O. Douglas, nhiều Thượng Nghị sĩ, Dân biểu như Mike Mansfield (Montana), John F. Kennedy (Massachusetts), Walter Judd, v.. v... Diễn thuyết tại nhiều nơi. Từ ngày này, Diệm trở thành một lá bài "chí sĩ quốc gia chống Cộng" trừ bị của Mỹ. Diệm cũng thường tuyên bố mình là nhân vật được biết nhiều nhất tại Việt Nam, chỉ thua có Hồ Chí Minh.(131)

Đại sứ Heath nhiều hơn một lần tiến cử Diệm trong các cuộc khủng hoảng chính phủ, nhưng cả Bảo Đại lẫn Pháp chỉ muốn những

người đáng tin cậy như Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm, v.. v... Ngày 12/5/1952, chẳng hạn, Heath đề nghị cho Bảo Đại nắm chức Thủ tướng, và mời những người có khả năng như Nguyễn Hữu Trí hay Ngô Đình Diệm vào nội các, với chức vụ Phó Thủ Tướng; Pháp ra tuyên ngôn về một chính sách "tiến hoá" (evolutionary statement) đối với nền độc lập của Việt Nam; sửa đổi một số điều khoản lỗi thời trong Hiệp định 8/3/1949 và Hiệp ước Pau; đẩy mạnh hơn việc thiết lập QĐVN.(132) Khoảng một năm sau, ngày 28/4/1953, Heath nhận xét rằng Bảo Đại thông minh và hữu dụng như biểu hiệu đoàn kết Bắc-Nam, nhưng không có khả năng cỡ Churchill và đại loại; Tâm nhiệt tình và hữu hiệu, nhưng không đủ khả năng đoàn kết toàn quốc vì tính tình và lập trường thân Pháp; chỉ còn lại hai ứng cử viên Diệm và Trí. Hiện tại, Diệm không được vì cứng cổ [intransigence], chống Pháp, không được Bảo Đại ưa, và không ưa Bảo Đại. Chỉ còn lại Trí xứng đáng nhất.(133)

B. QUA ÂU CHÂU:

Sau khi Joseph Laniel (6/1953-6/1954) đồng ý trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam ngày 3/7/1953,(134) họ Ngô ráo riết vận động lên cầm quyền. Tại Việt Nam, Thục và Nhu mở rộng hoạt động với các tổ chức tôn giáo và chính trị. Nhu hợp tác với Lê Văn "Bảy" Viễn, Phạm Công Tắc, v.. v... mưu toan thành lập một liên minh chính trị vào cuối năm 1953. Đầu năm 1954, Thục, Nhu cùng nhóm *Tinh Thần* của Y sĩ Trần Văn Đỗ và Liên Đoàn Thanh Lao Công của Trần Quốc Bửu lập ra tổ chức **tiền thân của Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng**, tức Cần Lao.(135)

Diệm cũng từ Mỹ sang Belgium lo tiếp xúc Bảo Đại, mới từ Việt Nam qua Pháp chữa bệnh sán gan. Ngày 14/5, Bảo Đại gọi Diệm qua Paris, và Diệm đồng ý hợp tác. Ba ngày sau, Bảo Đại cử em trai Diệm, Ngô Đình Luyện, làm "đặc phái viên" tại Hội nghị Geneva để bí mật tiếp xúc với Mỹ. Ngày 24/5, khi được nhân viên Tòa Đại sứ Mỹ ở Paris tiếp kiến, Diệm tiết lộ đã được Bảo Đại ủy quyền về Việt Nam nghiên cứu việc thành lập một chính phủ mới. Diệm dự định rời Pháp ngày 26/5, nhưng sau đó hủy bỏ.

Sau cuộc gặp gỡ này, Mỹ chấp thuận Diệm, **không phải vì Diệm là nhân vật lý tưởng, mà vì những người tiền nhiệm quá kém cỏi, và Diệm có hậu thuẫn của một số giáo mục Ki-tô.** Tuy nhiên, Ngoại trưởng Dulles vẫn còn chủ trương khuyến khích Pháp tiếp tục hiện diện ở Đông Dương, nên chưa thuận yểm trợ trực tiếp

cho QGVN như Bảo Đại và Diệm yêu cầu. Phần Bảo Đại cũng được một nhóm cực hữu Pháp áp lực đưa Diệm lên thay Bửu Lộc. Nhưng cái giá Diệm đòi hỏi khá cao: Toàn quyền về dân sự và quân sự. Trước ám ảnh đại họa Pháp sẽ cắt nửa nước cho Việt Minh, và tổng tuyển cử trong một thời gian ngắn để giải quyết thể chế chính trị tương lai, Bảo Đại đành nhân nhượng—**chỉ bắt Diệm phải thề trước thập tự giá là tuyệt đối trung thành, và duy trì ngôi báu nhà Nguyễn.**

Cuối cùng, ngày 16/6/1954, giữa lúc chính phủ Laniel đã từ chức và Pierre Mandès-France có nhiều triển vọng lên làm Thủ tướng, Bảo Đại bổ nhiệm Diệm làm Thủ tướng toàn quyền. Ngày 25/6/1954, Diệm cùng một đoàn tùy tùng nhỏ lên đường về nước.

Chính Đạo

<http://www.quanvan.net/index.php?view=story&subjectid=26>

344

<http://www.quanvan.net/index.php?view=story&subjectid=26344&chapter=2> [Trích một phần từ *Cuộc Thánh Chiến Chống Cộng* của Sử gia Vũ Ngự Chiêu]

3. Phụ chú

1. Department of Defense, US-Vietnam Relations, 1945-1967, 12 books, (Washington, DC: GOP, 1971), Bk 11, tr. 36-41. Xem thêm chú 3 infra.

2. Xem, chẳng hạn, Bernard B. Fall, *The Two Vietnams: A Political and Military Analysis* (New York: Praeger, 1965), tr. 235ff. Fall ghi nhận Khả là "Thượng thư Bộ Lễ" sau khi từ chức đã cắt mọi liên lạc "với những kẻ xâm lăng đáng ghét," "ủng hộ Phan Bội Châu," và truyền xuống cho các con như Khôi và Diệm một tinh thần quốc gia nồng nhiệt;" Ibid., tr. 235. Fall, một học giả gốc Pháp viết khá nhiều về Việt Nam và chết tại Việt Nam, nhận định: "Sự kiện Bảo Đại là người kế thừa của các hoàng đế yếu ớt trong việc chống lại Pháp cũng có thể gây ra sự khinh thường ông ta trong Diệm" [The fact that Bao Dai was the descendant of emperors who had been weak in their resistance to the French may also account for Diem's contempt for him]; Ibid., tr. 475n3. Một lời võ đoán dễ hiểu trong thập niên 1950-1960. Thực ra, từ thời Đồng Khánh (1885-1889), các vua nhà Nguyễn do Khâm sứ và Toàn quyền Pháp lập nên, và chỉ còn công dụng của "một vòng hoa," để hợp thức hóa chế độ "Bảo hộ" Pháp. Quan lại thì

được tuyển từ giới trung gian bản xứ mà đa số là giáo dân Ki-tô hay cựu bồi bếp của viên chức, sĩ quan Pháp. Thành phần "tân trào" này hiểu rất rõ vị thế "làm kiếng" của các vua Nguyễn. Ngoài ra, Khả còn có liên hệ thân thiết với phòng Thành Thái (1889-1907), và từng nuôi tham vọng biến Thành Thái thành một vua theo Ki-tô giáo đầu tiên. Sự khinh thường phòng Khải Định (1916-1925) và Bảo Đại (1926-1945) là điều dễ hiểu. Xem Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối nhà Nguyễn, 1883-1945, 3 tập (Houston: Văn Hóa, 1999-2000). [Sẽ dẫn: Các vua cuối] Ngoài ra, Diệm không ưa Bảo Đại vì đã hai lần ký Dự đày Diệm ra Quảng Bình. Xem chú 18 infra.

3. Department of State, Office of Libraries and Intelligence Acquisitions, "Biographic Report: Ngo Dinh Diem, President of the Republic of Vietnam, To Visit Washington [May 8-10, 1957]," BR No. 203 (April 18, 1957); Richard Nixon Library (Yorba Linda, CA), Prepresidential Papers, PPS 320.99.33.1-2. [Sẽ dẫn, Ngo Dinh Diem (1957)]

4. Direction des Services Français de Sécurité en Indochine [DSFSI], "M. Jean Baptiste Ngo Dinh Diem, dit Nguyen Ba Chinh;" SHAT (Vincennes), Indochine, [10H 4195]. Tài liệu này hiện vẫn chưa giải mật. Xem phóng ảnh trong Nguyên Vũ, Paris Xuân 96 (Houston: Văn Hóa, 1997), tr. 165; Chính Đạo, Cuộc thánh chiến chống Cộng (Houston: Văn Hóa, 2004), tr. 15-16. Những chi tiết không có phụ chú trong bài này đều trích dẫn từ tài liệu trên. Xem thêm Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu [VNNB], tập III: Nhân vật chí, tái bản có bổ sung (Houston: Văn Hóa, 1997), tr. 262. Sẽ dẫn: Nhân vật chí, 1997.

5. Tinh báo Mỹ ghi Diệm sinh trong một gia đình đã theo đạo Ki-tô từ thế kỷ 17 và nhiều thế hệ đã sản xuất ra những bậc tu hành và quan chức nổi danh. Cha là Thượng thư bộ Lễ và Lord Chamberlain cho vua Thành Thái, từng du học ở Malaya; Ngo Dinh Diem (1957) [Giọng tài liệu của Fall & Sharplen]]

6. Theo Lansdale, Diệm "đã cắt bỏ mọi tình với người yêu đầu đời để dâng hiến cho tổ quốc" nên 60 tuổi vẫn còn độc thân. Xem chú 1 supra. Nhưng nhiều người đương thời, như Tướng Trần Văn Đôn André, cho rằng Diệm thiếu khả năng tình dục.

7. Xem Ngô Đình Diệm, "L'Encrier de S. M. Tu-Duc: Traduction des Inscriptions [Nghiên mực của vua Tự Đức: Bản dịch những chữ khắc]," Bulletin des Amis du Vieux Hue [BAVH], Bộ IV, số 3 (Tháng 7-9/1917), tr. 209.

8. Phỏng vấn ngày 2/11/1985 tại Paris; Ngô Đình Diệm, "L'Ambassade de Phan Thanh Gian (1863-1864);" BAVH, Bộ VI, Số 1bis và 2 (Avril-Juin 1919), tr. 161. Ở đầu bài, Diệm được giới thiệu là "học sinh trường Hậu bổ," và bài này đã được đọc tại các buổi họp [hội thảo] ngày 27/8 và 3/12/1918, và 4/3/1919. Ibid. Diệm chỉ dịch một phần tập tâu của Phan Thanh Giản và Phạm Phú Thứ, dưới sự hướng dẫn của Nguyễn Đình Hòa. Phần còn lại (thiếu đoạn đi sứ Espania) do Trần Công Tạn dịch; BAVH (1921), tr. 147-187. Tác giả đã tạ ông Nguyễn Đắc Xuân đã cung cấp phỏng ảnh bài viết này của Ngô Đình Diệm.

9. Xem báo cáo về cuộc đàm thoại ngày 28/4/1955 giữa Bảo Đại với William Gibson, Đệ nhất thư ký Tòa Đại sứ Mỹ; FRUS, 1955-1957, I:332-336; Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu [VNNB], 1939-1975, tập I-C: 1955-1963 (Houston, TX: Văn Hóa, 2002), tr. 54-55.

10. Nguyên văn: "A year after his decision to give up becoming a priest. Diem falsified his age and took competitive examinations for the equivalent of a highschool diploma;" Robert Sharplen, *The Lost Revolution* (New York: Harper & Row, 1966), pp. 106-107.

11. Xem tiểu sử Thục trong CAOM (Aix), GGI, CP 125; Chính Đạo, Nhân vật chí, 1997:312; Idem., *Cuộc thánh chiến chống Cộng* (Houston: Văn Hóa, 2004), tr. 464-465. Tại Việt Nam, tương cũng nên ghi nhận, có tục lấy tên "mẹ già," tức vợ chính thức, để khai sinh cho các con ngoại hôn hoặc thê thiếp.

12. Xem Chính Đạo, VNNB, Tập I-C: 1955-1963, tr. 110.

13. [After being instructed at home and attending the Pellerin school in Hue, he studied briefly for the priesthood]. Ngo Dinh Diem (1957)] Năm 1957, an ninh Mỹ chỉ ghi Diệm là "a devout Catholic."

14. Theo Bernard Fall, niềm tin tôn giáo của Diệm là một loại hiếu chiến tàn bạo của một Quan tòa Dị giáo [ruthless militancy of the Grand Inquisitor]. Khi một người Pháp nói "tín ngưỡng chung của chúng ta," Diệm thân nhiên trả lời: "Tôi tự cho tôi là một tín đồ Ki-tô Spain [Tây Ban Nha]," tức cuồng đạo hơn là hòa hoãn theo kiểu Ki-tô Pháp; *Two Vietnams*, 1965:236.

15. Xem Chính Đạo, Hồ Chí Minh (1892-1969), Con người & Huyền thoại, 3 tập (Houston: Văn Hóa, 1993-1997), tập I:161-162; Phụ bản 5, trong Vũ Nợ Chiêu, Các vua cuối, 1883-1945, tập II:602-604. Trần Trọng Kim, trong Việt Nam Sử Lược, đã dẫn lời "một đại

quan về hưu" để bài bác chi tiết trộm tro than Ngự sử Phùng bản xuống sông Lam. "Đại quan về hưu" này chắc không thể biết rõ sự việc bằng Khâm sứ Huế, người viết báo cáo vào tháng 2/1896, hay báo cáo của chính Nguyễn Thân. Đó là chưa nói đến thói quen chối tội của các phạm nhân chiến tranh [war criminals], hoặc âm mưu ngụy tạo lịch sử để bảo vệ cho thượng cấp và đồng đạo (kiểu "Việt Cộng ném lựu đạn trước đài phát thanh Huế tối ngày 8/5/1963," "nhân viên an ninh Mỹ ném mìn plastic tối 8/5/1963," "toàn dân Việt Nam ghi ơn Ngô Tổng thống"). Xem, Vũ Ngự Chiêu, "Vài Ý Nghĩa Về Thượng Tọa Thích Quảng Đức;" *Đi Tới (Montréal, Québec)*, XII, số 83 (7-9/2005), tr. 4047; *Hợp Lưu (Santa Ana, CA)*, số 84 (8/2005), tr. 194-206. Đáng tiếc vì không được huấn luyện về phương pháp nghiên cứu và viết sử, lại không có tư liệu, Trần Trọng Kim khiến tập phổ thông lược sử của ông chứa nhiều dữ kiện và nhận định lầm lạc.

16. Có tài liệu ghi Khả là Chương giáo đầu tiên của trường Quốc Học; E. Le Bris, "Le Quoc Hoc;" *BAVH* (1916), số 1, tr. 80. Đây có lẽ dựa theo Dự năm 1896 của Thành Thái, nhưng Toàn quyền Pháp không chấp thuận. Giám đốc trường này là một người Pháp. Về chức "Thượng thư" của Khả, chúng tôi chưa thấy một tài liệu nào. Trong bài "Une ascension sur l'écran du roi: Poésie de S. M. Tu Duc, traduite par Ngô Đình Khả, Ministre honoraire;" *BAVH*, số 2 (4-6/1916), tr. 223-227—bản dịch một bài thơ nói về chuyến du ngoạn của vua Tự Đức—Ngô Đình Khả chỉ ghi "hàm Thượng thư," khác xa với chức Thượng thư thực sự, nói chi "Thượng thư đầu triều." Trần Lục, hay cha Sáu [Père Six] ở Phát Diệm, một tay chân tin cẩn của Giám mục Puginier, cũng được thưởng hàm Thượng thư và Bắc đầu Bội tinh.

17. Lời chứng của Nguyễn Thi, cựu Ủy viên Hành Kháng tỉnh Ninh Thuận, trên báo Nhân Dân ngày 16/7/1954, dẫn trong Trần Văn Giàu, *Miền Nam giữ vững thành đồng*, 5 tập (Hà Nội: NXB Khoa Học, 1964-1978), tập I (1964), tr. 36. Hai tác giả khác ghi là việc Diệm dùng đèn cây đốt hậu môn tù nhân CS khi làm Tri phủ Hòa Đa; Nguyệt Đàm và Thân Phong, *Chín năm máu lửa dưới chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm* (Sài Gòn: 1964), tr. 18. Theo hai tác giả này, nhân chứng là Cử nhân Nguyễn Trác, cựu Nghị viên trường An Nam. Xem thêm, Bùi Nhung, *Thối nát* (Sài Gòn: 1969); Hoàng Trọng Miên, *Đệ nhất phu nhân* (Los Alamitos, CA: 1989), I:128-129. Theo tài liệu Bộ Ngoại Giao Mỹ, Diệm tốt nghiệp thủ khoa năm 1921; năm 1929 đã làm quan đầu tỉnh. Khi ở Quảng Trị năm 1930- 1931, Diệm dùng

những thủ đoạn nghiêm khắc để đàn áp, v.. v... ["From 1922 to 1929 he was a district chief in the territorial administration of Annam and during the next four years he served as a province chief. While in Quang Tri province during the 1930-1931 Communist-led insurrections he used drastic methods in repressing agitators and revolutionaries, thus incurring the enmity of left-wing nationalists. In 1932-1933 he headed a commission to investigate charges of corruption in the upper echelons of the Annamese administration;" Ngo Dinh Diem (1957) [p.5]].

18. Thư Ngô Đình Thục gửi Decoux ngày 21/8/1944; CAOM (Aix), PA 14, c. 2. Thư này do tác giả công bố lần đầu trong Luận án Tiến sĩ tại Đại học Wisconsin-Madison năm 1984, rồi trên báo *Lên Đường* (Houston) năm 1989; in lại trong *Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu [VNNB], 1939-1975, tập I-A: 1939-1946, tr. 200*. Vài cá nhân đặt nghi vấn là Pháp ngụy tạo tài liệu trên. Nghi vấn này do sự thiếu hiểu biết về phương pháp bảo quản tài liệu văn khố. Hơn nữa thủ bút và chữ ký của Thục khó thể giả mạo. Tương cũng nên ghi thêm rằng một vài cá nhân (như Lê Trọng Văn, Bùi Kha) đã tự động tẩy xóa bút phê của Decoux cũng như ghi chú của nhân viên văn phòng Toàn quyền và dấu cùng chữ ký thị thực của Văn khố Aix-en Provence Pháp trên phóng ảnh tài liệu trên, in vào sách họ.

19. Nguyên văn: "FrancÉais ne veulent pas de nous, parce que nous sommes trop entiers, à fortiori Japonais qui préféreraient souplesse PHAM QUYNH dont ils vantent talent." Báo cáo số 1806, A,B,C,D ngày 18/8/1944, Surete gửi DirSurGe; CAOM (Aix), 14 PA, c.2, d.19; trích đăng trong *Vũ Nự Chiêu, Các vua cuối, III:856*.

19bís. Thư Ngô Đình Thục gửi Decoux ngày 21/8/1944; CAOM (Aix), PA 14, c. 2.

20. Xem chi tiết trong *Vũ Nự Chiêu, Các vua cuối, III:1111-1145*.

21. Nói rộng hơn, nhóm Sarraut-Pasquier áp dụng chính sách "hợp tác" [collaboration]. Giữa thập niên 1920, Pasquier còn chiêu hồi những thành phần chống Pháp như Phan Bội Châu và sử dụng các văn thân từng bị dính líu vào phong trào chống sưu thuế 1908 tại miền Trung. Huỳnh Thúc Kháng, chẳng hạn, được cử làm Chủ tịch Hội đồng Dân cử Trung Kỳ, và xuất bản tờ *Tiếng Dân* bằng quốc ngữ để quảng bá chủ trương "thờ người Pháp để cầu tiến bộ." (TTLTQG 2 (TP/HCM), RSA/HC, HS 1869.

22. "Ngôi sao" thứ hai của Pasquier là Bùi Bằng Đoàn (1890-

1955), từ Tuần phủ lên chức Ông Thượng thư Bộ Hình. Ngày 6/5/1933, năm tân Thượng thư mới có mặt đầy đủ tại Huế nhân dịp gắn huy chương cho Bài và 4 người khác. Ngày 17/5, Thibaudeau chủ tọa phiên họp Hội đồng Nội các đầu tiên. Mười ngày sau, 27/5, tân Nội các họp dưới sự chủ tọa của Bảo Đại và Pasquier. Xem Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, tập III:793, 1111-1129 (Phụ bản bài tường thuật trên báo Nam Phong số 184 (5/1933). Đoàn sau này hợp tác với Hồ Chí Minh.

23. Theo Tổng Lãnh sự Hong kong, Diệm tuyên bố là bạn lâu đời của Bảo Đại, đã phục vụ như "Tể tướng" những năm cũ, và hai gia đình có liên hệ gần gũi [Ngo Dinh Giem [Diem] claimed that he was an old friend of Bao Dai, had served as his Prime Minister in former years, and that their families enjoyed close relations"]; CD 450, 30/12/1947, Hongkong gửi BNG; FRUS, 1947, VI:153. Việc tự đánh bóng đề "bán mình" [sell yourself] cho Mỹ này không được tài liệu văn khố Pháp chứng minh. Thực tế, Diệm, như đã lược nhắc, chỉ được đặc cách lên hàng Thượng thư Bộ Lại, mà phận sự và quyền lợi đồng đều với bốn bộ khác, và năm 1935, chỉ được Bảo Đại cho lại chức Thượng thư hàm. Xem chú 21 infra.

24. Báo cáo ngày 10/5/1933, Pasquier gửi Colonies; CAOM [Aix], INF, c.366/d.2905; trích in trong Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, tập III:785-809, 1111-1145. Xem Phụ bản báo Tiếng Dân trong sách này.

25. Báo cáo số 303-A.P., 22/7/1933, Gougal gửi Colonies; CAOM (Aix), INF, c.366/d.2905; Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, III:804-806.

26. Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, III:806-807. Gần ba chục năm sau, Diệm tuyên bố với một viên chức Mỹ rằng sở dĩ Diệm từ chức, ngoài tinh thần chống thực dân, còn vì không đồng ý với chính sách "chống Cộng" của Pháp. Theo Diệm, Cộng Sản là sản phẩm của các chính phủ tả phái Pháp. Xem Memorandum of a Conversation, Saigon, Jan 16, 1962; FRUS, 1961-1963, II:41-42. Nội dung buổi nói chuyện này chứng tỏ Diệm, dù tự nhận đã nghiên cứu về Cộng Sản từ năm 1922 qua các tài liệu Switzerland, chẳng biết gì vai trò của địa bàn Trung Hoa cùng hoạt động của DALBURO Liên Xô Nga ở Vladivostok, Thượng Hải hay Hong Kong. Ngoài ra, Diệm có vẻ "rất linh động và sáng tạo" trong việc diễn giải thành tích dĩ vãng của mình. Năm 1963, Đại sứ Henry Cabot Lodge đi đến kết luận, không hẳn đã chủ quan, rằng Diệm và họ Ngô thuộc loại "đôi trá và tội

phạm" (liars and criminals); Ibid., IV:tài liệu 69 (deception, IV:127),77 (medieval view of life; IV:143), 221.

27. CAOM (Aix), INF, c.366/d.2905; Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, III:808.

28. Năm 1934, Thục cũng tìm cách đả kích Bảo Đại bằng cách áp dụng "giáo luật" vào đám cưới của Bảo Đại với Nam Phương hoàng hậu (tức bắt Bảo Đại phải "rửa tội" trước khi làm đám cưới). Pháp giải quyết bằng cách cho một linh mục Pháp cử hành lễ cưới trong bí mật.

29. Note số 2995-SP/C, Huế, 4/4/43; CAOM (Aix), 14 PA, c.1. Ít tháng sau, do sự dàn xếp của Thân Thị Nam Trân (1905-1986), vợ Luật sư Trần Văn Chương (1898-1986), Nhu khiến gia đình Nguyễn Liên phải hủy bỏ cuộc đính hôn để Nhu kết hôn với Lệ Xuân, con gái thứ hai của Nam Trân và Chương, thua Nhu tới 14 tuổi.

30. Mỗi hiềm khích, nếu không phải hận thù, giữa họ Ngô và Phạm Quỳnh, là điều bất cứ giới chức quan lại nào ở Huế đều rõ. Các viên chức Pháp quyết định không ngả theo phe nào, theo đúng chủ trương chia để trị. Theo an ninh Pháp, "những phần tử trong họ Ngô, đặc biệt là Khôi, nuôi dưỡng lòng hận thù ngày một sâu đậm đối với Phạm Quỳnh người đã thụ hưởng nhiều lợi lộc nhất trong ‘cuộc đảo chính ngày 2/5/1933.’ Từ một nhà báo, Quỳnh đã trở thành Thượng thư Bộ Quốc Dân Giáo Dục, rồi thăng lên chức Tổng lý khá nhanh, nắm giữ tước cao nhất của hệ thống quan lại (Tứ trụ triều đình) năm 1944. Từ từ theo sự thăng tiến về danh vọng của Phạm Quỳnh, hận thù giữa họ Ngô với Phạm Quỳnh càng gia tăng;" "M. Jean Baptiste Ngo Dinh Diem, dit Nguyen Ba Chinh," tr. 2; SHAT (Vincennes), 10H 4195. Xem thêm chi tiết trong Vũ Ngự Chiêu, "Social and Cultural Change in Vietnam Between 1940 and 1946," Ph.D. dissertation, December 1984, Univ. of Wisconsin-Madison, Part I, chapters 3, 4 & 6. Báo Tiếng Dân trong tháng 5/1933 cũng có bài xa gần nhắc nhủ "những người được cái của người khác đừng nên vội mừng" (có lẽ ám chỉ Phạm Quỳnh) và kết luận rằng mọi việc đều do Pháp chủ xướng. Huỳnh Thúc Kháng, tướng nên nhân mạnh, cùng chủ trương "thờ người Pháp làm bậc thầy để cầu tiến bộ" như Phạm Quỳnh, Nguyễn Bá Trác, v.. v...

31. CAOM (Aix), GGI, 7F 29, tr. 56. Matsushita [Tùng Hạ] đã tới Đông Dương từ thập niên 1920. Năm 1938, bị trục xuất; nhưng trở lại Sài Gòn từ năm 1941. Matsushita thường tuyên bố là bạn thân và đại diện của Cường Để.

32. Xem chú 13 supra. Anh em Diệm, thường rất thích "thề trên thập tự giá" nhưng ít khi giữ những lời thề này, kể cả lời thề "trung thành" với Bảo Đại trước khi về làm Thủ tướng toàn quyền dân và quân sự vào tháng 6/1954. Xem infra.

33. Thời gian này, Decoux như ngồi trên lửa. Một mặt, phe Gaullist tăng gia hoạt động "kháng Nhật," và Paris hoàn toàn im lặng trước nỗ lực xin qui phục của Decoux. Mặt khác, Decoux đang đối diện mỗi hiểm họa sẽ bị Nhật tước đoạt quyền lực. Xem Vũ Ngự Chiêu, Các vua cuối, III: 858-862.

34. Nguyễn Xuân Chữ, Hồi ký Nguyễn Xuân Chữ (Houston: Văn Hóa, 1996), tr. 243-249.

35. Vũ Ngự Chiêu, *The Other Side of the 1945 Vietnamese Revolution: The Empire of Vietnam (4-8/1945) / Phía bên kia cuộc cách mạng 1945: Đế Quốc Việt Nam (4-8/1945)* (Houston: Văn Hóa, 1996). Bản Anh ngữ tập sách nhỏ này, trích ra từ luận án năm 1984, đã in trong *Journal of Asian Studies* vào tháng 2/1986; *Bảo Đại, Le Dragon d'Annam* (Paris: Plon, 1980), tr. 106. Mùa Thu 1945, Giám mục Thục cho rằng sở dĩ Diệm không nhận lời vì thấy chế độ do Nhật lập nên khó tồn tại lâu dài; hơn nữa quanh Bảo Đại có những thành phần tả phái và franc-macÉon [tam điểm]. CAOM (Aix), GGI, CP 125. Lời chứng này khó tin cậy. Mục đích của Thục là biện minh cho sự hợp tác với Nhật của Diệm, một tội ác chiến tranh ở thời điểm này. Và có thể Thục cũng không biết đến, hoặc tảng lờ quyết định của Tsuchihashi hay lời tuyên bố sẽ tổng giam Cường Đê vào Côn đảo nếu Hoàng thân về nước. Nhân viên an ninh Pháp, năm 1954, cho rằng Diệm từ chối lời mời lập chính phủ vì Nhật không chịu cho thống nhất ba miền Bắc, Trung, Nam; SHAT (Vincennes), 10H 4195. Theo ký giả Sharplen, "Diem refused, not because he objected to the Japanese but because he did not feel he would be able to establish a free government—among other things, the southernmost area of Cochín China was initially be excluded from it. Furthermore, he now saw the handwriting on the wall and did not want to put himself in the position of being declared a collaborator when the war was over. He returned to Saigon and waited;" 1966:110.

Ngo Dinh Diem is thought to have spent a good deal of time in Japan in the 1930's, when he had many contacts with the exiled nationalist Prince Cuong De. He returned to Vietnam before World War II broke out. . . . Ngo Dinh Diem (1957)]

36. Cuối tháng 7, đầu tháng 8/1945, có những vận động đón

Cường Để hồi hương làm Cơ Mật viện trưởng cho Bảo Đại, nhưng Cường Để không về nước được vì chiến tranh chấm dứt đột ngột vào giữa tháng 8/1945.

38. FRUS, 1952-1954, XIII:554.

39. FRUS, 1961-1963, II:42.

40. [In September 1945 he was arrested by the Viet Minh and held until March 1946, being offered a cabinet post by Ho Chi Minh and refusing it]; Ngo Dinh Diem (1957) [p.5]; Stanley Karnow, Vietnam: A History (New York: Viking Press, 1983), tr. 216-217.

41. CAOM (Aix), GGI, CP 125; Nhân vật chí, 1997:313.

42. Vẫn theo Drapier, Nhu, lúc ấy đang làm việc tại Hà Nội, không dám ra khỏi nhà vì sợ bị bắt cóc. Tại Huế cũng có tin Thục bị Việt Minh bắt; CAOM (Aix), GGI, CP 125.

43. Giám mục Lê Hữu Từ & Phát Diệm, 1945-1954, tr. 117.

.....

82. Văn khố Nga và Trung Cộng chưa công bố hết tài liệu về những cuộc gặp gỡ giữa Hồ và Stalin trong tháng 2/1950, nhất là lý do biện minh cho việc giải tán Đảng Cộng Sản ngày 5/11/1945.

83. CD số 305, 5/12/1946, Acheson gửi Moffat; FRUS 1946, VIII:67-69; Department of Defense, US-Vietnam Relations, 1945-1947 (Washington, DC: GPO, 1971), Bk 8, tr. 85-86.

84. Ngày 18/12/1947, Tổng Lãnh sự Charles Reed đã từ Sài-gòn điện trước cho Hopper rằng có thể "Giệm" [Diệm] sẽ ghé thăm; FRUS, 1947, VI:152-155.

85. CAOM (Aix), 7F 27.

86. Theo tình báo Pháp, ngày 8/2/1948, Diệm đồng ý với lập trường của VNQGLH: Độc lập - thống nhất. Năm Lửa Trần Văn Soái cùng lập trường, và tỏ ý quý trọng Diệm. Ngày 11/2/1948, Tiết [Thiet], một người thân cận Diệm và Nhu, từ chức Giám đốc báo Thống Nhất ở Huế, về Quảng Nam làm Giám đốc trị sự công ty bảo hiểm Le Secours. Lý do chính là không đồng ý với Trần Văn Lý. Ngày 12/2/1948, Diệm cử Đông đi Hà Tiên, Sa Đéc, Cần Thơ, Vĩnh Long gặp một số linh mục kháng chiến cùng đại diện Cao Đài, Hoà Hảo đề vận động cho Bảo Đại. Theo Đông, phần lớn giáo dân trong vùng Việt Minh ủng hộ kháng chiến; nhưng sẽ ngả theo Bảo Đại nếu được độc lập, thống nhất. Cũng định gửi một số sách báo vào vùng Việt Minh, như cuốn Tôi Muốn Tự Do. Nhu sẽ lên đường qua Pháp chừng hai tháng. Dự trù gặp Bảo Đại, và xuống Roma; SHAT (Vincennes), 10H 4201.

87. Tháp tùng Spellman có Fulton G. Green. Thời Sự (Hà Nội), 7/3/1949.

88. CAOM (Aix), Indochine, 7F 29, tr. 57.

122. Ngày 24/3/1950, Luật tiết lộ với cơ quan tình báo Pháp (SEHAN) rằng Diệm không thân cận được với Bảo Đại vì bản tính nhu nhược (faible) và thiếu cương quyết (indécis) của Bảo Đại. Nếu lên nắm quyền, Diệm sẽ chống Cộng thẳng tay, mà muốn thế cần có sự tín nhiệm và yểm trợ tuyệt đối của Bảo Đại. Điều này chắc không có. Ngoài ra, lập trường chính trị của Diệm cũng khác biệt. Thứ nhất Diệm muốn biết chắc thể chế độ chính trị của Việt Nam sẽ được tương tự như India trong Liên Hiệp Bri-tên. Nhưng sự bảo đảm chắc chắn này không được chứng tỏ qua thực tế, như việc bàn giao chủ quyền, hay qua sự tiến hoá của các khuynh hướng chính trị tại Pháp. Luật thêm rằng tại miền Bắc, Diệm chẳng có bao nhiêu người ủng hộ, ngoại trừ phe Ki-tô chịu ảnh hưởng Phát-diệm. Tại Hà-nội, theo Luật, có thể có Trần Văn Lai, Trần Trung Dung và Nguyễn Xuân Chử. SHAT (Vincennes), Indochine, 10H 1039.

127. Sau đó, có tin đồn Cường Để về Bangkok, được một cán bộ CS tên Quy hết sức chiều đãi. Tuy nhiên, hiện chưa có tài liệu nào minh chứng việc này.

128. FRUS, 1950, VI:884-886. Tới ngày 25/10/1950, Acheson điện cho Heath về việc thành lập QĐGVN. Theo Acheson, viên chức Pháp nghĩ rằng có thể đưa các lực lượng giáo phái vào, tổng số chừng 75,000 người. Thực, Chi và Diệm cũng muốn biến lực lượng Ki-tô Giáo thành một phần quân đội; Ibid., VI:909-10. Ý kiến của Thực, thực ra, chẳng có gì mới lạ. Từ năm 1947, quan tướng Pháp đã khéo léo sử dụng các sứ quân tôn giáo, và ngay cả băng đảng, để ngăn chặn Việt Minh. Các Đơn Vị Lưu Động Bảo Vệ Ki-tô Giáo của Leroy [UMDC] hoạt động không xa giáo phận của Thực. Tháng 7/1950, Bộ Chỉ Huy UMDC rời về tỉnh lý Bến-tre. Trung tá Leroy được làm Tỉnh trưởng tỉnh này [cho tới ngày 25/11/1952; SHAT (Vincennes), 10H 643.

129. Ngày Thứ Tư, 24/1/1951, XLTV Đại sứ Mỹ Gullion báo cáo là Bảo Đại đã nhận được thư của Diệm. Nhưng Bảo Đại không ưa Diệm vì Diệm từng nhiều lần từ chối hợp tác. Phần anh em Diệm và Thực chủ trương giải pháp lập Bảo Long lên ngôi, với Nam Phương và Cường Để làm Nhiếp Chính; FRUS, 1951, VI:359-61.

130. FRUS, 1951, VI:348.

131. Ngày 21/6/1954, Diệm nói với Đại sứ Heath: "I am best

known figure in Vietnam after Ho Chi Minh;" FRUS, 1952-1954, XIII:1727. Khi đại ngôn điều này, Diệm quên mất Bảo Đại, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Tường Tam, v. v... Phê bình về lời hứa hĩnh của Diệm, một viên chức ngoại giao Mỹ nhận xét Diệm là "nhân vật thứ hai, cách rất xa, Hồ Chí Minh."

132. FRUS, 1952-1954, I:134-41.

133. FRUS, 1952-1954, I:522-523.

134. Thương thuyết bắt đầu từ ngày 8/3/1954. Ngày 4/6/1954 [28/4/1954], Laniel và Nguyễn Trung Vinh ký thoả hiệp "kiện toàn [perfection] nền độc lập của Việt Nam." Hiệp ước này chỉ được "paraphé" [ký tắt]; SHAT (Vinvennes), 1K 233, d. 40.

135. Xem chi tiết về tổ chức này trong Chính Đạo, VNNB, Tập I-C: 1955-1963 (Houston: Văn Hóa, 2000) & Tập II-B: Các tổ chức chính trị (Houston: Văn Hóa, đang in). Xem thêm Phạm Văn Liễu, Trá Ta Sông Núi, I:333-342. Nên lưu ý, trong Chính Cương của Cần Lao, không hề đề cập đến thuyết "sáng tạo" hay "tạo hóa" mà đôi lần đề cập đến thuyết "tiến hóa." Điều này chứng tỏ Nhu có thể là một tín đồ Ki-tô, nhưng "chống Giáo sĩ" [anti-clerical] như Nhu thú nhận với Phái đoàn điều tra LHQ vào ngày 28/10/1963; UNGA, Agenda Item 77, Doc. A/5630, 7/12/1963.

<http://www.quanvan.net/index.php?view=story&subjectid=26344&chapter=3>

Chương Hai

VÌ ĐÂU NÊN NỖI

*Đoạn trường
ai có qua cầu mới hay...*

KIÊU DÂN CÔNG GIÁO THỜI NGÔ ĐÌNH DIỆM

Trần Lâm

Bài các bạn đang đọc được viết với hai mục đích có liên quan mật thiết với nhau.

Thứ nhất, để góp ý với Trần Ngọc Cư, Hòa Nguyễn và Trần Văn Tích về bài Suy Tôn Ngô Tổng Thống. Thời Đệ Nhất Cộng hòa, trong buổi lễ chào cờ, bài ca này phải được hát kèm với *Tiếng gọi Công dân*, Quốc ca chính thức do Lưu Hữu Phước et al sáng tác. Nó có đoạn như sau:

*Toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô Tổng Thống
Ngô Tổng Thống, Ngô Tổng Thống muôn năm
Toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô Tổng Thống
Xin thương để ban phước lành cho người*

Thứ hai, để trả lời một câu hỏi quan trọng mà Dũng Vũ đã đặt ra cho tôi trên diễn đàn talawas. Câu hỏi này có liên quan đến nhận định của sử gia Tạ Chí Đại Trường về khối người từng làm nòng cốt cho chế độ Ngô Đình Diệm.

Tôi sẽ đi sâu vào bài quốc ca “kép” nói trên, sau khi giải quyết xong thắc mắc do Dũng Vũ nêu lên về nhận định của nhà viết sử họ Tạ.

Theo Tạ Chí Đại Trường, người từng sống dưới chế độ Ngô Đình Diệm, đồng bào Công giáo từ Bắc di cư vào Nam thời đó là **một khối kiều dân**. Sau đây là toàn bộ văn cảnh của nhận định nói trên nơi trang 457 trong cuốn *Sử Việt, đọc vài quyển*, được Văn Mới xuất bản tại California năm 2004. Khi bàn về mối hiểm họa của Cộng sản miền Bắc đối với Miền Nam, Tạ Chí Đại Trường tự hỏi:

“Làm cách nào mà một chính quyền Sài Gòn lộn xộn với giáo phái sứ quân, với giang hồ đạo tặc, với Công giáo di cư ít nhiều gì cũng là kiều dân, với cả người Pháp còn tham vọng giữ phần đất thuộc địa cuối cùng... có thể đương cự với cả một nền tảng đe dọa trùng trùng như thế? Lịch sử ổn định bước đầu của chính quyền đó là một phối hợp tuyệt vọng của những người Việt chống cộng (một tập-

hợp-từ tiêu cực đứng với thực chất hổ-lốn của nó) chỉ còn một mảnh đất nương thân, và của người Mi đứng nhìn trong bình diện chiến lược quốc tế thấy mình phải chen chân vào.”

Vì họ Tạ là một sử gia có uy tín, nên sau khi đọc câu văn mười hai chữ được nhấn mạnh ở trên vào khoảng cuối năm 2004, tôi lập tức tìm cách kiểm chứng nó và tôi đã tìm được sự xác nhận đầu tiên trong hai bài nghiên cứu của Nguyễn Thế Anh, “*L’engagement politique du Bouddhisme au Sud-Viêt-Nam dans les années 1960*” trong Alain Forest et al (dir.), *Bouddhismes et Sociétés Asiatiques: Clergés, Sociétés et Pouvoirs*, L’Harmattan, Paris, 1990, tr. 111-124, và “*Le Sangha bouddhiste et la société vietnamienne d’aujourd’hui*”, được đăng trên trang VIET NAM Infos.

Giáo sư Nguyễn Thế Anh là một học giả có tầm vóc quốc tế, được đồng nghiệp Á Âu Mỹ công nhận là một trong những người có thâm quyền nhất về lịch sử Việt Nam thời cận đại. Thế nhưng, tôi cũng ý thức được rằng tôi không thể chỉ dựa vào uy tín của ông để lượng định mức khả tín của câu văn mười hai chữ nói trên. Hai bài nghiên cứu của vị cựu viện trưởng viện đại học Huế và nguyên Trưởng ban sử học Đại học Văn khoa Sài Gòn này chỉ là những sử liệu hạng hai. Muốn kiểm chứng một cách thấu đáo nhận định của Tạ Chí Đại Trường về “*kiêu dân Công giáo*” thời Ngô Đình Diệm, tôi phải cố gắng tìm cho ra sử liệu hạng nhất về vấn đề này. Hai loại sử liệu mà tôi phân chia ra thành hạng nhất và hạng hai được Nguyễn Kỳ Phong, tác giả cuốn *Vùng lầy của Bạch Ốc: Người Mỹ Và chiến tranh Việt nam 1945- 1975*, định nghĩa một cách tương tự như sau:

“Sử liệu có hai loại: *primary* và *secondary documents* (tài liệu chánh và tài liệu phụ). Hồi ký, văn kiện chính thức, lời phỏng vấn từ nhân chứng, được xếp vào loại tài liệu chánh. Trích dẫn, nghe nói lại, hay sách biên khảo của người thứ ba, là tài liệu phụ. Hai loại tài liệu đó đều được công nhận khi dùng làm sử liệu viết sách.”

Vốn là một sách tu lâu năm trong Tầng Kinh Các ở Tây Phương, nên qua phần ghi chú trong hai quyển sách viết về chiến tranh Việt Nam, tôi đã tìm thấy hai tài liệu được hình thành trước ngày 8 tháng 5 năm 1963. Chính vì được viết ra **trước khi biến cố Phật giáo 1963 bùng nổ**, nên nội dung của hai tài liệu này **không bị chi phối** bởi cuộc tranh chấp giữa phong trào Phật giáo và chế độ Ngô Đình Diệm. Do đó, chúng có một mức độ khả tín rất cao. Hai tài liệu nói trên gồm

- 1) “*The Buddhist Movement in Vietnam and its Difficulties*

with the Present Government”, một tài liệu do các nhà biên khảo Hoa Kỳ hoàn tất vào tháng Tư năm 1961 và hiện đang được lưu trữ tại Văn khố Chiến tranh Việt Nam ở Lubbock bên Texas, và

2) “L’Église au Sud-Vietnam”, một phóng sự được đăng trên tạp chí Informations Catholiques Internationales vào ngày 15 Mars 1963, từ trang 17 đến trang 26.

Như vậy, câu văn mười hai chữ của Tạ Chí Đại Trường chẳng những được một chuyên gia hàng đầu trong ngành sử Việt xác nhận (confirmed), mà còn được tăng bổ (corroborated) bởi hai tài liệu chánh (sử liệu hạng nhất) mà chúng ta có quyền cho là rất khả tín. Nhờ vậy nên tôi đã có đầy đủ căn cứ để chấp nhận rằng nhận định ngắn gọn mà Tạ sử gia đã đưa ra về khối kiều dân Công giáo thời Ngô Đình Diệm cầm quyền tại miền Nam Việt Nam là một nhận định rất khả tín, có thể giúp chúng ta hiểu được **tại sao Ngô triều đã đánh mất sự ủng hộ của người Lương và cuối cùng bị lật đổ.**

Sau khi công bố những điều vừa mới được viết bên trên trong mục phản hồi ở diễn đàn talawas, tôi hân hạnh nhận được sự lưu tâm và câu hỏi dưới đây của độc giả Dũng Vũ:

‘Thưa ông Trần Lâm,

Ông viết: “Tôi hoàn toàn không vô tình khi dùng 2 chữ “kiêu dân”, vì những sử liệu do tôi đưa lên mạng cho phép tôi suy luận rằng khái niệm “kiêu dân Công giáo” là một khái niệm có thể giúp chúng ta hiểu được tại sao chế độ Diệm đã đánh mất sự ủng hộ của người Lương tại miền Nam Việt Nam, đưa đến sự sụp đổ của chế độ này... Tôi nói chuyện có bằng chứng hãn hoi, thì tại sao tôi phải sợ ai?”

Xin phép được hỏi ông: “Kiêu dân” có nghĩa là gì?

Cảm ơn ông...’

Đây là một câu hỏi rất chính đáng, cần được một sự hồi đáp tường tận. Nếu chúng ta trả lời được câu hỏi này một cách thỏa đáng thì có lẽ chúng ta sẽ có thể tìm được nguyên nhân sâu xa đưa đến sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm. Như đã nói qua ở trên, chế độ này còn được gọi là Ngô triều hay Ngô trào.

Ngô Trào

Trải qua một cuộc bể dâu

Trông vời cổ quận biết đâu là nhà

Khéo oan gia, của phá gia

Này là em ruột, này là em dâu!

Cửa nhà dù tính về sau

Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào!
(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, *Chơi Chữ*)

Tôi không rành chuyện văn chương, nên chỉ dám đoán mò rằng câu Cửa nhà dù tính về sau trong bài thơ nói trên ám chỉ việc Ngô Đình Cẩn đã cho xây một ngôi biệt thự rất nguy nga tráng lệ ở ngoài Huế. Tôi còn nhớ cách đây khoảng 20 năm tôi có đọc trong Nhật Ký Đỗ Thọ rằng người ta đã phải đập vỡ bát vỡ ra từng mảnh để lát nền (cho một phần) trong ngôi biệt thự này. Trong những dòng chữ dưới đây, tôi sẽ không đập vỡ bất cứ vật gì, mà chỉ cố gắng đi lượm lặt những mảnh sử liệu vụn vặt, rồi sắp xếp chúng lại thành một bức khảm mosaic, để Dũng Vũ nói riêng và bạn đọc bốn phương nói chung ít nhiều gì cũng thấy được bộ mặt của **kiêu dân Công giáo thời Ngô Đình Diệm**.

Kiêu dân, người là ai?

Thời dòng họ Ngô Đình “dĩ đức vi chính” tại miền Nam Việt Nam, kiêu dân thường là những tín đồ Công giáo (di cư) dựa vào sự dung túng của kẻ có thế, có quyền để hống hách ngang ngược, xem thường luật pháp, vi phạm một cách trắng trợn nhân quyền và dân quyền của người khác, thường là những Lương dân vô tội.

Sau đây là vài ví dụ điển hình.

1. Trong suốt ba năm liền, kiêu dân đã hằng đêm ném gạch, đá vào nhà thân nhân vô tội của một chính trị phạm, mà (hình như) không hề bị cơ quan công lực trừng phạt. Xem chứng từ của Phan Lạc Giang Đông, một cựu sĩ quan Quân lực Việt Nam Cộng hòa và cũng là bào đệ của Phạm Lạc Tuyên, một viên sĩ quan tham gia vào cuộc đảo chính hụt ngày 11 tháng 11 năm 1960:

“Gia đình tôi kể từ ngày này hoàn toàn không còn được yên nữa. Khu xứ đạo Thái Hòa (xứ đạo của dòng bào Bắc di cư vào Nam), mọi người ở lối xóm đã có thái độ khác trước. Mỗi tối, khoảng từ bảy, tám giờ thì một số người, không biết từ nhà nào đã ném gạch, đá lên mái nhà (bằng tole) của gia đình, ông cụ thân sinh tôi rất buồn và gặp thẳng Linh mục xứ đạo để nói việc này, song không giải quyết được. Việc họ ném như thế kéo dài cho đến khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ mới chấm dứt.”[1]

Xin thêm: Xứ đạo Thái Hòa, theo lời của Phan Lạc Giang Đông, nằm ở Ngã Ba Ông Tạ. Là một người sinh ra và sống những năm đầu đời tại một thị xã hẻo lánh ngoài Vùng II Chiến Thuật trước khi theo cha mẹ vượt biên tỵ nạn Cộng sản, tôi thật tình không biết

cái ngã ba này nằm ở đâu. Nhưng vì chúng ta đang bàn về câu văn mười hai chữ của vị sử gia họ Tạ, nên xin ghi luôn chi tiết vui vui bên lề này vào bài.

2. Tại tỉnh Quảng Ngãi, **một vị linh mục đã thông đồng với viên tỉnh trưởng trong mưu toan cướp đất của một ngôi chùa tại một làng trong tỉnh này để xây tượng đài cho Đức Mẹ**, đưa đến sự xung đột giữa Phật tử ở ngôi làng nói trên và chính quyền địa phương. Xem trang 4 trong tài liệu “*The Buddhist Movement in Vietnam and its Difficulties with the Present Government*” đã được đề cập đến ở phần đầu của bài. Xin nhắc lại, vì tài liệu này được hình thành trước khi cuộc xung đột giữa Phật giáo và chế độ Diệm bùng nổ, nên nội dung của nó rất đáng tin.

3. Dưới thời Ngô Đình Diệm, **tín đồ Công giáo thường được quân đội và cơ quan Thông tin tiếp tay để tổ chức trên đường phố Sài Gòn hay Huế những cuộc rước lễ [?] linh đình**, gây ra sự tắc nghẽn giao thông trầm trọng, khiến cho người Lương phải gặp nhiều phiền phức trong việc đi lại. Việc này đã khiến cho Giáo sư Nguyễn Văn Trung lúc đó phải thốt lên rằng những người tổ chức các cuộc rước lễ [?] nói trên nghĩ **đường phố là của riêng của Giáo hội Công giáo hay sao.**[2] Tuy nhiên, có người vẫn chưa hài lòng. Khi Phật tử tiến hành nghi lễ tại chùa thì sinh hoạt tôn giáo của họ, theo chứng từ của một tín đồ Công giáo Việt Nam, lại bị các công xa của sở Thông tin có mang loa phóng thanh đậu ở gần chùa phá rối.[3]

Chúng tôi nói trên được đăng trong tạp chí *Informations Catholiques Internationales*, phát hành vào tháng Ba năm 1963, cho nên nội dung của nó không thể bị ảnh hưởng bởi biến cố Phật giáo xảy ra sau đó. Vì vậy chứng từ này cũng là một sử liệu rất đáng tin.

4. Kiêu dân gây **áp lực không cho sách của Nguyễn Hiến Lê được dùng tại các trường** ngoài miền Trung, tuy sách này đã được Bộ Thông tin cho phép phát hành. Sau đây là lời tường thuật của chính vị cổ học giả họ Nguyễn:

“*Đầu niên khóa 1954-1955, trong chương trình Trung học đệ nhất cấp có thêm môn Lịch sử thế giới dạy trong bốn năm. Ông Thiên Giang lúc đó dạy sử các lớp đệ lục, đệ ngũ. Tôi bàn với ông soạn chung bộ sử thế giới càng sớm càng tốt cho học sinh có sách học, khỏi phải chép “cua” (cours). Ông đồng ý. Chúng tôi phân công: tôi viết cuốn đầu và cuốn cuối cho lớp đệ thất và đệ tứ, ông viết hai cuốn giữa cho đệ lục và đệ ngũ. Chúng tôi bỏ hết công việc khác, viết trong 6 tháng xong; tôi bỏ vốn ra in, năm 1955 in xong trước kì tựu trường*

tháng chín. (...)

Sau một linh mục ở Trung yêu cầu bộ Giáo dục cấm bán và tịch thu hết bộ sử đó vì trong cuốn II viết về thời Trung cổ, chúng tôi có nói đến sự bê bối của một vài Giáo hoàng. Bộ phái một viên bí thư có bằng cử nhân lại tiếp xúc với tôi. Ông này nhã nhặn, khen tôi viết sử có nhiệt tâm, cho nên đọc hấp dẫn như bộ sử Pháp của Michelet; rồi nhận rằng sách tôi được Bộ Thông tin cho phép in, lại nạp bản rồi thì không có lí gì tịch thu, cấm bán được, chỉ có thể ra thông báo cho các trường đừng dùng thôi; cho nên ông ta chỉ yêu cầu tôi bôi đen vài hàng trên hai bản để ông ta đem về nộp bộ, bộ sẽ trả lời linh mục nào đó, còn bản thì tôi cứ bán, không ngại gì cả. Tôi chiều lòng ông. (...)

Hỏi đó bộ Lịch sử thế giới của tôi chỉ còn một số ít. Tôi hỏi các nhà phát hành, được biết có lệnh cấm các trường ngoài Trung dùng nó; trong Nam thì không. Chỉ ít tháng sau bộ đó bán hết, tôi không tái bản. Công giáo thời đó lên chân như vậy.”[4]

5. Cũng theo chứng từ của người Giáo dân mà chúng ta vừa gặp ở phần trên, kiều dân đã **lạm dụng quyền thế để đả kích tín ngưỡng của các học viên người Lương** phải theo học khóa học Nhân Vị tại Trung tâm Nhân Vị ở Vĩnh Long. Vì sợ bị ghi danh vào sổ đen, những nạn nhân này đành phải chịu đựng trong im lặng, khiến cho các học viên Công giáo tại khóa học cũng cảm thấy hổ thẹn trước hành động hống hách nói trên.[5]

Đây là một điểm cần phải được nhấn mạnh, vì nó cho ta thấy rõ không phải tín đồ Công giáo nào tại miền Nam cũng là kiều dân khi vùng đất đáng lẽ là tự do này phải sống dưới sự thống trị của nhà Ngô. Ngay cả trong hàng giáo phẩm Công giáo cũng đã có những bậc chân tu cố tránh xa chế độ Ngô Đình Diệm để duy trì uy tín và tính chất độc lập của Giáo hội.[6]

Cố học giả Nguyễn Hiến Lê cho biết: “Ngô Đình Thục ở Vĩnh Long... tạo ra thuyết Duy linh chống với thuyết Duy vật của Cộng sản, bắt công chức nào cũng phải học. Họ chẳng học được điều gì mới cả, chỉ phải nghe **mạt sát đạo Phật và đạo Khổng**. Những người theo học đại đa số thờ Phật, đau lòng mà không dám cãi.”[7]

Phải chăng thái độ kiêu căng và khiêu khích của một bộ phận quan trọng trong cộng đồng Công giáo tại Miền Nam mà chúng ta vừa thấy qua những trường hợp nêu trên đã là một trong những nguyên nhân chính khiến cho **khối người Lương ở phía dưới vĩ tuyến 17 ngày càng xa cách chế độ Ngô Đình Diệm, đưa đến sự sụp đổ của nó vào cuối năm 1963?**

“Cả làng xin được rửa tội...”

Do những biến cố xảy ra trong năm 1963, chế độ Ngô Đình Diệm thường bị những người chống đối tố cáo là một chế độ đã lệ thuộc (quá) nhiều vào sự hậu thuẫn trung thành của Giáo dân (di cư) và, vì vậy, đã dành cho khối người này một sự nâng đỡ đặc biệt. Nhưng thật ra, **không phải đợi đến năm 1963** mới thấy được sự gắn bó keo sơn giữa (một khối) tín đồ Công giáo và nền Cộng hòa Nhân vị do anh em Tổng thống Diệm lãnh đạo. Quan hệ này đã nhen nhúm ngay sau khi chế độ Ngô Đình Diệm vượt qua được giai đoạn phôi thai đầy nguy hiểm. Trong tạp chí *International Affairs* phát hành vào tháng 4 năm 1956, J. Donald Lancaster nhận xét: Tổng thống Diệm bị hạn chế trong việc thể thiên hành đạo tại miền Nam Việt Nam bởi lòng trung thành đối với tôn giáo cũng như gia đình của chính ông ta.

Lòng trung thành nói trên rất có thể đã là một trong những yếu tố khiến cho người Lương đột nhiên theo đạo Công giáo hàng loạt thời dòng họ Ngô Đình cầm cân nẩy mực phía dưới vĩ tuyến 17, một hiện tượng Nguyễn Hiến Lê có đề cập đến trong hồi ký của mình (trang 121, tập II). Ông kể lại: “*Diệm-Nhu theo chính sách ba-Đ: Đảng (Cần Lao), Đạo (Công giáo) và Địa phương (miền Trung). Chỉ công chức nào có đủ ba Đ mới được tin dùng, cho nên con số tín đồ Công giáo tăng vọt lên, nhất là ở miền Trung; có giáo đường làm lễ rửa tội hằng trăm người một lúc.*”

Người nổi tiếng và thành đạt nhất trong nhóm Giáo dân tân tông này không phải ai khác hơn là một viên sĩ quan gốc miền Trung tên Nguyễn Văn Thiệu. Ông Thiệu lập gia đình với một nữ tín đồ Công giáo trước khi Ngô triều được thiết lập. Nhưng mãi đến năm 1958, tức là lúc triều đại này đã “vững nền thịnh trị”, ông mới để cho Linh mục Bửu Dưỡng, một lý thuyết gia quan trọng của trường phái Cần lao Nhân vị, rửa tội tại Đà Lạt. Chính LM Bửu Dưỡng đã cho Tướng Edward Lansdale biết điều này và nhờ bản báo cáo Lansdale gửi cho Đại sứ Elsworth Bunker ngày 20 tháng 4 năm 1968, nên sử gia Vũ Ngự Chiêu mới có thể tìm ra được một chứng liệu thành văn về sự trở lại đạo của Nguyễn Văn Thiệu.[8] Arthur Dommen, một học giả có cảm tình với họ Ngô, cũng cho biết vị Tư lệnh Sư đoàn 5 Bộ binh trong tương lai này **không theo đạo lúc lập gia đình, mà chỉ làm việc này sau khi chiếc ghế Tổng thống của Ngô Đình Diệm đã vững như bàn thạch.**[9]

Trường hợp Nguyễn Văn Thiệu, như đã nói, chỉ là trường hợp nổi bật nhất. Hiện tượng người Lương ồ ạt theo đạo Công giáo thời

Ngô Đình Diệm mà Nguyễn Hiến Lê kể lại đã được tạp chí Informations Catholiques Internationales phát hành ngày 15 tháng 3 năm 1963 xác nhận. Nên xem những con số ngoạn mục được nêu ra trong đó. Ngoài ra, nhờ tạp chí này mà chúng ta còn biết được Đức ông Ngô Đình Thục đã khoe với một đồng nghiệp người Pháp rằng ở **giáo phận Vĩnh Long đôi khi có đến nguyên cả làng xin được rửa tội** và, ngoài Phi Luật Tân ra, Nam Việt Nam là quốc gia độc nhất tại Viễn Đông sẽ phải được ở trên con đường đưa đến sự **trở lại đạo hoàn toàn**.^[10] Tuy nhiên, Informations Catholiques Internationales cũng cho chúng ta biết, thái độ đắc thắng do cả chế độ Ngô Đình Diệm lẫn khối thiểu số Công giáo phơi bày đã tạo ra một sự bất mãn nhất định trong khối người Lương, một sự bất mãn mà tạp chí này cho là dễ thấy ngay tại Sài Gòn cũng như ở các ngôi làng xa xôi hẻo lánh nhất.^[11]

Nhận định nói trên rất phù hợp với báo cáo mà Đại Sứ Pháp Roger Lalouette gửi về Paris đúng một năm trước đó.^[12] Lalouette cho biết ngoài Cộng sản ra, chế độ Diệm còn phải đương đầu với sự chống đối của những thế lực phi Cộng sản:

“Lực lượng chống đối tập hợp những người ái quốc cấp tiến, giới trưởng giả Nam Kỳ bị gạt bỏ khỏi những việc công ích bởi những phần tử Bắc hay Trung vào tị nạn, những giáo phái bị giải giới và bị nghi ngờ và, một cách tổng quát, tất cả những người không Ki-tô chống lại thiểu số Ki-tô (10% dân số) đã đặt tôn giáo Ki-tô La Mã lên hàng quốc giáo. Họ không đòi hỏi sự thay đổi trong chế độ, mà là thay đổi cả một chế độ.”

Chính nội dung của những tư liệu được hình thành **trước biến cố Phật giáo** nói trên đã cho phép chúng ta (tạm) tin lời Vũ Tài Lục, người đã từng sống trong thời cai trị của nhà Ngô, khi vị học giả này khẳng định rằng đến tháng 5 năm 1963 thì sự kỳ thị tôn giáo dưới chế độ Ngô Đình Diệm (mà ông gọi là “*chế độ Diệm-Thục*” để nhấn mạnh vai trò của Đức Tổng Giám mục Ngô Đình Thục trong đó) đã đến mức không thể chịu đựng hơn được nữa, nên Phật tử đã phải xuống đường để phản đối. Dù sao đi nữa thì mối liên hệ nhân quả giữa tệ trạng kỳ thị tôn giáo dưới chế độ Ngô Đình Diệm và Biến cố Phật giáo 1963 sẽ được phân tích một cách tường tận hơn trong một bài khác, đang được chuẩn bị.

Một hiện tượng thuộc lịch sử?

Ngoài việc kỳ thị tôn giáo, chế độ do anh em Ngô Đình Diệm

cầm đầu còn gây ra cho người dân miền Nam những bức mình không cần thiết. Khi bàn đến một tấm hình ăn ý của ông ta, Đoàn Thêm, một viên chức cao cấp làm việc trong Dinh Độc lập thời Đệ Nhất Cộng hòa, có kể lại:

“Một người bạn trẻ ở ngoài chính giới đã bảo tôi:

- Cõi bộ thì cũng không đến nỗi nào, nhất là bức ảnh Âu phục chụp nghiêng 3/4 thấy treo ở nhiều nơi.

Tôi cho biết là chính ông ưa bức đó hơn cả, nhưng anh ta lại cầu nhàu luôn:

- Chỉ phải cái rất bực và rồi phát ghét, là cứ phải chào! Sao lại đem in tròn giữa quốc kỳ để bắt đứng dậy chào khi xem xi nê? Thà tới chậm, mất hẳn đoạn phim thời sự, còn hơn phải ngấm mặt mũi, bảnh bao mấy cũng bỏ đi!

Tôi không thể chối cãi, vì chính là trường hợp tôi mỗi khi muốn coi phim...”

Không những chế độ Ngô Đình Diệm làm phiền người dân, chính cá nhân họ Ngô cũng quấy rầy nhân viên dưới quyền ông ta. Theo Đoàn Thêm:

“Ông Tổng thống **luyện tiếc các biểu hiệu quân chủ**, nên tái lập Kim Khánh của nhà Nguyễn và công nhận là huy chương cao nhất của Việt Nam. Ông **gây lại không khí cung đình**, đặt lễ phục gấm lam khăn đen cho các nhân viên cao cấp, và chỉ nhận chúc Tết Nguyên Đán vào sớm ngày mùng một. Đã có vài người xin ông cho chúc vào chiều ngày ba mươi, vì Tết đầu năm là ngày của gia đình, theo cổ tục, buổi sáng dành cho gia tiên, đa số còn phải đèn nhang cúng vái, hoặc mừng tuổi ông bà cha mẹ. Ông không nghe, vì theo ông, xưa kia phải triều bái ở điện Thái Hòa hoặc ở Vọng Cung các tỉnh, nghĩ đến Vua rồi mới đến nhà, vì Vua là là nước. ‘Vua ban hồng phước không tốt hơn là chờ người xông đất hay sao?’

Bởi vậy, cứ tám giờ mùng một, là hàng trăm người, cả nhân viên, lẫn đại diện đoàn thể dân chúng, đành phải xúng xính áo khăn vào cầu on trên phù hộ cho ông.

Một công chức bực quá đã thốt ra một câu chua chát:

- Thôi thì coi **bái khánh như một công vụ** đã được tính vào số lương tháng rồi!

Có lẽ vì thế mà hai tiếng **Ngô Triều** đã được nói đến ngay từ 1957, chớ không phải từ sau Cách mạng 1963, do một Tôn Thất nhà Nguyễn đương làm Giám đốc một Nha.”

Chuyện lố lăng nhất mà chế độ Nhân vị của dòng họ Ngô

Đình đã gây ra là việc họ bắt buộc người dân miền Nam hát bài *Suy Tôn Ngô Tổng Thống* trong lễ chào cờ. Cách đây trên hai mươi năm, tờ *Làng Văn*, một nguyệt san chống Cộng hữu danh tại hải ngoại, có đăng trong số 47 một bài mang tên “*Sơ kết vấn đề Quốc-Ca*”, trong đó có chứa đựng những dữ kiện lý thú về bài hát sùng bái cá nhân nói trên. (Khi đó tôi là một học sinh trung học, còn hai năm nữa mới được thi tú tài, nhưng cũng đã bắt đầu có quan tâm đặc biệt đến chế độ Ngô Đình Diệm, nên đã cẩn thận cất giữ tờ báo đó cho đến ngày hôm nay đem ra xài.)

Tờ *Làng Văn* viết:

“*Vấn đề Quốc ca đã được mang ra bàn cãi tất cả ba lần. Lần thứ nhất do Quốc hội đệ nhất Cộng-hòa năm 1956...*

Lần thảo luận thứ nhất không đưa tới một sự thay đổi nào, vì có một số đại diện dân cư vì lòng tôn sùng cá nhân, muốn đưa bài Suy tôn Ngô Tổng Thống... ra thay bài Tiếng gọi công dân... Cuộc bàn cãi để đi tìm một bài hát khác làm Quốc ca thay cho bài hát đương thời, với tác giả chính đã đứng về phía CS, lại biến thành một cuộc tranh chấp giữa tinh thần tôn quân kiểu mới và khuynh hướng dân chủ tự do. Phe tôn quân không thắng nổi số đông, mà phe đa số cũng không dám dùng thế lực của mình để loại bài suy tôn cá nhân. Trong trường hợp đó, thà giữ nguyên bài cũ còn hơn.

Cuối cùng, vì đoàn kết quốc gia, vì thể diện của lãnh tụ, và quan trọng hơn hết, vì an ninh bản thân, một giải pháp chìm xuống đã được đưa ra, dung hợp cả hai chủ trương: giữ lại bài Tiếng gọi công dân làm Quốc ca, và hát kèm bài Suy tôn Ngô Tổng Thống ngay trong lễ chào cờ. Từ đó, 1956, Việt Nam Cộng hòa có một bài quốc ca ‘kép’. Tình trạng này kéo dài tới 1963 mới chấm dứt, sau khi Trung tướng Dương Văn Minh đảo chánh thành công, kết thúc chín năm cai trị của Ngô triều.”[13]

Trong mục phản hồi trên diễn đàn talawas, Trần Ngọc Cư mới đây có lời than phiền về tệ trạng sùng bái cá nhân nói trên. Nhưng có lẽ là người tuổi đã cao, nên họ Trần không muốn nhắc đến khả năng đề kháng thụ động của khối người Lương trước sự lố lăng này của chế độ Ngô Đình Diệm và **thái độ kiêu ngạo của tập đoàn Công giáo di cư** phía sau lưng nó, một sự đề kháng được biểu lộ qua câu *Toàn dân Bụi Chu mút cu Ngô Tổng Thống*. Đây là một sử liệu truyền khẩu mà tôi được những người lớn tuổi đã từng sống dưới sự thống trị của Ngô triều kể lại cho nghe tại hải ngoại. Nó rất ăn khớp với những sử liệu thành văn mà tôi đã thu thập được và vừa giới thiệu trong bài này. Do

đó, nó rất đáng được gìn giữ và phổ biến.

Cách nhìn nói trên không phải là một cách nhìn được mọi người chấp nhận. Hòa Nguyễn và Trần Văn Tích hình như muốn trong đổi hóa việc làm lỗi bịch của chế độ Ngô Đình Diệm.

Hòa Nguyễn viết: *“Nhưng cũng nên “thông cảm” những bài hát suy tôn ở vào cái thời thế giới (thứ ba) thích ca tụng các lãnh tụ “anh minh, vĩ đại” của họ, như Hồ Chí Minh, Mao Trạch Đông, Tưởng Giới Thạch, Kim Nhật Thành, Lý Thừa Vãng, Sukarno (được bầu làm tổng thống trọn đời).”*

Trong bản Phong thần do Hoà Nguyễn nêu ra **không** thấy có tên của Jawaharlal Nehru, Thủ tướng Ấn Độ. Ấn Độ trong giai đoạn đó cũng là một quốc gia thuộc thế giới thứ ba, nhưng hoàn toàn không có tề trạng sùng bái Nehru. Có lẽ vì Ấn Độ là một quốc gia dân chủ, nhất là khi so sánh với Indonesia, Nam, Bắc Hàn, Nam, Bắc Việt Nam, Trung Quốc hay Đài Loan. Bản chất dân chủ của một chế độ không cho phép chuyện lỗi bịch nói trên xảy ra.

Hơn nữa, việc sùng bái cá nhân không phải chỉ xảy ra tại thế giới thứ ba. Chuyện này đã xảy ra ngay tại nước Pháp dưới thời Pétain và cũng đã lan tràn sang Đông Dương, lúc đó đang nằm dưới sự kiểm soát của chế độ Vichy do Pétain cầm đầu.

Trần Văn Tích viết:

*“Thời Pháp thuộc tôi lớn lên ở thành phố Đà Nẵng, lúc bấy giờ có tên chính thức là Tourane. Học trò nhà nước chúng tôi trước khi sắp hàng vào lớp thường phải đứng nghiêm để hát bài *Maréchal, nous voilà* ca tụng Thống chế Pétain, trong đó có câu “*Devant toi, le sauveur de la France*”. Vậy nếu Tổng thống Ngô Đình Diệm sau này được xem là “cứu đất nước” v.v... thì cũng chỉ là một hiện tượng thuộc lịch sử vào một giai đoạn nhất định.”*

Có thể đây là một nhận định chưa hoàn toàn chính xác. Trước khi Pétain lên chấp chính năm 1940, **không** có một chính quyền nào của Đệ Tam Cộng hòa lại **bắt học sinh hát bài ca tụng** Thủ tướng Clemenceau là cứu tinh của nước Pháp, tuy không ai phủ nhận công lao rất lớn của ông trong giai đoạn quyết định cuối Đệ Nhất Thế chiến. Nền Cộng hòa dân chủ này đã vinh danh “le Père-la-Victoire” bằng một cách văn minh hơn. Bởi thế nên việc chế độ Vichy do Pétain cầm đầu bắt học sinh làm chuyện tào lao nói trên có thể được xem như là một triệu chứng của bản chất bệnh hoạn của chế độ này, một chế độ trung gian bản xứ đã tỏ ra rất đặc lực trong việc truy lùng, bắt giữ và chuyển giao người Do thái cho Đức quốc xã - việc làm như

nhuốc nhất bên cạnh những việc phản động khác của chế độ Vichy.[14]

Bác sĩ Tích viết tiếp: “*Nghĩ lại, nếu quốc ca nước Anh có lời hát “God save the Queen” thì lời bài “Suy tôn Ngô Tổng thống” có câu “Xin Thượng Đế ban phước lành cho người” có thể được xem là hai hiện tượng lịch sử – như đã trình bày – hay chăng?”*

Câu hỏi này hình như được đặt ra trên những dữ kiện còn thiếu sót. Kể từ khi vua Henry VIII đoạn giao với Tòa thánh La Mã để lập ra Giáo hội Anh giáo, các vị quốc vương hay nữ hoàng Anh quốc không những là nguyên thủ của một quốc gia mà còn phải đóng vai trò lãnh tụ của một tôn giáo (Supreme Governor of the Church of England). Vì vậy, cầu nguyện Thượng đế phù hộ cho ông hay bà ta là việc không có gì đáng nói. Hơn nữa, bài *God save the Queen* hay *God save the King* có từ thế kỷ thứ 18,[15] và hình như không mang ý nghĩa khẩn cầu cho **một cá nhân cụ thể** nào, chẳng hạn Victoria hay Elizabeth II, mà chỉ cầu mong sự bảo bọc của bề trên đối với ngôi vị nguyên thủ của một quốc gia quân chủ có truyền thống Ki-tô lâu đời. Có lẽ do những lý do nói trên mà bài hát này vẫn còn được giữ làm Quốc ca Anh Quốc cho đến ngày hôm nay, trong khi bài ca sùng bái Ngô Đình Diệm phải **chịu chung số phận với cái chế độ đã ép buộc người dân miền Nam hát nó.**

Vậy chúng ta có thể tạm kết luận rằng những nỗ lực tương đối hóa mà Hòa Nguyễn và Trần Văn Tích đã dành cho tệ trạng sùng bái cá nhân dưới sự thống trị của Ngô triều vẫn chưa đủ sức thuyết phục. Có thể cũng như trong trường hợp của chế độ Vichy, tệ trạng này phản ánh bản chất kém lành mạnh của chế độ Ngô Đình Diệm. Trong chế độ lành mạnh nào mà nhân viên an ninh có thể áp dụng một chính sách trả thù bỉ ổi đối với lương dân vô tội mà những kẻ lèo lái quốc gia lại không hề hay biết? Sau cuộc đảo chánh hụt năm 1960, tay chân của anh em Ngô Đình Diệm đã **xâm phạm tính dục nhiều người vợ của những viên sĩ quan** tham gia vào biến cố đó và, ít nhất là trong trường hợp của Phan Lạc Tuyên, đã bao vây kinh tế cha mẹ, khiến cho con cái họ bị thất học. Nhưng cả ông Ngô Đình Diệm lẫn ông Ngô Đình Nhu, theo chứng từ của Trần Ngọc Nhuận, một sĩ quan tình báo cao cấp trong Quân lực Việt Nam Cộng hòa, đều không biết đến tội ác động trời này![16] Phải chăng vì họ không biết **chế độ của họ đang bị côn đồ hóa**, nên cuối cùng chính họ đã bị thuộc hạ cũ giết chết bằng một cách rất côn đồ? Chính sách trả thù đối với đàn bà, người già và trẻ em nói trên đã được kể lại trong: 1) Trần Ngọc

Nhuận, Đòi quân ngũ, Xuân Thu, 1992, tr. 305-306, và 2) Phan Lạc Giang Đông, “Nhớ lại và suy nghĩ”, trong Chính Đạo (chủ biên), Nhìn lại biến cố 11/11/1960, Văn Hóa, Houston, 1997, tr. 207-231.

© 2009 **Trần Lâm**

© 2009 talawas

[1] Nguồn: Phan Lạc Giang Đông, “Nhớ lại và suy Nghĩ”, trong: Chính Đạo [Vũ Nụ Chiêu] (chủ biên), Nhìn lại biến cố 11/11/1960, Văn hóa, Houston, 1997, tr. 210.

[2] Informations Catholiques Internationales, “L’Église au Sud-Vietnam”, 15 Mars 1963, tr. 21.

[3] Ibid, tr. 19.

[4] Tại trang 99 và 100 trong cuốn Đòi viết văn của tôi, do Văn Nghệ xuất bản tại California năm 1986.

[5] Ibid.

[6] Ibid, tr. 21.

[7] Hồi kí, Tập II, Văn Nghệ, California, 1990, trang 120-121.

[8] Xem: Chính Đạo, Mậu Thân 68: Thắng hay Bại?, Văn Hóa, Houston, tái bản lần thứ hai, 1998, tr. 355. Xem thêm: Arthur Dommen, The Indochinese Experience of the French and the Americans, Indiana University Press, 2001, tr. 658.

[9] Arthur Dommen nói rằng Nguyễn Văn Thiệu là đảng viên Đại Việt, còn Vũ Nụ Chiêu thì cho biết ông ta là Ủy viên Quân ủy Cần lao Nhân vị Cách mạng Đảng. Xem Nguyễn Vũ, Paris Xuân 96, Văn Hóa, 1997, tr. 87-88.

[10] Nguyên văn: “C’est le seul pays d’Extrême-Orient (à part les Philippines) qui soit en marche vers une conversion totale...”

[11] Nguyên văn: “Ce que nous avons appelé, pour faire image, le ‘triumphalisme’ conjugué du régime et de la minorité catholique ne manque pas de nourrir un certain mécontentement chez les non-catholiques. Quoique en contradiction avec les conversions massives dont nous avons parlé plus haut, il est facilement observable à Saigon comme dans les plus lointains villages.”

[12] Báo cáo này đã được Vũ Nụ Chiêu tìm thấy, dịch sang tiếng Việt và cho in lại trong Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu 1939-1975, Tập I-C: 1955-1963, Văn Hóa, Houston, 2000, tr. 248-250.

[13] Bạn đọc bốn phương cần lưu ý đến chi tiết này: Nguyễn Hữu Nghĩa, Chủ bút tờ Làng Vãn, đã bị một số người hiểu lầm (?) khái niệm từ năng thừa phụ nghiệp tố cáo là con trai của đại tướng VC Nguyễn Chí Thanh. Nhưng nhờ có Bác sĩ Trần Văn Tích, một người có lập trường chống Cộng rất vững vàng, từng là cộng tác viên cho tờ báo này, nên tôi mới dám xài những dữ kiện do nó cung cấp về bài Suy tôn Ngô Tổng Thống.

[14] Bạn nào hiếu kỳ muốn biết thêm về nó thì nên tìm đọc: Robert Paxton, Vichy France: Old Guard and New Order, 1940-1944, Knopf, New York, 1972. Sau Đệ Nhị Thế chiến, người Pháp đã cố che giấu sự thật, cố tương đối hóa những việc làm kém sạch sẽ của chế độ này. Chính nhờ sự đảo bới trong văn khố Đức của Paxton, một sử gia người Mỹ, mà bộ mặt nhơ nhuốc của nó đã bị lột trần trước công chúng Pháp. Cách đây vài năm, tạp chí Journal of Contemporary History có đăng một bài nghiên cứu về tầm ảnh hưởng sâu rộng của ông ta đối với giới sử học Pháp. Tôi đã đưa bài đó lên mạng, các bạn có thể đọc nó tại đây. Thật thú vị khi thấy một người Mỹ quê ở Virginia giảng cho mấy ông Tây bà Đằm nghe về quá khứ khá bản thủ của quốc gia họ. Nhưng dân Phú Lang Sa vẫn còn giữ được tinh thần thượng võ. Mới đây họ đã trao tặng cho Paxton huân chương Légion d'honneur để bày tỏ lòng biết ơn đối với công trình nghiên cứu của ông: “Son œuvre a été controversée à une époque où la France refusait de regarder son passé en face, même s’il est difficile à accepter. Grâce à lui on sait que, contrairement à la légende, Vichy n’a pas été contraint à collaborer à ce point et que la Révolution nationale de Pétain, son régime fasciste, n’a pas été imposée par les Allemands.”

[15] “Like many aspects of British constitutional life, its official status derives from custom and use, not from Royal Proclamation or Act of Parliament.”

[16] Hai anh em ông Diệm, ông Nhu cầm vận mệnh quốc gia trong tay, mà khi thù hạ của họ hại dân vô tội – những người mà họ có bổn phận bảo vệ - họ lại hoàn toàn không biết. Điều này khiến chúng ta phải tự hỏi tại sao họ không biết. Ở một quốc gia văn minh, nạn nhân có thể dựa vào hệ thống tư pháp độc lập hoặc hệ thống truyền thông tự do để lưu ý giới hữu trách đến những tệ trạng mà họ phải gánh chịu. Vì dưới nền Cộng hòa Nhân vị, hệ thống tư pháp không được độc lập và giới truyền thông không được tự do nên hai anh em ông Diệm mới có thể không biết gì cả. Việc giới lãnh đạo của một quốc

gia không biết dân vô tội bị xâm phạm phi pháp và việc những nạn nhân này không có cách nào làm cho giới lãnh đạo biết được tệ trạng nói trên thật ra là một bản cáo trạng đối với giới lãnh đạo đó: Họ không biết, vì bộ máy chính trị của họ là một bộ máy kém lành mạnh, nếu không muốn nói là bệnh hoạn.

[Source: <http://www.talawas.org/?p=12797> – 11/2009]

DANH TỪ “CÔNG GIÁO”: CHỮ VÀ NGHĨA

Nguyễn Hy Thần

Trong đời sống hàng ngày, Chữ nghĩa và Từ ngữ được dùng để chuyên chở ý tưởng, nhưng có bao giờ chúng ta bất chợt nghĩ đến “nghĩa thật” hoặc xuất xứ của những từ ngữ thường dùng trên đầu môi chót lưỡi không ?

Đôi khi, chính từ những ý thắc mắc bâng quơ đó mà bạn sẽ ngạc nhiên khi tìm thấy thật nhiều suy nghĩ về cuộc đời, về thể thái nhân tình, về con người và đôi khi những bài học kỳ thú về lịch sử nữa ...

Ví dụ như để gọi một giáo phái thờ Chúa có trụ sở ở La Mã, người ngoại quốc chỉ đơn giản gọi “*Catholics*”, mà tiếng Việt mình thì thật nhiều khê: đạo Thiên Chúa, đạo Chúa, đạo Cơ Đốc, đạo Gia Tô, Ki-tô giáo, và gần đây là ... Công giáo.

Trong những danh từ riêng đó, hai chữ “*công giáo*” đứng trội một mình về mặt ý nghĩa bởi vì những danh từ Thiên Chúa, Cơ Đốc, Gia Tô, Ki-tô đều từ **tên vị giáo chủ** là Chúa mà ra, nhưng còn “*công giáo*” là gì? Danh từ công giáo đã có trong từ ngữ Việt Nam từ bao thế kỷ. Như những danh từ Hán-Việt khác, từ “*công giáo*” có lẽ đã du nhập vào tiếng Việt từ những ngày đầu tiên khi văn minh Trung Hoa theo bước đoàn quân viễn chinh Tàu sang đô hộ quận Giao Chỉ vào thế kỷ thứ nhất, thứ nhì.

Chữ “*Công*” trong Việt ngữ có hai nghĩa khác biệt:

1- “*Công*” nghĩa là sự làm việc, sức làm việc, những gì động đến tay chân. Đây là nghĩa mà những tiếng ghép như “*công lao*”, “*công sức*”, “*công kên*”, “*công binh*”, “*công cuộc*”, “*công nhân*”, ...

2- “*Công*” còn có nghĩa thứ nhì là chung đều cho tất cả mọi người, chung cho mọi người do nhà nước ban hành và điều khiển¹ như trong “*công quyền*”, “*công cộng*”, “*công bình*”, “*công cụ*”, ...

¹ *Việt Nam Tự Điển* do Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ, Khai Trí phát hành, 1970

Chữ “Công” trong danh từ Công giáo mang nghĩa thứ nhì ở trên và “công giáo” được định nghĩa là “*tôn giáo được thừa nhận là đạo chính thức*” (theo *Tự Điển Hán Việt* của Nguyễn Văn Khôn, 1960). “Chính thức” đây có nghĩa được chính quyền thừa nhận. *Việt Nam Tự Điển* của Lê Ngọc Trụ và Lê Văn Đức thì định nghĩa một cách rõ ràng hơn:

Công giáo: (a) Tôn giáo được nhà nước nhìn nhận là tôn giáo chính thức của nước ấy, (b) Đạo Gia-Tô ở Việt Nam. ^{2 3}

Như vậy, “công giáo” có hai nghĩa: (i) Đạo chính thức của cả nước, và (ii) Đạo Chúa hay đạo Gia-tô.

Nghĩa trước (i) đã có trong từ ngữ Việt Nam từ bao thế kỷ qua, còn nghĩa sau (ii) thì được du nhập từ thời nào ? ⁴

Từ ngữ đến và đi trong đời sống khác với con người hay cát bụi. Con người có khai sinh để biết lúc nào chào đời, đất đá có thể dùng phóng xạ đồng vị C14 để đo được số tuổi chính xác, nhưng còn từ ngữ thì sao ? Với ngôn ngữ thì không thể định được ngày nào thì một danh từ ra đời, tuy nhiên để biết một danh từ ra đời hoặc trở nên thông dụng trong thời đại nào thì không phải là chuyện khó !

Nhiều từ ngữ được sáng tạo nhưng không bao giờ “ra đời” hay “thành hình”, nghĩa là đi vào ngôn ngữ của quần chúng, mà ngược lại chỉ quanh đi quẩn lại trong một nhóm người, rồi chết đi theo thời gian !

Một từ ngữ chỉ được “thành hình” khi từ ngữ đó được dùng trong báo chí, trên tin tức hàng ngày, được nhắc nhở đi đi lại lại nhiều

² Ibid, trang 217

³ *Hán Việt Tự Điển* của Đào Duy Anh định nghĩa “công giáo là một tôn giáo được quốc gia chúng nhận”

⁴ Few young Vietnamese grew up in the US think that the word “công giáo” originated from the English word “catholic” which means “general” or “universal”. This is of course a single simple-minded ! The word “catholic” and “Catholic” totally differ in their English meanings. Not just because the two words have the same pronunciation, they can be translated interchangeably.

Besides, if the word “công giáo” is a translation of a foreign word as claimed, shouldn't it be from Dutch, Spanish, Portugese or especially French ? Weren't those countries where all missionaries coming to Vietnam originated from ? Why English, a language virtually unpopular in Vietnam until the late 50's ?

lần để dần dần thấm vào tiềm thức của người nghe và một ngày nào đó bước vào ngôn ngữ thường nhật mà chính người nói cũng không hay biết. Những danh từ như nhà “ga” (xe lửa), “xà phòng”, mái tóc “phi dê” (tóc uốn), phi đạo, hỏa xa, ... không thể nào có trước thời Pháp thuộc được, bởi vì những vật đó không thể nào có mặt trước khi Pháp xâm chiếm Việt Nam. Và dĩ nhiên là đọc trong cổ văn Việt Nam trước thế kỷ 18 sẽ không bao giờ tìm thấy tăm hơi những chữ đó cả..

Vì vậy, một trong những cách để các nhà ngôn ngữ học khi tra cứu nguồn gốc một chữ nào đó là tra cứu trong văn chương, trong tự điển, sách báo, tài liệu lịch sử và cả trong nền văn học truyền khẩu dân gian ... để khẳng định được sự ra đời của một từ ngữ.

Chữ “công giáo” cũng không đi ngoài thông lệ đó !

Sách báo Việt Nam **trước thập niên 60** khi đề cập đến Catholics thì dùng chữ Thiên Chúa giáo, đạo Gia-Tô, đạo Ki-Tô hay đạo Cơ Đốc. Viết về đạo Catholics, cuốn *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương* của Đào Duy Anh (1938), ghi rằng: “*Từ thế kỷ 16, 17, Cơ Đốc giáo do các giáo sĩ Bồ-Đào-Nha và Pháp Lan Tây truyền sang thì ở nước ta lại có thêm một thứ tôn giáo mới theo nghi thức La-Mã giáo hội ...*”⁵

Toàn bộ *Việt Nam Sử Lược* của Trần Trọng Kim (viết khoảng 1950) không hề dùng chữ “công giáo”. Những danh từ công giáo cũng vắng bóng trong những tác phẩm văn học viết trước thập niên 50.⁶

Như vậy, qua sự tìm hiểu đặt trên căn bản thời gian sử dụng ngôn ngữ nói trên, ta có thể kết luận rằng **hai chữ “công giáo” được bắt đầu dùng để chỉ đạo Catholics (Cơ Đốc, Gia Tô, Thiên Chúa, ...)** vào **cuối thập niên 50 hoặc đầu thập niên 60**.

⁵ *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương* của Đào Duy Anh, xuất bản năm 1938, trang 122

⁶ Một vài ví dụ như trong “*Bảy ngày Trong Đòng Thập Mươi*” (Nguyễn Hiến Lê, 1954) dùng danh từ “đạo Gia Tô” để chỉ Catholics. Sách báo thời tiền chiến (Tự Lực Văn Đoàn ...) cũng chỉ dùng Thiên Chúa giáo, đạo Cơ Đốc hoặc đạo Gia Tô. Những cuốn sử khác như *Việt Nam Việt Sử Tân Biên* của Phạm Văn Sơn hoặc *Việt Nam Chiến Sử* (do Phòng Quân Sử VNCH xấp bản), ngoài chữ Cơ Đốc giáo hoặc Gia Tô giáo thì thỉnh thoảng có dùng chữ công giáo. Tuy nhiên, hai cuốn sử này được phát hành vào đầu thập niên 1970, là lúc hai chữ “công giáo” đã ra đời hơn 15 năm rồi.

Tại sao lại “Công giáo” mà không là Cơ Đốc giáo hay Thiên Chúa giáo ...? Trong hơn bốn ngàn năm lịch sử, có hàng chục đạo truyền vào và luân lưu ở Việt Nam, nhưng không hề có hai chữ “Luong” hay “Giáo”, phải đợi đến thế kỷ 16, 17, **khí đạo Cơ Đốc truyền vào** thì hai từ ngữ đó mới được phát sinh ra để phân biệt người trong đạo (Cơ Đốc) và kẻ ... ngoại đạo !

Khác với lịch sử truyền đạo của Cơ Đốc giáo, lịch sử truyền đạo của một giáo phái khác cũng tôn thờ cùng một ông Chúa là đạo Tin Lành lại **chẳng mang tai tiếng hay tạo ngộ nhận gì trong lịch sử chống ngoại xâm của Việt Nam**. Đạo Tin Lành được truyền vào Việt Nam khoảng năm 1911 do những giáo sĩ Mỹ.⁷ Nhưng quần chúng Việt Nam lại không thấy **bóng hình Thực dân Pháp lập lá đảng sau hình ảnh của những giáo sĩ ngoại quốc** (cũng da trắng) này. Mà cũng chẳng ai, kể cả vua quan, đàn áp hay ngại ngùng với việc truyền đạo Tin Lành cả. Tín đồ Tin Lành cũng chẳng bao giờ phân biệt mình là Luong hay Giáo, bởi vì “Giáo” là chỉ những người theo đạo Gia Tô, còn Luong thì chỉ hết tất cả những người còn lại. Vậy thì nếu có phân biệt Luong và Giáo thì tín đồ Tin Lành cũng thuộc vào loại ... “Luong” rồi..

Sau gần 100 năm truyền đạo Tin Lành mà chẳng thấy con chiên hay Mục sư nào **“tử vì đạo”** Tin Lành cả. Chỉ vì một lý do đơn giản là các Mục sư Tin Lành không bao giờ dính dáng đến chính trị, hoặc mượn tay nhà cầm quyền để rao giảng lời Chúa dạy cả.

Cùng đi rao giảng lời Chúa dạy mà một bên đến với nhiều “ngộ nhận” (hay “chính” nhận ?), còn một bên đến thật êm đềm và được đồng bào Việt Nam đón nhận vào đại thể văn hóa của dân tộc !

Ý tưởng biến Thiên Chúa giáo thành “tôn giáo của chính quyền” đã manh nha từ thời Pháp thuộc trong chính phủ và giới tầng lớp của nhà nước bảo hộ Pháp và trong cả những **linh mục bản xứ đã quên mình là người Việt Nam**. Vào những năm thánh cuối cùng của chế độ Thực dân, chữ “công giáo” được vài cha phổ biến một cách hạn hẹp trong giáo đồ. Nhà văn Nguyễn Vũ, trong cuốn bút ký chính trị *“Tuần, Chàng Trai Nước Việt”* (trang 132) đã nhận xét rằng: *“...Nhưng uy quyền của Pháp đang mạnh, thế lực Thiên Chúa giáo mà thực dân Pháp coi như công giáo và che chở, kính nể, đang bành trướng khắp nơi ...”* [Xin lưu ý hai chữ “Thiên Chúa giáo” và “công giáo” được **dùng chung** trong một mệnh đề với 2 nghĩa **khác** nhau.

⁷ *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương*, Đào Duy Anh, 1938, trang 125.

Điều này có nghĩa là cho đến khi ông Nguyễn Vũ viết tác phẩm này, “Công giáo” **chưa** phải là tên của đạo Catholic].

Lòng các cha thì ao ước “bành trướng khắp nơi” như vậy, nhưng tình hình chính trị lúc đó đã không cho những người linh mục này biến Thiên Chúa giáo thành một thứ quốc giáo hay “công” giáo. Giác mộng này phải đợi đến mấy mươi năm sau, khi người em ruột của vị Giám mục nhiều tham vọng Ngô Đình Thục là ông Ngô Đình Diệm lên nắm quyền ở miền Nam !

Ai cũng biết dùng chữ “Công giáo” trong ngôn ngữ Việt Nam thì có ít nhất ba điều không ổn:

■ Để gọi một tôn giáo, người Việt (hay đa số mọi quốc gia trên thế giới) dùng **tên người sáng lập** ra tôn giáo hay triết lý của tôn giáo đó mà gọi như Phật giáo (Buddha, Buddhism), Khổng giáo (Confucius, Confucianism), Lão giáo (Lao Tsu, Taoism); hoặc lấy **tên của dân tộc, sắc dân** đã khai sinh ra tôn giáo đó để đặt tên như Ấn giáo (India, Hinduism), Hồi giáo (Muslim, Islam), Do Thái giáo (Jews, Judaism), Anh giáo (English, Anglican), v.v... Và cũng theo nguyên tắc đó mà người Việt (hay đa số mọi quốc gia trên thế giới) đã gọi đạo Catholics là đạo Gia-Tô (Giêsu, Jesus), hay Cơ Đốc (Chris), hoặc đạo Chúa..

Trước thập niên 50, người Việt đã **không gọi** Catholics là “*Công*” giáo vì không có một vị giáo chủ sáng lập nào tên là ... “*Công*” hay một dân tộc nào tên là “*Công*” cả. Chữ “*Công giáo*” chỉ xuất hiện, như đã chứng minh bằng một số văn bản ở trên, **từ khi có chế độ Ngô Đình Diệm**.

■ Ngày nay, thế hệ trẻ Việt Nam sẽ liên tưởng rằng *công giáo* là công bình, công minh, bác ái. Điều này thật là buồn cười vì những người có căn bản Hán Việt đều hiểu rằng trong danh từ kép *công bình* thì chữ Bình là **chính nghĩa**, chữ Công chỉ là **bổ nghĩa** (liên hệ đến chính quyền). Cũng vậy, trong danh từ kép *công minh* thì từ Minh (sáng suốt) là chính, cũng như *bác ái* đến từ chữ Ái (là yêu). Do đó, nếu chữ công giáo là công bình, công minh thì tại sao lại không dùng nghĩa chính (bình, minh), gọi đạo này là *Bình giáo* hay *Minh giáo*, mà lại dùng chữ bổ nghĩa (công) để gọi là *Công giáo* ?

■ Ngoài ra, hai chữ Giáo và Đạo trong tiếng Việt được dùng để gọi một tôn giáo như ta vẫn gọi Khổng giáo là đạo Khổng, Hồi giáo là đạo Hồi, Phật giáo là đạo Phật, v.v... Như vậy, từ nay, gọi Công giáo là ... *đạo Công* chắc cũng không sai !

Những người đề xướng ra danh từ “*Công giáo*” chắc có thừa

thông minh để hiểu những **ngịch lý, sai lầm** và **bất cập** này nhưng vẫn miễn cưỡng hoặc ngoan cố làm vì quyết định đôi từ “Cơ-Độc giáo” sang được chữ “Công giáo” là bước đầu trong tham vọng biến lời Chúa dạy thành lời của Cesar, **biến tổng thống Ngô Đình Diệm thành vua Constantin** (vị hoàng đế đã quốc giáo hóa đạo Giê-su cho đế quốc La Mã).

Song song với việc đổi tên đạo, đảng Cần Lao của Công giáo cũng được khai sinh để hỗ trợ cho chính quyền. Cơ sở đảng Cần Lao từ trung ương đến địa phương đều nằm dưới quyền lãnh đạo hoặc cố vấn của các Giám mục, các Linh mục. **Đảng Cần Lao độc quyền chống Cộng và độc quyền trị nước** nên các đảng quốc gia khác như Việt Nam Quốc Dân đảng, Duy Dân, Đại Việt, Dân Xã, ... đều bị đàn áp vì việc “chống Cộng” đã có Cần Lao lo rồi.

[Từ cuối thập niên 50⁷], đảng viên Cần Lao hầu hết phải là người có đạo Công giáo. Những chức vụ quan trọng trong bộ máy công quyền phải do đảng viên Cần Lao nắm giữ. Ở nhiều địa phương, nhất là ở miền Trung, tân đảng viên Cần Lao khi gia nhập đảng phải đọc lời thề có câu: “...*Thề tiêu diệt Phật giáo Ma quỷ và các đảng phái Quốc gia...*” (theo tạp chí *Thức Tỉnh* số 115, 116, Los Angeles). Sau khi chế độ Diệm bị lật đổ, đảng Cần Lao mà một thời hét ra lửa với những đoàn mật vụ hung hiểm, đã hoàn toàn tan rã vì quyền lợi của những người gia nhập đảng không còn nữa. Sau năm 1975, tại hải ngoại, một nhóm **tân du đảng viên cũ cố làm sống lại đảng này bằng cách bóp méo lịch sử**, nhưng nỗ lực này chỉ tạo thêm phản ứng bất lợi cho họ mà thôi.

Ngày hôm nay, nếu có ai hỏi về hai chữ “công giáo”, các cha sẽ giảng nghĩa khác đi⁸ vì các cha không còn thế lực chính quyền nữa. Nhưng ở thời Ngô Đình Diệm, dùng chữ Công giáo thay cho Cơ-Độc giáo, các cha muốn cho quần chúng Việt Nam biết rằng **tôn giáo này được chính quyền hỗ trợ như một quốc giáo**. Đó là các thông điệp vừa ngầm vừa tỏ gửi đến cho giới trí thức Việt Nam thời đó. Cái lợi

⁸ Bây giờ, chữ “công” được giải thích là công cộng trong cái nghĩa “hoàn vũ” (universal). Nhưng điều này cũng không ổn vì *hoàn vũ* chỉ là một trong ba thuộc tính của Giáo hội Công giáo (hai thuộc tính kia là *Thánh thiện* và *Duy nhất*), tại sao lại chọn thuộc tính “công/hoàn vũ” mà không chọn hai thuộc tính kia vốn cũng có ý nghĩa giá trị hơn nhiều? Vì vậy, giải thích này chỉ là một lời ngụy biện để lạc dẫn người nghe hầu che dấu một ý đồ tồi tệ trong quá khứ mà thôi.

thứ hai về truyền đạo là đối với người dân ít học, thấp cổ bé miệng, thì hai tiếng “công giáo” kèm với hình ảnh của đảng Cần Lao đã tạo cho người đi giảng lời Chúa một thứ **quyền lực đe dọa của nhà nước**. Lời Linh mục phán là lời của “công” quyền, lệnh của các Cha là chính sách của quốc gia.

Việc đổi tên của một Giáo hội đã được hợp thức hóa và quy mô hóa với sự hậu thuẫn của chính quyền thời đó. Hệ thống tuyên truyền và hệ thống hành chính của nền Đệ Nhất Cộng hòa được vận dụng tối đa để **chính thức hóa** danh xưng mới này. Hai chữ “Công giáo” xuất hiện trên công văn của chính phủ, trên sách báo, nhắc đi nhắc lại nhiều lần trên các đài phát thanh với mục đích thấm dần vào đầu trí thức và quần chúng Nam Việt Nam.

Dư luận lúc bấy giờ, nhất là trong tầng lớp trí thức, phản ứng mạnh mẽ. Lịch sử Việt Nam dưới nhiều triều đại, dù có khi đạo Phật đạo Khổng được cả nước, từ vua quan đến sĩ phu đến dân chúng, sùng bái, nhưng các tôn giáo này vẫn chưa bao giờ được gọi là quốc giáo hay đạo của chính quyền. Nay đề cao một tôn giáo (**đã thiếu số lại từng làm tay sai cho ngoại bang**) lên làm quốc giáo là đi trái với truyền thống dân tộc một cách trắng trợn, nên hai chữ “Công giáo” đã trở thành đề tài phê bình và phiếm luận, công khai có mà âm thầm cũng nhiều, trên mặt báo trong nhiều tháng. Người dân đòi hỏi chính phủ phải tách rời tôn giáo ra khỏi chính trị để tránh sự lũng đoạn chính quyền về sau.

Nhưng một khi mà ông chính phủ cõ thì đeo thánh giá, còn tay thì cầm cán cân CÔNG lý, giữ CÔNG quyền, nắm CÔNG cụ bạo lực (mật vụ, công an, cảnh sát, đảng Cần Lao, Lực lượng Đặc biệt, Đoàn Công tác Miền Trung, Chín Hầm, P42) trong tay, bảo rằng tôn giáo này là “CÔNG giáo” thì cả nước dù có bất đồng ý kiến cũng phải chịu cảnh “con kiến mà kiện củ khoai” !

Bất chấp dư luận báo chí và nguyện vọng của quần chúng, chế độ Ngô Đình Diệm và Đảng Cần Lao Công giáo đã cấu kết với Giáo hội Catholic Việt Nam “cả vú lấp miệng em” để áp đặt hai chữ “Công giáo” quái đản và ngược ngạo vào ngôn ngữ Việt Nam.

Để phản đối điều này, những người có ý thức được vấn đề chính danh vẫn dùng danh từ riêng “Thiên Chúa giáo” hay “Cơ Đốc giáo” thay vì “Công giáo” khi nói hoặc viết. Điều này thể hiện rõ ràng nhất ngay trong những sách giáo khoa xuất bản sau ngày chế độ Diệm bị lật đổ. Đến ngày hôm nay, nhiều người vẫn không quen dùng hai

chữ “Công giáo” khi nói hoặc viết, mà vẫn dùng chữ đạo Gia Tô, Cơ Đốc, Ki-Tô, hoặc đạo Thiên Chúa.⁹

Ngày nay, hai chữ Công giáo đã mất đi ý nghĩa nguyên thủy mà **những người Thiên Chúa giáo Việt Nam với trái tim La Mã đã áp đặt lên dân tộc Việt Nam**. Chữ Công giáo trở thành một danh từ riêng như bao danh từ riêng khác. Nhưng những danh từ riêng trong tiếng Việt đều có nghĩa riêng đặc thù của nó, còn hai chữ “công giáo” nữa riêng nữa chung, mập mờ vừa công vừa tư, thì có ý nghĩa gì? Có thể gượng gạo mà giải thích cho các thế hệ trẻ mãi chăng?

Trình độ dân trí của người Việt Nam cũng được nâng cao, khó có thể mà trông tréo che mắt họ bằng danh từ hoa mỹ nữa. Trào lưu Dân chủ và Nhân bản đang lên cao trên thế giới, liệu những người đầy mặc cảm mang “tội tổ tông” có thể thực hiện được giấc mộng **dâng đất nước này cho Chúa Trời (và Đức mẹ)** qua bàn tay của Giáo hoàng La Mã không?

Mục đích ban đầu đã mất! Hai chữ “công giáo” còn lại gì ngoài việc làm chứng tích cho một thời kỳ đau buồn trong lịch sử? Còn lại gì ngoài việc nhắc nhở người nghe chính sách tàn bạo của một chế độ Ngô Đình Diệm đã bị dân tộc vất vào sọt rác lịch sử? Còn lại gì ngoài việc gọi cho những nạn nhân nhớ lại những ngày thánh hải hùng mà họ đang cố quên đi? Và còn lại gì ngoài việc làm hoen ố lời Chúa dạy – vốn đã bị con người làm hoen ố nhiều rồi – thêm nữa?

Trăm năm bia đá thì mòn

Ngàn năm bia miệng hãy còn trơ trơ

Ngày nào danh từ “Công giáo” vẫn còn thế chỗ cho danh từ “Thiên Chúa giáo” (hay đạo “Catô La Mã”) thì ngày đó Thiên Chúa chỉ có nghĩa là Công, và các thế hệ tin đồ sau này còn phải gánh chịu bia miệng của cuộc đời **do các Cha, trong một phút nông cuồng và xuẩn động** dưới thời Ngô Đình Diệm, đã gây ra!

Nguyễn Hy Thân

⁹ Sau 1975, tại hải ngoại, một số người Việt lại dùng nhóm chữ “*Catô La Mã*” để dịch chữ “*Roman Catholic*” là danh xưng tiếng Anh được hầu như cả thế giới dùng phổ quát trong mọi lãnh vực để chỉ tôn giáo do Vatican lãnh đạo. Có lẽ danh xưng “Catô La Mã” này, về mặt ngữ nghĩa cũng như thực tiễn, là đúng nhất.

TỔNG GIÁM MỤC NGÔ ĐÌNH THỰC (1897 – 1984) THẦN QUYỀN VỚI THỂ QUYỀN

O.V.V.



Tổng Giám mục Pierre Martin Ngô Đình Thục

Tổng Giám mục Ngô Đình Thục có tên thánh **Pierre Martin**, sinh ngày 6-10-1897 tại **Phủ Cam**, Huế. Thuở thiếu thời, Ngô Đình Thục đã được gia đình cho theo học tại trường tư thục Pellerin. Năm 12 tuổi (1909), Ngô Đình Thục đã vào học ở Tiểu chủng viện An Ninh (Quảng Trị) rồi tới tháng 9/1917, vào học ở Đại chủng viện **Phú Xuân** thuộc Giáo phận Huế. Có lẽ ngay từ khi đó giới giáo chức cao cấp ở Huế cũng như gia đình họ Ngô đã nhận ra thiên hướng có thể ăn nên làm ra trên con đường tu hành của Ngô Đình Thục nên Chánh xứ Phủ Cam khi đó là Eugène Marie Joseph Allys (thường gọi là **Cố Lý**, 1852-1936) tháng 11/1919 đã gửi cậu giáo sinh họ Ngô đi du học Trường Truyền giáo Rome. “Con ông cháu cha” nên Ngô Đình Thục ngay ở Rome cũng rất được chăm bẵm.

Cuối năm 1922, Thượng thư **Nguyễn Hữu Bài**, bạn đồng liêu của **Ngô Đình Khả**, cũng là một người Công giáo, sau khi tháp tùng vua Khải Định du ngoạn sang Pháp “như một món hàng thuộc địa và có thể trưng bày ở Hội chợ” (chữ dùng của Nguyễn Ái Quốc) đã đến thành Rome. Sẵn quan hệ cũ, Nguyễn Hữu Bài đã mang theo cậu giáo sinh Ngô Đình Thục vào yết kiến Đức Giáo hoàng **Piô XI**. Sự việc này đã có tác động tốt đến hoàn lộ sau này của Ngô Đình Thục.

Cũng trong năm đó, Ngô Đình Thục đã có được bằng Tiến sĩ Triết học. Ngày 20/12/1925, Ngô Đình Thục đã được phong chức linh mục rồi đi dạy ở Đại học Sorbonne ở Paris, Pháp. Năm 1926, Ngô Đình Thục lấy được bằng Tiến sĩ Thần học và năm 1927 có thêm Tiến sĩ Giáo luật ở Đại học Appolinaire... Tiếp theo, **Ngô Đình Thục** qua Pháp học tại Institut Catholique de Paris từ tháng 10/1927 đến tháng 6/1929 và đỗ Cử nhân Văn chương.

Trở về Việt Nam năm **1929**, Ngô Đình Thục khi đó còn là linh mục, làm giáo sư dòng Thánh Tâm ở Phường Đức (Trường An) Huế, từ tháng 11/1929. Đến tháng 9/1931, Giám mục **Alexandre Chabanon** (Giáo, 1873-1936) đã bổ nhiệm Ngô Đình Thục làm giáo sư Đại Chủng viện Phú Xuân, Huế.

Tháng 10/1933, Ngô Đình Thục trở thành Giám đốc **Trường Thiên Hựu** (Providence), một trường tư thục Công giáo tại Huế. Năm 1935, ông ta còn kiêm luôn cả chức Chủ nhiệm báo **Sacerdos Indosinensis...** Năm 1938, Ngô Đình Thục được thụ phong Giám mục Giám quản tông Toà Giáo phận **Vĩnh Long...** Từ thời điểm đó cho tới cuối những năm 50 của thế kỷ trước, Ngô Đình Thục mặc dù chỉ ở **Vĩnh Long** nhưng đã tham gia khá tích cực vào các cuộc vận động hành lang cho sự ra đời của một chế độ riêng của gia tộc Ngô Đình.

Linh mục Ngô Đình Thục có ảnh hưởng mạnh mẽ tới **Ngô Đình Diệm** cũng như những người em khác trong gia tộc **Ngô Đình**. Chính nhà tu này đã có vai trò rất quan trọng trong việc thiết kế những mối quan hệ hữu hảo với phương Tây thông qua Hồng y Giáo chủ Spellman để cuối cùng Washington đã chọn Ngô Đình Diệm làm **con bài chống Cộng chủ đạo** ở Việt Nam sau khi quân đội viễn chinh Pháp phải thua chạy khỏi đây sau trận Điện Biên Phủ. Cũng chính Ngô Đình Thục đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình lôi Ngô Đình Diệm từ sân sau của chính trường Sài Gòn để giúp ông thu được 95% (?) số phiếu ủng hộ của các cử tri miền Nam trong cuộc trưng cầu ý dân giả hiệu ngày 23/10/1955 và nhờ thế, Ngô Đình Diệm đã qua mặt

được vua **Bảo Đại** tiến tới ngôi **Tổng thống**.

Một khi em đã làm “vua” thế sự thì anh cũng dễ dàng hơn trong những thăng tiến ở nhà thờ. Ngày 24/11/1960, Ngô Đình Thục đã được bổ nhiệm làm Tổng giám mục Giáo phận Huế. Và ông ta đã tận dụng tối đa ảnh hưởng của ông em Tổng thống để triển khai đủ loại hoạt động kinh tế (thí dụ như khai thác lâm sản, mua thương xá Tax, làm chủ nhà sách **Albert Portail**...), để kiếm lời bạc tỷ. Thậm chí đã có lúc Ngô Đình Thục dùng lính bộ binh và cả xe bọc thép thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và vận chuyển cho các vụ **khai thác gỗ rừng** trong các tỉnh Biên Hoà, Long Khánh, lấy vật liệu của công và nhân viên chính quyền để xây cư xá Vĩnh Long, tổ chức lễ Ngân khánh (25 năm ngày Ngô Đình Thục được Vatican phong làm Giám mục) cường ép công chức cao cấp và thương gia nộp tiền...



Một vị linh mục ở Sài Gòn thời đó tên là **Trần Tam Tĩnh** đã thuật lại việc tổ chức mừng lễ Ngân khánh trong quyển biên khảo **Thập giá và lưỡi gươm** (Nhà xuất bản **Sud-Est Asie**, Paris, 1978): “Từ tháng 3/1963, một uỷ ban ngân khánh đã được thành lập do chủ tịch quốc hội là chủ tịch với nhiều vị bộ trưởng và nhân vật tên tuổi làm uỷ viên. Người ta tổ chức tại Sài Gòn một bữa tiệc mà mỗi thực khách phải đóng 5.000 đồng. Người ta muốn biến lễ Ngân khánh này thành quốc lễ”.

Cách hành xử như thế của Ngô Đình Thục hiển nhiên là đã gây nên nhiều bê bối trong dư luận nhưng Ngô Đình Diệm vẫn cứ đoan chắc rằng ông anh mình không làm điều gì sai quấy vì số tiền kiếm ra dường như đã được dùng vào việc nuôi sống **Trường Đại học Đà Lạt** do chính Ngô Đình Thục lập ra cũng như để đáp ứng các nhu cầu

khác của nhà thờ. Thật nực cười!

Không chỉ trục lợi kinh tế mà Tổng Giám mục Ngô Đình Thục còn tạo nên những lý do chính trị tai hại đối với chế độ Diệm – Nhu. Nhiều nguồn tư liệu còn lại tới hôm nay cho rằng, Ngô Đình Thục khi ở trên đỉnh cao danh vọng tôn giáo đã bị hoang tưởng về quyền lực của mình cũng như của gia tộc mình và đã đánh đồng thân quyền với thế quyền. Là anh của Tổng thống Diệm, Ngô Đình Thục nghĩ rằng ông ta, như linh mục Trần Tam Tĩnh nhận xét “*đã hoá thành trí não tuyệt vời của chế độ. Người ta tìm đến ông để xin xỏ ân huệ, đặc quyền. Giám mục làm như là hiện thân của giáo hội, cũng như ông em là hiện thân của Nhà nước...*”.

Một nhân chứng khác ở thời đó đã ghi chép lại về thời miền Nam nằm dưới sự trị vì của chế độ gia đình trị của dòng họ Ngô Đình như sau: “Các linh mục thuộc tập đoàn Ngô Đình Diệm đã ra sức thao túng, bóc lột, cướp tài sản của dân chúng. Có những linh mục bắt các quận trưởng phải nộp tiền bạc, để làm cái này, làm cái kia, nếu ai không tuân lệnh, họ sẽ báo cáo xấu lên tổng thống mà bị mất chức hoặc bị ngồi tù. Vì muốn Ngô Đình Thục **được làm Hồng y**, vây cánh Ngô Đình Diệm đã dùng mọi thủ đoạn để gia tăng giáo dân, trong đó có việc cưỡng bách sĩ quan, binh sĩ và dân chúng theo Thiên Chúa giáo, ai không theo bị chúng vu khống là cộng sản rồi bắt bỏ tù. Họ khủng bố **Cao Đài, Hoà Hảo**, tận diệt **Quốc dân đảng** và **Đại Việt...**”.

Viên sĩ quan dù cao cấp về sau trở thành tướng nổi loạn **Nguyễn Chánh Thi** đã nhận xét về sự lộng hành của một số linh mục thời Diệm – Nhu: “Cứ hầu như mỗi một tỉnh của miền Nam, nhất là tại miền Trung, có một linh mục có quyền sinh sát trong tay mà chả ai đã động đến, vì đằng sau họ là sức mạnh chính quyền. Họ còn lộng hành hơn là nhận đơn kiện cáo của con chiên, rồi phê vào đơn, đưa đến tỉnh trưởng hay quận trưởng, bảo phải xử theo ý của linh mục A, linh mục B, không thì mất chức. Một số linh mục dưới chế độ Ngô Đình Diệm, họ sống như các ông vua của một xứ xưa kia!...”.

Cũng theo linh mục Trần Tam Tĩnh, đáp lại các lời chỉ trích, giám mục Thục nói với ICI, tạp chí Công giáo số 15/4/1963, rằng “Trên bàn giấy của tôi chồng chất cả lô đơn xin tôi can thiệp cho họ ơn này, ơn nọ, khổ thay thường chỉ là thế tục. Tôi không thể đứng đưng được trước lời kêu gọi của họ! ở vào địa vị của tôi các ông sẽ xử sự như thế nào?”. Giả dối đến thế là cùng!

Tổng Giám mục Ngô Đình Thục cũng là một người mang

nặng tư tưởng **phân biệt tôn giáo**. Thậm chí không ít người ở miền Nam khi đó còn cho rằng, Tổng giám mục Ngô Đình Thục đã nuôi tham vọng **Công giáo hoá toàn bộ cái gọi là nền đệ nhất cộng hoà**. Chính những lùm xùm xung quanh lễ Ngân khánh năm 1963 đã châm ngòi lửa cho những biến cố Phật giáo, gây nên mối nguy hiểm chí tử đối với chế độ tay sai này của Mỹ ở Sài Gòn. Mọi sự quá mù ra mưa tới mức Vatican cũng lên án chính phủ Diệm – Nhu và quyết định rút Tổng Giám mục Ngô Đình Thục ra khỏi Việt Nam.

Nhận thức được hiểm hoạ này, Washington đã không khoanh tay thúc thủ và quyết định gây sức ép để loại bỏ Ngô Đình Thục ra khỏi trung tâm quyền lực ở Sài Gòn. Ngày 20/8/1963, Nhà Trắng đưa **Cabot Lodge** sang làm đại sứ ở Sài Gòn với những chỉ thị mang tinh thần khác hẳn trước đây... Giờ cáo chung đã điểm đối với quyền lực chính trị của gia tộc Ngô Đình. Trước đó khoảng 6 năm (1957), tại cố đô Huế đã xảy ra một điềm xấu: **sét đánh đúng ngôi mộ của ông Ngô Đình Khả**, từng được xây cất rất kỹ lưỡng bởi một lực lượng công binh tinh nhuệ nhất của chế độ Sài Gòn bằng những vật liệu có chất lượng tốt nhất...

Tháng 9/1963, Ngô Đình Thục rời Sài Gòn tới Vatican để tìm cách vớt vát uy tín cho chế độ Diệm – Nhu trên trường quốc tế (cũng là đúng ý Mỹ muốn ông ta đi cho “khuất mắt trông coi”). Tuy nhiên, mọi sự đã muộn màng. Bản thân Ngô Đình Thục cũng **bị Vatican tước bỏ chức vụ tôn giáo**.

Cuộc đảo chính ngày 1/11/1963 đã kết liễu tính mạng của anh em Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cần... Ngô Đình Thục đành phải sống tha phương trong cảnh khá là bần hàn và mãi tới sau năm 1975, mới được Vatican cho phục chức. Thế rồi Tổng Giám mục Ngô Đình Thục về hưu ở Mỹ và phải sống tại một Viện dưỡng lão Công giáo thuộc tiểu bang Missouri cho tới khi trút hơi thở cuối cùng ngày 13/12/1984.

<http://ongvove.wordpress.com/2009/11/06/t%E1%BB%95ng-giam-m%E1%BB%A5c-ngo-dinh-th%E1%BB%A5c-1897-1984-dao-va-doi/>

DẠY SỬ DƯỚI THỜI DIỆM

Nguyễn Hiến Lê



...Điều may thứ nhì là một cơ hội tốt để tôi thực hiện một điểm trong chương trình mở mang kiến thức thanh niên. Từ mấy năm trước tôi đã mua được mấy cuốn *Histoire Universelle* của Wells, *Histoire de l'Humanité* của H. Van Loon đọc rất hấp dẫn, tôi tính sẽ dịch hoặc tóm tắt. Đầu niên khóa 1954-1955, trong chương trình Trung học Đệ nhất cấp có thêm môn Lịch sử Thế giới dạy trong bốn năm. Ông Thiên Giang lúc đó dạy Sử các lớp đệ Lục đệ Ngũ. Tôi bàn với ông soạn chung bộ Sử Thế giới càng sớm càng tốt cho học sinh có sách học, khỏi phải chép “cua” (cours). Ông đồng ý. Chúng tôi phân công: tôi viết cuốn đầu và cuốn cuối cho lớp đệ Thất và đệ Tứ, ông viết hai cuốn giữa cho lớp đệ Lục và đệ Ngũ. Chúng tôi bỏ hết công việc khác, viết trong 6 tháng xong. Tôi bỏ vốn ra in. Năm 1955, in xong trước kì tựu trường tháng chín. Bộ đó khá chạy, sau tôi nhường cho nhà Khai Trí tái bản.

Một chuyện đáng ghi là vì bộ đó mà năm 1956 bị một độc giả ở Cần Thơ mạt sát là “đầu óc đầy rác rưởi” chỉ vì chúng tôi nhắc qua đến thuyết của Darwin về nguồn gốc loài người. **Chẳng cần nói ai cũng biết độc giả đó là một tín đồ Công giáo.**

Sau, một Linh mục ở Trung yêu cầu Bộ Giáo dục cấm bán và tịch thu hết bộ đó vì trong cuốn II viết về thời Trung cổ tôi có nói

đến sự bê bối của một vài Giáo hoàng. Bộ phái một viên bí thư có bằng cấp cử nhân tiếp xúc với tôi. Ông này nhã nhặn khen tôi viết sử có nhiệt tâm cho nên đọc hấp dẫn như đọc bộ sử Pháp của Michelet, rồi nhận rằng sách của tôi được Bộ Thông tin cho phép in lại nộp bản rồi thì không có lí gì tịch thu cấm bán được, chỉ có thể ra thông cáo cho các trường đừng dùng thôi; cho nên ông ta chỉ yêu cầu tôi bôi đen vài hàng trên hai bản để ông ta đem về nộp Bộ, và Bộ sẽ trả lời Linh mục nào đó, còn bán thì tôi cứ bán, không ngại gì cả. Tôi chiều lòng ông ta. Ông ta lại hỏi lớp mẫu giáo của tôi đã được phép của Bộ chưa. Tôi đáp: Đơn nộp cả năm rồi, giấy tờ đủ cả, tôi đã nhắc Sở giáo dục thành phố mà người ta cứ làm thình, không cho phép mà cũng không cấm. Ông ta chỉ gật đầu.

Hồi đó, bộ *Lịch sử Thế giới* của tôi chỉ còn một số ít. Tôi hỏi các nhà phát hành, được biết có lệnh cấm ngoài Trung dùng nó, trong Nam thì không. Chỉ ít tháng sau bộ đó bán hết, tôi không tái bản. [NỖD mới cầm quyền mấy năm mà] **Công giáo thời đó lên chân như vậy**. Nghe nói một ông tỉnh trưởng miền Tây **không dám cho Hội Phật giáo cất chùa** trong thị xã và bảo: “*Công giáo cất nhà thờ, bây giờ Phật giáo cũng xin cất chùa, bộ các người muốn kinh với Công giáo hả?*”

Một hôm, bà láng giềng của tôi cho hay: “*Ít lâu nay tôi thấy ngày nào cũng có một hai người ngồi ở quán cà phê bên kia đường nhìn về phía nhà thầy và nhà tôi như rình cái gì. Hôm qua một người vào nhà hỏi tôi: ‘Ông Lê ở nhà bên lúc này đi đâu mà không thấy?’ Tôi đáp: ‘Ông ấy đau nằm ở trong phòng chứ đi đâu. Thầy cứ vô mà hỏi’. Rồi họ bỏ đi*”.

Vậy là mật vụ rình tôi mà tôi không biết. Vì tôi là công chức thời Pháp mà tản cư lâu quá, về lại không hợp tác với chính phủ Diệm, hay vì bộ *Lịch sử Thế giới* mà họ theo dõi như vậy? Có lẽ vì cả hai.

Hơn một chục năm sau, một giáo sư ở Huế vô thăm tôi, hỏi: “*Tại sao hồi đó ông không làm đơn trình bày rằng ông đã dùng sách nào để viết về các Giáo hoàng thời Trung cổ rồi xin cho bộ sử của ông được dùng trong các trường?*”. Tôi đáp: “*Không khi nào tôi làm việc xin xỏ đó*”. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, giáo sư đó lại thăm tôi nữa, và bảo: “*Tôi phục tư cách của ông từ thời đó*” ...

Đời Viết Văn Của Tôi - Hồi Ký (trang 99 đến 101), Văn Nghệ, 1986

GIA ĐÌNH SỬ GIA TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG VÀ CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM

Posted: Tháng Tám 26, 2009 by *Virtual Archivist* in
Biên khảo, Tài liệu

Nhân thấy trên **diễn đàn Talawas** vừa có **đăng một bài viết về Tạ Chí Đại Trường**, nên xin ghi thêm tại đây vài chi tiết về thân thế của vị sử gia này.

Ông là con trai của cụ **Tạ Chương Phùng**, một vị Cử Nhân Hán học và cựu Tỉnh Trưởng tỉnh Bình Định. Năm 1960, **ông Phùng là một trong 18 người thuộc nhóm Caravelle đã ký tên vào Bản Tuyên Cáo** yêu cầu Tổng Thống Ngô Đình Diệm “*khẩn cấp thay đổi chính sách, ban hành các quyền tự do dân chủ để cứu vãn tình thế và đưa đất nước ra khỏi cơn nguy biến.*”

Tạ Chí Đại Trường còn có một người anh họ tên là **Tạ Chí Diệp**, **bị thủ tiêu thời giòng họ Ngô Đình thế thiên hành đạo tại Miền Nam**. Ông Diệp vốn là một người hoạt động chính trị ủng hộ giải pháp Ngô Đình Diệm, nhưng khi Ngô Triều đã vững nền thịnh trị, thì ông này lại bị mất tích. Gia đình ông, theo **một bài phóng sự được đăng trên Người Việt Online**, chỉ “*tìm được chiếc xe gắn máy cũ kỹ của ông nằm chơ vơ cạnh một khu sinh lầy ở phía Nam Sài Gòn. Đó là di tích cuối cùng của Tạ Chí Diệp theo lời của cựu Đại sứ Bùi Diễm.*”



Tạ Chí Diệp bị chế độ Diệm thủ tiêu

Việc Tạ Chí Đại Trường có thân nhân hoạt động chống chế độ Ngô Đình Diệm không có nghĩa ông ta là người viết sử không đáng tin khi ông bàn về chế độ này. Trong cuốn ***Sử Việt, Đọc Vài Quyển***, được xuất bản tại Hoa Kỳ năm 2004, Tạ Chí Đại Trường có nhận định rằng khối người làm nòng cốt cho chế độ Ngô Đình Diệm là một khối “**kiêu dân**”. Nguyên văn: “*...với Công giáo di cư ít nhiều gì cũng là kiêu dân...*”

Chúng ta có quyền xem đây là một nhân

định khả tín, vì nó đã được xác nhận bởi:

(A) hai bài nghiên cứu do Giáo Sư Nguyễn Thế Anh chấp bút:

1. **“L’Engagement Politique du Bouddhisme au Sud-Vietnam dans les Années 1960”**, trong: **Alain Forest et al (dir.), Bouddhismes et Sociétés Asiatiques: Clergés, Sociétés et Pouvoirs, L’Harmattan, Paris, 1990, tr. 111-124,**

2. **“Le Sangha bouddhiste et la société vietnamienne d’aujourd’hui”**, được đăng trên trang nhà VIET NAM Infos,

và

(B) hai tài liệu nguyên bản được hình thành trước ngày 8 tháng 5 năm 1963:

1. **Informations Catholiques Internationales, “L’Église au Sud-Vietnam”, 15 Mars 1963, tr. 17-26;**

2. **“The Buddhist Movement in Vietnam and its Difficulties with the Present Government” [April 1961], một tài liệu đang được lưu trữ tại Văn Khố Chiến Tranh Việt Nam ở bên Texas.**

Cách đây trên 2000 năm về trước, Khoái Thông nói với Hàn Tín một câu chỉ có 4 chữ mà bây giờ người ta còn nhắc đến, vì ông ta nói đúng, nói hay. Trong một thiên khảo luận dày trên 500 trang, Tạ Chí Đại Trường chỉ dùng có vòn vẹn 12 chữ để nhắc đến vai trò của khối người đứng sau chế độ Ngô Đình Diệm, nhưng vì nhận định của ông rất chính xác nên chúng ta phải suy ngẫm ý nghĩa của chúng để mong tìm hiểu được nguyên nhân đưa đến sự sụp đổ của chế độ này.

[Source: <http://virtualarchivist.wordpress.com/page/2/>]

SỰ THIÊN VỊ THIÊN CHÚA GIÁO VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ

Vũ Văn Mẫu

Văn kiện pháp lý cơ bản trong một quốc gia là Hiến pháp. Hiến pháp qui định các quyền và nghĩa vụ của công dân, cũng như tổ chức bộ máy chính quyền trong nước, hiến pháp phải được tôn trọng triệt để. Luật pháp nào vi phạm vào hiến pháp sẽ bị coi là vi hiến và không có giá trị trên phương diện pháp lý.

Lần lượt trong đoạn này, sẽ xét hai vấn đề:

- Hiến pháp 1956 của nền Đệ nhất Cộng hòa có thiên vị Thiên Chúa giáo không?

- Luật pháp thông thường của nền Đệ nhất Cộng hòa có ưu đãi Thiên Chúa giáo không?

A – Hiến Pháp 1956 và sự thiên vị Thiên Chúa giáo

Hiến pháp 1956 do Quốc hội biểu quyết ngày 20/10/1956 được Tổng thống Ngô Đình Diệm ban hành ngày 26/10/1956, thành lập nền Đệ nhất Cộng hòa. Hiến pháp 26/10/1956 gồm 98 điều, chia làm 8 thiên. Thiên thứ hai qui định về “*Quyền lợi và nhiệm vụ của người dân*” theo tinh thần bản tuyên ngôn nhân quyền quốc tế của tổ chức Liên Hiệp Quốc.

Điều 17 của Hiến pháp Việt Nam 1956 đã được giáo sư Bửu Hội chiếu dẫn trước tổ chức Liên Hiệp Quốc để chứng minh rằng tại Việt Nam ... không có sự kỳ thị tôn giáo. Điều 17 này qui định như sau: “*Mọi người dân đều có tự do tín ngưỡng, tự do hành giáo và tự do truyền giáo, miễn là xử dụng quyền ấy không trái với luân lý và thuần phong mỹ tục.*” Hiến pháp 26/10/1956 như vậy đã minh thị công nhận nguyên tắc **tự do** tín ngưỡng và **bình đẳng** giữa các tôn giáo.

Tuy nhiên trong phần “*Mở đầu*” của Hiến pháp, đã có một đoạn phản chiếu của một sự thiên vị Thiên Chúa giáo khá rõ rệt như sau:

“*Ý thức rằng nước ta ở trên con đường giao thông và di dân quốc tế, dân tộc ta sẵn sàng tiếp nhận các trào lưu tư tưởng tiến bộ*”

để hoàn thành sứ mệnh trước Đấng Tạo Hóa và trước nhân loại là xây dựng một nền văn minh nhân bản và phát triển con người toàn diện....”

Trong đoạn văn trích dẫn này, phần mở đầu của Hiến pháp 1956 đã đề cập đến “*sứ mạng trước Đấng Tạo Hóa*” [chứ không phải trước dân tộc], tức là trước Đức Chúa trời trong Thiên Chúa giáo, mà không đề cập tới các tôn giáo khác.

Đoạn văn này đã đơm sắc thái thiên vị Thiên Chúa giáo. Vô tình hay cố ý, đoạn văn này đã tạo cho Thiên Chúa giáo một địa vị ưu đãi đặc biệt tại Việt Nam vì Hiến pháp 1956 nói rõ là nhằm mục đích hoàn thành sứ mạng trước Chúa tức là Đấng Tạo hóa đã tạo dựng ra trời đất và vạn vật **theo như Thánh kinh của Thiên Chúa giáo đã chép.**

Sự thiên vị này cũng không có gì lạ vì chính em Tổng thống Ngô Đình Diệm là Ngô Đình Nhu, giữ chức “*cố vấn chính trị*” bên cạnh tổng thống cũng như là một dân biểu đắc cử tại quận Vạn Ninh, Ninh Hòa (tỉnh Khánh Hòa) với tư cách ứng cử viên của đảng Cần Lao.

Vợ Ngô Đình Nhu là Trần Lệ Xuân cũng trúng cử dân biểu tại đơn vị 1 (các quận Gio Linh, Trung Lương, Cam Lộ và Hương Hóa - tỉnh Quảng Trị). Ngoài ra hầu hết các dân biểu khác đều là bộ hạ của gia đình họ Ngô.

Do đó lời mở đầu của Hiến pháp năm 1956 đã phản ánh một sự thiên vị đối với Thiên Chúa giáo là điều không có gì lạ, nhất là sự thiên vị này chỉ được đề cập đến trên một bình diện lý thuyết, không có những hậu quả như Dự số 10, biệt đãi Thiên Chúa giáo về phương diện thực tế.

B. - Dự số 10 và sự ưu đãi Thiên Chúa giáo

Trong nền luật pháp thông thường của nền Đệ nhất Cộng hòa, Dự số 10 ngày 6 tháng 8 năm 1950 là bản văn pháp luật đã bị dư luận chỉ trích rất nhiều, vì đã **minh thị dành cho Thiên Chúa giáo một địa vị ưu đãi** và đồng hóa các tôn giáo khác, trong đó có Phật giáo, vào các hiệp hội mà sự **thành lập cũng như các sinh hoạt khác phải tuân theo một sự quy định chặt chẽ**. Sự hủy bỏ Dự số 10 này là một trong năm đòi hỏi của Phật giáo sau vụ triệt hạ cờ Phật giáo tại Huế.

Dự số 10 này đã được Bảo Đại ban hành từ ngày 6/8/1950 để quy định thể lệ lập hiệp hội (Association). Tại sao sự quy định này đã được áp cho tất cả các tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng? Tại

sao Ngô Đình Diệm không sửa đổi sự quy định ấy?

Các nét chính của của Dự số 10:

• Điều thứ nhất của Dự số 10 đã định nghĩa thế nào là một hiệp hội và đồng thời hoạch định phạm vi áp dụng của Dự này: *”Hội là hiệp ước của hai hay nhiều người thỏa thuận góp kiến thức hay hành lực một cách liên tiếp để theo đuổi mục đích không phải là phân chia lợi tức, như là mục đích tế tư, tôn giáo, chính trị, từ thiện, khoa học, văn học, mỹ nghệ, tiêu khiển, thanh niên thể thao và đồng hiệp ái hữu. Muốn có hiệu lực thì hội nào cũng phải hợp với nguyên tắc chung của pháp luật và kế ước và nghĩa vụ.”*

• Điều số 4 của Dự số 10 bắt buộc các hiệp hội phải được các Tổng trưởng Bộ Nội vụ ký nghị định cho phép thành lập mới được hoạt động. Nếu hiệp hội chỉ được hoạt động trong phạm vi một phần Việt Nam, thì nghị định cho phép thành lập do Thủ hiến ký chiếu ủy nhiệm của Tổng trưởng Bộ Nội vụ.

• Theo điều thứ 6, người sáng lập hội phải làm đơn xin phép thành lập kê rõ:

- Mục đích của hội
- Tên hiệu của hội
- Hạn điều ước
- Thế lệ vào hội, ra hội và trục xuất khỏi hội
- Nghĩa vụ và quyền lợi các hội viên.
- Tài sản của hội.
- Thế lệ về động sản và bất động sản của hội.
- Họ và tên tuổi của người sáng lập.
- Thế lệ về việc cử và bãi của những người quản trị và những

quyền hạn của người ấy.

- Nguyên cơ giải tán hội.
- Thế lệ thanh toán và quy định tài sản hội.

• Điều thứ 8 quy định rằng hạn trong một tháng kể từ ngày được phép thành lập, nhân viên trong ban trị sự của hội phải đăng trong công báo Việt Nam hay trong Hành pháp Tập san tại các phần Việt Nam, một bản báo cáo nói rõ ngày được phép thành lập hội, nghị định do chức vụ nào ký, danh hiệu mục đích của hội và sớ.

• Điều thứ 10 dự liệu rằng nếu có việc gì thay đổi trong việc trị sự của hội thì hạn trong 1 tháng phải trình cho Tỉnh trưởng, Thị trưởng, Quận trưởng Sài Gòn – Chợ Lớn để trình cho Thủ hiến và Tổng trưởng Bộ Nội vụ biết.

Những tờ khai ấy phải nói rõ:

- Những sự thay đổi trong nhân viên ban trị sự hay Giám đốc.
- Những doanh số và chi nhánh mới thành lập.
- Những sự thay đổi về địa chỉ của hội sở.
- Những việc mua bán bất động sản và định theo một tờ trình phác tả và kê giá mua, giá bán các bất động sản ấy.

Các sự thay đổi trong việc trị sự và điều lệ của hiệp hội phải biên rõ trong một cuốn sổ để tại trụ sở của hội và phải biên rõ ngày khai và ngày duyệt y các sự thay đổi ấy.

• Điều thứ 13 còn đặt ra một điều kiện khó khăn hơn : Các hiệp hội mỗi năm, trong tuần lễ sau khi hội họp đại hội thường niên, phải theo hệ thống cai trị, gởi cho Thủ hiến sở tại để chuyển lên Tổng trưởng Bộ Nội vụ hai bản danh sách các hội viên, và hai bản kê tình hình tài chánh và tự rõ các căn nguyên cùng việc sử dụng tiền tài của hội.

• Điều thứ 14 liên hệ đến các nguồn lợi tức và tài chánh của các hiệp hội: *“Không hội nào có quyền trợ cấp của chính phủ, của các địa phương, quỹ hàng tỉnh và quỹ hàng xã, trừ những hội khoa học, mỹ nghệ, tiêu khiển, từ thiện, thanh niên và thể thao.”*

Các hội đều có quyền thu và sử dụng tiền góp của hội viên và quyền thừa kiện tại tòa án.

Ngoài ra các hội chỉ có quyền chiếm hữu, tạo mãi, quản trị, đứng làm sở hữu chủ những bất động sản thật cần thiết để đạt mục đích của hội. Những người có liên quan và công tố viên có quyền xin tòa án hủy bỏ những việc tạo mãi bất động sản trái với điều này. Bất động sản ấy sẽ đem bán đấu giá và được bao nhiêu tiền sẽ sung vào quỹ hội.

• Theo điều thứ 20, điều lệ của hội định rõ nghĩa vụ cùng quyền lợi của các hội viên. Người nào vào hội thì bắt buộc phải tuân theo điều lệ của hội.

• Các điều 25, 26 và 27 qui định về Đại hội đồng của hội: Đại hội đồng có quyền tuyệt đối trong hội. Đại hội đồng do những người thay mặt hội đứng chiêu tập. Sự chiêu tập cứ như điều lệ hoặc khi có một phần tư trong số hội viên thỉnh cầu mà làm. (Đ.25).

Đại hội đồng sẽ định đoạt về việc nhận hội viên vào hay trục xuất hội viên khỏi hội, cử các người thay mặt hội, kiểm soát việc làm của họ và có thể bãi nhiệm vụ của họ, nếu có duyên cớ chính đáng

Đại hội đồng xét xử mọi việc không thuộc về các cơ quan khác của hội. (Đ.26)

Hội viên nào cũng có quyền bỏ phiếu như nhau trong kỳ Đại

hội đồng.

- Các điều 30, 31, 32 và 33 qui định chặt chẽ các hoạt động của hiệp hội và dự liệu các sự chế tài.

Sau khi hội đã được phép thành lập, ban trị sự phải trình chiếu nhà đương chức sở tại và Tổng trưởng bộ Nội vụ hay Thủ hiến, theo hệ thống cai trị, bản nội qui của hội và nếu sau này có điều gì sửa đổi cùng phải trình chiếu những sự sửa đổi ấy. (Đ.30)

Các hội đã được phép thành lập phải hoạt động theo đúng mục đích của hội đã tự trong điều lệ. Khi nào xét ra một hội đã quả thị trực tiếp hay gián tiếp theo những mục đích khác với mục đích trong điều lệ thì hội sẽ bị giải tán và các hội viên, nhân viên ban trị sự có thể bị truy tố tại tòa án. (Đ. 31)

Những hội không được phép thành lập thì coi như không có và tất cả những hoạt động của hội đều coi như vô hiệu lực và hội sở của hội ấy thuộc quản hạt tòa án tỉnh ấy có quyền giải tán.

Người nào cũng có quyền trình tòa án đề xin giải tán các hội không được phép thành lập. (Đ. 32)

- Điều 33 dự liệu trong những hình phạt đối với những hội viên sáng lập, những hội viên giám đốc và quản trị không được phép thành lập hay đã được phép thành lập nhưng sau lại bị giải tán, mà vẫn cứ hoạt động hay lại tự tiện tự lập trái phép, hay đã hoạt động ra ngoài mục đích định trong điều lệ hội để đạt mục đích trái phép hay trái phong tục.... Trong những phong tục kể trên, hình phạt sẽ là phạt bạc 50 đồng đến 5.000 đồng và phạt giam từ 6 ngày cho đến 6 tháng.

Đối với hội viên thường, hình phạt từ 50 đồng tới 200 đồng và phạt giam từ 6 ngày đến 2 tháng hoặc một trong hai thứ hình phạt này.

Những người dung túng cho họp các hội không được phép thành lập hay bị giải tán cũng có thể bị phạt như trên. Tòa án khi truy tố sẽ giải tán hội.

- Điều 43 dự định rằng các nghiệp đoàn phải tuân theo sự quy định của Dự số 10. Các nghiệp đoàn đã thành lập rồi phải tạm ngưng hoạt động và trong thời hạn một tháng sẽ phải hợp thức hóa theo Dự số 10.

- Điều 44 quan trọng nhất vì người ta đã căn cứ vào điều này để áp dụng Dự số 10 cho Phật giáo. Điều 44 quy định: “**Chế độ đặc biệt cho các Hội Truyền giáo Thiên Chúa giáo và Gia Tô và các Hoa kiều lý sự Hội sẽ ấn định sau.**”

Vì điều 44 chỉ đề cập tới chế độ riêng biệt cho các Hội Truyền

giáo Thiên Chúa giáo và các Lý sự Hội Hoa kiều nên **Chính phủ Ngô đình Diệm đã cho rằng Phật giáo – vì không nằm trong các trừ lệ kể trên - cũng bị Dự số 10 chi phối.**

Nói khác, mặc dầu Dự số 10 do Bảo Đại ban hành từ tháng 8/1950, gần 4 năm trước khi Ngô Đình Diệm về chấp chánh, nhưng chính phủ Ngô Đình Diệm vẫn đem Dự ấy ra áp dụng cho các Hội Phật giáo, không thay đổi, coi Giáo hội cũng như các Hiệp hội thể thao hay từ thiện. Trong khi đó **các hội Truyền giáo Gia Tô được biệt đãi** vì điều 44 của Dự số 10 đã dự liệu quy chế các Hội này sẽ được dự liệu sau.

Phạm vi áp dụng Dự số 10

Tại sao lại đem áp dụng Dự số 10 về các Hiệp hội cho Giáo hội Phật giáo?

Dự số 10 đã minh bạch nêu rõ ngay trong nhan đề là “*Dự quy định thể lệ lập hội*”

Mặc dù trong điều thứ nhất, Dự số 10 có định nghĩa minh bạch: “Hội là hiệp ước của hai hay nhiều người thỏa thuận góp kiến thức hay hành lực một cách liên tiếp để theo đuổi mục đích không phải là chia lợi tức, như mục đích thuộc về *tế tư, tôn giáo...ta không thể nào coi các tổ chức Phật giáo như Tổng hội Phật Giáo Việt Nam là một hiệp hội thông thường giống như các hiệp hội khuyến khích văn hóa hay thể thao và bắt buộc tuân theo Dự số 10.*

Ngay đối với các nghiệp đoàn, nhà làm luật 1950 cũng thấy cần phải minh thị ghi rõ trong điều 43 là các nghiệp đoàn cũng do Dự số 10 chi phối. Đối với các hội Truyền giáo Thiên Chúa giáo và các Lý Sự hội Hoa kiều (tức là các Bang Hoa kiều), nhà làm luật 1950 cũng ghi rõ sẽ qui định một chế độ riêng.

Đối với Phật giáo sữ dĩ nhà làm luật 1950 *không* ghi rõ là do Dự số 10 và chi phối, và cũng *không* bắt buộc hợp thức hóa như các nghiệp đoàn, vì sự thật đã quá hiển nhiên: Tự ngàn xưa các tổ chức Phật giáo không bao giờ là một hội. Dân chúng đến chùa đi lễ Phật, để nguyện cầu thoát khỏi bể khổ trần gian và vòng sinh hóa. Không một Phật tử nào có một ý nghĩ vào hội hay lập hội theo ý nghĩ thông thường phạm tục.

Đứng trên phương diện thuần túy pháp lý, phải có yếu tố chính yếu là ý muốn lập hội (*Animus societatis* hay *affectio societatis*) của các đương sự mới có thể nói đến hội. Thiếu yếu tố ấy như trong cộng đồng Phật tử, không thể nào nói đến hội hay hiệp hội.

Chính trong điều thứ nhất Dự số 10 đã định nghĩa minh bạch “*Hội là Hiệp ước hai hay nhiều người thỏa thuận góp kiến thức hay hành lực một cách liên tiếp để theo đuổi một mục đích...*” Ở đây trong các giáo hội hay các tổ chức trong Phật giáo, **thiếu hẳn sự thỏa thuận lập hội** trong tâm trí của các Phật tử, thì làm sao gọi được là hội để áp dụng Dự số 10? Bắt buộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam phải tuân theo Dự số 10 như một hội khuyến khích thể thao hay một hội văn hóa **là một hành động ngu dốt của chính quyền.**

Sở dĩ chúng tôi đã phân rõ nội dung những điều chính yếu của Dự số 10, chính là để chứng minh rằng sự quy định ấy không thể nào áp dụng cho Giáo hội Phật giáo.

Chúng tôi chỉ cần nêu một điểm hiển nhiên: Theo điều 13 “*Các hội mỗi năm, trong tuần lễ sau khi họp đại hội đồng thường xuyên, phải theo hệ thống cai trị, gửi cho Thủ hiến sở tại để chuyển lên Tổng trưởng Bộ Nội Vụ hai bản danh sách các hội viên và hai bản kê khai tình hình tài chánh và tự rõ các căn nguyên cùng việc xử dụng các tiền tài của hội.*”

Ai cũng rõ là các Phật tử gồm hơn 80% dân số. Nếu coi các Phật tử là hội viên của giáo hội và hàng năm phải gửi các danh sách lên Bộ Nội vụ, thật là một điều phiến nhiễu vô lý! Tuy nhiên, **chính phủ Ngô Đình Diệm vẫn công nhiên coi phạm vi áp dụng Dự số 10 bao gồm cả giáo hội Phật giáo.**

Khi phái đoàn điều tra của tổ chức Liên Hiệp quốc được phái sang Việt Nam vào tháng 10 năm 1963, ông Bùi văn Lương, Bộ trưởng bộ Nội vụ, đã phải biện luận một cách gượng gạo như sau về sự áp dụng Dự số 10 cho Phật giáo:

“Chúng tôi luôn luôn có một thái độ vô cùng cởi mở đối với những vấn đề tôn giáo và nhất là đối với Phật giáo. Nhiều điều khoản trong Dự, như sự bắt buộc phải khai báo với bộ Nội vụ danh sách những hội viên của chùa, của một ủy ban hay của một hội Phật giáo thường được làm ngơ, nhất là tại các tỉnh. Cho đến 1960, thái độ dễ dãi ấy trở thành thông dụng, và khi tôi được bổ nhiệm giữ chức Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ, thái độ ấy vẫn còn tiếp tục, và tôi không bắt thi hành một cuộc kiểm tra nào hết. Nhưng năm 1963, tôi tra cứu các sổ bộ và thấy sự hiện diện của một số chùa chiền và Phật giáo đồ, tôi mới nhận ra rằng thật quả chúng tôi không thi hành Dự số 10! Những sổ bộ ghi chép bỏ dỡ dang, chứng tỏ rằng chúng tôi đã áp dụng Dự số 10 một cách tự do và mềm dẽo. Những ngôi chùa và những hội Phật giáo được thành lập mà không khai báo. Điều ấy có

thể chấp nhận ở thôn quê nhưng ngay ở các đô thị và bộ Nội vụ cũng không có giấy tờ khai báo cả. Từ 1954 đến tháng 1/1963, chúng tôi không nhận được một đơn từ khiếu nại hay yêu cầu sửa đổi Dự số 10 nào cả. Tôi cần phải minh xác hai điểm sau đây. Chỉ vào tháng 5 năm nay (1963), trong khi vụ Phật giáo bùng nổ, tôi mới tra cứu số bộ để xem tổng số chùa chiền. Lúc ấy tôi mới nhận thấy rằng các số bộ không được ghi chép một cách đầy đủ, kịp thời và có nhiều chùa và hội không được nhập bộ ngay ở các tỉnh...” (2)

Như vậy chính Bộ trưởng bộ Nội vụ cũng xác nhận rằng trước năm 1963, trong thực tế, Dự số 10 không áp dụng cho các chùa chiền và Phật giáo. Danh sách hội viên không được kê khai đầy đủ và bộ Nội Vụ cũng bỏ ngơ không bắt buộc phải gửi các danh sách đến chính quyền.

Sự thực như đã nêu rõ trên đây, **đem áp dụng Dự số 10 cho Phật giáo là một việc làm trái với mục đích và sự quy định của nhà làm luật 1950.** Hơn nữa nếu quả Dự số 10 có một phạm vi áp dụng dẫn đến sự đối đãi các tôn giáo một cách bất bình đẳng, thì **Dự số 10 vi hiến, trái với điều 17 của Hiến pháp 1956 dự liệu sự tự do tín ngưỡng** mà chúng ta đã phân tách.

Thiếu tướng Trần Tử Oai, đại diện của chính phủ Ngô Đình Diệm, thuyết trình về vấn đề Phật giáo trước phái đoàn Liên Hiệp Quốc, cũng đã đề cập đến Dự số 10 và một quan điểm tương tự như Bộ trưởng Bộ Nội vụ:*“Trong thực tế, chính phủ không áp dụng triết đề Dự số 10.”*:

“Đối với những hội thuần túy Phật giáo, chính phủ cũng rất khoan hồng, bằng chứng là hàng trăm ngôi chùa được dựng lên mà không cho chính quyền biết chúng thuộc hội nào, cũng không trình điều lệ lập hội hay khai báo gì cả.

Những ngôi chùa ấy, mà sự thống nhất chỉ nằm trong danh từ Phật đà và cái y của nhà sư, thường thường không có một giấy liên hệ gì với nhau hết. Hiện nay có nhiều chùa và nhiều giáo phái Phật giáo hoàn toàn khác nhau về phương diện thờ cúng và không thống thuộc gì với Tổng hội Phật giáo Việt Nam cả.

Trong thực tế, từ khi ban hành Dự số 10, chính phủ chỉ áp dụng những điều khoản trong văn kiện ấy đối với những hội tôn giáo mà những hoạt động có những tính cách hoạt động xã hội. như hoạt động của Phật giáo xã hội chẳng hạn. Chính phủ chưa bao giờ dùng dự ấy để nhằm mục đích kỳ thị tôn giáo nào hết.

Cũng nên ghi nhớ rằng từ năm 1950, nghĩa là từ 13 năm nay,

không có một hội tôn giáo nào, Phật giáo hay Thiên Chúa giáo, gọi lên vấn đề liên quan đến căn bản của Dự số 10 nói trên.

Mặc dù thế để đáp lại nguyện vọng của phái đoàn Phật giáo, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa đã chỉ thị cho ông Bộ trưởng Nội vụ tiếp xúc với cơ quan Lập pháp để nghiên cứu những sửa đổi cho Dự số 10, và Quốc hội đã thành lập một ủy ban đặc biệt có nhiệm vụ xem xét toàn diện vấn đề liên quan đến các hội truyền giáo.

Bản thuyết trình của Thiếu tướng Trần Tử Oai được thảo bằng Pháp văn và đã được trao tay cho phái đoàn Liên Hiệp Quốc” (3)

Về vấn đề sửa đổi Dự số 10, Tổng trưởng Bộ Nội vụ đã cho phái đoàn Liên Hiệp Quốc biết :”*Từ 1956 đến 1959, chúng tôi đã trải qua hai Quốc hội Lập pháp, và trước khi vụ Phật giáo bùng nổ, chính phủ không được Quốc hội chuyển một dự án nào về sự sửa đổi Dự số 10. Cái nguồn xuất phát thứ hai của những sửa đổi là chính phủ. Muốn đề cập đến sự sửa đổi một đạo dụ hay không, phải chú ý đến hai điểm. Thứ nhất phải xem xét sự sửa đổi có cần thiết không, thứ hai phải có đơn thỉnh nguyện của dân chúng. Về điểm thứ nhất cho đến khi vụ Phật giáo bùng nổ trong tháng năm 1963, chúng tôi nhận thấy không cần thiết phải sửa đổi dự ấy vì mặc dù có những điều khoản rất nghiêm ngặt và sự dự trù kiểm soát rất chặt chẽ của nó đối với các hiệp hội, chính phủ chưa bao giờ áp dụng một cách nghiêm khắc...*” (4)

Sự thực, việc áp dụng Dự số 10 cho Phật giáo, dù là một sự áp dụng lỏng lẻo, cũng là một sai lầm vì Phật giáo cũng là một tôn giáo, không phải là một hiệp hội. **Sở dĩ Dự số 10 được đem thi hành cho Phật giáo chỉ vì chính phủ muốn kiểm soát Phật giáo.**

Không những trên phương diện hiến pháp và pháp luật, chính phủ Ngô Đình Diệm đã ưu đãi Thiên Chúa giáo, thái độ này còn được phản ánh trong nhiều hành động khác.

Vũ Văn Mẫu

[Trích từ “*Sáu tháng Pháp nạn*”]

ĐẢNG CẦN LAO NHÂN VỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC NGOẠI VỊ

Trần Văn Đôn

Trích trong "*Việt Nam Nhân Chứng*" (trang 141-144)

Hội ký của Trung Tướng Trần Văn Đôn

Quyền Tổng Tham Mưu Trưởng QĐVNCH / 1963

Tổng Tư Lệnh QĐVNCH kiêm Tổng Trưởng Quốc Phòng /
1963-1964

Thượng Nghị Sĩ VNCH / 1967

Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Quốc Phòng Chính quyền
VNCH 1974 - 1975

Ông Ngô Đình Diệm khi ổn định được tình thế thì nắm toàn quyền mà không phân quyền cho Tư Pháp và Quốc Hội. Trong Quốc Hội thì **ông bà Ngô Đình Nhu và một số người thân tín mà họ đưa vào bằng đường lối bầu cử gian lận nắm then chốt lèo lái**. Tư Pháp thì **bổ nhiệm những người dễ sai biểu**. Hành Pháp, Tư Pháp, Lập Pháp ở trong tay, vì vậy càng ngày Ngô Đình Diệm càng ngày trở thành độc tài đảng trị.

Ngày 17 tháng 4 năm 1955, trước Quốc Hội Lập Hiến, Ngô Đình Diệm trình bày chính sách Nhân Vị mà Ngô Đình Nhu học được từ triết lý Nhân vị của E.Mounier .

Ông Ngô Đình Nhu muốn cho đảng Cần Lao Nhân Vị là **đảng duy nhất của quốc gia**, ông lý luận rằng chính quyền phải dựa trên một đảng chính trị mạnh, và đảng này phải có một triết lý phù hợp tinh thần tôn trọng giá trị con người, mỗi con người được coi như một huyền nhiệm tối thượng không thể thay thế được gọi là nhân vị. Để đối đầu với lý thuyết Cộng Sản vốn không coi mỗi con người có giá trị do đó không có nhân vị, lý thuyết Nhân Vị trên nguyên tắc là lý thuyết tốt, tiếc rằng khi khai triển để trở thành căn bản cho sự hoạt động của một đảng phái có những vấn đề thực tế của nó mà ông Ngô Đình Nhu và các cộng tác viên của ông không vượt qua được .

Đảng Cần Lao Nhân Vị đang từ là một lý thuyết chống Cộng đã biến thành **một phương tiện để được vào hàng ngũ những người nắm chính quyền**. Để trực tiếp nắm vững đảng, anh em Ngô Đình Diệm dùng những cán bộ là các nhân viên cao cấp và người thân tín. Những cán bộ này được hưởng nhiều quyền lợi. Thời đó có một nguyên tắc truyền miệng mà những người muốn có quyền hành đều cố gắng đạt cho được, đó là nguyên tắc phải có ba chữ C đứng đầu, nghĩa là phải :

- Cần Lao,
- Công Giáo,
- Centre VietNam (tức là người miền Trung).

Cần Lao Nhân Vị **kiểm soát luôn Quân Đội qua Đại Tá Lê Quang Tung, chỉ huy trưởng Lực Lượng Đặc Biệt dưới quyền trực tiếp của Ngô Đình Nhu**. Cán bộ Cần Lao kiểm soát tất cả các tổ chức kinh tế của chính phủ. Cần Lao có một Lữ đoàn quan sát viên và liên lạc viên : Nửa dân sự, nửa quân sự gồm 35.000 đảng viên trực thuộc thẳng Ngô Đình Nhu. Cảnh sát bí mật, thường được gọi là Mật vụ hoạt động song song với các cơ quan tương đương chính quyền, nhưng cán bộ Cần Lao không báo cáo theo hệ thống chính quyền mà báo cáo thẳng với trung ương nên không ai biết người có trách nhiệm.

Rất nhiều nơi các Tỉnh trưởng, Quận trưởng, Ty trưởng sợ cán bộ Cần Lao, **dân chúng lại càng sợ Cần Lao hơn nữa, vì vậy mà họ lộng hành tác oai tác quái**.

Cán bộ của Đảng Cần Lao Nhân Vị được tổ chức theo từng tổ, một tổ từ 5 đến 25 đảng viên, sinh hoạt ngay tại cơ quan làm việc của mình. Đảng viên trong tổ gặp nhau hằng ngày.

Tổ chức Đảng Cần Lao Nhân Vị hầu như có mặt trong khắp các cơ quan song song với tổ chức hành chính từ thị xã đến trung ương với đảng viên hầu hết là các ông công chức từ cao cấp trên trung ương xuống đến các cấp thấp ở các thị xã.

Về mặt nhân dân, ông Ngô Đình Cần tổ chức Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia.

Cũng theo hệ thống Trung ương xuống đến ấp, phường. Lãnh đạo phong trào là ông Ngô Đình Cần và các viên chức cao cấp " 3C " ở trung ương. Tại các địa phương thì các công chức địa phương, đa số ban chấp hành là công chức " 3C "; ngoài ra kết nạp thêm vài người uy tín địa phương vào ban chấp hành cho có vẻ đoàn thể của dân. Nhiệm vụ của Phong Trào là tuyên truyền và cho cán bộ đoàn viên học tập chính trị. Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia tổ chức sâu rộng

đến xã, phường, kết nạp hầu hết những người tương đối có chút kiến thức. Họ mời đến họp và đưa đơn cho gia nhập. Không ai dám từ chối vì sợ nghi ngờ thiên cộng sản, hay chống đối chính quyền.

Chẳng bao lâu tổng số đoàn viên Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia lên quá cao. Thấy số đoàn viên quá đông đảo, trung ương nảy sinh ý sắp xếp hàng ngũ nhân dân, lựa tùy số tuổi phân hạng : thanh niên, thanh nữ, thiếu niên, thiếu nữ, phụ lão... Bốn đoàn thể trẻ gồm Thanh niên, Thanh nữ, Thiếu niên và Thiếu nữ mặc đồng phục mỗi khi làm lễ hoặc diễn hành, và tùy theo hệ thống hành chính mà đặt danh xưng. Thí dụ ở quận thì gọi Quận đoàn. Thành phố hay thị xã thì gọi là Thành đoàn. Các đoàn thể thanh niên này chỉ sinh hoạt một thời gian ngắn rồi biến sang Thanh niên, Thanh nữ Cộng Hòa với đồng phục duy nhất : Bộ âu phục màu xanh nước biển.

Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia khởi xướng năm 1955 có 10.000 đoàn viên. Năm 1956 đã lên đến 1.000 000 đoàn viên, và năm 1963 lên đến 2.000 000 đoàn viên. Ngoài ra còn chưa kể đến hàng triệu đoàn viên Thanh niên, Thanh nữ Cộng Hòa, mấy trăm ngàn đoàn viên Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới bao gồm Thanh nữ bán quân sự do bà Ngô Đình Nhu lãnh đạo.

Sau Thanh niên Thanh nữ Cộng Hòa năm 1961, bà Nhu cho ra đời Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới.

Chủ tịch ở trung ương là bà Nhu, còn các ủy viên trung ương hầu hết là vợ của các Bộ trưởng, Tướng lãnh, Hiệu trưởng các trường nữ trung học ...Chủ tịch Phong Trào Liên Đới ở tỉnh phải là vợ của Tỉnh trưởng, nếu ông Tỉnh trưởng để vợ ở hẳn Sài Gòn thì vợ của Phó Tỉnh trưởng thay, cũng như vợ các Trưởng ty, các sĩ quan cấp tá, các chánh án. v.v... đều nằm vào ủy viên tỉnh, đôi khi mới có một vài phụ nữ, thanh nữ uy tín ở địa phương "được mời" vào thành phần ban chấp hành.

Trong Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới có các ủy viên phụ trách các ngành như:

- Ủy viên Tư pháp
- Ủy viên Gia đình binh sĩ
- Ủy viên Y tế
- Ủy viên Học chánh
- Ủy viên Xã hội
- Ủy viên Thanh nữ bán quân sự, v.v...

Các ban kia sinh hoạt có lệ, mỗi tháng làm một vài công việc thăm viếng giúp đỡ đại khái để có việc báo cáo công tác.

Riêng Thanh nữ bán quân sự là một tiểu ban mà bà Ngô Đình Nhu chú trọng nhất và nhân số đông nhất của Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới. Chính bà Nhu nhờ tôi soạn thảo kế hoạch tổ chức và huấn luyện về Thanh nữ bán quân sự võ trang này.

Thanh nữ Bán quân sự đa số do Thanh nữ Cộng hòa chuyển sang. Một số chính cán bộ từ các tỉnh cho vào Sài Gòn thụ huấn quân sự, về huấn luyện lại tại địa phương. Các nữ cán bộ này có lãnh lương của quốc gia. Thật ra tiếng Thanh nữ bán quân sự đông đảo rầm rộ, hình ảnh trên báo chí, nhất là tạp chí "Thế giới Tự do", **ai cũng tưởng là đông đảo quy mô lắm, nhưng kỳ thật mỗi tỉnh chỉ 5,7 nữ cán bộ về tập cơ bản thao diễn cho Thanh nữ, nữ công chức và nữ sinh các trường trung học để thao diễn trong cuộc lễ.** Mỗi khóa huấn luyện quân sự cho Thanh nữ (kỳ thật đa số là nữ công chức và nữ sinh), mỗi đoàn viên lên xạ trường tập bắn vài phát phát. Hình ảnh được chụp đăng lên báo chí thật là xôm, nhưng **thực chất chỉ là những hình ảnh** để trình diễn, tuyên truyền.

Vì vậy nên ngày đảo chánh 1.11.1963, các Thanh niên, Thanh nữ Cộng hòa, **đoàn viên Phong trào Cách mạng Quốc gia này chờ cách mạng thành công mà ra đường vui mừng công kênh chiến sĩ cách mạng** đã lật đổ Thủ lãnh của họ.

Trung tướng **Trần Văn Đôn**

ĐẢNG CẦN LAO

Tổng hợp của *Lê Xuân Nhuận*

I. CẦN LAO LÀ GÌ?

Từ-ngữ “Cần Lao” là do tay sai thực-dân Pháp bộ-hạ của Quốc-Xã Đức đặt ra.

Nguyên Thống-Chế Philippe Pétain của Pháp (một anh-hùng trận-mạc từ thời Đệ Nhất Thế-Chiến), sau khi quân Pháp bị quân Quốc-Xã Đức đánh bại tại mặt trận vào tháng 6 năm 1940, đã được quốc-hội Pháp bầu làm Quốc-Trưởng, đối-phó với tình-hình Quốc-Xã Đức đang tiến chiếm thủ-đô Paris. Nhưng ông lại đầu hàng Đức, tự biến chính-quyền của mình thành bù-nhìn cho Quốc-Xã Đức của Adolf Hitler (Phe Pétain tự-hào là nhờ có ông đứng ra hợp-tác với Đức, thủ-đô Paris của Pháp mới khỏi bị phi pháo tan-tành).

Chế độ Pétain sửa đổi khẩu hiệu của Cộng hòa Pháp quốc (République Française) nguyên là “Tự Do – Bình Đẳng – Bác Ái” (Liberté – Égalité – Fraternité) thành ra “*Cần Lao – Gia Đình – Tổ Quốc*” (Travail – Famille – Patrie).

Tiếng Pháp “*Travail*” (tiếng Anh là Labor) được bồi bút dịch ra tiếng Việt là “*Cần Lao*” (thay vì “Lao Động”). Cần Lao là khẩu-hiệu số 1 trong chương-trình “Cách-Mạng Quốc-Gia” (Révolution Nationale) của Pétain.

Do đó, “Cần Lao” là một từ-ngữ Việt do thực-dân Pháp nô-lệ của Quốc-Xã Đức đặt ra.

Tại Việt-Nam, bọn đồ-đệ văn-hóa của thực-dân Pháp nô-lệ Đức đã có sáng-kiến bắt-buộc mọi người đi xem xi-nê đều phải đứng nghiêm chào cờ, chiêm-ngưỡng ảnh của Thống-Chế Pétain, trong lúc nhạc trỗi bài “suy tôn” ông ta, trước khi phim được chiếu lên. Thanh-niên, sinh-viên, và học-sinh đều phải học thuộc lòng mấy bài thơ phổ nhạc ca-tụng Pétain, tí như:

Debout, belle jeunesse! Voici l'heure d'agir

Et voici la promesse de toujours obéir!

(Thanh-niên, hãy đứng lên! Đây là giờ hành-động!

Và đây là lời hứa: hãy luôn luôn vâng lời !)

Sinh-viên học-sinh mỗi khi hội-họp, diễn-hành, phải hát các bài hát ấy. Công-chức, dân-chúng nói chung, phải học-tập các “huấn-từ (lời nói)” của Pétain, cũng như phải thuộc lòng bài thơ Đường-luật tiếng Việt ca-tụng Pétain như sau:

*Con thuyền nguy-biến lúc phong-ba
Đứng mũi chịu sào rước Cụ ra
Thời-thế dờ-dang trăm nỗi khó
Giang-sơn trồng-cây một ông già
Tám tuần đầu bạc pha sương tuyết
Một tấm lòng son nặng quốc-gia
“Lời nói Ma San” ghi chép đó
Đọc thì phải hiểu, hỡi dân ta!*

“Lời nói Ma San” (“Les Paroles du Maréchal”) là những lời huấn-thị và hiểu-dụ của Thống-Chế Pétain (mà thực-dân vong-quốc Pháp muốn sánh với “Không-Từ việt”), và Sở Thông-Tin Pháp in thành từng tập sách nhỏ phổ-biến khắp nơi, với mục-đích khuyên-dụ mọi người hãy luyện đức “vâng lời” - chỉ vâng lời của Thống-Chế Pháp tay sai của Quốc-Xã Đức mà thôi.

Phe nhóm họ Ngô đã chọn **dùng một từ-ngữ con đẻ của thực-dân** cháu chắt của đế-quốc Quốc-Xã Đức, để gọi giới tinh-hoa của phe nhóm họ Ngô là “*Đảng Cần Lao*” (“Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng”), cũng như rập khuôn chương-trình “Révolution Nationale” của Pháp-gian mà lập ra “*Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia*” dưới thời Đệ-Nhất Cộng-Hòa!

Họ cũng học đòi “*suy tôn*” lãnh-tụ, từ chào cờ, chiêm-ngưỡng ảnh, trỗi nhạc tán-dương “Pháp-gian” Pétain, đến tuyên-truyền học-tập tuân lời Thống-Chế nguy trước kia, biến thành lớp-lang chào cờ, chiêm-ngưỡng ảnh lãnh-tụ, trỗi nhạc ca-tụng, đồng-ca suy-tôn, và học-tập “*đạo-đức cách-mạng*” của Ngô Chí-Sĩ (rồi Ngô Tổng-Thống) sau này. (Riêng về bài hát “*Suy tôn Ngô Tổng Thống*” thì có 2 bài khác nhau, một của Miền Nam, một của Miền Trung; nên khi có các nhân-vật Miền Nam ra Huế “*châu Cẩu*” (Ngô Đình Cẩn), hát chung với các “*đồng-chí*” Miền Trung, thì cả hai phe rần hát thật to, lẫn át lẫn nhau để mong được “*Cẩu*” chú ý, tạo ra cảnh “*trống đánh xuôi, kèn thổi ngược*” lộn-xộn vô cùng).

Như thế tức là “*bài-trừ tàn-tích thực-dân*” mà lại “*noi gương thực-dân*”.

II. GIẤY KHAI SINH CỦA ĐẢNG CẦN LAO

(tài-liệu của Chính Đạo trong “Việt Nam Niên Biểu” Tập B)
Nghị định số 116-KNV/CT ngày 2-9-1954

Nghị-định cho phép thành-lập CẦN-LAO NHÂN-VỊ CÁCH-MẠNG ĐẢNG

SỐ 116-KNV/CT

THỦ-TƯỚNG CHÍNH-PHỦ,
TỔNG-TRƯỞNG BỘ NỘI-VỤ,

Chiếu Dụ số 1 ngày 1 tháng 7 đ.l. 1949 tổ-chức và điều-hành các cơ-quan công-quyền Việt-Nam;

Chiếu Dụ số 2 ngày 1 tháng 7 đ.l. 1949 ấn-định quy-chế các công-số Việt Nam;

Chiếu Dụ số 10 ngày 6 tháng 8 đ.l. 1950 ấn-định quy-chế các hiệp-hội;

Chiếu Sắc-lệnh số 43-CP ngày 6 tháng 7 đ.l. 1954 ấn-định thành-phần Chính-Phủ Việt-Nam;

Chiếu-Đơn của Ban Trị-Sự lâm-thời của hội « CẦN-LAO NHÂN-VỊ CÁCH-MẠNG ĐẢNG »;

NGHỊ-ĐỊNH:

Điều thứ nhất. — Hội « CẦN-LAO NHÂN-VỊ CÁCH-MẠNG ĐẢNG » có trụ-sở tại Saigon và điều-lệ được kiến-thị ngày 25 tháng 8 đ.l. 1954 số 83-BNV/VP/BT, được phép hoạt-động tại Việt-Nam trong phạm-vi luật-lệ của Dụ số 10 ngày 6 tháng 8 đ.l. 1950 ấn-định quy-chế các hiệp-hội.

Điều thứ nhì. — Qui-định Đại-Biểu Chánh-Phủ ở Bắc, Trung và Nam-Việt chiếu nhiệm-vụ, thi-hành nghị-định này.

Salgon, ngày 2 tháng 9 đ.l. năm 1954

T. U. N. Thủ-Tướng Chính-Phủ

Tổng-Trưởng Bộ Nội-Vụ và Bộ Quốc-Phòng :

Bộ-Trưởng Bộ Nội-Vụ,

Ký tên: NGUYỄN-NGỌC-THO

Phụ-Bản :

Đồng-Lý Văn-Phóng

Ký tên: QUÁCH-TÔNG-ĐỨC

Sao y bản chính

Giám-Độc Nha Chánh-Trị Sự-Vụ

Ký tên: NGUYỄN-VĂN-LỄ

Độc-Phủ-Sứ C.E.

(đóng dấu)

III. ĐẢNG CẦN LAO TRƯỚC CÔNG LUẬN

3-1 Theo ký-giả TÚ GÀN

(Lữ Giang, Nguyễn Cần):

“... Các tài liệu đã được giải mã gần đây cho thấy dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa, chính Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã khuyến cáo và hướng dẫn chính phủ Ngô Đình Diệm trút phé Bảo Đại “*một cách hợp pháp*” và **thành lập một chế độ đảng** như Trung Hoa Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan để chống Cộng hữu hiệu. Ông Ngô Đình Nhu đã cho lập một đảng tương tự như thế và lấy tên là Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng. Bản dự thảo Điều Lệ của đảng này đã được dịch ra tiếng Anh và **gởi cho Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ xem trước khi đưa ra áp dụng**. Nhưng vì hoàn cảnh của Việt Nam lúc đó đang ở trong cái thế “trên đe dưới búa” và “năm cha bảy mẹ”, nên ông Nhu không thể tổ chức một đảng mạnh như Trung Hoa Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch, thành ra **đầu voi đuôi chuột!**...”

(Trích từ bài viết “Lại chuyện Anh Hai” của Tú Gàn – Lữ Giang <lugiang2003@yahoo.com>)

“... (Dược sĩ) Nguyễn Cao Thăng được giao cho đứng tên sang lại hãng dược phẩm OPV của Pháp và làm chủ hãng này. Đây là một cơ sở kinh tài quan trọng của Đảng Cần Lao”

(Trích từ email nhan đề “Những Bí Ẩn Đằng Sau” của Lữ Giang <lugiang2003@yahoo.com> phổ-biến trên diễn-dàn liên-mạng ngày Thu, 13 Mar 2008 09:57:04 -0700 PDT)

“... Tướng Lansdale, người cố vấn hình thành các toán chiến đấu dân sự cho miền Nam, rất thắc mắc về chuyện lập cái chế độ độc đảng này. Nhưng ông Reinhardt, Đại Sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam Cộng Hòa (1955 – 1957), đã nhỏ nhẹ nói với Tướng Lansdale: “*một quyết định về chính sách của Hoa Kỳ đã được định rồi* (a U.S. policy decision had been made)”. Về sau, trong bản phúc trình ngày 17.1.1961, Tướng Lansdale có ghi rõ: “Đảng Cần Lao không phải là ý kiến của nhà Ngô; “trước tiên nó được đề xướng bởi Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ” để loại bỏ cộng sản ra khỏi đất nước (the CLP was not their idea; “it was originally promoted by the U.S. State Department” to rid the country of communists).

Đại Sứ Elbridge Durbrow, người thay thế Đại Sứ Reinhardt, cũng đã mô tả rõ: “*Tổ chức Cần Lao đã gần như theo mô thức của một đảng Cộng Sản, với các chi bộ, cán bộ, v.v., và cũng có thể so*

sánh với Quốc Dân Đảng của Trung Hoa.”

Nhưng ông Diệm, ông Nhu và ông Cần **không có khả năng** xây dựng tại miền Nam một đảng giống Trung Hoa Quốc Dân Đảng được. Trái lại, một số tay chân bộ hạ đã lợi dụng tổ chức này để lộng hành và tranh giành nhau quyền lợi... gây xáo trộn trong quân đội... ”

(Trích từ bài viết “*Trả lại sự thật cho lịch sử*” – Báo Saigon Nhỏ ngày 26.10.2007)

3-2 Theo Luật-Sur HOÀNG DUY HÙNG

(nhà hoạt-động chính-trị, cộng-đồng):

“... Đảng Cần Lao vừa mới được thành-lập và nó vẫn còn quá non trẻ so với các đảng quốc-gia khác như Đại Việt và Quốc-Dân Đảng. Các đảng ấy đã có một quá-trình dài hoạt-động cách-mạng rồi, nhiều người trong họ đã hy-sinh cho chính-nghĩa và nền độc-lập của tổ-quốc. Các đảng ấy không có may-mắn cầm nắm quyền-lực trong chính-phủ; do đó, họ không thể phát-triển hoạt-động của họ dễ-dàng như Đảng Cần-Lao; và, đương-nhiên, nếu các lãnh-tụ Đảng Cần-Lao không đối-xử với họ một cách khôn-ngoaan và tế-nhị, thì sự bất-mãn sẽ nổ bùng dễ-dàng. Thí-dụ, vào năm 1959, bác-sĩ Phan Quang Đán và ông Nguyễn Trần đã được dân bầu vào Quốc Hội với tỷ-lệ phiếu đạt được rất lớn. Vì một lý-do nào đó, **Nhu và vợ ông ấy đã cố gắng loại-trừ hai nhân-vật này ra khỏi chính-quyền. Từ đó, không có bao nhiêu đảng-viên của các đảng-phái quốc-gia khác muốn hợp-tác với chính-quyền Diệm.**

Diệm bổ-nhiệm bác-sĩ Trần Kim Tuyền làm Giám-Độc Sở Nghiên-Cứu Chính-Trị và Xã-Hội. Trong thực-tế, sở này là một cơ-quan tình-báo nhắm mục-đích giúp Diệm và Đảng Cần-Lao củng-cố thế-lực trong chính-quyền. Đối với nhiều người, **cơ-quan tình-báo này là một sở “khủng-bố”, vì đã lạm-quyền bắt-bớ và giam-cầm người dân mà không buộc tội gì cả.** Nhiều lãnh-tụ chính-trị đã bị cơ-quan tình-báo này bắt-bớ và bí-mật giam-cầm suốt nhiều năm trời, tí như Hà Thúc Ký, là Thủ-Lãnh của Đại-Việt Cách-Mạng-Đảng, Phạm Thái, là một trong các lãnh-tụ của Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng. Các **lãnh-tụ chính-trị khác thì bị bí-mật thủ-tiêu**, như trong trường-hợp ông Nguyễn Bảo Toàn. Cảnh-trạng đó càng thâm-hại hơn, khi, vào ngày 6 tháng 5 năm 1959, Tổng-Thống Diệm ban-hành một loạt các đạo Luật gọi là Luật 10/59 cho phép **bắt giam bất cứ kẻ nào bị nghi là cộng-sản mà không cần thủ-tục chính-thức buộc tội.** Các đạo luật này đã gây bất-bình cho các nhà hoạt-động nhân-quyền khắp

nơi trên thế-giới. Dựa vào các đạo luật này, một số đảng-viên Đảng Cần-Lao cũng đã trả thù các kẻ thù của mình bằng cách **giả-dị cáo buộc** họ là “*ngghi-can công-sán*”. Hẳn là, trong nhiều trường-hợp, công-sán đã đứng đằng sau giựt dây và kích-động quần-chúng, đặc-biệt là Phật-Tử, đứng lên chống-đối chính-quyền Diệm, do tính cứng-rắn của ông cũng như do các hành-động bất-lương của đám thuộc-hạ của ông.

Đảng Cần Lao là nòng cốt của chính-quyền Diệm. Đảng này mới được thành-lập. Nó chưa có đủ thi-giờ để đào-tạo và thử-nghiệm đảng-viên. Vì đảng là **đảng cầm quyền nên nhiều người xin vào đảng vì quyền-lợi cá-nhân** hơn là vì lý-tưởng. Họ luôn luôn nịnh-hót Diệm để được Diệm tin-cậy và tín-cần, họ bịt mắt không cho Diệm thấy biết tính-chất thật-sự của nhiều sự-kiện để có quyết-định đúng-đắn. Vì kết-quả này, sau khi Tổng-Thống Diệm chết đi, đảng đã chấm dứt hoạt-động... ”

(Trích và phỏng dịch từ “*A Common Quest For Vietnam's Future, a brief of Vietnam War, the First and Second Republic of Vietnam*” [Cùng Tìm Tương Lai cho Việt Nam, tóm lược Chiến Tranh Việt Nam, hai nền Đệ-Nhất và Đệ-Nhị Cộng-Hòa] của Hoàng Duy Hùng)

3-3 Theo Giáo-Sư CAO THẾ DUNG

(nhà văn, nhà hoạt-động chính-trị):

... “Về Quân đội, một sai lầm khác của chế độ Miền Nam là đã đem đảng Cần Lao vào Quân Đội... ”

... Khi một cấp ủy Hạ sĩ quan Đảng ủy trong đơn vị chỉ đạo cấp Tá thì **quân đội tất bị xáo trộn, mất tôn thống quân giai**. Hơn nữa, đảng chỉ là đảng chính quyền nên **đảng trở thành nấc thang công danh** cho một số thành phần cơ hội.

Từ đầu năm 1957, đã có bất mãn trong quân đội, một phần lớn do sự hiện diện của đảng Cần Lao với một Quân Ủy gồm 6 người mà cả 6 người đều không có kinh nghiệm trong quân đội... ”

Tuy nhiên, một số sĩ quan, nhất là cấp Tá muốn tiến thân đã vào đảng tạo nên **tình trạng kéo bè kéo cánh trong quân đội**, kết quả lại thành thứ “gian nhân hiệp đảng” dưới thời Nguyễn Văn Châu làm Giám Đốc Tâm Lý Chiến, cấp Trung Tá làm Quân Ủy Trưởng (sau 1963, Châu theo Cộng Sản hoạt động trong Hội Việt Kiều yêu nước ở Paris)... ”

... Gia nhập đảng Cần Lao dưới chế độ như Việt Nam Cộng Hòa

không có gì đáng trách hay là điều đáng hổ thẹn hoặc là điều không tốt song, cái cung cách và ý đồ của người gia nhập đảng... mới là điều đáng xấu hổ.

Đảng chỉ còn là thứ **đảng “lên lon”**. Thật vậy, nhờ ở trong đảng và biết luôn cúi tâng bốc nên một Thái Quang Hoàng đầu năm 1954 là Đại úy, năm 1956 đã là Thiếu tướng, năm 1958, Trung tướng. Lê Quang Tung xuất thân khóa 4 Thủ Đức, đầu năm 1963 đã lên Đại tá, **8 năm lên 6 cấp**... Trần Ngọc Tám, đầu năm 1954 là Đại úy, đầu năm 1958 đã là Thiếu tướng chỉ **nhờ có chân trong đảng và là con tinh thần của Giám mục Ngô Đình Thục**.

Trong khi Đại tá Linh Quang Viên, cựu đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, giáo quan trường Lục Quân Yên Bái (1945-1946), Đại tá từ đầu năm 1954, Tư lệnh Đệ IV Quân Khu, đeo lon Đại tá cho đến sau đảo chính 1963. Nhiều người bạn cùng khóa với tác giả **đeo lon Trung úy 9 năm**; Đại tá Nguyễn Văn Thành, khóa I Nam Định, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 6 – Sư đoàn 2 từ năm 1959, không vào đảng Cần Lao nên đeo lon Đại úy 9 năm, 7 năm làm Trung đoàn trưởng và kể cả thành phần ưu tú nhiệt tình ủng hộ chế độ như Đại úy Khiếu Hữu Diêu, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 3 Nhảy Dù... trong khi chỉ một thiểu số (rất ít) thăng cấp quá nhanh dù không bao giờ đi đánh trận hoặc lại là sĩ quan thiếu khả năng.

... Tiếng súng đảo chính 11.11.1960 vừa nổ thì **cột trụ của chế độ đã đổ vỡ** như trường hợp Nguyễn Văn Châu, Quân ủy Trường Đảng Cần Lao trong Quân Đội chạy trốn vào nhà dòng Chúa Cứu Thế đường Kỳ Đồng. Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Công An, tướng Nguyễn Văn Là bỏ trốn sớm nhất đến trưa 12.11.60 mới vào Dinh trình diện Tổng Thống... .

... Từ lúc tổ chức đảng Cần Lao trong quân đội, cái lễ binh cách đã mất. Một Nguyễn Văn Châu, cấp Trung tá, **một con người rất tầm thường mà làm đến Quân Ủy Trưởng** Quân Ủy Trung Ương trong Quân Đội thì đây là nghịch thường trong khi quân đội Cộng Sản Bắc Việt, Quân Ủy Trưởng là một Đại tướng, Chủ nhiệm Tổng Cục Chính Trị là một Thượng tướng, cả hai đều là Ủy viên Bộ Chính Trị.” (Trích từ cuốn sách “*Việt Nam Ba Mươi Năm Máu Lửa*” của Cao Thế Dung, xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1991 – trang 528-534)

3-4 Theo Tướng Mỹ Edward G. Lansdale

(Cố-vấn, đỡ đầu cho nhân-vật Ngô Đình Diệm):

... “Càng ngày càng có nhiều người đã đến tìm tôi để xin can

thiệp, vì **thân nhân của họ bị các đảng viên Cần Lao võ trang đầy mình nửa đêm tới gõ cửa và bắt đi**. Thân nhân của những người này là viên chức của chính phủ, không thích vô đảng phái phục vụ cá nhân, đã từ chối không tham gia đảng Cần Lao. Các **nhân viên chánh quyền đều bị ép phải gia nhập đảng Cần Lao**. Đảng Cần Lao được tổ chức mau chóng trong mọi cơ quan dân sự và quân sự... .

... Nếu đảng Cần Lao được ông Nhu tổ chức như một cơ cấu chính trị bí mật khắp trong chính phủ, dùng Công An Mật do ông Nhu kiểm soát để loại trừ đối lập, thì đảng Cần Lao sẽ khiến cho các đảng phái quốc gia khác rút vào phạm vi hoạt động bí mật để khỏi bị tiêu diệt... ”

(Trích từ cuốn sách “*Tôi làm quân sự cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm*”, do LT dịch sang tiếng Việt, ấn hành tại Hoa Kỳ năm 1972 – trang 235-36)

3-5 Theo Ông NGUYỄN VĂN MINH

(Cụ đại úy biệt phái văn phòng Cố Vấn Ngô Đình Cần):

... “Đến đầu năm 1954 Đảng bắt đầu phát triển mạnh, đặc biệt là trong hàng ngũ Quân Đội tại miền Trung. Cố Trung Tá Nguyễn Văn Châu, khi ấy là **Trung Úy thuộc Phòng Quân Nhu** Quân Khu II, người được **Linh Mục Lê Srông Huệ** tiên cử làm liên lạc viên cho ông Ngô Đình Diệm, thời gian ông bị ông Hồ chí Minh quản thúc tại Hà Nội (1946), được ông Ngô Đình Cần, với tư cách Bí Thư của Đảng, giao nhiệm vụ tổ chức đảng trong Quân Đội.

Đảng được tổ chức theo hệ thống, trên hết là Trung Ương Đảng, kế đến là:

Phía Dân Sự: Liên Khu, Khu, Tỉnh, Quận và Chi Bộ.

Phía Quân Sự: Quân Ủy, Khu, Sư, Liên Chi, Chi Bộ và Tổ.

Phía Quân Sự, một cuộc họp Đại Biểu Đảng trong toàn quân được tổ chức tại Nha Trang vào hạ bán niên 1955, do Trung Tá Đỗ Mậu khi ấy là Chỉ Huy Trưởng Phân Khu Duyên Hải phụ trách. Tại Đại Hội này, một Quân Ủy đã được thành lập với tên gọi là Quân Ủy Lê Lợi. Đại Hội cũng bầu ra Ban Chấp Hành đầu tiên của Quân Ủy Lê Lợi với Bí Thư là Tướng Lê Văn Nghiêm, bí danh Minh Sơn. Ông Ngô Đình Nhu, từ Sài Gòn ra dự buổi họp bế mạc với tư cách Tổng Bí Thư, chấp nhận thành phần Ban Chấp Hành Quân Ủy và chứng kiến lễ huyết thệ tuyệt đối trung thành với Lãnh Tụ Ngô Đình Diệm và Đảng của tất cả các đảng viên tham dự cuộc họp. Năm 1957, khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm ra lệnh cấm mọi sinh hoạt chính trị

trong Quân Đội, Quân Ủy Đảng Cần Lao đã được nguy trang dưới bí số B5 (Ban 5).

THỰC TRẠNG: Trong những năm đầu (1954-1960) đảng sinh hoạt đều đặn, nội dung sinh hoạt tương đối có chất lượng về các mặt xây dựng cán bộ, cơ sở đảng và chính quyền. Nhưng từ năm 1961, sinh hoạt của đảng mỗi ngày mỗi lỏng lẻo, rời rạc. Sở dĩ xảy ra tình trạng này là vì:

1. Từ khi được thành lập đến khi nắm được chính quyền là một thời gian quá ngắn. Hầu hết cán bộ, đảng viên chưa học hỏi kinh nghiệm sinh hoạt đảng phái, chưa từng trải những khó khăn, gian nguy trong tranh đấu.

2. Ngay sau khi Lãnh Tụ Ngô Đình Diệm vừa nắm chính quyền, các vị lãnh đạo cũng như cán bộ, đảng viên mọi cấp đã bị công tác đối phó với những khó khăn thời cuộc cuốn hút hết thời gian. Công tác huấn luyện, đào tạo cán bộ không được thực hiện đúng quy định và yêu cầu.

3. Trong thời gian tình hình đất nước nổi lên quá nhiều khó khăn (1954-1956), một phần chi phối bởi nhu cầu đối phó với tình hình, phần khác cũng do một số cán bộ mắc bệnh chủ quan, thiếu thận trọng. Nên việc kết nạp đảng viên thường căn cứ vào cấp bậc, chức vụ hoặc tình cảm mà bỏ qua nguyên tắc điều tra lập trường, thử thách đạo đức trong một thời gian cần thiết, trước khi chính thức kết nạp.

Tình trạng kết nạp đảng viên lệ thuộc vào tình hình và phần nào thiếu thận trọng trên đây đã tạo cơ hội cho một số bọn “thời cơ chủ nghĩa” lọt được vào đảng với mục đích bảo vệ quyền lợi cá nhân hơn là lý tưởng. Sau khi lọt được vào Đảng, để **củng cố uy thế, mưu lợi cá nhân, nhóm này thường khoa trương “nhãn hiệu” Cần Lao** và để tỏ ra là một đảng viên trung thành, họ hay có những hành động thiếu ý thức đối với các đảng phái khác và những người có tư tưởng không đồng nhất với chính quyền. Hành động của nhóm người này cộng với tác phong của chú ngựa chớ sắc phong Thành Hoàng về làng của một vài cán bộ được Tổng Thống Diệm tin nhiệm, đã góp phần không nhỏ vào việc tạo ra nguyên nhân làm cho một số người bất mãn với chế độ. Đồng thời làm cho người bàng quan lầm tưởng rằng Tổng Thống Diệm dùng Đảng Cần Lao khống chế chính quyền. Vì thực ra, tuy được tôn là Lãnh Tụ của Đảng, nhưng **ông Diệm hoàn toàn không biết gì đến Đảng Cần Lao**. Từ ngày đầu trong cuộc đời tranh đấu của ông, ông luôn giữ lập trường phải đứng trên các đảng phái để đoàn kết được toàn lực quốc gia. Ông không dành một đặc

quyền nào cho đảng viên Đảng Cần Lao. Chính vì thế mà số đảng viên vào đảng vì lợi và danh đã trở lại giết ông vì ông không thỏa mãn sự thèm khát danh và lợi của họ.

4. Thêm vào những yếu tố trên đây, lệnh cấm mọi sinh hoạt chính trị trong Quân Đội của Tổng Thống Diệm đã ảnh hưởng quá mạnh trên các tổ chức và sinh hoạt của đảng. Do lệnh này (1957), Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia trong Quân Đội phải giải tán, các cơ sở sinh hoạt Đảng Cần Lao ở mọi cấp trong Quân Đội đều phải ngưng trệ. Vì vào tình trạng này, nhiều cơ sở đảng đã dần dần lơ là hẳn với nhiệm vụ sinh hoạt bồi dưỡng tinh thần cán bộ.

Riêng về tình trạng phân hóa của Đảng Cần Lao tại miền Nam, có dư luận cho rằng ông Ngô Đình Cần gây ra tình trạng này. Vì muốn mở rộng ảnh hưởng vào miền Nam, ông Cần đã lập một Đảng Cần Lao riêng chống lại Đảng Cần Lao của ông Nhu. Sở dĩ có dư luận này là vì vào khoảng năm 1958-1959, ông Cần có chấp thuận cho ông Phan Ngọc Các tổ chức thu nhận đảng viên cho Đảng Cần Lao tại miền Nam. Nhưng không phải để chống lại ông Nhu. Đó là điều tôi biết chắc chắn. Vì khi ông Cần sai tôi đưa ông Phan Ngọc Các đến giới thiệu với các ông Mai Ngọc Duyệt Tỉnh Trưởng Long An, Trương Hữu Diệp Tỉnh Trưởng Mỹ Tho, Lương Duy Ủy Tỉnh Trưởng Vĩnh Bình, là những đảng viên Cần Lao được chuyển từ miền Trung vào, ông đã căn dặn tôi lưu ý các vị này rằng, các cơ sở ông Phan Ngọc Các tổ chức được, đều phải sinh hoạt trong hệ thống Tỉnh Đảng Bộ địa phương. Khi đã được sự chấp thuận của ông Cần và được giới thiệu với một số địa phương rồi, ông Các tự xưng là đại diện cho ông Cần tại miền Nam làm nhiều việc **tai tiếng cho ông Cần và chế độ**. Đó chỉ là hậu quả của phương pháp làm việc NGĂN CÁCH của ông Cần, vì không ai kiểm soát được ông Các để ngăn chặn những hành động bất chính của ông ta.

Trước tình trạng trên đây của Đảng Cần Lao, đầu tháng 7. 1961, ông Ngô Đình Nhu ra Huế ở lại mười ngày. Sau đó, tôi được biết có kế hoạch tổng cải tổ và thành lập một Đảng Cần Lao mới, cấp tiến và chặt chẽ hơn. Tại miền Trung và Cao Nguyên Trung Phần, đã tiến hành ngay cuộc rà soát lại tình trạng nội bộ Đảng, để sẵn sàng thực hiện kế hoạch. Nhưng rồi tình hình biến chuyển quá nhanh, kế hoạch này đã không thực hiện được... ”

(Trích từ cuốn sách “*Dòng họ Ngô Đình, Ước Mơ Chưa Đạt*” của Nguyễn Văn Minh)

Lê Xuân Nhuận

Phụ lục của TTT:

3-6 Theo Thiếu Tướng (Hoành Linh) Đỗ Mậu - Hồi ký “*Việt Nam máu lửa Quê hương tôi*”, Chương 8, ấn bản 1993, Nhà Xuất bản Văn Nghệ, California, Hoa Kỳ.

Tuy hợp tác với ông Ngô Đình Diệm từ năm 1942 với tư cách một chiến hữu, một cán bộ vào hàng kỳ cựu nhất, nhưng quả thật tôi cũng không nắm vững tiến trình thành lập và phát triển của Đảng Cần Lao. Tôi chỉ biết rằng vào đầu mùa Thu năm 1955, nhân kỷ niệm năm thứ nhất ngày chấp chánh của ông Diệm, tôi được Tòa đại biểu Chính phủ Trung Việt mời ra Huế diễn thuyết tại rạp Morin về đề tài “Chí sĩ Ngô Đình Diệm với chính nghĩa quốc gia”, và sau đó tôi được ông Ngô Đình Cẩn mời đến nhà ở Phú Cam để tuyên thệ gia nhập Đảng Cần Lao. Một bàn thờ tổ quốc để làm lễ tuyên thệ được thiết lập tại phòng khách ngôi nhà chính của anh em ông Diệm, ngay trước bàn thờ có **tượng Chúa Giê-su**, có đảng kỳ, chân dung ông Diệm, một cây gươm và chiếc lư hương đồng trang trí cho bàn thờ. Về đảng kỳ, tôi không còn nhớ hình dáng, màu sắc, nhưng tôi còn nhớ mãi ba lời thề gồm có: “*Trung thành với Tổ quốc, trung thành với lãnh tụ Ngô Đình Diệm, và trung thành với Đảng Cần Lao Nhân Vị*”. Ông Ngô Đình Cẩn mặc áo lương đen, bịt khăn đóng đứng cạnh bàn thờ đại diện cho lãnh tụ giờ tay cao chấp nhận lời thề. Trước và sau đó cũng đã có rất đông nhân vật cao cấp trong và ngoài chính quyền tuyên thệ vào đảng tại đây và đều do ông Cẩn đại diện lãnh tụ chấp nhận lời thề. Trong số các sĩ quan vào đảng Cần Lao tại Huế nghe nói có Tướng Lê Văn Nghiêm, Đại tá Tôn Thất Đính, Tôn Thất Xứng, Nguyễn Vinh, Phùng Ngọc Trung v.v...

Độ vài tháng sau thì chính ông Nhu ra Nha Trang chủ tọa buổi họp thành lập “*Quân ủy Cần Lao*” trong quân đội như tôi đã kể trong một chương trước. Tôi lại nghe nói vào cuối năm 1955 thì Trung ương Đảng Cần Lao Nhân Vị được thành lập do ông Nhu giữ chức Tổng Bí thư đảng. Ủy viên Trung ương đảng gồm có các ông Trần Trung Dung, Lý Trung Dung, Hà Đức Minh, Trần Quốc Bửu, Võ Như Nguyễn, Lê Văn Đồng (hai ông Nguyễn và Đồng hiện có mặt tại hải ngoại).

Vào khoảng đầu năm 1956, một Trung Tâm Nhân Vị được thiết lập tại Vĩnh Long, vốn là giáo phận của Giám mục Ngô Đình Thục, do chính ông ta và một số linh mục phụ trách quản lý cũng như giảng huấn. Công chức quân nhân phải lần lượt đi thụ huấn lớp Nhân Vị ở

Vĩnh Long này.

Vào những năm đầu của chế độ Diệm (khoảng 1956, 57) tại miền Nam, đi đâu cũng nghe người ta nói đến thuyết Nhân Vị như ông Chu Bằng Lĩnh đã kể lại:

“Chúng ta hẳn chưa quên đã có một thời kỳ vàng son của thuyết “Nhân Vị”, thời kỳ vừng chãi của chế độ Ngô Đình Diệm. Vào thời kỳ này, nói tới thuyết Nhân Vị là nói tới một cái “mốt chính trị” của thời đại. Bất kỳ ở đâu cũng nói tới hai chữ “Nhân Vị”. Người ta làm như nếu không hiểu biết thuyết Nhân Vị thì không chống Cộng, cứu nước được. Lại nữa ở Vĩnh Long, ông giám mục Ngô Đình Thục mở ra một Trung tâm huấn luyện cán bộ suốt lượt từ cấp Bộ trưởng trở xuống về Nhân Vị. Chỉ có những người đã có mảnh bằng Nhân Vị ở đây ra mới có cảm tưởng là nhân vị của mình từ nay tạm yên ổn với cơ quan mật vụ của chế độ. Rồi những Giám Đốc, Chủ sự nào đó đã đi học “Nhân Vị” Vĩnh Long về đều lên mặt hãnh diện cả, ra điều ta đã là cán bộ gạo cội của chế độ rồi” ^[11].

Đúng như ông Chu Bằng Lĩnh đã viết, thuyết Nhân Vị và Đảng Cần Lao ra đời được dư luận bàn tán mĩa mai, chỉ trích ồn ào một thời gian rồi thuyết chìm dần vào bóng tối quên lãng, không còn ai nhắc nhở đến nữa, còn Đảng Cần Lao Nhân Vị thì **biến thể để trở thành đảng “Cần Lao Công giáo”, gây thống khổ điêu linh cho nhân dân miền Nam, và tạo môi trường thuận lợi cho Cộng sản bành trướng.**

Một trong những lý do chính yếu nhất khiến cho thuyết Nhân Vị bị chỉ trích mạnh mẽ là tại Trung tâm huấn luyện Vĩnh Long cũng như trong các buổi thuyết trình ở các địa phương, người ta chỉ được nghe các linh mục **giảng dạy gần như hoàn toàn về giáo lý Thiên Chúa giáo mà thôi.** Các học viên cảm thấy bị chế độ “lừa” đem về Vĩnh Long để bị thuyết phục theo Công giáo. Đó là những dấu hiệu công khai đầu tiên của chế độ Diệm trong chính sách kỳ thị tôn giáo và trong ý đồ **Công giáo hóa miền Nam Việt Nam** sau này.

Lý do quan trọng khác khiến cho đảng Cần Lao Nhân Vị bị mĩa mai, chỉ trích là vì hầu hết những kẻ gia nhập Đảng đều không phải để theo đuổi và sống chết cho một lý tưởng cách mạng mà chỉ vì muốn **cúi mình theo sức mạnh của chế độ** để được mau thăng quan tiến chức, chỉ vì muốn được hưởng những đặc quyền đặc lợi do chế độ ban bố. Từ đó, dư luận mĩa mai đảng Cần Lao là đảng “Cao Lân” hay đảng Cần Lao Nhân Vị là đảng “Cần câu Ngân vị”. Nhưng điều làm cho nhân dân căm thù uất hận chế độ và đảng Cần Lao hơn cả là chủ

trung chà đạp nhân vị người dân một cách có hệ thống của cấp lãnh đạo chính quyền và của các đảng viên Cần Lao. Phê bình thuyết Nhân Vị của ông Ngô Đình Nhu, giáo sư Buttinger đã viết:

“Cái thuyết giả tạo Nhân Vị đó không bao giờ trở thành được một chủ nghĩa chính trị chân chính, tự do, nhân bản. Chủ thuyết này chỉ có thể được người ta theo đuổi một cách trung thành nếu giới thanh niên trí thức và tất cả các đảng phái chống Cộng được tham dự tự do vào đời sống chính trị của quốc gia” [\[12\]](#).

Tuy nhiên vào những năm đầu của chế độ Diệm, tai họa do đảng Cần Lao Nhân Vị gây ra cho nhân dân miền Nam chưa đến độ khủng khiếp và trắng trợn như từ khi đảng Cần Lao Nhân Vị biến thể thành đảng “Cần Lao Công giáo”. Tôi xin mở đầu ngoặc ở đây để xác định rõ ràng rằng tôi không chủ quan và nhắm mắt tổng quát hóa hiện tượng đó, nghĩa là tôi không nói đến toàn thể người Công giáo tại miền Nam là “Cần Lao Công giáo”; bởi vì đã có rất **hiều người Công giáo tại miền Nam từng xả thân chống đối hoặc đứng ngoài không ủng hộ chế độ Ngô Đình Diệm**, hơn nữa còn có nhiều người Công giáo lại là nạn nhân đau thương của chế độ Ngô Đình Diệm là khác. Thật vậy, trước hết, đa số những người Công giáo Nam phần (Nam Kỳ cũ) (dĩ nhiên ngoại trừ một số rất hiếm hoi các linh mục và giáo dân theo Giám mục Ngô Đình Thục) đã quyết định không ủng hộ ông Diệm. Việc này chính Chu Bằng Lĩnh (trong tác phẩm “*Cần Lao Nhân Vị Đảng*”) và Jean Lacouture (trong tác phẩm “*Le Vietnam entre deux Paix*”, Paris VIe, 1965) đã nói rõ. Thứ hai là **một số hàng giáo phẩm và nhân vật chính trị Công giáo Trung, Nam, Bắc đã chống đối hoặc bất hợp tác với chế độ Ngô Đình Diệm và đảng Cần Lao** mà tôi biết được như các Đức cha Lê Hữu Từ, Đức cha Nguyễn Văn Hiền, các linh mục Quỳnh, Cửa, Vui, Dũng (đó là chưa kể các linh mục trong nhóm Đường Sống), các nhân sĩ, chính khách tên tuổi như các ông Lê Quang Luật, Trần Văn Lý, Nguyễn Tôn Hoàn, Trần Điền, Trần Trọng Sanh, Trương Văn Huế, Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung, Mai Ngọc Liệu... Ngay chính Giám mục Nguyễn Văn Bình, trong suốt thời kỳ cai quản giáo phận Sài Gòn, vẫn ở vị thế độc lập không chạy theo quỳ lụy chế độ. Đó là chưa kể rất nhiều người Công giáo ban đầu theo ông Diệm nhưng rồi phản tỉnh trở thành đối lập với chế độ mà điển hình là ông Phan Xứng và Nguyễn Thái, cựu Tổng Giám đốc Việt Tân xã. Ông Nguyễn Thái là một nhà trí thức trẻ tuổi đã hoạt động đắc lực cho ông Diệm thời ông Diệm còn ở Mỹ. Ông Thái thuộc dòng dõi họ Nguyễn

Hữu Bài có liên hệ thân tình với anh em ông Diệm, thế mà phải bỏ chế độ ông Diệm lưu vong ra nước ngoài để viết sách phổ biến cùng thế giới lên án chế độ. (Hiện ông Nguyễn Thái ở California). Nói tóm lại chỉ có đại đa số người Công giáo miền Bắc và Liên khu Tư di cư và người Công giáo miền Trung là theo chế độ Diệm để trở thành “Cần Lao Công giáo”.

Tại sao lại có tình trạng biến thể từ “Cần Lao Nhân Vị” ra “Cần Lao Công giáo” đó ? Theo dõi tiến trình hình thành của Đảng Cần Lao, ta thấy gồm 3 giai đoạn:

Giai đoạn một bắt đầu vào năm 1953 khi ông Ngô Đình Nhu bí mật khai sinh ra đảng “Cần Lao Nhân Vị” mà đa số cấp lãnh đạo trung ương đều là những người **không Công giáo** như các ông Trần Văn Đỗ, Huỳnh Kim Hữu, Trần Chánh Thành... Có lẽ lúc bấy giờ ông Nhu chỉ có ý định thành lập một tổ chức theo công thức các đảng “Dân chủ Xã hội Thiên Chúa giáo” Âu châu, nhưng với một chủ trương kết nạp những người không Công giáo vào đảng vì ông Nhu biết rằng **lịch sử Giáo hội Việt Nam và chính Công giáo Việt Nam đã từng bị mang tiếng làm tay sai cho Tây**, cũng như biết rằng trong khối Công giáo Việt Nam **không có những nhân vật chính trị cách mạng tên tuổi**. Một yếu tố khá quan trọng khác nữa là lúc bấy giờ, ông Nhu chủ trương lập Đảng để ủng hộ cho một Ngô Đình Diệm sẽ về làm Thủ tướng dưới chế độ quân chủ đại nghị của Quốc trưởng Bảo Đại mà thôi, chứ chưa hề có ý nghĩ truất phế vua Bảo Đại. Nói cách khác ông Nhu chỉ nghĩ đến hình thức một Đảng Dân chủ Thiên Chúa giáo đấu tranh nghị trường để cầm quyền kiểu Tây Đức với lãnh tụ như Adenauer làm Thủ tướng.

Giai đoạn hai kể từ năm 1955, khi ông Diệm đã về chấp chánh và **cũng cố được quyền lực** thì hai ông Nhu, Cần chính thức tổ chức đảng Cần Lao Nhân Vị với chủ trương lấy những tín đồ Công giáo làm chủ lực nòng cốt, nhưng vẫn tiếp tục thu nạp và san sẻ quyền hành không quan trọng với những người khác tôn giáo **để trình bày một bộ mặt chính trị đoàn kết**, dù lúc bấy giờ số mạng của Quốc trưởng Bảo Đại đã được định đoạt và các đảng phái đã bị tiêu diệt. Sở dĩ lấy thành phần Công giáo làm chủ lực là vì sau cuộc di cư năm 1954, hầu hết người Công giáo miền Bắc và miền Trung đã là hậu thuẫn vững chắc cho chế độ Diệm rồi. Và sở dĩ chưa quyết liệt Công giáo hóa toàn bộ đảng là vì chế độ **còn gặp nhiều khó khăn trong công cuộc kiến thiết quốc gia và guồng máy chính quyền còn yếu ớt**, đòi hỏi sự đóng góp của nhiều trí thức, nhiều chuyên viên, nhất là

nhiều sĩ quan cao cấp trong quân đội mà đại đa số là tín đồ của các tôn giáo khác.

Giai đoạn ba bắt đầu vào cuối năm 1957 khi anh em ông Diệm tin tưởng rằng chế độ của họ **đã thực sự vững vàng** rồi, và họ phải có một chủ lực thuần nhất sắt đá, hoàn toàn trung kiên để đi đến việc “Công giáo hóa” miền Nam là mục đích tối hậu của nhà Ngô - do đó mà Đảng Cần Lao Nhân Vị biến thành đảng “Cần Lao Công giáo”, lấy tôn giáo như yếu tố ưu tiên và độc nhất làm cơ sở cho mọi chính sách, **nhất là chính sách nhân sự**, nên đảng viên gồm toàn là những tu sĩ và giáo dân. Cũng từ đó, những đảng viên Cần Lao Nhân Vị **không Công giáo bắt đầu bỏ đảng**, không còn liên hệ gì nữa như các ông Võ Như Nguyễn, Tôn Thất Xứng, Lê Văn Nghiêm... và tôi. Những nhân vật từng cộng tác với chế độ Diệm vào thời khó khăn lúc đầu như bác sĩ Huỳnh Kim Hữu, Trần Văn Đỗ, Nguyễn Tăng Nguyên **cũng xa lánh rồi chống đối nhà Ngô** (bác sĩ Đỗ sau này gia nhập nhóm Caravelle, ra tuyên ngôn chống đối chính sách độc tài của chế độ Diệm).

Phân tích về quá trình ba giai đoạn phong trào của Đảng Cần Lao Công giáo như đã nói ở trên, ta thấy nổi bật lên 2 điểm rất rõ ràng: Thứ nhất là ngay từ đầu, ông Ngô Đình Nhu đã lấy triết lý Duy Linh của **Kitô giáo làm cốt tủy cho chủ đạo và chủ thuyết** của đảng, cũng như lấy hình thái tổ chức của một lực lượng chính trị Thiên Chúa giáo Tây phương làm khuôn mẫu tổ chức, mà bộ phận ngoại vi rõ ràng nhất là Tổng Liên đoàn Lao động Công giáo trong giai đoạn một. Điểm thứ hai thuộc về sách lược, là để tiến đến mục đích tối hậu “Công giáo hóa Việt Nam”, con đường duy nhất là nắm chặt và **sử dụng quyền chính như một vũ khí truyền giáo** ở giai đoạn ba.

Thật ra, thành lập một đảng chính trị với một chủ đạo phát xuất từ một triết lý tôn giáo không có gì là sai lầm và xấu xa, nếu không muốn nói là một điều nên làm vì tôn giáo nào, ở phần tinh túy nhất của nó, cũng tìm cách giải thoát và thăng hoa con người cả. Nhưng nó chỉ trở nên độc hại ghê gớm khi đảng đó cho tôn giáo của mình **ngôi vị độc tôn bằng phương sách đàn áp hủy diệt các tôn giáo khác** (trên mặt nhân văn) và **độc tài khống chế sinh hoạt của quốc gia** (trên mặt chính trị). Vì điều đó chỉ làm hủy hoại sinh lực của dân tộc, tiêu hủy khả năng phát triển của quốc gia và kéo tổ quốc ra khỏi đà tiến hóa của thời đại để trở về thời quân chủ độc tài phong kiến mà thôi. Đó là điều Cộng sản Việt Nam đang làm và sẽ thất bại như anh em Diệm, Nhu, Cần đã từng thất bại.

Đảng Cần Lao Nhân Vị, vì tham vọng độc tôn của nó, đã biến thành đảng “Cần Lao Công giáo” và trao cho một số **chức sắc trong hàng giáo phẩm** những đặc quyền chính trị siêu chính phủ. Điển hình rõ ràng nhất là trường hợp của giám mục Phạm Ngọc Chi và một số các linh mục khác, chỉ nhờ chiếc áo chùng đen, bỗng trở thành những vị lãnh chúa, điều động các đảng viên Cần Lao Công giáo đem áp bức, khổ nhục trải khắp miền Nam Việt Nam, mà đặc biệt là tại miền Trung và Cao Nguyên Trung phần.

Giám mục Phạm Ngọc Chi là ai ? Thời toàn dân kháng Pháp (1946-1954), ông là một giám mục đã đưa cả giáo phận Bùi Chu làm công cụ cho quân đội viễn chinh Pháp (trái hẳn với chủ trương quốc gia của giám mục Lê Hữu Từ ở Phát Diệm). Khi quân Pháp rúi lui bỏ vùng Nam Bắc Việt, Phạm Ngọc Chi đã dẫn 3 linh mục đến Nam Định quỳ xuống trước mặt đại tá Vanuxem để xin họ ở lại đừng bỏ đi. Phạm Ngọc Chi tuy theo Tây nhưng còn theo tiền nữa nên cũng đã bị cả tướng De Lattre De Tassigny (trong *Historia* số 25) và Báo Đại (trong “*Le Dragon d’Annam*”) mô tả là tay làm áp phe chuyên nghiệp. Khi mới di cư vào Nam, Phạm Ngọc Chi mưu đồ thành lập “Tập đoàn Công dân” (một đảng chính trị gồm toàn người Công giáo) nhưng bị anh em ông Diệm, trong chủ trương “độc đảng”, bắt buộc “Tập đoàn Công dân phải giải tán nên từ đó giám mục Phạm Ngọc Chi gia nhập đảng Cần Lao và được Ngô Đình Cẩn cho đứng chung làm đồng chủ tịch. Phạm Ngọc Chi đã từng đi Mỹ tuyên truyền cho đảng “Cần Lao Công giáo” và được giới Thiên Chúa giáo Mỹ giúp đỡ tiền bạc rất nhiều và cũng chính giám mục Phạm Ngọc Chi đã vận động thành lập toà lãnh sự Mỹ tại Huế. Sau khi chế độ Diệm bị lật đổ, ngôi sao Phạm Ngọc Chi bị lu mờ một thời gian nhưng rồi cũng trở lại với địa vị lãnh chúa dưới chế độ Nguyễn Văn Thiệu như William J. Lederer đã mô tả trong “*Our Own Worst Enemy*”.

Vào những năm vàng son của chế độ Diệm, tuy nhân dân đã sống dưới chế độ hà khắc độc tài rồi, nhưng **từ khi đảng “Cần Lao Nhân Vị” biến thành đảng “Cần Lao Công giáo”** thì dân miền Nam mới **thực sự sống trong cảnh địa ngục trần gian** như ông Lê Quân, một giáo sư Đại học Huế, đã viết:

Sự xây dựng một chủ thuyết chính trị để chống Cộng không phải là một điều sai, trái lại nó là điều cần thiết nữa là đảng khác. Tuy nhiên vấn đề là chủ thuyết đó phải được đặt trên căn bản nào. Một chủ thuyết không đặt trên tinh thần dân tộc mà lại không chế tinh thần quốc gia và đời sống chính trị của con người như thế thì chỉ tạo

nên một “giác mộng hãi hùng” chứ đừng nói đến việc chống Cộng ^[13].

Là giác mộng hãi hùng vì Đảng Cần Lao (cũng như tất cả các tổ chức chìm khác của anh em ông Diệm) đều biến thành những tổ chức không chế và kiểm soát nhân dân theo kiểu Cộng sản như Stanley Karnow đã nói. Là giác mộng hãi hùng vì “nơi nào có ảnh hưởng của **Cần Lao thì ở đó tinh thần của quân đội và nhân dân bị suy sụp và khả năng bị tiêu tan**” ^[14]. Là giác mộng hãi hùng vì lời thề sắt đá của đảng viên “Cần Lao Công giáo” khác hẳn với lời thề của đảng viên “Cần Lao Nhân Vị” là : (1) *Tiêu diệt Cộng sản vô thần*, (2) *Tiêu diệt các đảng phái quốc gia “phản loạn”,* và (3) *Tiêu diệt Phật giáo “ma quỷ” để làm sáng danh Chúa và để ủng hộ lãnh tụ Ngô Đình Diệm* ^[15].

Trong 8, 9 năm trời ngự trị trên đất nước quê hương, chế độ Ngô Đình Diệm và Đảng Cần Lao Công giáo đã đưa ra nhiều chính sách hà khắc, nhiều biện pháp thất nhân tâm mà nhiều tài liệu đã đề cập đến rồi. Ở đây tôi xin đề cập một phần chính sách “Công giáo hóa” bộ máy chính quyền song song với sách lược “Công giáo hóa nhân dân”. (Tôi sẽ đề cập thêm chính sách “Công giáo hóa miền Nam” trong Chương XV, “Biến cố Phật giáo 1963”).

Khi mới cầm chính quyền, vì còn gặp nhiều khó khăn chống đối, vì còn bỡ ngỡ trước tình thế phức tạp của đất nước, anh em ông Diệm còn sử dụng nhân sự không Công giáo trong các cơ cấu chính quyền và quân đội, nhưng **dần dần khi chế độ đã vững vàng, họ mới bắt đầu đặt những người Công giáo vào thế chỗ những người của tôn giáo khác**, bắt đầu từ những cơ quan quan trọng trước.

Ví dụ như trong Lực lượng Đặc biệt, họ đặt các sĩ quan Lê Quang Tung, Lê Quang Triệu, Trần Hữu Kính; trong Công An, họ đặt hai phụ tá là Dương Văn Hiếu và Nguyễn Văn Hay (dưới quyền đại tá Nguyễn Văn Y). Chính Dương Văn Hiếu mới là nhân vật cốt cán trong ngành công an vì y phụ trách Công tác Đặc biệt, nghĩa là phụ trách việc tình báo, phản gián, bắt người, giết người, tiêu diệt đối lập. Trong Bộ Quốc phòng thì có cháu rể là ông Trần Trung Dung và Tổng giám đốc nha Hành Ngân kế Bộ Quốc phòng là ông Nguyễn Đình Cần (Bí thư Cần Lao ở Sài Gòn) để phụ trách làm kinh tài cho nhà Ngô; Nha Nhân viên thì họ đặt Trung tá Kỳ Quang Liêm thay Đại tá Đinh Sơn Thung. Trong Quốc hội thì chủ tịch luôn luôn là một nhân vật Công giáo, đa số dân biểu đều là người Công giáo. Đứng đầu tổ chức kinh tài trung ương là dân biểu Nguyễn Cao Thăng, người

Công giáo Phú Cam, đặc trách về ngành thuốc O.P.V. thao túng việc xuất nhập cảng thuốc Tây. Ngành dân vệ thì do Trung tá Trần Thanh Chiêu chỉ huy, một người Công giáo Quảng Nam đã phạm lỗi lầm chiến thuật khiến cho sư đoàn 13 bị Việt Cộng đánh cho thảm bại tại Tây Ninh.

Cho đến đầu năm 1963, tất cả Tỉnh trưởng, Thị trưởng miền Trung và miền Cao Nguyên đều nằm trong tay người Công giáo Bắc và Trung, trừ Thị trưởng Đà Lạt là ông Trần Văn Phước, Tỉnh trưởng Thừa Thiên là ông Nguyễn Văn Đăng và Tỉnh trưởng Phú Yên là thiếu tá Dương Thái Đồng.

Thiếu tá Dương Thái Đồng (hiện ở Mỹ) do chính tôi đề cử với Tổng thống Diệm. Đồng là một sĩ quan ưu tú, có trình độ văn hóa cao, xuất thân từ trường Võ bị và đã từng tu nghiệp tại Mỹ. Đồng có kinh nghiệm chiến đấu đa diện tại chiến trường Bắc Việt trước 1954, và từng chỉ huy các đơn vị Pháo binh chiến đấu ở miền Nam. Khi Đồng đi nhận chức Tỉnh trưởng, ông ta có nhã ý đến chào tôi. Tôi khuyên Đồng phải giữ đúng phong cách “Cần, Kiệm, Liêm, Chính” của một vị Tỉnh trưởng. Tôi cho Đồng biết ở Phú Yên có hai thế lực rất mạnh, một thế lực nổi của chính quyền là nhóm Cần Lao do linh mục Tô Đình Sơn lãnh đạo làm mưa làm gió ở tỉnh này, và một lực lượng bí mật đối lập với chính quyền là lực lượng Đại Việt của cụ Trương Bội Hoàng. Thế mà chỉ mới nhận chức độ vài tháng, chưa phạm lỗi lầm gì, Đồng đã bị nhóm Cần Lao Tô Đình Sơn vận động với Tổng thống Diệm và ông Ngô Đình Cẩn hạ tâng công tác thuyên chuyển đi nơi khác. Thay thế Đồng là Trung tá Nguyễn Hoài. Kinh nghiệm của Hoài là Trưởng phòng Tài chính cho Nha Tổng giám đốc Bảo an, Hoài chưa hề tác chiến và chỉ có bằng tiểu học, nhưng vì Hoài là người Công giáo, có em làm linh mục nên được Cần Lao nâng đỡ.

Về chức Tỉnh trưởng Thừa Thiên và Thị trưởng Thành phố Huế, đã có lần ông Diệm bổ nhiệm ông Nguyễn Đình Cẩn giữ chức vụ quan trọng đó. Thừa Thiên và Huế là Thủ đô văn hóa của miền Trung, có nhiều nhân sĩ, trí thức, khoa bảng lại là nơi mà dân số có hơn 90% theo Phật giáo ông Cẩn lại là người Công giáo, nguyên chỉ là một thư ký tòa Sứ thời Pháp thuộc, cho nên đã phạm một số lỗi lầm bị dân chúng Huế bất hợp tác. Do đó mà chính quyền đành phải thay thế ông Nguyễn Đình Cẩn bằng một Tỉnh trưởng theo đạo Phật là ông Nguyễn Văn Đăng. Và vì Tỉnh trưởng là người theo đạo Phật cho nên nhà Ngô mới đặt một Phó Tỉnh trưởng Nội An là Đặng Sĩ người đã có thành tích chống Phật giáo hung hãn tại Quảng Trị lúc y còn làm

Trung đoàn trưởng ở sư đoàn I dưới quyền Đại tá Tôn Thất Xứng (hiện ở Canada). Biến cố Phật giáo tháng 5 năm 1963 xảy ra, Thiếu tá Nguyễn Mậu, người Công giáo quê tỉnh Khánh Hòa, được Tổng thống cử thay thế Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Đăng để đàn áp Phật giáo. Nói tóm lại, cho đến năm 1963, trừ Thị trưởng Đà Lạt là người theo Phật giáo, tất cả Tỉnh, Thị trưởng tại miền Trung và Cao Nguyên đều là tín đồ Công giáo.

Tại Nam phần, vì sự hiện diện phức tạp của nhiều tôn giáo như Cao Đài, Hòa Hảo, Phật giáo, Phật giáo nguyên thủy... và đời sống tín ngưỡng có mức độ nồng nàn sôi nổi một cách thần bí của những Đạo Dừa, Đạo Khán Trắng, Bà Chúa, Ông Đồng... cho nên chính quyền Ngô Đình Diệm còn dè dặt trong chính sách Công giáo hóa bộ máy cai trị. Tuy nhiên ông Diệm cũng đã bổ nhiệm một số Tỉnh trưởng Công giáo ở những tỉnh, quận như Gia Định, Bình Tuy, Định Tường, Phước Long, Long Khánh, Kiến Hòa, Phước Thành, Vĩnh Long v.v...

Tại Đô thành Sài Gòn-Chợ Lớn, vì đã có ông Diệm và bộ máy Cần Lao Công giáo Trung ương ở đó nên không gấp gáp có một Đô trưởng Công giáo. Tuy nhiên đa số những Quận trưởng cảnh sát đều là người Công giáo và vị Phó Đô trưởng kiêm thủ lĩnh Thanh niên Cộng Hòa Đô thành là Trung tá Nguyễn Văn Phước thì không những là một tín đồ Công giáo ngoan đạo mà còn sinh đẻ tại Thừa Thiên.

Về phía quân đội thì khi ông Diệm mới chấp chánh, chỉ có một mình tướng Trần văn Minh là người Công giáo, ngay cả số sĩ quan cấp tá theo Công giáo cũng như lá mùa thu, cho nên anh em ông Diệm đã phải thăng cấp thật mau và đặt những chức vụ quan trọng vào tay những sĩ quan Công giáo như tướng Huỳnh Văn Cao, các sĩ quan cấp tá như Nguyễn Bảo Trị, Lâm Văn Phát, Trần Thanh Chiêu, Bùi Đình Đạm, Trần Văn Trung, Trần Ngọc Huyền, Nguyễn Văn Châu, Kỳ Quang Liêm, Nguyễn Ngọc Khôi, Lê Quang Trọng, Nguyễn Thế Như, Huỳnh Công Tịnh, Nguyễn Văn Thiệu, Ngô Du v.v... những sĩ quan được đặc cách thăng thưởng mau nhất trong quân đội Việt Nam Cộng hòa, mà mau nhất là tướng Huỳnh Văn Cao và Lê Quang Tung. Tướng Nguyễn Khánh thời làm Tham mưu trưởng đã có lần đề nghị cất chức tư lệnh quân đoàn 4 của tướng Huỳnh Văn Cao vì lý do thiếu khả năng, nhưng không được vì anh em ông Diệm hết sức tín nhiệm và che chở cho ông Huỳnh Văn Cao. Theo tôi biết thì anh em ông Diệm muốn “thôi” Huỳnh Văn Cao lên thật mau để trong tương lai Cao nắm chức Tổng Tham mưu trưởng quân đội thay tướng Lê Văn Ty. Họ đã dám đưa những sĩ quan bất tài, suốt thời gian tại

ngũ chưa từng chỉ huy đơn vị tiểu đoàn để giữ chức vụ sư đoàn trưởng như trường hợp Trần Thanh Chiêu và Bùi Đình Đạm chẳng hạn, thì việc đưa ông Huỳnh Văn Cao giữ chức Tổng Tham mưu trưởng quân lực là việc không thể không xảy ra. Chưa kể những yếu tố khác, chỉ với chính sách Công giáo hóa Quân đội mà thôi đã gây bất mãn cho hàng ngũ sĩ quan, cho nên những binh biến do chính quân nhân tổ chức đã liên tiếp xảy ra từ 1960 đến 1963.

Dựa vào thiếu số 10% Công giáo để thao túng và áp bức đại khối dân tộc tự căn bản đã là một sai lầm trầm trọng, đã là một chính sách thất nhân tâm có khác gì Cộng sản ngày nay dựa vào 1 triệu đảng viên để thống trị hơn 50 triệu dân Việt Nam, có khác gì thời thực dân chỉ có 5, 7 ông Tây mà cai trị toàn dân cả tỉnh. Huống gì cái thiếu số đó lại là **thiếu số nặng đầu óc phe phái, hẹp hòi, giáo điều và mang rất nhiều mặc cảm tội lỗi**, cái tội lỗi lịch sử đã theo Tây phân dân hại nước khiến cho các nhà cách mạng [Lý Đông A / Duy Dân] phải kêu gọi toàn dân rằng:

*Sự đấu tranh thực tiễn của nòi giống trên lịch sử mấy chục năm trời có chứng cứ sắt máu, phải tỏ rõ cho chúng ta, người sau, biết cái gian nan, khốn khổ, nhọc nhằn, si nhục, thảm họa của sự vật lộn sống còn chung trong một lúc tự động tổng động viên của toàn dân phản Pháp xâm lược và **phản Gia Tô**, phản Việt gian trên tất cả cái nhọn nhọp cảm động, uất ức của toàn dân vì binh, toàn địa vì phòng, toàn tài vì dụng* ^[16].

Rõ ràng như thế nhưng ngoan cố không chịu chấp nhận và hối cải, cái thiếu số đó đã trút tất cả những ần ức tâm lý trên sinh mạng đồng bào bằng thái độ bệnh hoạn qua các chính sách áp bức độc tài.

Vì thế suốt chín mươi năm nhà Ngô và Đảng Cần Lao ngự trị tại miền Nam, ngoại trừ một thiếu số thống trị với tất cả đặc quyền đặc lợi, còn thì nhân dân đã phải sống khổ nhục sợ hãi không khác gì nhân dân miền Bắc đã phải sống dưới chế độ Cộng sản của Hồ Chí Minh.

Đầu năm 1971, trước cuộc hồi sinh của những phần tử Cần Lao để lũng đoạn chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, ông Chu Bằng Lĩnh viết tác phẩm “*Đảng Cần Lao*” để lên án chế độ Diệm. Ông Chu Bằng Lĩnh là ký giả kỳ cựu, người Bắc di cư, là một nhà văn, nhà báo, từng theo dõi hoạt động chính trị, nắm vững tình hình Việt Nam ngay từ thời Pháp thuộc. Lúc ông Diệm mới về nước cầm quyền, phần vì được trang bị tinh thần chống Cộng, phần vì tưởng lầm ông Diệm là người chân thành yêu nước nên ông đã cùng với một nhóm nhà văn,

nhà báo tên tuổi như Tam Lang, Hiếu Chân, Như Phong, Vũ Khắc Khoan... thành lập nhóm Tự Do để ủng hộ cho ông Diệm và đã liên hệ khá chặt chẽ với bác sĩ Trần Kim Tuyền. Không ngờ càng ngày chế độ Diệm và Đảng Cần Lao càng đi sâu vào con đường tội lỗi để đến nỗi ngay cả những nhân vật trong nhóm Tự Do kẻ thì xa lánh chế độ, kẻ thì bị bắt giam.

Chúng ta hãy nghe một lời oán trách Cần Lao của nhà văn Chu Bằng Lĩnh:

Một giai đoạn đẫm máu tiếp theo đó! Nhân danh Cần Lao, biết bao vụ trả thù, trả oán đã được thực hiện, bao nhiêu sinh mạng người dân vô tội đã bị chết oan và thảm khốc. Và sau một năm trời triệt để “tiêu diệt phản loạn” (đảng phái quốc gia), các cán bộ lãnh đạo miền Trung lại báo cáo lên ông Cần “bọn phản loạn đã rút vào ẩn nấp hết, xin chỉ thị hành động”, và chỉ thị của Cần được ban xuống từ trên chiếc sập gụ to lớn, trước coi trầu đang nhai lèm bèm: “Tiêu diệt cho hết bọn ma quỷ” (Ngô Đình Cần ám chỉ bọn ma quỷ là những người theo đạo Phật) và giai đoạn đổ máu lại được tiếp diễn, lần này thảm khốc và ác liệt gấp chục lần trước. Lần này những vụ tàn sát tập thể đã xảy ra, nhân danh Cần Lao diệt trừ Cộng Sản nằm vùng.

Mối thâm thù máu lệ giữa một số đảng phái quốc gia và tôn giáo miền Trung với chế độ nhà Ngô khởi sự từ đó. Trong lúc Cần vẫn ngồi chễm chệ trên chiếc sập gụ nhai trầu và ra lệnh cho nhóm tay chân, thì dân miền Trung cũng đã ý thức được rõ rệt thể nào là “Đảng Cần Lao” và “ai” thực sự lãnh đạo tất cả các cuộc tàn sát khủng khiếp nhân danh ông Cựu và nhân danh chống Cộng.

Gieo gió gặt bão, các vụ tàn sát hồi Tết Mậu Thân vừa qua cũng chỉ là sự “trả quả” của cuộc tàn sát nhân danh Cần Lao trước đây. Ngồi tại Dinh Độc Lập, Ngô Đình Diệm có ngờ đâu em mình đã nhân danh Cần Lao mà nhúng tay vào máu khủng khiếp đến thế...^[17].

Cái giấc mộng hải hùng do đảng Cần Lao Công giáo của chế độ Ngô Đình Diệm gây ra không chỉ làm kinh khiếp những người lương dân khi đất nước chưa rơi vào tay Cộng sản Hà Nội, mà 20 năm sau vẫn còn đeo đuổi, ám ảnh mãi những người lưu vong nơi xứ người sau 1975. Biết bao nhiêu người đã viết về thảm họa dân tộc dưới chế độ Diệm, ở đây tôi xin nhắc lại một đoạn trong “bản án” kết tội chế độ Ngô Đình Diệm của chiến sĩ cách mạng miền Trung là ông Lê Nguyên Long, một chứng nhân của thời đại:

... Trong suốt 9 năm ông Diệm cầm quyền, thời gian đó ở nông thôn, cơ quan nào cũng có thể bắt người. Công an bắt người, Xã

trưởng bắt người, Quận trưởng bắt người, An ninh Quân đội bắt người, và cả Phong trào Cách mạng Quốc gia (ra đời từ nhà Ngô) cũng bắt người rồi giao cho công an trừng trị. Nhưng ghê gớm nhất là “Đoàn mật vụ miền Trung” do Ngô Đình Cẩn đỡ đầu. Đó là đoàn hung thần toàn quyền sinh sát. Đoàn có quyền đi khắp nơi, đến đâu địa phương phải tiếp rước chu đáo. Đoàn cần bắt ai thì giao cho công an đi bắt, bất kỳ đêm ngày. Nếu nạn nhân bị tra tấn chết thì quận trưởng và công an phải lập biên bản hợp thức hóa sự chết. Và bị bắt không cần phải có chứng cứ, chỉ cần bị nghi chống chính phủ là bị bắt (tại Long Beach, California, có đồng hương từ ngày vào đất Mỹ đến nay vẫn nằm bẹp ở nhà vì bệnh cũ tái phát, hậu quả sự tra tấn tàn độc của mật vụ Diệm).

Cộng Sản độc quyền ái quốc, ai khác mình là phản động, Việt gian, thì ông Diệm cũng độc quyền chống Cộng, ai khác mình là Cộng sản, phải giết ! Đã biết bao người chống Cộng, đã từng bị Cộng sản giam cầm, đến khi ông Diệm cầm quyền thì hồ sơ của họ lại trở thành là những người hoạt động cho Cộng Sản ! Biết bao đảng viên Quốc dân Đảng, Đại Việt, Duy Dân một sớm một chiều hồ sơ của họ biến thành Cộng Sản, di hại cho tới mãi sau khi ông Diệm đổ. Cộng sản có chủ thuyết Mác-Xít, giai cấp đấu tranh thì ông Diệm cũng răn năn ra cái chủ thuyết Nhân Vị nhưng hoàn toàn vô vị (vô vị vì ngoài tay chân ông Diệm ra, toàn dân có ai để ý hoặc tìm hiểu thuyết Nhân Vị là gì đâu?). Có thể nói rằng, trờ chế độ Cộng sản ra chưa có một chế độ quốc gia nào ở Việt Nam đàn áp, thủ tiêu, áp sát, bắt cóc, tra tấn, cầm tù hàng vạn người quốc gia cũng như tu sĩ các tôn giáo như thời Diệm. Trờ Cộng sản ra chưa có chế độ nào thẳng tay đàn áp đối lập để củng cố địa vị như chế độ Diệm, chưa có một chế độ nào phân dân chủ và khinh thị, lợi dụng nhân dân làm cái bung xung như chế độ Diệm... Tất cả những ai chỉ ở Thủ đô hoặc các thành phố lớn khó lòng thấy rõ chính sách gian ác, hành động bất nhân, phân dân hại nước của chế độ Diệm mà phải quan sát ở các quận, tỉnh, nông thôn (90%) lãnh thổ toàn quốc mới thấy rõ tội ác tay chân nhà Ngô mà một thời đã có người nói “Trúc Nam Sơn không thể chep hết tội, nước muôn sông không thể rửa hết nơ”...^[18].

Khai sinh, nuôi dưỡng và thúc đẩy một lớp người nhắm mắt chạy theo quyền uy vào con đường tội lỗi qua Đảng Cần Lao vẫn chưa phải là cái tội lớn nhất của chế độ Diệm. Cái **tội lớn nhất là đã vì sự độc tôn, độc tài, kiêu ngạo của mình mà làm suy nhược và di hại sinh lực của dân tộc, một sinh lực đã được thử thách và trui luyện từ**

bao nhiêu thế hệ của tiền nhân, một sinh lực tối cần thiết cho giai đoạn trực diện với kẻ thù Cộng sản.

Sinh lực dân tộc bị chấn động nguy hiểm nhất qua hai chính sách quyết liệt của chế độ Ngô Đình Diệm là **gây mâu thuẫn tôn giáo và tiêu diệt các đảng phái quốc gia** mà biểu hiện rõ ràng nhất là "... hậu quả sai lầm của chế độ Diệm là một xâm tương tá lên nắm quyền chính trị và các tôn giáo thì sát phạt nhau..." [19].

Gây mâu thuẫn tôn giáo là phá hoại cái sức mạnh "dung để hóa, hóa để hòa," vốn là sức mạnh truyền thống đã giúp dân tộc vượt thắng mọi cuộc xâm lăng văn hóa và nhân văn của các đế quốc. Tiêu diệt các đảng phái quốc gia là phá hoại quyết tâm đề kháng và tiềm lực đấu tranh của các lực lượng dân tộc yêu nước không Cộng sản. Cho nên, vì nắm lấy độc quyền tôn giáo và độc quyền chính trị, nhà Ngô khi nằm xuống đã để lại một hậu quả lâu dài và sâu sắc, hậu quả đã làm cho miền Nam kiệt quệ ý chí và sức mạnh để đương đầu với Cộng Sản. Sau chế độ độc tài Ngô Đình Diệm là chế độ quân phiệt Nguyễn Văn Thiệu, một chế độ Diệm không Diệm, vì cũng lại do một số "Cần Lao Công giáo" cũ len lỏi tránh né để ẩn náu trong chính quyền và khuynh loát sức mạnh Quốc gia. **Miền Nam thua Cộng sản năm 1975 cũng chỉ là kết quả tất yếu cuối cùng của một chuỗi hệ quả dây chuyền mà đầu mối tác hại là sự thành hình của một tổ chức ma quái tên là "Cần Lao Nhân Vị".**

Nhìn lại lịch sử với nhiều tiếc nuối và ân hận, ta thấy rằng nếu anh em ông Diệm chủ trương hòa đồng mọi tôn giáo và hợp tác các đảng phái, thực hiện một cuộc đại đoàn kết quốc gia như thời nhà Trần thì chắc chắn quân Cộng Sản Bắc Việt đã phải chịu số phận như quân Mông Cổ xưa kia rồi. Cho nên trong sự tiếc nuối và ân hận đó, tôi muốn khơi lại một ít sự kiện lịch sử về số phận các đảng từng có công với quê hương dân tộc mà bị anh em ông Diệm tiêu diệt.

Từ trước khi anh em ông Diệm nắm chính quyền vào năm 1954, chúng ta đã có những đảng cách mạng như *Việt Nam Quốc Dân Đảng* của anh hùng Nguyễn Thái Học, *Đại Việt Quốc Dân Đảng* của nhà cách mạng Trương Tử Anh, *Đại Việt Duy Dân Đảng* của thiên tài triết học Lý Đông A, *Việt Nam Dân Chủ Xã hội Đảng* của Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ, *Việt Nam Phục Quốc Đảng* của Cao Đài được lãnh đạo bởi các chiến sĩ Phạm Công Tắc, Nguyễn Văn Sâm và Trần Quang Vinh, *Việt Nam Cách mạng Đồng Minh hội* của Chí sĩ Nguyễn Hải Thần, *Đại Việt Quốc Xã Đảng* của lãnh tụ Nguyễn Xuân Tiếu, *Đại Việt Dân Chính* của văn hào Nhất Linh Nguyễn Tường Tam... Và

trong khi anh em ông Diệm còn làm quan, làm công chức cho chế độ bảo hộ Pháp, cho Nam triều mục nát để vinh thân phì gia thì các đảng cách mạng nói trên đã anh dũng xả thân chiến đấu chống thực dân xâm lăng. Từ năm 1945-46, khi anh em ông Diệm ẩn náu, trốn tránh ở Sài Gòn, Huế, Đà Lạt, và Vĩnh Long trong những vùng an ninh do quân đội Pháp chiếm đóng, hoặc từ năm 1950, khi anh em ông Diệm đi ra nước ngoài cầu cạnh ngoại bang ủng hộ cho về nước cầm chính quyền, thì các đảng cách mạng nói trên lại phải đương đầu thêm với một kẻ thù nữa là Cộng Sản. Biết bao nhiêu chiến sĩ của các đảng cách mạng đó đã bị Cộng Sản tiêu diệt, đã hy sinh cho chính nghĩa dân tộc: Lãnh tụ Lý Đông A đã hy sinh khi còn cầm quân chống lại Việt Minh tại Hòa Bình (Bắc Việt), lãnh tụ Trương Tử Anh bị Việt Minh sát hại ngay tại Hà Nội, lãnh tụ Huỳnh Phú Sổ bị lừa giết ngay tại miền Tây Nam phần, lãnh tụ Nguyễn Văn Sâm bị thủ tiêu ngay tại Tây Ninh, các lãnh tụ Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh của Việt Quốc, cụ Nguyễn Hải Thần, ông Tạ Nguyên Minh của Việt Cách và nhiều đồng chí của họ đã phải lưu vong qua Tàu tìm phương thế phục quốc... Thế mà khi có quyền lực trong tay, **anh em ông Diệm không nghĩ đến lòng yêu nước, quyết tâm hy sinh, sự nghiệp đấu tranh cao cả của những nhà ái quốc đó, mà lại đang tâm đàn áp, khủng bố, giam cầm, sát hại những đồng chí, đảng viên của họ, đang tâm tiêu diệt những tổ chức đang nối tiếp sự nghiệp cách mạng to lớn của tiền nhân.**

Vì mù quáng và hẹp hòi chỉ cho tập đoàn của mình là lực lượng chống Cộng duy nhất, chế độ Diệm đã tiêu diệt các đảng phái. Vì độc tài và độc tôn, không muốn san sẻ quyền làm chủ đất nước với bất cứ một ai, chế độ Diệm đã tiêu diệt các đảng phái. Vì chỉ biết nương dựa vào ngoại bang mà không thêm đếm xỉa đến sức mạnh siêu việt của nhân dân, chế độ Diệm đã tiêu diệt các đảng phái. Và cuối cùng, vì không nắm vững truyền thống dựng nước và quy luật giữ nước của cha ông, chế độ Diệm đã tiêu diệt các đảng phái.

Vì không nhân nghĩa và thiếu cả liêm sỉ, anh em ông Diệm quên mất cái thời họ đã phải nương nhờ và vay mượn uy thế của các đảng phái để gây tên tuổi cho mình như năm 1946 tại Hội nghị Đoàn Kết ở Sài Gòn. Anh em ông Diệm cũng quên mất công lao của anh em Việt Quốc, tiêu biểu bởi các ông Nguyễn Chữ, Phạm Đình Nghị, Lê Trung Chi... tại Huế và Nam Ngãi đã chia sẻ gian lao với họ trong lúc còn gặp chống đối khó khăn vào những năm 1954-1955. Anh em ông Diệm cũng không thêm nhớ đến cái ơn giúp đỡ của lãnh tụ Nguyễn

Xuân Tiếu thời ông Diệm đang còn là cá chậu chim lồng, đau ốm, khổ sở trong tay Việt Minh lúc bị giam cầm tại vùng núi rừng Việt Bắc.

Họ lấy lý do một số giáo phái và đảng phái đã chống đối họ để tiêu diệt những đoàn thể đó! Vậy thử hỏi đảng Duy Dân, đảng Việt Cách và nhiều đoàn thể khác đã phạm phải những lỗi lầm gì mà nhà Ngô cũng giam cầm các lãnh tụ và cán bộ của Đảng Duy Dân. Hỏi ai là người quốc gia yêu nước, chống Cộng mà không đau lòng khi thấy các ông Phạm Thành Giang, Hà Thế Ruyệt, Tạ Chí Diệp, Tô Văn và vô số đảng viên Quốc gia bị nhà Ngô bắt giam chung tại trại cải tạo Tam Hiệp (Biên Hòa), cùng khám với cán bộ Cộng Sản vào năm 1956, mà lại còn bị cán bộ Cận Lao đốt nát giáo dục chính trị (hai ông Ruyệt và Tô Văn hiện sống ở Mỹ).

Nếu gọi hành động nói lên nguyện vọng đích thực của quần chúng là chống đối, nếu gọi phê phán các chính sách sai lầm của Chính phủ là chống đối, nếu gọi đòi hỏi chính quyền sinh hoạt tự do và dân chủ là chống đối, nếu gọi chủ trương một sách lược chống Cộng không giống với sách lược của Chính phủ là chống đối, nếu gọi lời kêu gọi một cuộc cách mạng xã hội để tránh bất công và trong sạch hóa sinh hoạt quốc gia là chống đối thì chế độ đã mất hết đạo đức chính trị cũng như chức năng quản trị, và quốc gia đã đến hồi mạt vận rồi.

Tuy quái đản nhưng có thật, miền Nam trong 9 năm cai trị của chế độ Ngô Đình Diệm đã gọi những hoạt động chính đáng và khẩn thiết đó là “chống đối” cho nên quốc gia mới suy vi. Và nhân dân nói riêng, các đảng phái nói chung, chỉ còn 4 chọn lựa: hoặc không sáng suốt thì bị đẩy về phía kẻ thù Cộng Sản, hoặc thiếu kiên trì thì ngậm đắng nuốt cay tê liệt theo chính quyền, hoặc giàu quyết tâm thì âm thầm chống đối, hoặc không dần được phần uất thì tự hủy.

Ngày 7 tháng 7 năm 1963, văn hào mà cũng là chiến sĩ cách mạng Nhất Linh Nguyễn Tường Tam uống thuốc độc tự vẫn để phản đối chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Trước khi tự hủy, ông không quên gởi lại lời trần trối đầy máu lệ với quốc dân, đồng bào:

“Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử cả. Việc đem các đảng phái quốc gia xử trị là việc làm mất nước vào tay Cộng Sản. Tôi tự hủy mình cũng như Hòa thượng Quảng Đức tự thiêu là để cảnh cáo những ai chà đạp mọi thứ tự do”.

Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, một lãnh tụ của Đảng Đại Việt cũ, trong một cuộc phỏng vấn của báo Người Việt về “Nguyên nhân gây

nên sự sụp đổ làm mất Việt Nam” đã trả lời vì Ngô Đình Diệm đã tiêu diệt hết các lực lượng đảng phái và giáo phái ^[20].

Hai nhận định trên đây, một được bùng lên trong thực tế sôi bỏng và khẩn thiết của người đã xả thân đấu tranh và ngay trước giờ phút trang trọng, quyết liệt để chấm dứt đời mình; một được thăng hoa qua những thăng trầm chính trị già dặn của gần 20 năm sau mà bây giờ đang suy gẫm về thân phận mất nước để đấu tranh phục quốc. Cả hai, tuy một thì dự phóng về tương lai và một thì suy nghiệm về quá khứ, đều nói lên một sự thực, và cả hai đều biến sự thực đó thành ra một quy luật chính xác là chính chủ trương độc tài, độc đảng, tiêu diệt tôn giáo và đảng phái quốc gia của anh em ông Diệm và của đảng Cần Lao Công giáo đã là nguyên nhân sâu xa nhất và chính yếu nhất làm cho miền Nam Việt Nam tự do suy nhược và cuối cùng rơi vào tay Cộng Sản vào năm 1975.

Cước chú:

[11] Chu Bằng Lĩnh, *Cần Lao Cách Mạng Đảng*, tr. 565.

[12] Joseph Buttinger, *Vietnam A Political History*, tr. 439.

[13] Lê Quân, *Những Xuyên Tạc và Ngộ Nhận về Phật giáo Việt Nam*, Tạp chí Khai Phóng (số 6), tr. 46, 47.

[14] Robert Shaplen, *The Lost Revolution*, tr. 137.

[15] Chu Bằng Lĩnh, *Cần Lao Cách Mạng Đảng*, tr. 322 và 408.

[16] Lý Đông A, *Chu Tri Lục*, tr. 109.

[17] Chu Bằng Lĩnh, *Cần Lao Cách Mạng Đảng*, tr. 314, 315.

[18] Lê Nguyên Long, *Bất Đắc Dĩ Khơi Đống Tro Tàn*, tạp chí Khai Phóng (số 7), tr. 38, 45.

[19] Đào Sĩ Phu, bài: *Cái Chết Của Việt Nam và Cái Nhìn Về Tương Lai Thế Giới*, trong nguyệt san Nhân Bản (số 16), tr. 8, 9.

[20] Tuần báo *Người Việt* (số 10/bộ mới).

CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ VẤN ĐỀ BUÔN BÁN NHÀ PHIÊN

Phạm Trọng Luật

[Trích đoạn từ Chương 91 của “*Giáo hội La Mã - Lịch sử và Hồ sơ Tội ác*”, Phạm Trọng Luật, USA, ngày 1 tháng 6 năm 2011]

Như đã nói ở trên, việc buôn bán ma túy ở miền Nam Việt Nam trong những năm 1954-1975 là do chính quyền miền Nam chủ mưu: điều khiển việc nhập cảng, bảo trợ việc biên chế, gói thành gói, mở mang các tiệm hút và phân phối cho khách hàng tiêu thụ.

Sách sử cho biết, tại miền Nam Việt Nam, từ năm 1950 cho đến tháng 4 năm 1975, **việc buôn bán ma túy đều do các chính quyền Bảo Đại, chế độ cha cố Ngô Đình Diệm, chính quyền của Tướng Nguyễn Cao Kỳ và chính quyền quân phiệt Da-tô Nguyễn Văn Thiệu chủ trương** bất kể gì là sản phẩm này có tác dụng làm nguy hại cho nòi giống, dân tộc và tiền đồ của đất nước.

Với những hành động vừa phi pháp, vừa bất nhân và dã man, vừa hại nước hại dân, vừa phản dân tộc, các chính quyền miền Nam đã trở thành những tổ chức tội ác đối với dân tộc Việt Nam và đối với nhân dân thế giới. Chính vì vậy mà sử gia Alfred McCoy mới gọi chế độ cha cố Ngô Đình Diệm là “Triều Đại Diệm và Băng Đảng Ăn Cướp Ngô Đình Nhu” (Diem Dynasty and the Nhu Bandits” (Alfred McCoy, *The Politics of Heroin in Southeast Asia* (New York: Harper & Row Publishers, 1972), p. 159). Phân trình bày dưới đây sẽ giúp cho độc giả có cái nhìn thấu đáo về vấn đề này.

...

Hơn một năm sau khi được Liên Mỹ - Vatican đưa về Việt Nam cầm quyền với cương vị là thủ tướng vào ngày 7/7/1954, Ngô Đình Diệm tổ chức cuộc trưng cầu dân ý gian lận vào ngày 23/10/1955 với dã tâm truất phế Quốc Trưởng Bảo Đại để nắm quyền. Làm xong **việc làm phản trắc** này, ngày 26/10/1955, Ngô Đình Diệm tuyên bố miền Nam Việt Nam là nước Cộng Hòa Việt Nam và tự phong là Tổng Thống, rồi cho mở chiến dịch tuyên truyền rầm rộ bài

trừ các tệ đoan xã hội, trong đó có việc cấm hút thuốc phiện để **làm bức bình phong che đậy việc thiết lập chế độ đạo phiệt Da-tô và gia đình trị đang được tiến hành.**

Năm 1958, sau khi đã củng cố xong quyền lực, anh em nhà Ngô cho tái lập kỹ nghệ buôn lậu thuốc phiện sống, thiết lập các cơ sở biên chế và khuếch trương kỹ nghệ này bằng cách **cấu kết với các tên đầu nậu Ba Tàu** (trong đó có tên **Mã Tuyên**) ở Chợ Lớn để mở mang các tiệm hút và các tiệm bán sỉ bán lẻ sản phẩm này ở Sài Gòn Chợ Lớn một cách công khai. Vào khoảng năm 1963, công việc làm ăn phi pháp này của chính quyền Diệm khá phát đạt. Riêng ở Chợ Lớn, con số tiệm hút hoạt động công khai lên đến 2,500 tiệm. Dưới đây là đoạn văn của tác giả Alfred McCoy viết trong cuốn *The Politics of Heroin in South East Asia* về việc làm bất chính hại dân hại nước này của chế độ cha cố Ngô Đình Diệm:

“Triều Đại Diệm và Đảng Đảng Ấn Cướp Ngô Đình Nhu: ...Nhưng Ngô Đình Nhu quyết định tái lập việc buôn bán nha phiện để lấy tiền. Dù là hầu hết các tiệm hút ở Sài Gòn đã đóng cửa cả ba năm rồi, hàng ngàn dân nghiện người Tàu và người Việt vẫn còn thèm muốn được hút trở lại. Ông Nhu cho người tiếp xúc với những lãnh tụ của các tổ chức có thể lực của người Tàu ở Chợ Lớn để mở lại các tiệm hút và thiết lập một hệ thống phân phối thuốc phiện nhập cảng lậu cho họ sử dụng. Chỉ trong vòng có mấy tháng, hàng trăm tiệm hút thuốc phiện này đã hoạt động trở lại, và năm năm sau, một phóng viên của tờ Time – Life lượng định ở Chợ Lớn có tới 2.500 tiệm hút thuốc phiện hoạt động công khai.

Để có thể cung ứng thuốc phiện đầy đủ cho khách hàng tiêu thụ, Ngô Đình Nhu thiết lập hai hệ thống đường bay khứ hồi từ vùng sản xuất thuốc phiện sống ở Lào về miền Nam Việt Nam. Hệ thống đường bay chính là thuê mướn mấy phi cơ nhỏ của hãng Hàng Không Lào, giao cho tên **bất lương Bonaventure “Rock” Francisci, người Corse, điều khiển.** Dù là tôi thiếu có đến 4 chiếc phi cơ nhỏ chuyên vận thuốc phiện lậu từ Lao về miền Nam Việt Nam, nhưng chỉ có một mình cá nhân Francisci **trực tiếp nói chuyện và thương lượng với Ngô Đình Nhu.** Theo Trung Tá Lucien Conein, một cựu viên chức cao cấp CIA ở Sài Gòn, mối liên giữa Ngô Đình Nhu và Francisci về dịch vụ bất chính này **khởi đầu vào năm 1958.** Sau khi Nhu bảo đảm an toàn cho việc đem thuốc phiện về Sài Gòn, hàng ngày, Francisci dùng đoàn máy bay Beechcrafts hai động cơ chuyên vận món hàng này về miền Nam Việt Nam..

Ngoài ra, Ngô Đình Nhu còn phái nhân viên tình báo đến Lào với nhiệm vụ là chuyển vận thuốc phiện sống về miền Nam Việt Nam bằng **phi cơ của Không Lực Việt Nam**.

Trong khi Ngô Đình Nhu nói chuyện và thương lượng trực tiếp và cá nhân Francisci, Bác-sĩ **Trần Kim Tuyền** trực tiếp điều hành những toán điệp viên hoạt động ở Lào. Dù rằng, hầu hết các tài liệu mô tả Nhu như là một lý thuyết gia chính trị của chế độ Diệm, nhiều người trong nội bộ lại cho rằng ông tu xuất Trần Kim Tuyền mới thực sự là nhân vật chủ chốt của kế hoạch làm ăn bất chính này. Đứng đầu tổ chức mật vụ có danh xưng tàng hình là “Sở Nghiên Cứu Xã Hội và Chính Trị”, Bác-sĩ Tuyền chỉ huy một hệ thống tình báo rộng lớn bao gồm cả **Lực Lượng Đặc Biệt** (do CIA tài trợ), **Sở An Ninh Quân Đội**, và quan trọng nhất là **Đảng Cần Lao**. Qua Đảng Cần Lao, Bác-sĩ Tuyền tuyển mộ điệp viên và cán bộ chính trị ở trong tất cả các cơ quan trong chính phủ và trong quân đội. Chính quyền Sài Gòn kiểm soát chặt chẽ việc thăng thưởng, và chỉ những người cộng tác với Bác-sĩ Tuyền mới được thăng chức mau chóng. Nhờ có những khoản tiền kénh sù do việc buôn bán ma túy, ăn hôi lộ và các thứ tham nhũng khác, Sở Nghiên Cứu Xã Hội và Chính Trị của Bác-sĩ Tuyền có thể mướn hàng ngàn phu đập xích lô, gái nhảy tại các quán khiêu vũ và những người bán hàng rong ở ngoài đường phố để làm chỉ điểm viên cho Sở. Nhờ vậy mà ở mỗi một góc đường phố ở Sài Gòn-Cholon đều có chỉ điểm viên của sở mật vụ của Bác-sĩ Tuyền. Thay vì cho người theo dõi một đối tượng, Bác-sĩ Tuyền chỉ cần ra khẩu lệnh cho các chỉ điểm viên tại các góc phố truyền tin tức của đối tượng cho nhau biết. Nhờ vậy mà Sở biết được đầy đủ những chi tiết về di chuyển, nơi họp mặt và nội dung các cuộc họp của đối tượng. Một số các nhà quan sát cho rằng Bác-sĩ Tuyền có hàng trăm ngàn nhân viên mật vụ làm việc toàn phần và bán thời gian. Qua hệ thống mật vụ tuyệt vời như vậy, Bác-sĩ Tuyền có đầy đủ hồ sơ với rất nhiều chi tiết của tất cả mọi nhân vật quan trọng của miền Nam Việt Nam, đặc biệt là có cả hồ sơ của ông Diệm, ông Nhu, bà Nhu và những hồ sơ này được gửi ra nước ngoài như là hình thức “bảo hiểm nhân thọ” của mỗi cá nhân.

Vì có trách nhiệm điều hành phần lớn hệ thống tình báo hải ngoại của chế độ Diệm, cho nên Bác-sĩ Tuyền có thể ngụy trang hay che giấu những dịch vụ mua thuốc phiện ở Lào bằng những công việc bình thường trong hệ thống tình báo của ông.”

Phần trích dẫn trên đây chỉ là có 2 trong số gần 7 trang nói về

việc buôn bán ma túy trong thời chế độ cha cố Ngô Đình Diệm.

Đồng thời, chính quyền Ngô Đình Diệm còn biến miền Nam thành một trung tâm cung cấp thuốc phiện sống cho tổ chức Mafia quốc tế tại Marseille chuyên biến thuốc phiện sống thành bạch phiến rồi chuyển vận sản phẩm này sang Bắc Mỹ để phân phối cho các hàng tiêu thụ ở Hoa Kỳ. Đây là một hệ thống tội ác quốc tế tay ba: (1) Nguồn thuốc phiện sống phát xuất từ miền Nam Việt Nam do anh em Ngô Đình Diệm cung cấp, (2) trung tâm biến chế thuốc phiện sống thành bạch phiến đặt cơ sở tại Marseille (Pháp) do anh em Antoine Guerini người Pháp điều khiển, và (3) trung tâm phân phối bạch phiến tại Bắc Mỹ dưới quyền điều khiển của các tay trùm Carlos Marcello, Sam Giancana và Santos Trafficante. Sự kiện này được hai tác giả Bradley S. O' Leary và Edward Lee ghi nhận trong sách *Vụ Ám Sát Ngô Đình Diệm* (Tựa đề Anh ngữ : *The deaths of the Cold War Kings, the assassinations of Diem & JFK*) như sau.

“Và năm 1958, khi Diệm – Nhu tái lập lưu thông thuốc phiện về Sài Gòn, Francisci khó có thể hoan hỉ hơn vì nó đã làm sống lại nghề cũ của ông ta là vận chuyển thuốc phiện từ gốc sản xuất ở Lào đi thẳng về Nam Việt Nam bằng một phi đội máy may riêng của hắn. Nhưng thậm chí có thể kiếm được nhiều tiền hơn từ việc bán thuốc phiện trực tiếp cho hàng trăm ổ hút và hàng ngàn con nghiện ở Sài Gòn. Việc sản xuất thuốc phiện ở các nơi khác trên thế giới - đặc biệt là Thổ Nhĩ Kỳ và Mexico – ngày càng thất thường và không chắc chắn vì liên tục bị pháp luật ngăn trở. Tình hình này chỉ làm lợi thêm cho Guerini bởi vì nó gia tăng thị phần ma túy của y. Chuyện này xảy ra như thế nào?”

Nhu và Rock Francisici đã thực hiện một hợp đồng phân phối cơ bản. Francisci sẽ vận chuyển thuốc phiện đến Sài Gòn cho các ổ hút của Nhu nhưng hắn còn chở nhiều thuốc phiện cho các điểm thả dù ở Sài Gòn. Tại đây, thuốc phiện sẽ được máy bay vận tải chở sang các xưởng chế biến ở Marseille. Tại Marseille, thuốc phiện sẽ được chế biến thành bạch phiến có chất lượng cao để bán cho các trùm ma túy ở Mỹ như Santos Trafficante, Carlos Marcello, và Sam Giancana. Tất cả đều làm giàu trong chuyện này, và ai cũng thấy được rằng đó là chuyện làm ăn rất an toàn, bởi vì Nhu có thể được coi như một thứ Bộ Trưởng Tư Pháp của Nam Việt Nam, ông không phải ưu tư hay trả lời trước bất cứ một cơ quan thi hành pháp luật nào. Ông ta là luật pháp, và ông ta sử dụng sức mạnh này để đảm bảo cho Francisci và khách hàng của ông ở Marseille một nguồn cung cấp thuốc phiện

ổn định để sản xuất bạch phiến. Một vụ làm ăn ngon lành.

Với vị trí quyền lực trong chính phủ Nam Việt Nam, Nhu có thể đảm bảo rằng các máy bay chở đầy thuốc phiện của Francisci (đội lột vận tải “ngoại giao”) có thể bay từ Lào đáp xuống Sài Gòn và chuyển hàng xong hết mà không gặp nhiều kiểm tra phiến toái. Thậm chí Nhu còn tăng năng suất đều đặn trong hai năm 1961 và 1962 bằng cách huy động Phi Đội Vận Tải số 1 của riêng ông (chuyên hoạt động tình báo trên không [thình thoảng bay phối hợp với CIA]) vào việc đó. Giữa năm 1958 và 1963, Sài Gòn thực sự trở thành kho hàng chứa thuốc phiện thô mà phần lớn sẽ chuyển tới Marseille để cuối cùng thỏa mãn nhu cầu của con nghiện bạch phiến Mỹ.

Tuy nhiên, Nhu còn có những khuyến khích khác cho hợp đồng béo bở này. Trong lúc các máy bay vận tải thuê riêng của Francisci - thường gọi là Hàng Không Thương Mại Lào – hàng ngày chở thuốc phiện tới Sài Gòn mà không bị luật pháp gây rắc rối, thì những tay cung cấp nhỏ hơn không được an toàn như vậy. Lực lượng cảnh sát của Nhu sẽ lập tức hỏi thăm họ vì đã dám lấn sấn (tới phạm vi hoạt động) của Francisci.

Anh em Guerini không thể nào phần chần hơn trước hợp đồng của Francisci, và cũng không thể hài lòng hơn về Nhu vì ông đã giúp thực hiện được hợp đồng đó. Hợp đồng này giúp cho anh em Guerini trở thành những ông trùm ma túy toàn cầu vào cuối thập niên 1950 đầu thập niên 1960, đồng thời nó tạo ra một liên minh tội phạm vững như bàn thạch giữa Nhu và tập đoàn Marseille. Nhu, Diệm và toàn bộ dòng họ Ngô Đình ai cũng nổi lên giàu có khác thường nhờ vào liên minh này (trong khi vẫn kiểm được nguồn tài chính bất minh cần thiết cho cảnh sát và tình báo). Quan trọng hơn thế, anh em tội phạm Guerini thậm chí còn tích lũy được nhiều của cải hơn, và những khách hàng chủ yếu của họ - Mafia Mỹ cũng vậy.

Cho nên, về căn bản, tập đoàn Marseille, Mafia Mỹ, và chính quyền Ngô Đình Diệm đã biến thành nững đối tác làm ăn của nhau trong mạng lưới ma túy toàn cầu. Có nghĩa là tiền tỉ, tiền tấn chảy vào túi người nào có dính dáng, dĩ nhiên là thế. Và nguồn suối mạnh mẽ không ngừng phát sinh ra tiền bạc và sức mạnh này chính là Ngô Đình Nhu.”

“Giữa tất cả những điều đó, chúng ta có tập đoàn bạch phiến quốc tế, đặt tổng hành dinh tại Marseille, Pháp, và do anh em Guerini người Pháp điều hành. Nguồn cung phần lớn nguyên liệu thuốc phiện cho họ thông qua Nhu và kẻ trung gian là Rock

Francisci, cũng là người Pháp.

Bây giờ chúng ta gặp một người Pháp nữa, giống như Rock Francisci, đã sống gần như suốt đời ở Đông Nam Á. Người này là Matthew Franchini. Bên ngoài ông ta được mô tả như một thương gia trọng nguyên tắc và là chủ khách sạn đáng kính (ông ta sở hữu khách sạn Continental nổi tiếng ở Sài Gòn). Tuy nhiên, sự thực thì Franchini là bộ não đằng sau các chuyến hàng thuốc phiện của Rock Francisci từ Sài Gòn sang các lò bạch phiến ở Marseille. Tại sao điều này quan trọng thế? Vì Franchini là một khâu vô giá trong đường dây chỉ huy của thế giới ngầm Marseille, nếu không muốn nói là đường dây chỉ huy tập đoàn bạch phiến toàn cầu. Franchini cung cấp cho Marseille sản phẩm morphine vốn được Rock Francisci chở thoải mái về Sài Gòn (những chuyến này do Nhu bảo kê).”

Ngoài ra, lại còn có Tòa Đại Sứ Việt Nam tại Lào, **Trần Kim Tuyên và bọn Cản Lao tin cẩn**, người phụ trách chuyển vận thuốc phiện từ Lào về Sài Gòn nữa.

Theo sự hiểu biết của người viết, tất cả những tên đầu sỏ của hệ thống tổ chức tội ác quốc tế này **đều là những người thâm nhuần triết để Ki-tô giáo.**

Có thể do việc làm ăn bất lương này, anh em ông Ngô Đình Diệm mới bắt đầu kết thân sống chết với tên Mã Tuyên, một tên đầu nậu khét tiếng trong bang Triều Châu ở Chợ Lớn. Xin nhắc lại, cũng vì ma túy có tác dụng làm suy yếu sức khỏe của con người, làm cho gia đình những người nghiện khôn đốn điều linh, và làm cho các quốc gia có nhiều người nghiện trở nên suy nhược, cho nên hầu như tất cả các quốc gia trên thế giới đều nghiêm cấm bán sản phẩm này cho quảng đại quần chúng, và chỉ cho phép được sử dụng trong phạm vi y khoa mà thôi. Cũng vì thế mà tác giả Alfred W. McCoy mới gọi chế độ đạo phiệt gia đình trị Ngô Đình Diệm là “**Triều Đại Ngô Đình Diệm và Băng Đẳng Ăn Cướp Ngô Đình Nhu** = Diem’s Dynasty and the Nhu Bandits.” Alfred W. McCoy, *Ibid.*, p. 159.

Phạm Trọng Luật, USA

[From: Duc thanh ba noi

<ducthanhbanoiducthanhbanoi@yahoo.com>

Date: 2011/8/14

Subject: Toi ac Cato giao VN va Van nan buon ban ma tuy

To: diendanchinhtri@yahoogroups.com, Hoa Binh

tyvn1975@yahoo.com]

NHỮNG KHẲNG ĐỊNH CHẾT NGƯỜI

Phạm Tường

Mấy lá thư của mấy thân hữu/dộc giả trong *Người Dân* số 162 phản ứng về bài sưu tập *Nhân Vật Chí* của tôi, phần đề cập tới ông **Ngô Đình Diệm**, thật là món quà đầu năm vô cùng quý giá.

Tôi xin chân thành tri ân tạp chí NgD cũng như quý vị biên thư. Vì thế là bài tôi viết có vinh hạnh được người ghé mắt tới. Chẳng những thế, lại có người mắt công chi giáo để tôi biết sự sai trái của mình (thường ra ít ai mắt công viết khen thưởng lắm, trừ phi để tặng bốc người cùng phe). Nhưng hơn tất cả là giúp tôi cơ hội đề cập tới những điều tôi không bao giờ có dịp, mà thực ra, theo sự suy nghĩ của tôi, là rất cần.

Đó là những điều thiên hạ thường khăng định, mà nếu không đề cập đến thì rất là nguy hiểm. Người đương thời không để ý tới. Mà người các thế hệ sau cứ yên trí nó là như vậy.

Do đó, tôi xin nói về những việc mà tôi thấy cần lưu tâm trước.

Thú thực, ngay cả trước khi làm việc sưu tập, tôi đã rõ là tôi sẽ chẳng có khả năng thay đổi được suy nghĩ của những vị đã sẵn đứng về một phía nào đó. Vậy không đồng ý là chuyện tất nhiên. Đã thế thì chuyện khăng định làm sao có thể phản bác được. Cho nên vị nào đã có những khăng định tất sẽ tiếp tục khăng định, tôi không giám đối thoại. Đây tôi chỉ xin nói chuyện cùng những thân hữu/dộc giả chưa khăng định một điều gì cũng như những người trẻ sau này không có thiên kiến, thực tâm muốn tìm hiểu vấn đề. Đó là các vị sinh cỡ năm 40, nay cũng ngoài 60 tuổi. Nếu ở ngoài Bắc thì chỉ biết về chế độ cộng sản. Nếu ở trong Nam thì biết về chế độ "*quốc gia*" (Bảo Đại), hai chế độ cộng hòa. Còn những vị sinh năm 1970, nay đã hơn 30 tuổi, ở trong nước lại cũng chỉ biết về chế độ cộng sản; ở ngoại quốc thì sự biết về Việt Nam chắc chẳng được bao nhiêu. Do đó, cần xét về:

A. Vấn đề dẹp sứ quân

Tiền Ngô Vương (Ngô Quyền, 939-944) đánh đuổi được ngoại

xâm, lên ngôi chính thống, truyền ngôi lại cho Ngô Xương Văn. Văn bị cậu ruột là Dương Tam Kha cướp ngôi, sau lấy lại được (sử gọi là Hậu Ngô Vương, 950-965), nhưng đất nước giặc giã (trong đó có Đinh Bộ Lĩnh), vua mang quân đi đánh và bị nỏ của quân địch phục kích bắn chết. Con người anh khác mẹ (Thiên Sách Vương) là Ngô Xương Xí lên nối ngôi (965-967). Khắp nơi, ai nấy đều chiếm cứ huyện ấp, thôn tính lẫn nhau, dân gọi là sứ quân. Thành ra Ngô Xương Xí rồi cũng chỉ là một trong những sứ quân đó.

Thập nhị sứ quân là hiện tượng tất yếu xảy ra khi sự chính thống không còn, đúng hơn khi uy lực không đủ nữa. Và dĩ nhiên sứ quân nào cũng muốn dẹp các sứ quân khác để làm chúa tể.

Tôi thấy rằng khó mà biết ở vùng họ cai trị, thì dân chúng bị đàn áp đến mức nào, hẳn tùy theo lòng tốt hay ác độc của từng người. Nhưng chắc chắn là ở đâu thì cũng phải đóng góp lương thực, khí giới và lính tráng cho việc tranh giành quyền lực của sứ quân, mà không biết đến lúc nào mới chấm dứt. Và đó là điều mà dân chúng muốn qui về một mối. Ông Đinh Bộ Lĩnh đã làm được việc này, trở thành Vạn Thắng Vương, và thiết lập triều đại nhà Đinh chính thống.

Như thế, mang hai chữ “sứ quân” để gán cho những tổ chức chống lại ông Diệm khi ông mới về chấp chính thì một là **không hiểu biết gì về lịch sử hoặc là cố tình dùng cái hình ảnh hỗn loạn của lịch sử để gán ghép vào một sự việc hoàn toàn khác hẳn.**

"*Sứ quân*" nói ở đây là chỉ các lực lượng Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên ở miền Nam, Quốc Dân Đảng, Đại Việt ở miền trung, và có thể cả Công giáo Bùi Chu-Phát Diệm (của giám mục Lê Hữu Từ và linh mục Hoàng Quỳnh di cư vào xứ Bình An) và Bến Tre (của tây lai Jean Leroy).

Ngoại trừ Công giáo Bến Tre chỉ thành hình sau khi Pháp trở lại, tất cả các lực lượng kể trên đều hiện diện từ khi còn Pháp, còn Nhật. Họ có thể đi với Nhật. Nhưng họ thành lập để chống Pháp. Họ có khí giới, có quân đội.

Khi Pháp trở lại Nam Bộ, họ đã hào hùng đánh Pháp. Nhất là các tay anh chị Bình Xuyên, đã được hát hò ca tụng: "Bình Xuyên, Bình Xuyên oai hùng ngàn năm... "

Sau đó, bị cộng sản phản bội, tàn sát, họ quay sang quyết liệt chống cộng sản, một tuyệt đối địch thủ. Và cộng tác với Pháp, một tương đối địch thủ, để lấy trợ cấp (tiền bạc) và khí giới. Nhất là để có giang sơn tự trị: Pháp không léo hánh, cộng sản không giám bén mảng.

Tôi không biết các khu tự trị khác. Nhưng tôi biết khu tự trị Bùi Chu-Phát Diệm:

Năm 1941, linh mục Hoàng Quỳnh lập chiến khu ở Rịa (Ninh Bình). Tháng Tám 1945, Việt Nam Công Giáo Cứu Quốc cướp chính quyền phủ Kim Sơn (Phát Diệm, Ninh Bình). Ngày 6-1-1946, giám mục Lê Hữu Từ nhận làm cố vấn tôn giáo cho chính phủ (nguồn tin khả tín cho biết chính giám mục Từ đã xin với Hồ Chí Minh thả ông Diệm, khỏi bị cộng sản quản thúc), rồi tổ chức Tự Vệ Công Giáo Cứu Quốc. Tháng 9, 1947, lập Khu An Toàn Phát Diệm.

Nhờ vậy, nhà cửa ở Bùi Chu-Phát Diệm không căn nào bị cộng sản đốt phá, mà chúng nạy là tiêu thổ kháng chiến để san bằng bình địa như mọi nơi. Phát Diệm trở thành khu tản cư sầm uất nhất suốt thời gian chiến tranh. Cộng sản không giám léo hánh. Pháp không giám hoành hành. Dân chúng đóng góp nhẹ nhàng, sống trong an ninh, ổn cố. Khi cuộc xung đột Cộng Sản-Pháp bùng nổ, ông Nhu cũng chạy về Phát Diệm và được họ dẫn đường về Huế đoàn tụ với gia đình. Thế thì **khu tự trị Bùi Chu-Phát Diệm có phải là sứ quân cần dẹp bỏ không?**

Cao Đài, Hòa Hảo, Công Giáo Bến Tre tôi thấy dân địa phương nói cũng tương tự. Không có cộng sản, không có thực dân. Sống thoải mái, đêm không cần đóng cửa. Riêng tôi, từ 1952 đến 1954, có xe đồ chạy các đường Tây Ninh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Long Xuyên, Rạch Giá,... (hãng Travina, được các anh chị xe đồ Nghĩa Hiệp-Bình Xuyên rừ rê hợp tác chạy đường Bà Rịa-Vũng Tàu nhưng xin từ chối vì không muốn cưỡi ngựa chung với đức ông). Đường xá hoàn toàn yên ổn. Đồn bót do nghĩa quân các giáo phái canh gác. Chẳng có gì hạch sách, ngoài việc phải cung cấp mỗi ngày mấy tờ báo in tại Sài Gòn.

Riêng cánh ông Ba Cụt, đôi khi có tiếp xúc kể về tình trạng thiếu thốn và yêu cầu yểm trợ.

Thế thì Cao Đài, Hòa Hảo, Công Giáo Bến Tre có phải là sứ quân cần dẹp bỏ hay không?

Bình Xuyên thì khi về hợp tác với chính phủ Bảo Đại (1-8-48) có làm những chuyện thâu sông bạc, mở xóm bình khang, và khi làm công an xung phong (7-10-54) có vẻ không được dân chúng tán thành (1). Nhưng sông bạc là do ông... **thầy tu Thierry d' Argenlieu, cao ủy Pháp ký giấy cho mở**, ngay từ đầu cho người Tàu thâu, để lấy thuế chi tiêu cho cơ quan nhà nước. Mỗi ngày 400,000\$. Người Tàu nộp cho Cộng Sản mỗi ngày 500,000\$, thêm tiếp tay cho chúng

hoành hành tại Sài Gòn-Chợ Lớn như chỗ không người. Pháp hoàn toàn chịu thua. Nay 1951 Bình Xuyên thâu. Mỗi ngày nộp cho chính phủ 500,000. Cắt đứt 500,000 của cộng sản. Lại tận diệt, cộng sản không còn hó hé tại Chợ Lớn. Tôi không hoan nghênh, ủng hộ gì chuyện đi điếm cờ bạc. Nhưng từa, sắc, yên, đồ là những điều đi kèm với con người, có thể kể ngay từ khi có con người ở trên trái đất này. Chỉ có thể dùng để nó trở thành xa đọa, kiểm soát được nó, chứ đòi tiêu diệt nó là suy nghĩ của những kẻ mê ngủ. Vậy **Bình Xuyên có là sứ quân, tội trạng nặng nề chẳng?**

Quốc Dân Đảng, Đại Việt lập chiến khu ở miền Trung sau khi di cư thì cũng chỉ là tiếp tục công việc họ vốn làm xưa nay để chống cộng, chống Pháp. Vậy Quốc Dân Đảng và Đại Việt có là sứ quân không?

Đinh Bộ Lĩnh ở cái thế một sứ quân, để tận dẹp các sứ quân khác. Ông Diệm ở cái thế gì, ngoài cái thế của Mỹ? **Ông đã từng làm gì cho quốc gia dân tộc, để dẹp các tổ chức đã đóng góp xương máu công lao trong công việc diệt cộng, đuổi Pháp, mang lại cuộc sống an bình cho dân, giành lại đất nước?** Nếu họ có đòi hỏi được tham gia chính quyền, đóng góp trong việc quản trị quốc gia, thì có hợp lý không? Họ đều ủng hộ chính thể Bảo Đại (kể cả phái của giám mục Lê Hữu Từ). Họ đều được ông Bảo Đại chấp nhận. Và họ có hiểu thực trạng cộng sản, tình hình đất nước, tâm tư quần chúng hơn ông Diệm không?

Nhờ các phe phái bảo vệ đất đai, dân chúng, nhờ ông Bảo Đại đấu tranh chính trị mới có chính quyền "quốc gia" (sau còn lại Miền Nam). Không có họ, hẳn Pháp đã phải giao toàn đất nước cho cộng sản. Dẹp họ, **truất phế ông Bảo Đại thì là trung thành hay phản loạn, có công hay có tội?**

Dẹp họ, rồi ra lấy ai chống cộng? Trước kia cộng sản đẩy họ về phía Pháp, thì nay **ông Diệm du họ vào cái thế khó lòng thoát khỏi bị cộng sản lợi dụng.** Và như thế có phải ông Diệm đã tái diễn lại cái cảnh, nhưng ngược chiều. Cộng sản chúng có đường lối phải diệt tất cả cái gì không theo chúng, không thể nào khác được. Nhưng phía chống cộng mà giữ độc quyền, thì có phải là chính trị, quân sự khôn ngoan hay không? Cho nên, khi làm cái việc "dẹp sứ quân" là đã bắt đầu cái việc dăng Miền Nam cho cộng sản, dù là thiếu khôn ngoan hay vô tình đi nữa. Vì quốc tế Nga nhất định nhuộm đỏ toàn thế giới, trong khi đế quốc Mỹ chỉ lo ngăn chặn mà thôi. Nếu sau này không nhờ Gorbachev bỏ cái việc xích hóa toàn cầu, thì không biết thanh

niên Việt Nam còn phải đi đến đâu để làm "nghĩa vụ quốc tế" và đến chừng nào mới là chấm dứt. Làm chính trị mà thiên cận thì hệ quả thật vô lường.

Nói thế thôi, theo tôi **ông Diệm chỉ có thể quan niệm nổi việc địa vị quyền bính của ông, hơn là lo đến quốc gia dân tộc**. Cho nên khi ông Nhu đề nghị bắt tay với cộng sản, chắc là với hi vọng viên vòng giữ được quyền bính, địa vị, dĩ nhiên là ông ta nghe liền.

Tôi nghĩ di chúc của ông Nguyễn Tường Tam chính là để chỉ ngay việc làm của Ông Diệm từ lúc "đẹp sứ quân" này chứ không phải chỉ riêng những việc về sau.

Còn Edward Geary Landsdale, sau này lên hàng tướng lãnh và về hưu, viết cuốn *In the Midst of War*, năm 1972, ông LT dịch sang Việt ngữ là "Tôi làm quân sư cho tổng thống Ngô Đình Diệm" và nhà xuất bản Văn Học cũng xuất bản ngay năm đó, thì có một kết luận:

"Cộng sản chủ động ở khắp nơi, chiêu mộ những người hoạt động chống đối lại chính phủ - một chính phủ đứng vững nhờ Đảng Cần Lao hơn là nhờ sự ủng hộ của nhân dân. Con gió lốc nhân quả sau cùng đã đến vào tháng 11, 1963, khi phe đối lập bùng lên dữ dội, bắt giam những đảng viên Cần Lao, hạ sát ông Nhu, ông Diệm và một số khác.

Thật đau đớn cho kẻ đã theo dõi giai đoạn lịch sử thê thảm này" (sđd trang 240).

Ông tướng này thật không đủ trí thông minh hay sự lương thiện để mà nhìn ra hay nhận rằng chính phủ ông Diệm chẳng đứng vững nhờ Đảng Cần Lao cũng chẳng có phe đối lập nào bùng lên dữ dội. "Nhân" nào dẫn đến "quả" đó? Đó chỉ là hệ quả tất yếu của sự ông ta cố vắn cho ông Diệm "đẹp sứ quân" khiến ông Diệm còn một mình một chợ, **có ảo tưởng mình là nhất thống sơn hà và hành sử như kẻ nhất thống sơn hà nên đi đến cái chết**. Kẻ giết ông Diệm nếu không là ông Landsdale thì cũng chính là con ăn đầy tớ của ông ta, chứ làm gì tới "đối lập".

Vả lại, cái chết của ông Diệm chẳng là sự đáng ngạc nhiên. Ngày 29-4-1955, ông Bảo Đại tiếp lãnh sự Mỹ Gobson ở Nice đã xác định rằng ông Diệm đang trở thành một *psychopath* (kẻ bệnh tâm thần), sớm muộn sẽ bị giết chết.

...

[Nguồn: <http://nguoidan.com/nd164/khang.htm>]

TRẦM TƯ CỦA MỘT TÊN TỘI TỬ HÌNH

Hồ Hữu Tường



Tựa - Ngày 29 tháng 8 năm 1957, **tôi bị Toà án Quân sự Sài Gòn lên án tử hình**. Tôi có ký tên xin phá án, mà lòng không tin sẽ được, lại đã tự hẹn nếu không được phá án, thì âu để bị hành quyết cho rồi một đời, mà tôi muốn chấm dứt một cách khéo hơn là **để bị giết mờ ám**, nơi một chốn hẻo lánh nào đó, rồi tên tuổi thêm trầm luân trong một cái biển phi báng vô biên. Song lẽ, sự tự hẹn ấy được bè bạn ở nước ngoài hay được. Nên chi, sau ngày **bị bác đơn xin phá án**, ngày 31 tháng Chạp năm ấy, ông Albert

Camus, thay mặt cho bè bạn nói tiếng Pháp, bà R. Fischer, thay mặt cho bè bạn nói tiếng Anh, ông Nguyễn Ngọc Bích, thay mặt cho người Việt ở hải ngoại, đánh điện cho tôi, ân cần khuyên tôi nên ký tên xin ân xá để cho họ tiện bề vận động xin phóng thích cho tôi. Nể tình họ, tôi đã ký tên.

Gần năm năm đã qua, **mặc dầu các bè bạn này không ngớt kêu gào, tôi vẫn đội trên đầu bản án tử hình**, và trong mấy năm này, trước khi đi ngủ, đêm nào tôi cũng tự hỏi: “*Ngày mai phải chăng là mình phải đứng trước toán lính hành quyết?*” Sống trong tâm trạng phập phồng nọ, những trầm tư của một tên tội tử hình, bị tử thần uốn nắn chiều hướng rất nhiều, chẳng khác nào tia sáng bị chạy gần một khối thu hút không lờ vạy. Phương chi, tôi còn mắc một cơn bệnh trầm kha, kéo dài từ tháng 4 năm 1959 đến tháng 9 năm 1961, mà đến nay, tháng 6 năm 1962, thời hồi xuân vẫn chưa dứt. Trong điều kiện ấy, những trang sau này phỏng có giá trị nào chẳng?

Tuy vậy, tôi không ngại ngừng mà đăng chúng nó ra, trước để làm một bức thơ cảm ơn chung cho những ai, rải rác trong bốn

phương trời, hoặc danh tiếng lẫy lừng như A. Camus hay Nehru, hoặc tên tuổi còn trong bóng như sinh viên và học sinh, sau để đặt một vấn đề mà tôi tin rằng là vấn đề trọng đại hơn hết của nửa thế kỷ sau của thế kỷ hai mươi. Tôi muốn nói đến sự đại nhất thống tôn giáo, triết học, khoa học và chính trị.

Hơn hai ngàn năm trăm năm trước đây, khi khoa học chưa phát sanh và sự hiểu biết của loài người chỉ còn thô sơ, khi chính trị còn là cái luân lý của các tiểu quốc vương đối với nhau và đối với thần dân, đã có người, tôi muốn nói đến Thích Ca Mâu Ni, đem tôn giáo và triết học mà thống nhất lại, thành ra Phật pháp còn truyền đến bây giờ. Hơn trăm năm trước đây, Marx đem triết học của nước Đức thời ấy, dung hoà với kinh tế học của Anh và xã hội chủ nghĩa của nước Pháp mà đắp nền cho một cái văn minh mới, văn minh chính uỷ, hiện nay đang chi phối cả tí người. Rồi, do một sự ngẫu ngộ của lịch sử, sáu trăm triệu dân Trung Hoa, đương sùng bái đạo Phật đây, lại phải tôn thờ một lý tưởng mới, mà Thánh nhơn là Marx, Engels, Lénine, Staline và Mao Trạch Đông... Hai nguồn văn minh này, của đạo Phật và của chủ nghĩa cộng sản, cả hai đều có xu hướng xa thơi, sau khi gặp gỡ nhau trên đất Trung Hoa, sẽ ai thắng, ai bại, hay sẽ tổng hợp nhau thành ra một cái gì mới mẻ?

Về một mặt khác, khoa học, phát sanh ở Hy Lạp vài thế kỷ sau Phật pháp, từ đây vạch một con đường càng lâu càng rộng thênh thang và ngày nay không biết biên giới nào cả. Vào những buổi đầu, nó còn phải tùy thuộc vào tôn giáo. Vài thế kỷ này, nó **gỡ được cái ách ấy**, nhưng lại bị trói vào những tùy thuộc mới của chính trị. Nó sẽ cởi được những tùy thuộc mới này chăng, hay sẽ hạ mình làm cái máy cho kẻ mạnh thế vận theo ý muốn? Vài mươi năm nay, Phật pháp vừa bỏ vôi bỏ qua các xứ Tây phương, Anh, Đức, Pháp, Mỹ, Úc... Đụng chạm với khoa học của các xứ này, tôn giáo ấy sẽ ra sao, hay cũng sẽ bị khoa học bài bác, cũng như các giáo điều khác, trước kia?

Nói đến sự đại nhất thống tôn giáo, triết học, khoa học và chính trị, mà **chỉ** đề cập đến Phật pháp, ấy *không phải* là một sự thiên lệch. Các giáo điều khác **không nhận chịu một sự sửa lại**, *vaincre ou périr*^[1]. Hình như là giáo điều căn bản của các giáo điều. Đặt cái pháp của mình dưới sự dắt dẫn của trí tuệ. Phật pháp lấy sự sửa lại làm căn bản, và khi bảo rằng sau này Maitreya giáng thế làm vị Phật tương lai, để chỉnh lại cái pháp cũ, phải chăng là Thích Ca Mâu Ni dặn trước tin đồ mình nên dọn mình đón rước một cuộc sửa lại vĩ đại?

Tôi bái phục cái tinh thần cải tiến canh tân ấy cũng như tôi bái phục điều mà trong khoa học, từ Copernic, Galilée, Képler, Newton và nhất là đầu thế kỷ XX, mỗi danh nhân đều đánh dấu cho một cuộc cách mạng trong tư tưởng. Cái tinh thần chung ấy phải chăng là **miếng đất dung hoà Phật pháp và khoa học**? Tôi tin rằng trong mấy năm gần đây sẽ có câu trả lời thoả đáng cho câu hỏi trên đây.

Một ngàn năm trăm năm trước Thích Ca Mâu Ni, triết học của Ấn Độ đã phôi thịnh lắm rồi và dọn đường cho sự thống nhất cái triết học ấy với sự hiểu biết, dưới dấu hiệu của trí tuệ, để thành Phật pháp. Cái triết học của Tây phương, lập ra từ thời Socrate, và bắt đầu phôi thịnh từ Bacon, sẽ nhờ một Maitreya mà thống nhất với khoa học, cũng dưới dấu hiệu của trí tuệ, ất một tôn giáo mới ra đời, một tôn giáo không dựa vào tín ngưỡng và cuồng tín mà bắt nguồn nơi từ tâm, do trí tuệ soi sáng. Ba viên đá lớn, là tôn giáo, triết học và khoa học, đã nhờ trí tuệ mà xây liền với nhau được, thì cái mộng lớn kia, cái mộng đại nhất thống, gần thành vậy.

Chỉ còn viên đá chót: chánh trị. Từ muôn thuở, chánh trị thay đổi sát theo người làm và lịch sử đầy đầy những cái xảy ra bất ngờ, cũng như những cái hiển nhiên tránh không nổi. Đầu thế kỷ này, có mấy ai đoán trước được sự trỗi dậy của Á châu và Phi châu, cũng như những cố gắng đâu có thể ngăn nổi chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai nổ bùng ra? Và mặc dầu bắt nguồn nơi chung hệ thống của Marx, chánh trị của Lénine, của Trotsky, của Staline, của Khroustchev, của Mao Trạch Đông đâu có liên tục với nhau! Thuyết tiền định, thịnh hành ở phương Đông, phải chăng căn cứ nơi sự vô định của chánh trị? Và từ khi, trong sách Cộng hoà, Platon ước mong những hiền triết cầm quyền, hơn hai ngàn năm qua, trên khắp địa cầu, đã đếm được bao nhiêu người như thế ấy? Thế mà, lúc này hơn lúc nào cả, thế giới của chúng ta đòi hỏi những nhà cầm quyền hiền triết. Sự phân hoá thế giới thành hai khối tương phản nhau, cả đôi bên đều nắm những khí giới tàn sát rất kinh khủng, đang đe dọa nhân loại bằng sự phá hoại vô chừng, có thể kéo lùi lịch sử năm mươi thế kỷ là ít. Sự khôn ngoan của đôi bên liệu có thể ngăn nổi một cuộc chiến tranh thế giới thứ ba chăng? Nhìn theo tầm mắt của cái mộng đại nhất thống, liệu chánh trị có chịu đem viên đá của mình mà xây chung, cùng với tôn giáo, triết học và khoa học, cái lâu đài của ngày mai soi sáng bởi trí tuệ chăng? Hay chánh trị vẫn kiêu căng, vẫn bắt tôn giáo, triết học và khoa học làm nô lệ cho mình, và vẫn chỉ nghe tiếng gọi của bản năng và nhiệt tình?

Trong năm năm, lúc bình cũng như lúc mạnh, đầu óc tôi bị mấy vấn đề ám ảnh, tôi nghĩ cách viết ra mấy bài trầm tư này. Chính tôi lấy làm lạ hơn ai hết sao một tên tội tử hình, số phận đặt nằm bên cạnh cái chết, lại không nghĩ về cái chết, mà lại lo chuyện của người sống. Mà lo nghĩ về chuyện của người khác, không lúc nào lòng tôi được yên nghỉ, cho đến đổi lắm khi, tôi tự ví là một damné^[2]. Đương đợi sự giải thoát của mình. Mà sự giải thoát này, tôi tin rằng khi đăng tập sách này để hỏi những ai suy nghĩ trong bốn phương trời, tôi sẽ đón rước được những lời chỉ giáo.

Côn Sơn, tháng Sáu năm 1962

Tái bút đúng ba năm sau

Khởi viết vào đầu tháng Sáu 1962, mỗi tháng được một bài, đến tháng Mười Hai năm ấy, tôi viết đến bài thứ năm. Nhưng tưởng có thể tiếp tục như vậy mãi, không dè cuối năm 1962, chúng tôi bị xét phòng.

Sách, mấy chục số *Esprit* của ông Domenach gửi cho, mấy chục số *Preuves* do bộ biên tập này tặng, ba bản thảo của ba bộ trường thiên tiểu thuyết đã viết xong, một quyển tự thuật, hai quyển tiểu luận, bị dồn vào một càn xé cắt vào kho... để cúng dường cho bọn mồi làm thực phẩm. **Còn những cái viết lỡ dở, thì bị gom gói lên ban quản đốc. Nhờ vậy mà, khi Ngô Đình Diệm bị hạ, mớ tài liệu này được trả lại.** Những bài “Trầm tư”, nhờ vậy mà sống sót.

Gởi về nhà trước khi tôi bước chân ra khỏi Chí Hoà, tạp chí *Bách Khoa* lần lượt cho đăng ra. Tôi không hài lòng lắm. Những bài tôi viết, dựa vào mớ kiến thức tôi đã có năm 1954, vào tù có đọc chi thêm, chi cho khỏi là lỗi thời? Nay ông giám đốc nhà xuất bản *Lá Bối* ngỡ ý cho in ra thành tập, tôi càng không hài lòng hơn nữa.

Song nghĩ cho kỹ, tại sao có cái tự ái như vậy?

Công chúng muốn hiểu tâm trạng của **một người tội tử hình, nằm trong bốn vách, chẳng biết chi xảy ra ngoài đời, bệnh hoạn liên miên, tử thần lảng vảng mãi bên cạnh.** Thì thành thật cho công chúng hiểu.

Còn việc nói trùng hay trật, ai nữ, mình là kẻ có đủ sách vở để học mỗi ngày, ai nữ tranh hơn thua với một kẻ, chỉ có ký ức leo lét của tên tội tử hình ốm đau nhắc nhở?

Sài Gòn, tháng Sáu 1965

[Source: *Talawas* – 7/2008]

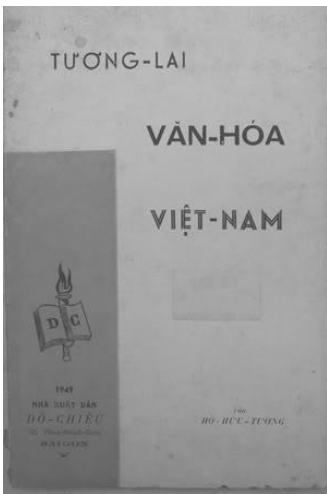
Tiểu sử:

Ông sinh tại làng Thường Thạnh, tỉnh Cần Thơ.

Năm 1926, Hồ Hữu Tường sang Pháp học tại trường Đại học Marseille và nộp luận án thi Cao học Toán tại Đại học Lyon. Tại Pháp ông kết bạn và tham gia hoạt động chính trị với những nhà ái quốc lưu vong như Nguyễn Thế Truyền, Phan Văn Trường, Nguyễn Văn Tạo, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Phan Văn Chánh v.v... và gia nhập Đệ Tứ Quốc tế.

Năm 1930, Hồ Hữu Tường được giao làm chủ nhiệm báo bí mật tên là *Tiền Quân*. Thành viên của ban biên tập là những chính khách sau này như Tạ Thu Thâu, Hồ Văn Ngà, Phan Văn Chánh, Huỳnh Văn Phương, Lê Bá Cang... Báo chưa phát hành số đầu thì ban biên tập bị bắt vì tổ chức cuộc biểu tình ngày 22 tháng 5 năm 1930 trước điện Élysée (dinh Tổng Thống Pháp) để xin giảm án cho các liệt sĩ trong cuộc Khởi nghĩa Yên Bái bị kết tội tử hình. Cả nhóm bị trục xuất về Việt Nam, ngoại trừ Phan Văn Hùm và Hồ Hữu Tường trốn thoát sang Bỉ. Sau đó ông về nước.

Tháng 11 năm 1932, Hồ Hữu Tường bị Pháp bắt vì phụ trách tạp chí lý luận chính trị bí mật *Tháng Mười* (theo xu hướng Trotsky chỉ trích hoạt động của đảng Cộng Sản Đông Dương), đến ngày 1 tháng 5 năm 1933 bị xử án treo ba năm. Sau đó ông được mời gia nhập ban biên tập của nhật báo *Công Luận* và tuần báo *Đồng Nai*. Năm 1936, Hồ Hữu Tường xuất bản tạp chí *Thường trực Cách mạng*, một tạp chí bí mật duy nhất trong nước được in bằng chữ in. Tạp chí



này được dùng làm công cụ đối lập với Đảng Cộng sản Đông Dương. Cũng trong thời gian này ông bỏ nhóm La Lutte và cho xuất bản một tuần báo tiếng Pháp tên là *Le Militant* (Chiến sĩ), công khai công kích chủ nghĩa Stalin. Cùng với Đào Hưng Long ông cho ra tờ *Thầy Thợ* cổ xúy đường lối Đệ tứ Quốc tế.

Tháng 6 năm 1939, ông tuyên bố từ bỏ Đệ Tứ và chủ nghĩa Mác. Ngày 29 tháng 9 năm 1939, chính phủ thuộc địa mở chiến dịch tổng đàn áp, bắt hết những đảng phái đối lập. Đến cuối năm 1940 Hồ Hữu Tường bị đày

ra Côn Đảo cùng với các nhà cách mạng chống Pháp khác như Nguyễn An Ninh, Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu... Năm 1944, ông được trả tự do. Trong thời gian ở tù, Hồ Hữu Tường đã hình thành một hệ thống tư tưởng mới: chủ nghĩa dân tộc, không lệ thuộc Tây, Tàu, Nga, Mỹ. Ông tuyên bố: "Tôi trở về con đường dân tộc; tôi cho rằng việc giai cấp vô sản giải phóng nhân loại là một huyền thoại lớn của thế kỷ 19 và tiềm năng cách mạng của giai cấp vô sản ở châu Âu và Bắc Mỹ là một huyền thoại lớn của thế kỷ 20."

Năm 1945, Hồ Hữu Tường ra bắc. Trong thời gian này ông viết *Xã hội học nhập môn*, chống lại phép biện chứng và một loạt sách chính trị, kinh tế khác như: *Muốn hiểu chánh trị, Kinh tế học, Kinh tế chánh trị nhập môn, Tương lai kinh tế Việt Nam, Vấn đề dân tộc, Tương lai văn hóa Việt Nam...*

Năm 1946, Hồ Hữu Tường được mời tham dự hội nghị Đà Lạt với tư cách cố vấn trong phái đoàn Việt Nam. Sau đó, ông tham gia soạn chương trình sách giáo khoa bằng tiếng Việt cho bậc trung học cho bộ Giáo Dục Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

Năm 1947, Hồ Hữu Tường bị Pháp bắt trong lúc tản cư về Hải Dương. Sau đó ông trở về Sài Gòn viết văn, làm báo. Năm 1948, Hồ Hữu Tường hợp tác với báo *Sài Gòn Mới* và bắt đầu viết tiểu thuyết *Phi Lạc sang Tàu*. Năm 1953, Hồ Hữu Tường đưa ra giải pháp Trung lập chế (Neutrality).

Năm 1954, ông sang dự hội nghị Genève, ra sức vận động cho giải pháp trung lập Việt Nam nhưng không thành công.

Tháng 3 năm 1955, Hồ Hữu Tường bị bắt vì làm cố vấn cho Mặt Trận Thống Nhất (Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên) chống lại chính quyền Ngô Đình Diệm.

Năm 1957, Hồ Hữu Tường bị kết án tử hình, nhưng nhờ Albert Camus và những trí thức khác như thủ tướng Ấn Độ Nehru viết thư can thiệp nên *chỉ bị đày ra Côn Đảo*. Ngày 31 tháng 1 năm 1964 (sau khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ) Hồ Hữu Tường được trả tự do. Ra tù, ông viết bài cho tờ *Ánh Sáng* và đưa ra giải pháp Siêu lập: đề nghị Liên Hiệp Quốc hóa miền Nam Việt Nam.

Năm 1965, ông làm Phó Viện Trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh và vào ban biên tập tuần báo *Hòa đồng Tôn giáo*.

Năm 1967, Hồ Hữu Tường trúng cử dân biểu đối lập trong Hạ Viện Việt Nam Cộng Hòa, thời gian này ông tham gia viết bài cho các tờ báo: *Tiếng Nói Dân tộc, Quyết Tiến, Đuốc Nhà Nam, Tin Sáng,*

Sài Gòn Mới, Điện Tín v.v...

Sau sự kiện 30 tháng 4, 1975, ông bị bắt đưa đi học tập cải tạo. Năm 1980, được trả tự do và mất vừa khi về đến trước cửa nhà vào ngày 26 tháng 6 năm 1980 tại Sài Gòn.

[Source: Wikipedia.org]

GIẢI TỎA BÍ MẬT VỀ CÁI CHẾT CỦA TƯỚNG TRỊNH MINH THẾ

(*Tạp chí GÓP GIÓ, số 112, thứ ba, ngày 7/2/03*)



LỜI TÒA SOẠN: Tướng Trịnh Minh Thế, Tư lệnh Lực Lượng Cao Đài Liên Minh bị giết vào lúc 6 giờ chiều ngày 3-5-1955, là một nghi án mà đã có một số tin tức loan khác nhau, như:

1- Về phía chính quyền Ngô Đình Diệm cho biết rằng tướng Trịnh Minh Thế đã trúng một viên đạn vào đầu, khi ông đi trên chiếc xe Jeep chạy trên cầu Tân Thuận, trong khi đang truy quét lực lượng Bình Xuyên.

2- Theo ông Lê Trọng Văn, viết rằng cái chết của tướng Trịnh Minh Thế là do tướng Văn Thành Cao cho đàn em ngồi chung xe Jeep với tướng Thế, hạ sát ông tại cầu Tân Thuận, theo mật lệnh của ông Ngô Đình Nhu.

3- Theo một tài liệu bằng tiếng Pháp do ông Nhị Lang công bố trên báo chí, thủ phạm giết tướng Thế là Thiếu tá Tinh báo Savani của Pháp, trả thù cho tướng Chanson. Thiếu tá Savani từ trên chiếc thuyền nhỏ của Pháp từ dưới sông bắn lên xe tướng Thế.

Nhưng theo tài liệu do ông Trịnh Minh Sơn công bố trên tờ Làng Văn, Canada, số 232 tháng 12-2002, dưới đây, cho biết thân phụ ông - tướng Trịnh Minh Thế đã bị giết tại Dinh Độc Lập rồi đem xác ông chờ tới cầu Tân Thuận để đánh lạc hướng.

Rõ ràng đây là một bằng chứng thật CHÍNH XÁC nhưt. Bởi vì là người trong gia đình mới có thể nhìn tận mắt có cả thấy HAI vết đạn bắn rất gần, một vào ót và một vào vào lỗ tai tướng Thế còn để lại **ám khối** trên vết thương, chứ không phải MỘT phát duy nhưt như tin công bố.

Được biết khi hay tin chồng chết, bà Trịnh Minh Thế đã đến ôm xác chồng và khóc kể "**Ông Nhu đã giết chồng tôi!**".

Cũng vào thời gian đó có tin ông Nhu đã bí mật cho người tới hăm dọa gia đình tướng Thế buộc phải giữ im lặng. Tướng Thế sẽ được truy thăng Trung tướng, được hưởng một số tiền tử tuất để sinh sống, và các con sẽ được đầu vào trường Quốc Gia Nghĩa Tử ăn học tử tế. Phải chăng vì để bảo vệ sự an toàn cho gia đình, bắt buộc gia đình tướng Thế phải giữ bí mật cho tới bây giờ? **GÓP GIÓ**

Giải-tỏa bí mật về cái chết của tướng Trịnh Minh Thế

Trong mục này, *Làng Văn* số 231, BC viết rằng: “*Tướng Trịnh Minh Thế tử trận đang khi điều quân tấn công lực lượng Bình-Xuyên bên kia cầu Tân-Thuận, đạn đạo phát xuất từ một giang-thuyền Pháp, do Bình-Xuyên điều khiển. Sau này có tin, tướng Thế bị Savani, sĩ quan Phòng Nhì Pháp ra lệnh ám sát để trả thù cho tướng Chanson.*”

Sau khi báo phát hành, thân nhân của tướng Thế, hiện sinh sống ở Canada, đã gửi thư cho BC, công bố bí mật về cái chết của tướng Thế, nội dung như sau. BC xin đăng tải nguyên văn như một sử liệu:

“Brossard, ngày 12 Nov, 2002

Kính thưa ông Bút Chì

Nhân đọc thấy một độc giả thắc mắc về cái chết của tướng Trịnh Minh Thế, và đã được ông trả lời trong mục giải đáp, Làng Văn số 231.

Tôi xin tự giới thiệu là con trai út của cố Trung tướng Trịnh Minh Thế. Mẹ tôi là quả phụ Nguyễn Thị Kim, hiện đang sinh sống với tôi ở Canada. Nhờ ông Bút Chì đính chánh giùm một bí mật về cái chết của ba tôi, sau 47 năm mà gia đình tôi giữ im lặng.

Sự thật là ba tôi bị ám sát, không chết trận như tin tức và lời đồn đãi.

Ba tôi bị ám sát lúc 6 giờ chiều ngày 3 tháng 5, 1955, do 2 viên đạn súng nhỏ, vì vết thương không phá rộng. Viên đạn thứ nhất đi sát vào óc, bắn trở ra miệng, miệng còn ám khói đạn. Viên đạn thứ hai, phát âm huệ, cũng đi sát vào lỗ tai phải, bắn trở ra bể trong mắt trái, lỗ tai ám khói súng. Điều đó cho thấy, kẻ ra tay là người thân cận, đứng sau lưng hoặc đứng kế bên. Mẹ tôi tin rằng ba tôi bị mưu sát trong dinh Độc Lập, khi về họp tham mưu. Sau đó đưa xác ra mặt trận cầu Tân Thuận và hô lên là tử trận.

Từ ngày mất nước, ở hải ngoại có nhiều giả thuyết được đưa ra, nói về cái chết của ba tôi. Đề tài này thường một số người liên hệ tới

cái chết mờ ám của ba tôi, khai ra, tạo nhiều giả thuyết vô lý, vô căn cứ, ngụy tạo, hoặc đem viết sách hoặc đăng trên báo chí, để cố tình che đậy sự thật, tung hỏa mù đánh lừa dư luận để bưng bít tội ác năm xưa.

*Như ông Bút Chì đã thấy, qua nhiều sách báo và tài liệu, tất cả đều nói tướng Thế tử thương vì một viên đạn duy nhất; nhưng **gia đình tôi và cả giòng họ Trịnh đều biết là ba tôi chết vì 2 viên đạn được bắn rất gần** (dì sát và bóp cò). Chỉ cần chi tiết quan trọng đó thôi cũng đủ để tôi khỏi tốn công dẫn chứng dài dòng để đả phá các giả thuyết ngụy tạo khác*

*Sau cùng, để đính chánh trả lời trên báo, ông có thể tóm tắt: “**Anh em ông Diệm Nhu ngày về chấp chánh bấp bênh nên đã chiêu dụ tướng Trịnh Minh Thế về hợp tác để củng cố địa vị; sau đó chủ mưu hạ sát để trừ hậu hoạn**”*

Xin thành thật cảm ơn ông”

Trịnh Minh Sơn

2810 Bourgogne

Brossard, Quebec J4Z 1T5

Canada

GÓP Ý CỦA ĐDTB:

Trong cuốn “Phong Trào Kháng Chiến Trịnh Minh Thế” của ông Nhị Lang tên thật là Thái Lâm, xuất bản 1984 nơi trang 328 – 329 viết như sau:

*“Tướng Thế mất đúng 7 giờ chiều ngày mùng 3 tháng 5 năm 1955. Ông bị một viên đạn Carbin duy nhất bắn vào lỗ tai bên phải, xuyên qua mắt trái, tròng mắt bay mất. Khói đạn còn dính bên tai, chứng tỏ kẻ sát nhân phải đứng gần lắm nên mới chính xác như vậy. Một con mắt còn lại nhắm nghiền, hàm răng giả của ông cũng đã bay đi đâu mất.”. Điều này chứng tỏ điều **ông Trịnh Minh Sơn đúng**, bố ông bị bắn **2 phát**. Đạn đi từ lỗ tai lên mắt viên đạn đó không chạm đến răng được và viên đạn đó không phải là súng Carbin mà là súng lục loại Rouleau. Phát bắn đầu tiên từ sau ót ra miệng bay đi hàm răng giả, Tướng Thế chưa chết, vì chưa vào óc. Người bắn phải cao hơn tướng Thế.*

* Ký giả Như Phong Lê Văn Tiến phỏng vấn ông Tô Bình Cầm em vợ của Tướng Thế, ông Cầm cho biết rằng: *“**Tướng Thế đã bị giết trong dinh Độc Lập, có thể ở dưới tầng hầm (basement), rồi ông***

Nhu cho đem qua cầu Tân Thuận Ông Cầm quả quyết tướng Thế không có ở trong xe, không lái xe và không đi đến Tân Thuận. Thi thể tướng Thế được đưa tới đó để giả như ông ta chết tại mặt trận.”

* Ký giả Như Phong Lê Văn Tiến phỏng vấn ông Tạ Thành Long là tùy viên của tướng Thế. Ông Long bác bỏ việc ông có liên hệ đến cái chết của tướng Thế và ám chỉ ông biết ai đứng đằng sau vụ hạ sát này, nhưng từ chối không cho biết chi tiết. Cuộc phỏng vấn này vào ngày 8-8-1999, mà bức thư của cựu trưởng phòng nhì Pháp là Savani đã được tạp chí Việt Nam Hải Ngoại của Luật sư Đinh Thạch Bích phổ biến từ lâu chứng tỏ là *tài liệu giả mạo*, vì Đại tá Tạ Thành Long không nhắc đến người Pháp giết và còn cho biết ai đứng đằng sau vụ hạ sát

* Phóng Sự - Ký Sự của Tuổi Trẻ Cuối Tuần Online: Phạm Xuân Ân – Tên Người Như Cuộc Đời của Nhà Văn Nguyễn Thị Ngọc Hải, kỳ thứ 8, ngày 25/10/06, Phạm Xuân Ân đã cho biết: “...Người Sài Gòn ngày đó nhớ những biển lửa từ Tân Thuận đến Xóm Củi, và kể cho nhau nghe cái chết của tướng Cao Đài Trịnh Minh Thế. Thế ở trong Tứ Liên rồi quay ra đi với Diệm. **Chính Diệm - Nhu cho người giết Thế ngay chỗ cầu Tân Thuận...**”, click đọc: [PHẠM XUÂN AN – TÊN NGƯỜI NHƯ CUỘC ĐỜI - Nguyễn Thị Ngọc Hải](#)

* Ông Lê Trọng Văn chưa bao giờ gặp Ông Trịnh Minh Sơn cho đến hiện nay, **mong Ông Nguyễn Càn bút hiệu Tú Gàn đừng có viết Càn** – viết Gàn nghe ông Tú Tàn, vì Lê Trọng Văn và Trịnh Minh Sơn đang sinh sống tại San Diego và Quebec, Canada.

Trích Tạp chí *GÓP GIÓ*, ngày 7/2/03
ĐDTB, ngày 18/12/06

<http://www.dongduongthoibao.net/view.php?storyid=336>

TẠI SAO TỔNG THỐNG NGÔ ĐÌNH DIỆM KHÔNG CHO TƯỚNG TỬ TỘI LÊ QUANG VINH ĐƯỢC CHẾT TOÀN THÂN? VÀ AI ĐÃ THỬ TIÊU THÂN XÁC CỦA ÔNG?

[Ông tiến sĩ luật Francis Lâm Lễ Trinh đã trốn tránh câu hỏi, trong khi lại viết sách bẻ cong lịch sử. Vậy xin hỏi, có ai đó có thể trả lời thay cho ngài cựu Bộ trưởng bộ Nội vụ không?]

28.06.2008 | *Trịnh Bá Lộc*



Tướng Lê Quang Vinh trước Tòa Sơ thẩm đại hình Cần Thơ



Tướng Lê Quang Vinh tự Ba Cụt là một anh hùng tạo thời thế xuất thân từ nông dân áo vải, tay lấm chân bùn một tín đồ của Phật Giáo Hoà Hảo.

Vừa 20 tuổi, anh đã chạm phải với cái cảnh tang tóc của một xứ sở đang bị dày xéo xâm lăng của Thực dân Pháp. Lòng quả cảm của một thanh niên đã hun đúc tinh thần yêu nước nồng nhiệt anh quyết tâm thành lập Bộ đội để đánh thực dân Pháp. Suốt 7 năm (1947-1954) những cuộc chiến đấu oai hùng của nghĩa quân vang dội trong các tỉnh Châu đốc, Long Xuyên, Cần Thơ, Sa Đéc làm cho Việt Minh Cộng Sản cũng như quân đội Pháp đều phải khiếp đảm. Vì có một thiên phú, tướng Ba Cụt có khả năng điều quân khiển tướng độc đáo đánh đâu thắng đó. Ngoài ra tướng Ba Cụt có những đặc tính: Tiến quân anh đi trước, quân lui anh đi sau, và đối sử với binh sĩ với cấp trực thuộc như là thân nhân ruột thịt nặng nề giáo dục, nhẹ về hình phạt, nhường cơm sẻ áo với chiến sĩ trong những cơn bị địch bao vây.

Năm 1954, sau khi ký hiệp định Genève, cụ Ngô Đình Diệm về nước chấp chánh, chính ông Ngô Đình Nhu thân hành đến gặp tướng Lê Quang Vinh với ý định muốn lôi kéo Tướng Vinh vào phe để khống chế các lực lượng vũ trang của các giáo phái. Nhận thấy ý đồ bất chính của nhà Ngô, Tướng Lê Quang Vinh khẳng định sớm muộn gì Ông Diệm và Ông Nhu đi đến con đường độc tài đó là hậu quả vô cùng tai hại đưa đất nước Việt Nam đến bờ vực thẳm suy vong tạo cơ hội tốt cho CS trở lại thôn tính Miền Nam. Tướng Vinh rút vào bung để phán đối. Sự rút quân của Tướng Vinh làm cho Ngô Đình Nhu vô cùng bức bối. và mưu toan thanh toán cho kỳ được người anh hùng trực tính này. Cuối cùng Tướng Lê Quang Vinh bị bắt và bị xử tử tại Cần Thơ (13-7-1956).

Ngày 13.7.08 tới đây là ngày kỷ niệm Tướng Hòa Hảo Dân Xã đảng Lê Quang Vinh tức Ba Cụt bị hành quyết tại Cần Thơ, 42 năm trước đây. Trong tác phẩm "Về Nguồn", tác giả Tiến sĩ Lâm Lễ Trinh có viết đoạn như sau:

"...Nhưng đã chết một cách bí ẩn trong tù. Nguyên Đại tướng Khánh cho biết đã tìm thấy xác của Nhung treo cổ bằng giây thừng". (Nhung cũng là người được Dương Văn Minh giao phận sự thủ tiêu xác của Lê Quang Vinh tức Ba Cụt, lãnh tụ Hoà Hảo, sau án tử hình). (Về Nguồn trang 64).

Đối với độc giả 60 hay trẻ hơn, đoạn văn ngắn ngủi trên đây chỉ tạo thêm thắc mắc hơn là dư kiện lịch sử. May thay, ngày 22.6.2008 vừa qua, ông Hồng Phúc của đài phát thanh (VN) Hải Ngoại tại Hoa Thịnh Đốn có nêu câu hỏi liên quan đến vụ án này với ông Trịnh Bá Lộc, nguyên sĩ quan Tùy viên của Đại tướng Dương Văn Minh từ năm 1958 đến chiều ngày 29.4.1975.

Dưới đây là trích đoạn bài phỏng vấn do ông Trịnh Bá Lộc gửi tới :

Hỏi : Trong vụ án Tướng Lê Quang Vinh, tức Ba Cụt của Hòa Hảo, bị xử tử tại Cần Thơ, cũng có dư luận cho rằng người cận vệ của Đại tướng Minh, lúc bấy giờ là Đại úy Nguyễn Văn Nhung, đã bằm thây của Tướng Ba Cụt ra làm nhiều mảnh, sau khi thi thể ông này đã được chôn cất. Ông có biết chuyện này như thế nào không ?

Trịnh Bá Lộc : Để có được một cái nhìn thuận lý về sự việc, tôi có 3 ý để thưa cùng quý vi: Trước hết là kẻ sơ lược về quá trình bắt giữ Tướng Lê Quang Vinh, thứ hai là các phiên tòa và bản án của tướng Lê Quang Vinh và cuối cùng là vấn đề thanh toán xác chết.

1. Quá trình bắt giữ Tướng Lê Quang Vinh

Tướng Lê Quang Vinh tức Ba Cụt là lãnh tụ Hoà Hảo Dân Xã đảng đã bị phục kích bắt sống trong khuôn khổ chiến dịch Nguyễn Huệ vào năm 1956. Lúc này tôi chưa phục vụ dưới quyền chỉ huy của Đại tướng Dương Văn Minh. Tôi được biết qua báo chí lúc bấy giờ và theo lời thuật lại của Đại úy Nguyễn Lễ Trí và Đại úy Nhung khi tôi làm việc chung với những người này từ năm 1958. Ông Trí là em rể của bà Dương Văn Minh cũng là thuộc cấp của Đại tướng Minh từ các chiến dịch Hoàng Diệu, Nguyễn Huệ, Thoại Ngọc Hầu. Chức vụ sau cùng của ông Trí là Cục Trưởng cục Xã Hội, hiện ông đang định cư ở California.

Ngoài ra sau này tôi còn được biết thêm một cách chi tiết hơn,

khi Đại tướng Minh sang Hoa Kỳ. Mặt khác tôi còn tìm thấy được những tài liệu rất đáng tin cậy được viết rõ ràng trong quyển "1945-1954 Việc Từng Ngày Hai Mươi Năm Qua". Tác giả là Đoàn Thêm.

Sau khi hoàn tất chiến dịch Hoàng Diệu, Thiếu tướng Dương Văn Minh được đề cử giữ chức vụ Tư lệnh chiến dịch Nguyễn Huệ từ ngày 1.1.1956 để đối phó với lực lượng Hòa Hảo, cụ thể là để thu phục các Tướng Lê Quang Vinh tức Ba Cụt và Tướng Trần Văn Soái tức Năm Lửa. Đại úy Trí, thuộc cấp tin cậy của Thiếu tướng Minh lúc bấy giờ, đã gây được sự tín nhiệm đặc biệt với ông Phan Hà, bạn học cũ, của Đại úy Trí. Chỉ sau vài lần trao đổi điều kiện với Đại diện của Thiếu tướng Minh, ông Phan Hà, Cố vấn của Tướng Năm Lửa, đã thuyết phục được bà Trần Văn Soái, nữ danh Lê Thị Gấm, người được biết nhiều với biệt danh Phàn Lê Huệ. Tuy là lãnh tụ của khối quân sự lớn nhất của Hoà Hảo, Tướng Trần Văn Soái lại chịu sự chi phối cứng rắn của phu nhân mình nhất là các vấn đề tài chánh nên ông chấp thuận nhanh chóng những điều kiện do Bộ tư lệnh Chiến dịch đưa ra và được soạn thảo bởi Đại sứ Nguyễn Ngọc Thơ.

Ngày 8.3.1956 tại Cái Vồn, trước Thiếu tướng Dương Văn Minh, Tướng Trần Văn Soái, với 1.056 sĩ quan và 4.600 binh sĩ Hoà Hảo, lần lễ tuyên bố về hợp tác với Chính phủ .

Thu phục xong Trần Văn Soái, Thiếu tướng Minh tiếp đối phó với Tướng Lê Quang Vinh, tức Ba Cụt. Ông cũng rất muốn thu phục Lê Quang Vinh nên đã được sự giúp đỡ của Đại sứ Nguyễn Ngọc Thơ, qua trung gian của ông Giáo Huỳnh Kim Hoàn, là cậu Tư cũng là thầy dạy học của Ba Cụt, tiếp xúc để thỏa hiệp với Ba Cụt nhưng không thành vì sự đòi hỏi quá đáng. Lê Quang Vinh tức Ba Cụt muốn được nhìn nhận là Trung tướng quân đội VNCH, ngang hàng với Trung tướng Lê Văn Ty, Tổng tham mưu trưởng QLVNCH và sắc lệnh công nhận này phải ban hành trước ngày về hợp tác.

Tôi được Đại tướng Minh cho biết trong thời gian đó, Bộ tư lệnh Chiến Dịch xử dụng tối đa các đơn vị thuộc quyền, hành quân liên tục dọc theo vùng Thất sơn, Châu Đốc ngăn chặn đường về núi Sam, Thường Phước, thuộc quận Hồng Ngự gần sát biên giới Kampuchia, là cứ địa an toàn của Ba Cụt. Vì chiến thuật tấn công của TT Minh lúc đó là "chặn mất đường về hang của hổ, buộc hổ phải di động liên tục thì chắc chắn hổ phải sa lưới." Các Tiểu khu tại Miền Tây cũng nhận được lệnh của ông mở nhiều cuộc phục kích ngày và đêm trong vùng trách nhiệm của Tiểu khu để náo động tướng Ba Cụt. Đúng như ý muốn của Thiếu tướng Dương Văn Minh, Tướng Lê

Quang Vinh phải luôn luôn di động, không thể ở yên một nơi nào, như là sau khi Tướng Trần Văn Soái đã quy thuận. Và cuối cùng hồ sa lưới thật:

Ngày 13.4.1956, Tướng Lê Quang Vinh tức Ba Cụt bị một tiểu đội Bảo An phục kích bắt sống tại Chắc Cà Đào cách Long Xuyên 15 cây số cùng với 5 hộ vệ. Trung sĩ Giàu chỉ huy tiểu đội này đã thuật lại rằng, tiểu đội của Ông đang phục kích từ khuya đêm 12 rạng 13.4.56, vào khoảng 6 giờ sáng, Ông thấy một toán người từ một chiếc đò cập bên để bước lên bờ. Ông hô to:

- Ai đó! Đứng lại.

- Đừng bắn! Tôi là Ba Cụt đây! Tôi đầu hàng!

Sau này được báo chí hỏi, Thượng sĩ Giàu nhìn nhận là Ông có cảm giác run sợ, nếu biết rõ trong toán người đó có Ba Cụt, không hiểu ông có phản ứng ra sao. Ông và Tiểu đội của Ông được thưởng 1 triệu đồng trong một buổi lễ ngày 22.5.1956. Vào thời điểm đó tôi đang thụ huấn tại TVBLQ Dalat, sau khi trừ tiền cơm, chúng tôi lãnh được lỏi hơn 1.200 đồng và 1 tô phở BẰNG chỉ có 5 đồng.

Bộ tư lệnh Chiến dịch liên giải Ba Cụt về Cần Thơ rồi chuyển phạm nhân sang bộ Tư Pháp và bộ Quốc Phòng. Kể từ lúc đó mọi quyết định về Ba Cụt đều thuộc hai bộ này còn Bộ tư lệnh Chiến Dịch của Thiếu tướng Minh chỉ yểm trợ tỉnh Cần Thơ trong việc bảo vệ an ninh khám đường mà thôi.

2. Các phiên tòa và bản án của tướng Lê Quang Vinh

Ngày 11.6.1956: Tòa Sơ thẩm Đại hình họp tại Cần Thơ, với thành phần: Chánh án là ông Huỳnh Hiệp Thành, Đại diện Công tố viện là ông Biện lý Lâm Lễ Trinh, các Luật sư biện hộ bị can là ông Vương Quang Nhường, Lê Ngọc Chấn. Tòa tuyên án tử hình theo đề nghị của ông Biện lý Lâm Lễ Trinh.

Bị can chống án:

- 25.6.1956: Toà Thượng thẩm Đại hình họp tại Cần Thơ với thành phần : Chánh án: Lê Văn Thu, Công tố viện: Lê Văn Tuấn, để phúc lại án Lê Quang Vinh và ngày 26.6.56, y án tử hình của toà Sơ Thẩm Đại hình Cần Thơ.

- 3.7.1956: Toà án Quân sự họp tại Cần Thơ để xét về khía cạnh an ninh quốc gia với thành phần Chánh án: Vũ Tiến Tuấn, Ủy viên Chánh phủ: Thiếu tướng Mai Hữu Xuân, và ngày hôm sau, 4.7.1956, tòa tuyên án Lê Quang Vinh: tử hình cộng thêm tước đoạt binh quyền và tịch thu tài sản.

- Tử tội Lê Quang Vinh tự Ba Cụt xin Tổng thống VNCH ân xá.

- Tổng thống Ngô Đình Diệm bác đơn ân xá.

- Luật sư Lê Ngọc Chấn thay mặt Lê Quang Vinh xin Tổng thống kiêm Tổng tư lệnh tối cao Q.Đ.V.N.C.H cho tử tội được bị xử bắn theo quân luật thay vì bị hành quyết bằng máy chém.

- Tổng thống Ngô Đình Diệm cũng bác đơn xin này.

- Ngày 13.7.1956. Trung tá Lê Quang Vinh tự Ba Cụt, 32 tuổi, bị hành quyết tại nghĩa địa đường Hòa Bình, Cần Thơ bằng máy chém "guillotine" có từ thời Pháp thuộc, chở từ Sài Gòn xuống, đao thủ phủ là ông Đội Phước.

Vấn đề được đặt ra nơi đây:

Việc Luật sư Lê Ngọc Chấn, thay mặt tử tội Lê Quang Vinh, Trung tá Trừ bị quân đội Quốc gia Việt Nam (QGVN) kể từ ngày 14.1.54 dưới thời Thủ tướng Bửu Lộc, yết kiến Tổng thống để xin đặc ân cuối cùng là được xử bắn thay vì bị chém nhưng rồi Ba Cụt vẫn bị chặt đầu! Ai là người có thẩm quyền chuyên quyết theo hiến pháp?

Tôi muốn nói là **có ai đó cứ một mực muốn Ba Cụt phải bị chặt đầu nên mới không ban cho đặc ân bị xử bắn mà đáng lý ra Ba Cụt phải được hưởng, vì tử tội đã từng là một sĩ quan Trung tá trừ bị, và hơn thế nữa là Đại tá giả định?** Tôi xin nhường quyền phán xét lại quý vị.

Cũng cần nói thêm một chi tiết khác: Ngày 17 tháng 3.1965, tất cả 3 bản án của tòa án Quân sự và của tòa Đại hình bị hủy bỏ do phán quyết của Phòng Tái Thẩm tòa Thượng Thẩm Sài Gòn.

- Sau khi hoàn tất vụ án Ba Cụt, **ông Biện lý Lâm Lễ Trinh**, trở về Sài Gòn đảm nhận chức Tham lý, ngang hàng Thứ trưởng, rồi chức Bộ trưởng bộ Nội Vụ (thăng thưởng công lao?) thay thế ông Nguyễn Hữu Châu, từ chức kể từ ngày 5.11.1956.

- Còn Tướng Dương Văn Minh tiếp tục phục vụ tại Miền Tây, chỉ huy chiến dịch Thoại Ngọc hầu (8.6.1956) rồi được kiêm nhiệm thêm Tổng thư ký thường trực Quốc Phòng, trực thuộc Tổng thống phủ, Tư lệnh phân Khu Saigon - Chợ Lớn sau này trở thành Biệt khu thủ đô (29.8.1956). Chiến dịch Thoại Ngọc Hầu chấm dứt ngày 30.10.1956.

3. Vấn đề thanh toán xác chết

Câu hỏi của quý đài có hai chữ "*bầm thây*." Hai chữ này, năm vừa qua, tôi cũng có nghe. Một người bạn của tôi thuật lại trong một

dịp gặp gỡ với người từng là cựu Sĩ quan Tuỳ viên của Tổng Thống Ngô Đình Diệm cho đến hết ngày 1.11.1963, trong lúc vui miệng đã kê lại, một hôm, tháp tùng Tổng thống đi kinh lý, người này được Ông Tỉnh trưởng Cần Thơ cho biết là xác Ba Cụt đã bị băm ra.

Tôi không tận tai nghe được các cuộc đàm thoại này. Nhưng tôi biết chắc chắn vị Tỉnh trưởng Cần Thơ trong thời gian các chiến dịch Nguyễn Huệ và Thoại Ngọc Hầu cũng không ai khác hơn là vị Sĩ quan cao cấp có tên trong câu trả lời số 4. Tiết lộ của ông với sĩ quan Tuỳ viên của Tổng thống chỉ là một hình thức báo cáo lệnh trên đã được thi hành, không phải là thưa gởi. Sau chiến dịch, vị Tỉnh trưởng này được chuyển làm Tỉnh trưởng Phước Tuy một thời gian khá lâu.

Trong sách của bà Trần Thị Hoa tự Phần, phu nhân của Tướng Lê Quang Vinh, hiện định cư ở Houston, có viết ..."*Khi đã chết rồi, thì thể Tướng Lê Quang Vinh còn bị hành hạ, chặt ra nhiều khúc cho tan nát, cho tuyệt diệt. Hành động này có làm cho phía chiến thắng được thêm hả hê thỏa mãn trong niềm kiêu hãnh tự hào chút nào không? Đối với phương Đông, đây là một điều bất nhân vô đạo. Phương Đông có truyền thống đạo học, kẻ không theo Phật cũng biết Nho. Không ai nỡ đối xử tàn tệ với người đã chết như thế...* (trang 229).

Với ý đồ gì mà người lãnh đạo tối cao lại bắt phải thi hành bản án theo đúng kiểu như vậy? Chúng ta hãy đọc trong "Hồi Ký Lê Quang Vinh" trang 228 để có thể tìm câu trả lời: "*Chỉ có 90 ngày có lẽ còn ngắn hơn nếu kể từ ngày khởi đầu tổ tụng. Rõ ràng là một cố ý chánh trị, một thái độ vội vã, cố tình đạt cho được mục tiêu thật mau lẹ, giống như một kẻ đã có ý định muốn bóp chết địch thủ ngay lập tức, để dứt khoát cho xong*".

Và chúng ta nghĩ sao về sự kiên tử tội xin được xử bắn thay vì bị chém đứt đầu nhưng Tổng thống đã cương quyết từ chối. Nếu Tổng Thống đúng là mẫu như ông Lâm Lễ Trinh ca ngợi trong Về Nguồn, trang 88 là "*Tổng Thống Ngô Đình Diệm là một tín đồ công giáo thuần thành, phân biệt tội phước...*" Vậy thì vì lý do gì ông lại lạnh lùng quyết tâm không cho Ba Cụt được chết toàn thân? Tại sao ông lại muốn công chúng trước pháp trường tận mắt chứng kiến Ba Cụt bị chặt ra làm hai khúc? Rồi theo như hồi ký Tướng Lê Quang Vinh, thì tại sao người lãnh đạo tối cao lại không chỉ thị rõ rệt cho nhân viên thừa hành là phải chiếu theo luật pháp mà **giao ngay xác chết hai mảnh lại cho thân nhân** trước sự chứng kiến của ông

Chánh án Huỳnh Hiệp Thành, của Công tố viện Biện lý Lâm Lễ Trinh cũng như của báo chí, của công chúng với biên bản của Thừa phát lại?

Nếu thật sự có việc phi tán xác chết Ba Cụt thì rõ ràng vì có ai đó đã sợ rằng nơi chôn cất Tướng Lê Quang Vinh ngày nào đó sẽ trở thành một địa điểm hành hương của tín đồ Hòa Hảo.



*Biện lý Lâm Lễ Trinh (tại Mỹ)
Ông Ngô Đình Diệm hôn nhẫn Hồng y Agagianan (1959)*

Vậy thì câu hỏi là:

- Ai là những người sợ nơi chôn cất Tướng Lê Quang Vinh tự Ba Cụt ngày nào đó sẽ trở thành một địa điểm hành hương?

- Và nếu thật sự Thiếu tướng Dương Văn Minh đã chỉ thị cho ông Nhung làm việc này thì ông có lợi gì trong đó? hay chỉ có hại mà thôi?

Ngoài ra nếu muốn phân tích xem cho rõ "có phải Thiếu tướng Dương Văn Minh đã chỉ thị cho ông Nhung bầm thây Ba Cụt hay không" thì tôi xin được kể lại gút mắc của tôi về quyển sách Về Nguồn của ông Lâm Lễ Trinh. Bởi vì nếu chúng ta giải tòa được gút mắc này thì đó chính là phần lớn sự thật về việc thủ tiêu xác Ba Cụt.

Có phải Thiếu tướng Dương Văn Minh đã chỉ thị cho ông Nhung bầm thây Ba Cụt hay không?

- Khoảng đầu tháng 4 năm 2007, Giao Chỉ phổ biến trên Take2Tango, bài viết "Tác giả Lâm Lễ Trinh tại San Jose Từ Về Nguồn đến Thức Tỉnh..."

Khi đọc xong bài viết này tôi liền gởi một điện thư đến tác giả để yêu cầu Ông giải thích cho thắc mắc của tôi về một đoạn trong tác phẩm của Ông. Đoạn ấy như sau:

... "*Nhung đã chết một cách bí ẩn trong tù. Nguyên Đại tướng Khánh cho biết đã tìm thấy xác của Nhung treo cổ bằng giây thừng*". (Nhung cũng là người được Dương Văn Minh giao phận sự thủ tiêu xác của Lê Quang Vinh tức Ba Cụt, lãnh tụ Hoà Hảo, sau án tử hình). (Về Nguồn trang 64).

- Ngày 19.4.2007 tôi vừa gửi điện thư đến ông Lâm Lễ Trinh vừa gửi bằng thư "Ưu tiên" của Bưu điện có số chứng nhận đã giao số 0305 1720 0000 5965 4441 (Delivery Confirmation) ngày 21.4.2007 đến tư gia của Ông ở Huntington Beach, CA 92646 lúc 11:08am.

- Đến 13.5.07, không nhận được hồi âm nên tôi công khai hóa điện thư của tôi trên take2tango.

Đại ý tôi đã viết cho ông Trinh như sau:

Một mặt tôi đưa ra những tài liệu nói rằng khi Lê Quang Vinh bị chém thì Công tố viên của toà Đại hình thuộc Bộ Tư Pháp VNCH có trách nhiệm thi hành bản án này. Và khi đó đại diện Bộ Tư Pháp là ông **Biện lý Lâm Lễ Trinh** có trách nhiệm phải chứng kiến và xác nhận tội phạm là đúng thực là Lê Quang Vinh, cũng như ông Trinh phải xác nhận tội phạm thực sự đã bị chặt đầu và đã chết. Theo luật pháp thì Bộ Tư Pháp và ông Biện lý Lâm Lễ Trinh còn phải có trách nhiệm và cũng như có đầy đủ thẩm quyền quyết định một trong 2 việc:

- Hoặc là giao xác chết của tội phạm (Tướng) Lê Quang Vinh lại cho thân nhân để mai táng,

- Hoặc là giữ xác chết hai mảnh, phần đầu và phần mình của (Tướng) Lê Quang Vinh rồi chôn cất tại nơi nào đó.

Mặt khác tôi đã nhắc lại lời ông LLTrinh viết: "*Nhung cũng là người được Dương Văn Minh giao phận sự thủ tiêu xác của Lê Quang Vinh tức Ba Cụt, lãnh tụ Hoà Hảo, sau án tử hình.*"

Và đã hỏi ông Trinh hai câu:

Câu thứ nhất: Ông là người có quyền quyết định về hậu sự của Lê Quang Vinh cho nên nếu Thiếu tướng Dương Văn Minh đã thủ tiêu xác chết thì chắc chắn ông biết rõ ai đã ra lệnh này cho Thiếu tướng Dương Văn Minh? Bộ Tư Pháp hay Bộ Quốc Phòng? Nên nhớ là lúc bấy giờ Thiếu tướng Dương Văn Minh chỉ là Tư lệnh chiến dịch Thoại Ngọc Hầu thì Thiếu tướng Dương Văn Minh có thẩm quyền gì trong việc hành quyết Tướng Lê Quang Vinh để mà có thể giao phận sự thủ tiêu xác chết cho Đại úy Nhung?

Và *câu hỏi thứ hai* là:

- Sự hiện diện của ông Biện lý Lâm Lễ Trinh và ông Chánh án

Huỳnh Hiệp Thành tại pháp trường Cần Thơ đã được phu nhân Tướng Lê Quang Vinh tức Ba Cụt xác nhận nơi trang 231 và 233, quyển Hồi Ký Tướng Lê Quang Vinh.

- Ông **Lâm Lễ Trinh** chính là người có quyền quyết định về số phận xác chết Tướng Lê Quang Vinh cho nên ông phải biết rõ là làm sao Đại úy Nhung có được xác chết để thủ tiêu? Ông Nhung đã không chế ông để cướp đi xác chết hay là chính ông đã giao nó lại cho ông Nhung?

- Nếu là cướp xác thì tại sao ông lại im lặng trước một việc trọng đại như vậy mà không báo cáo lên cho cấp trên? Và im lặng luôn cho đến bây giờ?

- Còn nếu chính ông giao xác chết đó cho ông Nhung thì tại sao ông lại làm như vậy? Vì tuân theo lệnh của thượng cấp hay vì tự ý cá nhân?

Thưa quý vị thư của tôi đã đến tận tay Tiến sĩ Lâm Lễ Trinh nhưng Ông cứ bảo là *không đọc được* và yêu cầu gửi lại. Take2tango lại yêu cầu Ông vào website này để đọc, nhưng tôi vẫn *không thấy Ông trả lời*.

Không bỏ cuộc, tôi đã lái xe đi Houston cách nơi tôi cư ngụ lối 530 miles để tham dự buổi Hội thảo bán sách của Tiến sĩ Trinh tổ chức vào chiều ngày 27.5.07. Trong phần phát biểu ý kiến, tôi đã lập lại những câu hỏi như đã gửi ông hồi tháng Tư, nhưng người điều khiển chương trình đã cắt ngang khi tôi chưa đọc hết các câu hỏi của tôi. Tôi muốn nói rằng ông Lâm Lễ Trinh đã không muốn đọc và cũng không muốn nghe 2 câu hỏi trên của tôi. Tại sao lại như vậy?

Tôi xin nhường câu trả lời lại cho quý thính giả.

Tôi tin rằng nếu ông Lâm Lễ Trinh chịu thành thật trả lời 2 câu hỏi trên của tôi thì vấn đề ai thủ tiêu và vì sao lại phải thủ tiêu xác Ba Cụt sẽ hoàn toàn được giải đáp. Tôi vẫn còn giữ đoạn video này.

Nhưng tôi nghĩ rằng có lẽ sau khi hành hình Ba Cụt, Ông Biện lý Việt Nam **Francis Lâm Lễ Trinh** cũng muốn học theo Pilate là sai người đem nước đến để Ông rửa tay.

Trịnh Bá Lộc, 28.06.2008

Nguyên sĩ quan Tùy viên của Đại tướng Dương Văn Minh.

[Source: Diễn đàn điện tử VN-Politics@yahoogroups.com Sat, Jun 28, 2008 at 8:11 PM]

ÔNG DIỆM DUNG DƯỠNG GIÁN ĐIỆP VIỆT CỘNG NHƯNG LẠI TRIỆT HẠ BA LỰC LƯỢNG CHỐNG CỘNG

Cao Thế Dung

... Bộ Quốc Phòng do Trần Trung Dung, Bộ trưởng Phụ Tá, chủ trương tổ chức "đốt lon Pháp" là một sai lầm, một hành động "trẻ con". Hậu quả là đã gây nên một "tai họa ngoại giao": Pháp đoạn tuyệt mọi liên hệ về tình báo với chính phủ VNCH. Hàng trăm cán bộ tình báo của Cộng sản xâm nhập vào cả An Ninh Quân Đội, Báo Chí, Cảnh Sát Công An và kể cả đảng Cần Lao do hậu quả Pháp đã đem tất cả hồ sơ mật về nước.

Điển hình như nhóm Đông Nam Á Vụ của Cộng sản về đầu thú Pháp ở Hà Nội năm 1952. Pháp dùng làm gián điệp đôi; năm 1955 nhóm này đã len lỏi vào nhiều lãnh vực hoạt động ở Miền Nam, vào cả ngành an ninh tình báo của chính phủ Ngô Đình Diệm. Điển hình như nhóm Ca Dao, nhóm Phan Nghị (Ký giả) và nhiều nhóm khác trong đó có Phạm Xuân Ân- lúc ấy còn là một cán bộ cấp thấp nhưng đã là nhân viên tình báo 2 mang làm cho Phòng Nhì Pháp từ năm 1950.

Cử Nguyễn Ngọc Lễ làm Tổng Giám Đốc Công An là một sai lầm khác tai hại nghiêm trọng. Lễ xuất thân hạ sĩ quan Binh đoàn Pháp, bản chất võ biên và lỗ mãng. Lễ không biết gì về tình báo. Lúc Lễ về tiếp nhận Tổng Nha thì bao nhiêu hồ sơ mật đã biến mất, một trong mấy tay lành nghề tình báo thì Lễ không dùng, Bùi Văn Nhu vốn là "con cưng" của Mật Thám và Phòng Nhì Pháp, Nhu được Cộng Sản khéo léo móc nối từ năm 1956 dưới thời Nguyễn Ngọc Lễ. Những tay giỏi nghề từ Miền Bắc vào Nam thì bị đẩy đi tỉnh xa hoặc không được dùng. Một lỗ hổng lớn trong ngành an ninh tình báo từ lúc Lễ làm Tổng Giám Đốc kéo dài cho đến thời Phạm Xuân Chiêu, một tướng lãnh duy nhất người Bắc thuộc Quốc Dân Đảng, có học, con cháu lớp Văn Thân Cách Mạng, nhưng ông tướng này không chuyên nghề trong lúc mặt trận tình báo phải là ưu tiên hàng đầu.

Tình báo Cộng sản xâm nhập từ lỗ hổng to lớn trong suốt 3, 4

năm. Đầu não của Ngân Hàng Việt Nam lại là một ổ tình báo Cộng sản, một tay kế toán thân tín của Nguyễn Cao Thắng là tình báo Cộng sản, 2 tên "nội dịch" trong văn phòng "Cố Vấn chỉ đạo Miền Trung Ngô Đình Cẩn" lại là tình báo sau được đồng hóa làm trung sĩ Địa Phương Quân rồi biệt phái làm cho tướng Lê Văn Nghiêm lúc ông Nghiêm làm Tư lệnh Quân Khu I.

Hệ thống phát hành sách báo trước Genève 54, Phòng Nhi Pháp kiểm soát khá chặt chẽ nhờ "nghệ thuật" phóng tài hóa thu nhân tâm nhưng đầu năm 1955, những tay Cộng sản làm "chỉ điểm 2 mang" cho Pháp, được rảnh tay và họ thực sự nắm ngành phát hành cũng như ngành cải lương, từ soạn giả đến anh kéo màn sân khấu.

Mặt trận tình báo đã mở ra từ sau Genève 54, chính phủ Ngô Đình Diệm đã bắt lực mặt trận này cho đến 2,3 năm sau. Chính vì vậy, chính quyền đã không biết rõ những ai với cái đuôi dài sau nhóm Nguyễn Hữu Thọ, Mã thị Chu, Huỳnh Tân Phát và Nguyễn văn Hiếu. lẽ tự nhiên cái đuôi sau mấy tay mặt nổi này mới quan trọng.

Huỳnh văn Trọng trước hết là một đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng gia nhập Đảng năm 1945 tại Hà Nội, sau bỏ Đảng và làm cho Phòng Phấn Gián Pháp từ năm 1950. Cuối năm 1954, Trọng ở lại Sài Gòn, Cộng sản móc nối với Trọng vào thời gian này cũng như Đinh văn Đệ, Trần Ngọc Châu, Phạm Ngọc Thảo, đều là dân tình báo được Cộng sản cài vào chính quyền Miền Nam một cách tinh vi.

Theo giới tình báo, sau Genève 54, Cộng sản đã để lại ở Sài Gòn 50 triệu (hồi suất lúc ấy là 35 đồng ăn một Mỹ kim) để tiếp tục gây dựng cơ sở kinh tài để kinh tài nuôi tình báo. Vì sai lầm của Việt Nam Cộng Hòa đã không thu dụng được giới chỉ điểm 2 mang và chuyên viên tình báo của Phòng Nhi Pháp nên Cộng sản nhờ sẵn tiền đã kết nạp được giới này. Cộng sản không kết nạp vào Đảng mà đem vào các cơ sở kinh doanh của tư nhân và Đảng qua "tư nhân" góp vốn như hãng tàu chuyên chở Nguyễn văn Bửu và kể cả OPV của Nguyễn Cao Thắng sau này, nhất là cơ sở kinh doanh của nhóm Nguyễn Trung Thành và Ngân Hàng Việt Nam mà Nguyễn văn Diệp là điển hình. Diệp đã từng cộng tác với Pháp trước 1954 đồng thời hoạt động cho Cộng sản.

Một sai lầm khác nghiêm trọng của chính quyền Ngô Đình Diệm là làm mất đi 3 tiềm lực chống Cộng vô giá: Ở Miền Trung, **Việt Nam Quốc Dân Đảng cầm súng chống lại chính quyền**; ở Miền Nam, **Cao Đài một phần bất hợp tác rút ra bùng trong hoàn cảnh bất đắc dĩ phải hợp tác với Cộng sản**, một phần quan trọng

khác, chủ lực là lực lượng Cao Đài Liên Minh Trình Minh Thế tuy đã về hợp tác với chính quyền nhưng từ đầu năm 1956, lực lượng này bị phân tán và đem ra Miền Trung, cuối cùng tan rã cả một binh đoàn thiện chiến về lối đánh du kích, đã quen với vùng rừng núi Tây Ninh ; ở miền Tây, lực lượng Hòa Hảo Lê Quang Vinh bị quân chính phủ đánh tan. ngày 13.4.1956, Liên Đoàn Bảo An Trần Quốc Tuấn bắt được Ba Cụt, được thưởng 1 triệu đồng; gần ba tháng sau, ngày 6.7.1956 toàn lên án tử hình Ba Cụt . Vị tướng 32 tuổi đầy mưu trí và yêu nước này đã bị hành quyết vào ngày 13.7.1956, **gây nên sự căm phẫn sâu xa trong tập thể gần 3 triệu tín đồ Hòa Hảo** ở Miền Tây.



Tướng Lê Quang Vinh (Ba Cụt) bị xử án tử hình

Chính quyền có thể loại Trần văn Soái, Lâm Thành Nguyên, nhưng loại lực lượng Hòa Hảo Lê Quang Vinh không những là sai lầm nghiêm trọng mà còn là một tội đối với lịch sử. Riêng lực lượng Hòa Hảo Nguyễn Giác Ngộ được coi là một lực lượng quốc gia thuần túy chống cả Pháp lẫn Cộng, có kỷ luật nghiêm minh, với trên 2000 quân đã quen với địa hình địa vật Miền Tây và lối đánh du kích

và chống du kích thì cũng như lực lượng Trình Minh Thế, bị phân tán đem ra Miền Trung, cuối cùng bị tan rã. Nếu chính quyền duy trì được hai lực lượng này thì tình trạng ở Miền Tây và Miền Đông đã không bị du kích Cộng sản tái hoạt động làm ung thối ngay giữa năm 1957 là năm cực thịnh của chế độ Ngô Đình Diệm.

Mất lực lượng võ trang Trình Minh Thế là một thiệt hại to lớn; với trên 2500 quân, năm 1952, lực lượng yêu nước này đã mở rộng địa bàn hoạt động khắp Miền Đông và lan tới Miền Tây, phát triển lối đánh du kích và đặc công. Lúc nghe tin tướng Thế bị bắn chết tại trận, theo Lansdale, người đang ngồi nói chuyện với ông Diệm, thì

ông Thủ tướng bàng hoàng và chảy nước mắt.

Lansdale nói với Shaplen : " Đây là lần duy nhất mà tôi thấy ông bộc lộ tình cảm " .

Nhưng chỉ một năm sau, lực lượng của tướng Thế bị chia cắt, đẩy ra khỏi Miền Đông và đưa lên Cao nguyên hoặc ra giới tuyến.

Miền Trung đen tối hơn, lực lượng Đại Việt võ trang ly khai ở Ba lòng . Quảng Nam, Quảng Ngãi là hai tỉnh với trên 2000 đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng võ trang lại ly khai, lập chiến khu chống lại chính quyền. Năm 1956, Việt Nam Quốc Dân Đảng trở về hợp tác, tuy nhiên, chỉ một thời gian

ngắn lại bị chính quyền đàn áp. Qua phong trào nhân dân tố Cộng, chính đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng lại bị phong trào này chụp mũ là Cộng sản.

Thật vậy, phong trào tố Cộng từ năm 1956 đã trở thành đen tối ở Miền Trung. **Hàng vạn người bị bắt nhưng đa số là lương dân vô tội, hoặc đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng hoặc bị trả thù cá nhân.**

Phong trào tố Cộng trở thành cơn bão tố ở nông thôn nhất là từ Phú Yên trở ra. Sau 10 tháng phát động phong trào, chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố là đã đưa về với chính nghĩa Quốc Gia được 100 ngàn cựu cán bộ Việt Minh và đã tiêu diệt được ảnh hưởng của Cộng sản trong 9 năm trước.

Thực tế không phải vậy. Cán bộ Cộng sản đã len lỏi vào phong trào và xâm nhập ngay từ văn phòng Bộ trưởng Thông Tin Trần Chánh Thành để lèo lái phong trào tố Cộng, mô phỏng y như cách thức Cộng sản tổ địa chủ và trí phú ở Miền Bắc.

Tổng thư ký Bộ Thông Tin là cán bộ Cộng sản nằm vùng, tức Trần Thúc Linh, sau này với cái dù thẩm phán, Trần Thúc Linh tiếp tục hoạt động cho Cộng sản cho đến năm 1975. Do đó, phong trào tố Cộng với kết quả trái ngược hẳn lại, **chỉ đẩy lương dân về phía Cộng sản, giới Quốc Gia thì trở thành thù địch của chính quyền.** Diễn hình như ở Phú Yên, hàng trăm người thuộc Đại Việt Quốc Dân Đảng đã bị bắt bị tra tấn và giam cầm, các em và cháu của lãnh tụ Trương Tử Anh đã bị đánh đập tàn tệ, bị bỏ tù chung với Cộng sản đến sau năm 1963.

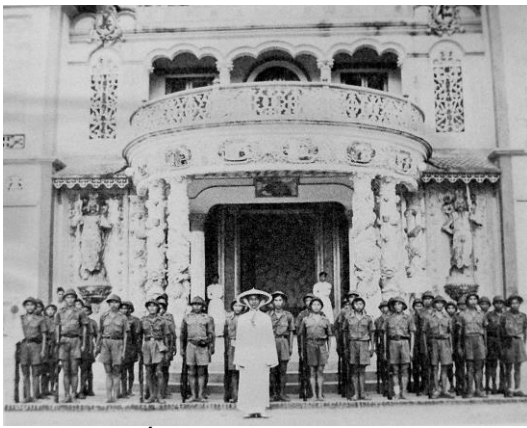
Năm 1957, Cộng sản vẫn còn yếu, nên dù nỗ lực thế nào Cộng sản vẫn không gây được một phong trào nhân dân đứng lên đòi Tổng tuyển cử sau khi Ngô Đình Diệm bác bỏ. Trước đây nông thôn chỉ biết có Hồ Chí Minh, nay thì Ngô Đình Diệm thay thế và triệt để

chống Cộng. Hàng trăm ngàn cán bộ Việt Minh đã thực tâm hồi chánh và cộng tác với chính quyền song từ phong trào chống Cộng lại loại bỏ các thành phần đảng phái Quốc Gia, Cao Đài, Hòa Hảo.

Chính quyền Ngô Đình Diệm **mất quyền chúng ở cả nông thôn lẫn thành thị**. Hàng trăm đảng viên Đại Việt, Duy Dân, Việt Nam Quốc Dân Đảng đã bị đem nhốt chung với Cộng sản, hồ sơ cá nhân biến thành hồ sơ Cộng sản trong khi một số cán bộ Cộng sản trá hình đầu thú lại được trọng dụng và chính thành phần này đã "chỉ điểm" cho chính quyền bắt lương dân hay giới quốc gia chống Cộng mà chúng chụp mũ cho là Cộng sản.

Từ năm 1957, những Phạm Ngọc Thảo, Phạm Xuân Ẩn, Cao Dao đã thành công trong công tác nằm vùng trong ngành tình báo của chính quyền Ngô Đình Diệm từ cơ sở thượng tầng đến tỉnh và quận.

Sai lầm nghiêm trọng khác của chính quyền Ngô Đình Diệm là ngày 5.10. 1955, nghe lời tướng Cao Đài Nguyễn Thành Phương, đã đem quân xâm nhập Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh tức khí giới đạo Hộ Vệ Quân của Hộ Pháp Phạm Công Tắc, lại **cho báo chí của chính quyền và kể cả đài phát thanh bôi nhọ Phạm Công Tắc như một người dâm ô, Việt gian tay sai Pháp**. Hộ Pháp Phạm Công Tắc phải lưu vong qua Nam Vang, ít nhất 3 hệ phái lớn của Cao Đài đã liên minh với Cộng sản trong giai đoạn CÙNG ĐƯỜNG mà theo Douglas Pike thì 10 trong 11 giáo phái đã theo Cộng sản, chỉ còn một hệ phái cộng tác với chính quyền để bảo vệ Tòa Thánh Tây Ninh.



Hộ Pháp Phạm Công Tắc và đội Hộ Vệ quân tại Tòa thánh Cao Đài ở Tây Ninh

Chế độ Ngô Đình Diệm đã dùng luật pháp và Tòa án để trị dân và đặc biệt dùng Tòa án để chống Cộng sản song chính lại là cách làm cho Cộng sản tạo được cơ hội tuyên truyền và lấy lòng dân trong khi đối với các đảng phái đối lập thì Tòa án lại trở thành công cụ đàn áp "đập đổ những kẻ chống đối chế độ bất cứ bằng hình thức nào.

Còn các cơ quan ngôn luận dù có muốn vươn mình lên để nói tiếng nói tự do cũng không được. Họ bị ràng buộc mọi mặt. **Muốn sống thì phải chiều ý nhà cầm quyền** (Hồi ký Trần Tương).

Muốn chống Cộng thì phải làm y như Cộng, đó là chủ trương hết sức sai lầm của Bộ Thông Tin dưới thời Trần Chánh Thành và Trần Thúc Linh. Suy tôn Ngô Tổng Thống như kiểu Cộng sản suy tôn Bác Hồ đã làm cho ông Tổng Thống trở thành hình ảnh nhảm chán.

Giai đoạn 1946-1952, nghĩa là trước vụ Cộng sản đầu tố, Hồ Chí Minh đã rất thành công khi đi vào lòng quần chúng ở mọi giới, nhất là giới trẻ. Ông Hồ đi vào quần chúng bằng hai chữ "Bác Hồ", đơn giản với đôi dép quai râu, chiếc quần nâu rộng ống, nhiều khi xắn cao quá gối..

Ông Diệm đã không thành công khi đi vào quần chúng, nhất là quần chúng nông thôn, với một bộ đồ lớn trắng tinh, tay cầm chiếc ba-tông hoặc ngòi trong xe lướt nhanh trên đường phố trống vắng với từng đoàn xe hộ tống. Đường Công Lý có lúc phải gián đoạn 3, 4 giờ để dẹp đường chờ đoàn xe Tổng Thống từ Tân Sơn Nhất về Dinh.

Đầu năm 1957, Cộng sản bắt đầu phản công bằng chiến dịch ám sát các viên chức xã ấp và cự kháng chiến trở về hợp tác với chính quyền. Con số chính quyền qua Bộ Thông Tin đưa ra vào dịp kỷ niệm lễ Song Thất 7.7.1954 là 42.760 người đã bị Cộng sản ám sát, thủ tiêu dưới nhiều hình thức khác sau Hiệp Định Genève, song đây là con số không có bằng cứ khả tín. Ước lượng từ một tỉnh tân lập như Kiến Phong thì con số cán bộ xã ấp và cự kháng chiến bị Cộng sản sát hại đã lên rất cao.

Hàng trăm điệp viên hữu hạng của Cộng sản từ Bắc được gửi vào Nam sau Hiệp Định Genève. Số điệp viên này thuộc Phòng Đông Nam Á Vụ và Phán Giám, hầu hết đã có kinh nghiệm hoạt động nội thành, chia nhau xâm nhập qua nhiều đường giây thuộc nhiều lãnh vực. Phan Nghị thì hành nghề ký giả sau len lỏi vào làm cho tờ *Ngôn Luận* và *Chính Luận* (sau 1963); Vũ Ngọc Nhạ len lỏi vào Công Giáo phía Linh Mục Hoàng Quỳnh; Nguyễn Văn Lương, giáo viên tư thục ở Nam Định là kẻ đã móc nối Vũ Hạnh (1964) cùng Vũ Hạnh xuất bản tạp chí *Tin Văn* và sau bí mật cộng tác với Thế Nguyên, tạp

chí *Trình Bày*. Cao Dao nối kết với Phạm Xuân Ẩn ...

Về tình báo, cao cấp nhất cái trong chính quyền thì trao cho Phạm Ngọc Thảo với một ám số đặc biệt và luôn luôn thay đổi. Phạm Ngọc Thảo bây giờ đã về đầu thú chính quyền Ngô Đình Diệm cùng với

nhóm Kiều Công Cung và được **Giám Mục Ngô Đình Thục đỡ đầu vì Thảo và Cung là Công giáo thuộc địa phận Vĩnh Long**. Thảo được đồng hóa với cấp Trung Tá và làm việc trực tiếp với văn phòng Cố Vấn Chính Trị Ngô Đình Nhu...

Vào giữa năm 1958, Xứ ủy Nam Bộ quyết định thành lập Bộ Tư Lệnh Miền Đông, khởi đầu với 4 đại đội, một đại đội đặc công với 75 đội viên; Liên đại đội C-1000 hoạt động tại Tây Ninh, nơi không còn bóng dáng Cao Đài nên lực lượng Miền "tự tung tự tác". Bộ Tư Lệnh Miền thành lập khu B tức Dương Minh Châu thuộc tỉnh Tây Ninh, chiến khu A từ Mã Đà đến Bù Cháp, Thủ Dầu Một.

Ngày 10-8-1958, Liên đại đội tỉnh Tây Ninh (từ đây gọi là Việt Cộng) tấn công quận Dầu Tiếng. Theo tài liệu của Việt Cộng, trận này "diệt 200 tên, bắt 30 tên, thu 200 súng tự động, sau đó đánh lui một tiểu đoàn đến tiếp viện cho Dầu Tiếng". Theo tài liệu Việt Nam Cộng Hòa (từ đây gọi là Nam Việt Nam), "quận Dầu Tiếng tuy bị đánh bất ngờ trong lúc cả nước đang thanh bình song đã chống trả kịch liệt với quân số 67 Bảo An và Dân Vệ, Việt Cộng để lại 17 xác. Cuộc truy lùng vào mấy ngày kế tiếp, bắt được 4 cán binh Việt Cộng bị thương nằm điều trị trong ba nhà pho đồn điền cao su.

Ngày 20-10-1958, đại đội đặc công Việt Cộng từ chiến khu D tấn công trụ sở phái bộ Quân Sự Mỹ (MAAG) ở Biên Hòa, mở màn cho các trận đặc công kế tiếp. Biệt Động Đội và Đặc Công là binh chủng thuần phục của Việt Minh trước đây. ..

Cao Thế Dung

[Source: Trích từ *Việt Nam Ba Mươi Năm Máu Lửa*, trang 480-497, Nxb Alpha, Falls Church, VA, 1991] Tựa bài viết nguyên thủy: "*Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Đệ I VNCH sai lầm tự diệt vì dung dưỡng Gián điệp Việt Cộng nằm vùng, nhưng lại triệt hạ 3 tiềm lực chống Cộng vô giá ở Miền Nam !*"

Nguồn:

<http://motgoctroi.com/StLichsu/LSCandai/SailamDeICH.htm>

VÀI VỤ THỦ TIÊU NỔI TIẾNG DƯỚI CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM

Posted: Tháng Năm 18, 2010 by Virtual Archivist in
Chứng từ, Nghiên cứu, Sử liệu, Tài liệu



Nguyễn Bảo Toàn (ở giữa mang kính)

Như đã nói, những người mang tâm trạng hoài Ngô rất thích nhắc đến số tiền ba triệu đồng Việt Nam mà Mỹ đã giao cho các tướng đảo chánh Ngô Đình Diệm năm 1963. Mới đây trong mục phản hồi trên diễn đàn Talawas, ông Nguyen Mai Linh lại moi ra việc này khi ông ta bàn về ba mươi đồng bạc mà Judas đã nhận:

“Giá trị của ba mươi đồng bạc, vào thời đó, chắc cũng có thể tương đương với ba triệu đồng Việt Nam thời 1963, sử dụng để các tướng lãnh chia nhau, về khoản thù lao sau đảo chánh từ tay Lucien Conein, để bán đứng và giết chết vị tổng thống VNCH Ngô Đình Diệm.”

Điều mà Nguyen Mai Linh hình như không muốn nói đến là việc chính người Mỹ đã từng phải bỏ ra hàng triệu dollars để “hộ giá” cho Ngô Đình Diệm trong giai đoạn 1954-1955. Xem Nguyễn Kỳ Phong:

“Theo ước lượng, SMM [Saigon Military Mission, nhóm tình báo của tướng Edward Lansdale] bỏ ra 12 triệu dollars mua chuộc đối lập, trong đó có 3 triệu 6 cho tướng Nguyễn Thành Phương và 3 triệu cho Trần Văn Soái... Năm 1979, Lansdale gửi thư cho Viện Quân Sử Hoa Kỳ chối về chuyện mua chuộc quân đội đối lập. Tuy nhiên nhiều sử liệu sau này cho thấy Lansdale không nói thật hết những gì đã xảy ra.”

Những người như Nguyen Mai Linh cũng thường nói đi nói lại về cái chết của ông Diệm. Nhưng điều mà họ không hoặc rất ít khi muốn nhắc đến là việc những chính khách đối lập như **Tạ Chí Diệp**, **Nguyễn Bảo Toàn** và **Vũ Tam Anh** đã bị **thủ tiêu** trong gian đoạn cuối cùng của chế độ Ngô Đình Diệm. Các vụ thủ tiêu này cho thấy rằng đến năm 1963 thì môi trường chính trị tại Miền Nam Việt Nam đã bị **lưu manh hóa** một cách trầm trọng. Do đó, việc chính ông Diệm lại cũng bị cựu thù hạ của mình sát hại thật ra không phải là một chuyện quá bất ngờ.

Trên kệ sách của Virtual Archivist hiện giờ có hai tác phẩm bàn về những vụ thủ tiêu thường bị người có cảm tình với chế độ Ngô Đình Diệm bỏ quên. Xem:

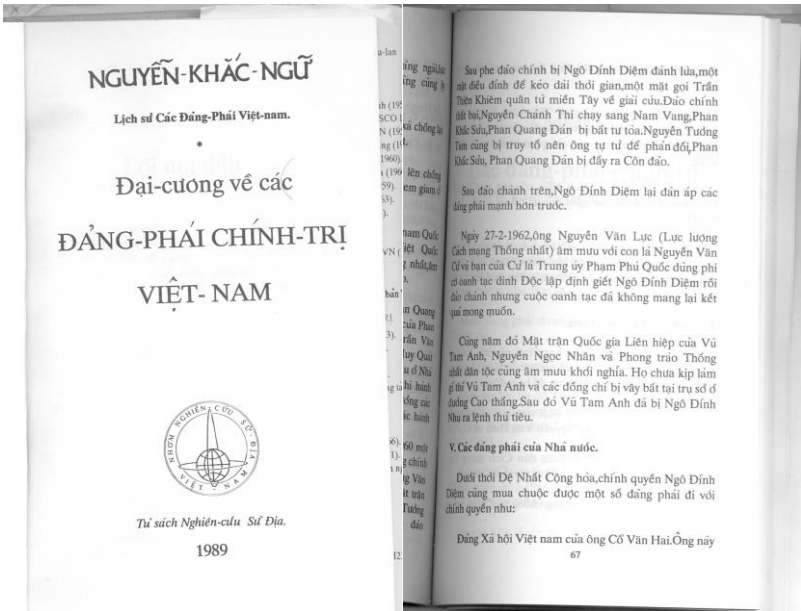
A/ Nguyễn Khắc Ngữ, *Đại Cương Về Các Đảng Phái Chính Trị Việt Nam*, Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa Việt Nam, 1989, trang 67.:

[“Sau phe đảo chánh bị Ngô Đình Diệm lừa, một mặt điều đình để kéo dài thời gian, một mặt gọi quân Trần Thiện Khiêm từ miền Tây về giải cứu. Đảo chính thất bại, **Nguyễn Chánh Thi** chạy sang Nam Vang, Phan Khắc Sửu, Phan Quang Đán bị bắt tư tòa. **Nguyễn Tường Tam** cũng bị truy tố nên ông tự tử để phản đối, **Phan Khắc Sửu, Phan Quang Đán** bị **đày ra Côn Đảo**.”

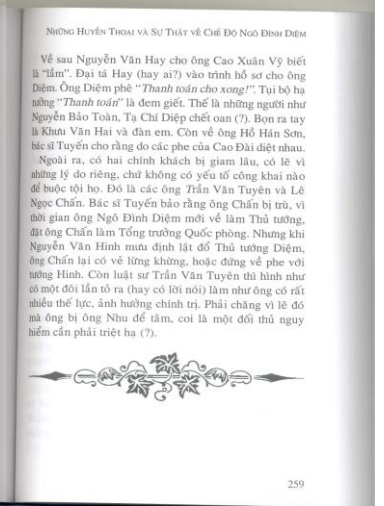
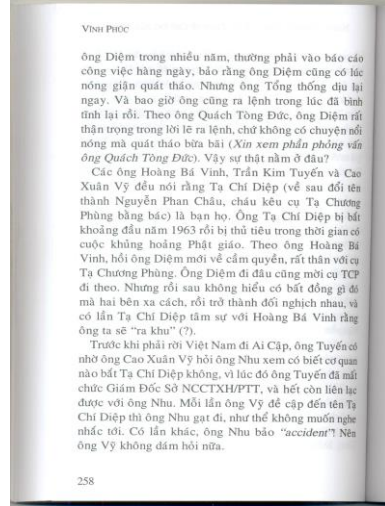
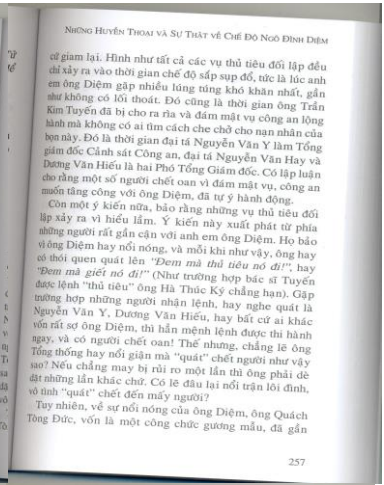
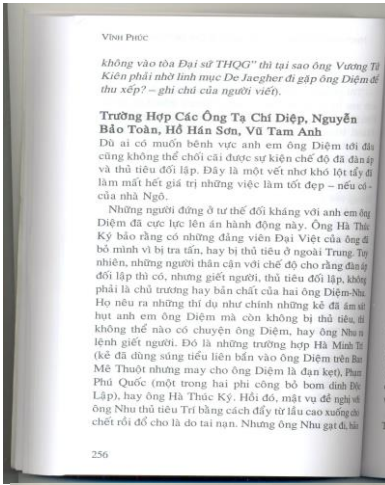
Sau đảo chánh trên, Ngô Đình Diệm lại đàn áp các đảng phái mạnh hơn trước.

Ngày 27-2-1962, ông **Nguyễn Văn Lực** (*Lực lượng Cách mạng Thống Nhất*) âm mưu với con là **Nguyễn Văn Cử** và bạn của Cử là Trung úy **Phạm Phú Quốc** dùng phi cơ oanh tạc dinh Độc Lập định giết Ngô Đình Diệm rồi đảo chánh nhưng cuộc oanh tạc đã không mang lại kết quả mong muốn.

Cùng năm đó, *Mặt trận Quốc gia Liên hiệp* của **Vũ Tam Anh**, **Nguyễn Ngọc Nhân**, và *Phong trào Thống nhất Dân tộc* cũng âm mưu khởi nghĩa. Họ chưa kịp làm gì thì Vũ Tam Anh và các đồng chí bị vây bắt ở trụ sở ở đường Cao Thắng. Sau đó, **Vũ Tam Anh đã bị Ngô Đình Nhu ra lệnh thủ tiêu.**”]



B/ Vĩnh Phúc, [một người có khuynh hướng bảo chữa cho chế độ Diệm] *Những Huyền Thoại Và Sự Thật Về Chế Độ Ngô Đình Diệm*, Nhà Xuất Bản Tam Vĩnh, London, 2006, trang [256](#), [257](#), [258](#) và [259](#). Tiêu mục “**Trường Hợp Các Ông Tạ Chí Diệp, Nguyễn Bảo Toàn, Hồ Hán Sơn, Vũ Tam Anh**”



Virtual Archivist phóng ảnh và đưa các trang sách đó lên mạng để giúp những kẻ mang tâm trạng hoài Ngô nói trên nhớ đến việc này khi họ khơi lại đồng tro tàn của thời ông Diệm. [http://virtualarchivist.wordpress.com/2010/05/18/nh%e1%bb%afng-v%e1%bb%a5-th%e1%bb%a7-tieu-d%e1%bb%9b-ch%e1%ba%bf-d%e1%bb%99-ngo-dinh-di%e1%bb%87m/]]

CHUYỆN THỂ THAO THỜI NGÔ ĐÌNH DIỆM

Huyền Vũ

[Trích đoạn từ Hồi-ký *Tôi làm Ký giả Thể thao* của HUYỀN VŨ
do Tác giả tự xuất bản. Virginia, U.S.A. – 1988]

Lời giới thiệu - Tên tuổi sáng chói của tác-giả Huyền Vũ, một trong số những ký-giả thể-thao hiếm hoi với uy-tín nghề nghiệp lâu đời trên toàn miền Nam trong hơn hai mươi năm của hai nền Cộng-Hoà từ 1954 đến 1975, là một yếu tố vững mạnh mà không ai có thể nghi ngờ tính trung-thực của hồi-ký này. Hơn nữa, sự kiện ông theo đạo Công giáo (như trang đầu sách có lời: “*Hướng về quê-hương Kinh dâng MẸ VIỆT-NAM THÂN-YÊU Trong vòng tay che chở của MẸ MARIA ON-PHƯỚC MUÔN TRÙNG*”) càng làm cho những chỉ trích chế độ Ngô Đình Diệm trong sách này phải được coi như những nhận xét vô tư, rất đáng tin cậy.

Đặc-biệt là những nhận xét về **những lạm quyền của ông đảng viên cao-cấp đảng Cần Lao Cao-Xuân-Vỹ** trong bốn chương 8, 12, 15 và 18 dưới đây đã được in ra trong sách này, xuất bản năm 1988, khi ông Cao Xuân Vỹ còn sống mạnh khỏe tại miền Nam California mà không có một phản ứng nào, chứng tỏ còn rõ ràng hơn giá trị của những trang hồi ký này của tác giả Huyền Vũ.

Rõ rệt hơn nữa là bài nói chuyện của ký giả Phạm Trần trong buổi ra mắt sách của tác-giả Huyền Vũ, đã được đăng lại trong Nhật báo Người Việt, đã nói về “*Sự ngay thẳng và công-bình của một thể-tháo-giả*” đây “ *tinh-thần thượng-võ*” khi phải viết về tư-cách thô-bạo của một “*tổng-giám-đốc thanh-niên thuộc đảng Cần-lao nhân-vị.*”

Nét chữ in đậm (bold) trong bốn chương này là do người trích dẫn nhấn mạnh nhằm giúp độc-giả dễ-dàng thấy rõ tính-chất lạm-quyền của nhân-viên cao cấp và uy-thể tột bực của đảng Cần-Lao trong thời Đệ Nhất Cộng-Hoà. –

Chương VIII: CAO XUÂN VỸ, ÔNG LÀ AI? (Trang 41)

Dưới thời Tổng-thống Ngô- Đình-Diệm, ngành thể-thao Việt-Nam (miền Nam) thêm một lần đổi người lãnh-đạo.

Cơ-quan cao-cấp đặc-trách về thể-thao lúc ấy ở cấp Tổng-Nha. Ghé Tổng-giám-đốc Thanh-niên và Thể-thao khuyết người một thời-gian. Có tin đồn vị tân Tổng-giám-đốc sẽ là cháu cụ Diệm, từ cao-nguyên miền Trung về.

Về sau, người được cử giữ ghế Tổng-giám-đốc Thanh-niên và Thể-thao là ông Cao-Xuân-Vỹ. Không hiểu ông Vỹ có là cháu cụ Diệm chăng, **nhưng theo truyền-thống “gia-đình-trị” thì nếu không phải là người có liên-hệ gần, xa đến “gia-đình ông cụ” thì rất ít hy-vọng được giao cho ngành “tương-lai của nước nhà” này.** Người ta biết, ông Vỹ ngoài việc là “người miền Trung” còn có vai vế lớn trong đảng **Cần-Lao nhân-vị** của ông cố-vấn Ngô-Đình-Nhu, đảng đang cầm quyền. Ông Vỹ là một sĩ-quan thuộc ngành Bảo-An.

...

Thời cụ Diệm là thời tác oai, tác phúc của đảng Cần-Lao. Người nào không thuộc đảng ta đừng mong được chỗ tốt và lâu dài bất cứ trong lãnh-vực nào. Ngay cả quân-đội là nơi được huênh-hoang là cấm làm chánh-trị, các cấp chỉ-huy cũng tìm cách chạy-chợt vào để được vững-vàng và mau thăng cấp. **Do đó có những quân-nhân tuy cấp bậc nhỏ song tuổi đảng nhiều hơn, đã được cấp chỉ-huy nể-nang rất mực. Điều này đã phản ảnh gần như đúng-đắn đường-lối của đảng cộng-sản.**

Ông Ngô-Đình-Nhu, em ruột cụ Diệm, là chỏm-bu của đảng cầm quyền này nên được rất nhiều người nể-sợ. Thậm-chí cấp tướng lĩnh có người khi viết thư cho ông “Cố Nhu” (ông Nhu là cố-vấn của cụ Diệm) đã xưng bằng “con”. Tác-phong tướng tá mà như vậy cũng đáng tội-nghiệp.

Không hiểu có phải ông Nhu mớm ý (học đòi làm Hít-Le) hay do “sáng kiến” của ông Vỹ mà đã có việc thành-lập thanh-niên và thanh-nữ Cộng-Hòa. Và người ta nghĩ rằng ngày nào đó sẽ dùng hậu-thuần này để ông NHU sẽ từ số HAI lên số MỘT và như vậy “Đệ-nhất phu-nhân” thời ấy (không phải là bà Diệm – vì cụ Diệm không có vợ - mà là một bà Nhu đầy tham-vọng) sẽ chánh-thức là “Đệ-nhất phu-nhân”. **Điều này được xác-định trong một đoạn của bài “Cuộc đảo-chính 1-11-63” của giáo-sư Tăng-Xuân-An** đăng trong tập-san Lửa-Việt:

“Sau vụ tân-công chùa Xá-Lợi, có tin đồn ông Nhu sẽ đảo-chánh

lên nắm chính-quyền để thực-hiện một chính-sách đanh-thép, cương-quyết hơn. Tại vài công-sở, chân-dung ông Diệm được thay thế bằng chân-dung ông Nhu.

Ngày 1-9, vài ngàn Thanh-niên cộng-hoà biểu-tình tại công-trường Lê-Lợi, ủng-hộ chánh-phủ và lên án sự Tranh-đấu của Phật-giáo. Ông Ngô-Đình-Nhu với bộ đồng-phục màu xanh (thủ-lãnh Thanh-niên cộng-hoà) lên diễn-đàn hô-hào anh em sẵn-sàng hy-sinh cho tổ-quốc và làm rạng danh cho đoàn-thể. Trong suốt bài diễn-văn ông Nhu không nhắc tới tên Tổng-thống Diệm lần nào.”

Nói đến thanh niên là người ta nghĩ đến chỗ đứng trong lịch-sử của “Thanh-niên áo đen” của Ý phát-xít dưới thời Mussolini, “Thanh-niên áo nâu” của Đức Quốc-Xã, dưới thời Hitler. Và ở ta, dưới thời đệ nhất cộng-hoà có Thanh-niên đồng-phục xanh của “Thanh-niên cộng-hoà.”

...

Lịch sử cho thấy hai đoàn sơ-mi đen của Mussolini và nâu của Hitler đã giúp nhiều trong việc nắm và củng-cố chánh-quyền của hai nhà độc-tài phát-xít và Quốc-xã. Ngược lại, **đoàn đồng-phục xanh Thanh-niên Cộng-Hoà đã không giúp được gì trong việc củng-cố chế-độ của nền đệ nhất cộng-hoà.**

...

Đã không có lý-tưởng nào cho đoàn Thanh-niên Cộng-Hoà. Huống chi họ không thể “Hy-sinh cho tổ-quốc” khi chống lại sự tranh-đấu của đồng-bào Phật-tử. Về thực-tế, cả hai đoàn sơ-mi đen và nâu đều được yểm-trợ và tài-trợ. Thanh-niên Cộng-hoà **bị bắt-buộc gia-nhập** từ hàng-ngũ tiểu-công-chức lại phải tự-túc mọi mặt, trích ra từ đồng lương quá kém của họ vốn dĩ đã không nuôi nổi gia-đình. Những cảm-ngôn, mỹ-từ không làm no được dạ dày, ấm được tâm thân, dĩ-nhiên họ không thể hy-sinh trọn- vẹn theo lời kêu gọi sông được.

...

Ông Võ không muốn người khác trái ý ông. Lúc ấy chúng tôi phải cái đại là hay nói thẳng, nghĩ rằng thể-thao không có gì phải quanh-co. Mà đã nói thẳng là trái ý ông Võ. ... Vì thẳng thắn, chúng tôi đã đi ngược lại. Tổng-cuộc nào theo ý Tổng-nha mà làm sai nguyên-tắc là chúng tôi thẳng-thừng chỉ-trích để thể-thao đi đúng đường lối của thể-thao (tinh-thần thượng-võ) nhắm mục-đích cải-tiến.

Thẳng-thắn mà nói, thời ấy, ký-giả bị ông Võ ghét nhứt là chúng

tôi và chủ-tịch tổng-cuộc bị ông Vỹ “trù” là anh Đinh-Văn-Ngọc bên bóng bàn. Nói đến Đinh-Văn-Ngọc phải kể anh là người rất say mê thể-thao (nghệ thuật làm bầu tức là diu-dắt thể-thao) và đã từng sạt nghiệp vì thể-thao, như là bóng-bàn, bởi phải cung-ứng cho các đòi-hỏi tuyển-thủ thuộc bộ môn anh quán-xuyến.

Anh Ngọc bị ông Vỹ ghét vì đã không thi-hành những chi-thị độc-đoán, phản thể-thao của ông ta.

Chương XII: CHÍNH-TRỊ VÀ THỂ-THAO (Trang 89)

Với vai-vế trong đảng cầm-quyền, ông Cao-Xuân-Vỹ muốn áp-đặt thể nào và những gì trong ngành thanh-niên và thể-thao tùy thích. Nếu dùng quyền-hành ấy mà làm lợi cho thể-thao quốc-gia là điều thật quý-hoá. Nhưng dùng quyền-hành ấy để thỏa-mãn tự-ái cá-nhân thì quả là chuyện không tốt-đẹp tí nào. Rất tiếc ông Vỹ lại đã chọn điều sau.

...

Đã nắm được các Tổng-cuộc, lo nghĩ khác của ông Vỹ là là các ký-giả thể-thao, những chiếc loa thông-tin cho đại-chúng. Ông Vỹ **muốn các ký-giả thể-thao phải về-hùa**, nói tốt cho những quyết-định về thanh-niên và thể-thao của ông. Nhưng một số các ký-giả thể-thao đã không chịu bẻ cong ngòi viết, chỉ nói lên sự thật và những nhận-xét đúng theo lương-tâm chức nghiệp.

Chúng tôi là một trong số các ký giả không được ông Vỹ ưa thích, nói khác đi là bị “trù-ghét”. Báo có người đọc, người không, nhưng đài phát-thanh được rất nhiều người nghe trong khắp nước. Các chương-trình phát-thanh về thể-thao của chúng tôi được nhiều người theo-dõi, do đó rất có ảnh-hưởng. Điều này càng làm cho ông Vỹ không thích gì chúng tôi.

...

Tổng-cuộc túc-cầu lúc ấy do ông Nguyễn-Phước-Vọng làm chủ-tịch liên-tiếp trong nhiều năm. Vì niên-kỷ và những hiểu-biết sâu-rộng về thể-thao, như là túc-cầu nên ông Vọng được anh-em trong giới thể-thao gọi bằng “Anh Hai”. Ông cũng là Chủ-tịch của Ủy-hội Thể-Vận quốc-gia Việt-Nam, hội-viên của Ủy-hội Thể-Vận quốc-tế.

Tổng-cuộc túc-cầu còn có anh Tổng-thư-ký Nguyễn-Hữu-Lượng, người có căn-bản tốt về hiểu-biết và học-vấn. Cả hai ông Vọng và Lượng đều không thể nào chịu mù-tối khuất-phục các lệnh-lạc của ông Vỹ, bởi thế đã có sự ngầm chống-đối nhau giữa Tổng-nha và Tổng-cuộc túc-cầu. Sự chống đối âm thầm ấy chỉ chờ dịp là bùng nổ,

nhút là về phía Tổng-nha, cơ-quan đang nắm cả quyền-uy về thể-thao.

Ông Vỹ biết muốn “búng” anh Hai Vọng cần phải có đủ yếu-tố và thời-gian để tránh giao-động trong giới thể-thao vì uy-tín của địch-thủ. Ông cũng biết trong bất cứ tổ-chức nào, vai trò Tổng-thư-ký cũng rất quan-trọng vì phải quán-xuyên cả các việc về hành-chánh. Trong ban chấp-hành của tổng-cuộc túc-cầu, anh tổng-thư-ký Nguyễn-Hữu-Lượng dĩ-nhiên dự phần rất quan-trọng. Bởi thế ông Vỹ quay mũi dùi sang tấn-công anh Lượng trước. Có lẽ ông nghĩ rằng “cấp bài trùng” Vọng-Lượng mà mất đi một sẽ trở nên què-quặt, dễ cho ông chi-phối hơn.

Và dịp tốt ấy đến: tổng-cuộc túc-cầu bầu lại ban quản-trị cho mùa mới. Các hội-hội-viên đều cử đại-diện tham-dự. Ký-giả thể-thao của các nhật và tuần-báo cũng có mặt. Điềm làm mọi người ngạc-nhiên là lúc gần tới giờ đầu-phiếu ông Vỹ xuất-hiện. Mọi người đều lấy làm lạ. Vì cho đến lúc ấy, chưa bao giờ ông Tổng-Giám-đốc Thanh-niên có mặt ở buổi bầu ban quản-trị tổng-cuộc. Người ta nghĩ là có biến-chuyển bất-thường sẽ xảy ra.

Bầu chủ-tịch, anh Hai Vọng đắc-cử như mọi người tiên-đoán. Đến chức-vị Tổng-thư-ký, anh Lượng đắc-cử. Như chỉ chờ có thế, ông Vỹ lên tiếng can-thiệp, phản-đối việc đắc-cử của anh Lượng. Ông không muốn anh Lượng ở trong ban chấp-hành của tổng-cuộc túc-cầu nữa. Và không chờ-đợi câu hỏi - nếu có chỉ là từ phía của báo-chí - ông Vỹ nêu nguyên-nhân: Vì lý-do chính trị!

Về ngạc-nhiên và chán-nản hiện rõ trên mặt mọi người. Không ai có một lời nào chống lại vì **ai cũng biết thời ấy dụng đầu vào đá chỉ có mang họa vào thân**. Ông Cao-Xuân-Vỹ đã hài-lòng: Anh Nguyễn-Hữu-Lượng không được còn là Tổng-thư-ký của Tổng-cuộc túc-cầu nữa.

Hôm ấy là chúa-nhật. Buổi tối có chương-trình thể-thao hằng tuần của chúng tôi trên đài. Trong phần tin-tức chúng tôi đã trung-thực loan tin anh Lượng đã bị ông Vỹ loại khỏi Tổng-cuộc túc-cầu vì “*Lý-do chính-trị*”.

Lỗi loan-báo tin-tức trung-thực ấy - đúng theo lương-tâm chức-nghịệp của một ký-giả - không ngờ đã tạo công-phần nơi ông Vỹ. Có lẽ “thượng-cấp” của ông trong đảng cầm quyền đã không hài-lòng với “**Lý-do chính-trị**” áp-dụng trong địa-hạt thể-thao được loan đi trên các làn sóng điện của đài nên ông Vỹ có ngay phản-ứng.

Lúc ấy ông Bửu-Thọ làm Tổng-giám-đốc đài phát-thanh Saigon.

Tuy cùng ngang chức “Tổng” như nhau song ông Võ đã lấy quyền-uy trong “Đảng” làm áp-lực với ông Thọ để gây khó-đề cho chúng tôi. “Khó đề” ấy là ép ông Thọ **buộc chúng tôi hằng tuần phải gửi bài quan-điểm về thể-thao của chúng tôi cho ông xem trước khi phát-thanh.**

Phân phát-thanh hằng tuần của chúng tôi, ngoài tin-tức, phóng-sự còn có phân quan-điểm rất được thính-giả theo dõi vì thẳng -thẳng và xây-dựng. Chúng tôi thường dùng bài quan-điểm để mổ-xẻ những hành-động độc-tài của Tổng-nha đối với các Tổng-cuộc, cũng như những bất công của Tổng-cuộc đối với lực-sĩ theo đường lối của Tổng-nha.. Ông Võ có hai dụng-ý:

1) Kiểm-duyet trước để phân quan-điểm của chúng tôi không còn bất-lợi đối với Tổng-Nha.

2) Thỉnh-thoảng chậm trả lại phần quan-điểm để chúng tôi bị bối-rối, không kịp có bài đề trám lỗ trống. Không có phân quan-điểm để uy-tín của chúng tôi sụt-giảm đối với thính-giả trong nước.

Bực mình với áp-lực của ông Võ; ông Bửu Thọ đã phàn-nàn với chúng tôi: - Chú chọc họ làm gì!? Phê-bình làm chi. Cứ loan tin và trực-tiếp truyền-thanh là đủ rồi.

Vài hôm sau ông Võ cho mời chúng tôi vào Tổng-Nha, lúc ấy được đặt tại tòa thị-sân cũ của Chợ-Lớn. Đầu-tiên chúng tôi có ý-định không đến, vì ông Võ không có quyền-hành gì đối với chúng tôi cả. Nhưng rồi vì muốn biết ông Võ có mưu-tính gì nên chúng tôi đã đến.

Thời ấy Tổng-Nha Thanh-niên oai-vệ lắm. Tổng-Nha có một ban an-ninh. Người đặc-trách ban an-ninh này là một Trung -Tá từ quân-đội biệt-phái qua: Trung-tá Nguyễn-Văn-Bông. Trung-tá Bông không hiểu từ đâu đã có hõn-danh là “Bông Lừa” (từ ngày còn trong quân-đội Pháp), vóc dáng to lớn, là một đầu-thủ túc-cầu và cũng là người Việt duy-nhất trong đội bóng cầu-dục (rugby) của quân-đội Pháp.

Trung-tá Bông người Thủ-Dầu-Một (Bình-Dương) là người cởi-mở và vui-tánh. Nhưng **một Trung-tá mà đặc-trách an-ninh cho một Tổng-nha như Tổng-nha Thanh-niên cho thấy Tổng-nha này quyền-uy đến mức nào.** Quyền-uy đó đã thể-hiện ở hôm Trung-tá Bông bị Việt-Cộng phục-kích, chết trên trục-lộ Dầu-Giây – DaLat, được truy-thăng Đại-tá và xác được quản tại thính-đường của vận-động-trường Cộng-Hoà. Đêm ấy vài bạn ký-giả chúng tôi vào để phúng-điếu kẻ quá-cổ. Có việc, từ xa ông Võ đưa tay ngoắc gọi, Đại-tá Đinh-Son-Thung (giám-đốc nha Nhân-viên bộ Quốc-phòng) ôm

chiếc nón-kết vội-vã chạy lại, thay vì bước đi.

Rõ-ràng quyền-uy của ông Võ khá lớn đối cả với cấp bực Đại-tá. Đó mới thật là vì “Lý-do Chính-trị”.

Vì là người được mời nên chúng tôi được ông Võ tiếp ngay, không phải đợi chờ. Nhìn nét mặt chúng tôi biết là ông Võ đang cố nén cơn giận xuống. Không cần mở đầu, ông Võ đi thẳng vào đề:

- Tại sao loan tin ông Lượng bị loại, anh lại bảo là “vì lý-do chính-trị”?

Hiểu ngay nguyên-nhân vì sao được mời chúng tôi đáp:

- Chúng tôi chỉ loan về những gì đã xảy ra. Danh-từ “Lý-do chính-trị” là danh-từ ông đã dùng chứ đâu phải của chính tôi.

Biết không thể bắt-bẻ được về việc kể trên, ông Võ gay-gắt:

- Hay anh ý mình là sĩ-quan. Anh nên nhớ không phải chỉ có một mình anh là sĩ quan đâu nhé.

Chúng tôi hiểu vì sao ông Võ lại nói câu này. Có lẽ ông muốn “dần mặt” chúng tôi với cái “lon” bên Bảo-An-Đoàn của ông. Chúng tôi có nghe **ông Võ thuộc Bảo-an-đoàn miền Trung, nhờ vai-vế bên Cần-Lao nên được đưa về làm Tổng-giám-đốc Thanh-niên.**

Cuộc đối-thoại không kéo dài vì không có gì khác để mà kéo dài. Chúng tôi biết, cay-cú lắm thế nào ông Võ cũng tìm cách để phục hận.

Về vấn-đề ông Võ muốn kiểm-duyet phần quan-điểm trong các chương-trình phát-thanh, chúng tôi đã có cách. Biết **ông Võ dựa vào quyền-uy của đảng Cần-Lao mà làm một việc vô-lý, vượt ngoài quyền-hạn của ông**, chúng tôi tạm ngưng không viết phần quan-điểm nữa. Thay vào đó chúng tôi biến phần quan-điểm thành những thiên phóng-sự hằng-tuần để nói lên quan-điểm của chính mình. Hình-thức tuy có khác đi, ý-nghĩa vẫn như cũ. Không có phần quan-điểm, ông Võ không làm thế nào kiểm-duyet được quan-điểm của chúng tôi dưới một hình-thức khác.

Chương XV: ẢNH-HƯỞNG CỦA ĐẢO-CHÁNH (Trang 120)

Vận-mệnh một quốc-gia nối liền các khía-cạnh của đời sống. Biến-chuyên về chánh-trị ảnh-hưởng sâu rộng đến các phương-diện khác.

Cuộc đảo-chánh bất-thành năm 1960 (11-11-60) đã ảnh-hưởng đến thể-thao miền Nam Việt-Nam. Được biết hôm sau ngày đảo-chánh, dân chúng đã trưng biểu-ngữ kéo nhau đến trước dinh Độc-Lập biểu-tình rầm rộ ủng-hộ “cách-mạng” và làm áp-lực với chánh-

phủ Diệm. Trong số này, về Thể-thao có Nhu-Đạo do võ-sư Phạm-Lợi hướng-dẫn. Đấu-thủ bóng-bàn tên-tuổi Mai-Văn-Hoà (nhân-viên của Tổng-nha Thanh-niên) cũng rất hăng-hái, âm ỉ reo mừng “Cách-mạng thành-công.”

Đội phòng-vệ phủ Tổng-thống xā súng bắn vào đám biểu-tình. Có người chết và võ-sư Phạm-Lợi là một trong số những người bị thương.

Lúc ấy anh Đinh-Văn-Ngọc, chủ-tịch tổng-cuộc bóng-bàn là chủ-nhiệm nhật-báo *Tin Mới*. Báo này công-khai ủng hộ “cách-mạng.”

Đạo-chánh bất thành, phe đối-địch với chánh-phủ dĩ-nhiên phải lãnh hậu-quả. Chánh-phủ lo phần của chánh-phủ. Thể-thao cũng lo phần của thể-thao.

Anh Đinh-Văn-Ngọc là chủ-tịch tổng-cuộc bóng-bàn vừa là chủ-nhiệm TIN MỚI, nhật-báo ủng-hộ “cách-mạng” được nghĩ đến trước tiên. Huống chi anh Ngọc cũng là người thường chống đối linh-lạc độc-tài của Tổng-nha Thanh-niên nên ông Vỹ nghĩ ngay đến việc giải-tán tổng-cuộc bóng-bàn, cho người xử-lý và trùng-trị báo TIN MỚI. Lối trùng-trị này đã không kém phần thâm-hậu là dùng bóng-bàn “đập” lại bóng-bàn. **Ông Vỹ cho Mai-Văn-Hoà lãnh một ê-kíp đến đập phá toà-soạn và nhà in báo TIN MỚI. Vậy là người vừa âm-ĩ reo mừng “Cách-mạng thành-công” nay lại đập phá cơ-quan ngôn-luận ủng-hộ “cách-mạng”.** Phải chăng Mai-Văn-Hoà muốn lấy “công” khoả-lấp “tội” của mình!?

Mai-Văn-Chất và Mai-Văn-Hoà là hai anh em ruột, bắt đầu sự-nghiệp bóng-bàn tại tỉnh Kompongcham (Cao-Miên). Chất và Hoà sống với người anh bà con là ông Nguyễn-Bá-Linh, thơ-ký tại tòa án Kompongcham.

Vào cuối thập-niên 30, đầu thập-niên 40, Chất và Hoà nổi tiếng về đánh đôi nhưng Hoà lại xuất-sắc hơn về đánh đơn. Về sau Chất và Hoà theo gia-đình người anh bà con về Saigon.

Bị “bay” chức chủ-tịch tổng-cuộc, toà-soạn và nhà in TIN MỚI bị đập phá, anh Ngọc không lo bằng khi nghĩ đến những hậu quả nặng nề khác tiếp theo, nên nghe theo lời khuyên của người quen là ông Võ-Văn-Hải, bí-thư của cụ Diệm, đi “ẩn-dật”. Và mãi đến cuối năm 1963, khi “cách mạng” thật sự thành công (1-11-63) anh Ngọc mới trở về với làng bóng-bàn. Sau ngày “cách-mạng” anh Ngọc gặp lại ông Vỹ tại Tổng-nha cảnh-sát khi đi thăm những khuôn mặt mới ở các trại giam.

Chương XVIII: **LẠI GẶP OAN GIA** (Trang 127)

... Một biến-cố khá tàn-bạo và nhục-nhả đã diễn ra trên sân Cộng-Hoà trong trận cầu quốc-tế tranh giải Quốc-Khánh giữa Thái-Lan và Việt-Nam. Ở Sài-Gòn bất cứ trận quốc-tế nào cũng thu hút đông-đào khán-giả. Khán-giả choán chật các khán-đài, lớp trong, lớp ngoài, choán kín cả rìa sân cỏ.

Trận đấu đang ngang ngửa và sôi-động, bỗng đấu-thủ Thái là Yangyong chơi xấu cố-ý đốn ngã một đấu-thủ Việt-Nam. Nổi bất-bình của khán-giả vì bình tuyên-thủ nhà lên đến cao-độ. Một số khán-giả ngồi ở rìa sân cỏ không dần được tánh nóng, vẩy đánh Yangyong. Hỗn-loạn diễn ra, trận đấu phải ngưng lại. Yangyong nghĩ đến chỗ thoát thân an-toàn nhất là khán-đài trung-ương nên chạy lên ẩn núp. Không may cho anh ta là gặp ngay ông Tổng-Giám-đốc Thanh-niên và Thể-thao Cao-Xuân-Vỹ ngồi ở hàng ghế danh-dự đầu. Phản-ứng của tinh-thần binh vực đấu-thủ nhà đã khiến ông Vỹ không nghĩ đến chức-vị của mình nên khi Yangyong vừa ló lên khỏi cầu thang là ông Tổng-giám-đốc Vỹ **đạp chun giày vào mặt** Yangyong khiến anh này ngã trở bật xuống sân cỏ.

Khán giả trên khán-đài trung-ương và chung quanh đều thấy rõ cử-chỉ thô-bạo kém thể-thao của người cầm đầu ngành thanh-niên và thể-thao một nước. Trong lúc theo-dõi từng biến-chuyển trên sân cho phần trực-tiếp truyền-thanh, đến đây, trong một giây, chúng tôi khựng lại, rồi vì không thể đưa điểm đen ấy lên làn sóng điện, chúng tôi không nỡ nói rõ người đạp Yangyong là ông Cao-Xuân-Vỹ mà chỉ nói “*Một khán giả*” trên khán-đài danh-dự đã đạp vào mặt Yangyong làm anh này bật ngã trở lại.

...
Dưới thời đệ-nhất cộng-hoà tuy tiếng là cấm các cấp quân nhân làm chính-trị, song **những ai gia-nhập và hoạt động cho đảng Cần-Lao hoặc Phong-trào Cách-mạng Quốc-gia đều được cất nhắc, mau thăng cấp, bất-chấp khả-năng và kinh-nghiệm chuyên-môn.**

Tướng Khiêm thuộc đảng Cần-lao và dĩ-nhiên vào vai đàn em của ông Vỹ. Điều này tạo môi-trường để ông Vỹ chuẩn-bị cơn bão nổi để nhổ cái gai trong mắt ông là chúng tôi. Trong lúc đó chúng tôi vẫn ngây-thơ không nghĩ đến hậu-quả, cứ thấy sai-quấy là lăn-xả vào bình-kích.

Là Tổng-giám-đốc Thanh-niên và Thể-thao, ông Vỹ nắm cả các ngành thể-thao dân-sự. Nhưng ông muôn **nuơng quyền-uy của đảng cầm quyền** điều-khiển luôn các ngành thể-thao quân-đội. Ông Vỹ

buộc các ngành thể-thao quân-đội khi gia-nhập các Tổng-cuộc dân-sự - để tranh vô-địch - phải lấy tên dân-sự. Ví-dụ Tổng-tham-muru không được lấy tên là Tổng-Tham-Muru nên T.T.M. phải lấy tên dân-sự là Trần-Hung-Đạo. Sự-kiện này đã làm cho nhà lãnh-đạo các ngành thể-thao quân-đội bực-tức.

Ký-giả thể-thao HUYỀN VŨ

BÁO CHÍ THỜI NGÔ ĐÌNH DIỆM

Vũ Bằng

[Trích từ “*BỐN MƯƠI NĂM NÓI LÁO*” - Cơ sở Xuất Bản Sống Mới – Sài Gòn – 1969 (Trang 204 – 263)]

Lời Giới thiệu - Những ai đã đọc “Miếng Ngon Hà Nội”, “Thương Nhớ Mười Hai”, “Bốn Mươi Năm Nói Láo”, “Miếng Lạ Miền Nam”, ... thì sẽ không cần phải đọc lời giới thiệu một nhà văn, nhà báo đã được sự nể trọng của các bạn đồng nghề, đồng nghiệp danh tiếng như Nguyễn Tuân, Thượng Sĩ, Lãng Nhân, Phùng Tất Đắc, Vũ Trọng Phụng, ... về tài hoa văn chương cũng như về tư cách làm người của Vũ Bằng từ những năm trước Đệ Nhị Thế Chiến.



Đặc biệt về tác phẩm “Bốn Mươi Năm Nói Láo”, kể từ ngày được xuất bản cách đây hơn 40 năm, đã được coi như **một hồi ký rất có giá trị văn học, sử học** về một giai đoạn văn chương, báo chí Việt Nam của một nhà văn lớn, một nhà báo trung thực, yêu nước thương nòi. Khi được hỏi ý kiến về việc tuyển chọn tác phẩm để xuất bản một “Tuyển Tập Vũ Bằng”, nhà văn Tô Hoài đã phát biểu: “Những tác phẩm văn học nào tìm thấy, nên in cả, không phải chọn. Đơn giản vì Vũ Bằng là nhà văn lớn.”

Thời kỳ những năm 1960 dưới chế độ Ngô Đình Diệm là thời kỳ viết văn, làm báo năng động nhất của Vũ Bằng. Nghĩa là thời kỳ ông đi sâu, nhìn sát vào thực tế xã hội miền Nam để từ đó, sau này, với cái nhìn tinh tế và sâu sắc hiếm có, ông đã viết hồi ký này với tất cả tấm lòng đầy tình dân tộc. Những trích đoạn dưới đây sẽ đưa độc giả vào một giai đoạn lịch sử cực kỳ sôi động mà may mắn thay chúng ta đã có được Vũ Bằng để làm một nhân chứng đích đáng để tin cậy.

TỪ “HOÀ BÌNH” ĐẾN “DÂN CHÚNG”
(Trang 205)

... Như thường lệ, vào dịp hai mươi ba Tết năm ấy, trong mục “Thiên hạ sự”, tôi có viết một bài *tếu* nói về việc đốt vàng mã và nhân dịp có kể lại câu hát cũ:

*Ba mươi tết, tết lại ba mươi,
Vợ thằng Ngô đốt vàng cho chú khách,
Một tay cầm cái dù rách
Một tay xách cái chăn bông
Em đứng bờ sông
Em trông sang nước người:
“Hồi chú chiếc ơi là chú chiếc ơi”
Một tay em cầm quan tiền,
Một tay em xách thằng bù nhìn
Quan tiền nặng thì quan tiền chìm
Bù nhìn nhẹ thì bù nhìn nổi,
Ơi ai ơi, của nặng hơn người ...*

Ai ngờ chỉ có thể mà sanh ra to chuyện. Bộ Thông tin - hồi ấy do ông Trần Chánh Thành điều khiển – cho chữ “*thằng Ngô*” đó là nói số ông Ngô Đình Diệm, nhờ Công An điều tra và làm lung tung lên một đạo, tưởng chừng như là sắp tận thế đến nơi.

...
Bây giờ, mỗi khi nói đến chế độ kiểm duyệt, tôi hay đem hai sự việc (“*thằng Ngô*” và “*chó Nhựt*”) trên kia ra so sánh và buồn cười không chịu được. Nhưng biết làm sao, ở một nước có tổng thống, có hiến pháp như mình, có bao nhiêu quốc gia thừa nhận, luật pháp không phải là trò đùa, chống đối lại chỉ là chơi với lửa. Hầu hết các báo đều hiền như con cừu. Gan lắm thì im lặng, không công kích, không nói bóng nói gió một câu đến chính quyền; còn lại bao nhiêu báo khác thì a dua, nịnh bợ không tiếc lời; hơn thế, lại còn tiếc là sao chữ Việt mình nghèo quá, để cho mình không đủ chữ để mà nịnh cho thực đã ... Vì thế, ta thấy có ông nhà báo xin đến ngâm thơ cho tổng thống nghe; có ông đề nghị lập tượng tổng thống ở chợ Bình Tây và có ông được tổng thống tiếp kiến về viết bài ca tụng tổng thống, ví tổng thống với mặt trời ở trong dinh Độc Lập.

Thực ra, các nhà báo ấy viết ra như thế, in lên như thế, nhưng ở thâm tâm thì một số lớn chửi thảm tổng thống, song cái việc phải

nịnh thì cứ nịnh, nịnh bất cứ ai, miễn có lợi thì thôi, nếu dại dột mà đã kích Ngài thì *chỉ có mà ... ăn sắn*. Nghĩa là **nhà báo chống đối chẳng trước thì sau cũng bị lâm vào mấy cái thế sau đây: báo bị đóng cửa; chủ nhiệm, quản lý ... bị đưa đi bí mật ban đêm; nếu không thế thì một ngày đẹp trời nào đó tự nhiên cũng bị ghép vào tội gá bạc, tổng tiền, dổ gái vị thành niên hay đi lừa đảo, đưa ra toà, gia sản bị tịch biên, có bao nhiêu vốn liếng đi tiêu hết.**

Lúc ấy sau ba lần thắng Bình Xuyên và áp dụng biện pháp mạnh đối với các giáo phái, thắng lợi, Ngô Đình Diệm bắt đầu có lòng có cánh, ra mặt chống Bảo Đại, không đi Pháp để trình với Quốc trưởng về các biến cố ở nước nhà, nhưng **ở lì trong nước tập làm độc tài cở, đưa họ hàng lên nắm hết các chức vụ quan trọng.** Ông Trần Văn Chương, thân phụ bà Ngô Đình Nhu, được đưa lên chức Quốc vụ khanh. Các cuộc tranh giành quyền thế, và cũng là những cuộc thanh toán, bắt đầu diễn ra trong dinh Độc Lập. Từ một nội trợ giặt áo, nấu cơm, tắm rửa cho con, bà Nhu thành một nhân vật của nhà Ngô và bà đã nhờ cái *séch-áp-pin* (sex-appeal) thuyết phục các lãnh tụ quân sự và các cố vấn và ngoại giao Mỹ ở Sài Gòn. Nhưng đồng thời giúp ích cho họ Ngô Đình, bà không quên nghĩ đến cho gia đình bà trước: mẹ bà, bà Trần Văn Chương, lên như diều; ông Chương làm đại sứ ở Hoa Thịnh Đốn; Nguyễn Hữu Châu, em rể của bà, cũng có tiếng là người tinh cũ, làm bộ trưởng tại phủ tổng thống, em ruột Trần Văn Chương là Trần Văn Đỗ được tôn lên làm ngoại trưởng; con trai của ông Chương là Trần Văn Khiêm làm giám đốc báo chí, rồi được bổ làm giám đốc Mật vụ. **Việc thay đổi bộ máy cầm quyền từ 1954 đến 1956 nhắm mục đích dành quyền của bà Chương về cho bà Nhu.** Nói một cách khác, ngay trong gia đình Trần Văn đã có sự tranh giành quyền thế, mà giữa họ Trần Văn và họ Ngô Đình lại cũng có sự tranh giành nữa; nhưng tựu trung **Việt Nam lúc bấy giờ là một quốc gia cảnh sát do hai gia đình quan lại Trần Văn và Ngô Đình nắm hết quyền hành.** Gia đình Trần Văn tương đối còn trung thành phần nào với tập tục cổ truyền của nhà vua Bảo Đại, chớ họ Ngô Đình thì trắng trợn ly khai với chế độ cũ và nuôi cái mộng lập một triều đại mới: **triều đại Ngô Đình.**

Cố nhiên muốn thực hiện mộng đó, phải tàn ác diệt trừ những cá nhân, đoàn thể chống đối, mà cá nhân và đoàn thể chống đối lúc ấy là **những người gốc ở miền Bắc và miền Nam chỉ muốn nhà Ngô giữ lời đã hứa là tổ chức một cuộc bầu cử để họ có thể bầu người đại diện của họ lên lo việc nước.** Theo những người có tiếng là chống

đổi này, **ông Diệm là một lính nhảy dù do Mỹ thả từ trên trời xuống và không có rễ ở dưới đất**. Đứng trước sự chi trích hỗn xược đó, ông Nhu và vợ đặt ở các văn phòng các đường phố một số mật báo viên, có nhiệm vụ báo cáo những phần tử chỉ trích chánh phủ; ngoài ra theo dõi hành động của các tờ báo khác, hồ thấy viết một câu nào xa xôi, xách mé bóng gió thì đóng cửa vĩnh viễn, còn **ký giả nào bướng bỉnh, không quy phục thì chụp cái nón cối Cộng sản lên đầu**, cho xuống hầm tối để không bao giờ lên được đất liền nữa, hoặc có lên được cũng mù loà, què quặt, bán thân bất toại.

Không khí làng báo lúc ấy thực đìu hiu, tẻ lạnh. Mỗi buổi sáng, người làm báo nhận được **những cú điện thoại** cho biết phải tránh những tin gì không được nói, những lời tuyên bố nào của ông Diệm, bà Nhu phải làm to; thậm chí lại có khi buộc phải đưa câu nói này của bà Nhu lên làm *vor-dét* tám cột, diễn văn kia của ông Diệm năm cột và kèm theo thật nhiều tranh ảnh.

...

Tôi yên lặng ngồi viết sách cho nhà xuất bản “Phạm Văn Tươi”, “Thế Giới”, và nghe thấy từ dưới đường vọng lên những tiếng chuyển động khác thường: đó là tiếng oán than của những cuồng họng bị bóp nghẹt lẫn với tiếng cười của trai gái đứ đờn trong ánh đèn mờ, **tiếng nguyện rửa não nề của dân chúng tắt thở vì chế độ tự do bị nhà Ngô bóp chẹt**. Các giáo phái, các chánh đảng, các tầng lớp nhân dân **nghĩ phải làm một cái gì, nếu không thì quá trễ**, nhưng, thay vì đoàn kết để chống lại nhà Ngô thì họ lại chia rẽ, kinh chống nhau. Các chánh đảng không thể thống nhất trong một mặt trận chung, vì thế vợ chồng ông Nhu càng đắc thế và càng áp dụng hữu hiệu nhiều chiến thuật “chia để trị”. Báo chí cúi đầu theo răm rắp, suy tôn Ngô tổng thống. Vào chiều bóng, rạp hát, phải chào cờ và đứng nghiêm nghe nhạc trỗi bài “*Toàn dân Việt Nam biết ơn Ngô tổng thống – Ngô tổng thống, Ngô tổng thống ... muôn năm*” **cho đến khi lá cờ vàng sọc đỏ mờ dần cùng với cái hình ông lùn mập**, mới có quyền ngồi xuống để xem “đượ” Âu Châu nhảy *tuýt*. **Báo cầm như hèn. Không có một ký giả nào dám lên tiếng phản đối anh em nhà Ngô, dù là phản đối xa xôi**. Phải đợi mãi đến năm 1960, cơn sốt mới bùng lên: đại tá Nguyễn Chánh Thi, trung tá Vương Văn Đông, cùng một số sỹ quan đem quân vây dinh Độc Lập và đòi Ngô Đình Diệm rút lui. Ngô Đình Diệm trao quyền cho những tướng lãnh để lập chính phủ khác, nhưng sau nhờ các sư đoàn 7 ở Biên Hoà và sư đoàn 21 ở Mỹ Tho về ứng cứu kịp thời, Ngô Đình Diệm thoát chết: Đại tá Nguyễn

Chánh Thi và trung tá Vương Văn Đông rời khỏi Việt Nam, Ngô Đình Diệm lại phê bình phàn nàn tuyên bố hỗn xược *không chế được*, và cố nhiên Quốc Hội lại ngỏ lời trung thành, các đoàn thể lại biểu tình ủng hộ và lũ cây cỏ hèn nhát đi với cách mạng lại quay về thần phục nhà Ngô.

Lúc ấy, tôi đang làm “Dân Chúng”. Tôi còn nhớ bầu không khí nẩy lửa đó, **ai cũng hằng say muốn thấy Ngô Đình Diệm và công ty, bị chết đâm chết chém..** Cứ đăng hết những tin tức đảo chánh lúc đó, không thêm bớt, thì độc giả cũng đã *khỏi tử* lắm rồi, khỏi cần bình luận; nhưng đa số nhân viên “Dân Chúng” dè dặt không dám đăng thật rõ, có ý muốn “trông và chờ”, một phần vì sợ cho tính mạng tờ báo sau này nếu cuộc đảo chánh không thành và mặt khác thì anh em không dám quyết định một thái độ dứt khoát vì lẽ khi ấy giám đốc tờ “Dân Chúng” là ông Mạc Kinh Trần Thế Xương, lại không có mặt ở Việt Nam. Tô Văn và Cát Hữu thấy Phi Văn tỏ ra sợ sệt, chửi ầm cả lên, nhưng rút lại báo “Dân Chúng” tương đối lúc ấy “hiền lành” và mỗi khi có tin gì bất lợi cho Ngô Đình Diệm thì viết một giọng hoài nghi, đánh dấu hỏi, chớ không dám quả quyết như mấy tờ báo khác.

...

Bây giờ, nói đến chuyện hiệp thương, hoà hội là thường, nhưng có ai đã sống sát với thời cuộc lúc đó đều thấy rằng đưa vấn đề ấy ra làm tám cột, kéo dài hàng tháng phải là “tri” lắm. **Nhất là đối với Ngô Đình Diệm là một thứ người có thành kiến, lý lợm, thì sự việc ấy lại càng đáng kể lắm, vì Diệm không thích cái gì thì không muốn cho ai nói tới.** Trái lại, dân chúng chán ngấy chế độ tự do dân chủ ngụy tạo của Diệm, lại muốn hiệp thương hai miền Nam Bắc, nên loạt bài của “Dân Chúng” ra đời thì độc giả tìm đọc “không chịu được”, nhất là họ lại không biết – vì chánh quyền giấu kín lắm - bức thư của Phạm Văn Đồng gửi cho Ngô Đình Diệm, nên cho rằng việc báo “Dân Chúng” đề cập đến vấn đề hiệp thương Nam Bắc là một hành động can đảm và sáng suốt. Thế là báo “Dân Chúng” *một phát* hỏi lại như thường. Lúc ấy đi lại chặt chẽ với nhau có Trần Tế Xương, Bùi Anh Tuấn và tôi, các bạn bè ở ngoài phần nhiều không giao thiệp công khai, một phần vì sợ mặt vụ của Ngô Đình Diệm theo dõi và chơi vớ gì xấu chàng.

...

Nhưng báo hay cũng như người đẹp: Không để cho người ta thấy bạc đầu. Sau vụ đảo chánh 1960, Ngô Đình Diệm không chết, nhưng lại chết từ báo tương đối e dè nhất, cân nhắc nhất, khi tường thuật các

biến cố xảy ra. Tôi và mấy người bạn đang ngồi ở trên lầu vừa đánh phé, vừa ôn lại mấy ngày sôi nổi vừa qua, thì hàng chục xe ô tô nhà binh và Cảnh Sát đến khám xét nhà báo, đập phá máy in, tung hê các ô chữ ra đường, rồi lấy giấy tờ, máy chữ, bút máy, bình mực, búp bê, nón *một sáng*, áo mưa ... lấy hết, đem đi. Nhà báo thì khóa ba khóa, niêm phong cẩn thận, sau khi để cho các người ở trong toà báo vừa kịp khoác cái sơ mi, đi ra ngoài. Một vài tờ báo khác cũng lâm vào trường hợp như chúng tôi lúc đó. Anh em “Dân Chúng” tản mác mỗi người mỗi ngả. Cố nhiên là trong bọn có một vài người vì vấn đề cơm áo, vợ con, ngậm đi với bọn mật vụ *còm* để xin tha tội “treo cổ” – vì ở đâu cũng có bích chương viết tay đòi treo cổ người này, bắn chết người kia – nhưng đa số thì lì lợm, ăn xong ngồi đánh phé và loan báo cho nhau biết bọn chánh khách, quân nhân nào đã xé hàng rào cách mạng, chạy vào dinh Độc Lập, bọn nào đã làm hư cuộc đảo chánh và đã khóc lóc như trẻ con lúc bị trói ở trường bay Tân Sơn Nhứt và không quên theo dõi hành động của Nhu Diệm cùng bề tôi nhấm cùng cố địa vị, uy tín, đồng thời sẽ đối phó với những người tham gia cuộc đảo chánh ra sao.

SAU KHI ÔNG NGÔ ĐÌNH DIỆM THOÁT CHẾT LẦN THỨ NHẤT

(Trang 218)

Saigon, sau ngày đảo chánh hụt 1-11-60, lần lần trở lại bộ mặt bình thường. Những báo đăng những tin bất lợi cho ông Ngô Đình Diệm trong cuộc đảo chánh *lo sốt vó*. Lúc ấy, những người có công với các ông Diệm và Nhu giả thử muốn phá nhà báo nào, cho ký giả nào đi *mò tìm* cũng cứ được đi, nhưng họ đã khôn khéo không nghĩ tới việc đối phó mà chỉ lo củng cố địa vị cho ông Diệm. Nhất cử, nhất động lúc ấy là thận trọng. Ngoài mấy tờ báo đóng cửa, chính phủ không cho ra thêm một tờ báo nào hết, trừ ba người có thể chắc chắn là không phản bội, hơn thế lại có công lao không ít thì nhiều với họ Ngô hay bác sĩ Trần Kim Tuyên: ông Huỳnh Thành Vị được phép xuất bản tờ “Đồng Nai”, Ngô Quân tờ “Saigon Mai” và Trung tá Châu (Giám đốc Nha Chiến tranh Tâm lý) tờ “Tiếng Dân”.

... thật ra báo cũng chẳng có gì đọc được, nếu không đề cao luật gia đình của bà Nhu thì lại đăng tin chiến sự: hành quân Bình Tây tại U Minh Hạ, hành quân ở Củ Chi, hành quân Lam Sơn II, hành quân ở Cao Lãnh, hành quân ở Mỹ An ... Một đồng hành quân, giết không

còn một mống Việt Cộng – ông Ngô Đình Diệm tuyên bố Việt Cộng chết hết rồi – hay tường thuật bốn năm cột báo bà Nhu đi thăm Phụ nữ Liên đới, vì phong trào này vừa được thừa nhận là một hội công ích do sắc lệnh 84/NV; ông Nhu đi thăm Sihanouk vì có tin Sihanouk tuyên bố thừa nhận Trung Cộng, cả về phương diện pháp lý; hoặc Liên Đoàn Công Chức Cách Mạng Quốc Gia kịch liệt lên án những người thân Pháp, yêu cầu chánh phủ chấm dứt nhiệm vụ của công chức điều khiển từ Chủ sự, nếu không từ bỏ quốc tịch Pháp.

Ồi chao ngán quá, ngán đến nỗi không buồn xem hình nữa, không buồn đọc bài nữa, dù là những bài tối quan trọng như bài tường thuật **lễ cử tuần khánh thọ bà mẹ ông Ngô Đình Diệm ở Huế có nhiều đại diện các đoàn thể và rất đông cao cấp trong chánh quyền về chúc mừng “thái tử”, mà bộ Nội vụ lại tổ chức một lễ tạ ơn tại Vương Cung Thánh Đường.**

...
Tự sĩ trước những cảm nghĩ lòng bông như thế, các anh em và tôi quyết định làm tờ “Tiếng Dân” của Trung tá Châu thành một tờ báo “sạch” cũng như “bom nguyên tử sạch”, bom nguyên tử không có quá nhiều phóng xạ làm ô nhiễm bầu không khí của thế giới tự do. Sau này, nghĩ lại thì quả lúc đó tôi khùng, vì cái “tri” và cái “hành” của tôi ngay lúc gặp Trần Thiện Phúc, đại diện gián tiếp của Trung tá Châu, đã mâu thuẫn với nhau rồi. Định làm một tờ báo sạch mà cư xử không sạch tí nào: tôi đặt điều kiện báo phải đưa cho anh em toà soạn một tháng lương để ngồi suy nghĩ về cách làm ăn; nhưng cái đó không quan hệ lắm bằng mâu thuẫn dưới đây: **làm một tờ báo cho Trung tá Châu ủng hộ Ngô Đình Diệm mà lại nói chuyện “sạch” thì có khác gì nói chuyện “giấy thừng ở trong nhà có người thất cổ?...”**

Tờ “Tiếng Dân” gặp sự bê bối ngay từ lúc ra số 1, vì mỗi phe có một số người của riêng mình, mà cũng ngay từ lúc mới quảng cáo, ở Huế, đã có **con cháu của cụ Huỳnh Thúc Kháng bắn tin là không thể đem bôi nhọ tên một tờ báo đã có hồi lừng danh ở Huế.** Nói như vậy, tức là tờ “Tiếng Dân” đã mang tiếng là báo của nhà Ngô ít nhiều rồi; vì thế chúng tôi phải hết sức tìm cách né tránh, viết lách thế nào để cho thiên hạ đỡ chửi là quân liếm gót. Dù biết rằng báo này có hai mục tiêu, một là suy tôn Ngô Đình Diệm, thần thánh hoá ông ta (vì ông ta đã mất uy tín rất nhiều sau cuộc đảo chánh 1960) và hai là đối phó với những liên danh chống đối ông trong cuộc tranh cử Tổng Thống nhiệm kỳ I I vào đầu năm 1961, chúng tôi cố ý làm ra

mặt dờ dẩn, toàn bàn về vấn đề nông thôn và đăng những tin tức cố tránh đụng chạm đến Nhu và Diệm, không đả kích những người đảo chánh Diệm mà cũng chẳng hề đụng chạm đến những liên danh II và III mà ngay từ tháng giêng 1961, chúng tôi đã biết có ai, tuy là các liên danh ấy chưa tiết lộ ra bên ngoài. Đó là liên danh Nguyễn Đình Quát - Nguyễn Thành Phương và liên danh Hồ Nhật Tân - Nguyễn Thế Truyền, ấy là không kể nhiều liên danh khác hoặc trừ trừ không quyết định ra vì biết sẽ bị gian lận, mất công vô ích, hoặc bị Nhu Diệm cho người đến mua chuộc, tổng ít tiền lẻ để dùng ra ứng cử làm gì cho quần chân.

Lúc ấy, Mỹ còn nuôi hy vọng ăn đứt Việt Nam, dù cách gì đi nữa thì Diệm cũng vẫn ngồi vững ở ghế Tổng Thống như thường; ai cũng biết như vậy, kể cả Nguyễn Đình Quát; nhưng đã chót cưỡi lên lưng cọp rồi, Quát cứ phải liều, dù phải trả mắc tiền: Quát chưởi Diệm đã sướng miệng và kể từ lúc bấy giờ về trước, có lẽ không có ai dám *khi quân* chưởi Diệm đau như thế, và hơn nữa lại công khai dám công bố ở rạp Thống Nhất một ý kiến mà cũng từ trước cho tới lúc đó không ai dám hé môi nói ra lời: ông hứa nếu đắc cử sẽ điều đình ngưng bắn, tái lập hoà bình ở Việt Nam! Tất cả những tin tức liên quan đến cuộc vận động bầu cử Tổng Thống, chúng tôi cho vào một mục ở cuối trang nhất, không lấy gì làm long trọng...Phần chính của báo là đề cao Phật Giáo ngay giữa lúc Công Giáo đang *lên hương*, bọn Nhu Diệm làm chúa tể, Đức cha Nguyễn Văn Bình làm lễ nhậm chức Tổng giám mục ở Saigon mà Ngô Đình Cần thì bắt đầu ngấm ngấm chơi tăng ni, phật tử ở Huế. Chúng tôi đánh một trận hoả mù làm cho không ai hiểu đường lối của báo ra sao, nhắm mục đích là nếu có một số độc giả cố định rồi thì quay về làm tin tức và chú tâm mổ xẻ, cứ xét các vấn đề thời sự, nhưng không thể được. Riêng tôi thấy rằng làm báo ở dưới một chính thể độc tài độc đoán, thì dù muốn xoay sở thế nào, bịp bợm thế nào cũng vẫn không thể thoát khỏi được ra ngoài quỹ đạo của chế độ và cuối cùng độc giả cũng biết ai ngay, ai gian. Báo nào mới ra đời cũng la hét ghê gớm lắm: nào dám nói, dám làm, dám chưởi; nào phục vụ nhân dân, đứng hẳn về phía đối lập, đòi công bằng xã hội, tranh đấu cho đồng bào có cơm no áo ấm; nào quét sạch thói tha, như bản, dám làm, dám chết...**nhưng rút cục trong một chính thể độc tài, nô lệ, dân chủ ngụy tạo như chính thể nhà Ngô, chẳng có một tờ báo nào thoát được ra ngoài quỹ đạo của chế độ Ngô Đình Diệm.**

Sau cuộc đảo chánh hụt Ngô Đình Diệm, đa số dân chúng đều

tỏ ý tiếc rẻ sao trung tá Đông không giết phất Diệm đi lại cứ hội đàm vớ vẩn với Diệm làm gì, bàn tính chuyện chia đôi Saigon làm gì để cho ông ta lật lại được thế cờ, trở lại *sống phây phây*, ra ứng cử tổng thống nhiệm kỳ II. Do đó người dân lúc ấy theo sát thời cuộc để xem Mỹ đối phó ra sao, phe cách mạng còn làm gì nữa không, và Ngô Đình Diệm sẽ gậy hay là cứ sống nhăn như thế mãi. Người ta lại càng tò mò muốn biết Ngô Đình Diệm, sau vụ sống sót này, có thay đổi thái độ đi không.

Ngay từ cuối năm Tý, đã có tin Diệm cải tổ chánh phủ. Thường thường nghe thấy tin cải tổ, người dân không để ý, vì họ cho là nội các nào cũng “hâm bà làng” giống như nhau, nhưng đặc biệt lần này họ chú ý nghe ngóng xem Diệm cải tổ ra sao, vì họ tin rằng cuộc đảo chánh vừa qua ít ra cũng mở mắt cho Diệm và Diệm cũng đỡ độc tài như trước. Báo “Saigon Mai” đã nắm lấy cơ hội đưa ra những tin sốt dẻo lượm lặt được ở các nơi “có thâm quyền” : một số chính khách, nhân sĩ nhóm họp để bàn việc lập Nghị Hội Đại Đoàn Kết toàn dân chống Cộng, có bác sĩ Phan Huy Quát, bác sĩ Lý Trung Dung, Đặng Văn Sung v.v...bà Ngô Đình Nhu đi các tỉnh cổ võ cho phong trào Phụ Nữ Liên Đới và Phụ Nữ Bán Quân Sự; các chính khách hầu hạ dưới trướng Diệm đang bí mật liên minh các đảng phái để đúc lại thành một đảng chánh quyền do ông Ngô Đình Nhu điều khiển.

**ĐÀN ÁP PHẬT GIÁO:
BÁO GIỚI KHÔNG HỒ HE MỘT TIẾNG**
(Trang 238)

Hai năm 1962 và 1963 là hai năm xui xẻo nhất của Ngô Đình Diệm. Dinh Độc Lập bị hai phi cơ Việt Nam ném bom và bắn phá làm hư phía tay trái, gây tổn thất nặng cho tư thất của cố vấn Ngô Đình Nhu, và phòng giấy của bộ trưởng Nguyễn Đình Thuần. Trong khi bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ vẫn gia công tuyên bố tình hình Việt Nam vẫn vững; trong khi nhà Ngô làm ra bộ *phốt tinh* và tiếp tục đàn áp các nhà ái quốc tiến bộ, thì kinh tế trong nước bắt đầu suy sụp: gạo tăng giá, thịt heo khan tăng từ 30 lên 50 đồng một ký mỡ, từ 60 lên 90 đồng một ký nạc, dân chúng bắt đầu thấy reo neo; nhưng toàn dân, không phân biệt giai cấp, phải góp tiền để tái thiết dinh Độc lập. Số Kiến Thiết từ 1.600.000 in tăng lên 3 triệu.

Báo chí không lúc nào ngưng suy tôn Ngô tổng thống. Mọi việc đều trơn tru, êm đẹp. **Nếu không có Ngô tổng thống thì toàn dân**

chết không còn một mống. Muôn năm, muôn năm. Hơn 300 căn nhà cháy ở Xóm Chiếu; 100 nóc nhà khác bị kéo sập; không ngày nào không bắt được những tên châm lửa đốt nhà. Một ngàn rưởi căn nhà cháy rụi ở đường Trần Quốc Toản; 30 nhà khác ra tro ở đường Trương Minh Giảng; lại ba vụ khác nữa gây thiệt hại không nhỏ ở Khánh Hội; đó là nhờ ơn đức của Ngô Đình Diệm nữa. Muôn năm, muôn năm. Nhưng báo chí bắt đầu tăng cường muôn năm, muôn năm Ngô Đình Diệm dữ dội nhất từ lúc cảnh sát hạ cờ Phật Giáo ở Huế nhân ngày Phật Đản, các lực lượng an ninh giải tán các cuộc tụ họp của Phật Giáo ở Huế cũng như ở Saigon.

Một phái đoàn gồm sáu thượng toạ và đại đức yết kiến Ngô Đình Diệm đưa ra **năm nguyện vọng**: bãi bỏ lệnh cấm treo cờ Phật Giáo; cho Phật Giáo hưởng chế độ ngang hàng với các hội truyền giáo Thiên Chúa; chấm dứt khủng bố và bắt bớ Phật tử; để Tăng ni và Phật tử tự do truyền đạo và hành đạo; bồi thường cho các gia đình nạn nhân và trừng trị những nhân viên có lỗi làm đổ máu.

Cuộc tranh chấp bắt đầu căng từ đó. Nay, Phật tử biểu tình ở Huế. Có xô xát. Một số lớn bị thương. Mai, Phật tử biểu tình ở Saigon. Hoi cay xẹt ra tứ tung làm cho dân chúng sùng cả mắt. Mốt, ruồng bắt các chùa chiền, cảnh sát cho biết là bắt được nhiều lựu đạn và súng ống. Thế rồi, trước một số đông tăng ni, tại ngã tư đường Lê Văn Duyệt – Phan Đình Phùng, Thượng Toạ Thích Quảng Đức tự thiêu bằng dầu xăng. Cả thế giới rung động. Có nhiều người khóc. **Lòng căm thù oán trách Ngô Đình Diệm bay cao thấu trời. Việt Nam Cộng Hòa, như nhà có tang**, một mặt phải lo chống Cộng, một mặt phải đối phó với cao trào Phật Giáo mỗi ngày một căng hơn: Ngô Đình Diệm gửi thông điệp kêu gọi dân chúng bình tĩnh. Paulus Hiếu – cũng nhận là họ Ngô - thề bán sống bán chết không tuyên bố điều gì vu khống hay công kích Phật Giáo; Nguyễn Ngọc Thơ mời Hoà Thượng Thích Tịnh Khiết tới họp với Ủy Ban liên bộ, nhưng tất cả đều vô ích.

Tăng ni biểu tình trước nhà đại sứ Hoa Kỳ. Phật tử, đại đức thi đua tự thiêu ở khắp nơi. Sự công phẫn tràn lan khắp nước. Phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ bù đầu – tuy đầu sói - về việc lập ủy ban hỗn hợp để thi hành thông cáo chung. **Bà Ngô Đình Nhu chửi bô là Trần Văn Chương, vì đại sứ Chương đã trách bà “thiếu lễ độ” đối với Phật Giáo.** Lệnh giới nghiêm được ban hành. Các chùa Xá Lợi, Ấn Quang, Kỳ Viên Tự bị khám xét. Máu Phật tử đổ khắp nơi. Hội Đồng Chính Phủ họp lúc gần sáng. Saigon và Gia Định cũng thi

hành lệnh giới nghiêm, cầm đi lại ban đêm từ 9 giờ đến 5 giờ sáng. **Nhà họ Ngô khất máu tiếp tục thi hành chính sách cường hào ác bá, giết kỳ hết những người phản đối họ.** Trong khi đó thì có tin Việt Cộng sắp tràn ngập thủ đô, Ngô Đình Diệm đặt thiếu tướng Tôn Thất Đính làm tổng trấn Saigon – Gia Định và giao cho quân đội bảo vệ an ninh, trật tự, **Phật tử nào biểu tình, trí thức nào chống đối cho phơ tuốt. May cho bố bà Nhu là Trần Văn Chương không bị phơ, mà chỉ bị dứt nhiệm vụ đại sứ thôi.**

Trong suốt một thời gian kéo dài từ tháng 5 năm 1963 cho đến tháng 11 cùng năm đó, tràn đầy máu lửa và nước mắt, **tàn sát Phật tử không khác gì phát xít Đức tàn sát người Do Thái** trong thế chiến thứ nhì, **không có một tờ báo chánh thức nào dám ho he một lời can ngăn - chớ đừng nói cảnh cáo hay đã kích – Ngô Đình Diệm và gia đình ông ta.** Được lệnh của cố vấn Ngô Đình Nhu, Tổng giám đốc Thông Tin mỗi ngày ra một chỉ thị cho các báo. Báo nào báo nấy theo răm rắp, nhưng cũng chưa yên; đến lúc đưa kiểm duyệt, lại thay đổi ý kiến, có tin cấm lại cho ra, có tin không nói đến, tới giờ cuối cùng lại cấm. Báo nào báo nấy cứ điên lên, không biết phải làm ăn ra thế nào. Lúc ấy, tôi là tổng thư ký của nhật báo “Báo Mới” do Huỳnh Tấn Phấn đứng ra làm, mà *măng xét* thì của Văn Giang. Lúc chưa ra, báo này nhắm làm việc về ấp chiến lược, mở một mục đặc biệt về ấp, vì Nhu cho đó là quốc sách, bao nhiêu tiền đồ đồn cả về việc xây dựng ấp. Tiền tái thiết dinh Độc Lập thu được 19 triệu, thì bỏ vào ấp chiến lược 10 triệu, quỹ chống Cộng thu được 30 triệu, đem dùng hết cả vào việc ấp. Dù đã được chỉ thị riêng rồi, “Báo Mới” cũng bị xoá lện xoá xuống vì những tin Phật Giáo, nói xấu chính phủ không được mà nói tốt cũng không được nữa. **Rút cục, người làm báo phải tự hỏi không biết nhà Ngô muốn gì, muốn sống hay muốn tự tử.** Lập ra ủy ban liên bộ, ủy ban liên phái, ra thông cáo chung, **cấm đăng**; Thượng tọa Thích Thiện Minh gửi thư cho Ngô Đình Diệm vì thông cáo chung chưa được thi hành, **cấm đăng**; nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam uống thuốc ngủ tự tử để phản đối chính sách độc tài, đàn áp Phật Giáo của Ngô Đình Diệm, **cấm đăng**; tăng ni và Phật tử biểu tình ở trước nhà đại sứ Hoa Kỳ, trước chùa Giác Minh, bị đánh đập tàn nhẫn, bị bắn, bị giết, bị giam, lại có nơi bị xe tăng nghiền nát ra, **cấm đăng**; ni cô Diệu Quang, đại đức Thích Tiêu Diêu, Thích Quảng Hương, Thích Thanh Tuệ và hàng trăm đại đức, ni cô khác tự thiêu hoặc bị đâm, chém, bắt cóc mang đi mất xác,

cấm đăng. Về sau, thông bạch của nhà chùa gửi đến báo (đăng trả tiền) mời Phật tử đến chùa lễ Phật, kiểm duyệt cũng bắt **phải bỏ**; Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu xuống tóc, **bỏ**; phái đoàn tăng ni và báo giới tới thăm Hoà Thượng Thích Tịnh Khiết, **bỏ**; sinh viên, học sinh biểu tình ở chợ Bến Thành, Quách Thị Trang bị bắn nát đầu, 1300 người bị trói giết cánh khuỷu, đưa xuống trại huấn luyện Quang Trung, **bỏ luôn**. Có tin ở ngoài phố Ngô Đình Nhu muốn diên, chích nha phiến trắng cả ngày đêm trong khi vợ gia công gia sức hiệu triệu Phụ Nữ Bán Quân Sự khoá III và lên án những vụ tranh đấu về tôn giáo: báo chí tuyệt đối **không được nói tới**, kể gì những tin mà dân chúng ai cũng nói tới như: ảnh Ngô Đình Diệm bị tháo gỡ ở vài nơi công sở và thay bằng ảnh cổ vấn Tổng lãnh tụ Thanh Niên Cộng Hoà: Nhu sắp đảo chính, lên cầm quyền để thi hành một chánh sách độc tài đánh thép hơn; bà Nhu tới La Mã bị nhiều người đón đường phân đối, qua Ba Lê bị ném trứng thối vào đầu, qua Hoa Kỳ diễn thuyết phủ nhận sự đàn áp Phật Giáo, không được Tổng thống Kennedy tiếp kiến. Trần Văn Chương công kích chính sách Ngô Đình Diệm; Diệm Nhu tung tin sẽ phá toà đại sứ Mỹ, ám sát nhân viên ngoại giao Mỹ và cả đại sứ Cabot Lodge.

Tất cả những tin tức liên quan đến vấn đề tàn sát Phật tử, đàn áp Phật Giáo, kể cả **những mách lới bí ối mà vợ chồng Nhu đưa ra để “mua” phái đoàn điều tra về vụ Phật Giáo do Liên Hiệp Quốc cử sang** (chụp hình các thành viên của phái đoàn L.H.Q. đang mua dâm trong những ngày làm việc ở Sài Gòn - LND), nhà báo có thể đem ra viết mười năm không hết, khả dĩ **làm cho thế giới biết suy nghĩ phải khóc ròn trước những khổ ải đắng cay của dân tộc Việt Nam**, nhưng rút cục không có một tờ báo chính thức nào dám viết, vì Nhu, Diệm và tất cả các tay sai của họ lúc nào cũng sẵn sàng cho nhà báo phân đối xuống hầm kín hay bắn một phát vào đầu, cán xe hơi, bịt mắt đem đi rồi dâm hàng trăm nhát, chắt thành một đồng, cho xuống bè thả ra sông. Nhưng...

Xã hội ta lúc đó y như thể nước đại dương: bên trên thì êm ả, nhưng sóng ngầm bủa giăng ở dưới. **Trong khi dân chúng rên siết trong máu lửa và nước mắt: trong khi bọn Nhu Diệm giết hết, đốt hết những cái gì liên quan đến Phật Giáo; trong khi bọn tay sai của Nhu Diệm thừa nước đục thả câu, ăn cướp công khai cả vật chất lẫn tinh thần người dân**, thì chính ở bên trong các báo chính thức xuất bản, và cả ở ngoài làng báo, một số lớn bọn người “nói láo

ăn tiền” vẫn bí mật hoạt động chống Nhu Diệm và kết hợp các tầng lớp nhân dân để chờ một ngày quyết định. Mà khí giới của họ vẫn là ngòi bút! Ngòi bút cùn, nhưng có tác động vô song là động viên được tinh thần bất khuất của người Việt Nam đúng giờ, đúng khắc thì vươn lên, không sợ chết, không sợ gian khổ, không sợ võ khí tối tân và khoa học nhất.

Hoà mình với Phật tử, sinh viên, học sinh, các người “nói láo ăn tiền” đó không uống *uyt ky* nhưng uống nước lạnh, không ở nhà lầu nhưng chiu vào những ổ chuột, không ăn đồ ăn Pháp nhưng ăn cơm nguội, muối mè và nhiều khi nhịn đói để làm báo lậu, **những truyền đơn, những cuốn sách bỏ túi để phát đi trong quảng đại quần chúng, hô hào dân chúng nổi lên chống độc tài, áp bức, tranh thủ tự do, dân chủ thực sự.** Ông lái buôn no đủ, ông bộ trưởng, giám đốc thừa tiêu, ông tích trữ đầu cơ, có mèo chó, vợ con phê phỡn, một hôm, tư nhiên thấy người làm bưu điện gửi tới một bao thư: giờ ra coi thì là báo lậu. Có khi báo lậu, truyền đơn, sách bỏ túi, chui qua kẽ cửa vào trong nhà cô nữ sinh; có khi ông công chức đến sở vừa mở hộp bàn ra để lấy sổ sách ra làm việc thì đã thấy lù lù một tập, lại cũng có khi nhận hàng ở máy bay về, mở hộp ra thì đã có một đồng truyền đơn báo lậu. Mật vụ Dương Văn Hiếu, quả đã trải một thời gian điều đứng, bắt “phiến loạn” không thể nào xuê: chưa xong bọn này đã đến bọn kia thoá mạ và **kêu gọi lật Ngô Đình Diệm để mau chấm dứt Phật nạn và chặn đứng cuộc tàn sát dã man, vô đạo.**

Tôi không biết có bao nhiêu báo lậu, truyền đơn, sách bỏ túi tung ra thời ấy, nhưng tôi nhớ trong số đó có mấy tờ viết vô cùng thống thiết: đó là tờ “Vạc Dầu”, tờ “Nhị Thập Bát Tú”, tờ “Tin Tức Phật Giáo”, còn sách thì phổ biến rộng rãi nhất là loại “Những Vấn Đề Cấp Thiết” xuất bản “vào giờ giới nghiêm”. Vì nghề nghiệp, tôi được biết một vài người bạn trẻ đứng ra làm những tờ báo đó. Phần nhiều những báo ấy viết bài ở một chỗ, thuê thợ để sửa chữa ở một chỗ, chia nhau đánh máy ở nhiều chỗ khác nhau rồi quay *ronéo* ở những chỗ thay đổi luôn luôn, không bọn nào biết bọn nào. Cố nhiên làm báo như thế thì không hòng có một xu dính túi, nhiều khi lại phải bỏ tiền của mình ra là khác; nhưng **các ký giả, sinh viên, học sinh, Phật tử làm việc say sưa, mê mết, làm việc như điên, người thường trông thấy phát ón lên, vì không hiểu tại sao con người lại có thể có sức sống tuyệt vời đến thế.**

NGÔ ĐÌNH DIỆM BỊ GIẾT, MUÔN NĂM NGÔ ĐÌNH DIỆM (Trang 247)

Hiện giờ, chưa ai biết rõ là phe quân nhân cách mạng nổi lên đảo chánh Ngô Đình Diệm lần thứ ba có nghiên cứu về tâm lý của người dân trước khi tiến đánh dinh Độc lập hay không, nhưng **có một điều chắc chắn là tình thế lúc đó đã chín mùi và dân chúng đã thấy cách gì cũng phải hạ ngay Ngô Đình Diệm.** Phe cách mạng được dân chúng ủng hộ và làm hậu thuẫn nên đã thành công rực rỡ; nhưng sửa soạn được tâm lý quần chúng như thế, **muốn nói gì thì nói, muốn bài bác thế nào thì bài bác, ai cũng phải nhận rằng báo chí đã tiên phong trong công việc chuẩn bị cách mạng, triệt hạ Ngô gia để mở đầu cho một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên tự do, dân chủ - dù lúc đầu chỉ là một thứ tự do, dân chủ đi tập tễnh.**

Như trên kia đã nói, báo lậu không ngớt kêu gọi dân chúng nổi lên chống Diệm. Cuối năm 1963, lúc nào xe thiết giáp cũng nằm ụ trước dinh Độc Lập và Gia Long, đề phòng các cuộc biểu tình. Ngô Đình Diệm, vừa tiễn Đô đốc Harry D. Felt, tổng tư lệnh tại Thái Bình Dương, được một lát, chưa kịp ăn cơm, thì tiếng súng nổ ran ở nhiều nơi trong Đô Thành. Quân đội rầm rộ chiếm đóng Tổng Nha Cảnh Sát, đài Phát thanh, nha Truyền Tin, bộ Nội Vụ... Các lực lượng tấn công gồm một đội pháo binh 105, tiểu đoàn 1 và tiểu đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến, các đội khác chuyển từ Biên Hoà, Thủ Đức, Long An, Bình Dương. Sẩm tối hôm ấy, quân cách mạng tấn công mạnh vào thành Cộng Hoà: nhiều sinh viên Phật Tử được phóng thích. Lệnh giới nghiêm được ban hành trên toàn quốc. Hôm sau, dinh Gia Long bị chiếm; có tin Nhu Diệm tự tử, nhưng thực ra thì họ trốn về nhà thờ Cha Tam ở Chợ lớn và buổi trưa hôm ấy, có tin Nhu Diệm đã bị hạ sát thê thảm trong chiếc xe bít bùng từ nhà thờ Cha Tam về Saigon.

Người ta muốn biết ai đã giết Diệm Nhu, nhưng không ai biết đích xác; dù sao **Diệm Nhu chết đi thì đại đa số dân chúng cũng mừng. Có người tế con heo; có người lập bàn thờ cảm tạ trời đất;** còn thì hầu hết nhà nào cũng làm tiệc, rủ bè bạn, thân thích đến để nhậu nhẹt cho “phí chí tang bồng”.

Một vài tờ báo nổi tiếng trung thành với Nhu Diệm, hay làm tay sai cho “con khi đột” Lê Quang Tung, chỉ huy Lực Lượng Đặc Biệt, tự động đóng cửa; chủ nhiệm, quản lý, chủ bút, trốn luôn; còn đa số bị bịt mắt, bung miệng lâu ngày, bây giờ tha hồ nói hươu, nói vượn, chạy theo Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng và chánh phủ lâm thời,

và đá những “cú hẩu” rất hăng vào hai cái xác chết thối ra là xác Nhu và Diệm. Bộ trưởng Thông Tin lúc ấy, Thiếu tướng Trần Tử Oai, bị các hồ sơ đê nặng chũu cả đầu cả cổ, không biết phải đối xử với các báo thân Diệm và chống Diệm ra sao, đành phải vừa làm việc vừa nghe ngóng. Trong khi ấy thì báo được phép xuất bản như nôm; những tờ bị Nhu Diệm đóng cửa cũng tục bản; nhiều ông không hề biết báo chí ra gì, thấy làm báo “hay hay”, cũng gửi đơn xin phép ra một tờ chơi cho há, thành thử chưa bao giờ ở đây người ta lại thấy sự cạnh tranh gay gắt đến thế, mà nghề ký giả lại được mua chuộc và chiêu đãi đến như thế.

...

(Trang 253) Không thoát được công lệ lúc đó để làm cho báo chạy, báo “Dân Chúng” cũng có những bài *to tổ bố* chửi chế độ Ngô gia và đánh đập *ra rít* bọn mật vụ của chế độ cũ như Dương Văn Hiếu, Lê Quang Tung, Cao Xuân Vỹ, ... Một phần các tài liệu dùng để viết rút tĩa ở **cuốn “Nhật ký” của Ngô Đình Lệ Thủy** (con gái đầu lòng của ông bà Ngô Đình Nhu), đã lượm được trong lúc đánh phá dinh Độc Lập, trong đó có nhiều sự việc mà người ngoài không biết, đại khái vụ vợ chồng Ngô Đình Nhu lên nghỉ ở Ban Mê Thuộc bàn về việc làm “săng ta” Mỹ; vụ mẹ Nhu cáo đau bụng, bắt con gái đi dự tiệc “làm quen” với đại sứ Nolting; vụ **“mua chuộc” phái đoàn điều tra về Phật Giáo do Liên Hiệp Quốc cử sang liên quan tới Phụ Nữ Liên Đới và Phụ Nữ Bán Quân Sự ra sao**; vụ Ngô Đình Lệ Thủy thi tú tài trong đó có sự xếp đặt, bợ đỡ của các giám khảo như thế nào ... Tất cả những tài liệu đó, do chính tay Ngô Đình Lệ Thủy ghi lại trong một cuốn nhật ký dày, “Dân Chúng” đem ra khai thác. Đến vụ Ngô Đình Lệ Thủy thi tú tài, chúng tôi kêu đích danh một người vẫn tự nhận là quốc gia chính cống (có khi lại tự nhận là đệ tứ) làm giáo sư đại học, đặt thành vấn đề chất vấn, thì viên giáo sư ấy không trả lời, ...

...

(Trang 263) ... nhiều người tuyên bố liên hiệp với MTGPMN (Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam) là tự sát, không bao giờ nhìn nhận Mặt trận là một tổ chức hợp pháp, nhưng rồi cũng mật đàm với Mặt trận; thiếu tướng Kỳ thề không bao giờ ngồi chung một bàn với Cộng sản nhưng rồi cũng cùng họp bàn tròn ở hội nghị Ba Lê; **bất cứ ai nói chuyện hoà bình cũng bị kể như là thân cộng** và cần bắt nhốt hoặc đưa sang bên kia vĩ tuyến, nhưng rồi, **theo tờ báo chính thức của Công-giáo ở La-Mã đầu năm 1968, tờ *Observatore Romano*, Toà**

thánh dụ định gửi một phái đoàn qua Hà-nội vận động hoà bình, trong khi Dean Rusk tuyên bố sẵn sàng nói chuyện hoà bình với Bắc Việt, nếu Cộng sản ngưng tấn công thủy quân lục chiến Hoa Kỳ.

Trích từ sách “**BỐN MƯƠI NĂM ‘NÓI LÁO’**” của **VŨ BẰNG**
Cơ sở Xuất Bản Sống Mới – Sài Gòn – 1969 (Trang 204 – 263)
Bắt đầu viết tháng Giêng năm 1967. Sửa lại, viết thêm năm 1968-1969 và xong vào ngày Phật Đản 2513 tức 30 tháng 5 dương lịch 1969.

NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ DOLLAR MỸ

Posted: Tháng Hai 2, 2010 by *Virtual Archivist*
in Biên khảo, Chứng từ, Nghiên cứu, Sử liệu, Tài liệu



Những người Việt có cảm tình với chế độ Ngô Đình Diệm thường thích nhắc đi nhắc lại rằng

“...nhân viên CIA Lou Conein đã chỉ cho các tướng lãnh chỉ **3 triệu đồng Việt Nam** khi lật đổ chế độ và giết hai anh em Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu! Rất nhiều sách về chính biến 1/11/1963 có đăng lại biên lai nhận tiền của các tướng.”

Điều mà họ ít khi hoặc không bao giờ muốn nhắc đến là việc chính người Mỹ cũng đã từng cấp tiền cho những kẻ có thể lực tại Miền Nam để củng cố vị thế của ông Diệm trong gia đoạn phôi thai của chế độ do ông lãnh đạo. [Và anh em Diệm Nhu không phải không biết và tán đồng điều này]

Trong bài phê bình cuốn “*In the Midst of War*” do tướng E. Lansdale viết, David Chandler cho chúng ta biết một điều lý thú như sau khi Chandler ám chỉ Lansdale đã thiếu thành thật: “In ‘The Two Vietnams’, Bernard Fall quotes Lansdale as saying that **over 8 millions dollars** went to the sect leaders in ‘back pay’ to purchase their loyalty to Diem; in ‘In the Midst of War’, no money changes hands.” [Trong tác phẩm “*The Two Vietnams*”, Bernard Fall trích lại

lời của Lansdale nói rằng hơn 8 triệu Mỹ kim đã được dấu đi để trao lại cho các lãnh đạo giáo phái để mua chuộc lòng trung thành với Diệm của họ; [nhưng] trong tác phẩm “*In the Midst of War*” [của Lansdale], thì Lansdale lại không đề cập gì đến vụ trao tiền này cả]



Nguyễn Kỳ Phong cũng có nói đến việc này. Xem Nguyễn Kỳ Phong, “*Vũng Lầy của Bạch Ốc*”, Tiếng Quê Hương, 2006, trang 120 và túc chú 115 ở trang 120-121: “Theo ước lượng, SMM [nhóm tình báo của Lansdale] bỏ ra 12 triệu dollars mua chuộc đối lập, trong đó có 3 triệu 6 cho tướng Nguyễn Thành Phương và 3 triệu cho Trần Văn Soái... Năm 1979, Lansdale gửi thư cho Viên Quân Sự Hoa Kỳ chối về chuyên mua chuộc quân đội đối lập. Tuy nhiên nhiều sử liệu sau này cho thấy Lansdale không nói thật hết những gì đã xảy ra.”

Câu hỏi cần đặt ra: Liệu chế độ Ngô Đình Diệm có thể vượt qua giai đoạn phôi thai đầy nguy hiểm của nó hay không, nếu không có người Mỹ chi tiền mua lòng trung thành của những thành phần có thể lực tại miền Nam lúc đó?

[Source: [http://virtualarchivist.wordpress.com/2010/02/02/ngo-dinh-di%e1%bb%87m-va-dollar-m%e1%bb%b9/](http://virtualarchivist.wordpress.com/2010/02/02/ngo-dinh-di%E1%BB%87m-va-dollar-m%E1%BB%B9/)]

NHÂN VẬT NÀO ĐÃ TỪNG NHẬN TIỀN CỦA CIA? NGÔ ĐÌNH NHU VÀ ĐẶNG VĂN QUANG

TIME / Bobby Ghosh

Những nguồn tin cho rằng em trai của Tổng thống Hamid Karzai tại Afghanistan đã từng làm việc cho CIA (*Central Intelligence Agency*: Cục Trung ương Tình báo Mỹ) nhắc chúng ta nhớ đến một danh sách dài những “tài sản quý” (assets) lỗi lạc và không lỗi lạc của CIA trên thế giới.

Trong số đó có sáu người đặc biệt:

- 1- **John Roselli**: Một trùm Mafia được CIA “thuê” vào đầu thập niên 1960’ để ám sát Fidel Castro. Năm 1976, đến phiên ông ta bị ám sát, xác dẫu trong một thùng dẫu trôi ngoài bờ tỉnh Miami.
- 2- **Thubten Jigme Norbu**: Anh trưởng của Đức Dalai Latma, nhận tài trợ của CIA để trang bị vũ khí cho du kích quân Tây Tạng chống lại quân chiếm đóng Trung Quốc.
- 3- **Vua Hussein** của nước **Jordan**: CIA thừa kế việc trả tiền cho vị vua này vào năm 1957 từ các đồng nghiệp Anh. Mỗi năm, vua Hussein nhận một triệu Mỹ kim cho đến năm 1977 thì bị Tổng thống Mỹ Carter chấm dứt.
- 4- **Manuel Noriega**: Liên hệ từ thập niên 50’ và bắt đầu nhận tiền từ thập niên 70’, vị tướng độc tài Panama này cho phép Mỹ dùng nước mình làm xuất phát điểm giúp phiến quân Nicaragua chống lại chính phủ tả khuynh Sandinista. Để trả ơn, CIA làm nơ cho ông Noriega duy trì một “chế độ ăn cắp thuốc phiện” (narco-kleptocracy). Nhưng sau đó, vì mâu thuẫn, Mỹ xâm chiếm Panama vào năm 1989 và bắt ông Noriega đem về cầm tù ở Miami.
- 5- **Ngô Đình Nhu**: Em ruột và Cố vấn của Ngô Đình Diệm (xem chi tiết ở dưới)
- 6- Tướng **Đặng Văn Quang**: Cố vấn Quân sự của Nguyễn Văn Thiệu (xem chi tiết ở dưới)

TIME ON Specials
SEARCH TIME.COM
Special Reports • Best Websites • Worst Cars • Time 100 • Time 100 Roundtable • D
Best TV Shows • Top 10 • All-TIME 100

THINK BEYOND THE LABEL
WE CAN Get the FIELD TO EVOLVING

Who's Who on the CIA Payroll

Allegations that Afghan President Hamid Karzai's brother worked for the CIA are a long list of distinguished and not-so-distinguished assets

Story | All Best and Worst Lists

Ngo Dinh Nhu

By BOBBY GHOSH / WASHINGTON Wednesday, Oct. 28, 2009 3 of 7 | View All



LARRY BURROWS / TIME LIFE / GETTY

Like Ahmed Wali Karzai, Nhu was the much reviled brother of an unpopular President, Diem. (He had two other brothers: one was an Archbishop, and the other ruled the central provinces of South Vietnam.) The CIA is alleged to have helped Nhu set up the Vietnamese special forces, which were dedicated mainly to preserving the brothers' rule. Known by their acronym ARVN, these forces built a reputation for torture, repression (especially against the country's Buddhists) and corruption. In time, the U.S. came to regard Nhu as a liability to American interests in South Vietnam and cut off aid to the ARVN. Nhu and Diem were assassinated in the 1963 coup that had the tacit support of the U.S.

dream machine

Ngô Đình Nhu – do Bobby Ghosh/Washington biên tập
Thứ Tư, 28 tháng 10 năm 2009.

Cũng như ông Ahmed Wali Karzai [ở Afghanistan], Nhu là người em **bị nguyên rủa khá nhiều của một vị tổng thống mất lòng dân**, ông Diệm. (Nhu có thêm hai người anh em nữa: một làm Tổng Giám mục, và một cai quản những tỉnh miền Trung của Nam Việt Nam). CIA bị cho là đã giúp Nhu thành lập Lực lượng Đặc biệt của Việt Nam, chủ yếu dùng để duy trì nền cai trị của các anh em [nhà Ngô]. Được biết với tên tắt ARVN [/SF], những lực lượng này **nổi tiếng về tra tấn, đàn áp (đặc biệt chống lại Phật giáo đồ trong nước) và tham nhũng**. Theo thời gian, nước Mỹ thấy Nhu là một món nợ cho quyền lợi của Mỹ tại Nam Việt Nam nên đã cắt nguồn viện trợ. Nhu và Diệm bị ám sát vào năm 1963 với sự hỗ trợ ngầm của chính phủ Mỹ.

[http://www.time.com/time/specials/packages/article/0,28804,1933053_1933052_1933044,00.html]

HOME | U.S. | POLITICS | WORLD | BUSINESS | TECHLAND | HEALTH | SCIENCE | ARTS | TRAVEL

TIME IN PARTNERSHIP WITH **ON Specials**

SEARCH TIME.COM

Special Reports • Best Websites • Worst Cars • Time 100 • Time 100 Roundtable • D
Best TV Shows • Top 10 • All-TIME 100

100th electric 

Who's Who on the CIA Payroll

*Allegations that Afghan President Hamid Karzai's brother worked for the CIA are a r
a long list of distinguished and not-so-distinguished assets*

Story | All Best and Worst Lists

General Dan Van Quang

By **BOBBY GHOSH** / WASHINGTON Wednesday, Oct. 28, 2009 4 of 7 | View All



LARRY BURROWS / TIME LIFE / GETTY

There are parallels with Ahmed Wali Karzai here too. Quang, special military adviser to President Nguyen Van Thieu, was widely believed to have been a heroin trafficker. This led to considerable friction between the CIA, which valued Quang as an asset, and the U.S. military, which saw him as a crook. Quang moved to the U.S. after the fall of Saigon; after a trip to Canada in 1975, he was barred from returning to the U.S. until 1989, when the State Department cleared him of all drug charges.

See the top 10 Secret Service code names.

Đặng Văn Quang – do Bobby Ghosh/Washington biên tập
Thứ Tư, 28 tháng 10 năm 2009.

Ở đây cũng có những điểm tương đồng với Ahmed Wali Karzai [của Afghanistan]. tướng Quang, Cố vấn Quân sự đặc biệt cho Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, được rất nhiều giới cho rằng là một người buôn thuốc phiện lậu.

Điều này đã tạo ra xích mích giữa một bên là CIA vốn đánh giá tướng Quang như một món hàng quý, và một bên là giới chức quân sự Mỹ, vốn xem ông ta như một kẻ lừa đảo. Tướng Quang đi Mỹ sau khi Sài Gòn sụp đổ; sau một chuyến đi Canada vào năm 1975, ông ta bị cấm trở lại Mỹ cho đến năm 1989, Bộ Ngoại giao Mỹ giữ sạch cho ông hết tất cả những cáo buộc về thuốc phiện.

[http://www.time.com/time/specials/packages/article/0,28804,1933053_1933052_1933045,00.html]

TÔI KHÔNG HỀ CHỦ TRƯỞNG HỢP TÁC VỚI ÔNG DIỆM

Phan Quang Đán

Tôi vừa đọc xong bài “*Nhận Diện Một Chiến Sĩ Quốc Gia, Bác Sĩ Phan Quang Đán*” do ông Cửu Long viết trong báo Tia Sáng số 22, ngày 15/12/1987. Ông Cửu Long biết rõ nội bộ của Cần Lao Nhân Vị, nên những sự việc của ông trình bày có một giá trị đặc biệt về sử liệu, giúp độc giả **thấy rõ mặt trái** của nền Đệ Nhất Cộng Hoà.

Đứng vào vị trí của ông thì mới có thể tường thuật chi tiết hoạt động bí mật của tôi ở Thái Lan trong những năm 1950-51 nhằm tổ chức chiến khu ở Cam-Bốt và ở Lào. Ở Lào Quốc lúc bấy giờ chúng tôi hợp tác với Hoàng Thân Phetsarath, bào huynh của Hoàng Thân Souvana Phouma về sau làm Thủ Tướng Lào quốc. Nhưng gặp nhiều nghịch cảnh nên công việc không thành tựu.

Nhưng có mấy điều cần được đính chính.

Thứ nhất là về đoạn trích ở sách *Bên Giòng Lịch Sử* của Linh Mục Cao Văn Luận. Tôi với Linh Mục Cao Văn Luận cùng học ở Trường Dòng Pellerin ở Huế những năm 1931-34. Về sau ra Hà-nội học thi tú tài, có gặp nhau vài lần. Mùa hè 1953, tôi đi viếng thăm các bệnh viện và cơ sở Y Tế tình cờ gặp Linh Mục, Linh Mục có cho tôi biết là ông Diệm và Nhu có đọc quyển *Volonté Vietnamiennne* tôi xuất bản ở Thụy Sĩ năm 1951, và cả hai ông cũng như ông Linh Mục đều công nhận là chương trình Đảng Cộng Hòa Việt Nam trình bày trong sách này rất chí lý. Nhưng tôi không hề tỏ ý khuyên ông Diệm về nước chấp chánh, và cũng **không hề nói rằng tôi sẵn sàng hợp tác** nếu được mời.

Tôi vốn biết ông Diệm từ hồi ông còn ở Quảng Nam, trong những năm ông Ngô Đình Khôi còn làm Tổng Đốc. Tôi cũng quen biết hai ông Nhu và Luyện. Tôi làm cố vấn Chính Trị cho Cựu Hoàng Bảo Đại từ năm 1946 đến tháng 3, 1949 và giữ chức Tổng Trưởng Thông Tin một thời gian. Sau khi chiến cuộc Việt Nam bùng nổ ngày 19/12/1946, tôi đang làm bác sĩ ở Thị Lập Đệ Tứ Y Viện Thượng Hải, từ chức để về Hương Cảng gặp Cựu Hoàng, và nói với Cựu

Hoàng đã đến lúc cần mở Mặt Trận Chính Trị và Ngoại Giao để tranh thủ Thống Nhất và Độc Lập cho quốc gia Việt Nam, và dùng căn bản chính nghĩa này để chống cộng sản. Điều cần nhất là Cựu Hoàng cần tranh thủ được Thống Nhất và Độc Lập thực sự rồi mới nên trở về Việt Nam. Chính tôi thảo văn thư trình Cựu Hoàng ký để tôi đích thân về Saigon mời những nhân vật quốc gia có uy tín ít nhiều ra gặp Cựu Hoàng, như quý ông Ngô Đình Diệm, Trần Văn Lý, Phan Khắc Sửu, v.v.. và tôi trao thư cho ông Diệm ở Dòng Cứu Thế Saigon. Nhưng tôi đề nghị Cựu Hoàng nên mời Thiếu Tướng Nguyễn Văn Xuân làm Thủ Tướng Chính Phủ Trung Ương Toàn Quốc để dẹp bỏ Nam Kỳ Quốc. Tôi nhận chức Tổng Trưởng Bộ Thông Tin cốt là để lên tiếng đòi Thống Nhất và Độc Lập, nhưng công việc chính yếu lúc bấy giờ là điều đình với người Pháp ở Hương Cảng, Saigon, Genève ở Thụy Sĩ, Paris và Cannes. Sau 2 năm điều đình, tôi thấy người Pháp chỉ muốn tái lập chế độ thuộc địa cũ, và công nhận cho Việt Nam quyền tự trị hành chánh mà thôi. Tôi phản đối Hiệp-Định Auriol-Bảo Đại ngày 9 tháng 3, 1949, không dự lễ ký kết Hiệp Định này, nhưng chiều hôm ấy, tiễn đưa Cựu Hoàng về Cannes và nói rằng Cựu Hoàng đã bước vào con đường thất bại và sẽ đưa lại những hậu quả tai hại cho cả nước. Từ đó, tôi tự thấy bắt buộc phải đứng ra chống đối, mặc dầu trong thâm tâm tôi vẫn giữ cảm tình riêng biệt, vì tôi phải nói rằng Cựu Hoàng tuy thiếu tinh thần tranh đấu nhưng là một người có tinh thần cởi mở lại rất hiền từ.

Đối với ông Diệm, lúc bấy giờ thường giới thiệu tôi với các chính giới Pháp và Mỹ như là một người bạn chí thân, tôi biết rõ **gia đình ông không phải là một gia đình cách mạng, lại nặng về tinh thần quan lại, phong kiến**, nên tôi không bao giờ nghĩ đến việc hợp tác.

Sau khi Hiệp Định Bảo Đại-Auriol được ký kết, tôi không liên lạc với Cựu Hoàng nữa, và nhiều lần được Cựu Hoàng mời giữ chức vụ Tổng Trưởng Nội Vụ và Quốc Phòng, tôi tự vẫn lương tâm thấy không thể nào nhận lời được. Tôi gửi kèm theo đây tin tôi từ chối chức Tổng Trưởng Nội Vụ đăng ở báo Le Monde ngày 10-11/7/1949 và thư của Hoàng Thân Bửu Lộc viết ngày 29/12 /1949 báo tin là Cựu Hoàng mời tôi giữ chức Tổng Trưởng Quốc Phòng.

Trong thời gian này, ông Diệm vẫn tìm cách liên lạc với Cựu Hoàng và vận động với các chính giới Pháp và Mỹ để được Cựu Hoàng mời làm Thủ Tướng. Cựu Hoàng biết rõ **ông Diệm không phải là người có chung thủy, lại nặng óc gia đình trị**. Nhưng ông

Diệm vẫn ráo riết vận động.

Tháng 8, năm 1950, ông Diệm sang Nhật để viếng thăm Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, và thấy rõ Nhật Bản không còn lưu ý gì đến Kỳ Ngoại Hầu và cũng không lưu ý gì đến Việt Nam. Nhưng ở Nhật Bản, ông Diệm gặp Wesley Fishel, một giảng viên trường Đại Học Tiểu Bang Michigan. Wesley Fishel khuyên ông Diệm nên sang Hoa Kỳ. Ông Diệm sang ở Hoa Kỳ từ 1951 đến tháng 5 năm 1953, và thường tá túc ở Maryknoll College, Lakewood, Tiểu Bang New Jersey. Tôi với ông thỉnh thoảng gặp nhau và trao đổi thư tín. Tháng 5, 1953, trước khi ông lên đường sang Bỉ và Pháp, ông có điện thoại từ già tôi và mong sẽ có dịp tái ngộ.

Trong những năm ở Hoa Kỳ, tôi viết báo, đi diễn thuyết vận động dư luận ủng hộ Việt Nam Thống Nhất và Độc Lập. Và tôi liên tục liên lạc chặt chẽ với các phong trào kháng chiến quốc gia Tunisie, Maroc và Algérie. Cuối năm 1954, tôi ghé Ai Cập thành lập với các phong trào này Mặt Trận Chống Thực Dân Pháp và tiếp xúc với chánh phủ Nasser và Liên Hiệp Các Quốc Gia Á-Rập. Sau đó chúng tôi đi viếng các quốc gia Á-Châu vận động chống thực dân Pháp và đòi độc lập hoàn toàn cho các quốc gia bị Pháp đô hộ.

Sau khi được cử làm Thủ Tướng, ông Diệm mời tôi tham gia nội các để phụ trách các công tác xã hội, và đặc biệt là việc cứu trợ và định cư đồng bào từ Bắc Việt lúc bấy giờ dồn dập vào Nam. Tôi gửi kèm theo đây điện tín của ông Luyện, bảo đệ của ông Diệm đánh từ Pháp ngày 19/8/1954 và điện tín của ông Diệm đánh từ Saigon ngày 22/8/54. Tôi phúc đáp là tôi sắp về Saigon và sẽ lấy làm hân hạnh gặp lại ông.

Ngày 2 tháng 9, 1955, tôi từ Phi Luật Tân về đến Saigon thì có ông Võ Văn Hải, bí thư của Thủ Tướng Diệm ra phi trường Tân Sơn Nhất đón. Sáng sớm hôm sau thì ông Võ Văn Hải đi xe hơi đến thăm tôi và đưa vào Dinh Độc Lập gặp ông Diệm. Chuyện trò kể ra cũng thân mật. Ông Diệm ngỡ ý muốn tôi tham gia nội các, và cho biết tình hình chung trong nước. Tôi lúc bấy giờ đã biết **đur luận đồng bào trong nước đã có nhiều giới chống đối ông Diệm**, và cứ thực tình nói đề ông biết. Tôi đặc biệt khuyên ông hai điều: **chớ có xem quốc gia là của riêng gia đình**, anh em, bà con, ai có sở trường nào cứ dùng vào công việc tương đương, thí dụ ông Nhu thì nên cứ để làm Giám Đốc Thư Viện Quốc Gia, đừng có thiết lập gia đình trị, và **cần giữ thể thống cho Cựu Hoàng**, mặc dầu chính thể cộng hoà hay quân chủ lập hiến cũng vậy. Còn tôi, vì đã chống Cựu Hoàng nên

không thể tham gia nội các được. Tôi sẽ hợp tác bằng cách tổ chức đối lập hợp pháp xây dựng.

Cuộc trao đổi ý kiến kéo dài 4 tiếng đồng hồ. Trong khi ông Diệm đang tiếp kiến tôi, thì ông Võ Văn Hải vào cho biết là có một vị Bộ Trưởng muốn vào trình một việc có tính cách khẩn cấp. Ông Diệm gật đầu. Võ Văn Hải ra khỏi phòng thì tôi thấy vị Bộ Trưởng rón rét bước vào. Nhưng thay vì đi thẳng từ cửa phòng đến bàn giấy Thủ Tướng, ông ta lại đi ven theo mép tường, thành thử đường dài hơn rất nhiều. Khi vị Bộ Trưởng đến gần bàn giấy, ông Diệm đứng dậy kéo ra một góc phòng. Vị Bộ Trưởng nói nhỏ vài phút thì thấy Thủ Tướng gật đầu, và vị Bộ Trưởng kính cẩn cúi đầu và trịnh trọng rón rén bước ra khỏi phòng. Nhưng thay vì quay lưng để đi ra thì ông ta cứ đi giật lùi từng bước, tôi nhìn theo cứ ngại rằng ông ta sẽ vấp phải mấy cái ché lớn để trang hoàng trong phòng, ché rớt bẻ thì ông ta có thể bị thương. Đến khi ông ta ra đến cửa phòng, quay lưng đi ra sân tôi mới yên bụng.

Tôi mới hỏi Thủ Tướng vì sao lại chấp nhận cho ông Bộ Trưởng có thái độ lạ lùng như vậy thì ông cười nói: “*Cứ để tụi nó sợ mình như vậy thì dễ trị hơn.*”

Cuộc trao đổi ý kiến tuy có vẻ thân mật, nhưng tôi cảm thấy là khi tôi ngỏ ý đối lập xây dựng, thì ông Diệm không vui, và sau đó cuộc đàm thoại có phần gượng gạo.

Sau đó, tôi tổ chức khối Dân Chủ Đối Lập, phê bình luật bầu cử, viết báo *Thời Luận*, gửi đơn xin hợp thức hoá Đảng Dân Chủ Tự Do, đồng thời mở lớp dạy Y Tế Dự Phòng đầu tiên ở Đại Học Y Khoa và Trường Cán Sự Y Tế. Khối Đối lập cũng như Đảng Dân Chủ Tự Do **không được hợp thức hoá, tư gia tôi bị đập phá, công an mật vụ theo dõi tôi suốt đêm ngày, báo Thời Luận bị phá nhà in rồi bị đóng cửa. Tôi bị cấm dạy học.** Tháng 8, 1959 tôi ứng cử dân biểu ở Quận Nhì Saigon. Tôi được biết lúc đầu ông Diệm muốn loại tôi không cho ứng cử, nhưng sau vì Phong trào Cách Mạng Quốc Gia và Cần Lao Nhân Vị quá quyết là ở Quận Nhì họ có hơn 40.000 đảng viên, còn tôi thì chẳng ăn thua gì, nên cứ để cho tôi ra ứng cử để bị đại bại cho bõ ghét. Chính quyền khuyến khích rất nhiều người ra ứng cử ở Quận Nhì để chia phiếu đối lập. Có đến 16 ứng cử viên, vì vậy 15 ứng cử viên không phải của chính quyền sẽ chia phiếu của nhau. Còn Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia và Cần Lao Nhân Vị, thêm quân đội ở các nơi chờ về đều dồn phiếu cho ông Phạm Văn Thùng, ứng cử viên chính thức của Tổng Thống, thì cũng như đánh

cờ tướng mà đã bỏ con tướng của đối phương vào trong túi rồi, thì làm gì chẳng thắng cuộc. Tôi đắc cử với hơn 35.000 phiếu. Ông Thùng chỉ được ... 5.000 phiếu, còn những ứng cử viên khác chỉ được mỗi người vài chục phiếu, hay vài trăm phiếu mà thôi.

Nhưng tôi bị đưa ra Tòa, Toà tuyên bố **hủy bỏ kết quả bầu cử** vì cho là gian lận, và ngày khai mạc Quốc Hội, căn cứ vào luật bầu cử ghi rõ là mọi ứng cử viên đắc cử có quyền ra Quốc Hội trình bày trường hợp của mình, nếu có khiếu nại, hay án Toà, và sẽ do Quốc Hội định đoạt kết quả cuộc bầu cử có giá trị hay không, tôi lên đường ra Quốc Hội thì **bị cảnh sát chặn đường đem về giam** ở Ty Cảnh Sát Gia Định đến khi lễ khai mạc Quốc Hội chấm dứt mới thả cho tôi về.

Bây giờ vẫn còn một số ít người ca ngợi ông Diệm là anh hùng dân tộc. Nhưng **chính sách gia đình trị phong kiến** của ông đã đưa gia đình ông đến thảm hại, với **những hậu quả tai hại chung cho cả đất nước**.

Phan Quang Đán
30-12-1987

Trích từ Tạp chí *TIA SÁNG* (Houston, TX) số 23 (1/1988), trang 50.

TUYÊN NGÔN CỦA 18 NHÂN VẬT NHÓM “TỰ DO TIẾN BỘ” GỎI TỔNG THỐNG VNCH, SÀI GÒN

Thưa Tổng thống,

Chúng tôi ký tên dưới đây, đại diện cho một nhóm đồng bào, nhân vật và trí thức tên tuổi thuộc mọi xu hướng, nhóm những người thiện chí nhận thấy rằng đối diện với sự trầm trọng của tình hình chính trị hiện nay, chúng tôi không thể cứ bàng quan với những thực tế của nước ta.

Vì vậy, chúng tôi chính thức gửi đến Tổng thống hôm nay lời kêu gọi, với mục đích phơi bày với Tổng thống tất cả sự thật trong niềm hy vọng là chính quyền sẽ lưu tâm để gấp rút thay đổi chính sách, hầu cứu vãn tình hình hiện nay để đưa quốc dân ra khỏi con nguy biển.

Chúng ta hãy nhìn lại dĩ vãng thời Tổng thống còn ở nước ngoài. Đã 8, 9 năm qua, dân tộc Việt Nam trải qua nhiều thử thách do chiến tranh mang lại; từ sự độ hộ của Pháp đến việc chiếm đóng của Nhật, từ cách mạng cho đến kháng chiến, từ việc Cộng Sản núp sau chiêu bài quốc gia để gạt gẫm cho đến nền độc lập giả tạo che dấu nền thực dân, từ kinh hoàng này đến kinh hoàng khác, hy sinh liên tục - nói tóm lại từ hứa hẹn này đến hứa hẹn khác, cuối cùng cho đến khi niềm hy vọng kết thúc bằng một sự thất vọng chua cay.

Vì vậy, khi Tổng thống sắp sửa hồi hương, toàn dân đã nuôi mỗi hy vọng là dưới sự lãnh đạo của Tổng thống, toàn dân sẽ lại tìm thấy được nền Hòa bình cần thiết để đem lại ý nghĩa cho cuộc sống, để dựng lại ngôi nhà đã bị phá hủy, để đặt lại được cái cày trên những mảnh đất từng bị bỏ hoang. Nhân dân hy vọng rằng không còn bị bắt buộc buổi sáng hoan hô một chế độ, buổi chiều hoan hô một chế độ khác, không còn là con mồi cho sự tàn bạo và áp lực của một phe phái nào, không còn bị đối xử như cu-li, không còn một nền độc quyền nào thao túng, không còn bị sự cướp bóc của công chức tham nhũng và độc đoán. Nói tóm lại, nhân dân ước mong được sinh sống trong sự an ninh, dưới một thể chế sẽ đem lại cho họ một chút công lý và tự do. Toàn dân nghĩ rằng Tổng thống sẽ là con người của thời thế và sẽ đáp

ứng được nguyện vọng của họ.

Lúc Tổng thống mới về nước thì tình trạng quốc gia như thế đó. Hiệp ước Genève năm 1954 chấm dứt cuộc chiến và sự tàn phá của chiến tranh. Quân đội viễn chinh Pháp tuân tự rút đi và nền độc lập cho miền Nam Việt Nam trở thành một sự thật. Ngoài ra, nước nhà còn được sự khích lệ tinh thần và được hưởng sự viện trợ đáng kể của thế giới tự do. Với nhiều yếu tố chính trị thuận lợi như thế thêm vào những điều kiện địa dư may mắn có được đất đai màu mỡ về nông lâm sản và thặng dư về hải sản, đáng lẽ miền Nam Việt Nam đã phải đủ sức để bắt đầu đi đến thắng lợi cuối cùng trong cuộc chiến đấu với miền Bắc, để có thể thỏa mãn được ý dân và đưa đất nước đến hy vọng, tự do và hạnh phúc. Ngày này, sáu năm sau, sau khi hưởng được nhiều lợi điểm không thể chối cãi đến như thế, Chính phủ đã làm được những gì? Chính phủ đã đưa miền Nam đi về đâu? Những ước vọng tha thiết nào của nhân dân đã được thành tựu?

Chúng ta thử tổng kết tình hình một cách khách quan, không xu nịnh mà cũng không buộc tội sai lầm, theo đúng đường hướng xây dựng mà chính Tổng thống vẫn hay nói đến với ước vọng là Chính phủ sẽ thay đổi chính sách để tự đưa mình ra khỏi một tình trạng hết sức hiểm nghèo cho sự sinh tồn của quốc gia.

VỀ CHÍNH TRỊ

Mặc dù chế độ ngoại lai do thực dân tạo ra và che chở đã bị lật đổ và nhiều phe nhóm từng đàn áp nhân dân đã bị triệt hạ, dân chúng vẫn chưa tìm thấy được một cuộc sống khá hơn hay có nhiều tự do hơn dưới chế độ Cộng Hòa do Tổng thống thành lập. Một hiến pháp đã được lập ra nhưng **chỉ có hình thức**. Và Quốc hội tuy có đấy nhưng những cuộc thảo luận luôn luôn được diễn ra chỉ **theo đường hướng của chính quyền**. Và những cuộc **bầu cử phản dân chủ**. Toàn là những phương pháp và “trò hề” bắt chước các chế độ Cộng Sản độc tài và lẽ tất nhiên là không thể đem ra để so sánh với miền Bắc được.

Những vụ **bắt bớ liên tục tiếp diễn** làm cho nhà giam và khám đường đầy đến tận nóc như hiện nay đang xảy ra; dư luận quần chúng và báo chí phải câm lặng. Cũng thế, **ý dân bị khinh nhục và chà đạp trong những cuộc đầu phiếu** (ví dụ trường hợp xảy ra trong cuộc bầu cử nhiệm kỳ 2 mới đây). Tất cả những điều này đã gây ra sự nản chí và bất mãn của dân chúng.

Các chính đảng và giáo phái đã bị loại bỏ. Thay vào đấy là các

“Nhóm” và “Phong trào”. Nhưng sự thay thế này chỉ đem đến **những điều áp bức mới** cho dân chúng mà không che chở được cho dân chúng của các giáo phái từ trước vẫn là những vùng tử địa của Cộng Sản thì nay không những đã mất hết an ninh (cho người Quốc gia) mà còn trở thành những đại lộ cho du kích Việt Cộng mà tình trạng chung như thế xảy ra khắp nơi.

Đây là chứng cứ cho thấy rằng các giáo phái tuy nhỏ nhoi không đáng kể đã là những thành phần chống Cộng hữu hiệu. Việc **triệt hạ các giáo phái** đã mở lối cho Việt Cộng và vô tình dọn đường cho kẻ thù, trong khi một chính sách thực tế và uyển chuyển hơn đã có thể liên kết họ về chung thành một khối để tiếp sức cho trận tuyến chống Cộng.

Ngày nay, nhân dân muốn được tự do. Đáng lẽ Tổng thống nên mở rộng chế độ, khuyến khích nền dân chủ, **bảo đảm các quyền công dân** tối thiểu và **công nhận đối lập** hầu dân chúng được nói lên tiếng nói của mình mà không sợ hãi để dẹp được sự bất mãn và căm thù, vì đối với dân chúng, thể đối lập là lý do độc nhất cho họ tồn tại. Khi Tổng thống thực hiện xong được những điều này thì nhân dân miền Nam Việt Nam có thể đứng của mình đối với miền Bắc mà nhận ra được giá trị của một nền tự do thật sự và một nền dân chủ chân chính. Chỉ đến lúc đó dân chúng mới sẽ nỗ lực và hy sinh tối đa để bảo vệ sự tự do và nền dân chủ ấy.

VỀ CHÍNH QUYỀN

Lãnh thổ thu hẹp lại, số công chức lại tăng lên mà việc quản trị lại không chạy. Ấy là vì chính quyền giống như Cộng Sản, đã để cho **các đoàn thể chính trị (của chính quyền) kiểm soát người dân**, tách rời nhóm ưu tư ra khỏi hạ tầng và gieo rắc sự nghi ngờ giữa những kẻ liên hệ với “đoàn thể” và những người “ngoài đoàn thể”. Thực quyền không còn ở trong tay của những người đáng lý có trách nhiệm của “gia đình”, nơi từ đó các mệnh lệnh được truyền ra. Điều này làm cho guồng máy hành chánh bị chậm lại, làm tê liệt mọi sáng kiến và làm nản lòng mọi người có thiện chí. Đồng thời, không một tháng nào trôi qua mà báo chí không đăng đầy những **chuyện hồi lộ không thể che dấu được, những chuyện này trở thành một chuỗi dài những giao dịch phi pháp hàng triệu bạc**.

Guồng máy hành chánh, vốn đã bị đình trệ bấy giờ hầu như hoàn toàn trở nên tê liệt. Nền hành chánh cần được cải tổ gấp rút. Những người có khả năng phải được đặt đúng vào những chức vụ từ

trên xuống dưới, hệ thống hành chính và kỷ luật phải được tái lập, quyền lực và trách nhiệm phải đi đôi với nhau; sự hữu hiệu, sáng kiến, lòng ngay thẳng và tính cần kiệm phải là những tiêu chuẩn để dùng vào việc thăng thưởng, khả năng nghề nghiệp phải được tôn trọng. Phải loại trừ **tình trạng ban phát ân huệ bằng vào những liên hệ gia đình hay phe phái**. Những kẻ buôn bán quyền hành, tham nhũng và lạm dụng quyền thế phải bị trừng trị.

Có như thế thì mọi chuyện vẫn còn có thể cứu vãn được, nhân phẩm còn có thể phục hồi, và có thể dựng lại niềm tin vào một chính quyền thành thật và công bình.

VỀ QUÂN ĐỘI

Quân đội viễn chinh đã ra khỏi nước và một quân đội Cộng Hòa đã được thành lập; nhờ vào viện trợ Hoa Kỳ quân đội này đã được trang bị với quân trang quân cụ tối tân. Tuy nhiên ngay cả trong lực lượng thanh niên kiêu hãnh như Quân đội Việt Nam - nơi mà đáng lý tinh thần danh dự phải được vun xới, gồm những kẻ mà bầu nhiệt huyết và những cánh tay phải được tận dụng vào việc bảo vệ quốc gia, nơi mà đáng lẽ phải vắng bóng đầu óc phe phái - thì tinh thần “Phong trào Cách mạng Quốc gia” hoặc tinh thần “Nhân vị” đã **chia rẽ những kẻ cùng chung một đơn vị, gây ngờ vực giữa những bạn đồng ngũ** đồng cấp và lấy “*sự trung thành với một đảng để trừng phạt mù quáng những kẻ lãnh đạo đảng*” làm tiêu chuẩn thăng thưởng. Điều này đã tạo ra những điều kiện cực kỳ nguy hiểm, như trong vụ vừa xảy ra ở Tây Ninh. (*Bernard Fall ghi chú: Vụ sự đoàn 21 bị Việt Cộng tấn công đầu năm 1960*).

Nhiệm vụ của quân đội, rường cột của việc bảo vệ quê hương, là chặn đứng những cuộc ngoại xâm và tiêu diệt các phong trào nổi loạn. Quân đội chỉ phục vụ quốc gia và không nên để cho một phe nhóm hay đảng phái nào lợi dụng. Việc cải tổ toàn diện quân đội là một điều cần thiết. Đầu óc phe phái và sự trung thành với một đảng phải được loại bỏ; tinh thần quân đội phải được tái phục hồi cho mạnh lên, phải tạo ra một truyền thống cao đẹp về niềm hãnh diện quốc gia; và tinh thần chiến đấu, lương tâm nghề nghiệp và lòng can trường phải là những tiêu chuẩn dùng trong việc thăng thưởng. Phải khuyến khích binh sỹ biết kính trọng cấp trên và phải khuyến khích sĩ quan phải biết yêu thương binh sỹ. Phải loại bỏ lòng ngờ vực, ganh tỵ và đố kỵ giữa những kẻ đồng đội, đồng ngũ.

Có như thế, gặp thời nguy biến quốc gia sẽ có được một quân

đội hào hùng thúc đẩy bởi một tinh thần và có cùng một lý tưởng: bảo vệ cho cái sở hữu chúng ta: quê hương Việt Nam.

VỀ KINH TẾ VÀ XÃ HỘI

Một xứ sở giàu có và phì nhiêu với thực phẩm dư thừa, một ngân sách không cần phải đối phó với những chi phí Quốc phòng, (*chi phí Quốc phòng của miền Nam Việt Nam do kinh viện và quân viện của Hoa Kỳ đài thọ: ghi nhận thêm của Bernard Fall*) những ngân khoản bồi thường chiến tranh lớn lao, mức lời cao đẻ ra từ công khó phiêu quốc gia, một chương trình ngoại viện khổng lồ, một thị trường bành trướng và đủ sức nhận vốn đầu tư của ngoại quốc. Đó là nhiều điều kiện thuận lợi có thể biến Việt Nam thành một quốc gia sản xuất cao và thịnh vượng. Thế mà hiện nay nhiều **người không có việc để làm, không có nhà để ở và không có tiền bạc**. Gạo nhiều nhưng bán không được, các tiệm đầy hàng mà hàng hóa lại không di chuyển - **nguồn lợi nằm trong tay những kẻ đầu cơ, dùng phe nhóm, đoàn thể của chính quyền để che dấu việc buôn bán độc quyền** đem lợi về cho một thiểu số tư nhân. Trong lúc đó, hàng ngàn dân bị huy động đi làm việc cực nhọc, bị ép buộc phải rời bỏ công ăn việc làm, nhà cửa gia đình của mình để tham gia vào công tác xây dựng những “Khu Dinh Điền” **tuy đồ sộ nhưng vô ích**. Điều này làm họ mỗi một và mất thiện cảm với chính quyền càng làm cho **mỗi bất mãn thêm trầm trọng và tạo một môi trường lý tưởng cho công tác tuyên truyền của địch**.

Kinh tế là nền móng của xã hội và lòng dân là yếu tố sống còn của chế độ. Chính quyền phải phá tan mọi chướng ngại cản trở việc mở mang kinh tế. Phải hủy bỏ sự độc quyền và đầu cơ dưới mọi hình thức; phải tạo môi trường thuận tiện cho việc đầu tư đến từ phía các quốc gia thân hữu cũng như từ chính nhân dân của ta; phải khuyến khích kinh doanh thương mại, khuyến khích kỹ nghệ và tạo công ăn việc làm để giảm thiểu tình trạng thất nghiệp. Đồng thời, chính quyền phải **chấm dứt sự bóc lột con người** dưới mọi hình thức trong các công trường lao động của những “Khu Dinh Điền”.

Có thể nền kinh tế mới lại phát triển, người dân mới tìm lại được cuộc sống an bình và mới được thụ hưởng đời sống của mình, xã hội mới được tái thiết trong một bầu không khí tự do và dân chủ.

Thưa Tổng thống, có lẽ đây là **lần đầu tiên** Tổng thống mới được nghe lời phê bình gắt gao và khó chịu ngược lại với ý muốn của

Tổng thống. Tuy nhiên, thưa Tổng thống, những lời trình bày ở đây là sự thật hoàn toàn, một sự thật cay đắng nặng nề mà Tổng thống chưa bao giờ biết được vì dù vô tình hay chủ ý, một khoảng trống quanh Tổng thống đã được tạo ra và chính vì cái địa vị cao cả của Tổng thống mà không ai để cho Tổng thống nhận ra được thời kỳ nghiêm trọng khi mà sự thật sẽ tràn tới như những làn sóng cảm hờn không cưỡng nổi, sự căm hờn của nhân dân đã từ rất lâu phải nhận chịu sự đau khổ khủng khiếp đến một lúc sẽ vùng lên bẻ gãy những ràng buộc từng cột chặt mình, đè mình xuống. Làn sóng này sẽ quét sạch sự ô nhục và bất công vốn bao quanh người dân đã áp bức họ.

Vì chúng tôi hoàn toàn thành thật không muốn thấy Quê Cha Đất Tổ phải trải chịu những ngày tháng hiềm nghèo đó nên chúng tôi - không kể đến những hậu quả do hành động của chúng tôi sẽ mang lại cho chúng tôi - hôm nay gióng lên tiếng chuông báo động trước mỗi nguy cơ cấp thiết đang đe dọa chính quyền.

Cho đến nay, chúng tôi đã giữ im lặng và để cho chính quyền mặc ý hành động. Nhưng bây giờ đã đến lúc khẩn thiết, chúng tôi cảm thấy rằng bốn phận của chúng tôi - và trong lúc nước nhà gặp cảnh rối loạn thì ngay cả những kẻ hèn kém nhất cũng phải chia xẻ bốn phận này - là phải nói lên sự thật, thức tỉnh dư luận, báo động với nhân dân, và liên kết những kẻ đối lập, để cho thấy lối thoát.

Chúng tôi thỉnh cầu chính quyền gấp thay đổi chính sách để cứu vãn tình thế, bảo vệ chế độ Cộng Hòa và bảo vệ sự sống còn của quốc gia. Chúng tôi giữ vững niềm hy vọng là dân tộc Việt Nam sẽ có một tương lai sáng lạn để được hưởng thanh bình và thịnh vượng trong Tự Do và Tiến Bộ.

Trân trọng

1. Trần Văn Văn (quê Nam phần, Tam giáo) Bằng Cao học Thương mại, cựu Bộ trưởng Kinh tế và Kế hoạch.

2. Phan Khắc Sửu (quê Nam Phần, Cao Đài) Kỹ sư Canh Nông, cựu Bộ trưởng Canh Nông.

3. Trần Văn Hương (quê Nam phần, Tam giáo) Giáo sư Trung học, cựu Đô trưởng Sài Gòn-Chợ Lớn.

4. Nguyễn Lưu Viên (quê Nam phần, Tam giáo) Bác sĩ Y khoa, cựu Cao ủy Di Cư.

5. Huỳnh Kim Hữu (quê Nam phần, Tam giáo, một lãnh tụ thuộc nhóm Tinh Thần) Bác sĩ Y khoa, cựu Bộ trưởng Y tế.

6. Phan Huy Quát (quê Trung phần, Tam giáo, một lãnh tụ thuộc đảng Đại Việt) cựu Bộ trưởng Quốc phòng và Giáo Dục.

7. Trần Văn Lý (quê Trung phần, Thiên Chúa giáo, cựu đồng chí của Tổng thống Diệm trong phong trào Cường Đê) cựu Thủ hiến Trung-Việt.

8. Nguyễn Tiến Hỷ (quê Bắc phần, Tam giáo, một lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng) Bác sĩ Y khoa.

9. Trần Văn Đỗ (quê Nam phần, Tam giáo, lãnh tụ nhóm Tinh Thần, nhóm đã ủng hộ lập trường chính trị của ông Diệm vào mấy năm trước khi ông Diệm cầm quyền). Bác sĩ Y khoa. Cựu Bộ trưởng Ngoại giao và Trưởng phái đoàn Việt Nam tại Hòa Hội Genève năm 1954.

10. Lê Ngọc Chấn (quê Bắc phần, Tam giáo, một lãnh tụ của Việt Nam Quốc Dân Đảng) luật sư, cựu Bộ trưởng Quốc phòng.

11. Lê Quang Luật (quê Bắc phần, Thiên Chúa giáo, lãnh tụ Phong trào Liên hiệp Dân chúng ủng hộ ông Ngô Đình Diệm khi ông Diệm còn ở hải ngoại) Luật sư, nhà báo, cựu đại diện Chính phủ tại Bắc Việt sau khi Hiệp ước Genève ra đời, lãnh đạo việc đưa 800.000 dân di cư vào Nam, và cựu Bộ trưởng Thông tin.

12. Lương Trọng Tường (quê Nam phần, Hòa Hảo) Kỹ sư công chánh, cựu Thứ trưởng Kinh tế Quốc gia.

13. Nguyễn Tăng Nguyên (quê Trung phần, Phật giáo, một lãnh tụ thuộc nhóm Tinh Thần, một sáng lập viên Đảng Cần Lao Nhân Vị) Bác sĩ Y khoa, cựu Bộ trưởng Lao Động và Thanh Niên.

14. Phạm Hữu Chương (quê Bắc phần, Tam giáo) Bác sĩ Y khoa, cựu Bộ trưởng Y tế và Công tác Xã hội.

15. Trần Văn Tuyên (quê Bắc phần, Tam giáo, một lãnh tụ của VNQDD) Luật sư, cựu Bộ trưởng Thông tin và Tuyên truyền.

16. Tạ Chương Phùng (quê Trung phần, Tam giáo, cựu đồng chí của ông Diệm trong phong trào Cường Đê) Tú tài Hán học, cựu Tỉnh trưởng Bình Định.

17. Trần Lê Chát (quê Bắc phần, Tam giáo) Tiến sĩ Hán học.

18. Hồ Văn Vui (quê Nam phần) Linh mục, cựu Cha sở một họ đạo thuộc địa phận Sài Gòn và hiện nay là Cha sở tại Tha La, Tây Ninh.

Ngày 26 tháng 4 năm 1960

* Trích, dịch từ “*The Two Vietnam*” của Bernard Fall, phụ bản II trang 435-441-Hoa Kỳ 1967.

* Phần trong ngoặc đơn là do tác giả thêm vào để làm nổi bật tính chất đại diện rộng rãi của nhóm tác giả bản Tuyên Ngôn này.

TRƯỜNG HỢP PHAN LẠC TUYÊN

Phan Lạc Giang Đông

(Trích từ “*Nhìn lại Biển cỏ 11/11/1960*”, 1997, Văn Hóa, USA)

Chứng từ của Phan Lạc Giang Đông: Một em bé 6 tuổi phải theo mẹ vào tù vì cha nó tham gia đảo chánh ...



208 nhìn lại

Khi cuộc đảo chính 11-11-1960 không thành, người anh ruột tôi là Phan Lạc Tuyên chạy sang Campuchia. Và, kể từ ngày này, toàn bộ gia đình, đại gia đình tôi thay đổi.

Trước 1960, anh Tuyên phục vụ tại trường Đại Học Quân Sự, phụ trách tờ đặc san *Đại Học Quân Sự* và nhà ở Phú Nhuận (cán nhà của Quân đội cấp). Vào đầu 1960, khi Binh chủng Biệt Động Quân được thành lập, anh tình nguyện sang và giữ chức vụ Chỉ Huy Phó kiêm Tham Mưu Trưởng Liên đội Biệt Động Quân/Quân Khu Thủ Đức. Anh dọn nhà về ở chung với thầy mẹ tôi tại xứ đạo Thái Hòa, Ngã Ba Ông Tạ, Quận Tân Bình, Sài Gòn.

Gia đình đang sống yên ổn. Thầy tôi làm Trác Họa Sư ở Cảng Bình Đông, và cụ viết cho Bán Nguyệt San *Bách Khoa*. Khi đó cụ cũng là Cố vấn cho Hội Nghiên Cứu Dịch Học. Mẹ tôi, người mẹ suốt đời tận tụy cho chồng con. Còn tôi, lúc này đang đi học, và năm 1960, tôi đang theo lớp Trác Họa (học cùng lớp với Thế Nguyên, nhà văn) tại Sài Gòn. Tôi là con út, và anh Tuyên là anh Cả trong nhà.

Tôi nhớ, lúc đó, vào khoảng giữa năm 1960, anh Tuyên hay đi hành quân ở Tây Ninh, thỉnh thoảng ghé xe Jeep về nhà thăm và người tài xế tâm phúc là Trung sĩ Nhất Thúc. Tôi cũng được nghe ông Cụ và anh Tuyên thường ngồi nói chuyện lâu, mỗi khi anh về thăm nhà. Có lần, anh được gọi vào trình diện TT Ngô Đình Diệm rất bất ngờ và sau lần gặp đó, anh chuẩn bị đi làm Tỉnh

biển số 11/11/1960 209

tướng tỉnh Bình Dương. Tôi nghe đầu công việc đang tiến hành.

Thế rồi, vào nửa đêm 11-11-1960, ở nhà mọi người nghe súng nổ rất nhiều, cha tôi gọi tôi và nói: Chắc có biến anh ạ. Tôi không rõ việc gì, sau đó thì đài phát thanh cho biết là quân đội đã đứng lên đập đổ chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm.

Đồng bào Sài Gòn náo nức hẳn lên, xú đạo tôi đang ở thì im lìm, trông chờ, gia đình tôi chưa biết gì cả, vì khi ra đường, lên trung tâm thủ đô hay ghé lại vườn Tao Đàn, Dinh Độc Lập thì chỉ thấy những quân nhân thuộc binh chủng Nhảy Dù đang bao vây dinh và bố trí ở các yếu điểm trong thành phố.

Suốt ngày 11-11-1960, cho đến khuya, cả nhà tôi nghe ngóng, trông chờ tin anh Tuyên Tuyền nhiên không hay biết gì.

Cho đến sáng 12-11-1960, chị Tuyền và tôi cùng ông cụ thân sinh đi hỏi thăm, lên Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân (tôi nhớ ở Phú Lâm) gặp Thiếu tá Lữ Đình Sơn.

Sơn tiếp gia đình tôi tại văn phòng. Sơn nói với ông cụ thân sinh, giọng lạnh nhạt:

- Tuyên đi theo Cộng sản rồi. Đi vào sáng sớm hôm nay cùng TSI Thúc. Thôi, cụ đi về.

Tôi thoáng thấy cha tôi hơi bàng hoàng. Chị Tuyền ôm mặt khóc. Chúng tôi trở về nhà vào buổi trưa 12-11. Mọi người chưa kịp ăn cơm thì ngoài cổng đã có ba, bốn

210 nhìn lại

nhân viên An ninh Quân Đội đến. Người đi đầu hỏi ông cụ tôi:

- Cụ là cha của Phan Lạc Tuyên?

- Vâng, tôi

- Còn vợ Phan Lạc Tuyên đâu?

Chị Tuyên đang ở nhà trong chạy ra:

- Tôi ạ

Người đi đầu giơ thẻ cho ông cụ tôi xem, nói:

- Tôi được lệnh bắt vợ ông Tuyên. Chúng tôi là nhân viên An ninh Quân Đội.

Chị Tuyên chỉ kịp mang theo ít quần áo và dẫn cháu Phan Quốc Hưng (lúc đó 6 tuổi) đi theo những nhân viên an ninh ra xe về Sở An Ninh Quân Đội

Ông cụ thân sinh bảo tôi:

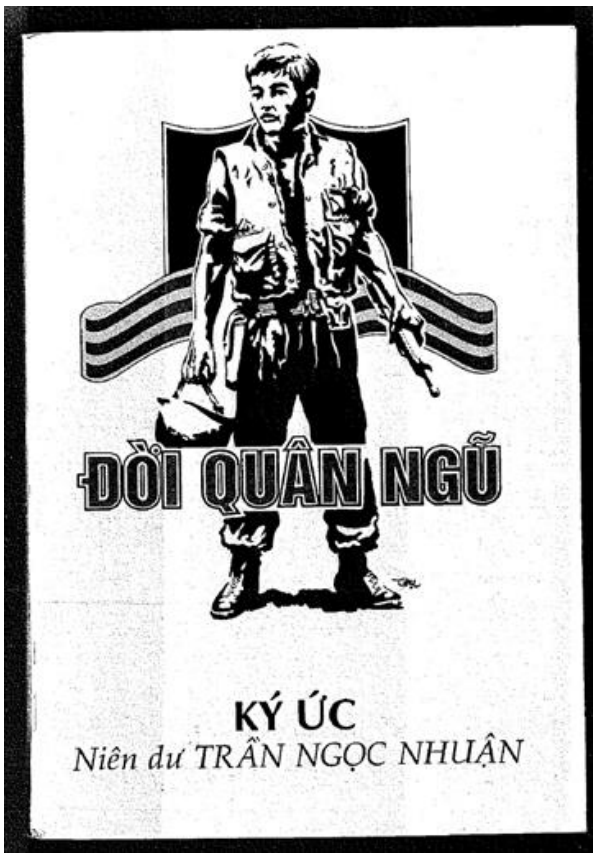
- Thầy chưa rõ thế nào, song anh Tuyên không thể theo Cộng sản được, tình thế phức tạp lắm.

Tôi chỉ biết nghe và im lặng.

Gia đình tôi, kể từ ngày này hoàn toàn không còn được yên nữa. Khu xứ đạo Thái Hòa (xứ đạo của đồng bào Bắc di cư vào Nam), mọi người ở lối xóm đã có thái độ khác trước. Mỗi tối, khoảng từ bảy, tám giờ thì một số người, không biết từ nhà nào đã ném gạch, đá lên mái nhà (bằng tole) của gia đình, ông cụ thân sinh tôi rất buồn và gặp thẳng Linh mục xứ đạo để nói về việc này, song, không giải quyết được. Việc họ ném như thế kéo dài cho đến khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ thì chấm dứt.

VỢ CỦA SĨ QUAN VỤ BINH BIỂN 1960 BỊ AN NINH CỦA DIỆM XÂM PHẠM TÌNH DỤC

Niên Dư Trần Ngọc Nhuận, Đại Tá
(Trích từ “*Đời Quân Ngũ*”, 1992, Xuân Thu, USA)



thoát được ra ngoại quốc như Trung Tá Vương Văn Đông, các Thiếu Tá Lợi, Liễu các Tiểu Đoàn Tỉu Đuờng Nhảy Dù, Biệt Động Quân. Một số còn lại bị bắt giam như các Thiếu Tá Phan Trọng Chính, Đại Úy Nguyễn Văn Thừa và hầu hết các Chính trị gia hoặc lãnh tụ đảng phái tham gia, kể cả các người theo phe đảo chính giờ thứ 25.

Các đơn vị có công dẹp đảo chánh đều được thưởng và thăng cấp.

Trung Tá Cao Văn Viên, Tham Mưu trưởng Tham Mưu Biệt Bộ Phụ Tổng Thống được cử giữ chức Tư Lệnh Liên Đoàn Nhảy Dù thay Đại Tá Nguyễn Chánh Thi, bốn tẩu sang Cao Miên.

Tiêu Đuờng Đại Học Quân Sự, nơi xuất sứ mầm mống cuộc đảo chánh được di chuyển lên Đà Lạt.

Các chức vụ khác cũng được thay đổi và chính phủ đã sắp đặt để đưa những sĩ quan tin cậy nắm giữ những vai trò trọng yếu trong Quân Đuờng. Nhiều sĩ quan, mặc dầu không liên hệ gì đến phe đảo chánh bị theo dõi và điều tra. Nạn phe phái, chạy chọt được bành trướng trong quân đuờng gây mầm mống bất mãn.

Thân nhân, vợ con của các Sĩ quan cầm đầu đảo chánh được các cơ quan an ninh chiếu cố đặc biệt. Tất cả các phụ nhân sĩ quan thuộc phe đảo chánh đều bị bắt giữ ngoại tử từ trường hợp vợ của Trung Tá Đuờng có quốc tịch Pháp được Tòa Đại Sứ Pháp che chở và vợ của Thiếu Tá Lợi trốn được sang Cao Miên với chồng.

Một chính sách cực kỳ thâm độc và tàn ác đã được các nhân viên an ninh áp dụng cho các bà vợ vô tội này.

Họ đã bị bao vây kinh tế như trường hợp chị Phan Lạc Tuyên, mà tôi đã có dịp viết trong phần đầu và trong bài “Những anh hùng không tên tuổi” (Xin xem phụ lục)

Đã man nhất là họ đã trở nên nạn nhân của những cuộc trả thù bỉ ổi. Họ đã bị cho thuốc kích thích hoặc đầy, dọa thể xác để cuối cùng phải thất tiết với chồng và, mấy năm sau, không còn được xum họp hạnh phúc với chồng con nữa.

Tôi viết lên mấy dòng này để bào chữa cho các bà chị, các bà vợ bạn bè đã bị tù nhục mà không được ai hiểu cho hoàn cảnh bị xô đẩy và bắt buộc của họ.

Tôi cũng biết rằng, chính sách báo thù bỉ ổi đó đã không được Tổng Thống Diệm hay cả bào đệ là ông Ngô Đình Nhu biết đến. Tôi cũng không nghĩ rằng đó là chủ trương của các cấp chỉ huy an ninh có thẩm quyền. Tôi thiết nghĩ, và tôi mong rằng, tôi nghĩ đúng, là chủ trương báo thù bỉ ổi này chỉ thuộc phần hành cấp dưới muốn mua lòng Thượng cấp. Thế thôi.

Sau cuộc đảo chánh 11-11-60 này, vì tình bạn với Phan Lạc Tuyên mà tôi cũng bị theo dõi và có lần bị Thiếu Tá Đỗ Huệ và bạn tôi là Đại Úy Ứng ở Nha An Ninh Quân Đội đến “thăm viếng” tại văn phòng và thư phòng của tôi tại nhà.

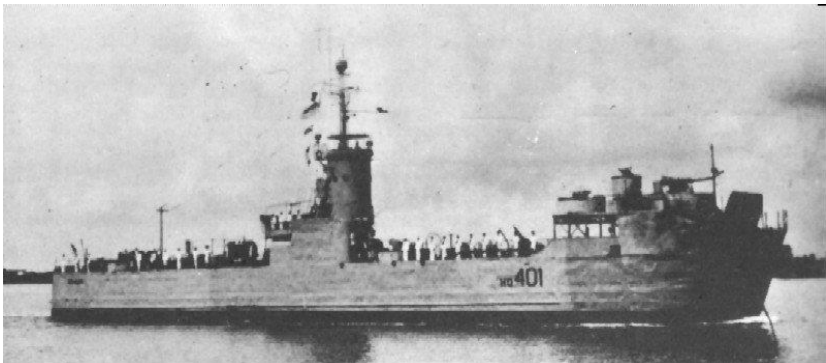
Tôi rất bức mình và tức giận, nhưng đã ở trong chế độ mà Tự Do không được bảo đảm coi trọng thì biết trách ai. Mãi đến 2 năm sau, năm 1962, lúc được Tổng Thống ký nghị định cho đi du hành quan sát các cơ sở Tỉnh Báo Hoa Kỳ cùng với Đại Tá Đỗ Mậu, Tổng Giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội; tôi mới được ông cho mời vào hỏi chuyện và bạch hóa hồ sơ, không còn bị theo dõi.

MỘT ĐIỂN HÌNH TÀN ÁC CỦA NHÀ NGÔ

Võ Văn Sáu

Ngày 5-10-1963, chiếc Hải vận hạm Hàn Giang HQ-401 do Hạm trưởng HQ Đại úy Nguyễn Văn Hớn và Hạm phó HQ Trung úy Lê Thành Uyên chỉ huy, rời cảng Sài Gòn lên đường ra Côn Sơn, trên tàu có chở theo **216 tù nhân chính trị** trong vụ đảo chánh hụt 11-11-1960. Về phía Quân đội chúng tôi thấy có một số chiến sĩ Dù như : Th/tá **Phan Trọng Chinh**, Tr/úy **Nguyễn Vũ Từ Thức**, Tr/úy **Nguyễn Bá Mạnh Hùng**, Đ/úy **Nguyễn Văn Thừa**, Đ/úy **Nguyễn Thành Chấn**... Còn phía dân sự có cụ **Phan Khắc Sửu**, Bác sĩ **Phan Quang Đán**, ông **Vũ Hồng Khanh**, ông **Bùi Lượng**, ông **Phan Bá Cầm**, Giáo sư **Trần Trương**, Võ sư **Phạm Lợi**...

Vào khoảng nửa đêm bỗng có một chiếc máy bay lạ xuất hiện bay vòng trên đầu chiến hạm và chiếu đèn pha xuống tàu. Hạm trưởng bèn ra lệnh báo động phòng không. Nhưng máy bay lạ chỉ bay vòng có 2 lần rồi bay luôn..



Hải Vận hạm Hàn Giang HQ 401

Sau ngày 1-11-1963 có một số anh em Quân đội trong vụ 11-11-1960 chạy thoát qua Nam Vang, đứng đầu là đại tá **Nguyễn Chánh**

Thi, trong đó có đại úy Phi công **Huỳnh Minh Đường**, trở về Sài Gòn. Đại úy phi công Huỳnh Minh Đường mới tiết lộ cho biết, ngày 5-10-1963, Thủ Tổng Thống chỉ thị cho cấp trên của ông, trao cho ông một bức mật thư bảo đưa lại cho tôi, dặn khi nào máy bay cất cánh hãy mở ra đọc.

Khi bay lên xong, ông mở ra thì đó là **lệnh phải ném bom chiếc tàu HO 401 đang trên đường ra Phú Quốc**. Thi hành xong sẽ được thưởng **MỘT TRIỆU** đồng và thăng một cấp. Nhưng khi ông bay vòng trên đầu chiến hạm thấy chở toàn tù, anh biết ngay đó là các anh em Nhảy Dù và các nhà chánh trị vừa bị kêu án. Nên ông quyết định không ném bom, **trở về thì cũng chết nên ông quyết định bay thẳng qua Nam Vang xin tị nạn**.

Sau 1975, Đại úy Huỳnh Minh Đường (đúng ra là Huỳnh Ngọc Đường) định cư tại thành phố Seattle cùng với vợ và 2 con. Ông mất vào khoảng năm 2001.

Giáo sư Trần Tương thuật lại vụ này phần đầu trong sách *Biến cố 11-11-1960* của ông. Có điều ông ghi nhầm, thay vì HQ 401 ông ghi là HQ 403.



Đông đảo đồng bào thủ đô chào đón Chiến hạm Tiền Giang 405 đưa các chiến sĩ vụ Binh biến 11-11-1960 từ nhà tù Côn Sơn về lại Sài Gòn ngày 8-11-1963

Qua chuyện này chúng ta càng thấy rõ **bộ mặt đạo đức giả đáng**

ghê tởm của bè lũ Cần Lao nhà Ngô, thật vô cùng tàn ác dã man còn hơn cả loài súc vật. Đã bỏ tù các chiến sĩ Dù và các nhà chánh trị đối lập, đày ra Côn Đảo... nhưng vẫn chưa thoả lòng, còn **cho phi công thả bom đánh chìm tàu Hải Quân Việt Nam, giết các tù chánh trị và giết luôn cả thủy thủ đoàn HO 401**, trong đó có chính tôi (Võ Văn Sáu) lúc đó đang phục vụ trên HQ 401 dưới quyền của Hạm trưởng Nguyễn Văn Hớn (ông Hớn hiện ở Oregon).

Có lẽ nhà Ngô định đổ tội cho “phi cơ lạ” đã đánh chìm tàu HQ 401. Phi cơ lạ đó có thể là của Cam Bốt hay Cộng sản, và ai nữa ? Không quân Mỹ chẳng ? Với chủ đích gì ?

Võ Văn Sáu / GÓP GIÓ

[From: Gop gio <gopgionews@yahoo.com>
Subject: Re: [GoiDan] Vụ thăm sát Đại Tá Hồ Tấn Quyền
To: lugiang2003@yahoo.com, GoiDan@yahoogroups.com
Cc: Date: Thursday, October 14, 2010, 7:00 PM]

NHỚ VỀ NHẤT LINH

Nguyễn Hữu Phiếm



Nhất Linh và Đông Hồ tại Sài Gòn, khoảng 1960

Cách đây đúng 47 năm, ngày 7 tháng 7 năm 1963, nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã uống độc dược quyền sinh tại Sài Gòn để phản đối chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm đàn áp đối lập chính trị và bức hại Phật giáo Việt Nam. Ông chọn ngày 7 tháng 7 vì 24 tiếng đồng hồ sau đó, ông không chấp nhận bị mang ra tòa án (8-7-1963) để xử tội chống đối Ngô triều (*Nhà Ngô có bốn gian hùng; Diệm ngu, Nhu ác, Cán khùng, Thục điên* – Thi ca Trào phúng miền

Trung), và cũng là ngày “Song Thất” mà chính quyền kỷ niệm ngày ông Diệm sau “*bao nhiêu năm từng lê gót nơi quê người*”, bắt đầu về Việt Nam làm Thủ tướng cho vua Bảo Đại.

Trong chúc thư để lại cho gia đình và bạn bè chiến hữu, ông viết:

Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử cả. Sự việc đem các đảng phái quốc gia đối lập ra xét xử là một trọng tội đối với quốc gia, chỉ đưa đất nước rơi vào tay Cộng Sản. Vì thế tôi tự hủy mình cũng như Hòa Thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu là để cảnh cáo những ai chà đạp mọi thứ tự do.

Ký tên: Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, ngày 7 tháng 7 năm 1963.”

Hiện nay, tại hải ngoại, **những “sử gia” hoài Ngô dư đảng Cần lao Ác ôn như Tú Gàn Nguyễn Cần, cựu bộ trưởng Nội vụ Lâm Lễ Trinh, Nguyễn Văn Lục (em Nguyễn Văn Trung), Nguyễn Hữu Duệ...** đang cố tình đánh bóng lại sự nghiệp của ông Ngô Đình

Diệm, cậu ruột của Hồng y Nguyễn Văn Thuận, để làm biểu tượng chính trị hầu tập trung lực lượng Công giáo chống Cộng, và để **chuẩn bị cho Vatican phong thánh** trong tương lai. Trong quá trình “đánh bóng” đó, những ai đã từng chống lại Ngô Đình Diệm và chế độ của ông ta đều bị lên “giàn hỏa lịch sử” để thiêu đốt hết. Phật giáo là một trường hợp. Nhất Linh là một trường hợp khác, mà điển hình là bài viết của Nguyễn Văn Lục bôi bác Nhất Linh bị bệnh tâm thần nhằm ngụy biện rằng đầu óc Nhất Linh vốn bất thường từ lâu, có ý định tự tử từ 10 năm trước chứ chẳng phải vào năm 1963 để lên án chế độ Ngô Đình Diệm gì cả.

Nhân dịp kỷ niệm 47 năm ngày mất của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, chúng tôi xin đăng lại bài viết của bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm, người quen biết với ông đã lâu và cũng là bác sĩ gia đình trước và trong năm 1963 đó tại Sài Gòn, để tưởng nhớ đến một ngôi sao sáng của văn học Việt Nam, một người dân xã thân vì dân tộc, và để xem bùn dơ của các “sử gia” Công giáo hoài Ngô có vấy bẩn được hoa sen Nhất Linh hay không. Ngoài ra, chúng tôi cũng thêm một bài viết của ông Khúc Hà Linh đăng trên nhật báo *Tiền Phong* (trong nước) để biết người trong nước, vào thời điểm 2008, nghĩ gì về Nhất Linh, và các câu đối của cố thi sĩ Vũ Hoàng Chương ai điều người bạn hiền – **nh/gdol**

* * *

Người ta đã viết và nói nhiều về Nhất Linh trong khi anh còn sinh thời cũng như sau khi anh mất.

Viết hoặc tổ chức những buổi nói chuyện để đề cao một chiến sĩ cách mạng quốc gia đã noi gương Thượng toạ Thích Quảng Đức, tự huỷ mình để chống lại một chế độ bạo tàn, để “cảnh tỉnh những con người ác, làm đèn soi sáng nẻo vô minh”, hoặc đề đề cao một văn hào lỗi lạc, “một ngôi sao Bắc đẩu trong nền văn hoá Việt Nam”, suốt đời chỉ biết phụng sự văn hoá, vì theo Nhất Linh, chỉ có *văn mới làm cho đời người đẹp hơn và đáng sống mà thôi*

Cũng có khi viết hay nói về Nhất Linh cốt để tự đề cao mình lên, và theo tôi, cái đó cũng không lấy gì làm lạ, vì như văn hào Duhamel đã viết: “Khi một người có danh tiếng nằm xuống thì có biết bao nhiêu người tự nhận là bạn thân của người đó xuất hiện”.

Nói cho đúng ra, Nhất Linh có rất nhiều bạn – ngoài một số đồng độc giả mê tài anh qua những tác phẩm của anh – vì ai đã gặp

anh không thể không quý anh được. Nhưng trong mấy năm gần đây, nhất là từ sau ngày đảo chính hụt 1-11-1960, anh bị chính quyền Ngô Đình Diệm lùng bắt, nhiều người xa lánh anh, cũng như anh, không muốn cho ai vì mình mà phải liên lụy, cũng chỉ lui tới nhà một thiếu số bạn, rất thân của anh, trong đó có kẻ viết bài này.

Có người cho rằng, dù cho có giao du với Nhất Linh thì đã sao, nhất là trong trường hợp tôi, vốn quen biết anh từ lâu, lại là thầy thuốc của gia đình anh nữa; nhưng theo tôi, phải sống dưới chế độ độc tài, như chế độ họ Ngô, mới thấy rằng người dân không có quyền gì hết đã đành, lại không có cả cái quyền chơi với bạn nữa, nhất là khi người bạn đó lại đứng về phe đối lập như Nhất Linh. Nếu không tất sẽ bị khủng bố, và nếu là một công chức, sẽ bị sa thải, “nồi com sẽ bị bẻ” như ta nói. Điều bi đát này, chính tôi đã được tai nghe một cựu công chức cao cấp của Ngô triều thuật lại.

Ở đây, tôi chỉ ghi những gì tôi biết về Nhất Linh trong những giờ phút cuối cùng của anh. Trước hết, tôi dám quả quyết là Nhất Linh đã sắp đặt, ít nhất là một tuần lễ trước, cái chết của mình. Bằng cứ là ngày 30-6-1963, anh tới dự buổi họp của Trung tâm Văn Bút mà trước đó anh là chủ tịch, không phải vì văn hoá, mà chỉ cốt để gặp mặt một lần chót các văn hữu của anh trước khi bước sang bên kia thế giới.

Riêng một cử chỉ, “mối tình chân thành” đó cũng đủ cho chúng ta quý mến Nhất Linh rồi.

Ở Trung tâm Văn bút ra, Nhất Linh có ghé lại thăm tôi, nhưng tiếc rằng hôm ấy tôi đi vắng.

Chủ nhật sau, nhằm ngày 7-7-1963, Nhất Linh lại tới vào buổi sáng hồi 10 giờ. Tôi đang ngồi trong phòng ăn bỗng anh lặng lẽ đi vào. Vẫn con người dong dong cao ấy, vẫn vàng trán rộng và thông minh ấy, với đôi mắt tuy tinh anh, sáng quắc nhưng đượm một vẻ buồn khó tả. Phải chăng, tôi nghĩ bụng, anh buồn vì ngày mai anh sẽ phải ra toà để toà xử về vụ đảo chính ngày 11-11-1960?

Anh mặc rất đơn giản, không khác gì mọi bạn anh lại thăm tôi: sơ-mi trắng dài tay, hờ cổ, quần tây màu xanh thẫm, và chân đi giày – vẫn đôi giày duy nhất ấy – cũ kỹ đến nỗi không nhận được ra màu gì nữa. Nhất Linh lười mặc lẫn lười ăn, lười uống... thuốc; trái lại, anh rất chăm làm việc, nhất là chăm đọc, chăm viết. Chả thế mà chỉ trong có ba tháng trời, trong khi anh lẩn trốn, mà anh còn viết, viết một mạch xong ba cuốn *Dòng sông Thanh Thủy*, rồi lại vẽ, lại sửa bản thảo trước khi đưa in...

Cho hay, khi đời sống nội tâm của con người ta dồi dào, phong phú thì tất cả những gì thuộc về ngoại vật, đều không đáng kể. Đó là trường hợp của Nhất Linh.

Như trên vừa nói, Nhất Linh lại thăm tôi vào buổi sáng hôm 7-7-1963. Anh giơ tay bắt tôi. Chúng tôi im lặng nhìn nhau. Tôi đợi anh ngồi xuống ghé mới cất tiếng hỏi thăm về sức khoẻ của anh. Anh khẽ gật đầu, và hai mắt chớp chớp như mọi bận.

Tôi ngập ngừng đề cập tới việc hôm sau anh ra toà thì anh lạnh lùng nói: "Ông Diệm đã bảo xếp việc này đi rồi không hiểu tại sao lại còn moi ra."

Tôi nói để cho anh yên lòng: "Chắc chỉ để khùng bỏ tinh thần các anh mà thôi."

Rồi tôi nói một câu tiếng Pháp: "*Leurs jours sont comptés*" (Ngày tàn của chúng cũng đến nơi rồi).

Vợ tôi đứng gần đây hỏi anh: "Mai ra toà anh sẽ khai ra sao?"

"Chị cứ yên trí, anh đáp, tôi sẽ không nói gì hết, y như ông giáo sư ở trong phim *Jugement à Nuremberg* khi ra toà ấy."

"Không sao đâu, chiều mai chúng tôi sẽ xuống thăm anh."

"Anh chị lại không gặp tôi đâu."

Thú thật, khi nghe Nhất Linh nói câu đó, với một giọng bình thản vô cùng, tôi chỉ có thể đoán được rằng, có lẽ hơn ai hết, anh biết rõ tội trạng (!) của anh, yên trí sau phiên toà anh sẽ bị kết án, chứ tôi không ngờ rằng anh nói với ẩn ý là anh sẽ quyên sinh, không chịu để cho toà xử.

Đang lúc tôi còn phân vân không biết nói gì với anh thì vợ tôi nói:

"Dẫu có thế nào thì chúng tôi vẫn luôn nhớ tới anh, vẫn coi anh như người anh cả."

Câu chuyện giữa anh và vợ chồng tôi, đáng lẽ còn kéo dài, nhưng thấy tôi có khách, anh vội đứng lên và nói rất nhỏ nhẹ:

"Tôi đến để từ biệt anh chị."

Khi ấy vào khoảng 11 giờ. Chúng tôi tiễn anh ra cửa, và hai chúng tôi còn đứng trên vỉa hè để đợi tắc-xi trên 10 phút, lặng lẽ cầm tay nhau, không ai nói với ai một câu, mỗi người có một ý nghĩ riêng, mỗi người có một mối buồn cảnh cánh bên lòng. Nhưng thú thật là khi ấy, tuyệt nhiên trên nét mặt của Nhất Linh, tôi không hề nhận thấy một dấu hiệu nhỏ nào cho biết chỉ trong vài tiếng đồng hồ nữa, anh sẽ xa lánh cõi trần, xa tất cả mọi người thân yêu của anh để đi vào lịch sử.

Tôi có thể nói tôi là người bạn cuối cùng mà anh đã hạ cố lại thăm trước khi mất.

Ngay buổi chiều hôm ấy – vào khoảng 5 giờ – chúng tôi, có lẽ do linh tính thì phải, đang bàn nhau xuống An Đông thăm anh, bỗng có anh bạn của Nhất Linh và của tôi, anh K. xồng xộc chạy vào, với nét mặt hốt hải. Tôi đoán là có việc chẳng lành đã xảy ra cho anh Tam. Quả nhiên, anh bạn đó tới để báo tin anh Nhất Linh đã quỵên sinh và hiện đang mê man, anh yêu cầu tôi xuống gấp.

Mười phút sau thì chúng tôi tới An Đông. Gặp chị Nhất Linh ở dưới nhà, tôi không kịp chào hỏi, cứ cầm đầu chạy thẳng lên thang.

Thoáng nhìn nét mặt và nghe hơi thở của anh, rồi bắt mạch, tôi biết ngay là anh đã quỵên sinh với thuốc ngủ, mặc dầu lục lợi chung quanh chỗ anh nằm không tìm thấy một viên hay một ống thuốc nào. Khi người ta đã cố tình tự vẫn thì không khi nào để lại một vết tích gì và không chết bằng cách này thì cũng chết bằng cách khác, đó là cảm nghĩ của tôi khi đứng trước Nhất Linh.

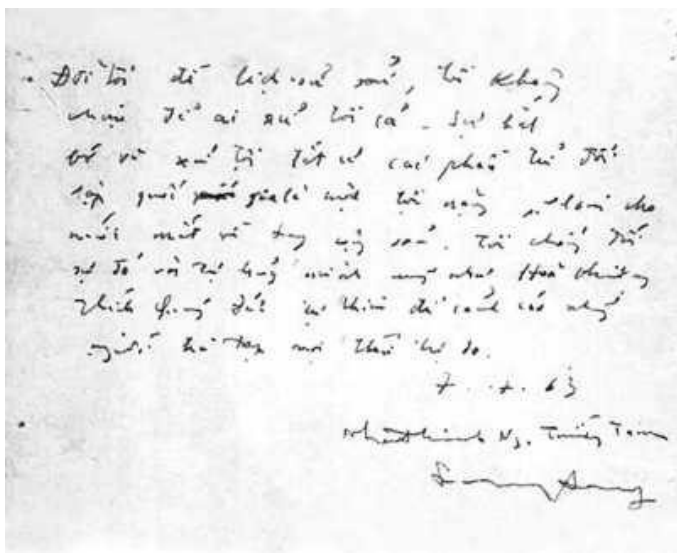
Tuy nhiên tôi vẫn phải làm phận sự của người thầy thuốc, vẫn phải chích cho anh một mũi thuốc hồi sinh, rồi cấp giấy giới thiệu với Bệnh viện Grall để anh được vào nằm điều trị.

15 phút sau tôi cũng tới bệnh viện, vừa lúc bác sĩ thường trực đến. Chúng tôi thảo luận với nhau một hồi về bệnh tình, có vẻ trầm trọng của bạn tôi.

Đồng nghiệp của tôi lắc đầu thất vọng, và nói: “*C’est foutu!*”.

Ông ta toan cho đưa anh xuống “Nhà xác”, nhưng thấy tôi khẩn khoản quá ông đành ưng thuận cho lên nằm trên phòng bệnh để “còn nước còn tát”.

Mặc dầu có bao sự tận tâm săn sóc, Nhất Linh cũng trút hơi thở cuối cùng trong đêm hôm đó. Anh đã được toại nguyện, đã được chết ngày 7-7-1963 là ngày “song thất” của kẻ đã phản dân hại nước.



Trong suốt thời gian nằm trong bệnh viện, anh vẫn mê man không lúc nào tỉnh cả.

Tâm trạng của tôi, vừa là bạn, vừa là thầy thuốc của anh, tối hôm đó, thật rối bời bời, và vô cùng phức tạp. Một mặt, tôi cầu chúc cho anh được tai qua nạn khỏi, mặt khác, lại lo ngại, lo ngại lỡ ra anh sống, biết đâu mình chẳng đắc tội với anh vì đã làm trái với chí nguyện của anh chỉ mong được **chết để chống lại những kẻ “chà đạp lên mọi thứ tự do”**.

Nào chỉ có những ý nghĩ vẩn vơ ấy mà thôi! Trong khi anh mê man, nằm thoi thóp trên giường bệnh, chúng tôi – mấy con anh Nhất Linh và một anh bạn – bàn tính với nhau để giấu tờ di chúc chính trị do chính tay Nhất Linh viết làm hai bản, rồi trao cho phóng viên của hai tờ tuần báo *Time* và *Newsweek*, theo lời trời trăng của anh.

Tôi còn nhớ mãi cuộc thảo luận tối hôm đó ở ngoài hành lang bệnh viện, đối diện với gian buồng bệnh của anh, chung quanh bản di chúc quan trọng đó. Chúng tôi nhất định không để lọt mảnh giấy học trò kia vào tay nhà chức trách. Tôi căn dặn mọi người là nếu họ có hỏi tra thì chỉ đưa ra hai tờ di chúc: một gửi cho bạn bè thân thuộc, và một gửi cho chị Nhất Linh.

Trong tờ di chúc thứ nhất vền vẹn có mỗi một dòng:

Vĩnh biệt tất cả mọi người thân yêu.

Tờ di chúc thứ hai, gửi cho chị Nhất Linh, cũng chỉ vắn tắt hai

dòng:

Minh,

Mối tình của đôi ta đẹp đẽ lắm rồi. Minh không còn mong muốn gì hơn nữa.

Ở đây tôi thấy cần ghi là chính bà Nhất Linh cũng không rõ nội dung của tờ di chúc chồng gửi cho mình, vì sau khi được tin Nhất Linh từ trần, nhà chức trách đã tịch thu hết các giấy tờ – trừ bản di chúc chính trị nói trên – và không chịu trả cho thân nhân anh. Cho đến mãi hai tháng sau ngày đảo chính 1-11-1963 mới đòi lại được.

Cũng trong cái đêm lịch sử ấy, chúng tôi bàn nhau để loan tin Nhất Linh tự vẫn cho các bạn đồng chí của anh, hôm sau phải ra toà, ngõ hầu gây một xúc động lớn tại toà án.

Quả nhiên sáng hôm sau 8-7-1963, tin Nhất Linh tự huỷ mình để chống lại chính quyền lan đi rất mau khác nào một vệt thuốc súng, khiến cho dư luận các giới, nhất là giới trí thức, sinh viên, xô xao, bàn tán, và ngay cả chính quyền cũng phải sững sốt hoang mang.

Bản án của Nhất Linh đương nhiên bị huỷ bỏ, còn đối với các chính trị phạm sắp bị xử, toà có một thái độ bất ngờ. Đáng khen, theo lời tường thuật của một ông bạn tôi cũng bị đưa ra xử hôm đó, là cử chỉ can đảm của ông Phan Khắc Sửu, đã đứng ra xin toà cho một phút để mặc niệm Nhất Linh. Dĩ nhiên là toà không cho phép, nhưng không vì thế mà không có phút mặc niệm kia.

Chả bù cho thái độ trái ngược hẳn của một chính khách, thường được nhiều người coi như một nhà cách mạng, khi nghe thấy một số đồng phạm nhân đề nghị đeo băng đen để tang Nhất Linh, bèn từ chối dầy dầy và thốt lên câu nói bất hủ này:

“Thôi mà, bày vẽ để tang làm gì họ lại phết thêm cho vài năm tù nữa chả bỏ.”

Nghĩ mà buồn và thương hại thay cho những hạng người thường vô ngục là đồng chí của Nhất Linh.

Cái chết của Nhất Linh đã gây nhiều bối rối cho chính quyền Ngô Đình Diệm, **nhất là cho vợ chồng Ngô Đình Nhu, lòng lộn lên như con thú dữ**. Chúng sợ người sống đã đành, chúng sợ và thù ghét cả người chết nữa, những người chết công kênh (les morts encombrants) như chúng tôi nói.

Trước kia chúng sợ cái chết của Thượng toạ Thích Quảng Đức, **ngày nay chúng sợ cái chết của Nhất Linh**, không những vì Nhất Linh là một chiến sĩ cách mạng quốc gia có rất nhiều uy tín ở trong nước cũng như ở ngoại quốc, mà lại còn là một văn hào có tên

tuổi, được giới thanh niên, trí thức mến chuộng.

Tôi dám nói, không sợ nói ngoa, là từ lúc Nhất Linh nằm xuống cho tới khi đưa anh về nơi an nghỉ cuối cùng ở Nghĩa trang Gò Vấp, chính quyền Ngô Đình Diệm đã mất ăn mất ngủ, và tìm mọi cách để phá. Bằng có là ngay sau khi anh mất, họ ra lệnh làm một cuộc phẫu nghiệm tử thi (autopsie), mặc dầu không có sự ưng thuận của gia đình.

Tất cả là 12 người có mặt trong buổi phẫu nghiệm ngay hôm 9-7-1963, tại nhà xác của Bệnh viện Grall: 7 bác sĩ, trong đó có một bác sĩ giải phẫu ngoại kiều của Grall, hai nhân viên Sở Giáo nghiệm, một viên phó cảnh sát, hai biện lý và phó biện lý của Toà án Sài Gòn.

Dưới đây là kết luận của bản phúc trình pháp y về cuộc phẫu nghiệm đó:

“Với những phương pháp khám nghiệm thông thường tại chỗ, không thấy thi hài có triệu chứng nào có thể giải thích cái chết mau chóng của Nguyễn Tường Tam, cần chờ xem kết quả việc tìm kiếm do các phòng và viện giáo nghiệm”.

Nào chỉ có phẫu nghiệm tử thi mà thôi! Theo lời của một người trong gia đình anh, có lần chúng toan cướp cả xác của anh, định đem ra khỏi Grall, nhưng ban giám đốc bệnh viện không chịu.

Riêng về phần tôi, cũng vào buổi sáng hôm thứ ba 9-7-1963, chính quyền cử một nhân viên công lực tới nhà để hỏi tôi những chi tiết về cái chết của Nguyễn Tường Tam, trong trường hợp nào tôi quen anh?

Sau đó ít lâu, lại một nhân viên khác của Sở Giáo nghiệm tới tìm tôi ở Viện Pasteur để hỏi xem có biết ông Nguyễn Tường Tam đã dùng thuốc gì để quỳên sinh không.

Tôi không trả lời thẳng câu hỏi của người ấy mà chỉ cho biết là ông Tam, hồi trẻ, đậu cử nhân khoa học, và như vậy, ông thông thạo hơn ai hết về các chất hoá học. Huống hồ, ông lại còn là một nhà văn, và từng đọc rất nhiều truyện trinh thám (mỗi lần Nhất Linh đi qua đại lộ Lê Lợi là anh khuôn hàng chục cuốn sách trinh thám, và anh đọc ngẫu nhiên trong một đêm là hết), nhất là đã từng viết trong tác phẩm cuối cùng là *Dòng sông Thanh Thủy*, cả một chương về một vụ đầu độc. Như thế thì tôi, mặc dù là thầy thuốc, làm sao mà biết được ông đã dùng thuốc gì để quỳên sinh?

Sự thật là như thế!

Sau này, theo bản phúc trình của một phòng thí nghiệm công

gửi cho Toà án Sài Gòn, tôi mới rõ là người ta đã tìm thấy ở trong máu, trong bao tử, và trong nước tiểu rất nhiều chất thuốc ngủ, loại *véronal*.

Nhất Linh đã mua và tích trữ thuốc này từ bao giờ, ngay đến những người thân thích của anh cũng không hay biết.

Nhưng gay go nhất là việc định ngày để cất đám Nhất Linh.

Gia đình anh xin phép đưa vào buổi sáng chủ nhật, nhưng chính quyền một mực từ chối, cái đó dễ hiểu, vì họ sợ đưa đám ngày nghỉ, thiên hạ sẽ đi dự rất đông.

Xin phép đưa chiều thứ bảy, họ cũng từ chối nốt, vì chiều thứ bảy, cũng là ngày nghỉ của các công sở. Họ chỉ ưng thuận, hoặc sáng thứ bảy, đúng 8 giờ rưỡi, hoặc sáng thứ hai. Đành phải bằng lòng sáng thứ bảy vậy.

Lại còn một điều này nữa khiến cho chị Nhất Linh băn khoăn rất nhiều là việc làm lễ cầu siêu cho anh ở chùa Xá Lợi.

Kẻ bàn ra người tán vào, phần đông không muốn làm lễ ở Xá Lợi, vì đạo ấy như mọi người đều rõ, chùa Xá Lợi dưới con mắt của chính quyền Ngô Đình Diệm, khác nào một cái gai trước mắt họ, là nơi công khai chống lại họ thì làm lễ tại đó, tức là khiêu khích họ.

Tôi còn nhớ mãi nét mặt rầu rầu của chị Nhất Linh buổi trưa hôm thứ tư 10-7-1963 đó, và vì thấy chị buồn thảm quá nên tôi đã không ngần ngại đứng về phe chị để yêu cầu cho bằng được nhà chức trách cho phép làm lễ cầu siêu ở chùa Xá Lợi. Tôi bảo với chị:

"Nếu họ từ chối thì chị cứ viện lý do tôn giáo ra họ phải chịu.

Quả nhiên Bộ Nội vụ và Toà Đô sảnh Sài Gòn – sau khi xin chỉ thị của phủ Tổng thống – bằng lòng cho làm lễ cầu siêu tại chùa Xá Lợi."

Nhưng chúng ta còn lạ gì chính quyền Ngô Đình Diệm, luôn luôn có thái độ ngoan cố, tuy rằng cho phép đây nhưng cho phép miễn cưỡng, cho phép để **che mắt thế gian, để tỏ ra mình dân chủ, tôn trọng tự do tín ngưỡng, nhưng kỳ thực vẫn tìm đủ mọi cách để ngăn cản.**

Tôi tuy là người ngoại cuộc, nhưng trong việc này tôi đã có đủ bằng chứng về những cuộc vận động hoặc áp lực của chính quyền để cho buổi lễ cầu siêu kia không thể thực hiện theo yêu cầu của gia đình Nhất Linh được.

Tôi còn nhớ buổi chiều hôm thứ sáu 12-7-1963, hai vợ chồng tôi sắp sửa vào Grall để dự lễ khâm liệm cho anh bỗng có ba nhân viên công lực quận Ba, nhân danh ông Đô trưởng và ông Bộ trưởng

Bộ Nội vụ đến tìm tôi để yêu cầu tôi **can thiệp với bà Nhất Linh đừng làm lễ cầu siêu ở chùa Xá Lợi.**

Tôi trả lời họ rằng tôi không có tư cách gì cả để can thiệp, vì đối với gia đình ông Nhất Linh, tôi chỉ là bạn mà thôi. Nhưng mấy người đó cho biết là bà Nhất Linh “chỉ nghe lời bác sĩ, và bác sĩ chỉ nói cho một tiếng là được”.

Tôi đánh trống lảng và lại còn nửa đùa nửa thật bảo họ:

"Thì các ông cứ việc ra lệnh cấm cho rồi hà tất phải cho phép."

"Chính phủ đâu có cấm tự do tín ngưỡng."

Những điều dự đoán của tôi thật quả không sai.

"Tôi không hiểu tại sao các ông lại không muốn cho tang quyến làm lễ cầu siêu ở chùa Xá Lợi? Gia đình ông Tam, theo chỗ tôi biết, vốn theo đạo Phật từ lâu, bà cụ thân sinh ông ta, xưa kia vẫn là một vị tu hành, và sau khi mất đi vẫn để thờ tại đây thì nay đến lượt ông Tam, làm lễ cầu siêu ở Xá Lợi tôi nghĩ đó là một việc rất thường vậy."

"Chúng tôi được tin mật cho biết Việt cộng định khủng bố, nên có bồn phận phải giữ gìn an ninh trật tự."

Họ đã viện ra lý do đó thì còn biết nói năng gì nữa? Để chấm dứt tôi hứa sẽ can thiệp với bà Nhất Linh, nhưng được hay không, tôi không dám chắc.

Khi vợ chồng tôi tới Grall thì lễ nhập quan đã cử hành xong rồi, chúng tôi rất tiếc và ân hận vô cùng.

Tại Grall, tôi lại được chứng kiến một vụ can thiệp nữa không ngoài mục đích trên.

Trong hai vị sứ giả của Bộ Nội vụ và Toà Đô sảnh Sài Gòn cử đi để điều đình, có một bạn đồng nghiệp của tôi. Có lẽ vì là chỗ bạn đồng nghiệp mà mặc dầu chưa được quen biết nên tôi mới hỏi ông ta bằng một câu tiếng Pháp:

"*Pourquoi vous faites ce métier?*" (Tại sao ông đi làm cái nghề này?)

Bạn đồng nghiệp của tôi hơi bẽn lễn đáp:

"Thiên lôi chỉ đâu đánh đấy, biết sao?"

Nghĩ tới những con người trí thức mà phải **vì cơm áo sống dưới chế độ của nhà Ngô cũng thương hại thật.**

Tôi cho ông ta hay chị Nhất Linh bởi quá thương chồng, nên đã mấy phen ngất xỉu, và nếu ông cứ trở lại vấn đề đó nữa, bà ta có mệnh hệ nào thì ông sẽ phải chịu trách nhiệm.

Chị Nhất Linh nghe nói thế càng được thể khóc to hơn, và ông

bác sĩ nọ – nói cho đúng ra cũng là người biết điều, và nhất là có nhiều cảm tình đối với Nhất Linh – đành phải rút lui, sau khi đã ngỏ lời xin lỗi tang quyến.

Ở Grall về – vào khoảng 10 giờ khuya – tôi đã thấy 2 nhân viên khác của Toà Đô sảnh và quận Nhất, trong đó có một bạn đồng nghiệp (lại một bạn đồng nghiệp), đang đợi tôi ở trước cửa nhà. Họ tìm tôi cũng không ngoài mục đích nhờ tôi can thiệp bà Nhất Linh về buổi lễ cầu siêu, “muốn làm ở đâu cũng được, miễn đừng làm ở chùa Xá Lợi”, nghe vẫn với một luận điệu như trên tôi trả lời tôi không có thẩm quyền để định đoạt. Cùng lắm là tôi sẽ yêu cầu với tang gia rút ngắn thời gian hành lễ ở chùa Xá Lợi mà thôi.

Hồi 11 giờ đêm tôi trở lại Grall thì gặp một tốp khác. Và lần này thì họ dọa nạt chứ không van lơn nữa.

"Chúng tôi vừa được tin Việt cộng sẽ khủng bố đám tang Nhất Linh, vậy tốt hơn hết là thay đổi lộ trình."

Rồi như đề phân trần với mọi người, họ nói:

"Chúng tôi xin nói là Việt cộng định khủng bố chứ không phải là chính quyền đâu."

Có người trong tang quyến cất tiếng hỏi:

"Nếu là Việt cộng thì ở đâu mà chúng không khủng bố được, hà tất cứ phải ở chùa Xá Lợi?"

Cuộc vận động của mấy tai sai Nhu – Diệm, mặc dầu kéo dài gần tới ba giờ sáng, đã hoàn toàn thất bại.

Ở đây tôi cũng cần nói là trong suốt thời gian linh cửu của anh Nhất Linh quản tại nhà xác, có ít ra hàng chục công an, mật vụ ngày đêm túc trực để theo dõi từng người tới viếng. Có khi họ còn hỏi thẻ kiểm tra, tra khảo lý lịch, đe dọa dẫn vào bót nữa, nhất là đối với các thanh niên, học sinh, sinh viên. Giới này được chính quyền để ý nhiều hơn hết hôm thứ bảy 13-7-1963, ngày đưa đám Nhất Linh.

Trên các ngã đường đưa tới bệnh viện Grall đều có rất nhiều cảnh binh, công an canh gác, chặn đường không cho vào bệnh viện, hoặc xua đuổi những ai lảng vảng gần đây.

Đã đến lúc chính quyền Ngô Đình Diệm bỏ rơi mặt nạ! Nhưng mặc dầu có rất nhiều công an, mật vụ ở chung quanh đám táng, chúng cũng không cấm nổi tang quyến treo ngay trên tường của căn nhà xác, và sau này đặt trên nóc xe tang, bức trướng thật to, viết chữ trắng trên nền đen, do các đồng chí của Nhất Linh kính điếu.

Nguyên văn bức trướng đó như sau:

Kính điếu lãnh tụ Nhất Linh Nguyễn Tường Tam

*Thương thay đời lập quốc gia
Mất cả tự do trong mấy lúc
Đối với thiêu thân Quảng Đức
Nơi gương cảnh cáo giữa nghìn thu.
Các anh em đồng chí
7-7-1963*

Thật chẳng khác nào **một roi vọt vào mặt chính quyền** vậy.

Công an và mật vụ của Nhu – Diệm nhiều thật đấy, nhưng chúng đâu có ngăn nổi các anh em sinh viên khiêng linh cữu Nhất Linh, từ nhà xác ra tận xe tang. Mấy bạn đó vừa khiêng vừa sụt sùi khóc, khiến mọi người đứng gần đây cũng mũi lòng rơi lệ theo. Có người khóc Nhất Linh để thương tiếc một chiến sĩ quốc gia chống cộng, suốt đời tranh đấu cho tự do, dân chủ thể mà lại bị những kẻ đội lốt quốc gia bức tử. Hoặc khóc một văn hào đã có công lớn trong nền văn học nước nhà mà đến khi nằm xuống không được chính quyền ngỏ một lời phân ưu. Hoặc khóc một con người tài hoa, mặc dầu sống trong thử thách mà vẫn giữ một tâm hồn nghệ sĩ, và còn giữ cho đến khi nhắm mắt.

Thật thế! Không có một tâm hồn nghệ sĩ như Nhất Linh mà trước khi từ giã cõi đời, đôi mắt mỗi lúc một mờ dần, còn nói được một câu: “*Bầu trời hôm nay đẹp quá nhỉ!*” thì thiết tưởng, trong thiên hạ ít có người nghệ sĩ như anh.

.....

Đoàn xe tang đi qua các đường Mạc Đĩnh Chi, Phan Đình Phùng, Bà Huyện Thanh Quan, để rồi ghé lại chùa Xá Lợi vào hồi 10 giờ 45.

Đám tang thật là đơn giản, nhưng vô cùng âm đạm, trang nghiêm. Khi khởi hành từ bệnh viện Grall, số người tham dự còn thừa thớt, nhưng dần dần mỗi lúc một đông. Phần nhiều là thanh niên, học sinh, sinh viên, giới trí thức. Có rất đông phóng viên, ký giả ngoại quốc, nam có, nữ có, có mặt trong đám táng để chụp ảnh hoặc để quay phim. Họ chịu khó biên chép tất cả những câu viết trên các đôi trướng rồi nhờ người dịch sang tiếng Anh. Họ lại còn ghi âm tất cả những lời khóc than kể lể của chị Nhất Linh.

Như vậy đủ rõ cái chết của văn hào Nhất Linh đã gây một tiếng vang lớn, không riêng gì ở Việt Nam mà ở cả trên thế giới nữa.

Tại chùa Xá Lợi, ngoài một số đông đồng bào đã túc trực từ sáng sớm – trong đó dĩ nhiên có cả công an, mật vụ của Nhu – Diệm – còn có khoảng 200 tăng ni có mặt để cầu siêu cho Nhất Linh.

Giữa cảnh khói hương nghi ngút, chùa Xá Lợi cất lên ba hồi chuông trống, rồi thì những tiếng tụng niệm vang lên. Trong khi ấy, ở trước cửa chùa có nhiều thanh niên, sinh viên phát băng tang cho mọi người, kể cả người của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Lễ cầu siêu cử hành không đầy 15 phút như đã ấn định từ trước, rồi đoàn xe tang từ từ chuyên bánh, theo sau có 3 chiếc xe đồ lớn chở những người đi tiễn đưa.

Đoàn xe tiến về đường Phan Thanh Giản, rẽ sang đường Hai Bà Trưng rồi chạy về Gò Vấp. Có hàng trăm chiếc xe, xe đạp lẫn xe gắn máy, trên mỗi xe có hai người, phần đông là thanh niên, học sinh, sinh viên, có cả kỹ giả ngoại quốc nữa, băng băng đi theo sau, hoặc đi trước, hoặc ở hai bên xe tang. Ngay cả trên nóc xe hơi cũng có người nữa. Hàng phố, từ đường Hai Bà Trưng trở đi, đổ xô ra xem. Một điều đáng ghi nhận là từ chùa Xá Lợi trở đi, không có một ngã tư nào là không có nhân viên công lực đứng, không phải để giữ an ninh trật tự, mà trái lại, để cố tình cắt quãng đoàn xe tang, làm sao cho số người tham dự đùng đùng đảo.

Và khi tới nghĩa trang Gò Vấp, liếc nhìn chung quanh, ai nấy đều có một cảm giác nặng nề, ghê rợn, dường như bao phủ bởi một bầu sát khí đàng đàng: chỗ này một tốp người vận quân phục, chỗ kia một tốp, với súng trường, súng lục, tiểu liên, lựu đạn... Tôi tự hỏi, chẳng hay họ chuẩn bị như vậy để bảo vệ ai, hoặc để giết ai ở một nơi hoang vu, tĩnh mịch và tôn nghiêm này?

Họ đề phòng Việt cộng khủng bố chắc? Phải ngây thơ lắm mới tin được, mặc dầu trong khi hạ huyết người ta đã phao tin bắt được quả tang một gã – phu xe xích lô – trong người dắt một trái lựu đạn.

Còn một điếm này nữa thiết tưởng cũng cần ghi lại, là trên con đường về, trời nắng chang chang và xa tấp có một số người đi đưa đám – trong đó có kẻ viết bài này và một ông bạn già, kỹ giả Nguyễn Đắc Lộc – được một phen cuộc bộ, vì gặp chiếc xe nào, tắc-xi hay xe gắn máy, tài xế cũng lắc đầu lia lịa, rồi mắt trước mắt sau, như muốn bảo cho mọi người hiểu: đã có lệnh trên, cấm chở những ai đi dự đám táng của Nguyễn Tường Tam.

Người ta bảo Nhất Linh đã chết. Riêng tôi, đứng trước cái chết cao cả của anh, chết để cảnh cáo những người “chà đạp lên mọi thứ tự do”, chết để chống lại bạo quyền, chết với niềm hy vọng sự hy sinh của mình sẽ đem lại tự do cho người khác, như vậy là anh đã biết chết, đã chết thật đúng lúc, mặc dầu anh không biết sống, nghĩa là theo tôi, sống như thiên hạ, một cách tầm thường, hoặc sống cũng

như chết, rồi khi đứng trước cái chết thì sợ sệt, hoặc chết nhưng chết một cách nhục nhã thảm thương.

Ở trên tôi vừa nói đời sống nội tâm, đời sống tinh thần của Nhất Linh rất phong phú.

Nhất Linh thường tâm sự với tôi: Ở đời anh ghét nhất là sự giả dối, lừa lọc, xảo trá và phản bội. Và suốt đời anh không có một chiếc xe hơi.

Nhất Linh trong sạch. Điều đó ai cũng trông thấy rõ. Ở thời buổi này, muốn xét người nào trong sạch, yêu nước thương nòi hoặc quốc gia hay không, phải chờ cho người ấy vào trong chính quyền đã, rồi nhìn nếp sống của họ sau khi rũ áo ra về. Hoặc chờ cho người đó nằm xuống, hình hài thể xác trở về nơi cát bụi hãy hay.

Nhất Linh đã tham chính và Nhất Linh nay đã ra người thiên cổ. Bởi vậy tôi có thể nói một cách chắc chắn rằng anh là một người thiết tha yêu nước, đang đứng ngang hàng với những anh hùng dân tộc của chúng ta, như Trần Bình Trọng, Hoàng Diệu, Nguyễn Thái Học v.v.... Anh cũng là một người trong sạch hiếm có. Anh không có xe hơi, nhà lầu, nhưng nói cho đúng ra, anh có một căn nhà gỗ thô sơ – có lẽ bây giờ đã hoang phế – do chính tay anh cất lầy, ở bên bờ suối Đa-mê, cách Đà Lạt 30 cây số, trong một khu rừng hẻo lánh, có nhiều cây cỏ, nhất là nhiều lan để anh ngắm và tìm cảm hứng để viết văn. Phí tổn để xây cất căn nhà đó cả thảy là 20 đồng bạc, tiền mua danh.

Tôi vừa nói ở trên là Nhất Linh sống rất giản dị, từ cái ăn đến cái mặc. Tôi còn nhớ trong những năm 60-61, sau ngày đảo chính hụt và oanh tạc Dinh Độc Lập, tôi lại thăm anh vào bữa ăn, tôi thấy anh chỉ ăn có lưng chén cơm với hai miếng đậu kho, có lần một đĩa nouille, anh và trong ba phút là xong, rồi anh lên giường ngủ.

Trái lại, mỗi khi được tin có một biến chuyển nào đó, có thể làm thay đổi cục diện, chấm dứt chế độ bạo tàn thì đôi mắt anh sáng quắc lên, bao nhiêu bệnh não của anh – mà chúng tôi thường bảo là *bệnh già-cách* – đều tiêu tan hết, và khi ấy anh cười nói rất vui, ăn uống ngon lành lắm.

Nhất Linh không những là một chiến sĩ quốc gia, anh còn là một văn hào lỗi lạc nữa. Về diêm này, các văn hữu của anh có nhiều thăm quyền hơn tôi đã phán xét. Riêng về phần tôi ở đây chỉ muốn ôn lại một vài kỷ niệm nhỏ giữa Nhất Linh và tôi trên lĩnh vực văn hoá.

Trước hết tôi cần nói là không có một lĩnh vực nào mà anh không thành công, và thành công rực rỡ nếu như anh muốn, dù là làm chính trị, hay viết văn, hay vẽ, hay chơi âm nhạc, hay chơi lan, hay

làm báo... Anh chuyên về thứ nào thì anh say mê thứ đó, đến quên ăn quên ngủ. Không những chỉ say mê mà thôi, anh dốc hết cả tâm trí vào việc anh làm, và anh làm rất chu đáo. Khi anh viết được một trang nào hay, hoặc tìm ra được một chữ nào, và chỉ có chữ ấy là đúng thôi, anh thích thú vô cùng, anh sung sướng hơn bất được một báu vật. Có lần anh bảo tôi: “Khi tôi dịch cuốn *Les Hauts de Hurle Vent*, tôi tìm mãi mấy ngày mấy đêm mới ra câu: *Đình gió hú*”.

Tôi còn nhớ bạn tôi dịch một truyện trinh thám của Conan Doyle, nhan đề: *La bande mouchetée* (tức con rắn), tôi tìm mãi không biết dịch là gì. Anh nghĩ một lúc rồi bảo: *Chiếc giải đốm hoa*. Tôi cho câu dịch đó thật tài tình.

Khi anh viết cuốn *Dòng sông Thanh Thủy* (hồi đó anh lẫn trốn ở đường Trần Hưng Đạo) anh biên giấy nhờ một anh bạn của chúng tôi chuyển lại cho tôi để hỏi có mỗi một câu về một danh từ y học, đủ rõ anh thận trọng như thế nào trước khi hạ bút. Đáng phục nhất là trong suốt thời gian anh bị chính quyền Ngô Đình Diệm lùng bắt, anh phải lẫn trốn hết nơi này đến nơi khác, lầy ngày làm đêm, đêm làm ngày mà anh vẫn còn có can đảm để viết văn, để phác họa ra cả một chương trình: xuất bản sách để các bạn trẻ đọc, để giáo dục quần chúng, để phổ biến tất cả những gì cao đẹp của loài người, của vũ trụ. Bởi theo anh, “đã đến lúc loài người phải gỡ sổ soát lại vốn tư tưởng quá khứ để định hướng đi tương lai, tìm chân lý là kim chỉ nam cho người đời giữa biển sóng gió”.

Hiện giờ, khi viết mấy dòng này, trước mặt tôi còn có một xấp thư – những mảnh giấy học trò – của Nhật Linh gửi cho tôi hồi anh đang bị chính quyền lùng bắt, chữ viết nhỏ li ti, yêu cầu tôi cho anh những tài liệu cần thiết về: danh nhân thế giới, tình sử đông tây, kỳ quan vũ trụ, giáo dục phổ thông, chính trị, khoa học v.v...

Những loại sách bỏ túi – 27 loại cả thầy – đó, anh định bán với một giá rất rẻ, và in đẹp, nhằm mục đích nâng cao đời sống tinh thần của mọi tầng lớp người trong xã hội, vì anh cho rằng “văn làm cho đời người đẹp hơn và đáng sống”.

Thật là cả một chương trình vĩ đại, đáng khen mặc dầu chưa thực hiện được, chứng tỏ sự nhiệt tâm của Nhật Linh trước tiền đồ của dân tộc, trước trạng huống phức tạp và đảo lộn của xã hội ngày nay.

Trên đây là một vài nét về nếp sống cùng những hoạt động của Nhật Linh trên địa hạt chính trị xã hội văn hoá, đủ khiến cho ai nấy

phải ngâm ngùi trước sự hy sinh cao cả của anh.

Nhưng điều khiến cho một số bạn thân của Nhất Linh tiếc thương anh hơn cả là tính tình hồn hậu và thủy chung của anh đối với bạn, nhất là trong những lúc khó khăn, hoạn nạn.

Tôi còn nhớ Tết năm Tân Sửu, vào sáng hôm mùng hai, và trong khi anh lần trốn, xa gia đình thân yêu, mà anh còn ngồi vẽ một bức tranh – bó hoa oeillet – để tặng tôi, với hai câu thơ, câu đầu là: “*Tặng ai mười đoá hoa xuân*” khiến tôi cảm động vô cùng.

Tôi dám chắc, đối với một số đồng bạn thân của anh, anh cũng có những cử chỉ tế nhị và đẹp như thế.

Lại còn một điểm nữa khiến cho tôi quý Nhất Linh, là cách cư xử của anh đối với mẹ già và gia đình nhỏ của anh.

Tôi còn nhớ hồi sinh thời của bà cụ thân sinh ra anh, thường gọi là “Cụ Cẩm Giàng”, mỗi lần tôi lại thăm bệnh cho cụ, cụ móc túi ra cho tôi xem một mẫu giấy nhỏ – nhỏ vừa bằng lòng bàn tay – trên có ghi mấy dòng chữ Nhất Linh gửi cho mẹ, báo tin cho cụ biết cuốn tiểu thuyết này hay tiểu thuyết nọ đã xuất bản rồi, để cho cụ mừng.

Cảm động nhất là hôm cụ đưa cho tôi xem cuốn *Dòng sông Thanh Thủy* khi vừa mới in xong anh gửi tặng cụ, cụ mê không đọc được, nhưng lúc nào cụ cũng khư khư ôm trong lòng, không muốn rời ra.

Nhất Linh thường nói với tôi:

“*Gia đình tôi đông anh em, nhưng mẹ tôi chỉ thương và nể có tôi thôi. Tôi bảo gì mẹ tôi cũng nghe, nhưng... trăm tội ở đâu cũng đều đổ cả lên đầu tôi, chỉ có tôi là bị rầy la nhiều nhất.*”

Hôm cụ mất anh bị mê và... cũng đang bị chính quyền đế ý nên không đưa cụ tới nơi an nghỉ cuối cùng được, anh rất đau khổ tâm.

Nhất Linh có một đời sống đẹp như vậy, thế mà sau khi anh mất đi có kẻ dám công khai bôi nhọ anh, nào bảo anh “*hút thuốc phiện, nghiện rượu, không có chút công lao gì đối với nền văn học Việt Nam*”, nào “*phản đảng, phản dân tộc, phản cả gia đình nữa*”...^[1] thì đủ rõ giữa Nhất Linh và đối lập đương nắm chính quyền của anh, ai là quân tử, ai là tiểu nhân?

Thật thế! Nhất Linh, ngay cả đối với kẻ thù, lúc nào cũng đàng hoàng, quân tử. Mỗi khi nói tới Hồ Chí Minh hay Ngô Đình Diệm, hay vợ chồng Ngô Đình Nhu, tôi chưa từng nghe thấy anh có một lời nói nặng, một câu nào bất lịch sự cả.

Cái chết của Nhất Linh không những là một thiệt thòi rất lớn

cho quốc gia, nhất là trong giai đoạn này, đã mất một chiến sĩ vừa có tài lại có đức, vừa là một cái tang chung cho nền văn học nước nhà, lại còn gieo vào trong lòng của các bạn hữu cũng như gia đình đầm ấm của anh, biết bao niềm thương xót khôn nguôi với thời gian được.

Riêng về phần tôi, mỗi bận nhớ tới anh rồi nhìn chung quanh mình chỉ thấy toàn những kẻ tranh giành nhau trên con đường danh lợi, những kẻ lừa thầy phản bạn, tôi cảm thấy có một khoảng trống mông mênh, kinh khủng. Và tôi chợt nhớ câu thơ bất hủ của thi hào Lamartine, tôi xin mượn câu thơ đó để nói lên nỗi lòng của tôi đối với Nhất Linh:

“Thiếu mỗi một người và tất cả đều là hoang vắng”.

(Un seul être vous manque et tout est dépeuplé).

Nguyễn Hữu Phiêm

^[1]Lời tuyên bố của Ngô Đình Nhu trong buổi họp Tổng đoàn Thanh niên Cộng hoà ngày 18-7-1963

Nguồn: *Chân dung Nhất Linh*. Tập hồi ký của Bùi Khánh Đản, Nguyễn Hữu Phiêm, Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Tường Thiết, Thế Uyên, Tường Hùng và Tuyết Hương. Mẫu bia của Văn Thanh. Do tập san *Văn* xuất bản lần thứ nhất. In xong tại nhà in riêng của nhà xuất bản ngày 25-6-1966. Bản điện tử do talawas thực hiện.

[<http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=13311&rb=08>]

Tạp chí Văn - **Hoài niệm Nhất Linh**

XUNG QUANH CÁI CHẾT CỦA NHÀ VĂN NHẤT LINH, 45 NĂM TRƯỚC

Khúc Hà Linh



Đám tang Nhất Linh Sài Gòn, 13-7-1963

Nhà văn Nhất Linh, tên thật là Nguyễn Tường Tam, cử nhân khoa học Pháp, chủ sún nhóm văn chương Tự lực Văn đoàn những năm ba mươi, bốn mươi thế kỷ trước.

Nhất Linh còn là đại biểu Quốc hội khóa I, là Bộ trưởng ngoại giao trong Chính phủ Liên hiệp kháng chiến,... thế nhưng ông từ chức và lưu vong.

Nhắc tới Nhất Linh, nhà thơ **Tú Mỡ** nói rằng đó là người vừa đáng yêu vừa đáng tiếc. Ông viết “**Điều đáng tiếc là sau kháng chiến, anh đã theo bè lũ Ngô Đình Diệm vào Nam để rồi bị bè lũ ấy chèn ép, cắt mất nguồn sống đến nỗi uất ức phải tự tử**”.

Vậy vì sao mà Nhất Linh tự quyền sinh?

Với tấm thẻ căn cước số F 13108 do Phủ thủ hiến Bắc Việt cấp

ngày 19/2/1951 tại Hà Nội, ghi rõ: “Nguyễn Tường Tam, nghề nghiệp văn sĩ, nơi sinh tổng Ngọc Trục, Cẩm Giàng, Hải Dương, con ông Nguyễn Tường Nhu và bà Lê Thị Sâm...”, khoảng mùa xuân năm 1951, nhà văn Nhất Linh từ Hà Nội vào Sài Gòn cư trú.

Ở đây ông cho in lại các tác phẩm cũ và viết tác phẩm mới. Thời gian này vợ con ông cũng đã di cư vào Nam. Bà Nhất Linh (tức Phạm Thị Nguyên) mua một căn gác trong chung cư số 39 đường chợ An Đông, Chợ Lớn để lấy chỗ ở và buôn bán.

Sang năm 1955, ông lên Đà Lạt, lấy thú vui là chơi hoa phong lan. Năm 1958 Nhất Linh về ở luôn Sài Gòn hoạt động văn hóa. Ông là vị Chủ tịch đầu tiên của Văn Bút Việt Nam (về sau là cổ vấn).

Bấy giờ **chính quyền Ngô Đình Diệm ra sức tìm diệt người kháng chiến cũ**. Luật 10/59 ra đời đã giết hại bao nhiêu thường dân vô tội, với phương châm là **thà giết nhầm còn hơn bỏ sót**. Nhất Linh cùng các nhà hoạt động khác thành lập mặt trận Quốc dân đoàn kết, ủng hộ cuộc đảo chính của đại tá Nguyễn Chánh Thi và Trung tá Vương Văn Đông.

Cuộc đảo chính tháng 11 năm 1960 thất bại, hầu hết những người liên can bị bắt. Chính quyền Diệm nhân cơ hội này cho bắt giam các nhân sĩ, lãnh tụ đảng phái, giáo phái khác... chỉ mình Nhất Linh được quản thúc tại gia hơn hai năm rưỡi. Ngày 5 tháng 7 – 1963 Tòa án quân sự đặc biệt Sài Gòn có trát đòi ông có mặt lúc 7giờ30 ngày 8/7/1963, tại Tòa thượng thẩm, số nhà 131 đường Công Lý Sài Gòn, và để nghe xét xử tội “xâm phạm an ninh Quốc gia”. Ngày 6/7/1963, người chiến binh Nguyễn Văn Nam đã tổng đạt lệnh này tới tận tay ông.

Trong hồi ký “*Nhất Linh – cha tôi*” của Nguyễn Tường Thiết phát hành tại Sài Gòn năm 1964, những ngày cuối cùng của Nhất Linh được kể lại như sau:

“... *Buổi sáng ngày 7/7/1963, Nhất Linh đi thật sớm. Ông mở ngăn kéo, lấy mấy tập sách, tập bản thảo những tác phẩm cuối cùng, gói vào một tờ nhật báo. Các con đoán có lẽ ông đi họp ở đâu vì cũng đúng vào Chủ nhật tuần trước, tức 30/6 ông đã tới dự phiên họp đặc biệt của nhóm Bút Việt.*

Khoảng gần 10 giờ Nhất Linh về. Ông không thay quần áo ngay như mọi lần, cứ để nguyên quần áo tây ngồi xuống ghế xích đu, bên cạnh người con trai. Điều thuốc lá rung rung ở trên đầu hai ngón tay, ông mở bia, rót vào cốc nhỏ ra dáng suy nghĩ. Một sập ronéo để trước mặt ông.

Đó là bản cáo trạng khá dày, trong đó có những lời kết tội như “phản quốc”, “xâm phạm an ninh quốc gia”. Trong suốt hơn một giờ, Nhất Linh vẫn giữ im lặng, suy nghĩ. Khoảng 11 giờ, vớ về thành thời, ông thay quần áo ngủ, rồi dặn người con trai Nguyễn Tường Thiết: “Chiều nay con lại luật sư Chính lấy hết các giấy bác sĩ về. Biết địa chỉ không?”.

Con trai nói: “Con đoán họ chẳng làm gì cậu đâu, nếu họ muốn bỏ tù thì họ đã bắt từ lâu rồi. Việc này họ đem ra xử cho có lẽ, rồi kết mình vô tội để hạ nhục chơi. Vả lại nếu có ra Côn Đảo thì cũng chẳng sao, chỉ làm giàu thêm cuộc đời tranh đấu của cậu. Cứ coi như là một dịp đi nghỉ mát”.

Nhất Linh đáp lại: “Cậu chẳng sợ kết quả ngày mai ra sao vì ở nhà hay ở tù thì cũng mất tự do như nhau. Có điều bực nhất là họ lấy tư cách gì mà lại đem xét xử những người quốc gia đối lập rồi gán cho họ tội phản quốc”.

Nhất Linh đã chú ý cho độc dược vào rượu uống. Khi gia đình phát hiện ra thì đã muộn: Cuối phòng, vẫn trên cái ghế xích đu, ông gục đầu hơi ngoẹo về phía vai phải, một cánh tay buông lỏng thả xuống sàn nhà. Dáng điệu ấy thoạt trông thì khổ sở nhưng nhìn lên gương mặt thì tuyệt nhiên không một nét đau đớn. Ông như người ngủ gục.

Gương mặt êm ả, bình thản. Để ý lắm mới thấy một ít nước bọt rỉ ra ở khóe mép... Thân thể ông mềm, trong túi có một tờ giấy, đó là Di ngôn. Ông đã viết hai bản di chúc, một để trong túi áo ngực, một tờ dặn đưa cho bác sĩ Đặng Văn Sung, nhờ ông ấy chuyển ra ngoại quốc.

Nhất Linh đã ra đi ở tuổi 58 để lại di chúc: “Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử tôi cả. Sự bắt bớ và xử tội tất cả các phần tử đối lập quốc gia là một tội nặng... Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình cũng như Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do. 7/7/1963 Nhất Linh Nguyễn Tường Tam”.

Theo Thê Uyên trong bài “Người bác” (TLVĐ trong tiến trình văn học dân tộc – NXB VHNT, năm 2000), đám tang ông có nhiều cảnh sát chiến đấu và mật vụ đi lẫn trong những người đưa đám. Đoàn đưa tang đầu tiên là một vòng hoa lớn, sau là một người mang ảnh Nguyễn Thái Học, tiếp theo là tấm ảnh chụp lại hình Nhất Linh do Nguyễn Gia Trí vẽ.

Nhà thơ Vũ Hoàng Chương viếng Nhất Linh đôi câu đối:

Người quay tơ, đôi bạn, tối tăm, anh phải sống chứ sao đoạn tuyệt

Đời mưa gió, lạnh lùng, bướm trắng, buổi chiều vàng đầu chỉ nắng thu.

Trừ bốn chữ “chứ sao, đầu chỉ” ra, còn là tên tác phẩm của ông.

Ngày 8/7/1963 phiên tòa bắt đầu xét xử. Trong số những can phạm, có người nào đó đã xé một chiếc áo đen làm thành từng mảnh chia cho mọi người, đeo cánh tay trái làm băng tang Nhất Linh, khiến cho chủ tọa phiên tòa ngổ ngàng.

“Ủy viên chính phủ”, trung tá Lê Nguyên Phu tòa án quân sự đặc biệt (người ký trật đòi Nhất Linh ra tòa) nói: “Bọn Quốc dân đảng để tang Nguyễn Tường Tam”. Thực ra theo Trương Bảo Sơn, hôm đó gần ba chục chính trị phạm có mặt tại phiên tòa đều đeo băng tang, chỉ trừ Phan Quang Đán. Kết thúc phiên tòa, mỗi bị cáo bị kết án 5 năm tù đày ra Côn Đảo.

Thi hài Nhất Linh được an táng tại nghĩa trang Giác Minh, sau được hỏa thiêu di cốt, gửi bình tro tại chùa Kim Cương đường Trần Quang Diệu, quận 3, Sài Gòn.

Trước khi mất khoảng mấy giờ đồng hồ, Nhất Linh còn trò chuyện với con trai, khi người con gợi ý cha viết hồi ký, Nhất Linh đã bộc lộ: “Cậu cũng có ý định viết ba quyển. Cuộc đời làm báo của Nhất Linh, cuộc đời làm cách mạng của Nguyễn Tường Tam và quyển thứ ba cậu viết về hoa phong lan”.

Ngoài di chúc gồm 71 từ nói rằng cuộc đời ông để lịch sử xử, ông còn dành cho người vợ một lời tuyệt mệnh, với 20 từ rất cô đọng:

“Minh, Mối tình của đôi ta hàng bao năm đẹp đẽ lắm rồi, không... mong ước gì hơn nữa. Anh, Nhất Linh 7/7/1963”.

Ấy vậy mà đã 45 năm.

[Source:

<http://www.tienphong.vn/Tianyong/Index.aspx?ArticleID=124894&ChannelID=13>]

TƯỜNG NIỆM NHẤT LINH 7.7.1963 – 7.7.2008

Nguyễn Tường Tâm

*Than ôi! Đòi chính trị lỏng hông gieo núi Thái, ngẩng đầu lên sấm sét vẫn chưa nguôi;
Việc văn chương một tác để ngàn thu, ngoảnh mặt lại đá vàng sao khỏi thẹn.*

(Trích bài truy điệu Nhất Linh của thi sĩ Vũ Hoàng Chương ^[1])

Đám tang văn hào Nhất Linh diễn ra tại Sài Gòn vào sáng thứ Bảy, ngày 13.7.1963 và lễ truy điệu ông diễn ra bốn tháng sau ngày cách mạng 1.11.1963 lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, tại sân vận động Tao Đàn Sài Gòn.

Những bức ảnh trong bài này được chụp bởi nhiếp ảnh gia nổi tiếng Mạnh Đan và cũng là những bức ảnh trải qua những năm tháng trôi nổi như cuộc đời của ông Nhất Linh. Sau 30.4.1975, để thoát khỏi chính sách của nhà nước truy lùng tiêu hủy sách báo và văn hoá phẩm miền Nam, người con dâu của ông Nhất Linh đã phải chôn giấu bộ ảnh dưới làng quê Thủ Đức của bà. Sau đó bà đã cẩn thận lên photocopy làm nhiều bản để trao cho nhiều thân nhân, bạn bè cùng cất giữ. Riêng trường hợp của tôi, gần mười năm sau, khi đi tù cải tạo xã hội chủ nghĩa trở về, đã được bà trao một bộ copy. Năm năm sau, 1989, tôi đào thoát trong một cuộc vượt biên duy nhất cùng gia đình mà thành công tại Đông Hà, Quảng Trị, bộ ảnh bị bỏ lại cùng toàn gia sản. Lúc đó mạng người còn khó bảo trọng nữa là!

Mười lăm năm sau (2004), khi người vượt biên đã được nhà nước đổi danh xưng từ những “tên phản bội tổ quốc” thành những “khúc ruột xa ngàn dặm”, trở về lại nơi đã đào thoát một cách mạo hiểm trước đó, người viết đã phải cảm ơn cô Trần Thị Lan, em vợ, khi cô trao lại những tấm ảnh này kèm theo những lời đáng kính trọng: “Khi anh chị và các cháu ra đi, mọi người chỉ chú ý di chuyển gấp những tài sản còn lại ra khỏi nhà của anh chị để khỏi bị tịch thu cùng

với căn nhà, chẳng ai biết và chú ý tới những tấm ảnh này. Nhưng em biết, với anh, những tấm ảnh này là quý hơn tất cả, nên em cất đi, đợi ngày anh về đưa lại.” Ôi sao chỉ là những tấm ảnh thôi mà cũng phải lao đao lận đận theo vận nước nổi trôi mãi 29 năm trời!

Ngày mùng 7 tháng 7 năm 1963, cương quyết phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã uống thuốc độc tử tự tại Sài Gòn.

Ông đã để lại chúc thư nổi tiếng được các hãng thông tấn ngoại quốc truyền đi khắp thế giới, “**Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử tôi cả. Sự bất bớ, xử tội tất cả các phần tử đối lập quốc gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất về tay cộng sản. Tôi phản đối sự đó. Và cũng như Hoà thượng Thích Quảng Đức, tôi tự huỷ mình để phản đối những ai chà đạp lên mọi thứ tự do.**” Nội dung bản chúc thư của ông ngày nay cũng vẫn còn phù hợp với tình hình đất nước.

Mặc dù có sự ngăn cản mạnh mẽ của công an, mật vụ, đám tang Nhất Linh vẫn có cả ngàn thanh niên, sinh viên, học sinh, văn nghệ sĩ, trí thức cùng đồng bào tham dự.

Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm, người bạn thân và cũng là bác sĩ riêng của Nhất Linh đã thuật,

“Ở đây tôi cũng cần nói là trong suốt thời gian linh cữu của anh Nhất Linh quàn tại nhà xác, có ít ra hàng chục công an, mật vụ ngày đêm túc trực để theo dõi từng người tới viếng. Có khi họ còn hỏi thẻ kiểm tra, tra khảo lý lịch, đe dọa dẫn vào bót nữa, nhất là đối với các thanh niên, học sinh, sinh viên. Giới này được chính quyền để ý nhiều hơn hết hôm thứ Bảy 13-7-1963, ngày đưa đám Nhất Linh.

Trên các ngã đường đưa tới bệnh viện Grall đều có rất nhiều cảnh binh, công an canh gác, chặn đường không cho vào bệnh viện, hoặc xua đuổi những ai lảng vảng gần đây.

Gia đình anh xin phép đưa vào buổi sáng chủ nhật, nhưng chính quyền một mực từ chối, cái đó dễ hiểu, vì họ sợ đưa đám ngày nghỉ, thiên hạ sẽ đi dự rất đông.

Xin phép đưa chiều thứ Bảy, họ cũng từ chối nốt, vì chiều thứ Bảy, cũng là ngày nghỉ của các công sở. Họ chỉ ưng thuận, hoặc sáng thứ Bảy, đúng 8 giờ rưỡi, hoặc sáng thứ Hai. Đành phải bằng lòng sáng thứ Bảy vậy.

Đám tang thật là đơn giản, nhưng vô cùng ảm đạm, trang nghiêm. Khi khởi hành từ bệnh viện Grall, số người tham dự còn thưa thớt, nhưng dần dần mỗi lúc một đông. Phần nhiều là thanh niên, học

sinh, sinh viên, giới trí thức. Có rất đông phóng viên, ký giả ngoại quốc, nam có, nữ có, có mặt trong đám tang để chụp ảnh hoặc để quay phim. Họ chịu khó biên chép tất cả những câu viết trên các đôi trướng rồi nhờ người dịch sang tiếng Anh. Họ lại còn ghi âm tất cả những lời khóc than kể lể của chị Nhất Linh.

Như vậy đủ rõ cái chết của văn hào Nhất Linh đã gây một tiếng vang lớn, không riêng gì ở Việt Nam mà ở cả trên thế giới nữa.”
[2]



Ảnh chụp sinh viên các trường đại học tại Sài Gòn đã không sợ công an, mật vụ, tự động khiêng quan tài Nhất Linh từ trong nhà xác bệnh viện Grall ra trước sân để chuẩn bị đi quan.



Lễ đi quan trước nhà xác, trong sân bệnh viện Grall. Nguyễn Tường Quý và Nguyễn Tường Đăng (con của nhà văn Thạch Lam) đang khiêng vòng hoa.



Gia quyến đang cùng đồng bào đi sau linh cữu nhà văn Nhất Linh. Người đàn ông đứng thứ nhất đội khăn tang là con trai ông Nhất Linh. Người thanh niên trẻ, gầy, đứng kế đó, đầu đội khăn tang, là người viết. Thiếu nữ đội khăn tang, đứng sau lưng người viết, cách một người đàn ông, là ca sĩ Từ Dung, vợ cũ của nhạc sĩ Từ Công Phụng. Cạnh Từ Dung là một thiếu nữ khác cũng đội khăn tang, nhưng cạnh thiếu nữ đội khăn tang đó là một bà đầu quần khăn tang lẫn với lọn tóc (chỉ không đội khăn) là bà quả phụ của nhà văn Hoàng Đạo.



*Đám tang đang di chuyển trên con đường sau lưng bệnh viện Grall. Trên mui xe là băng kính viếng của các đồng chí cách mạng chống Pháp, chống Cộng của ông có nội dung: **“Thương thay đổi lập Quốc gia, Mất cả tự do trong mấy lúc. Đối với thiêu thân Quảng Đức, Noi gương cảnh cáo giữa nghìn thu.”** Người đàn ông mặc áo tang đi ngay sau xe tang là nhà văn Duy Lam, cháu gọi Nhất Linh bằng cậu ruột.*



Vòng hoa kính viếng ông Nhất Linh của các đồng chí Việt Nam Quốc dân Đảng của ông. Dòng chữ phía trên: Nguyễn Thái Học 17-6-1930. Dòng chữ dưới: Nguyễn Tường Tam 7-7-1963.

Vượt mọi sự ngăn cấm và dọa nạt của công an, mật vụ, đoàn người tham dự tự động tìm kiếm và chia nhau những băng tang. Nhiều giọt nước mắt đã nhỏ xuống thương tiếc cho một văn hào đã có nhiều công lao đóng góp cho văn hoá dân tộc. Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm tường thuật, “*Tại chùa Xá Lợi, ngoài một số đông đồng bào đã túc trực từ sáng sớm – trong đó dĩ nhiên có cả công an, mật vụ của Nhu – Diệm – còn có khoảng 200 tăng ni có mặt để cầu siêu cho Nhất Linh.*

Giữa cảnh khói hương nghi ngút, chùa Xá Lợi cất lên ba hồi chuông trống, rồi thì những tiếng tụng niệm vang lên. Trong khi ấy, ở trước cửa chùa có nhiều thanh niên, sinh viên phát băng tang cho mọi người, kể cả người của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Lễ cầu siêu cử hành không đầy 15 phút như đã ấn định từ trước, rồi đoàn xe tang từ từ chuyển bánh.”^[3]



Không báo chí, đài phát thanh nào được loan báo lộ trình đám tang, nhưng dân chúng vẫn tìm hiểu biết trước và đứng chờ đông đảo trước chùa Xá Lợi. Ở phía xa là xe tang đang chạy tới. Ngay trước ngôi bảo tháp của chùa Xá Lợi, đứng dưới đường trước đám đông, quay lưng lại, là một nhân viên cảnh sát đang canh chừng địa điểm làm lễ tang.



Các phóng viên quốc tế chen lẫn trong đám đông đưa tiễn Nhất Linh. Trước giờ hạ huyệt, nhà văn Nhật Tiến, thuộc thành phần văn nghệ sĩ trí thức trẻ, Linh mục Thanh Lãng, đại diện Trung tâm Văn bút Việt Nam, và Bác sĩ Nguyễn Tiến Hỷ, đại diện chính giới đã đọc những bài điếu văn tiễn biệt văn hào Nhất Linh với những lời lẽ bi ai, thống thiết, đầy thương cảm, nhưng cũng thật hào hùng.

Bốn tháng sau ngày cách mạng 1.11.1963, lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, các đoàn thể và nhân dân đã tự động làm lễ truy điệu ông Nhất Linh tại sân vận động Tao Đàn (lúc đó chưa có sân vận động Thống Nhất)



*Các nữ sinh đang chào đón quan khách
và đồng bào tới tham dự lễ truy điệu.*



*Bức ảnh chân dung Nhật Linh là phóng họa từ tác phẩm
của họa sĩ Nguyễn Gia Trí, bạn thân và cũng là đồng chí
của ông từ thời Tự lực Văn đoàn.*



Lễ truy điệu theo nghi thức Phật giáo đang được cử hành.

Sau lưng vị cao tăng là biểu ngữ của học sinh hai trường trung học dạy theo chương trình Pháp nổi tiếng tại Sài Gòn: trường nam sinh Jean Jacques Rousseau (nay là trường Lê Quý Đôn) và trường nữ sinh Marie Curie.



Linh mục Thanh Lăng đại diện Trung tâm Văn bút Việt Nam đọc diễn văn. Sau lưng linh mục là biểu ngữ của Việt Nam Quốc dân Đảng Đệ nhị Khu.

Dưới đây là nhiều hình ảnh cho thấy lòng thương mến Nhất Linh của hàng ngàn học sinh các trường trung học Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định tham dự lễ truy điệu, giương cao các biểu ngữ ca ngợi ông như:

“Nguyễn Tường Tam bắt diệt”; “Thương nhớ Nhất Linh Nguyễn Tường Tam”...









Những nữ sinh thơ ngây đang đôi mắt sầu xa vắng như thương nhớ một hình bóng thân thuộc vừa mới ra đi: Nhất Linh!



Những cặp mắt đắm chiêu, những gương mặt u sầu – Nhất Linh không còn nữa - nhưng đường như ông còn sống mãi trong lòng dân tộc.

“Phải nhiều đời mới có một Nhất Linh thành lập nổi một văn đoàn *Tự lực*, nuôi sống – về tinh thần – được hai tờ *Phong hoá*, *Ngày nay*”.
(**Nguyễn Mạnh Côn**, tác giả *Đem tâm tình viết lịch sử*).^[4]

© 2008 talawas

^[1] *Văn số* 156, ngày 15 tháng 6 năm 1970, talawas 9.6. 2008

^[2] *Chân dung Nhất Linh*. Tập hồi ký của Bùi Khánh Đản, Nguyễn Hữu Phiếm, Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Tường Thiết, Thế Uyên, Tường Hùng và Tuyết Hương. Do tập san *Văn* xuất bản xuất bản ngày 25.6.1966. talawas 5.6.2008.

^[3] Sách đã dẫn.

^[4] Sách đã dẫn

AI ĐIỀU NHẤT LINH – NGUYỄN TƯỜNG TAM

Vũ Hoàng Chương

• **Câu đối thứ nhất**

Sổ thập niên bút mực thành danh, nhất khả đoạn nhị khả tuyệt, nhi tam bất hủ.

Song thất dạ vân tiêu lạc phượng, tiền phong hoá hậu văn hoá, ư trung lập ngôn.

Tạm dịch lấy ý :

Từ năm ba mươi ba (1933) bút mực đã thành danh, tuy bút có thể đoạn mực có thể tuyệt, mà vẫn danh kia bất hủ.

Giữa ngày tháng bảy (7-7-1963) trời mây vừa rớt phượng, nhưng trước có phong hoá sau có văn hoá, đủ rồi phượng ấy lập ngôn.

• **Câu đối thứ hai**

Người quay tơ đôi bạn tối tăm, anh phải sống chứ sao đoạn tuyệt?

Đời mưa gió lạnh lùng bướm trắng, buổi chiều vàng đâu nhĩ nắng thu?

Ghi chú: Trừ bốn chữ in đứng, tất cả những chữ khác đều ứng vào nhan đề tác phẩm của Nhất Linh.

• **Câu đối thứ ba**

Đời nay mây mặt tiên tri, thế đó: nửa thương nửa giận!

Văn bút hai ta cố vấn, giờ đây: một mất một còn!

(Sài Gòn, 11-7-1963)

BÀI VĂN TRUY ĐIỀU NHẤT LINH

Vũ Hoàng Chương

Than ôi! *Đời chính trị lông hồng gieo núi Thái, ngẩng đầu lên sấm sét vẫn chưa ngưng; việc văn chương một tác để ngàn thu, ngoảnh mặt lại đá vàng sao khỏi thẹn.*

Muốn gào to hôn phách anh linh; để vọng khắp giang sơn tam biển.

Nhớ xưa tiên sinh: Chào đời khi gió nổi Đông du; mài thép dưới trăng mờ Thế chiến.

Nghiệp truyền gia giáo, thuở nhập môn từng đất Bắc vui quê; vai nặng quốc thù, bước du học lại trời Tây vượt biển.

Rèn chí đấu tranh; đua tài hùng biện.

Chí khí ngày kia một kiên cường; tài năng ấy càng thêm phát triển.

Bao năm xuất ngoại, đã lưu tâm tại chỗ, từng mưu lừa chước dối thực dân; một sớm hồi hương, lại ngựa mất trông ra, cả tấn kịch trò hề phong kiến.

Thi văn đoàn Tự lực thế tất phải xung phong; mà tuần báo Ngày nay phải kịp thời xuất hiện.

Vì dân vì nước đẩy mạnh phong trào; có chí có gan thiếu gì phương tiện.

Nào hia với hốt, phá cho tan trò hoạn lộ thanh vân; nay cấp mai bằng, cười đến tỉnh lũ thư sinh bạch diện.

Từ đó tiên sinh: Lấy văn đàn làm nơi bài tướng, cờ phát dọc ngang; giữa chính trường cao giọng lập ngôn, bút mài sắc bén.

Làm sóng lại tinh thần Yên Bái, nửa bước không lùi;

cuốn ào lên tâm huyết Quốc dân, một dòng thẳng tiến.

Bôn ba nơi hải ngoại, Hàng Châu, Quỳ Châu, Liễu Châu; đối lập mọi cường quyền, chống Pháp, chống Cộng, chống Diệm.

Ai hay: Gió gọi chưa lên; giờ nghe đã điem.

Giữa cao trào Phật giáo, để hoàng dương chính pháp, lửa từ bi vừa thượng toạ thiêu thân; nêu đại nghĩa Nho gia, nhằm cảnh cáo độc tài, chén tân khổ cũng tiên sinh tuyên chiến.

Sét ngang tai, bạo lực thấy ghê hồn:

Trời cúi mặt, không gian chờ nảy điện.

Lừa-Cách-Mạng dâng về thư tuyệt mạng, thôi rồi tay lãnh tụ! Khắp các giới: thực giả, bình dân, sinh viên, đồng chí, cùng dạt dào tìm vỡ máu sôi; Người-Quay-Tơ đành bỏ trống guồng tơ, đâu nữa mặt kinh luân? Cả bốn phương: Cà Mau, Thuận Hoá, Bến Hải, Nam Quan, nghe giục già sông đời núi chuyển.

Nhưng đau đớn thay: Phút hạ huyết sủng guom vây kín, muôn dòng châu đứt nối chưa tròn; buổi cầu siêu hương khói âm thầm, bao tiếng khóc dở dang còn nghẹn.

Cho nên hôm nay: Mừng quốc gia vừa khắc bạo trừ hung; đẹp hy vọng sẽ hà thanh hải yến.

Dân chúng thủ đô hướng về tiên sinh: Lễ Truy điệu mở đầu năm dương lịch, chạnh tưởng còn dấu bãi bể, đốt hương lòng toả khắp mười phương; vườn Tao Đàn rung hết đợt âm giai, trông ra ngọn cỏ lá cây, hoà nước mắt vẩy quanh một chén.

Mong cảm tới tiên sinh: Dám nề chi u hiển.

Hỡi ơi: Tố Đoạn-tuyệt thành hồ đoạn tịch, mộng dẫu chơi vui nửa cuộc, sử còn thom danh liệt sĩ Tường Tam; Phượng Nhất Linh hề thiên nhất phương, lầu tuy ngơ gác bên sông, gió vẫn nổi tiếng văn hào họ Nguyễn.

(Sài Đô, 5-1-1964)

Nguồn: Văn. Tập san Văn chương – Tư tưởng – Nghệ thuật. Năm thứ Bảy, số 156, ra ngày 15 tháng 6 năm 1970. Toà soạn và trị sự: 38, Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn. ĐT: 23.595. Tập san xuất bản do nghị định số 64/BTT/NĐ, ngày 4-12-1963. Bìa 1 số này: Chân dung Nhất Linh, vẽ bởi Nguyễn Gia Trí. Chi phiếu đề tên ông Nguyễn Đình Vương (chủ nhiệm kiêm chủ bút). Thư từ, bản thảo đề tên ông Trần Phong Giao (thư ký toà soạn). [Chúng tôi nhập liệu nguyên văn từ trang 1 đến trang 78, tập san này dày 125 trang, có bỏ một vài bản tin rao vặt, quảng cáo sách]. Bản điện tử do talawas thực hiện.

ĐẠI HỌC HUẾ TRANH ĐẤU CHỐNG CHẾ ĐỘ CŨ

Qua hai giờ nói chuyện với Giáo sư **Lê Tuyên**
Tạp chí *BÁCH KHOA* (số 171 & 172 ngày 15/2 & 1/3/1964)

Nguyễn Ngu Í

L.T.S. Ông Lê Tuyên là một trong những người đầu tiên đã từ ngoại quốc về để cùng linh mục Cao Văn Luận xây dựng viện Đại học Huế. Ông phụ trách môn Việt văn, đồng thời cũng là tác giả quyển “*Chinh phụ ngâm, tâm thức lãng mạn của kẻ lưu đày*”, một tập thơ và có chân trong nhóm Bút Việt. Ông là một trong những vị giáo sư hưởng ứng phong trào giáo sư và sinh viên Đại học chống chế độ cũ (Ngô Đình Diệm). Cuộc đàm thoại sau đây giữa bạn Nguyễn Ngu Í (của báo Bách Khoa) và ông Lê Tuyên, nhơn dịp ông vô Sài Gòn để họp Hội đồng Nhân sĩ, sẽ trình bày cùng bạn đọc những nét chính của cuộc tranh đấu nói trên.

Lần đầu gặp anh ở nhà một người bạn chúng tôi không ngờ người vui vẻ bắt tay mình là người mình muốn gặp. Tôi chờ đợi một thân thể gầy gò, hay một gương mặt xanh xao, hoặc đôi mắt lơ đãng, mệt mỏi: hơn hai tháng trường nằm trong bàn tay sắt của công an mật vụ Ngô Đình Diệm, một trong những người đã từng hướng dẫn phong trào giáo sư Đại học và sinh viên, học sinh Huế chống lại chế độ cũ đang hồi hăng máu, mà vẫn giữ được cái vẻ thư sinh với sắc diện hồng hào, ánh mắt vui cười sau gương trắng, thì quả là một điều ngạc nhiên thích thú. Mặc dầu hai tháng đã trôi qua . . .

Như đoán được ý nghĩ tôi, anh mở lời trước:

- Tôi bị mất tự do bảy mươi ba ngày, nhưng không bị tra tấn, nên nay mới được như thế này.

- Nhưng mà tinh thần anh, họ nào có để yên đâu!

Anh cười lặng lẽ. Tôi tiếp:

- Lắm khi thể xác mình bị xác xơ, nhưng rồi sức khỏe hồi phục dễ dàng; còn như tinh thần bị dày vò, nhiều lúc bên ngoài có vẻ như chẳng sao đâu, mà bên trong mình vẫn chưa được bình thường. “Chắc anh hiện ở trong tình trạng đó.”

Anh xác nhận bằng một cái gật đầu nhẹ.

- Tôi thấy con người tôi chưa được bình thường như trước, tuy tôi được về với gia đình, với xã hội đã trên hai tháng.

- Cũng trên hai tháng nay, anh em chúng tôi muốn tiếp xúc thân mật với anh, để nhờ anh mà hiểu đầu đuôi phong trào giáo sư, sinh viên Đại học Huế chống đối với chánh phủ trước. Vì nếu sinh viên và học sinh Sài Gòn tiếp tục và kết thúc phong trào chống lại bạo quyền, thì cái danh dự giương cao lá cờ chống đối, vốn là phần sinh viên và học sinh Huế, trong đó có thể nói các anh em giáo sư Đại học là linh hồn. Cách tổ chức, những kinh nghiệm cùng các biến cố từ ngày phong trào nhen nhúm đến khi bị đàn áp, rã tan ... chúng tôi nghĩ rằng người Việt nào cũng muốn biết. Vẫn biết anh là người trong cuộc, nói ra làm sao tránh khỏi cái “tôi”, điều người trí thức nào cũng kị. Nhưng nếu người trong cuộc mãi giữ im lặng, thì dư luận ắt là phải nghe tiếng nói của người ngoài cuộc, thế nào cũng thiếu sót, nếu chẳng phải sai lầm.

Thấy anh ra chiều nghĩ ngợi, tôi lại tiếp:

- Hẳn anh cũng thấy, chúng ta đang ở trong một thời kì chưa ổn định. Bây giờ chúng ta ngồi đây, thông thả chuyện trò; ai biết ngày mai sẽ dành cho chúng ta những cái bất ngờ gì. Và lại, chúng ta từng khó chịu – và lắm khi tủi hổ - phải tìm hiểu những gì xảy ra ở nước mình, hay cách mình mấy bước, qua đài phát thanh, qua báo chí, qua bản tin nước người! Chẳng lẽ anh lại nỡ để chúng tôi phải chờ người ngoại quốc cho biết sự thật về vụ này, khi nào họ muốn!

Tới đây, anh vòng tay ôm lấy hai đầu gối, chậm rãi nói:

- Các anh hiểu cho. Sở dĩ tôi lẩn lữa, là vì tôi đã hành động với một số anh em. Cần hội ý với nhau trước để xét xem có nên hay không. Nếu anh em thấy lúc này có thể nói, thì tôi có tiếc gì với Bách Khoa.

Thế là đành phải chờ anh vào họp (1) khóa sau vậy.

Lần này, thì anh “được phép” nói. Và chính tôi lại lúng túng, không biết nên hỏi về giáo sư trước hay về sinh viên trước! Anh thì sẵn sàng “chịu đựng”. May sao một câu hỏi ổn thỏa vụt đến:

- Chẳng hay cuộc tranh đấu của giáo sư và của sinh viên xảy ra đồng thời hay nó ... so le?

- Đồng thời, và bên trong, có cả một chương trình hành động.

- Hai bên chắc có một sự lãnh đạo chung?

- Lãnh đạo chung thì không có, nhưng hai bên thường liên lạc với nhau để biết phải làm gì và để hành động ăn khớp với nhau.

- Phong trào nổi dậy nhơn cuộc đàn áp tín đồ Phật giáo trong ngày Phật Đản (2), song âm ỉ từ lâu ?

- Âm ỉ thì chẳng riêng gì viện Đại học Huế. Anh nhớ lại không khí trong nước lúc bấy giờ, đâu cũng nghẹt thở. Cốc nước đã đầy, vụ đàn áp trắng trợn và vô nhơn đạo trên kia là giọt nước cuối cùng làm cho nước phải tràn ra. Chúng tôi ở ngay tại chỗ, thấy tận mắt, nghe tận tai, nên công phần trước. Tôi có thể nói rằng, ngày lịch sử ấy tại Huế, quần chúng thế nào, thì sinh viên, giáo sư thế ấy!

- Nghĩa là máu nóng sôi lên, và không còn sợ gì nữa?

Anh mỉm cười rồi nói:

- Tôi xin kể lại đầu đuôi. Chiều ngày 7 tháng 5 - tức 14 tháng 4 ta – tôi đang dùng cơm với cha Luận, thì nghe tin Chánh phủ ra lệnh cấm treo cờ Phật trong dịp Phật đản. Tôi rất đỗi ngạc nhiên, linh tính báo có điều gì khác thường; cha Luận cũng sững sốt. Đến 9 giờ tối, thì lại được tin ông tỉnh trưởng Thừa Thiên nhượng bộ và mai – ngày Phật đản – chùa chiền, nhà cửa của Phật giáo đồ được treo cờ. Ai nấy tưởng thế là yên. Nào ngờ sáng hôm sau, sự thật lại khác. Thế là dân chúng tự động biểu tình, rồi cuộc biểu tình biến thành mết tình. Những gì đã xảy ra trong ngày Phật đản, hẳn các anh đã rõ, báo chí đã thuật lại, nhất là thiên hồi ký của thượng tọa Thích Trí Quang. Tôi chỉ kể đôi chi tiết nhỏ anh nghe. Đêm rằm ấy, 9 giờ **quân đội xịt nước rồi bắn vào đám đông đang tụ tập trước đài phát thanh**. Ông tỉnh trưởng đã đích thân ra (vì lúc bấy giờ, ông và thượng tọa Thích Trí Quang đang ở trong đài) yêu cầu ngưng xịt nước và ngưng bắn, bộ đội chẳng thèm đếm xỉa ...

- Như thế là đã có lệnh trên rồi. Nhưng ai ra lệnh ấy ? Ông Cẩn, ông Thực ? Hay ông Nhu, ông Diệm ?

- Đến giờ, tôi cũng chưa biết rõ. **Đạn bắn qua trường Đại học**, đối diện với đài phát thanh, làm bể mấy tấm cửa gương, hiện nay vẫn còn để làm chứng. Sáng lại, xe đạp và guốc, giép vứt bỏ ở trước đài phát thanh nhiều đến nỗi Chánh quyền phải cho mấy xe cam nhông đến để thu dọn.

- Sáng hôm sau, anh có đến thăm ông Luận ?

- Có. Lúc 7 giờ. Bàn về vụ rắc rối đêm qua, cha cho là do Việt cộng liệng plastic gây nên. Nhưng đến trưa, thì theo tin riêng của phái bộ quân sự Hoa Kỳ cho biết, họ đã lượm được những quai lựu đạn, đã đục tường đài phát thanh để lấy đạn bắn ghim vào đó, **những thứ ấy là loại vũ khí do Hoa Kỳ viện trợ**. Bởi vậy họ điện về tòa đại sứ ở Sài Gòn xác nhận rằng chính những quân nhân được điều động để đàn

áp cuộc biểu tình đến đó đã gây ra cuộc đổ máu, chứ chẳng phải Cộng sản. Họ lại nhấn mạnh thứ lựu đạn đưa ra sử dụng là lựu đạn tự vệ, chớ không phải lựu đạn tấn công.

- Có gì khác nhau giữa hai thứ lựu đạn ấy ?

- Lựu đạn tự vệ mạnh hơn lựu đạn tấn công.

Im lặng một hồi tôi mới hỏi tiếp:

- Thái độ đầu tiên của các anh chắc là dè dặt.

- Phải nói là rất dè dặt. Vì thấy Chánh quyền chưa tỏ gì gọi là nhượng bộ. Khiến đại úy Minh báo cáo về văn phòng ông cố vấn Chánh trị, đại khái: “*Tại trí thức Huế không có phản ứng gì cả*”.

- Nhưng lúc đó, các anh nghĩ sao ?

- Chúng tôi bàn riêng với nhau: lần này, Chánh quyền không giải quyết ổn thỏa thì Chánh phủ chết đến nơi. Đồi đi vài người có trách nhiệm trong vụ này; trùng trị nặng vài người gây cuộc đổ máu. Đừng để kéo dài. Dân chúng sẽ phản ứng mạnh, thì tức nước vỡ bờ. Đa số đồng bào dù không phải là Phật tử, nhưng **không bằng lòng Chánh phủ từ lâu**, nay gặp dịp, tất nhiên họ sẽ đứng vào một mặt trận với các Phật tử để tranh đấu ...

- Tôi nhớ dường như lúc gay cần nhất, ông Cao Văn Luận đi Mĩ thì phải..

Anh gạt đầu:

- Cha từ già Huế đứng vào hôm có cuộc biểu tình vĩ đại của Phật giáo. Có trên bảy vạn người. Đó là ngày thứ sáu, 10 tháng 5.

- Thế thì ai trông nom viện Đại học khi ông viện trưởng vắng mặt ?

- Anh Lê Văn xử lí thường vụ, nhưng lúc cha Luận đi, anh Văn đang bận việc ở Sài Gòn, nên cha nhờ anh Lê Văn Diệm, khoa trưởng Văn khoa, coi giùm công việc trường. Cha Viện trưởng đi hôm trước thì hôm sau chúng tôi được giấy mời đến chùa Từ Đàm vào lúc 6 giờ chiều hôm ấy để nghe trình bày đơn phương về vụ đáng tiếc vừa xảy ra. Giấy mời từng người nên chúng tôi để định đoạt. Ai muốn đi thì đi, ai không muốn đi thì tùy.

- Thế thì như thế giới, giới giáo sư các anh cũng chia làm hai phe !

- Phe đã “dấn thân” (engagé) thì mượn công xa, xe của Viện, mà đi, để tỏ rằng việc mình làm tỏ rõ như ban ngày; còn phe ngần ngại thì ở nhà hay đi cửa Thuận nghỉ mát !

- Phe này có nhiều không anh ?

- Độ mươi người.

- Buổi trình bày đơn phương ở chùa Từ Đàm ngày 11 tháng 5 ấy, có dân chúng không ?

- Không. Chỉ có giáo sư, học sinh và sinh viên.

- Chắc là Thượng tọa Thích Trí Quang đứng lên trình bày.

- Phải. Ông giải thích năm nguyện vọng, và cho rằng Phật giáo đòi hỏi như thế chẳng có gì là quá đáng. Cử tọa đồng ý cho rằng **đòi hỏi như vậy là điều chánh đáng**.

- Chắc là sau đó, tên các anh em đi dự bị ghi vào sổ đen.

- Chẳng những thế, mà sau đó ông Cần cho gọi một anh, trách: lên đó làm chi để Phật giáo họ lợi dụng sự có mặt của các giáo sư Đại học mà tuyên truyền. Anh bạn nọ trả lời trôi chảy: bởi có giấy mời chứ nào tự động; vả lại, chính quyền cũng chẳng cấm người đến nghe. Nhưng tình hình mỗi ngày mỗi nghiêm trọng. Chính phủ chưa có dấu gì là nhượng bộ, mà có vẻ “hoãn binh”.

Anh ngưng nói, nhớ một điều gì:

- Tôi muốn nói với anh: trước kia, anh em giáo sư Đại học Huế đã chặn đứng tại ngưỡng cửa Đại học những gì của vợ chồng Nhu. Bất cứ tổ chức gì định lợi dụng giáo sư, sinh viên, là chúng tôi tìm mọi cách “mời” nó ra xa. Như tổ chức “*Thanh niên Cộng hòa*” là một, tổ chức “*Phụ nữ bán quân sự*” là hai, và “*Tổng hội giáo giới*” là ba.

- Nhưng còn trại Giáo dục ở Suối Lò Ô vào khoảng tháng sáu?

- Lúc đầu, chúng tôi định phản đối trại ấy một cách thụ động: Không tham dự. Nhưng vài anh em ngại không đi tức là ra mặt chống đối rồi, thì càng bị đề ý, chi bằng một số ở nhà một số đi. Như thế, Chánh quyền chẳng bắt bẻ vào đâu được. Đi để nghe ngóng, để hiểu thái độ anh em ở Sài Gòn, cũng có cái lợi. Ý kiến này được chấp thuận. Một số lớn đi Lò Ô, một số nhỏ ở lại Huế.

- Anh ở lại ?

- Tự nhiên là tôi ở lại. Tôi cần có mặt ở Huế hơn là ở Lò Ô. Và chính trong thời gian các bạn dự trại, ở Huế có cuộc biểu tình tuần hành lớn. Và chính trong cuộc biểu tình, người ta thấy xuất hiện đoàn sinh viên Phật tử. Và đoàn sinh viên này gởi bản kiến nghị đầu tiên cho Tổng thống, yêu cầu thực thi bản thông cáo chung. **Chánh quyền có ý làm khó dễ viện Đại học về vụ này**, chúng tôi phản đối ngay, vì họ đi biểu tình, họ viết kiến nghị, không phải với tư cách sinh viên sông mà là với danh nghĩa sinh viên Phật tử, một việc làm không còn thuộc phạm vi viện Đại học.

Khi cuộc biểu tình vừa xảy ra, tôi có đánh điện vào anh em ở

Suối Lò Ô nên anh em đã có thái độ sẵn. Bởi vậy, trong một buổi họp, khi một vị theo phe chánh quyền yêu cầu tất cả giáo sư Đại học thông qua một bản tuyên ngôn đã được soạn sẵn lên án hành động của sinh viên Huế thì một giáo sư Huế lập tức đứng lên phản đối là anh em ở xa, không thể biết việc làm của sinh viên ngoài ấy đúng hay là sai, mà vội lên án được. Lập trường của anh em giáo sư ở Huế được đa số bạn đồng nghiệp ở Sài Gòn ủng hộ. Khi bỏ phiếu để lấy quyết định của hội nghị, tuy thắng “phe địch” có hai lá thăm, nhưng anh em Huế cũng tự hào rằng mình đã thắng trong ván đầu,

Không khí nặng nề càng đè nặng lên Huế. **Chùa chiền bị canh gác. Ai lên chùa Từ Đàm đều bị khám xét.**

Trọn tháng bảy, chúng tôi chỉ liên lạc với nhau để nhận định cho rõ ràng tình hình hầu có một quyết định hành động. Chúng tôi phải tỏ ra hết sức thận trọng; những con mắt của Công an Mật vụ đã hướng về phía chúng tôi.

Nhưng bước qua tháng tám là phong trào bột phát.

Sinh viên Phật tử bắt đầu lên tiếng than phiền: “Thời thế như thế này mà các thầy còn ngồi yên”.

Tôi cười:

- May mà họ mới trách móc nhẹ nhẽ chứ chưa nặng lời mạt sát!

- Ấy cũng nhờ họ hiểu chúng tôi. Anh em chúng tôi đã ôn tồn nói với họ: “Không phải các thầy lãnh đạm thờ ơ. Nhưng các em là Phật tử, còn các thầy không phải người theo đạo Phật hết. Các thầy ở Đại học, các thầy chờ một sự kiện đặc biệt liên quan với Đại học, các thầy sẽ lên tiếng. Mà sự kiện kia thế nào cũng xảy ra. Chẳng phải các thầy trốn trách nhiệm. Nhưng giờ các thầy chưa điếm ...” Nói thế, song thấy các **học sinh sinh viên bị bắt bớ, bị tra tấn**, mà vẫn âm thầm hoạt động, chúng tôi cũng thấy khó chịu. Ngày nào chúng tôi cũng họp. Chúng tôi có đặt vấn đề với cha Luận. Cha Luận thì chủ trương ôn hòa: ta không làm thì thiên hạ cũng làm; chế độ này không thể tồn tại lâu; chúng ta làm gì bây giờ cũng sẽ bị đối phương chúng ta - Cộng sản - lợi dụng để khai thác. Nhóm đầu não không chịu. Họ thấy cần tỏ thái độ mình ngay.

Ngày 14 tháng 8, nhân một chú tiểu chùa Phước Duyên tự thiêu (đêm 12 rạng 13), chúng tôi họp bàn với nhau, đặt vấn đề: nói thẳng với linh mục viện trưởng. Rồi vụ một người thợ mộc chùa Từ Đàm bị ám sát bí mật ...

Tôi ngắt lời anh:

- Chúng tôi ở trong này chưa biết việc này. Chẳng hay người thợ mộc ấy có làm gì ...

- Người thợ ấy lãnh việc treo biểu ngữ cho nhà chùa. **Một khuya nọ, có người kêu cửa, anh ra là bị bắn chết.**

- Và chẳng tìm ra thủ phạm !

- Chúng tôi xét rằng mình không thể kéo dài thái độ chờ đợi nữa. Bên chánh quyền ngày càng nghi ngờ, mà bên sinh viên đã bắt đầu lộ vẻ khinh khi. Tôi với anh Trường bèn đến nhà riêng cha viện trưởng xin từ chức. Cha không nhận, buồn ra mặt, yêu cầu chúng tôi đợi ít ngày, vì từ chức ngay bây giờ không lợi.

Thì ngày hôm sau, 15 tháng 8, nhân lễ Đức Bà, học sinh và sinh viên biểu tình. Chính quyền thả chó dữ đàn áp, có cuộc xô xát, và một số sinh viên bị bắt. Tình trạng căng thẳng quá rồi. Ngay chiều hôm đó, sinh viên Phật tử cử một phái đoàn đến yết kiến linh mục viện trưởng với hai yêu sách:

1- Cha viện trưởng và giáo sư Đại học phải tỏ rõ thái độ của người trí thức.

2- Cha viện trưởng và các khoa trưởng can thiệp ngay với chánh quyền để các sinh viên bị bắt được trả lại tự do.

Về yêu sách thứ nhì, nếu không được chấp thuận, thì ngay chiều hôm sau, sẽ có một sinh viên tự thiêu trước viện hay trước chùa Diệu Đế.

- Thế linh mục Luận đối phó ra sao ?

- Cha đã rơi lệ. Vì con người Đạo và con người Đời xung đột quyết liệt trong cha, không thể dung hòa được nữa. Cha triệu tập hội đồng khoa trưởng và giám đốc lại. Chúng tôi tường thuật những sự việc đã xảy ra và sau cùng cha Viện trưởng nhận lãnh trách nhiệm can thiệp với chánh quyền để trả lại tự do cho tất cả sinh viên Phật tử bị bắt giam.

Trong khi đó, Phật giáo càng tranh đấu mãnh liệt – trong sự bất bạo động. 4 giờ rưỡi khuya ngày 16 tháng 8, chùa Từ Đàm đã chuẩn bị xong cho đại đức Thích Tiêu Diêu châm ngòi lửa vào người. Chánh quyền đối phó bằng cách thiết quân luật vào lúc 6 giờ sáng. Xe tăng ở ngã tư đường, rào thép gai đây đó.

- Thế các anh cũng đối phó chớ ?

- May thay, cơ hội đến đúng lúc. Sáng ngày ấy, có cuộc thi về Văn chương Việt Nam do tôi chịu trách nhiệm. Tôi nhấn bảo sinh viên đừng thi vì sinh viên ở ngoại ô không đến được, thi là gây thêm một sự bất công. Tôi bèn nhờ cha Luận điện thoại cho ông đại biểu

Chánh phủ xin phép hoãn cuộc thi. Tự nhiên là người thay mặt chánh quyền này cho phép ngay.

Lúc ấy vào khoảng 8 giờ, chúng tôi – 5 anh em - họp nhau ở ngoài hành lang ...

- Sao các anh không họp ở trong phòng lại đứng ở ngoài hành lang?

- Vì chúng tôi được biết An ninh quân đội đã móc thêm dây đặc biệt vào điện thoại ở viện, nói gì ở phòng họp đều bị người ta biết cả!

Chúng tôi cũng đồng ý ở điểm chánh quyền họ Ngô đã để lộ bộ mặt tàn bạo, vô ơn đạo của họ rồi, thì chẳng nên chần chờ gì nữa. Người sống tay không, họ cho xe tăng cán bừa lên, liệng lựu đạn át-xít vào đám học sinh sinh viên; người chết tự thiêu, họ cướp xác chôn vùi ở đâu không ai biết, hoặc xin họ cái hòm để chôn cho kíp, họ cũng không cho. **Tàn bạo với người sống, vô ơn đạo với người chết. Không thể tiếp tay cho một chế độ phi nhân như thế.**

Nhưng muốn tranh đấu có hiệu quả nhiều, phải làm một người dân thường; chớ còn bị ràng buộc bởi những chức tước, địa vị, thì vương bận lắm. Phải cùng nhau xin từ chức ngay. Nhưng sau đó, ông tổng thư kí viện Đại học cho hay linh mục viện trưởng vừa đi Đà Nẵng, ông không có quyền nhận sự từ chức của chúng tôi, vậy chúng tôi hãy chờ cha Luận sẽ về ngay chiều hôm ấy. Chúng tôi liền yêu cầu ông tổng thư kí ghi vào nhật ký của viện để làm bằng, rằng vào ngày đó, giờ đó, chúng tôi có đến xin viện trưởng từ chức.

Chiều hôm đó, ông bộ trưởng bộ Quốc gia Giáo dục ra Huế cùng với ông Trần Hữu Thế, tân viện trưởng. Hai ông ở Sài Gòn ra lúc 5 giờ thì 7 giờ, cha Luận hay tin mình bị cách chức, nhờ ông Thế báo tin riêng nên anh Hanh, khoa trưởng Khoa học, cũng biết. Nhưng vì lúc đó nhằm giờ thiết quân luật, anh chỉ có thể cho những người ở cùng một khu với anh hay được thôi.

Hôm sau, 17 tháng 8 lúc 6 giờ, tôi được anh Nguyễn Văn Thạch cho biết tin. Chúng tôi kéo đến nhà cha Luận. Được biết 9 giờ làm lễ bàn giao, chúng tôi vội vã họp nhau lại ở nhà anh bác sĩ Quyến để phác họa chương trình sẽ cho “bom nổ” cùng một lúc: cha Luận vừa hết nhiệm vụ là chúng tôi lần lượt từ chức, để anh cao niên nhất mở đầu, rồi theo thứ tự tuổi lớn nhỏ. Cần cho ngoại quốc biết tin sốt dẻo này ngay. Anh em giao tôi việc thảo thông cáo. Tôi thảo xong đọc lên, anh em đồng ý, bèn đánh máy rồi cho người mang trao cho đài VOA, Associated Press và UPI.

- Xin anh cho biết nội dung bản thông cáo ấy.

- Chúng tôi xin từ chức khoa trưởng, giáo sư Đại học vì bị ba xúc động liên tiếp: Chánh phủ đàn áp Phật giáo - Chánh phủ không thực thi bản cam kết với Phật giáo - Chánh phủ cách chức viện trưởng Cao Văn Luận.

- Thế “âm mưu” của các anh có được hai ông Trinh, Thế biết trước buổi họp không ?

- Không. Tất cả khoa trưởng, giáo sư đều đủ mặt. Ông Trinh nói ít lời, đọc sắc lệnh bổ ông Thế đảm nhiệm chức viện trưởng thay cha Luận. Rồi cha Luận đứng lên nói rằng cha sung sướng mà thấy ngày mong đợi đã đến vì vai trò người viện trưởng rất quan trọng, nặng nề, nhất là viện Đại học Huế đang ở thời xây dựng. Cha là người tu hành, không thể kéo dài công việc ngoài đời mãi được. Hơn nữa, không khi nào cha cho mình là người không thể thay thế được. Và cha đọc một câu của Valéry: “Les cimetières sont remplis de gens irremplaçables” (3).

Cha Luận nói tiếp: cha nghĩ rằng Văn Hóa lúc nào cũng trường tồn, nhưng đôi khi nó bị Chánh trị lãnh đạo. Vậy, muốn làm việc đặc lực cho Văn hóa lúc này đây, người lãnh đạo viện Đại học phải là người có cái “*thế*” chánh trị. Tưởng không ai hơn ông tân viện trưởng. Ông Trần Hữu *Thế* là người “*có thế*” hơn ai hết: ông có cái thế của Tổng thống tức là cái thế của Chánh phủ; lại có cái thế của tổng giám mục Huế tức là cái thế của mấy trăm ngàn giáo dân. Từ trung ương đến địa phương, từ đời qua đạo, thì chắc rằng viện Đại học Huế sẽ có một tương lai vô cùng tốt đẹp, và hơn hẳn quá khứ đi rồi ...

- Hẳn là mặt ông Thế lúc đó xám xịt ?

- Anh đoán sai. Mặt ông ấy xanh ngắt. Rồi cha cảm ơn các vị giáo sư và yêu cầu chúng tôi cộng tác với tân viện trưởng như đã cộng tác với cha.

- Đến phiên ông Thế, chắc ông cũng tìm cách “*trả đũa*” ông Luận?

- Đại khái ông Thế cho biết ông đã cố gắng xây dựng Đại học Huế ngay từ khi ông còn làm bộ trưởng. Bằng cách tỏ ra rất dễ dãi về mặt hành chánh, để cho cha Luận mọi sự tự do hành động, lắm khi cha Luận trực tiếp với Tổng thống mà không qua ông, theo hệ thống dưới trên, nhưng ông không lấy thế làm buồn, hiểu rằng cha Luận sợ dĩ làm thế vì quá thiết tha với viện, muốn cho công việc được mau chóng. Ông chỉ đảm nhiệm chức vụ này trong một thời gian thôi,

trong giai đoạn chuyển tiếp vì ông phải trở về với chức vụ đại sứ tại Phi Luật Tân của ông.

- Ông tân viện trưởng dứt lời chắc cử tọa vỗ tay như thường lệ.
- Không ai vỗ tay cả.
- Cả ông bộ trưởng ?
- Cả ông bộ trưởng cũng không buồn vỗ tay.

Ông Thế vừa ngồi xuống trong im lặng thì bác sĩ Lê Khắc Quyến, người lớn tuổi nhất, khoa trường Y khoa, đứng lên xin từ chức. Nhưng trái với bản thông cáo gọi cho các đài ngoại quốc, anh chỉ nói: vì xúc động bởi việc cách chức cha Luận. Rồi đến anh **Bùi Tường Huân**, khoa trường Luật khoa, anh **Tôn Thất Hanh**, khoa trường Khoa học, anh **Nguyễn Văn Trường**, giám đốc ban Khoa học Đại học Sư phạm.

Anh Lê Văn Diệm thấy anh em đồng lòng như thế bèn tìm một lối ra khác là xin ông bộ trưởng cho du học ngoại quốc một năm ! Đến tôi, tôi đưa ra hai lẽ: một là vì tôi là học trò của cha Luận, cha Luận gọi về công tác tôi mới về; hai là ở trong tình trạng này, tôi ở lại đây không làm được gì.

Đến đây, ông Trình không cho ai nói nữa, viện lý do: đây là lễ bàn giao giữa hai ông tân và cựu viện trưởng. Các giáo sư có muốn từ chức xin nói sau với ông viện trưởng mới.

- Thế ông đại biểu chánh phủ chẳng nói gì sao ?

- Sao lại không, anh. Ông Khương nói với về hăm dọa té nhị. Ông bảo rằng chúng tôi không vì quyền lợi cá nhân mà về Huế (Huế kém quyền rũ, quyền lợi vật chất không nhiều), thì khi đưa ý kiến từ chức hẳn là chúng tôi muốn xa Huế lâu dài vậy.

- Tôi hiểu lời hăm dọa té nhị ấy rồi. Muốn xa Huế lâu dài tức là muốn bị đày ra miền quan tái như chàng Giang Châu tư mã đời Đường, hay muốn bị nhốt dưới một hầm bí mật nào của cậu Cần. Chắc anh cũng có lời gì với vị đại diện chánh quyền ấy ?

- Có, nhưng mà thẳng thắn hiền lành. Anh Nguyễn Hữu Trí đáp lại: chúng tôi về Huế là để phục vụ cho viện Đại học Huế, nay xét không thể phục vụ được như ý thì xin từ chức. Chớ ở lại mà chẳng làm được gì thì chẳng hóa ra phụ người mà cũng phụ mình. Còn như phải xa Huế là việc đã đành.

Ông Trình vội vàng tuyên bố bế mạc buổi lễ bàn giao.

Chúng tôi đưa bản thông cáo cho một số anh em, được 27 người ký; sau đó, số người lên đến 45. Một phái đoàn được cử đến tòa lãnh sự Mỹ để cho hay rằng công việc đã xong xuôi. Ở đây, họ đã dịch

tờ thông cáo của chúng tôi rồi, và hỏi chúng tôi có định rút lại đơn từ chức không. Chúng tôi trả lời không, chỉ trừ khi nào chánh phủ giải quyết êm đẹp với Phật giáo, sinh viên, cha Luận.

Ngay sau đó, vào lúc 10 giờ 10 phút, ông Thế nhờ anh đưa lên thăm chùa Từ Đàm. Gặp lúc dân chúng lên chiêm ngưỡng Xá Lợi của đại đức Tiêu Diêu, người đông như thác. Ông Thế mất tinh thần. Trở về, lại được nghe bản thông cáo của chúng tôi. Ông thấy mình bị cô lập nên lên về Sài Gòn tức khắc (lúc 10g.30)

Ngay hôm đó, lúc 11 giờ, chúng tôi đến thăm cha Luận. Cha cho biết sắp đi Đà Nẵng để rồi đi Sài Gòn. Chúng tôi khuyên cha hãy ở lại Đà Nẵng để chúng tôi tiện bề liên lạc, có gì thì bàn tính với nhau trước khi định thái độ.

Chiều ngày 17, sinh viên biểu tình. Chúng tôi có đưa ý cho anh em tách cuộc tranh đấu này ra ngoài cuộc tranh đấu Phật giáo. Anh chị em biểu tình là để phản đối Chính phủ cách chức cha Luận, do đó đa số giáo sư phải từ chức. Mục đích là để yêu cầu cha Luận và các giáo sư ở lại. Tuyệt nhiên không nói gì đến vấn đề Phật giáo cả.

- Như thế là các anh đặt Chính phủ đứng trước hai vấn đề rắc rối cả hai !

- Có phải thế không anh. Gom lại một thì ít thì yếu. Tách ra làm hai: sinh viên Phật tử tranh đấu để bảo vệ Phật pháp, tất cả sinh viên tranh đấu để giữ lại viện trường và giáo sư - thì làm khó dễ Chánh quyền thêm !

Hai giờ chiều, ông Trinh cho mời chúng tôi tới, yêu cầu rút đơn từ chức.

- Ông bộ trưởng yêu cầu các anh chung một lần hay riêng từng người?

- Riêng từng người. Nhưng không phải ông gặp chúng tôi hết, một số được ông tiếp, còn anh Trường và tôi thì lại “bị” ông đại biểu chánh phủ ngỏ ý muốn gặp.

- Tiếp hai anh một lượt?

- Không, anh ạ. Ông ta chỉ mới ngỏ ý muốn gặp riêng từng người. Chúng tôi phản đối. Ông bộ trưởng là cấp trên trực tiếp, ông muốn tiếp từng người cái đó tùy ông; còn ông đại biểu chánh phủ là người thay mặt chánh quyền tiếp người này trước rồi đến người kia, ai biết ông sẽ dờ trò gì đối với một người chống đối mà ông định mua chuộc hay dọa dẫm, không ai làm chứng. Nên chúng tôi đưa điều kiện mời hai người một lần chúng tôi mới chịu.

- Nhưng ông ta không chịu?

Anh mỉm cười, và mắt anh mờ màng sau kính trắng như để nhớ lại cảnh và người hôm ấy.

- Trong lúc ấy, hơn ngàn sinh viên kéo đến nhà cha Luận thì cha Luận đã đi Đà Nẵng trước đó năm phút. Lúc bấy giờ là hai giờ rưỡi. Đoàn sinh viên đi xuống tòa đại biểu để trình kiến nghị cho ông bộ trưởng, cuộc biểu tình này được ông tỉnh trưởng Nguyễn Văn Hà cho phép. Ông Trinh coi mọi không êm, gọi máy bay ở Đà Nẵng ra Huế rước ông về Sài Gòn gấp. Máy bay ra nhưng sinh viên đã vây chặt tòa đại biểu, ông đành chịu kẹt.

Ông đại biểu Chánh phủ cho mời một phái đoàn sinh viên vô, nhưng sinh viên không chịu, họ yêu cầu hoặc cho họ vô hết hoặc ông bộ trưởng ra. Ông bộ trưởng đành nhượng bộ. Họ lễ phép trình bày nguyện vọng và trình bản kiến nghị đệ lên Tổng thống.

Trong bản kiến nghị “*toàn thể sinh viên thuộc các phân khoa viện Đại học Huế, họp tại trường Đại học Khoa học lúc 14 giờ ngày 17-8-1963*” yêu cầu Tổng thống thân hồi lệnh bãi chức viện trưởng của linh mục Cao Văn Luận và tìm mọi phương sách để các khoa trưởng và giáo sư đã từ chức đảm nhận lại chức vụ của mình - cũng trong bản kiến nghị này, các sinh viên “*quyết định bãi khóa cho tới khi nguyện vọng trên đây được thỏa mãn*”.

Đưa kiến nghị xong, họ về cầu Tràng Tiền định diễu hành sang phố nhưng bị Cảnh sát Chiến đấu bao vây nên phải tập trung lại trong tòa Khâm sứ cũ và giải tán tại đó.

Bốn giờ, chúng tôi họp để vận động anh em từ chức, nhưng có bảy anh chẳng khứng.

- Anh cho biết nhân viên giảng huấn của viện được bao nhiêu người?

- Được từ 52 đến 55 người mà có 45 người ký vào đơn xin từ chức.

- Như thế số người đứng ngoài cuộc tranh đấu không là bao.

- Nhưng chúng tôi muốn không có một bạn nào đứng riêng nên cố vận động với anh em Đại học Văn khoa: chưa có một chữ ký nào của anh em này cả. Các anh ấy hẹn ngày mai, để tối suy nghĩ lại và ra về. Những bạn đã xin từ chức ở lại bàn với nhau nên đặt kế hoạch hãn hoi. Đã ra mặt chống đối Chánh quyền - dù là tiêu cực đi nữa - thì cần phải có quỹ tranh đấu. Mỗi anh em góp một số tiền để thành lập quỹ. Chớ còn dùng phương tiện của Chánh phủ (như đánh máy, quay rô-nê-ô) thì danh bất chánh mất. Rồi chúng tôi chia tay, hẹn họp lại sáng mai, chủ nhật 18-8.

Trước khi họp, bác sĩ Quyên cho hay ông Cẩn khi được biết cha Luận bị cách chức, có thốt một câu: “*tụi nó đập trên đầu tôi mà đi*”!

Trong phiên họp sáng 18-8 này tại Đại học Sư phạm, chúng tôi quyết định đánh điện cho ông Bộ trưởng cho hay vẫn giữ lập trường. Chúng tôi cũng đánh điện cho hai viện Đại học Sài Gòn và Đà Lạt, báo tin việc chúng tôi từ chức chớ chưa kêu gọi các bạn đồng nghiệp hai nơi này ủng hộ. Rồi chúng tôi thảo một bức thư ngỏ cho toàn thể giáo chức Tiểu, Trung và Đại học toàn quốc. Đến chiều thì bức thư ấy được anh em giáo chức duyệt y và đồng ý gởi đi. Trong thư có những đoạn nguyên văn như sau:

... Tình trạng sinh viên của viện Đại học Huế càng ngày càng trầm trọng vì tinh thần của họ luôn luôn bị căng thẳng bởi tất cả lực lượng quân sự hay võ trang, bấy lâu nay **chỉ biết thẳng tay đàn áp chứ không quan tâm đến sự thực thi bản Thông cáo chung** giữa Phật giáo và Chính phủ. Hầu hết sinh viên đều là Phật tử, và họ đã gánh chịu một cách thâm hậu quả tàn khốc của những vụ đàn áp đến nỗi ngày 15-8-63 vừa qua, một phái đoàn Nam Nữ Sinh viên đã đến yết kiến linh mục Viện trưởng, kêu gọi lòng nhân đạo của Người để ra tay cứu vớt cho họ. Một giàn củi đã được dựng lên tại chùa Diệu Đế và họ đau đớn tuyên bố sẽ hỏa thiêu và bãi khóa. Linh mục Viện trưởng đã xúc động rơi lệ trước buổi tiếp kiến đó, nhưng người chưa kịp làm gì thì đã bị cách chức và sinh viên phản uất biểu tình chiều 17-8 trước tòa Đại biểu Chính phủ, trao cho ông Bộ trưởng Quốc gia Giáo dục một bản kiến nghị đề đệ trình Tổng thống. Họ cũng long trọng xác định lại vấn đề bãi khóa và hỏa thiêu làm cho chúng tôi vô cùng đau đớn vì nhận thấy rằng vấn đề càng ngày càng thêm trầm trọng, **không những chỉ ở phạm vi tín ngưỡng mà còn lan tràn sang cả địa hạt giáo huấn**, gây cho những giáo chức có trách nhiệm những khó khăn mà tự cá nhân mình cũng như cả Đại học họp ại cũng không hề nào giải quyết được.

... Vì thế chúng tôi thiết tha kêu gọi sự sáng suốt giúp đỡ của quý vị Khoa trưởng các phân khoa Đại học, các vị Giám đốc các trường Cao đẳng, các vị Hiệu trưởng các trường Trung, Tiểu học toàn quốc, sự đoàn kết huynh đệ chân thành về mọi phương diện của tất cả các bạn đồng nghiệp giáo chức, để cùng nhau tìm ra một giải pháp ổn định cho tình thế mà giáo dục cũng như xã hội đã bị lâm nguy suốt ba tháng rưỡi.

Chúng tôi được tin mai ông Thế ra, bèn làm cho xong một việc chưa kết liễu, đó là một vận động lấy chữ kí của anh em Văn khoa. mãi đến 9 giờ tối mà các bạn ấy vẫn không chịu kí. Chúng tôi hết sức buồn, buồn vì nói hết nước bọt thì ít mà buồn vì thấy anh em không chịu “dấn thân”: có tới hai cơ để mà chẳng thể đứng bàng quan: nếu không xúc động vì Phật giáo bị đàn áp dã man thì cũng xúc động vì linh mục viện trưởng bị cách chức vô lối. Sau cùng, các bạn ấy bảo “Đề rồi chúng tôi làm riêng”. Thôi thế cũng được. Miễn là anh em rồi cũng có làm một cái gì hơn là mãi thờ ơ ...

- Nhưng sau rốt “một cái gì” ấy có không?

Anh thờ dài và gương mặt tươi trẻ của anh bỗng tối lại:

- Rốt lại chẳng có gì cả. Đáng buồn hơn nữa là các bạn ấy cho là bản văn chúng tôi đã kí và mời các anh cùng kí vốn kém ôn hòa, để các anh sẽ thảo một bản khác ôn hòa hơn. Nhưng bản văn từ chức soạn vào chiều 17-8-1963 là chính do đề nghị của các anh em ấy.

Xin nhắc lại rằng bản văn từ chức này khác với Bản Thông cáo của chúng tôi do đài VOA loan đi. Bản văn này chỉ nói đến tình hình của Viện Đại học mà thôi, còn bản Thông cáo gửi đài VOA nêu rõ 3 lý do từ chức của các Khoa trưởng, Giám đốc học vụ và nhân viên giáo huấn Y khoa, Luật khoa, Khoa học, Sư phạm trong viện Đại học Huế: - Xúc động trước hai vụ hỏa thiêu và cướp xác tại Huế, trước sự đàn áp bắt bớ Phật tử và sinh viên Phật giáo, - Xúc động trước sự thờ ơ của chánh phủ kéo dài đến 3 tháng rưỡi mà không đem lại giải pháp nào để ổn định tình thế, - Xúc động trước sự thay thế linh mục viện trưởng.

Sáng ngày 19, ông tỉnh trưởng Thừa Thiên cho hay rằng công an đã được lệnh bố trí để kịp thời ngăn chặn những cuộc biểu tình của sinh viên. Vì hôm nay là ngày kỷ niệm cách mạng tháng 8 nên công an có thể nhân dịp sinh viên biểu tình mà buộc tội những người đi biểu tình là Việt Cộng – tin này ông Tỉnh trưởng mật báo cho tôi để kịp đề phòng, ngăn giữ đừng cho sinh viên mắc mưu họ mà biểu tình hôm đó.

Chúng tôi bèn về sân viện Đại học chờ ông Thế. Chính trong lúc chờ đợi này chúng tôi nhận được tờ Tuyên cáo của viện Hán học, lời lẽ còn hăng hơn chúng tôi nhiều.

Nói tới đây, anh đưa cho tôi coi bản “tuyên cáo” in ronéo của “*Giảng viên Viện Hán học Huế*” đề ngày 17/8/63, nội dung tán đồng quan điểm của các khoa trưởng và giáo sư các phân khoa Đại học Huế, phản đối những lời tuyên bố của những nhân vật không có trách

nhiệm đã gây hoang mang trong dân chúng, phản đối những hành động che giấu sự thật, xúc động trước sự tranh đấu bất bạo động của Phật giáo đồ, bất bình vì sự bãi chức linh mục viện trưởng Cao Văn Luận cũng là Giám đốc viện Hán học Huế.

Do đó, toàn thể giảng viên Viện Hán học tuyên bố nghỉ việc giảng dạy. Người ta đọc được những tên ký dưới Tuyên cáo như sau: Võ Như Nguyễn, Nguyễn Duy Bột, Hà Ngải, Nguyễn Hưng Giáo, Hồ Đắc Định, Cao Hữu Hoàn, Phan Chí Chương, Nguyễn Hữu Châu-Phan, Cao Xuân Duẩn, Phan Văn Dật, Châu Văn Liệu, Nguyễn Văn Dương, Nguyễn Doãn Thám, Trương Xuân Trục, bà Nguyễn Thị Trang (tức bà Nguyễn Hữu Trí), La Hoài, Vĩnh Quyên, Nguyễn Văn Kháng.

- Hẳn là ở viện Hán học mọi người đều kí vào tuyên ngôn “nảy lửa” này ?

- Tiếc thay, có hai người không kí. Chúng tôi bèn gửi bản Thông cáo của chúng tôi, bản tuyên ngôn này, cùng bức Thư ngỏ với giáo chức toàn quốc đã quay ronéo vào Sài Gòn, nhờ một bà Mĩ mang đi. Trưa hôm ấy thì chùa Xá Lợi phát thanh hai tài liệu đó.

Chúng tôi cấp tốc thành lập một ủy ban gồm 5 người lấy tên là Ủy ban Liên lạc Giáo chức với 5 tiểu ban sau đây ra đời: án luật, liên lạc, chính trị, ngoại giao và phụ trách sinh viên.

Xong, chúng tôi nhờ người giữ công văn ghi đơn từ chức của chúng tôi vào sổ, kèm theo thông cáo của chúng tôi và tuyên ngôn của viện Hán học.

Lúc 11 giờ, bác sĩ Quyên đọc cho sinh viên và chúng tôi nghe bức điện tín của đại sứ Trần Văn Chương (thân phụ bà Nhu) gọi linh mục Cao Văn Luận. Đây là một bức điện tín công khai ủng hộ lập trường của viện Đại học và phê phán chính quyền Ngô Đình Diệm:

TÉLÉGRAMME

Washington, le 18-8-1963

Révèrend Père CAO VAN LUẬN, University Hue

Veillez recevoir l'expression de ma sincère sympathie (stop).

Vous aurez rendu un grand service au pays et au gouvernement en contribuant à montrer que la dignité humaine est le plus respectable des biens et que les forces morales triomphent toujours au Vietnam comme au treizième siècle et comme en 1954 et 1955 - Trần Văn Chương.

(Dịch: Hoa Thanh Đón, ngày 18-8-1963

Linh mục Cao Văn Luận, Đại học Huế

Xin nhận cảm tình chân thành của tôi (stop). Ngài đã giúp ích nhiều cho xứ sở và cho chính phủ bằng cách giúp cho thấy rằng phẩm giá con người là tài sản đáng kính trọng nhất và những lực lượng đạo đức luôn luôn đắc thắng ở nước Việt, cũng như ở thế kỉ thứ mười ba và cũng như ở những năm 1954 và 1955 - Trần Văn Chương).

11 giờ 15 phút, ông Thế tới. Tất cả sinh viên đều đứng im lặng trong sân tòa viện trưởng. Ông Thế tưởng đâu sinh viên đến chào mừng viện trưởng mới, nên rất vui vẻ, song chưa biết nên có thái độ như thế nào. Sau đó ông vào văn phòng và ngỏ lời với toàn thể giáo chức, nhưng khi ông chấm dứt thì cả một sự im lặng đáp lại với ông. Trong sự im lặng nặng nề, anh niên trưởng Quyến bước ra đưa đơn từ chức của chúng tôi và liền sau đó chúng tôi rút lui. Một đoàn đại diện sinh viên liền vào văn phòng viện trưởng và đưa bức Tâm thư. Trong thư này, sinh viên rất mực tán dương ông ... đại sứ (họ không gọi là viện trưởng !). Yêu cầu ông dùng tất cả uy tín đề đạt lên chánh phủ sự thiết tha của toàn thể sinh viên Huế được thấy cha Luận về làm viện trưởng trở lại. Trong khi ông Thế xem thư thì tất cả sinh viên đều ngồi ngoài nắng và tuyệt đối giữ im lặng.

Trong bức tâm thư của sinh viên Đại học Huế gửi giáo sư Trần Hữu Thế có những đoạn sau đây:

... Sự thay thế chức vụ viện trưởng của linh mục Cao Văn Luận đã gây xúc động lớn trong toàn thể sinh viên chúng tôi. Chúng tôi buộc phải tranh đấu để mong Chính phủ hiểu thấu nguyện vọng sâu thẳm của chúng tôi để linh mục Cao Văn Luận có thể phục hồi lại chức vụ viện trưởng.

Đây là một cuộc tranh đấu chính đáng, đầy nghĩa khí mà một người trí thức như Giáo sư hẳn không bao giờ phủ nhận.

Vậy để cuộc tranh đấu của chúng tôi khỏi gặp thêm trở ngại khó xử, chúng tôi tha thiết kính mong giáo sư từ chối chức vụ Viện trưởng của viện Đại học Huế.

- Nhưng rồi ông Thế phải phá tan sự im lặng ấy chứ ?

- Chớ còn ai làm việc ấy. Ông chỉ nói một câu: “Tôi xin nhận thư này và tôi sẽ chuyên lên cấp trên”. Rồi ngại sinh viên có thể xúc phạm đến người ông, ông định chuồn ngõ sau. Nhưng anh Hồ, tổng thư ký, cản không cho, khuyên ông nên đi ngõ trước để giữ thể diện viện trưởng. Ông đành phải làm theo, sinh viên bèn rẽ ra, để đường cho ông đi. Chùng ấy, họ mới vỗ tay.

Chúng tôi giải tán ra về, anh em sinh viên cũng thế. Chúng tôi về cùng một xe để bàn tiếp công việc phải làm. Ai cũng đồng ý mỗi ngày phải làm một cái gì mới để dồn chánh quyền vào cái thế bị động, luôn luôn phải đối phó không thì thua họ mất. Biểu tình là hành động cuối cùng và quyết liệt một mất một còn, phải để dành cho đúng lúc. Còn bây giờ thì quyết định một cuộc họp báo tại viện vào chiều thứ ba 20-8. Và mời ngay cha Luận về Huế để cha có thể tránh được những áp bức của chánh quyền.

Nếu mời không được thì yêu cầu cha đừng kí vào cứ giấy tờ chi, vì e vô tình cha cản trở cuộc tranh đấu của chúng tôi khi bị áp lực của các “*bê trên tôn giáo*” chẳng hạn.

Phải đẩy phong trào lan xuống giới giáo sư Trung học để khỏi bị cô lập hóa. Và vận động liền với hai trường Trung học Quốc học và Đồng Khánh, rồi đến các trường Trung học khác để sao mỗi ngày mỗi trường tung ra một bản tuyên ngôn.

Chúng tôi phải phân công việc cho mỗi tiểu ban họp riêng, làm việc riêng, và đến 17 giờ chiều ấy cùng đến trường Y khoa để họp.

- Các anh làm ráo riết thế chẳng lẽ ông Thế lại ngồi im ợi ?

- Ông cũng làm phần ông chớ. Ông cho mời riêng chúng tôi và yêu cầu rút chữ kí. Nhưng không một ai chịu cả.

Đến 5 giờ chiều, chúng tôi được tin Sài Gòn có cuộc tuyệt thực vĩ đại ở chùa Xá Lợi, sinh viên và học sinh có tham dự đông đảo. Chùa lại có phát thanh những bài công kích ông bà Nhu. Chúng tôi định cử người vào Sài Gòn để bàn cách tranh đấu sao cho thống nhất giữa Sài Gòn và Huế. Vì thế nào, với cái đà này, tăng ni, sinh viên, học sinh, giáo sư cũng phải cùng xuống đường. Và chừng ấy, là một còn một mất.

- Thái độ của người Mỹ ở Huế ra sao anh ?

Anh đưa hai bàn tay ra nhưng chỉ nói:

- Đương nhiên những người có trách nhiệm tại Huế tán thành và giúp đỡ để phổ biến mau chóng việc làm của chúng tôi. Nhưng trên cương vị chính trị và ngoại giao, họ vẫn chính thức thừa nhận Chánh phủ Ngô Đình Diệm là chánh phủ có thẩm quyền hiện hữu.

- Còn Phật giáo ?

- Phật giáo thì rất đổi hoan nghinh. Chúng tôi tạo thêm cho họ yếu tố để đẩy mạnh cuộc tranh đấu bảo vệ Phật pháp.

Chiều thứ hai 19, sau buổi họp chung tại Đại học Y khoa của Ủy ban liên lạc, chúng tôi ra một bản thông cáo tóm tắt những việc đã

làm, và xác nhận chúng tôi không bao giờ rút lại chữ kí. Bản thông cáo này, người trong nước không hay, nhưng tin lãnh sự Mỹ được biết.

Sáng thứ ba, chúng tôi họp khoáng đại hội nghị tại viện, hay tin cha Luận đã trả lời một bức thư ông Thực. Ông đại diện Chánh phủ chụp lại phần “Tái bút” gởi qua viện.

- Anh còn nhớ đoạn “Tái bút” ấy nói gì mà ông đại biểu Chánh phủ miền Trung lợi dụng nó ...

- Nguyên văn thì tôi không nhớ, nhưng đại ý cha Luận nói với ông Thực đầu Tổng thống có yêu cầu, cha vẫn không trở về làm viện trưởng lại.

Chúng tôi lật ngược thế cờ. Vì nhận xét thấy cha Luận viết có mấy dòng mà sai chánh tả, sai văn phạm nhiều quá trái hẳn với mọi khi. Chúng tôi kết luận rằng cha **viết thư này dưới một áp lực nào đó, khiến cha mất hẳn bình tĩnh**. Vậy thì đoạn “Tái bút” này vô giá trị.

- Còn anh em sinh viên?

- Hai anh chánh phó đoàn trưởng, Thơ và Giàu, luôn luôn liên lạc với chúng tôi. Anh em họp tại Morin, lập quỹ tranh đấu được vài ngàn. Rồi in truyền đơn, phát; viết biểu ngữ, căng; tối lại thì viết khẩu hiệu ở vách tường, công an đem vôi lại quét thì anh em lại viết.

Phần chúng tôi trù liệu một cuộc họp báo nên dự định cho người vô Đà Nẵng mời cha Luận về - đi bằng xe lửa để ít ai để ý. Có người tin cho chúng tôi biết vài sinh viên bị bắt. Anh em sinh viên và chúng tôi quyết định nếu Chánh quyền khủng bố mạnh thì giáo sư và sinh viên phải biểu tình.

Anh em sinh viên còn quyết liệt hơn: hễ một giáo sư ban nào bị bắt thì có ngay một sinh viên ban ấy tự thiêu để phản đối. Và đã có bảy sinh viên ở bảy phân khoa tình nguyện hy sinh.

- Thật là một tiết lộ bất ngờ ! Chúng tôi ở Sài Gòn rất ít ai biết điều này.

- Chúng tôi lại được biết trong khoảng từ 21 đến 23 Sài Gòn sẽ có cuộc biểu tình lớn. Huế sẵn sàng ủng hộ. Chúng tôi còn nghe tin Chánh quyền dự định bắt anh Lê Khắc Quyến và tôi, vì họ cho rằng mất hai chúng tôi thì phong trào tranh đấu của giới giáo sư và sinh viên sẽ tan ngay.

- Biết thế, các anh có định lánh mặt chẳng?

- Việc bị bắt chúng tôi có nghĩ đến, còn việc lánh mặt thì không. Trốn tránh lẩn núp là cho việc làm của mình sai bậy; hơn thế

nữa, đối với học trò và bạn bè của mình là một sự phản bội.

Thấy tôi không hỏi gì thêm mà có chiều tư lự, anh ngược nhìn tôi bằng đôi mắt.

- Anh làm tôi nhớ lại một bạn khác, bạn thân với Nhất Linh. Anh bạn này có nói với tôi nhân cùng bàn về cái chết của Nhất Linh: “Anh Nhất Linh quan niệm rằng người lãnh đạo có bốn phận đi trước quần chúng, và khi cần phải chết trước quần chúng chớ không phải quan niệm như Cộng sản. Người Cộng sản quan niệm rằng nêu cần thì hi sinh quần chúng để bảo vệ cấp lãnh đạo, và cấp lãnh đạo có bốn phận đi sau quần chúng, và có gì nguy thì lẩn tránh ngay để chờ cơ hội thuận tiện; quần chúng lúc nào cũng có sẵn có hao hụt cũng chẳng sao, còn một người lãnh đạo phải mất nhiều công phu và thời giờ để đào tạo, và lắm khi mất một người lãnh đạo là thiệt hại cho cả một phong trào ... »

- Chúng tôi có thái độ như thế quyết không lẩn tránh, vì nghĩ đó là thái độ phải chăng của người trí thức. Và (anh mỉm cười) xin anh chớ xem chúng tôi là những “nhà cách mạng” hay những “lãnh tụ một phong trào quần chúng” mà phê phán.

Mình đi xa câu chuyện rồi ! Chúng tôi họp đến một giờ mới chia tay. Qua một giờ rưỡi chúng tôi liên lạc được với nữ Trung học Đồng Khánh, được tin là đến 5 giờ Đồng Khánh sẽ có bản tuyên ngôn. Thế là ngày 20, chúng tôi có một cái gì “mới” rồi. Ngày 21 sẽ đến phiên nam Trung học Quốc học. Chúng tôi hăng hái hơn, chia nhau vận động các giáo sư các trường tư, các cựu sinh viên Đại học Sư phạm để họ hưởng ứng phong trào mà lần lượt tung ra những bản tuyên ngôn. Thắng lợi chót của chúng tôi về mặt này là lúc 14g.30, anh em giáo sư Cao đẳng Mĩ thuật đồng ý với chúng tôi về nguyên tắc tranh đấu, trong đó có anh giám đốc Mai La Phương. Chúng tôi sắp đặt chương trình hành động cho những ngày 21, 22 và 23.

Hai giờ chiều, chúng tôi về nhà hàng Morin thì biết được ông Thế bắt đầu mở cuộc phản công. Ông vừa ra Thông cáo số 1 cho hay từ đây các giáo sư muốn họp phải có phép.

Ba giờ, thông cáo ấy đến tay chúng tôi. Đại ý là các khoa trường và giáo sư hay Tổng hội Sinh viên muốn sử dụng các phòng họp và giảng đường phải xin phép trước tòa viện trưởng. Những cuộc họp báo hay thảo luận về tôn giáo, chính trị phải xin phép thêm ông thị trưởng thành phố Huế.

Nhưng trong phạm vi viện Đại học, chúng tôi còn có quyền họp tại phòng giáo sư. Độ ba chục anh em chúng tôi đã họp tại đây và đối phó lại thông cáo số 1 của ông tân viện trưởng bằng Thông cáo 2, cho rằng ông này đã hành động trái với truyền thống Đại học, vốn tự trị, tự do.

THÔNG CÁO SỐ 2

Các Khoa trưởng và Giám đốc ký tên sau đây cực lực phản đối việc ông Trần Hữu Thế vừa ra Thông cáo số 1 ngày 20 tháng 8 năm 1963 cho biết rằng: “Những cuộc hội họp trong các phân khoa Đại học phải được Tòa Viện trưởng cho phép”

Điều khoản trên của thông cáo này không dựa trên một văn bản pháp lý nào và trái với tinh thần Tự do và Tự trị của các phân khoa Đại học từ trước đến nay.

Huế, ngày 20 tháng 8 năm 1963

Các Khoa trưởng Đại học Y khoa, Luật khoa, Khoa học: Lê Khắc Quyến, Bùi Tường Huân, Tôn Thất Hanh.

Các Giám đốc Học vụ Đại học Sư phạm: Nguyễn Văn Trường, Lê Tuyên

- Và thông cáo 2 này, các anh cũng đưa cho tòa lãnh sự Mỹ như thông cáo 1 ?

Anh gạt đầu.

- Chúng tôi định cho chụp hình lại để gửi các cơ quan ngoại quốc khác, và hủy bản chánh. Nhưng hiệu làm “photocopie” lại thất bại bảo để mai mới làm.

- Các anh có ngờ rằng hiệu này đã được lệnh trên “dạy” làm thế chẳng ?.

Lúc đó thì không ngờ nhưng sau này, nhớ lại thì nghi có bàn tay chánh quyền trong đó. Bởi “ngày mai”, hôm sau, có nghĩa là chẳng bao giờ. Phần ông Thế, ông vội vã cho ra thông cáo số 2 để “trấn an” sinh viên và dư luận. Nội dung thông cáo số 2 cho hay “những chứng chỉ Đại học khóa hai sẽ tiếp tục thi và ngày tựu trường sẽ định sau khi thi xong. Đặc biệt là các thông cáo số 1 và số 2 của ông viện trưởng Thế đều có sao gửi “Thiếu tướng Tư lệnh quân khu I” cả.

- Anh em sinh viên hẳn ngày ấy cũng hoạt động mạnh để “trả lời” lại ông tân viện trưởng?

- Mạnh hơn bao giờ hết. Và cả hai phe!

- Hai phe?

- Có gì mà anh lầy lăm lạp. Một phe chống áp bức, bạo tàn, thì viết lại thông cáo của chúng tôi đem đi dán khắp phố phường. Nhóm bị mua chuộc thì hoặc viết lên thông cáo kia hai chữ “Đả đảo” to tướng, hoặc đi rải truyền đơn chống lại thầy, chống lại bạn.

- Những phần tử này chỉ chống lại các anh hay có còn làm gì khác ?

- Làm gì thì chưa thấy nhưng nói thì rõ ràng lắm. Họ dọa ... bằng chữ rằng chúng tôi là bọn phản dân, phản nước, không sớm quay về với chánh nghĩa quốc gia thì họ sẽ đâm lủng ruột, họ sẽ chặt đầu. Họ đã hăm dọa ngay trên đài phát thanh bằng cách chỉ tên những giáo sư đã hướng dẫn sinh viên biểu tình và cho là phản động.

Không khí căng thẳng hơn lúc nào hết nên chúng tôi sắp đặt cho người vào Đà Nẵng mời cha Luận về Huế ngay.

- Còn như trường hợp linh mục không thể về hay không muốn về ?

- Thì cha dùng kí vào bất cứ giấy tờ gì.

- Bởi vì ...

- Bởi vì cha thì rất thực thà. Mà họ thì rất điêu ngoa.

Nhưng rồi ba giờ đêm ấy chùa chiền bị tấn công. Nhà tôi ở trên đường đi đến chùa nên tôi nghe rõ cả tiếng mõ, tiếng chuông, tiếng kêu cầu cứu. Đồng bào ở quanh chùa bèn đánh mõ đánh thùng thiếc để báo nguy. Đợt xung phong đầu, cảnh sát chiến đấu bị thanh niên sinh viên học sinh và các đạo hữu trong chùa dùng gậy, củi đẩy lui. Lúc ấy họ chưa được lệnh bắn. Nhưng rồi **tiếng súng đầu tiên nổ**. Em anh Trí đi xe vêlô lại báo tin nhà anh Trí đã bị bắt cóc, rồi hỏi hỏi đáp xe đến các nhà anh khác.

- Anh có ý nghĩ thoát thân chằng ?

- Ngay lúc đó thì có. Tôi nghĩ đến tòa Lãnh sự Mỹ, ở cách nhà tôi độ 200 thước. Nhưng rồi xét lại, tôi trốn không có lợi. Chỉ thoát được thân mình. Đã làm thì chịu trách nhiệm. Mười lăm phút sau khi em anh Trí báo tin, thì nhà tôi bị bao vây. Chúng kêu mở cửa. Lúc ấy là 4 giờ sáng. Tôi không cho mở, cố ý để họ mất thì giờ và buộc họ dùng bạo lực. Họ phá cửa trước không được họ phá cửa sau. Trong lúc đó tôi lo hủy gấp một số tài liệu bằng cách xé ra và nuốt vào bụng, và thu dấu một số tài liệu khác. Lúc họ vô nhà, tôi đứng ở trên lầu lắng tai nghe. Họ vào phòng máy đưa con tôi và bật đèn hỏi tôi. Họ đánh đập chúng tôi lên tiếng hỏi họ muốn gì.

Tôi cười:

- Thì họ muốn gì anh dư biết rồi kia mà ...
- Ấy đó, mà họ hỏi lại tôi” Đây có phải nhà ông Lê Trọng Vinh không ?”
- Thế là họ lộn nhà. Nhưng tốp tìm anh họ lại đi đâu ?
- Sau, hỏi ra, thì tốp đó về làng tìm tôi ở Kẻ Vạn. Họ tưởng tôi không đại gì ở ngay giữa Huế.
- Rồi họ bỏ đi ?

- Không. Họ đòi tôi đưa thẻ căn cước. Họ xuống lâu nói với xếp họ đây không phải nhà Lê Trọng Vinh mà là nhà Lê Tuyên. Người này “A” lên, “Lê Tuyên cũng có tên trong sổ !”.

Ông ta mời tôi xuống. Tôi lúc đó mặc đồ bị da ma, xin trở lên lâu thay đồ thì ông ta lắc đầu, bảo cấp trên mời tôi đến hỏi chuyện riêng một chút rồi về. Họ đưa tôi đến nha cảnh sát. Tôi là người thứ sáu được Chánh quyền “mời đến hỏi chuyện riêng”

- Anh có thể cho biết năm người đến trước ?
- Ba bạn đồng nghiệp: Trí, Trường, Nam; một giáo sư trường Quốc học và ông hiệu trưởng trường tư thục Bồ Đề.
- Chưa có anh Quyến ?
- Mãi đến 8 giờ, anh Quyến mới bị bắt.
- Về vụ anh bác sĩ Quyến bị bắt, tôi có biết một anh bạn cũng bác sĩ rất khổ tâm về vụ này. Tiện đây, tôi xin kể lại cho anh nghe.

Người bạn của tôi còn trẻ, ở ngoại quốc về không bao lâu. Anh được bổ làm giám đốc một bệnh viện nọ ở lục tỉnh. Khi hay tin người bạn đồng nghiệp ở Huế bị Chánh quyền bắt ngang rồi tổng giam chẳng đưa ra tòa án xét xử, anh rất đỗi bất bình, và vì còn trẻ, vì về nước chẳng lâu, anh trông ngóng các bậc đàn anh, giám đốc các bệnh viện trong toàn quốc lên tiếng phản đối vụ bắt giam trái phép này để tỏ tình liên đới, và anh tưởng thế nào rồi các bậc ấy sẽ có đơn từ chức, thì hạng đàn em như anh sẽ sẵn sàng để trả chức. Nhưng uổng công anh ngóng trông và dò hỏi. “Sống chết mặc ... mày !”. Anh không thể làm gì hơn là bực dọc với mình và khinh các “bậc đàn anh” ấy. Anh âm ức nói với tôi sau đó một tháng: “Anh tưởng tượng nếu giám đốc tất cả bệnh viện trong nước đều từ chức một lượt để phản đối chuyện anh Quyến thì cuộc đời chắc chẳng êm rơ như thế này, và “họ” cũng bớt khinh bọn trí thức chuyên việc “cứu non độ thế”.

- Anh Quyến biết được việc này chắc anh được an ủi nhiều lắm. Chính tôi sau này rất buồn cho cái giới trí thức nước nhà, trong đó có mình ! Cọng sản họ khinh, họ Ngô xem rẻ, rồi đến lớp trẻ xem

thường là đáng lắm. Không dám lãnh trách nhiệm, chẳng dám có sáng kiến, cứ đùn trách nhiệm cho cấp trên, cứ tưởng mình khôn ngoan thận trọng nhưng thật ra nhút nhát và hèn nhát hơn ai !

- Chắc ngoài anh em trong giáo giới, còn các tầng ni, sinh viên, học sinh ?

- ... và Hướng đạo nữa. Chiều, thêm một số ít đồng bào.

- Số người bị bắt ngày 21 ấy chắc là đông lắm.

- Tôi phỏng độ **ngàn người**. Họ nhốt vào hội trường của nha cảnh sát, vốn chứa ngày thường được ba trăm người là nhiều.

- Nhốt chung như thế, các anh lúc ấy có hiểu lí do cuộc bắt bớ này chăng ?

- Chưa một ai hiểu. Chỉ phỏng đoán có lẽ là một vụ Saint Barthélémy mới, mà nạn nhân không phải là người theo đạo Phản Thệ (Tin Lành) mà là Phật giáo đồ. Chúng tôi bàn với nhau: nhất định không rút đơn từ chức. Nhưng nếu Chánh phủ giải quyết trong vòng danh dự đôi bên, trung dụng chúng tôi thì chúng tôi làm việc lại.

- Các anh bắt đầu ... bị quan chưa ?

- Trái lại là khác. Trọn ngày 21, chúng tôi lạc quan, mà ai bị bắt cũng lạc quan như chúng tôi. Hẳn là Sài Gòn đã xảy ra gì quyết liệt nên ở đây họ mới dùng biện pháp thất nhân tâm này. Mà nếu chưa có gì xảy ra hôm nay thì cũng có cái gì xảy ra ngày mai ngày mốt: phải bắn phá chùa chiền, bắt bớ sư vĩ trí thức sinh viên như thế ni, là **báo hiệu con giầy chết của chế độ**. Riêng chúng tôi thì nghĩ: mình thất một trận đánh nhưng rồi mình thắng cả trận giặc.

Trưa hôm sau - thứ năm 22-8 - người ta mời anh Quyển đi. Năm phút sau, đến phiên tôi. Tôi theo người dắt đi vô một hành lang tối om. Một người cảnh sát chiến đầu chờ sẵn, dí sung lục vào bụng tôi và bảo tôi cởi quần áo ra. Tôi bảo tôi không có mặc đồ lót. Anh ta cau mặt rồi giữ áo quần cùng gương trắng, anh ta ra lệnh vô một cái phòng. Tôi vừa để chân vào xà lim thì anh ta to tiếng chửi ...

- Anh ta chửi có chút gì ... văn chương không ?

- Văn chương thì không, mà tục tằn cũng không nốt. Chỉ có điều trắng trợn.

- Vậy xin anh lập lại ... Cũng là một tài liệu !

- “Tài liệu” này có hai đoạn. Đoạn đầu, thông thường; Đoạn sau, thật là bất ngờ. Bất ngờ đối với tôi. Tôi xin lập lại:

“*Đồ Việt gian, đồ phản động, đồ Cộng sản ! Tụi bây thắng thì tụi bây cắt cổ tụi tau, còn tụi tau thắng thì tụi tau cắt cổ tụi bây !*”

Rồi hẳn đóng sầm cửa xà lim, khóa và niêm lại. Khoảng một giờ sau, họ mang cho tôi một cái thùng sắt Tây sét ri để tôi đi ngoài.

- Anh bị nhốt xà lim mấy ngày ?

- Năm tuần

- Com nước ra sao, anh ?

- Ngày hai đĩa com nửa chín nửa sống với một ít xì dầu.

- Anh ăn được chứ ?

- Lần đầu, tôi đành chịu. Nhưng rồi cổ nhấm mắt. Còn nước thì họ cho mỗi ngày một chai, thứ chai xa xỉ đó, để dùng trọn ngày trong một lúc cho đủ mọi thứ, uống, rửa tay, rửa mặt, v.v... Xúi nỡ tôi quên, họ có để cho tôi đôi dép Nhật để đi. Tôi không đi mà dùng chúng để gói đầu. Nền xi măng lâu đời bề vụn, nằm khó chịu vô cùng. Chẳng dám lặn vì lặn thì rách da.

- Trong 5 tuần xà lim ấy, chắc anh không giữ một kỉ niệm nào êm ấm cả ?

Mất anh chớp chớp:

- Có, anh à. Đời thỉnh thoảng cũng dành cho mình đôi cái bất ngờ sung sướng đến có lúc mình ngờ mắt ngờ tai. Đêm thứ ba, phiên gác vừa đổi, tôi nghe có tiếng gõ cửa. Tôi thức mà làm thinh. Có tiếng gọi khe khẽ: “Thầy ! Thầy ...”, rồi một miếng giấy khá lớn được chuôi vào dưới khe cửa. “Em là một Phật tử đây thầy; thầy lấy giấy này để lót lưng cho đỡ đau đỡ lạnh. Đến 5 giờ sáng đổi phiên gác, em gõ cửa, thầy chuôi miếng giấy ra cho em kéo chúng nó bắt gặp thì chết thầy chết em”. Và, sau đó, hể tới phiên gác của người lính Phật tử mà tôi không biết tên biết mặt là lưng tôi được “sướng” mấy giờ.

Chúng tôi bị bắt sáng thứ tư 21-8, thì đến chủ nhật 25-4 họ tha gần hết, còn có 5 người trong ban chỉ đạo; các anh Trường, Hanh, Huân, Quyền và tôi, cùng với anh Võ Như Nguyễn thuộc viện Hán học. Anh Nguyễn lãnh đạo phong trào ở viện này.

- Bốn anh kia cũng bị nhốt xà lim như anh ?

- Chỉ có mình anh Quyền và tôi vì chỉ có hai xà lim. Ba anh kia được nằm ghế bố có mừng.

- Còn các anh chỉ đạo anh chị em sinh viên ?

- Ba anh Giàu, Thơ, Bình thì vẫn bị giam cạnh đây.

- Ngày đầu, đêm đầu nằm xà lim, chắc anh khổ sở lắm ?

- Khổ sở và mất hết tinh thần. Vì hoàn cảnh thay đổi quá đột ngột và quá khác. Nhưng rồi cái gì cũng quen đi, và nói như ai đó, con người là con vật dễ thích nghi với hoàn cảnh nhất. Đến ngày thứ sáu thấy bớt khó chịu nhiều, qua ngày thứ bảy thì thấy như thường.

Tôi nhìn anh chăm chú và hỏi:

- Đố anh biết tại sao ngày thứ bảy anh chẳng thấy khó chịu ?

Anh đẩy gọng kính, nhìn lại tôi. Tôi nói vì Đức Chúa Trời tạo ra cái thế giới này trong sáu ngày thôi. Qua ngày thứ bảy, Ngài bèn xoa tay mà đi nghỉ vậy ! Anh cười.

Tôi hỏi:- Anh có tìm được cách gì để giết thì giờ không ?

- Được hai cách. Một là gỡ những miếng xi măng vụn dính vào người, hai là hát nghêu ngao ...

- Mấy ngày sau họ mới thả vấn anh ?

- Năm ngày sau. Buồn cười một nỗi là những kẻ thả vấn tội trạng lại là cán bộ Việt Minh cũ.

Có gì lạ đâu anh. Sau khi phụng thờ một chế độ hết sức duy vật thì họ lại phụng sự một chính thể cực kỳ ... duy linh ! Những cái cực đoan rồi sẽ đụng nhau ! Chắc họ hỏi anh về đêm ?

- Đúng vậy. Từ 9 giờ tối đến 4 giờ sáng. Họ thường dựng đứng tôi trong khoảng ấy. Như tôi đã nói với anh, tôi không bị tra tấn, họ nói tôi rất ư lịch sự.

- Và những khi đó, họ cho anh ...

- Phải, họ cho tôi mặc quần áo, đưa gương cho tôi mang đằng hoàng.

Họ hỏi khéo léo lắm, định dồn chúng tôi phải nhận ba điều này: có liên lạc với Phật giáo; có liên lạc với tòa lãnh sự Mỹ; định từ chức trước lúc cha Luận bị cách chức. Mục đích của họ là cố gài tôi gián tiếp nhận để đưa tôi ra tòa án Quân sự. Nhưng tôi trước sau vẫn trả lời: Không.

- Họ hỏi anh từ ...

- Từ 20-8 đến 20-10. À, có lúc họ hỏi tôi luôn ba đêm liền. Một là một. Có khi họ cho nghỉ vài đêm rồi kêu hỏi lại. Sau, Sài Gòn có gọi một phái đoàn ra hỏi nữa.

- Như thế, những lúc quá mệt, anh có khi nào trả lời cho rồi để về ngủ cho khỏe !

- Không khi nào. Vì mình biết họ cố ý hỏi mình trong lúc nửa tỉnh nửa mê, làm cho tinh thần mình căng thẳng tột độ để mình không làm chủ được mình nên tôi hết sức giữ vững tinh thần. Không là không.

- Thế thì kết quả ...

- Kết quả là họ đánh cần mình khai ra sao. Họ **tự tiện dựng đứng hồ sơ mình** để đi đến kết luận: mình đã chống đối và khuynh đảo Chính phủ thì Tòa án Quân sự ! Và là Tòa án Quân sự Mặt trận

nghĩa là không có quyền có luật sư, không có kháng cáo, bản án được thi hành ngay.

- Mấy anh kia có ai cũng một cảnh đoạn trường như anh không?

- Có. Đó là Thượng tọa Thích Trí Thu, bác sĩ Lê Khắc Quyến, anh Võ Như Nguyễn (ở viện Hán học) và hai anh sinh viên Võ Văn Thơ và Hoàng Văn Giàu.

- Sao anh biết họ dựng đứng hồ sơ anh và các người anh vừa kể ? Vì các anh chưa bị tòa án Quân sự xử.

- Tôi biết vì chính mắt tôi thấy những tài liệu buộc tội ấy. Họ có đốt đi nhưng còn sót.

Tôi xin kể tiếp. Đến tuần thứ năm tôi bị ho ra máu, họ bèn đưa tôi ra ở ngoài. Tôi xin đi bệnh viện họ không cho. Hai bác sĩ đến khám tôi đều yêu cầu ông giám đốc cho tôi đến bệnh viện để rọi kiếng. Ông giám đốc không cho là không cho. Ông ta yêu cầu cho tôi thuộc solucamphre mà không cho phép nói ra ngoài là tôi đau bệnh chi, chắc là sợ người ta bảo tôi vì bị giam mà ho ra máu.

- Anh có làm bạn với con rệp con muỗi nào trong thời ở xà lim không?

- ...

- Tôi có vài người bạn cũng bị nhốt xà lim như anh, cũng trong vụ chống chế độ cũ vừa qua. Các anh ấy bảo lần đầu trong đời phải chịu cảnh cô độc hoảng sợ vô cùng, Cho nên bất cứ có sự sống nào hiện diện là các anh bám ngay. Và chính do nhu cầu quá cần thiết này mà các anh làm chủ được phản ứng đập liền rệp, muỗi hút máu mình. Các anh sung sướng để chúng tha hồ hút máu các anh. Nuôi chúng sống để thấy ngoài mình còn có một sinh vật đại diện cho sự sống trong cái cảnh địa ngục giữa trần gian ấy. Tôi lại đi xa đề mất !

À, anh vẫn bị nhốt ở nha Cảnh sát cho tới ngày đảo chánh thành công ?

- Ngày phái đoàn Liên Hiệp Quốc ra Huế để điều tra - tức là ngày thứ tư 30 tháng 10 - họ đưa tôi đến Cơ quan đặc biệt Phản gián, chung quanh chôn mìn sắn và bố trí như một pháo đài. Tới đây, tôi thấy hai anh Nguyễn, anh Quyến, và bất ngờ hơn hết là sau hai năm mất tăm dạng, anh Dương Kỳ ngồi ung dung gọt cà rốt !

Họ dặn chúng tôi phải nói với phái đoàn Liên Hiệp Quốc là chúng tôi bị giam ở đây là vì có tội với Chánh phủ. Phái đoàn có hỏi tội gì thì trả lời không được biết. Điều quan trọng là nói *không có kì thị tôn giáo* ở nước Việt.

Nhưng khi họ đưa anh Bính (còn là tổng thư kí đoàn sinh viên Phật tử) gặp phái đoàn thì anh Bính nói toạc ra tất cả sự thật. Vì thế họ miễn cho chúng tôi màn kịch ấy.

Rồi 8 giờ rưỡi ngày 2 tháng 11, họ cho gọi anh Lê Mộng Đào, anh Võ Văn Thơ, chị Cẩm Hà (một nữ sinh) và tôi. Thiếu tá giám đốc nhân danh Hội đồng Quân nhân Cách mạng cảm ơn chúng tôi đã tích cực tham gia vào việc lật đổ chế độ thối nát và bạo tàn của họ Ngô Đình, và xin trả lại tự do cho chúng tôi. Chúng tôi nghe vậy mà chẳng hiểu ắt giáp gì.

Tôi lững thững về Đại học Sư phạm, tức Morin cũ.

- Sao anh không về nhà trước ?

- Vì nhà tôi ở xa. Tối viện, thấy sinh viên đã tụ họp sẵn để đi rước chúng tôi. Chùng ấy tôi mới biết đầu đuôi tự sự. Được biết còn các anh Quyền, Nguyễn, Giàu, Bính chưa được thả, anh chị em sinh viên bèn kéo đi đón.

Anh thờ dài như trúc xong một gánh nặng.

- Thế là anh mất tự do tất cả là ...

- ... 73 ngày.

- Trong 73 ngày giam cầm ấy, ngày nào anh cảm thấy xót xa nhất?

- Đó là ngày chủ nhật 25-8, ngày tôi được nghe một bạn đồng nghiệp từng sát cánh đấu tranh với mình nói qua đài phát thanh tố cáo mình là một tên lưu manh trí thức. Tôi cũng có biết vài bạn yếu bóng vía, có vài hành động phản bội, tôi chỉ buồn thôi chứ không có xót xa tận đáy lòng như khi nghe anh bạn kia buộc tội qua làn sóng điện. Nhất là họ mở ra-đô cho mình nghe từ 6 giờ sáng đến 10 giờ tối, mục đích để khủng bố tinh thần mình.

- Ra rồi, anh có nghe gì về việc đưa anh ra toà án Quân sự ?

- Có sắc lệnh kí từ lâu để mở những tòa án quân sự đặc biệt, nhưng chưa có vùng chiến thuật nào mở. Nếu không có cuộc đảo chánh ngày 1 tháng 11 năm rồi thì tôi sẽ “được” tòa án Quân sự xử vào ngày 6 tháng 11. Mà như anh biết, bị đưa ra tòa này thì hoặc được tha bổng hoặc bị xử tử. Tội của tôi, thật ra, thì chỉ có một là không đưa kiểm duyệt ấn phẩm trước khi phổ biến, một tội về mặt hộ. Nhưng mà khi người ta không muốn mình sống thì không có tội gì cũng phải chết, huống chi là có một tội.

Vụ đưa ra tòa án Quân sự ngày 6 là thời bình. Chớ vào đêm thứ sáu mùng 1, lúc 22 giờ - sau khi tiếng súng cách mạng nổ được 8

tiếng rưởi đồng hồ, thì tại dinh ông Cẩn, Hội đồng Quân sự đã họp và lên án xử tử anh Quyến, anh Nguyên, một số sinh viên (Giàu, Thơ, Bính) và tôi. Gặp thời “loạn”, người ta có thể hành quyết chúng tôi lúc nào cũng được. Nhưng một giờ sau, tướng Đỗ Cao Trí tuyên bố đứng bên phe cách mạng, ra lệnh ngưng thi hành tất cả mệnh lệnh của chánh phủ cũ ...

- Thế là mạng anh lớn lắm !

Anh cười nhẹ, cúi nhìn lòng bàn tay trái.

- Được tự do, anh vui. Nhưng hẳn sau đó, anh cũng được nghe thấy vài điều buồn.

Anh im lặng một hồi.

- Tôi xin kể vài trường hợp điển hình.

Trước hết, về cá nhân.

Chúng tôi có được tờ truyền đơn từ Genève gởi về cho biết Chánh phủ Ngô Đình Diệm sẽ bị lật đổ và ông Bửu Hội sẽ đứng ra lập chánh phủ mới. Bửu Hội là dân Huế, lại là Phật tử, lại có truyền đơn kia nên khi ông ta về Huế trong hai ngày, anh Quyến đã gặp Bửu Hội để nói rõ sự thật về vụ đàn áp Phật giáo ở Huế cho ông ta biết, cùng những dự định của nhóm chúng tôi để mong ông giúp đỡ về mặt tinh thần.

Anh Quyến mời nhà bác học này về nhà đãi cơm và giải bày tất cả những thống khổ của một nhóm người có học. Chẳng dè về Sài Gòn, ông ta **mách lại với ông Nhu** tất cả !

- Có bằng chứng gì về sự phản bội lịch sử trí thức này không ?

- Chính một nhân vật trong chính phủ cũ – xin anh miễn cho tôi việc nói tên vị này – đã nói lại với chúng tôi. Và đã thêm: “Bửu Hội nó bán đứng anh em lấy 80.000 đô-la qua Tây ăn hút, tướng thế cũng quá lắm rồi. Nào ngờ nó còn mặt dạn mày dày đi New York nói láo nói khoét nữa. Tôi không ngờ nó lại hèn đến thế !”

- Còn trường hợp cá nhân nào nữa không anh ?

- Còn. An ninh quân đội có bắt được một số tài liệu của chúng tôi. Họ đem ra nghiên cứu. Một nhân viên reo lên: “Thằng cha Tuyên tới số rồi ! Phen này nó chạy đâu cho khỏi chết. Giọng của nó đây này. Tao còn lạ gì, tao học với nó mấy năm !”

- Ai nói lại với anh ?

- Em tôi. Nó làm chung một chỗ với người học trò cũ nọ. Tôi kể tiếp: Một sinh viên ở Đại học Sư phạm dán truyền đơn xin thả tôi, bị bắt bị tra điện. Nay chưa trở lại bình thường ...

- Anh cho biết đôi trường hợp tập thể.

- Một phái đoàn của bộ Giáo dục và giáo sư Đại học Sài Gòn ra Huế ngày 25-8-63 (ông Trinh và ông Thới cầm đầu), lên án thái độ chúng tôi, bắt anh em làm kiến nghị dâng lên Tổng thống, gián tiếp buộc tội chúng tôi.

- Tôi còn nhớ kiến nghị này, trong đó có đoạn bắt hủ: “... *nhớ ơn cao dày của Tổng thống*”

- Giáo sư Đại học Sài Gòn làm chúng tôi thất vọng đến ê chề. Họ không có một phản ứng gì khi chúng tôi từ chức, khi chúng tôi bị bắt. Tuy vậy, chúng tôi còn hiểu họ. Chớ họ chẳng một lời gì tỏ tình thông cảm khi chúng tôi được tự do – sau khi chế độ họ Ngô bị lật đổ - thì quả là chúng tôi không hiểu họ nổi. Có khi chúng tôi nghĩ: “Nếu giáo sư Đại học Sài Gòn mà lên tiếng ủng hộ lập trường của chúng tôi thì biết đâu...”. Thú thật với anh, lúc mới về tôi tính phớt qua ..., nhưng càng lâu lại càng thấy khó chịu, nhưng mà muốn sống thì phải quên ..

- Anh làm tôi nhớ lời một người bạn ở viễn phương: “Tôi có thể tha thứ nhưng tôi không thể quên”. Nhưng sau cơn “mưa gió” hẳn giờ anh có gì khác trước trong cuộc sống ?

- Tôi trở nên dè dặt trong việc giao tế. và tôi hạn chế sự giao thiệp. Trước kia tôi cởi mở, giờ đây tôi giữ gìn. Đó là một kinh nghiệm, theo anh, hay hay dở ?

Tôi không trả lời anh, nâng tách nước trà bây giờ nguội như nước lạnh:

- Giờ, chúng ta có thể uống nước.

12 tháng chạp, Quý Mão 64

Nguyễn Ngu Í

Ghi chú:

- (1) Anh có chân trong Hội đồng Nhân sĩ
- (2) Rằm tháng 4 năm Quý Mão (nhằm ngày thứ tư, 8 - 5 - 1963)
- (3) “Nghĩa địa đầy những kẻ cho mình không ai thay thế được”

GIAI ĐOẠN KHỞI THUYẾT SỰ SỤP ĐỔ CỦA NỀN ĐỆ NHẤT VNCH

Trần Văn Thương

Năm Canh Tý (1960)- năm tuổi của Tổng Thống Ngô Đình Diệm- là năm khởi thủy sự sụp đổ nền Đệ Nhất VNCH, vì hai biến cố chính trị và hai biến cố quân sự. Biến cố chính trị gồm bản tuyên ngôn của nhóm Caravelle ngày 26-4-1960 [1] và sự ra đời của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam ngày 20-12-1960 [2]. Biến cố quân sự gồm trận đánh Trảng Sập ngày 26-1-1960, và cuộc đảo chánh của Nhảy Dù ngày 11-11-1960 [3].

Trận đánh Trảng Sập ngày 26-1-1960 [3, 4, 5]

Xử uỷ Nam Bộ chủ trương mở một trận đánh giành thắng lợi để thúc đẩy phong trào nổi dậy của quần chúng Miền Nam, và thu vũ khí chiến lợi phẩm. Ban quân sự VC chọn lựa mục tiêu Trảng Sập cách tỉnh lỵ Tây Ninh khoảng 8 cây số, do Trung đoàn 32 BB [tiền thân của Trung đoàn Biệt lập 48 BB, rồi sau đó sát nhập vào SĐ 25BB] thuộc Sư đoàn 21/Quân lực VNCH trấn giữ [3,4,5]. Trung tá Trần Thanh Chiêu, Tư lệnh SĐ21/QLVNCH, là một đảng viên Cần Lao, không có kinh nghiệm chỉ huy chiến trường, nhưng **chỉ trong 5 năm mà đã được thăng cấp từ Trung úy lên Trung tá** [3]; thông thường một cấp trung úy thời ấy được thăng đại úy cũng mất 4 hay năm, rồi đại úy lên thiếu tá cũng mất ít nhất 4 hay 5 năm nữa. Dĩ nhiên thời gian việc thăng cấp trong thập niên 1970 khác hẳn vào những năm đầu của thập niên 1960.

Lực lượng VC gồm 3 đại đội bộ binh, một đơn vị đặc công dưới quyền chỉ huy của tên VC Nguyễn văn Xuyên [4]. Quan niệm hành quân của VC là kết hợp các yếu tố nội tuyến, bí mật và bất ngờ tấn công vào một trung đoàn của SĐ 21. Trận đánh diễn ra rất nhanh vì địch hoàn toàn chủ động. Tôn thất bên ta là khoảng 400 tử trận, 500 bị địch bắt làm tù binh cùng vô số vũ khí bị lọt vào tay địch.

Vấn đề đặt ra là tại sao Trung đoàn 32 của SĐ21BB vũ trang đầy đủ, gồm phần đông sĩ quan và binh sĩ có tinh thần chống Cộng

cao độ và đầy kinh nghiệm chiến trường mà lại thua đậm trong trận này ?

Tôi khẳng định rằng QLVNCH là một quân đội thiện chiến và có chính nghĩa; vì vậy chúng ta không thể bị thua một cách nặng nề như vậy. Những năm trên mạc từ cấp trung đội trưởng đến tiểu đoàn trưởng xác minh cho lời khẳng định của tôi. Thế thì tại sao một trung đoàn thiện chiến của ta lại thua như thế???. Sau đây là những lý do quân ta bị thua:

- Thứ nhất, tiêu chuẩn chọn lựa 9 vị tư lệnh sư đoàn tác chiến thời đó là sai nguyên tắc. TT Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu **bổ nhiệm 7 sĩ quan Cần Lao Công Giáo làm tư lệnh sư đoàn** [3, tr. 403] mặc dù đa số thiếu kinh nghiệm chiến trường và kinh nghiệm tham mưu; Trung tá Trần Thanh Chiêu hay hai vị tư lệnh trong trận Ấp Bắc là một trường hợp điển hình. Thông thường, tinh thần và khả năng thiện chiến của đơn vị tùy thuộc vào khả năng chỉ huy và kinh nghiệm chiến trường của cấp chỉ huy. Trường hợp chiến thắng và can trường của Tiểu đoàn 1/8 SĐ5BB là một trường hợp điển hình vì TĐ được chỉ huy bởi một tiểu đoàn trưởng ưu hạng-Châu Minh Kiến-;rồi khi Trung tá Kiến tử trận, một sĩ quan thiếu kinh nghiệm chiến trường thay thế ông, đã đưa tiểu đoàn 1/8 từng là một đơn vị thiện chiến nhất QĐ III, thành một tiểu đoàn với khả năng tác chiến và tinh thần xuống cấp tới mức hạng tồi.

(theo www.generalhieuo.com)

- Thứ hai là quan niệm hành quân sai lầm của Trung tá Trần Thanh Chiêu Tư Lệnh SĐ21 BB cho cả trung đoàn bỏ súng trong kho, để đề phòng quân biển, chỉ để lại một trung đội ứng chiến canh gác với súng đạn đầy đủ mà thôi [4].

- Thứ ba là chính sách **tiêu diệt đạo Cao Đài**; hậu quả là mất lòng dân cũng như mất tình báo nhân dân. Chính Trung tá Trần Thanh Chiêu đã thú nhận dân chúng tại Tây Ninh không có cảm tình với quân đội [3]. Tại sao? Câu trả lời là tại đại đa số dân Tây Ninh theo đạo Cao Đài, mà chính phủ lại kỳ thị tôn giáo Cao Đài và tại cái chết bí ẩn của Tướng Trịnh Minh Thế, nên SĐ 21 thiếu yếu tố tình báo nhân dân tại Tây Ninh.

- Thứ tư là có VC nội ứng. Phải chăng chính sách thất nhân tâm của chính phủ như kỳ thị tôn giáo, kỳ thị đảng phái chống Cộng... là một trong những nguyên nhân của nội ứng?

Vụ Đảo Chánh Ngày 11-11-1960

Vụ đảo chánh do lực lượng Nhảy Dù dưới quyền chỉ huy của Đại tá Nguyễn Chánh Thi là hậu quả dây chuyền của chính sách sai lầm của chính phủ.

Đại tá Nguyễn Chánh Thi là một người lính trận mạc từ năm 1941; giữ chức vụ Tư Lệnh Lữ Đoàn Nhảy dù từ năm từ 1956 đến ngày đảo chánh 11-11-1960 [8], đã quan tâm đến nguyên tắc đúng cách bổ nhiệm các cấp chỉ huy chiến trường trong QLVNCH vốn bổ nhiệm không căn cứ vào khả năng mà **chỉ chú trọng vào tiêu chuẩn đảng viên đảng Cần Lao Nhân Vị hay sự nịnh bợ** để tỏ lòng trung thành với đường lối chính trị và quân sự của chính phủ là một trong các căn nguyên khác của cuộc đảo chánh.

Về quân sự, có 27 thành phần ưu tú của QLVNCH tham gia như Thiếu tá Phan Trọng Chính-sau này là trung tướng trong sạch nhất của QLVNCH- như Thiếu tá Phạm Văn Liễu.... Về chính trị, có 35 thân hào nhân sĩ tham gia thuộc nhiều đảng phái chống cộng, như Phan Khắc Sửu, Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam, Phan Quang Đán, Phan Bá Cầm, Nguyễn Chử ...

Chính sách sử dụng các đảng viên đảng Cần Lao Nhân Vị thiếu khả năng vào các chức vụ chỉ huy trong quân đội, chính sách tiêu diệt các đảng phái đối lập, chính sách gia đình trị cũng như chính sách kỳ thị tôn giáo là những căn nguyên của cuộc đảo chánh ngày 1-11-1960; xin đọc bài CLCMĐ của tôi.

Tiếp thay, 5 năm cầm quyền của TT Diệm từ 1955 đến 1960 **không tạo được một nền dân chủ đúng nghĩa , nên công trình chống Cộng của chính phủ đã thất bại từ năm 1958 trở đi**. Đó là lý do cuộc đảo chánh trở thành trò chơi chính trị của HK và thực dân Pháp. HK tuyệt vọng thấy rõ mình bị phung phí tiền bạc và sức lực mà phía VNCH không tạo được một tiền đồn chống Cộng hữu hiệu, lại còn bị chính phủ VN chống lại nên HK phải ra tay cảnh cáo hạn chế [3,5,7]. Pháp thì thừa nước đục thả câu nên cũng nhảy vô để mong thủ lợi. Phòng nhì Pháp nắm được nhóm thân Pháp Vương Quang Đông; trong khi Toà Đại Sứ Mỹ qua vai trò của W. Cloby nắm được nhóm dân sự Hoàng Cơ Thụy và Nguyễn Khánh. Chính Nguyễn Khánh đã đứng ra thương thuyết để Dinh Độc Lập gọi quân tiếp viện từ vùng IV [3,5,7,8]. Đại tá Thi không tấn công dinh Độc Lập được vì bị HK, ngăn cản, khi W. Colby ra lệnh cho Cố Vấn quân sự E. Miller bảo chấm dứt các cuộc tấn công [5]. Dĩ nhiên phòng nhì Pháp phải chịu lép vế trước thế lực của Mỹ.

Tổng Thống NĐD dùng kế "Tri Hoãn Chiến" để chờ quân viện từ miền Tây bằng cách đưa ra lời tuyên bố trên Đài Phát Thanh Sài Gòn, muốn thành lập một chính phủ liên hiệp và kêu gọi ngưng bắn [5, tr.202]. Sau đó thừa lệnh Tổng Thống, Đại Tướng Lê Văn Tỵ gọi Nhật Lệnh xác nhận những gì Tổng Thống tuyên bố. Trong Nhật Lệnh Đại Tướng đã nói rõ, TT uỷ thác cho một số sĩ quan trách nhiệm trách thành lập một chính phủ quân nhân lâm thời [5, tr. 203].

Tiếp theo, Tướng Trần Thiện Khiêm đem quân tiếp cứu chính phủ. Như vậy Tướng Thi đã mắc kế tri hoãn của chính phủ, để phải mang tội tử hình khiếm diện và đem thân lưu đày tại Cam Bốt trong ba năm.

Sự kiện lịch sử chứng tỏ TT Ngô Đình Diệm **không phải là một người quân tử** vì Ông đã nuốt lời sau khi Tướng Trần Thiện Khiêm cứu nguy ông. Sau khi cuộc đảo chánh thất bại, chính phủ đã ra lệnh Mật vụ, Công an lùng bắt các Sĩ quan, Chính trị gia và Nhân sĩ tham dự chính biến [6], mặc dù Ông Nhu và ông Diệm tuyên bố chính phủ khoan hồng [6].

Ngày 5-7-1963 và những ngày kế tiếp 27 quân nhân và 35 nhân sĩ tham gia cuộc binh biến đã bị ra toà án Quân Sự đặc biệt tại Sài Gòn; ông Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã tự tử để phản đối việc xử án này.

Chính **hành động trá trở bá đạo** này là một trong một số nguyên nhân khác đã làm hai anh em TT Ngô Đình Diệm tự đào hố chôn mình trong ngày Cách Mạng 1-11-1963- tôi sẽ nói rõ sau trong một bài khác.

Kiến Nghị Của Nhóm Caravelle

Tháng 4/1960, mười tám nhân vật tên tuổi của miền Nam họp tại khách sạn Caravelle ở trung tâm thủ đô Sài Gòn để công bố một *Bản Tuyên Ngôn* chỉ trích và lên án ông Diệm đã không đem lại cho dân chúng một cuộc sống tốt đẹp, tự do. Ký tên trên bản Tuyên Ngôn gồm các nhân vật Trần Văn Văn, Phan Khắc Sửu, Trần Văn Hương, Nguyễn Lưu Viên, Huỳnh Kim Hữu, Phan Huy Quát, Trần Văn Lý, Nguyễn Tiến Hi, Trần Văn Đỗ, Lê Ngọc Chấn, Lê Quang Luật, Lương Trọng Tường, Nguyễn Tăng Nguyên, Phạm Hữu Chương, Trần Văn Tuyên, Tạ Chương Phùng, Trần Lê Chất và linh mục Hồ Văn Vui, là đại diện cho nhiều thành phần trí thức của cả ba miền Trung Nam Bắc, của các tôn giáo, các khuynh hướng chính trị khác nhau và có **nhiều người từng cộng tác với chính quyền** như Lê

Quang Luật, Nguyễn Tăng Nguyên, Trần Văn Đổ, v.v...

STT, Tên, Năm sinh, Quê quán, Tôn giáo, Đảng phái, Ghi chú (tại thời điểm ký tên)

1.**Trần Văn Văn**, 1907, Long Xuyên, Tam giáo, Đảng Phục Hưng,, Thạc sĩ Thương mại, cựu Bộ trưởng Kinh tế và Kế hoạch.

2.**Phan Khắc Sửu**, 1905, Cần Thơ, Cao Đài, Mặt trận Đại đoàn kết Quốc dân, Kỹ sư Canh Nông, cựu Bộ trưởng Canh Nông.

3.**Trần Văn Hương**, 1902, Vĩnh Long, Tam giáo, Đảng Phục Hưng, Giáo sư Trung học, cựu Đô trưởng Sài Gòn-Chợ Lớn.

4.**Nguyễn Lưu Viên**, 1919, Trà Vinh, Tam giáo, Không đảng phái, Bác sĩ Y khoa, cựu Cao ủy Di cư.

5.**Huỳnh Kim Hữu**, chưa rõ (quê quán miền Nam, chưa rõ), Tam giáo, Nhóm Tinh thần, Bác sĩ Y khoa, cựu Bộ trưởng Y tế.

6.**Phan Huy Quát**, 1908, Nghệ An, Tam giáo, Đảng Đại Việt, Bác sĩ Y khoa, cựu Bộ trưởng Quốc phòng và Giáo Dục.

7.**Trần Văn Lý**, 1901, Quảng Trị, Thiên chúa giáo, Liên đoàn Công giáo, cựu Thủ hiến Trung phần.

8.**Nguyễn Tiến Hỷ**, chưa rõ (quê quán miền Bắc, chưa rõ), Tam giáo, Việt Nam Quốc dân đảng, Bác sĩ Y khoa.

9.**Trần Văn Đổ**, 1903, Biên Hòa, Tam giáo, Nhóm Tinh thần, Bác sĩ Y khoa, cựu Bộ trưởng Ngoại giao.

10.**Lê Ngọc Chấn**, chưa rõ, Thanh Hóa, Tam giáo Việt Nam Quốc dân đảng, Luật sư, cựu Bộ trưởng Quốc phòng.

11.**Lê Quang Luật**, chưa rõ (quê quán miền Bắc, chưa rõ), Thiên chúa giáo, Phong trào Liên hiệp Dân chúng, Luật sư, cựu Bộ trưởng Thông tin.

12.**Lương Trọng Tường**, 1904, Biên Hòa, Hòa Hảo, Đảng Dân Xã, Kỹ sư công chánh, cựu Thứ trưởng Kinh tế Quốc gia.

13.**Nguyễn Tăng Nguyên**, chưa rõ (quê quán miền Trung, chưa rõ), Phật giáo, Đảng Cần Lao, Bác sĩ Y khoa, cựu Bộ trưởng Lao Động và Thanh Niên.

14.**Phạm Hữu Chương**, chưa rõ (quê quán miền Bắc, chưa rõ), Tam giáo, chưa rõ, Bác sĩ Y khoa, cựu Bộ trưởng Y tế và Công tác Xã hội.

15.**Trần Văn Tuyên**, 1913, Tuyên Quang, Tam giáo, Việt Nam Quốc dân đảng, Luật sư, cựu Bộ trưởng Thông tin và Tuyên truyền.

16.**Tạ Chương Phùng**, chưa rõ, Quảng Ngãi, Tam giáo, Không đảng phái, cựu Tỉnh trưởng Bình Định.

17. **Trần Lê Chất**, 1874 (quê quán miền Bắc, chưa rõ), Tam giáo, Không đảng phái, Tiến sĩ Hán học.

18. **Hồ Văn Vui**, 1917 (quê quán miền Nam, chưa rõ), Thiên chúa giáo, Không đảng phái, Linh mục, Chánh xứ họ đạo Tha La, Tây Ninh.

[Nguồn: http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%B3m_Caravelle]

Nội dung của Bản Tuyên Ngôn gởi cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm, xin Tổng Thống thay đổi phương thức lãnh đạo để tạo một chế độ dân chủ tự do đúng nghĩa như Tự do cá nhân, đừng bắt bớ dân lành một cách bất hợp pháp, tự do báo chí và xin hủy bỏ chế độ dinh điền [7].

Hầu hết 18 nhân sĩ đều bị bắt giam; có người được thả sớm trước ngày 1-11-1963, có người được thả sau ngày 1-11-1963 như ông Phan Khắc Sửu và bác sĩ Phan Quang Đán [7].

Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam

Hơn một tháng sau cuộc binh biến 1-11-1960, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam được thành lập bởi đảng Lao Động CS.

"Dự định thành lập Mặt trận được công khai nói đến lần đầu tiên trong Đại hội toàn quốc lần thứ 3 của Đảng Lao động Việt Nam. Tại đại hội, Tôn Đức Thắng đã nói rằng Mặt trận sẽ được dựa trên các khái niệm của Lenin về liên minh 4 giai cấp, nhưng để phù hợp với sự phức tạp của xã hội miền Nam, Mặt trận cần bao gồm cả các nhóm tôn giáo và dân tộc khác nhau; mục tiêu đấu tranh của Mặt trận phải rộng để kêu gọi được đông đảo quần chúng; Mặt trận cần nhấn mạnh các chủ trương dân tộc và cải cách, đặt ra mục tiêu cuối cùng là sự xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, dân chủ và phồn vinh. Cũng như tiền thân Việt Minh của nó. Mặt trận mới này sẽ cần được tổ chức thành nhiều cấp, từ ủy ban trung ương đến các tổ chức ở cấp làng; chủ nghĩa cộng sản sẽ không được nói đến [3]. Mặt trận đặt dưới sự lãnh đạo của Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam và Trung ương cục Miền Nam. Những người cộng sản miền nam hoạt động dưới danh nghĩa Đảng Nhân dân cách mạng Việt Nam, hoạt động công khai và là thành viên tham gia Mặt trận.

Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam được chính thức thành lập vào ngày 20 tháng 12 năm 1960 tại xã Tân Lập, huyện Châu Thành (nay là Tân Biên) trong vùng căn cứ của VC ở tỉnh Tây Ninh, với thành phần chủ chốt là lực lượng Việt Cong hoạt động bí mật ở

miền Nam. Lãnh đạo ban đầu là Võ Chí Công, Phùng Văn Cung, Huỳnh Tấn Phát. Huỳnh Tấn Phát giữ chức vụ Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Ủy ban Trung ương. Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận là Nguyễn Hữu Thọ (1961). Đại hội lần thứ nhất khai mạc ngày 16 tháng 2 năm 1962 chính thức bầu Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch: Phùng Văn Cung, Võ Chí Công, Huỳnh Tấn Phát, Ybih Aleo, Đại đức Sơn Vọng, và Nguyễn Văn Hiếu là Tổng thư ký Mặt trận.

Mặt trận đã ra "Tuyên ngôn" và "Chương trình hành động 10 điểm" với mục tiêu đại diện cho quyền lợi của nhân dân miền Nam Việt Nam đấu tranh nhằm đánh Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa, tiến tới sự thống nhất của Việt Nam."

[Nguồn:

http://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BA%B7t_tr%E1%BA%ADn_D%C3%A2n_t%E1%BB%99c_Gi%E1%BA%A3i_ph%C3%B3ng_mi%E1%BB%81n_Nam_Vi%E1%BB%87t_Nam]

Chút Thiển Nhĩ

Tướng Nguyễn Chánh Thi đã chỉ trích đường lối sai lầm về việc bổ nhiệm các thành phần Cần Lao thiếu khả năng và kinh nghiệm chiến trường vào các chức vụ trọng yếu của quân đội, như tư lệnh quân đoàn, sư đoàn, trung đoàn trưởng...Tuy nhiên Tướng Thi lại bị hãm dọa bởi ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu. Hậu quả của chính sách sai lầm này là trận Trảng Sập ngày 26-1-1960, như đã nói ở trên.

Tiếp theo là nhóm Caravelle gồm đủ các đại diện các đảng phái quốc gia chống cộng và tôn giáo đã lập bản Tuyên Ngôn với chính phủ để xin chính phủ thay đổi chính sách chống Cộng để có hiệu quả hơn, như chú trọng vào chủ nghĩa tự do, dân chủ, để thu hút nhân tâm- yếu tố chủ yếu. Sự thật đau lòng, chính phủ đã xem thường bản Kiến Nghị chiến lược này của nhóm Caravelle, mà hậu quả là cuộc đảo chánh ngày 11-11-1960.

CSVN đã xảo quyết bằng cách lợi dụng chính sách chia rẽ tôn giáo, đảng phái của ông Ngô Đình Nhu và TT Ngô Đình Diệm để tuyên truyền chủ trương của Mặt trận GPMN là: "*Đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, các dân tộc, các đảng phái, các đoàn thể, các tôn giáo và nhân sĩ yêu nước không phân biệt xu hướng chính trị khác nhau để thu hút quần chúng cho mục tiêu cuối cùng là xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, dân chủ và phồn vinh*".

[Nguồn:

http://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BA%B7t_tr%E1%BA%ADn_D%C3%A2n_t%E1%BB%99c_Gi%E1%BA%A3i_ph%C3%B3ng_mi%E1%BB%81n_Nam_Vi%E1%BB%87t_Nam]

Chính sách của Ông Nhu và TT Diệm đã thiếu hai yếu tố chủ yếu để chiến thắng CSVN: **Đoàn kết toàn dân** và **đặc nhân tâm**. Chính CSVN đã lợi dụng hai sơ hở ấy của chính phủ để chúng thừa cơ tạo ra MTGPMN. Thử hỏi nếu không có trận Trảng Sập, cũng như chính phủ nghe theo lời tuyên ngôn của nhóm Caravelle hay những đề nghị chân thành của Tướng Nguyễn Chánh Thi, thì làm sao CSVN thừa nước đục thả câu để thành lập MTGPMN? Thử hỏi nếu chính phủ VNCH chịu thay đổi đường lối lãnh đạo mới cho có hiệu quả chống Cộng, thì đâu có hiện tượng HK đặt điều kiện quân và kinh tế viện với chính phủ VNCH hay áp dụng chính sách can thiệp hạn chế đối với chính phủ VNCH?

Một cách tổng quát, Quân Cán miền Nam đã anh dũng chiến đấu chống chủ nghĩa CSVN, hoàn toàn không có trách nhiệm về những sai lầm của cấp lãnh đạo ngoại trừ một số tội phạm của các đảng viên đảng Cần Lao. Quân Cán miền Nam chúng ta thua vì chính sách lãnh đạo sai. Oái ăm thay chính sách lại là nguồn gốc của chiến lược chống Cộng, nên dù QLVNCH đã anh dũng chiến đấu để dành thắng lợi chiến thuật trên chiến trường, cũng đành cam tâm bại trận vì sự sai lầm chiến lược chống cộng của cấp lãnh đạo; chiến lược quyết định sự thành bại của chiến tranh.

Trân trọng,

Trần Văn Thương

Tham Khảo:

[1]. http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%B3m_Caravelle

[2].

http://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BA%B7t_tr%E1%BA%ADn_D%C3%A2n_t%E1%BB%99c_Gi%E1%BA%A3i_ph%C3%B3ng_mi%E1%BB%81n_Nam_Vi%E1%BB%87t_Nam

[3] Đỗ Mậu, " *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*, Quê Hương 1986. Thiếu Tướng Đỗ Mậu là một nhân chứng lịch sử có khả tín.

- [4] Lê Kinh Lịch, "*Trận Đánh Ba Mười Năm*", Nhà Xuất Bản Quân Đội Nhân Dân, Hà Nội, 1995
- [5] Tôn Thất Đính, "*20 Năm Binh Nghiệp*", Chánh Đạo 1998. Trung Tướng Tôn Thất Đính là một nhân chứng lịch sử có khả tín.
- [6] Nguyệt Đạm & Thần Phong " *Chín Năm Máu Lửa*", 2-3-1964. Văn Phòng Trung Tướng Ủy Viên An Ninh cung cấp tài liệu và các tài liệu của toà án xét xử các tội phạm của các đảng viên Cần Lao. Sách có mức độ khả tín cao.
- [7] Trần Văn Đôn, "*Việt Nam Nhân Chứng*", Xuân Thu 1989. Trung Tướng Trần Văn Đôn là một nhân chứng lịch sử có khả tín.
- [8] Nguyễn Chánh Thi, Việt Nam: *Một Trời Tâm Sự*, Xuân Thu, 1987

TỪ ĐỒNG MINH VỚI MỸ ĐẾN THỎA HIỆP VỚI CỘNG

Hoành Linh Đỗ Mậu

*Trong bối cảnh chính trị, quân sự và ngoại giao đặc thù của Việt Nam vào những năm đầu thập niên 1960s, khi những nhà lãnh đạo miền Nam tìm cách thỏa hiệp với Hà Nội thì đó có phải là một quyết định chính trị đúng đắn, sáng suốt và đặt lợi ích của miền Nam nói riêng, của dân tộc nói chung, lên trên hết không? Bài viết dưới đây, trích từ chương 16 của tác phẩm **Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi** (Hoành Linh Đỗ Mậu, nhà xuất bản Văn Nghệ, 1993), là một mô tả, phân tích để trả lời cho câu hỏi đó. GDOL*

Trong lúc biến cố Phật giáo đang sôi nổi thì trong giới chính trị và tình báo tại Thủ đô Sài Gòn có hai vấn đề cũng được thảo luận và theo dõi gần như công khai. Đó là nguồn tin về những vận động của chính quyền Nhu–Diệm nhằm thỏa hiệp với Cộng Sản Hà Nội và những tin tức về các cuộc đảo chánh có thể xảy ra.

Sài Gòn như lên cơn sốt mùa hè với những tin đồn phóng đại, những giả thuyết đầy mâu thuẫn và những vận động ngầm sôi nổi. Đề tài về âm mưu thỏa hiệp với Hà Nội là đề tài nóng bỏng nhất vì không những nó liên hệ đến chế độ Diệm mà còn trực tiếp tạo nhiều hệ quả lớn lao cho vận mệnh của miền Nam Tự Do.

Sau cách mạng 1–11–1963, các bí mật từ từ lộ ra qua các tài liệu Việt Nam và quốc tế, những nhân chứng trong cuộc cũng từ từ tiết lộ những sự kiện cụ thể để ta có thể nghiêm túc trình bày lại diễn tiến của âm mưu này, cũng như để ta có thể chín chắn suy nghiệm về biến cố mà hai anh em Nhu–Diệm đang từ theo Mỹ đến chống Mỹ và đang từ chống Cộng đến thỏa hiệp với Cộng.

Âm mưu thỏa hiệp với chính quyền Cộng Sản Hà Nội của chế độ Diệm là một trong những động cơ quan trọng, nếu không muốn nói là động cơ thúc đẩy nhất, thúc đẩy quân đội cùng với toàn dân đứng lên làm cuộc cách mạng 1–11–63. để ngăn chặn và trừng phạt dòng họ Ngô Đình. Chính âm mưu này đã là nguyên động lực làm

cho nhiều tổ chức chống chế độ có thể đoàn kết hợp tác với nhau mà không ngại ngần, và đến khi tiếng súng cách mạng phát khởi thì các đoàn thể quần chúng và nhân dân cả nước cũng đều một lòng yểm trợ cho cuộc cách mạng lật đổ Ngô triều thành công.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến quyết định thay đổi lập trường và chính sách chống Cộng của hai anh em ông Ngô Đình Diệm nhưng tựu trung có thể gom lại trong bốn điểm chính: *thứ nhất* là sự chống đối càng lúc càng quyết liệt của nhân dân và các lực lượng chính trị đối lập tại miền Nam; *thứ hai* là áp lực càng lúc càng nặng nề của lực lượng chính trị võ trang của kẻ thù Cộng Sản; *thứ ba* là sự căng thẳng trong mối bang giao Việt–Mỹ mà những đổ vỡ có thể mang đến các di hại trầm trọng; và *thứ tư*, quan trọng nhất, là bản chất thù đoạn cũng như tính chủ quan của ông Ngô Đình Nhu. Nếu chỉ có một, hay hai, hay cả ba nguyên nhân mà thôi thì chưa chắc hai ông Diệm–Nhu đã thỏa hiệp với Cộng Sản, nhưng vì bốn nguyên nhân vừa khách quan vừa chủ quan này đã, chặm chạp nhưng chắc chắn, cùng phối hợp với nhau nên đã đánh bật lập trường chống Cộng của anh em Ngô Đình, dù từ lâu mỗi thù giết anh ruột đã bắt gốc rễ vào tâm trí họ, và dù **sự nghiệp chính trị của họ được xây dựng trên quyết tâm chống Cộng của quân dân miền Nam.**

-oOo-

Thật vậy, như tôi đã trình bày trong hai chương 11 và 12, cao trào chống đối của quân dân miền Nam trước chính sách độc tài và đàn áp các lực lượng quốc gia của chính quyền Ngô Đình Diệm càng lúc càng gia tăng với bản cáo trạng lên án chế độ của nhóm Caravelle, với hoạt động đối kháng của Mặt Trận Đoàn Kết do ông Nguyễn Tường Tam chủ xướng, của đảng Tự Do Dân Chủ do ông Phan Quang Đán thúc đẩy, của Liên Minh Dân Chủ do nhóm các ông Phan Bá Cầm, Xuân Tùng, Hoàng Cơ Thụy lãnh đạo,... và hai cuộc binh biến táo bạo cũng như quyết liệt của binh chủng Nhảy Dù và vụ ném bom dinh Độc Lập. Đó là chưa nói đến những cá nhân hoặc đoàn thể trước kia đã từng cộng tác, ủng hộ và nhiều khi hy sinh cả đời người cho hoạt động chính trị của hai ông Nhu–Diệm thì kể từ năm 1960 trở đi, cũng đã công khai lên án chế độ và bày tỏ thái độ chống đối gia đình họ Ngô. Và đó cũng chưa kể đến sự công phần của quần chúng mà điển hình là cuộc vận động cách mạng của Phật giáo bắt đầu lan rộng và biến thành những hình thức đề kháng chế độ một cách trực

tiếp hoặc gián tiếp.

Những hoạt động chống đối đó đáng lẽ phải được nghiên cứu sâu sắc và truy tầm nguyên nhân để rút ra những bài học tích cực hầu xây dựng dân chủ và sửa sai chế độ thì hai ông Nhu–Diệm lại xem đó như những khiêu khích phản loạn cần phải diệt trừ cho tuyệt hậu họa. **Họ đã xem hành động đối lập của các lực lượng quốc gia như hành động của kẻ thù tối nguy hiểm** vì chính đối lập mới thực sự đe dọa đến quyền hành và danh vọng của họ, quyền lợi và mạng sống của họ. Họ lo lắng suy nghĩ và dành nhiều phương tiện cũng như nhân sự của quốc gia để lo đối phó với những thành phần đối lập quốc gia còn hơn cả đối phó với kẻ thù Cộng Sản. Nhưng như tôi đã trình bày và lịch sử giai đoạn đó đã chứng minh, chế độ càng đàn áp thì sự chống đối càng gia tăng. Gia tăng trên cả hai mặt mức độ cũng như số lượng đến nỗi đã dùng đến cả vũ lực (vụ ném bom) vốn là hình thức cao nhất và dứt khoát nhất của mọi cuộc đấu tranh.

Tình trạng lớn mạnh của đối lập đó, trong những năm từ 1960 trở đi, tuy chưa trực tiếp và tức thì đe dọa chế độ, nhưng hai ông Nhu–Diệm cũng đã phải nhận rằng nếu tình trạng đó kéo dài thì chính các lực lượng chính trị đối lập đó, chứ không ai khác, trong tương lai sẽ đập tan chế độ và uy quyền của họ. Nhận định đó, khi biến cố Phật giáo xảy ra vào năm 1963 và nhất là khi những áp lực của người Mỹ trở thành nặng nề hơn, mới trở thành một yếu tố tác động lên quyết định thỏa hiệp với Cộng Sản Hà Nội để hoặc là dùng Cộng Sản như một phụ lực tiêu diệt đối lập, hoặc dùng Cộng Sản như một môi đe dọa để làm *chantage* lực lượng đối lập. Kế hoạch hai mặt đó, hai ông Nhu–Diệm nghĩ rằng nếu không làm tê liệt được quyết tâm thì ít nhất cũng tiêu diệt được khả năng chống đối của người quốc gia.

Cho nên chính sự thất bại và bế tắc trong chính sách đàn áp đối lập cuối cùng đã là nguyên nhân sâu sắc nhất nhưng lại ẩn tàng nhất đẩy hai ông Diệm–Nhu vào vòng tay Cộng Sản để mong bảo đảm danh vọng và quyền lợi cho họ.

Đó là nguyên nhân thứ nhất.

Nguyên nhân thứ hai là sự trưởng thành của lực lượng chính trị quân sự Cộng Sản, một kẻ thù khác, đang rõ ràng công khai thách thức tư cách chủ nhân miền Nam của chính quyền Ngô Đình Diệm và đánh phá sức mạnh đã bắt đầu lung lay của chế độ. Sự ra đời của Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam là cao điểm chính trị của Việt Cộng sau khi đã làm ung thối tình hình thôn quê miền Nam mà những áp chiến lược, những khu trù mật, những khu dinh điền, những chính

sách quân phân ruộng đất, những chiến dịch tố Cộng,... đã tạo ra những phản tác dụng cho Việt Cộng khai thác và bành trướng.

Mặt khác, sự ra đời của Mặt Trận cũng chính thức hóa sự lệ thuộc của nó vào hậu phương lớn Bắc Việt trên cả hai mặt chính trị lẫn quân sự, cho thấy Mặt Trận chính là một bộ phận của Hà Nội và đánh Mặt Trận là trực tiếp đánh Hà Nội. Trên mặt thuần túy quân sự, sự ra đời của Mặt Trận đã cho phép họ thu nhận nhiều yểm trợ khí cụ hơn cũng như kết nạp được nhiều nhân lực hơn, ngay tại miền Nam, để thành lập những đơn vị chiến đấu lớn. Thất bại nặng nề của Sư đoàn 13 tại Tây Ninh cuối năm 1960 đã là dấu hiệu đầu tiên của sự lớn mạnh đó của Mặt Trận.

Hai ông Diệm–Nhu lẽ tất nhiên đã không xem Việt Cộng như những lực lượng phiền loạn địa phương kiểu các giáo phái Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hảo mà họ đã từng dẹp yên được, lại càng không xem đó như những lực lượng võ trang quốc gia đối lập kiểu chiến khu Ba Lòng của Đại Việt hay chiến khu Nam Ngãi của VNQDD mà họ đã từng tàn bạo tiêu diệt một cách dễ dàng. Hai ông Diệm–Nhu đã từng thấy được tính cách trường kỳ dai dẳng của Việt Minh thời chiến tranh Pháp–Việt, cũng như bắt đầu thoáng thấy được sự vô hiệu của những chiến lược chống Cộng của họ từ nhiều năm qua, thì hẳn họ cũng hiểu hơn ai hết là **thời gian không đứng về phía họ, nghĩa là trong cuộc chiến này, càng về dài thì địch càng mạnh họ càng yếu**. Cũng như càng về dài thì ngôi vị, danh vọng, quyền lực, và ngay cả mạng sống của họ càng bị đe dọa mà thôi.

Cho nên thay vì nhường quyền lãnh đạo quốc gia cho lực lượng chống Cộng khác, hoặc cải tổ chính quyền và thay đổi chính sách để đáp ứng hữu hiệu hơn với sự đe dọa đó thì hai ông Nhu–Diệm, sau này, khi cùng một lúc bị những áp lực khác đè nặng, đã như con đà điều chui đầu xuống cát, tìm cách đầu hàng bằng sự thỏa hiệp với kẻ thù.

Trước khi trình bày *nguyên nhân thứ ba*, nguyên nhân mà tôi gọi là sự căng thẳng trong mối bang giao Việt–Mỹ vào những năm đầu của thập niên 1960 khiến anh em Diệm–Nhu đã đi đến quyết định thỏa hiệp với Cộng Sản, tôi xin được rất thực tế nêu lên một số biến cố lịch sử để, qua đó, cụ thể phân tách một khía cạnh rất đặc thù về chính sách ngoại giao của Mỹ đối với các đồng minh trong sách lược chống Cộng toàn cầu của họ.

Lịch sử bang giao quốc tế từ thời xa xưa lúc các quốc gia bắt đầu thành hình cho đến hiện đại, khi mà thế lưỡng cực Tư Bản –

Cộng Sản càng lúc càng gay gắt, đã cho thấy không thiếu những trường hợp một quốc gia này yêu cầu một quốc gia khác đem quân đến giúp. Lời “yêu cầu” đó có thể thật hay là giả, chính đáng hay không, hợp với công pháp quốc tế hay không, là tùy bản chất của sự liên hệ giữa hai quốc gia. Cũng vậy, “giúp” đó là thật hay giả, nguy trang xâm lăng hay thật sự yểm trợ, là tùy tình trạng của biến cố đó.

Hoa Kỳ không những là một cường quốc, mà còn là một cường quốc lãnh đạo một khối để trực đối với một khối khác, nên lại càng bị lôi cuốn vào những tranh chấp tuy cục bộ nhưng lại ảnh hưởng đến tương quan lực lượng Tư Bản – Cộng Sản. Do đó mà tuy mới 200 năm lập quốc, Hoa Kỳ đã nhiều lần phải dính dự vào các biến cố nội bộ của các quốc gia thân hữu mà Hoa Kỳ xem là đồng minh. Những dính dự đó hầu hết là để yểm trợ. Và dù những yểm trợ đó có lúc bắt nguồn từ quyền lợi của nước Mỹ, cũng đã có lúc vụng về gây tai hại nhiều hơn là đem đến ích lợi, nhưng nói chung thì những yểm trợ đó phản ánh **đức tính hào hiệp và vị tha của một dân tộc mà tôn giáo đã là một trong những nguyên ủy lập quốc**, mà những lý tưởng về Tự Do, Dân Chủ, Nhân Quyền đã là những sức mạnh duy trì sự cao cả của dân tộc họ. Đức tính hào hiệp và những lý tưởng lập quốc đó đã chảy xuyên dòng lịch sử ngoại giao của Hoa Kỳ như một thứ cốt tủy, dù phần thể hiện của nó là các chính sách ngoại giao, có thay đổi theo thời đại hay theo từng nhiệm kỳ của mỗi vị Tổng thống. Chúng đã thuộc về căn cước văn hóa của dân tộc Hoa Kỳ. Hay nói như Coral Bell, một nhà nghiên cứu Úc, thì:

“Đạo đức và tinh thần thượng tôn pháp luật là hai tuyến lõi trung ương của nền ngoại giao Hoa Kỳ kể từ khi quốc gia này ý thức được vai trò cường quốc của mình” [\[1\]](#).

Thật vậy, Hoa Kỳ đã hai lần đưa quân đội vào nước Pháp giúp giải thoát nước này khỏi gót giày xâm lăng của quân phiệt Đức. Sau thế chiến thứ hai, Hoa Kỳ lại thực hiện kế hoạch viện trợ Marshall để giúp Pháp tái thiết xứ sở và nhất là giúp các lực lượng dân chủ Pháp đánh bại mưu toan cướp chính quyền của đảng Cộng Sản Pháp, lực lượng mạnh nhất lúc bấy giờ, mạnh đến nỗi đã đánh bật vị anh hùng cứu quốc De Gaulle ra khỏi chính quyền năm 1946.

Cũng vậy, tháng 6 năm 1950, Hoa Kỳ gởi quân qua Thái Bình Dương giúp Nam Hàn chống lại cuộc xâm lăng của Bắc Hàn và Trung Cộng. Trong những ngày đầu của trận chiến, tướng MacArthur đã khuyên Tổng thống Lý Thừa Vãn bỏ thủ đô Hán Thành rút về miền cực Nam để bảo toàn lực lượng mà vị Tổng thống này vì tự ái

dân tộc đã không chịu nghe theo. Đến khi Bắc quân đánh xuống như thể chẻ tre, ông mới rút về Phú San, để từ đó cùng với quân lực Mỹ của tướng MacArthur phản công đuổi quân thù ra khỏi vĩ tuyến thứ 38. Sau khi hòa bình vẫn hồi, nhận rõ áp lực nặng nề vẫn đe dọa đất nước, Tổng thống Lý Thừa Vãn đã yêu cầu quân Mỹ ở lại để bảo vệ biên giới phương Bắc, đồng thời thực thi một nền tự do dân chủ có trách nhiệm để tạo những nền móng chính trị cho nền độc lập và cho những phát triển kinh tế lấy lòng sau này.

Cũng tại Á Châu và gần gũi với Việt Nam hơn, Phi Luật Tân đã bị Hoa Kỳ chiếm đóng trong và sau đại chiến thứ hai. Nhưng trong khi các nước Á Phi khác phải đổ rất nhiều xương máu và tổn rất nhiều thời gian để giành lại độc lập thì ngược lại, Phi Luật Tân đã được Hoa Kỳ hào hiệp trao trả chủ quyền đất nước ngày 4 tháng 7 năm 1946, khác hẳn với chính sách duy trì chế độ thuộc địa của các đế quốc thực dân khác như Bỉ (ở Congo), Pháp (ở Việt Nam, Algérie), Hòa Lan (ở Nam Dương).

Để bảo vệ nền độc lập trong trường hợp bị Trung Cộng xâm lăng và để tỏ thiện chí cho mỗi giao hảo hầu mở đầu những bang giao kinh tế tốt đẹp sau này, Phi Luật Tân đã nhượng cho Hoa Kỳ thuê (Cession and Bail) hai căn cứ quân sự lớn là Clark Air Base và Subic Bay mà số ngoại tệ thu nhận được từ hai căn cứ này đã đóng góp rất nhiều vào việc phục hưng nền kinh tế hậu chiến của Phi Luật Tân. Trong suốt các thập niên 1950 và 60, Hoa Kỳ đã giúp Phi Luật Tân tối đa trên cả hai mặt kinh tế lẫn chính trị để trở thành một trung tâm vận động của vùng Đông Nam Á mà điển hình là các định chế kinh tế, quân sự liên vùng như ADB Asia Development Bank (Ngân Hàng Phát Triển Á Châu), SEATO Southeast Asia Treaty Organization (Tổ chức Minh Ước Liên Phòng Đông Nam Á) đều đặt trụ sở hoặc bộ chỉ huy trung ương tại Manila.

Một trường hợp đặc biệt khác mà tôi muốn đề cập ở đây như một bài học lịch sử là trường hợp của Nhật Bản. Trong đệ nhị thế chiến, Hoa Kỳ đã từng tiến đánh và nhiều khi chiếm đóng các đảo của Nhật tại Thái Bình Dương để trừng phạt quốc gia này đã tấn công Trân Châu Cảng và hợp tác với Đức Quốc Xã của Hitler.

Sau sự tàn phá khủng khiếp của hai quả bom nguyên tử tại Hiroshima và Nagasaki, ngày 2 tháng 9 năm 1945, trên soái hạm Missouri, đại diện Nhật hoàng ký văn kiện đầu hàng vô điều kiện trước mặt vị Tổng Tư Lệnh Tối Cao của Quân Đội Đồng Minh tại mặt trận Thái Bình Dương là tướng MacArthur. Những Đô đốc,

Tướng lĩnh, Sĩ quan thường rất kiêu hãnh của quân đội Thiên Hoàng đã để những giọt nước mắt từ từ rơi xuống ngay cả trước mặt quân thù. Đó là những giọt lệ chân thành và chua xót nhất của kẻ chiến bại mà đã một thời từng đánh tan hạm đội Nga Hoàng, từng tốc chiến tốc thắng tại Lu Câu Kiều (Trung Hoa), từng tung hoành oanh liệt khắp vùng Đông Nam Á làm bàng hoàng cả thế giới.

Trước đó, ngày 15 tháng 8 năm 1945, Nhật Hoàng Hiro Hito đã ra lệnh chấm dứt cuộc chiến. Tại các mặt trận, quân đội Thiên Hoàng phải hạ súng, rất nhiều sĩ quan Nhật đã dùng gươm tự sát theo truyền thống của một võ sĩ đạo để đền nợ nước, trả ơn vua và bảo vệ danh dự cùng khí phách của một quân nhân. Lá cờ “mặt trời mọc” từ nay vắng bóng trên bốn bề năm châu, chỉ còn trên mấy hòn đảo xứ Phù Tang nghèo nàn đổ nát.

Trước nỗi đau khổ nhục nhã vô cùng tận của quân dân, Nhật Hoàng đã thông thiết kêu gọi dân chúng Nhật... *Hãy chịu đựng cái không chịu đựng nổi và hãy đau khổ cái không đau khổ nổi, và hãy hướng về tương lai.* Sau đó Nhật Hoàng cắt một phần đất của Hoàng thành, nơi mà Hoàng gia trải bao đời yêu quý gìn giữ, để tặng lại cho dân chúng như một hành động tạ tội tượng trưng với đồng bào.

Đối với quân đội chiếm đóng Mỹ, toàn thể dân chúng Nhật đều cố nén uất hận và che dấu cảm hờn mà tự nhiên đối xử một cách lễ độ. Hễ gặp một Mỹ kiều, dù là thuộc thành phần quân nhân hay dân sự, họ đều nghiêng mình cúi đầu xuống, chấp tay vái chào theo tục lệ của dân Nhật. Họ không để lộ thái độ thù hận, chống đối quá khích. Khi bị áp lực của Mỹ phải ký Hòa Ước An Ninh Hồ Tương San Francisco (1951) mà trong đó có điều khoản bắt Nhật không được tái vũ trang quá giới hạn phòng vệ, chính giới Nhật Bản vẫn cam chịu để đồ dòn hết ngân sách vào sức mạnh kinh tế. Thái độ ẩn nhẫn có vẻ khiếm nhược đó, một phần do lời kêu gọi “tôn trọng kỷ luật đối với kẻ chiến thắng” của nhà vua, một phần là do tính tình khôn ngoan, cẩn trọng, thức thời, và ý thức chính trị sáng suốt của con cháu Thái Dương Thần Nữ. Họ diu dặt, chỉ dẫn nhau trong ý thức “thất bại là mẹ thành công” để xây dựng lại quê hương. Chính nhờ triệt để thể hiện ý thức khôn ngoan đó mà người Nhật sớm thu lượm được những kết quả đầu tiên vô cùng to lớn mà ngay cả họ cũng không ngờ tới.

Bài học lịch sử đó của dân tộc Nhật Bản là gì nếu không phải là bài học về sự vận dụng sức mạnh của địch cho sự cường thịnh của chính mình. Và đằng sau bài học đó là một bài học rất lớn khác cho

chúng ta về lòng **yêu nước bằng một quan điểm sáng suốt và bằng một tinh thần thực tiễn**, chứ không phải chỉ bằng những xúc động mù quáng của một thứ tự ái dân tộc nhiều lúc rất phản quốc.

Trường hợp của Nhật Bản cũng như trường hợp của Cộng Hòa Liên Bang Đức, một kẻ cựu thù trong Đệ Nhị Thế Chiến, Hoa Kỳ đã biết mau chóng biến thù thành bạn để cùng xây dựng một khối NATO hùng mạnh hầu ngăn chặn sự bành trướng nguy hiểm của Nga Sô. Các nhà lãnh đạo Đức, dù bảo thủ như Adenauer hay chủ xướng Ostpolitik như Willy Brandt, đều biết vận dụng sự yểm trợ của đồng minh lớn Hoa Kỳ để hùng cường hóa đất nước. Và dù quân đội của Mỹ có đóng trên đất Đức, dù hỏa tiễn Pershing II có đặt căn cứ trên lãnh thổ Đức, không ai có thể nói rằng Đức không có chủ quyền, không có độc lập.

Thật trái hẳn với trường hợp của nước ta đã không vận dụng được sức mạnh đó để cứu nước chứ đừng nói đến dựng nước, mà lại còn mất chủ quyền, mất độc lập nữa! Từ thời Đệ Nhất Cộng Hòa, ông Diệm đã không làm nổi một Nhật Hoàng Hiro Hito, một De Gaulle, một Lý Thừa Vãn thì làm sao trách được sau này Nguyễn Văn Thiệu không biến miền Nam thành một chư hầu trong quỹ đạo Hoa Kỳ.

Nêu lên một số sự kiện lịch sử trên đây từ Âu qua Á, từ bạn đến thù, tôi chỉ muốn nói rằng sau Thế Chiến thứ Hai, trước mưu đồ bành trướng của Cộng Sản quốc tế, chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ dù là đối đầu (*Confrontation*), ngăn chặn (*Containment*), hay lật ngược (*Rollover*, chữ của tạp chí *Foreign Affairs*), thì cũng đều nhằm đem sức mạnh quân sự, sức mạnh tài lực, sức mạnh kỹ thuật của mình ra mà cứu bạn và xây dựng cho bạn thì mới cứu được mình và mới xây dựng được mình.

Chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ đối với Việt Nam từ sau Đệ Nhị Thế Chiến cũng không nằm ngoài quy luật đó.

Ngay sau Thế chiến thứ nhì, Tổng thống Franklin Roosevelt đã chủ trương yểm trợ cho các phong trào “giải phóng dân tộc” của các quốc gia thuộc địa trong khuôn khổ của phong trào giải thực toàn cầu mà Việt Nam là một thí điểm kiểu mẫu. Ngay trong thời kỳ Nhật chiếm đóng Đông Dương, ngày 22 tháng 8 năm 1945, một phái đoàn Mỹ gồm năm sĩ quan do Thiếu tá Archimede L. Patti cầm đầu đã nhảy dù xuống vùng thượng du Bắc Việt giúp ông Hồ Chí Minh kháng Nhật, và chính phái đoàn Mỹ này đã về Hà Nội dự lễ Độc lập đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Nhưng khi ông Hồ Chí Minh và Việt Minh để lộ màu sắc Cộng Sản thì phái đoàn Patti

được lệnh chấm dứt mọi liên hệ để hồi hương. Cuộc chiến tranh giữa Cộng sản Việt Nam vận dụng dân tộc và thực dân Pháp đội lốt “quốc gia chống Cộng” bắt đầu ngay sau đó. Ngày 29 tháng 12 năm 1947, cựu Đại sứ Hoa Kỳ William Bullit viết trên tờ *Life Magazine* một bài báo gọi trận chiến tranh Đông Dương là “trận chiến tranh buồn thảm nhất” (the saddest war), ông kêu gọi Pháp phải trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam dù là một Việt Nam do Đảng Cộng Sản Đông Dương lãnh đạo.

Lời kêu gọi của William Bullit tuy ngây thơ nhưng phát xuất từ tâm thức “giải phóng dân tộc”, bắt nguồn từ chính cuộc cách mạng lập quốc 1776 giải phóng khỏi ách đô hộ của đế quốc Anh, đã đánh động dư luận Hoa Kỳ, vì vậy khi Điện Biên Phủ lâm nguy (tháng 5 năm 1954) và khi chính phủ Pháp yêu cầu Hoa Kỳ yểm trợ bằng lực lượng không quân thì Tổng thống Eisenhower và Ngoại trưởng Foster Dulles từ chối. Quan điểm của Ngoại trưởng Dulles lúc bấy giờ là nếu Pháp muốn Hoa Kỳ cứu viện thì phải chịu hai điều kiện: một là phải trả độc lập hoàn toàn cho thành phần quốc gia Việt Nam không Cộng Sản, và hai là Mỹ phải giành lấy trách nhiệm lãnh đạo cuộc chiến tranh Đông Dương. Tuy nhiên, phần vì chính phủ Anh không chấp thuận việc đồng minh tham chiến tại Đông Dương, phần khác vì cả Pháp lẫn khối Cộng Sản đều muốn giải quyết mau chóng vấn đề Việt Nam nên chủ trương của Ngoại trưởng Dulles đã không được thực hiện.

Quy ước của Hội nghị Genève 1954 đã tạm thời chia đôi đất nước tại vĩ tuyến 17. Phản ánh đúng đắn đường lối ngoại giao của mình, Hoa Kỳ can thiệp mạnh mẽ vào vấn đề Đông Dương mà cụ thể là giúp ông Diệm về nước để xây dựng một tiền đồn chống Cộng tại Đông Nam Á. Vì tiền đồn đó, nếu muốn đóng vai trò chống Cộng hữu hiệu thì phải thật sự tự do, dân chủ trên mặt chính trị, và phải thật sự hùng mạnh trên mặt kinh tế và quân sự, nên Hoa Kỳ đã không ngại ngừng dùng mọi kế sách và phương tiện để ủng hộ cho miền Nam, kể cả việc không tôn trọng hai điều khoản quan trọng của hội nghị Genève về vấn đề Tổng Tuyển Cử (năm 1956) và về vấn đề quân đội ngoại nhập. Quân viện và kinh viện Hoa Kỳ đổ vào miền Nam như thác đổ, chuyên viên và phương tiện Hoa Kỳ như một kho tàng bất tận cho nhà cầm quyền miền Nam sử dụng; tiếc thay, anh em ông Diệm đã không biết vận dụng sức mạnh đó để bổ túc cho sức mạnh cốt lõi của dân tộc hầu chống Cộng cứu nước và phát triển quốc gia. Đã thế, khi không chống nổi Cộng Sản và trước những áp lực chính

đáng của Hoa Kỳ đòi cải tiến chế độ, họ lại phản bội cả dân tộc lẫn đồng minh để thỏa hiệp với chính kẻ thù Cộng Sản. Năm 1963 ông Ngô Đình Nhu đã tuyên bố rất rõ ràng:

“Tôi chống Cộng trên quan điểm ý thức hệ, tôi không phải là người chống Cộng trên quan điểm chính trị hay nhân bản. Tôi xem những người Cộng Sản như anh em, như những con chiên lạc đàn. Tôi không theo đuổi một cuộc thánh chiến chống lại Cộng Sản vì nước tôi chỉ là một nước nhỏ bé. Chúng tôi chỉ muốn sống trong hòa bình” ^[2]

Ở đây tôi không bàn đến sự nóng cạn trí thức của ông Nhu về ý thức hệ Cộng Sản khi tách phạm trù chính trị và nhân bản ra khỏi ý thức hệ này; tôi cũng không cần bàn đến sự ngây thơ chính trị rất chủ quan của ông Nhu khi cho rằng vì là một nước nhỏ bé nên không chống Cộng, tôi cũng chưa nhắc lại tại sao năm 1955 anh em ông Diệm không chịu thực hiện một quy chế Trung lập Hòa bình cho miền Nam mà nay lại muốn thỏa hiệp với Cộng Sản để được hòa bình, mà tôi chỉ muốn nhấn mạnh đến lập trường của ông Nhu, người lãnh tụ chính trị thực sự của miền Nam tự do, qua chính lược không chống Cộng Sản nữa vì họ là người “anh em”. Trước khi đi sâu vào sự thay đổi đột ngột về lập trường của ông Nhu và sau khi đã nhìn một cách tổng lược và khái quát về chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ đối với các quốc gia thân hữu hoặc đồng minh, đặc biệt là Việt Nam, tôi xin trở lại với nguyên nhân thứ ba là sự căng thẳng trong mối bang giao ruột thịt giữa chính quyền Mỹ và chế độ Ngô Đình Diệm.

Để hiểu thêm về bản chất và cường độ thực sự của tình trạng căng thẳng này, tôi xin được trình bày một số sự kiện liên hệ đến chính sách của các chính quyền Mỹ đối với chế độ Ngô Đình Diệm, một chính sách *đặt nặng tính khuyến cáo xây dựng để chính phủ Diệm sửa sai hầu phát huy chính nghĩa chống Cộng hơn là áp lực độc đoán để tước đoạt chủ quyền của miền Nam*:

- Thứ nhất là sự kiện thay đổi một vị Đại sứ trực tiếp và nhằm phục vụ cho miền Nam bằng một vị Đại sứ mềm dẻo hơn và chỉ muốn làm hài lòng ông Diệm.

Ngay từ năm 1957, vị Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam là ông Ellridge Durbow đã thấy ông Diệm tiến hành một chính sách độc tài trong việc quản trị miền Nam cũng như đã hành xử một cách quan liêu phong kiến, khiến cho nhân dân bất mãn và làm đình trệ các chương trình phát triển kinh tế, xã hội. Ông Durbow cũng đã thấy được thái độ lộng quyền thất nhân tâm và phản tuyên truyền của bà

Nhu, nên đã khuyến cáo ông Diệm nhiều lần. Đặc biệt ông đề nghị giảm bớt các hình thức làm dân bất mãn và tạo cơ hội cho địch tuyên truyền như giảm thiểu đoàn xe hộ tống đông đảo ồn ào, như đừng bắt dân bỏ công ăn việc làm cả ngày để chờ chực đón chào Tổng thống, như không nên ngồi chễm chệ trên ghé bành đặt trên thuyền để sĩ quan lợi nước đẩy thuyền. Ông cũng khuyến nên để bà Nhu ra nước ngoài một thời gian hầu xoa dịu lòng căm phẫn của dân chúng.

Nhưng những lời khuyến cáo của Đại sứ Durbow đã không có hiệu quả nào vì lúc bấy giờ Hoa Thịnh Đốn vẫn còn tin tưởng vào “uy tín và tài năng” của ông Diệm nên không muốn tạo ra những mâu thuẫn cá nhân giữa hai người, làm phương hại đến mối giao hảo đang tốt đẹp giữa hai quốc gia. Đã thế, ông Diệm lại bày tỏ sự bất mãn đối với Hoa Thịnh Đốn về thái độ của ông Durbow mà ông cho là “hay sinh sự” để Bộ Ngoại Giao Mỹ làm áp lực ngược lại ông Durbow.

Quan hệ giữa ông Diệm và Đại sứ Durbow càng lúc càng trở nên căng thẳng và lên đến cao điểm sau biến cố ngày 11-11-1960, biến cố mà vì những hần học cá nhân ông Nhu cứ nhất định cho là do Mỹ chủ xướng và Đại sứ Durbow là người đóng vai trò quan trọng. Dù lúc bấy giờ Hoa Thịnh Đốn đã thấy sự suy sụp của chế độ mà Đại sứ Durbow từng báo trước từ lâu, nhưng vì muốn duy trì mối liên hệ ruột thịt giữa chế độ Diệm và Hoa Kỳ cũng như vì muốn làm hài lòng ông Nhu, Tổng thống Kennedy đã kéo Đại sứ Durbow về nước và cử Đại sứ Nolting qua Sài Gòn thay thế, dù ông này không có nhiều hiểu biết hoặc kinh nghiệm về Việt Nam cũng như về Đông Nam Á.

Đại sứ Nolting là một nhà trí thức hòa nhã, một nhà ngoại giao tế nhị mà Bộ Ngoại Giao đã chỉ thị nên dùng những thái độ mềm mỏng trong khi khuyến cáo chính phủ Diệm để khỏi chạm tự ái của những nhà lãnh đạo miền Nam. Ông Nolting đã thi hành quá chỉ thị của thượng cấp đến độ tại Hoa Thịnh Đốn người ta có cảm tưởng ông ta bị lôi cuốn bởi bà Nhu để trở thành một vị Đại sứ của ông Diệm bên cạnh người Mỹ hơn là một vị Đại sứ của Mỹ tại Sài Gòn^[3]. Cảm tưởng đó hẳn không sai lắm vì ông Nhu đã thành công trong việc điều động viên Đại sứ để vận dụng này và đã có lần khen ông Nolting là vị Đại sứ thông minh nhất của Hoa Kỳ tại miền Nam từ trước đến nay.

Mãi cho đến tháng 3 năm 1963, khi cờ gậy tàn cuộc, ông Nolting mới bắt đầu “thức tỉnh”, làm cho một đồng nghiệp của ông, Đại sứ Pháp Roger Lalouette, phải chế diễu: “Đại sứ Mỹ Nolting quả thật đang kẹt lăm. Nào là những hiểu lầm giữa ông ta và Bộ Ngoại giao Mỹ, giữa ông ta và các phụ tá, giữa ông ta và các tướng lãnh Mỹ.

Ông Nolting lại đang kẹt với báo chí Mỹ, với gia đình và chính phủ Diệm, với tất cả mọi nhà ngoại giao khác tại Sài Gòn. Tất cả những điều kẹt đó chứng tỏ ông Nolting bắt đầu chớm hiểu”¹⁴.

Sự kiện thay thế ông Durbow bằng ông Nolting này biểu hiện một cách rất rõ ràng rằng Hoa Kỳ sẵn sàng nhượng bộ và làm thỏa mãn anh em ông Diệm dù sự nhượng bộ đó, về dài, có làm suy yếu chính sách ngoại giao của họ tại miền Nam nói riêng và sách lược chống Cộng tại Đông Nam Á nói chung. Ta có thể phê phán người Mỹ thiếu cứng rắn, kém tâm lý, hoặc ta có thể phê phán họ ngây thơ, nhưng có một điều chắc chắn mà ta phải công nhận là họ đã nhượng bộ để làm hài lòng hai ông Diệm–Nhu khi quyết định việc thay đổi nhân sự này.

- Thứ hai là sự kiện người Mỹ đã tìm mọi cách để nâng uy tín ông Diệm lên cao, một uy tín đang bị sụp đổ và đang cần phải xây dựng lại gấp hầu duy trì khả năng chống Cộng của chính quyền miền Nam.

Thật vậy, vừa làm lễ nhậm chức cuối tháng Giêng năm 1961 thì ngày 15 tháng 5, Tổng thống Kennedy đã gọi vị Phó Tổng Thống của mình qua miền Nam để thăm định lại tình hình tại chỗ, một tình hình không mấy lạc quan vì sự gia tăng hoạt động của Việt Cộng và những báo cáo bi quan về các thất bại chính trị của chính quyền miền Nam. Đồng thời Tổng thống Kennedy cũng nhờ ông Johnson trao lại một lá thư riêng cho ông Diệm tái xác định quyết tâm của Hoa Kỳ tiếp tục ủng hộ ông Diệm và yểm trợ nhân dân miền Nam chống Cộng... Lá thư nói rõ rằng Hoa Kỳ chỉ giúp phương tiện và ngân phí mà thôi, còn việc chiến đấu bảo vệ quê hương là do chính nhân dân miền Nam nhận lấy trách nhiệm.

Trong chuyến viếng thăm này, để làm hài lòng bản chất tự tôn và tính kiêu hãnh của vị lãnh đạo miền Nam, ông Johnson khi đến Sài Gòn đã không ngại ngừng công khai ca ngợi “Tổng thống Diệm là Churchill của thập niên này”. Nếu ta so sánh cuộc đời cũng như sự nghiệp chính trị của Thủ tướng Churchill và ông Diệm thì ta sẽ thấy lời đề cao quá lộ này chỉ là một lời tuyên bố thuần túy thuộc ngôn ngữ ngoại giao, rất cần thiết nhằm gây lại uy tín cho ông Diệm vốn đã suy sụp quá nhiều, và đồng thời vừa để chứng tỏ cho Cộng Sản cũng như nhân dân miền Nam biết rằng Hoa Kỳ vẫn cương quyết ủng hộ chế độ Ngô Đình Diệm dù những sai lầm và thất bại của chế độ đó.

Lời tuyên bố đó cần thiết đến độ Johnson đã phải dùng một sự so sánh không những sai lầm trên mặt lịch sử mà còn

hoàn toàn ngược hẳn với sự đánh giá tầm kín của chính ông ta. Thật vậy, cũng trong chuyến viếng thăm này, khi ngồi trên phi cơ bay thị sát các quân khu và bị ký giả Mỹ chất vấn về lời tuyên bố đó, Phó Tổng thống Johnson đã trả lời: “*Xì ! Diệm là đứa duy nhất mà ta có ở đây*” (Shit ! Diem’s the only boy we’ve got out there”) ¹⁵¹.

Loại ngôn ngữ ngoại giao đầy thủ đoạn chính trị đó, sau này, cũng đã được ông Nixon dùng để khen ông Thiệu là “một trong bốn lãnh tụ tài ba nhất thế giới” tại vườn hoa Tòa Bạch Ốc vào năm 1973. Nhưng điểm khác biệt đáng chú ý là ông Nixon khen ông Thiệu để khuyến khích thi hành hiệp định Paris cho Mỹ có thể giải kết khỏi miền Nam trong “danh dự”, và ông Thiệu *biết* lời khen đó là giả dối, còn ông Johnson khen ông Diệm là để mong tạo uy tín thêm cho ông Diệm hầu cuộc chiến chống Cộng có thể thành công, trong lúc trong thâm tâm thì lại nghĩ khác, nhưng ông Diệm lại *không biết* điều đó. Vì không biết, nghĩa là không phát hiện ra sự giả dối và không thấy uy tín mình đang bị mất nên ông Diệm mới đại dốt tuyên bố trong một bài diễn văn đáp từ Johnson rằng: *Biên giới của Thế giới Tự Do chạy dài từ Alaska đến sông Bến Hải*, tạo cơ hội cho đài phát thanh Hà Nội lợi dụng tuyên truyền về bản chất tay sai của chính quyền miền Nam trong quan hệ Mỹ– Diệm, và đã đập tan cái luận cứ độc lập và dân tộc chống Cộng của chính nghĩa miền Nam trong nhân dân.

Nhưng dù lời tuyên bố của ông Johnson có giả dối thì rõ ràng nó cũng phát xuất từ chính sách của Mỹ muốn cho ông Diệm mạnh thêm và muốn cho miền Nam vững thêm. Một lần nữa, ta có thể phê phán ông Johnson theo chiều hướng nào cũng được, nhưng chắc chắn là lời tuyên bố đó phản ánh chính sách thân thiện và ủng hộ của người Mỹ lúc bấy giờ.

- Sự kiện thứ ba là mặc dầu uy tín và sức mạnh chính trị bắt đầu bị tổn thương sau vụ thất bại tại “Vịnh Con Heo” ở Cuba vào tháng 4 nhưng Tổng thống Kennedy cũng đã theo lời yêu cầu của ông Diệm, tiến hành chiến dịch tăng cường quân nhân tham chiến (ngụy trang dưới hình thức cố vấn quân sự và chuyên viên cứu trợ nạn lụt) tại miền Nam Việt Nam sau chuyến điều nghiên của Tướng Maxwell Taylor và Cố vấn Walt Rostow vào tháng 10 năm 1961. Chiến dịch này đã được ông Diệm và chính quyền Mỹ đồng thuận thi hành một cách tích cực mà sự ra đời của *Bộ Chỉ Huy Yểm Trợ Quân Sự Mỹ* (American Military Assistance Command) vào ngày 6 tháng 2 năm 1962 đã cho phép ông Diệm nhận thêm từ 700 “cố vấn” lên đến

12.000 “cố vấn” vào giữa năm 1962. Nghĩa là **gia tăng 1.700 phần trăm trong vòng 8 tháng !** Sự gia tăng đó mạnh mẽ cả về mặt ý chí lẫn sức mạnh đến nỗi Trường phái đoàn Ba Lan trong Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến khi đến Bắc Kinh cũng đã nhận thấy “cấp lãnh đạo Trung Cộng rất lo lắng về sự can thiệp càng lúc càng gia tăng của người Mỹ tại Việt Nam”^[6].

Tất cả chiến dịch đó đã được chính quyền Mỹ khôn khéo trốn tránh chính Quốc Hội và báo chí Hoa Kỳ (vốn đang bắt đầu có khuynh hướng chống việc gửi quân nhân Mỹ tham chiến tại ngoại quốc sau vụ thất bại tại Cuba) để mạo hiểm một mặt thỏa mãn lời yêu cầu của chính phủ Diệm, và mặt khác để bảo đảm sự thành công của cuộc chiến chống Cộng tại miền Nam.

Thật vậy, mặc dù trong cuộc thảo luận với Phó Tổng thống Johnson trước đó năm tháng ông Diệm đã không muốn đem quân chiến đấu Mỹ vào miền Nam, nhưng khôn nổi vào tháng 10, khi tướng Taylor đang trên đường đến Sài Gòn thì Việt Cộng phát động các đợt tấn công dữ dội vào tỉnh lỵ Phước Thành, đốt phá các cơ sở, giết hại cả Tỉnh trưởng lẫn Phó Tỉnh trưởng và rất nhiều binh sĩ, cán bộ, công chức; đồng thời Việt Cộng lại tấn công nhiều quận lỵ của tỉnh Darlac và tung ra nhiều đơn vị lớn đánh phá khắp miền Nam, công hãm các đồn bót chiến lược dọc quốc lộ số 4 và gây thiệt hại nặng nề cho lực lượng Việt Nam Cộng Hòa. Tình hình an ninh suy sụp đó khiến cho ông Diệm sợ hãi một cuộc tổng nổi dậy của Việt Cộng nên ông bèn đưa ra lời tuyên bố chính thức rằng chiến tranh thật sự đã xảy ra tại miền Nam.

Vì không còn giữ ý định chống lại việc quân đội Mỹ tham chiến tại miền Nam nữa nên ông Diệm đã yêu cầu Mỹ đem một số “quân chiến đấu tượng trưng” vào miền Nam và lớn tiếng kêu gọi Hoa Kỳ cùng với Việt Nam Cộng Hòa ký một hiệp ước phòng thủ song phương^[7]. Trước lời kêu gọi đó của ông Diệm, và trước tình hình an ninh suy thoái một cách trầm trọng của miền Nam, Bộ Tổng Tham mưu Hoa Kỳ cũng khuyến cáo Tổng thống Mỹ nên gởi quân qua Việt Nam tham chiến. Ý kiến này được Thứ trưởng Quốc phòng William P. Bundy ủng hộ mạnh mẽ vì theo ông Bundy, sách lược “tốc chiến tốc thắng” có thể giúp ông Diệm nhiều may mắn hơn và có thể lật ngược thế cờ. Nhưng vì việc quân đội Mỹ công khai tham chiến tại Việt Nam có thể gây nhiều phức tạp trong nội bộ chính trị Hoa Kỳ cũng như có thể gây các phản ứng quốc tế nguy hiểm, nên Tòa Bạch Ốc bề ngoài đã phải giảm thiểu những thúc giục ồn ào tại

cả Sài Gòn lẫn Hoa Thịnh Đốn, bằng cách giả vờ lộ một số tin tức cho nhật báo *New York Times*, tiết lộ rằng “các cấp lãnh đạo ở Ngũ Giác Đài cũng như Đại tướng Taylor đều tỏ ra miễn cưỡng về việc gởi các đơn vị chiến đấu Mỹ sang Đông Nam Á”. Bài báo này đã chặn đứng được những tuyên bố quá lộ liễu của ông Diệm.

Những sự kiện trên đây cho thấy mới giữa năm 1961 mà tình hình chiến sự tại miền Nam đã đến độ nguy ngập như tôi đã trình bày trong một chương trước. Sự kiện trên đây cũng cho thấy ông Diệm đã hoảng sợ, phải yêu cầu Mỹ tăng viện, **kể cả việc đem quân chiến đấu ngoại quốc vào miền Nam** (sự thật lịch sử này đã bị nhóm Công Giáo Cần Lao bóp méo với luận điệu cho rằng ông Diệm bị Mỹ giết vì không chịu cho quân đội ngoại quốc đóng trên đất nước mình). Sự thật rõ ràng là chẳng những ông Diệm đòi quân Mỹ vào miền Nam, mà còn nhờ Mỹ vận động với Trung Hoa Dân Quốc gởi một sư đoàn qua Việt Nam tham chiến. Tài liệu mật của Ngũ Giác Đài dưới đây tiết lộ một bản mật điện của Tòa Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn gởi về Hoa Thịnh Đốn, trình bày về cuộc thương thảo giữa Đại sứ Nolting và ông Nguyễn Đình Thuần, Bộ trưởng Quốc Phòng kiêm Bộ trưởng Phủ Tổng Thống, cho thấy những bí ẩn đó:

25 Những Đòi Hỏi Vào Năm 1961 Của Nam Việt Nam Về Những Đơn Vị Tác Chiến Hoa Kỳ.

Điện văn từ Tòa đại sứ Mỹ tại Sài Gòn gởi Bộ Ngoại Giao / 13-10-1961 / Về những đòi hỏi của Nguyễn Đình Thuần, Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng của Nam Việt Nam / Bản sao gởi Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Thái Bình Dương và Tòa đại sứ Mỹ tại Bangkok Thailand và Taipei Taiwan /.

Trong buổi họp 13-10 Thuần đã đưa ra những đòi hỏi sau đây:

1. Thêm phi đoàn AD-6 thay vì phi đoàn T-28 như đã dự định và gởi qua càng sớm càng tốt.

2. Yêu cầu cung cấp phi công dân sự Mỹ để lái máy bay trực thăng, và phi cơ C-47 để bay những phi vụ tác chiến.

3. Nhiều đơn vị tác chiến Hoa Kỳ, hoặc những đơn vị gọi là “huấn luyện tác chiến” vào Nam Việt Nam. Một phần để đóng ở phía Bắc gần vĩ tuyến 17 để thay các lực lượng Quân Đội VNCH ở đó phải bận đi chống du kích ở vùng cao nguyên. Và cũng để đóng ở nhiều tỉnh của vùng Cao nguyên Trung Việt.

4. Phản ứng của Hoa Kỳ về dự định của Việt Nam yêu cầu Trung Hoa Quốc Gia gởi một sư đoàn tác chiến cho mặt trận Tây

Nam.

Thuần nhắc đến những tập nhật ký lấy được từ những sĩ quan Việt Minh bị giết ở miền Trung, trong đó có tin tức về những dự án và kỹ thuật của Việt Minh. Những tài liệu này đang được phân tích, dịch ra và sẽ được chuyển về (Hoa Kỳ). Thuần nói: ông Diệm, vì thấy hiện tình của Lào, sự xâm nhập (của Việt Minh) vào Nam Việt Nam và việc Tổng thống JFK gửi Taylor (qua Việt Nam), đã yêu cầu Hoa Kỳ xét gáp những đòi hỏi của Nam Việt Nam.

Về việc đòi hỏi gửi những đơn vị huấn luyện tác chiến Mỹ, Nolting hỏi xem ông Diệm có xét kỹ vấn đề chưa vì đã có nhiều chống đối liên tiếp đòi hỏi này. **Thuần xác nhận rằng có, và rằng ông Diệm đã đổi ý kiến (muốn Hoa Kỳ gửi quân qua Việt Nam) vì tình hình càng ngày càng tệ hại hơn.** Thuần muốn **Hoa Kỳ biểu dương lực lượng** gần vĩ tuyến 17 để ngăn ngừa Cộng Sản tấn công, và để thay thế lực lượng VNCH ở đó. Cũng cần **những đơn vị Hoa Kỳ** đóng ở những tỉnh cao nguyên, cho cùng một mục đích: thay thế cho quân lực VNCH ở đó.

Nolting nói (tại sao lại có) những đòi hỏi này ngay sau khi ông Diệm yêu cầu có một thỏa ước của cả hai phe, như vậy có phải ông Diệm muốn thay thế thỏa ước bằng những đòi hỏi trên hay không? Thuần trả lời những đòi hỏi trên (giải quyết vấn đề) nhanh hơn thỏa ước. Rằng việc gửi quân sang sẽ thỏa mãn Nam Việt Nam và thích ứng hơn một thỏa ước. (Về việc thỏa ước này, rõ ràng Thuần chưa suy nghĩ kỹ, cũng như đã chưa bàn với ông Diệm).

Bàn về Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến, Nolting nói rằng Nam Việt Nam trước đây đã coi trọng sự hiện diện của UHQTKSĐC. Thuần đồng ý nhưng nghĩ rằng những đòi hỏi trên không vi phạm vì những đơn vị Hoa Kỳ gửi sang để canh phòng chứ không phải để tác chiến, ngoại trừ khi bị tấn công. Cho nên có thể dùng những đơn vị này mà vẫn giữ được UHQTKSĐC ở Việt Nam. Nolting nói rằng ông nghi ngờ điều này nhưng có thể thử xem (McGarr và tôi lưu ý hai điểm: về những đơn vị dự định cho mục đích huấn luyện chỉ là một sự giả mạo - một cái cớ - chứ không phải mục đích thật. Nếu có gửi những đơn vị Hoa Kỳ thì các đơn vị đó phải đủ mạnh vì chắc chắn Việt Cộng sẽ tấn công).

Về lực lượng Trung Hoa, Thuần nói rằng Tưởng Giới Thạch đã có dấu hiệu muốn giúp đỡ (tôi thấy điều này không chắc). Thuần nói chính phủ Việt Nam không muốn quyết định về việc này nếu không có phản ứng từ Hoa Kỳ. Ý định là dùng khoảng 10 ngàn quân

(Trung Hoa) ở phía Tây Nam càng xa vĩ tuyến 17 càng tốt. Thuần nghĩ rằng có lẽ nên đưa quân Trung Hoa vào một cách bí mật, nhưng thấy không được sau khi phân tách lại vấn đề. Nolting nói: ông nghĩ rằng Trung Hoa chắc sẽ muốn một quyền lợi nào đó trong việc này, có thể là phương diện chính trị (giảm bớt áp lực chính trị) nếu gửi quân vào Á Châu lục địa (Nolting nghĩ là chỉ để thử mà thôi).

Vấn đề chắc chắn sẽ được đặt lại với Taylor. Rõ ràng chính phủ Nam Việt Nam không thể để mất cơ hội đòi hỏi viện trợ nhiều hơn vì sự chú ý và lo lắng của chúng ta đã gia tăng. Nhưng tình hình quân sự và tâm lý đã đi đến hồi mà vấn đề phải được xem xét một cách nghiêm chỉnh và nhanh chóng ^[8].

Sau hai tuần lễ quan sát tại chỗ và thảo luận với các nhà chức trách Việt Nam Cộng Hòa, tướng Taylor đưa ra đề nghị: tăng quân số các cố vấn quân sự Mỹ, tăng cường chuyên viên về máy móc, gia tăng các dụng cụ tối tân cho mọi ngành thuộc quân binh chủng VNCH, đặc biệt là việc tối tân hóa ngành truyền tin, gửi gấp qua miền Nam trực thăng chiến đấu, thiết vận xa M-113 để tạo lưu động tính cho các đơn vị chiến đấu miền Nam, thay thế phi cơ T-28 bằng phi cơ AD-6, và nhiều vũ khí, dụng cụ tối tân khác... Đồng thời với đề nghị trên đây, tướng Taylor cũng “lưu ý riêng” Tổng thống Kennedy là nên gửi qua miền Nam 8 ngàn quân chiến đấu Mỹ, nguy trang thành những đội chuyên viên giúp miền Nam đối phó với trận lụt đang đe dọa vùng châu thổ sông Cửu Long. Những sắp đặt trên đây, theo quan niệm của tướng Taylor, là một sự tham dự giới hạn của Mỹ vào chiến tranh Việt Nam theo tinh thần “*limited partnership*”, nghĩa là “những cố vấn quân sự Mỹ tiến đến gần hơn (nhưng chưa hẳn là) một bộ chỉ huy hành quân trên một chiến trường” ^[9].

Tài liệu mật của Ngũ Giác Đài trên đây và sự gia tăng nhảy vọt của số lượng “cố vấn” Mỹ tại chiến trường Việt Nam sau đó, không những đã cải chính sự huyền hoang tội nghiệp của những phần tử Cần Lao Công Giáo đang cố bám víu vào cái huyền thoại “Ngô Tổng thống không chịu cho quân Mỹ vào Việt Nam nên bị Mỹ lật”, mà còn làm nổi bật lên một sắc thái đặc thù của liên hệ Mỹ-Việt vào năm 1962 của chính phủ Ngô Đình Diệm: đó là dù ông Diệm có bất lực trong việc chống Cộng, chính phủ Mỹ vẫn yểm trợ, bảo bọc ông Diệm. Và ông Diệm đã công nhận, đã chấp thuận sự bảo bọc đó một cách quá trớn, nhất là trong trường hợp can thiệp lộ liễu của “cố vấn” Mỹ trong những quyết định quân sự, đến nỗi sau này, lúc hồi tưởng lại năm 1961, khi còn làm phóng viên tiền tuyến theo dõi các

cuộc hành quân, ký giả Ngô Đình Vận đã viết: “Tôi thấy rõ quân đội trong thời đệ I Cộng Hòa đã không thực sự có được độc lập, có được đầy đủ sự chủ động ngay cả trong lúc giao tranh với địch quân”^[10].

Sự yểm trợ và bao che đó lại càng nổi bật hơn nữa trong trận Ấp Bắc mà kết quả thảm bại, dù rất rõ ràng hiển nhiên, đã được ông Diệm và bà Nhu đổi ngược thành chiến thắng và, trong liên hệ thắm thiết Mỹ-Việt lúc bấy giờ, đã được một số nhân vật chủ yếu của chính quyền Kennedy đồng lõa công nhận.

Thật vậy, từ đầu năm 1962, khi các cố vấn quân sự Mỹ và số khí cụ tối tân mới được tặng viện cho miền Nam trong kế hoạch Taylor-Rostow thì quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã thu lượm được một số chiến thắng tại châu thổ sông Cửu Long, và lần đầu tiên đã tiến được vào chiến khu D, rừng U Minh, vốn là những căn cứ bất khả xâm phạm của Việt Cộng. Những chiến thắng thuần túy quân sự đó đã gây phấn khởi cho cả Sài Gòn lẫn Hoa Thịnh Đốn. Để yểm trợ cho mặt trận tuyên truyền tại Hoa Kỳ, ông Diệm đã cho phép Đại Tá Huỳnh Văn Cao, Tư lệnh Sư đoàn 7, diễn hành tại thủ đô Sài Gòn với sự tham dự của một số Dân biểu Quốc hội. Trong lúc đó tại Mỹ, Bộ trưởng Quốc phòng McNamara họp báo tuyên bố miền Nam Việt Nam của ông Diệm đang lật ngược thế cờ.

Nhưng những chiến thắng đó chỉ như bọt sóng bắn lên tung tóe rồi sau đó tan vỡ mất vì ngay cả chỉ trên mặt thuần túy quân sự mà thôi, ưu thế lưu động của hai chiến thuật trực thăng vận và thiết vận xa M-113 đã không được khai thác đúng mức, hơn nữa chúng lại không hiệu dụng trong một trận chiến mà kẻ thù đã khôn khéo phối hợp được các kỹ thuật du kích chiến với những vũ khí tối tân do Nga viện trợ. Nhưng đó vẫn chưa phải là lý do chính khiến cho Việt Cộng dành lại được ưu thế trên chiến trường mà lý do chính là vào những năm đầu thập niên 1960, **tinh thần chiến đấu của binh sĩ đã không còn hăng say nữa**. Tình cảm bất mãn chế độ, bất mãn cấp lãnh đạo là gia đình ông Ngô Đình Diệm phát xuất từ những sự kiện rất thực tế trước mắt, rất liên hệ trực tiếp đến bản thân của sĩ quan và binh sĩ, đã làm suy giảm rất nhiều tinh thần hăng say và quyết tâm chiến đấu của quân lực.

Giữa năm 1962, hai phi công Quốc và Cử ném bom dinh Độc Lập định giết cả nhà, tức là cả chế độ, của ông Ngô Đình Diệm lại càng nung nấu và càng làm lan rộng sự bất mãn đó. Đầu năm 1963, ba cán bộ Cần Lao Công Giáo của ông Diệm là Tư lệnh Vùng 4 Huỳnh Văn Cao, Tư lệnh Sư Đoàn 7 Bùi Đình Đạm và Thiếu tá Tỉnh

trưởng Định Tường Lâm Quang Thơ, với quân số đông hơn, với vũ khí hiện đại hơn, lại hứng chịu thảm bại nhục nhã tại Ấp Bắc trước tiểu đoàn 514 của địch không đến 400 quân. (Xin xem thêm “*The Bright Shining Lie*” của Neil Sheehan. Bản dịch Việt ngữ “Sự Lừa Dối Hào Nhoáng” của Nhà Xuất Bản Hồng Lĩnh, 1991).

Thảm bại rõ ràng này không những đã khiến cho tướng Lê Văn Tỵ phải đích thân xuống điều tra tại chỗ mà chính các cố vấn quân sự Mỹ, đặc biệt là Trung Tá John Paul Vann – người phối hợp các phương tiện hỏa lực gồm M-113, trực thăng UH-1A, trực thăng CH-21, các đơn vị quân đội Mỹ trong vùng cho trận Ấp Bắc này – đã phải nhục nhã gọi là “*một thành tích khôn nặn*” vì tướng Cao đã “chọn lựa tăng cường sự thất bại thay vì nỗ lực để chiến thắng” (“A miserable damn performance... They choose to reinforce defeat rather than to try for victory”) ^[11].

Báo chí Mỹ tức giận vì sự bất lực của quân đội Việt Nam Cộng Hòa và sự vô hiệu của các chiến cụ viện trợ, đã phanh phui sự thất bại đó và còn quá khích đòi hỏi chính quyền Mỹ phải giành lấy quyền lãnh đạo chiến tranh tại Việt Nam để tiêu diệt Cộng Sản. Thảm bại đã rõ ràng như thế, nhưng để tránh cho cuộc khủng hoảng chính trị tại Sài Gòn khỏi lan rộng thêm vì một thất bại quân sự nặng nề, ông Diệm – và ngay cả bà Nhu, người không có thẩm quyền về các vấn đề quân sự – đã tuyên bố rằng Ấp Bắc là một chiến thắng oai hùng của Sư đoàn 7.

Các nhà lãnh đạo Mỹ, đặc biệt là Bộ trưởng Quốc Phòng McNamara, Đại sứ Nolting, Đại Tướng Tư lệnh Quân Đội Mỹ tại Việt Nam Paul Harkins, đành phải bênh vực ông Diệm bằng cách xác nhận đó là một chiến thắng ^[12]. Thái độ bùng bít sự thật để tiến hành chính sách – mà trong giai đoạn đó là chính sách ủng hộ “người hùng” Ngô Đình Diệm – còn tiếp diễn dài dài sau này suốt cuộc chiến Việt Nam. Ở đây tôi không phân tích về những lợi và hại của thái độ đó, mà tôi chỉ muốn nhấn mạnh rằng qua thái độ đó thì cho đến đầu năm 1963, mối liên hệ giữa các nhà lãnh đạo Mỹ và ông Diệm vẫn rất thắm thiết. Thắm thiết đến độ phải nói láo để bênh vực cho cái thể và cái lực của một con tốt vô dụng vào lúc cờ tàn.

- Sự kiện thứ năm là sự đồng lõa của một số viên chức cao cấp Hoa Kỳ nhằm che dấu những thất bại của quốc sách áp chiến lược hầu bảo vệ ông Diệm. Chương trình Ấp Chiến Lược là do sáng kiến của ông Thompson người Anh, Cố vấn Du Kích chiến của Tòa Bạch Ốc. Chương trình này đã được Tổng thống Kennedy hết lòng yểm trợ

và đặt hết hy vọng vào hiệu quả của nó mà sự thành công đã được chứng nghiệm tại Mã Lai dù điều kiện ứng dụng có khác. Khi Mỹ đề nghị thực hiện chương trình này trong mục đích tiêu diệt hạ tầng cơ sở của Việt Cộng tại nông thôn thì bị ông Ngô Đình Nhu bác bỏ. Mỹ phải vận động mãi và đặc biệt phải tăng tài phí lên rất cao ông Nhu mới chấp thuận. Khi tiền viện trợ bắt đầu được tháo khoán, ông Nhu đích thân nắm lấy việc điều khiển thực hiện chương trình và cho áp dụng kế sách riêng của ông ta theo đường hướng của chủ nghĩa “nhân vị” và đặc biệt để tạo một bộ máy nhân sự trung thành với chế độ [\[13\]](#). Mà bộ máy trung thành đó có mục đích quyết liệt nhất là gì nếu không phải là nhân danh công cuộc chống Cộng để phát động và thực hiện cho được âm mưu Công giáo hóa nhân dân trong các Ấp Chiến Lược như tôi đã trình bày ở một chương trước.

Nếu công cuộc thực hiện chương trình Ấp Chiến Lược được tiến hành một cách thực tế hơn, nghĩa là dựa trên thực tế chính trị quân sự cũng như thực tế xã hội nhân văn của miền Nam, và nếu được thực hiện bởi một cơ cấu nhân sự trong sạch và vì dân chứ không phải tham nhũng và vì bè phái mà cụ thể là dùng bắt dân đóng góp vật liệu, dùng bắt dân chúng lao động cực nhọc suốt đêm ngày không công, dùng quá cứng rắn trong việc bắt dân dời nhà cửa vườn tược của ông cha họ để lại, nghĩa là dùng làm mất lòng dân quá đáng, thì có lẽ kế hoạch Ấp Chiến Lược cũng đã có thể thu hoạch được phần nào thành quả. Khốn nỗi, chương trình Ấp Chiến Lược lại được chỉ đạo và kiểm soát bởi một Ngô Đình Nhu bệnh hoạn nên mới trở thành một hỏa diệm sơn thù hận chế độ và làm suy yếu luôn sức mạnh chống Cộng ở miền Nam.

Trước thất bại và hệ quả nguy hại rõ ràng đó, ông Rufus Phillips, nhân viên cao cấp nhất của Mỹ đặc trách về chương trình Ấp Chiến Lược, đã phải phúc trình trực tiếp với Tổng thống Kennedy để yêu cầu xét lại ngay cả sự cần thiết của chương trình này. Nhưng một lần nữa, những nhân vật rường cột của chánh sách Mỹ tại Việt Nam như Ngoại trưởng Rusk, Bộ trưởng McNamara, Đại sứ Nolting, Tướng Harkins, và ngay cả Thứ trưởng Ngoại giao Roger Hillsman (người sau này quyết liệt ủng hộ việc lật đổ chế độ Diệm) vẫn bênh vực ông Diệm và cho rằng chương trình Ấp Chiến Lược đã thành công.

Mặc dầu thái độ của họ phát xuất trước hết từ những động cơ khác như vì quyền lợi của Mỹ, như vì chính sách chống Cộng toàn cầu, như vì muốn giới hạn vai trò của báo chí... nhưng thái độ đó –

khi che dấu sự thật và nhận định trái ngược hẳn với chính người trực tiếp phụ trách công tác là ông Rufus Phillips – cũng phát xuất từ ý định nâng đỡ và bao che cho chế độ Ngô Đình Diệm, nếu không muốn nói là bênh vực và chiều thuận chế độ đó.

-oOo-

Nhìn mỗi bang giao Mỹ-Việt, đặc biệt là liên hệ giữa chế độ Diệm và các cấp lãnh đạo Hoa Kỳ, trong suốt chín, mười năm trời cai trị miền Nam, anh em ông Diệm đã phạm không biết bao nhiêu lỗi lầm trầm trọng, ta thấy dù những lỗi lầm đó đã đưa đất nước từ thanh bình đến rối loạn, từ cảnh an ninh đến tình trạng chiến tranh thật sự, thế mà người Mỹ vẫn một lòng ủng hộ ông Diệm và chế độ của ông ta. Người Mỹ đã chân thành khuyến cáo để anh em ông Diệm sửa sai, khuyến cáo không nổi thì nhượng bộ, chiều lụy, thế mà ngược lại anh em ông Diệm vẫn cứ chê trách chống báng. Mà sự chống báng đó thật ra không phải phát xuất từ thể diện quốc gia (còn gì mà thể diện khi đã được khai sinh và nuôi dưỡng) hay độc lập dân tộc (còn gì mà độc lập khi quân viện và kinh viện đã tràn ngập đất nước) mà **phát xuất từ bản chất phong kiến, quan liêu, tự tôn, tự đại của anh em dòng họ Ngô Đình.**

Năm sự kiện tiêu biểu mà tôi vừa kể trên kia đã chứng minh thái độ chịu đựng của người Mỹ trước sự ngoan cố của anh em ông Diệm. Lời trình bày của ký giả Robert Shaplen dưới đây còn mô tả rõ hơn nỗi chán chường và khổ tâm của người Mỹ trong việc giao thiệp với những nhà lãnh đạo của miền Nam Việt Nam:

Đến tháng Giêng năm 1962, sau những cuộc thảo luận kéo dài, một bản thông cáo ra đời cho thấy rõ ràng Diệm và Nhu đã thu hoạch tất cả những gì họ muốn về vấn đề tăng viện quân sự và kinh tế, mặc dầu không có dấu hiệu nào cho thấy họ có ý thật sự thực hiện những cải cách. Đây là khúc quanh cuối cùng trong liên hệ lâu dài và đau đớn giữa chúng ta và Diệm. Những ai trong chúng ta đã từng ở Trung Hoa vào năm 1946 và có theo dõi cố gắng của người Mỹ trong việc lôi kéo Tưởng Giới Thạch chấp nhận thực hiện cải cách thì có thể làm một sự so sánh ở đây. Mỗi lần chúng ta nghĩ rằng chúng ta đang đạt được thành quả với Tưởng Giới Thạch và đang dễ dãi với thành phần cấp tiến của Quốc Dân Đảng, thì vô tình chúng ta đã làm cho thành phần bảo thủ chung quanh Tưởng Giới Thạch có thể thuyết phục ông ta không nên thực hiện bất cứ chương trình cải cách nào mà người

Mỹ muốn, bởi vì chúng ta (người Mỹ) đã gián tiếp xác định rằng chúng ta sẽ tiếp tục hỗ trợ cho ông ta trong cuộc chiến chống Cộng Sản. Ở Sài Gòn vào khoảng thời gian thương thảo 1961-1962, Nhu cũng đã giữ vai trò giống như vai trò của thành phần phản động trong Quốc Dân Đảng. Nhu đã nói với Diệm rằng Hoa Kỳ sẽ không bỏ chế độ (Diệm), và do đó không cần phải nghe theo những đòi hỏi cải cách của Mỹ. Hệ quả của việc để cho Diệm ở vị trí ưu thế này là người Mỹ ở Sài Gòn, một lần nữa lại bị bắt buộc phải lễ độ trong việc thuyết phục và khuyến cáo. Điều đó cho thấy thế đứng của chúng ta lúc bấy giờ bị yếu hẳn, và rồi cuối cùng sẽ không tránh khỏi rối loạn. Chúng ta đã cho người Việt Nam điều kiện để họ lạm dụng ý niệm “chủ quyền”, một người chán nản đã nói như vậy. Bề ngoài thì Tòa đại sứ làm bộ như đang thấy có những tiến bộ tại Việt Nam. Một nhân viên cao cấp khác đã nói với tôi vài tháng sau đó: “Thời gian rất cần thiết, chúng ta chưa sẵn sàng để thấy đứa bé ra khỏi bồn tắm. Tôi hy vọng thấy đứa bé sẽ ăn nhiều hơn từ tuần này qua tuần nọ.” Tuy nhiên, lúc riêng tư, thì hầu hết các nhân viên đều nói rõ sự bất mãn của họ đối với tình trạng đang suy sụp dần. Một nhân viên nữa của Tòa đại sứ đã nói một cách tuyệt vọng rằng: “Chúng ta đã hiến mình quá nhiều cho Diệm rồi, nhưng chúng ta cũng phải giữ thế quân bằng. Có nhiều cách để làm áp lực: một cách là chúng ta có thể chặn lại nhiều chương trình như Diệm-Nhu đã chặn và không cho Diệm-Nhu những gì họ đòi hỏi. Hay nói thẳng với họ: “Các ông không muốn làm như vậy à? Ok, vậy thì chúng tôi cũng sẽ không làm như vậy”. Có thể gọi đó là lối phản kháng tiêu cực, cũng như đó là lối chơi theo kiểu Đông phương xưa, và đã đến lúc chúng ta cũng phải học cách chơi theo kiểu đó” [\[14\]](#).

Ngoài Robert Shaplen đã có nhận định trên, ký giả Karnow còn có ý kiến sâu sắc hơn:

...Trong thời gian đó, Diệm chống lại khuyến cáo của Hoa Kỳ trong việc cải cách chế độ bởi vì Diệm biết rằng Hoa Kỳ cần Diệm để chống Cộng. Như một giới chức Mỹ ở Sài Gòn đã nói: “Diệm là một thứ bù nhìn tự kéo lấy dây” (a puppet who pulled his own strings). Diệm dùng phương tiện Mỹ cho những nhu cầu riêng tư, ông ta không quan tâm nhiều đến một quân đội chống du kích mà lại lo thành lập những đơn vị để bảo vệ ông ta chống lại những người quốc gia đối lập tại Sài Gòn [\[15\]](#).

Những nhận định này nói lên thủ đoạn của anh em ông Diệm lợi dụng chính sách chống Cộng trong chủ thuyết Domino của người

Mỹ để thao túng các kế hoạch quân viện và kinh viện, và nhất là để có thể khước từ những khuyến cáo thực thi dân chủ và hiệu dụng hóa khả năng chiến đấu của quân đội Việt Nam Cộng Hòa mà người Mỹ đã nhiều lần thúc giục. Những nhận định đó cũng nói thêm một điểm rất cơ bản khác là cho đến trước khi xảy ra vụ tấn phá chùa chiền vào tháng Tám năm 1963, người Mỹ vẫn tiếp tục “ngâm đắng nuốt cay” chịu đựng chế độ Ngô Đình Diệm, một chế độ đang bị chính nhân dân và quân đội miền Nam căm phẫn, một chế độ đang bị chính giới và công luận Hoa Kỳ lên án.

Phân tích dưới đây của một người bạn Mỹ rất thân của ông Diệm lại trình bày rõ hơn về những thăng trầm trong liên hệ Việt–Mỹ qua suốt gần mười năm đan díu:

Giải quyết vấn đề dân di cư đã cho thấy sự phối hợp giữa cấp chỉ huy địa phương, tài nguyên quốc gia, và viện trợ của Mỹ có thể làm được việc. Nhưng chính sự thành công trong lãnh vực này lại làm nổi bật lên sự yếu kém về phương thức điều hành của chế độ Diệm trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, hành chính và quản trị quốc gia.

Sự sống còn của quốc gia được đặt căn bản trên những kế hoạch kinh tế, xã hội, và chính trị nhằm mục đích lôi kéo sự trung thành của nhân dân và làm cho nhân dân quyết tâm bảo vệ chế độ chống lại những cuộc nổi dậy bằng bạo lực. Tuy mức độ ủng hộ của nhân dân đối với Diệm không thể đo lường được dễ dàng, những chắc chắn giữa năm 1955 và 1957, Diệm đã tạo được nhiều tiến bộ. Ngay cả những kẻ chỉ trích chế độ khó tính nhất cũng đã phải nhận rằng, dù ngắn ngủi, Diệm đã hưởng được sự ủng hộ của nhân dân, và điều này chứng tỏ rằng lịch sử đã cho Diệm một cơ hội thực sự.

Nếu mức độ ủng hộ Diệm (ở Việt Nam) không chắc chắn, thì sự ủng hộ ở Hoa Kỳ lại rất vững chãi. Viện trợ của Mỹ rất quan yếu cho Nam Việt Nam đến nỗi có những người Mỹ ở Hoa Kỳ đã xem sự viện trợ này thay thế - chứ không phải là một điều kiện - cho sự ủng hộ của nhân dân Việt Nam. Ngay cả ông Diệm cũng xem điều này như vậy khi ông nhận ra rằng ông đã không lôi kéo được khối quần chúng và khối trí thức Việt Nam ủng hộ ông.

Mặc dù tinh thần quốc gia chống Cộng dưới sự lãnh đạo của ông Diệm có một lúc có vẻ như là một thế lực khá dĩ có thể chống lại được ảnh hưởng của Việt Cộng, nhưng đến 1960 thì rõ ràng Diệm đã không sử dụng viện trợ Mỹ để tranh thủ lòng dân. Nhưng vì sao mà Diệm vẫn thành công trong việc duy trì được sự ủng hộ của Hoa Kỳ

trong nhiều năm mặc dù tình trạng suy sụp về sức mạnh chính trị của ông ta đã biểu lộ rõ ràng? Và tại sao rất nhiều người Mỹ, dù biết rõ vấn đề và dù có cái nhìn chính trị tinh tế, lại vẫn cứ tiếp tục bênh vực ông ta trong nhiều năm!

Để hiểu dễ dàng hơn sự tin tưởng kiên cố của những người Mỹ này, ta có thể chia chín năm cai trị của Diệm thành ba giai đoạn. Giai đoạn *Một* kéo dài khoảng một năm, trong đó, ngược lại với mọi dự đoán, Diệm đã thành công trong việc giữ vững vị thế và đặt nền móng cho nền cai trị của ông ta. Sự tin tưởng rằng tất cả đều tốt đẹp và rằng phép lạ đã xảy ra đã đâm rễ trong giai đoạn hai, và sự tin tưởng đó kéo dài không quá hai năm sau đó. Thật vậy mọi nghi ngờ về sự vững chắc của địa vị ông Diệm đã biến mất hoàn toàn sau hai năm đầu tiên của giai đoạn *Hai* này, và mặc dù chế độ bắt đầu để lộ ra những khuynh hướng chính trị tạo rắc rối cho nền cai trị, nhưng niềm tin về khả năng hành xử theo chiều hướng xây dựng của chế độ vẫn cứ được nẩy sinh và duy trì chính trong giai đoạn này.

Khó nói được giai đoạn *Ba* bắt đầu từ lúc nào. Ở Việt Nam thì sự bất mãn chế độ đã lan rộng vào năm 1957, ở Hoa Kỳ thì những kẻ ngưỡng mộ Diệm hồi trước đã ngưng ủng hộ ông ta sau năm 1960. Tuy nhiên giới chính quyền Mỹ, cho đến khi biến cố Phật giáo xảy ra vào năm 1963 mới lên án sự thất bại của chế độ Diệm.

Sở dĩ có một số người Mỹ lạc quan về Diệm là vì chính những người Mỹ này cần nuôi dưỡng lạc quan cho chính họ. Chỉ có “good news” từ Sài Gòn mới giữ được niềm tin rằng phép lạ tại Việt Nam là thật chứ không phải là một ảo ảnh. Nhu cầu “good news” đã làm cho nhiều quan sát viên chống Cộng mang một cái nhìn hời hợt, hay ít nhất đã bỏ qua những thất bại của Diệm, và sự kiện này đã làm cho những báo cáo về thành quả của Diệm trở thành vô giá trị ^[16].

Giáo sư Buttinger, được xem như “khai quốc công thần” của chế độ Diệm, rồi giáo sư Fishel, Đại tá Lansdale, Thượng Nghị sĩ Mansfield, ... những người vừa là bạn vừa là nhân vật đỡ đầu của ông Diệm trong chính sách Mỹ, từ năm 1960, lần lượt chán nản xa rời ông Diệm trong cái tâm trạng “bỏ thì thương mà vương thì tội”. Ngay Tổng thống Kennedy, từ trước năm 1954 và còn kéo dài sau đó, cũng đã từng triệt để ủng hộ ông Diệm, rồi cuối cùng người ân nhân tối quan trọng đó cũng đã bị ông Diệm phản bội khi ông bắt tay với Cộng Sản Hà Nội.

Phần mà tôi vừa trình bày ở trên về chính sách của người Mỹ đối với các quốc gia nhược tiểu chống Cộng, và đặc biệt đối với chế

độ Ngô Đình Diệm, đã nói lên rất rõ ràng rằng cho đến tháng Tám năm 1963 (nghĩa là cho đến ngày ông Nhu cuồng dại tấn công các cơ sở của Phật Giáo Việt Nam), giới lãnh đạo Mỹ chẳng những đã không tạo một áp lực nào phương hại đến sự sinh tồn của chế độ Diệm (ngoài những khuyến cáo xây dựng để củng cố thêm chế độ) mà ngược lại chính anh em ông Diệm đã tạo ra những căng thẳng trong mỗi bang giao bằng thủ đoạn “chantage” nhân danh nhu cầu chống Cộng của người Mỹ.

Mãi cho đến đầu năm 1963, trước cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng tại miền Nam Việt Nam mà hệ quả có thể là sự suy sụp toàn diện sức mạnh chống Cộng của cả nước, và trước những áp lực của quân chúng Hoa Kỳ, của chính giới Hoa Kỳ, của công luận thế giới, của các nước đồng minh, của tòa thánh Vatican,... giới lãnh đạo Mỹ mới bắt đầu áp dụng những biện pháp cứng rắn trong lãnh vực chính trị và viện trợ để vừa làm áp lực vừa giúp đỡ chính quyền miền Nam sửa sai.

Nói chung, về chính trị, người Mỹ đòi chế độ phải tôn trọng và thực thi nguyên tắc phân quyền và chính sách tản quyền để tránh tình trạng trung ương tập quyền đang làm mù quáng và tê liệt khả năng điều hành của dinh Gia Long. Cụ thể là để cho thành phần đối lập được tự do sinh hoạt tại nghị trường Quốc hội cũng như trong chính giới, xét lại hệ thống bổ nhiệm nhân sự ở các địa phương để tránh tình trạng lạm dụng quyền hành nhờ có liên hệ đặc biệt với gia đình Tổng thống, các cuộc bầu cử từ trung ương đến địa phương phải thực sự tự do và trong sạch... Lẽ dĩ nhiên những đòi hỏi này chỉ được người Mỹ trình bày dưới hình thức khuyến cáo để tránh tình trạng “can thiệp vào nội tình của nước khác”, ngược hẳn với những biện pháp khác táo bạo và mạnh mẽ hơn trong việc kiểm soát việc sử dụng tài phí viện trợ. Vấn đề kiểm soát tiền viện trợ này không phải chỉ vì chính quyền Mỹ muốn hiệu năng hóa công cuộc chống Cộng mà còn vì muốn biện minh với Quốc hội Hoa Kỳ trong những buổi điều trần về tình trạng tham chiến tại Đông Dương.

Đặc biệt, chính quyền Mỹ muốn được biết về số tiền tài trợ cho Lực Lượng Đặc Biệt, các cơ quan công an, mật vụ, và những mật phí có được sử dụng đúng đắn cho các công tác tình báo chống Cộng không. Đòi hỏi này đã bị ông Nhu xem như là một áp lực của Hoa Kỳ nhằm kiểm soát những bí mật quốc phòng và đã bị ông quyết liệt từ chối, vì ai cũng biết phần lớn của số tiền đó được chi tiêu để xây dựng bộ máy đàn áp đối lập, xây dựng những tổ chức kinh tài cho anh

em ông và cho những hoạt động mờ ám khác.

Trong quân đội, các cố vấn Mỹ tỏ ra khắt khe hơn trong việc sử dụng các phương tiện của Hoa Kỳ khi hành quân, và họ cũng tham dự nhiều hơn và trực tiếp hơn vào những trận đụng độ càng lúc càng lớn với quân Việt Cộng. Tình trạng này đã tạo ra nhiều va chạm giữa sĩ quan Việt Nam và sĩ quan cố vấn Mỹ về chiến thuật giao tranh với kẻ thù. Cho nên, trong thời gian đó, đã có những sĩ quan Việt Nam không cần tiếp vận của Mỹ và vì tự ái dân tộc đã sáng tạo ra những chiến thuật tiêu diệt địch oai hùng, nhưng cũng có rất nhiều đơn vị trưởng khác, nhất là các sĩ quan thuộc hệ thống Cần Lao chuyên lạm quyền để thủ lợi, không dám hành quân mà chỉ lui về thế phòng ngự giữ chặt lấy các tỉnh lỵ cho an toàn, và để mặc nông thôn cho Việt Cộng thao túng.

Phân tích những biện pháp chính trị và quân sự, tài chánh và điều hành của Hoa Kỳ, ta có thể nói rằng trước khi xảy ra vụ tấn công các chùa vào tháng 8 năm 1963, người Mỹ đã không tạo ra những áp lực nặng nề nào cả mà chỉ thể hiện những khuyến cáo của mình bằng một số biện pháp rất cụ thể để nâng cao hiệu năng đối đầu với Cộng Sản của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Nhưng ông Ngô Đình Nhu thì không nghĩ như thế. Dù chính Mỹ đã khai sinh và nuôi dưỡng chế độ Diệm từ năm 1953, dù người Mỹ trong các cơ quan then chốt đã đóng những vai trò quan trọng trong các chính sách từ nhiều năm qua... nhưng đến khi cần chống Mỹ thì ông Nhu lại nêu lên những khuyến cáo và những biện pháp đó làm lý do để cho rằng “*bị Mỹ làm áp lực, bị Mỹ chen vào nội tình quốc gia*” dù đã 8, 9 năm đè đầu dân tộc nhờ tiền bạc và thế lực của Mỹ.

Đến đây thì *nguyên nhân thứ tư* của quyết định thay đổi lập trường từ thân Mỹ đến chống Mỹ, từ chống Cộng đến thỏa hiệp với Cộng của ông Ngô Đình Nhu bắt đầu thành hình, mà sự thành hình đó bắt nguồn từ chính bản chất nội tại của con người ông ta.

Những bản tính đặc biệt đó của ông Nhu là gì?

Trước hết **ông Nhu là một người Việt có một tâm hồn rất Tây**, thứ Tây trí thức chuồng lý thuyết và đắm chìm trong những lý tưởng đến nỗi quên mất thực tại. Nền giáo dục từ chương nặng nề của Pháp vào thập niên 1930 và 40, cũng như nội dung giảng huấn của trường Chartres đã bủa màng lưới lý thuyết vây kín óc sáng tạo và tính khách quan của người thu nhận. Ông Nhu say sưa đọc sách, càng nhiều càng tốt, mà không biết đối chiếu với thực tại để khai mở một

triết lý hành động cho chính mình cũng như cho chính quốc gia sau này. Do đó mà những tác phẩm lý thuyết mà ông Nhu là cha đẻ sau này như Hiến pháp Đệ nhất Cộng Hòa, Thuyết Nhân Vị, v.v... chỉ là một sự chấp vả gương ép của rất nhiều trào lưu tư tưởng lúc bấy giờ mà chẳng có một nội dung đặc thù nào, lại càng không phù hợp với hiện thực chính trị và xã hội của miền Nam Việt Nam chút nào cả.

Khi về nước phụ trách quản thủ thư viện tại Hà Nội rồi Huế, ông Nhu chỉ là một công bộc của bộ máy cai trị Tây, suy tư và hành xử như Tây chẳng khác một con cá biển sống thoải mái trong nước mặn. Do đó, ta không lạ gì khi thấy ông Nhu chỉ giao du với những thành phần thuộc giai cấp thượng lưu trí thức, và đến khi thành hôn thì cũng lấy con gái một gia đình trưởng giả trong nếp sống phóng đãng của Hà Nội bị Âu hóa. Văn hóa Pháp chi phối mạnh mẽ tâm hồn ông Nhu, mạnh mẽ đến nỗi khi diễn đạt, ông Nhu không dùng nổi tiếng Việt mà phải nhờ tiếng Pháp để nói và viết. Bài “Hội Mùa Xuân tại Hà Nội thời Hậu Lê” (La Fête de Printemps à Hanoi du temps des Lê Posterieurs), cũng như các diễn văn của ông Diệm sau này, ông Nhu đều viết tiếng Pháp và Võ Văn Hải dịch ra Việt văn. Con cái thì chỉ học trường Tây trường Đầm, và trong nhà thì chỉ đối đáp với nhau bằng Pháp ngữ.

Rõ rệt hơn nữa là khi mới có chính quyền, vợ chồng Nhu đã vội chuyển tiền ra ngoại quốc và chỉ chuyển qua Pháp hoặc Thụy Sĩ. Mua sắm nhà cửa thì cũng tại Pháp và Ý, tạo mãi cơ sở kinh doanh dĩ nhiên cũng tại Pháp. Ba lần công du chính thức, ông Nhu đều tìm cách ghé qua Pháp, riêng bà Nhu thì đi Pháp hàng năm, có khi trong một năm đi hai, ba lần. Chỉ năm 1957, ông Ngô Đình Nhu có viếng thăm Hoa Kỳ và đã được Tổng thống Eisenhower tiếp kiến.

Do đó, chính nếp sống Tây hóa, và quan điểm chính trị bị Tây hóa này đã làm cho ông Ngô Đình Nhu, trong sự hỗn loạn của tình hình lúc bấy giờ, đã trở nên **chủ bại trong ý thức và trở về với lập trường khuynh tả của giới trí thức Âu Châu** để chấp nhận chủ nghĩa của Marx như một chủ nghĩa nhân bản về mặt triết lý và là một hệ ý thức thuần lý về mặt sử quan, đến nỗi đã công khai tuyên bố “Tôi không phải là người chống Cộng trên quan điểm chính trị hay nhân bản. Tôi xem những người Cộng Sản như anh em...”

Từ tình cảm thân Tây, phục Tây và trọng Tây trên mặt tư tưởng cũng như nếp sống đó, tâm lý chống Mỹ, khinh Mỹ, ghét Mỹ của ông Nhu chỉ là một hệ luận tất yếu mà thôi. Và ông Nhu bị rơi vào cái vòng nhị nguyên đối đãi của một thứ lựa chọn cứng nhắc:

càng trọng Tây thì càng khinh Mỹ, càng chống Mỹ thì càng thân Tây, chứ **không tìm được cho mình một chọn lựa đặc thù nào trên nền tảng dân tộc**, để khỏi vật vờ trong thế tranh hùng ngoại bang Tây–Mỹ.

Ngoài đặc tính nặng lý thuyết (mà là lý thuyết Tây phương) đến độ viên vông này, ông Nhu còn bị bệnh chủ quan của một người tưởng mình quán thông kim cổ, của một người khinh thế ngạo vật, xem trí thức và nhân sĩ miền Nam như cỏ rác. Ông Nhu chủ quan đến độ không nhận ra rằng anh mình được làm Tổng thống trước hết là nhờ Mỹ và tòa thánh La Mã chứ không phải nhờ những vận động chính trị đầy tính thỏa hiệp của ông Nhu tại Sài Gòn. Ông chủ quan đến nỗi không nhận ra rằng sau những năm đầu của chế độ, lòng dân đã bắt đầu dao động và những tình cảm cũng như sự tín nhiệm ban đầu của nhân dân đã bắt đầu biến đổi từ dè dặt đến nghi ngờ, từ nghi ngờ đến chống đối. Ông cũng chủ quan đến nỗi không biết rằng những sách lược và những tổ chức của mình như Ấp Chiến Lược, như Thanh Niên Cộng Hòa, như đảng Cần Lao Công giáo, như Lực Lượng Đặc Biệt, như trại giam P42 không đủ khả năng để chống đỡ cho chế độ đang bị ung thối từ trong cốt lõi. Ông cũng chủ quan đến độ vào những tháng cuối cùng của chế độ, khi biết được tin có những vận động nhằm lật đổ chế độ, ông vẫn dửng dưng xem thường và đánh giá rất thấp âm mưu đảo chánh của các sĩ quan.

Tôi còn nhớ vào đạo đó, trong mấy tuần liên tiếp, cứ mỗi thứ năm từ 9 giờ sáng đến 12 giờ trưa, ông Nhu đến câu lạc bộ Tổng Tham mưu để thuyết trình cho khoảng 50 sĩ quan cấp Tướng và Tá gồm các chỉ huy trưởng và giám đốc nha, sở có mặt tại Sài Gòn. Tự cho mình là trí thức khoa bảng và với uy thế của vị Cố vấn Chính trị em ruột Tổng thống, ông Nhu đã xem các sĩ quan cao cấp đó như những kẻ võ biền không có ý thức chính trị nên ông thao thao bất tuyệt, dùng mọi lý luận để đã kích Phật giáo bằng những lời lẽ hung hăng, công kích sự tham dự quá mức của người Mỹ vào nội tình Việt Nam, đề cao một cách sượng sượng các thông kê của quốc sách Ấp Chiến Lược và úp mở đề cập đến một nước Việt Nam thống nhất trong hòa bình.

Suốt năm trời vì quá lo âu bày mưu tính kế đối phó với Phật giáo và Mỹ nên mặt ông Nhu trông hốc hác, cặp môi đã thâm lại thâm thêm, cặp mắt vốn mờ đục bấy giờ lại bị các quầng đen làm sâu hãm. Ông không biết rằng càng nói càng làm cho hội trường thêm chán ghét và căm thù. Những hứa hẹn cũng như những đe dọa mà ông trình

bày bằng một giọng lè nhè vì uống quá nhiều rượu whisky, chỉ làm cho hội trường thêm chán nản. Làm sao ông có thể đề cập đến lòng yêu nước và xây dựng quốc gia khi chính ông đang âm mưu thỏa hiệp với Cộng Sản và đang làm ung thủy liên hệ đồng minh với một nước bạn chống Cộng ? Nhưng ông Nhu cũng say sưa nói, và vẫn chủ quan tin rằng mình đang thuyết phục được một hội trường vốn đã biết khá rõ về âm mưu của ông cũng như đang có những vận động đối chọi kịch liệt với ông.

Cái bệnh chủ quan này trước đó đã dẫn ông Nhu vào thế cờ tàn mà Hà Nội giăng bẫy và sau này dẫn ông Nhu đến cửa tử của kế hoạch Bravo.

Bản tính thứ ba của ông Nhu là liều lĩnh. Không phải liều lĩnh trong cái nghĩa can đảm, biết trước được những khó khăn mà vẫn làm, nhưng lại là cái nghĩa cuồng tín của một người **làm mà không cần biết hậu quả sẽ xảy ra** cho mình hay cho đất nước như thế nào.

Sự liều lĩnh đó bắt nguồn từ niềm tin có tính cách tín ngưỡng về vai trò lãnh đạo mà “ơn trên” đã ban cho, từ mặc cảm tự tôn cho mình không bao giờ lầm lẫn và từ ảo tưởng rằng các bộ máy công an, mật vụ, các lực lượng chính trị, tôn giáo và quân sự đã được đảng Cần Lao kiểm soát. Sự liều lĩnh đó cũng bắt nguồn từ bản chất cá nhân của ông Nhu luôn luôn thích bạo động, thích âm mưu, thích khuyh loát, thích thủ đoạn,... và say sưa với những bạo động, âm mưu, khuyh loát, thủ đoạn đó.

Một linh mục người Pháp vốn biết rất rõ về con người của ông Nhu, từ năm 1959, đã nói rằng: “Nhu có đầy đủ khả năng để bắt tay với Cộng Sản. Nhu sẽ thỏa hiệp với Cộng Sản khi nào cảm thấy bị dồn vào chân tường. Nhu là thứ người hành xử hoàn toàn theo chính sách “sau ta là trận đại hồng thủy” (après moi, c'est le deluge) ^[17]. Sau này tính liều lĩnh đó đã thể hiện rõ ràng hơn khi:

... sự chống đối của tướng lãnh, của người Mỹ, và của Phong trào Phật giáo đã không cho Nhu một chọn lựa nào khác hơn để bám lấy chính quyền ngoài cách liều lĩnh thỏa hiệp với Hà Nội. Với Nhu thì không có gì là mất thể diện. Tất cả mọi nhân chứng đều cho thấy nhà mưu sĩ của chế độ, vì sống riêng biệt trong căn phòng bọc gấm và xa rời thực tế nông thôn, cứ tưởng chương trình Ấp Chiến Lược là một thành công. Những phúc trình của các sĩ quan khúm núm và các công chức sợ sệt đã cứ lái nhải (về sự thành công) như thế, còn Việt Cộng thì họ hiểu rằng nếu có thỏa hiệp, chắc chắn họ sẽ có lợi ^[18].

Vừa chuộng lý thuyết vừa nặng đầu óc chủ quan, lại tính liều

lĩnh nên khi bị dồn vào thế đường cùng thì ông Nhu không thể làm gì khác hơn là quay về thỏa hiệp với kẻ thù Cộng Sản, một kẻ thù mà vì đầu óc tiêm nhiễm những lý thuyết khuynh tả Tây phương, ông Nhu đã không thấy nó phi nhân bản và phản tiến hóa, một kẻ thù mà nặng đầu óc chủ quan, ông Nhu đã không đánh giá được một tương quan lực lượng rất bất lợi cho miền Nam, một kẻ thù mà vì tính liêu lĩnh thủ đoạn, ông Nhu đã không cần biết những hậu quả gì sẽ xảy ra sau khi thỏa hiệp.

-o0o-

Bốn nguyên nhân mà tôi đề cập ở trên có thể xem như là những *sức đẩy* hãm dọa sự an toàn của chế độ: Nhân dân miền Nam đẩy ông Nhu ra khỏi tư thế lãnh đạo, Việt Cộng đẩy ông Nhu ra khỏi vị trí đại diện chính đáng, chính quyền Mỹ đẩy ông Nhu ra khỏi phong độc tôn độc tài, và bản chất chủ quan đẩy ông Nhu ra khỏi những khôn khéo chính trị tối thiểu của một người nắm vận mệnh đất nước. Trước những sức đẩy đó, ông Nhu hạ tay đi thế cờ tội ác chót: Thỏa hiệp với Cộng Sản để hóa giải mọi sức đẩy đang làm lung lay chế độ, đang đe dọa sự an toàn của bản thân ông Nhu, của gia tộc Ngô Đình và của bè phái Cần Lao.

Thật vậy, thỏa hiệp được với Hà Nội thì Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam sẽ không còn vai trò để đóng, Mỹ sẽ không có lý do để áp lực, nhân dân miền Nam sẽ không còn tư thế để thay ông Nhu chống Cộng, và riêng cá nhân ông Nhu sẽ kiêu hãnh làm được nhiệm vụ lịch sử hòa hợp với những người “anh em” bên kia. Cũng trong con tính thỏa hiệp liêu lĩnh này, ông Nhu tin chắc rằng Mỹ sẽ không bao giờ bỏ miền Nam mà phải trở nên “dễ bảo” hơn để quân bình ảnh hưởng của Cộng Sản; các sức mạnh của ông Nhu như đảng Cần Lao, Ấp Chiến Lược, khối Công giáo di cư, các bộ phận võ trang trong quân đội, mật vụ, công an,... sẽ đủ tư cách và đủ sức mạnh để thực hiện sách lược thỏa hiệp mà không bị phản bội.

Ông Nhu chủ quan và liêu lĩnh tính toán như vậy, nhưng còn ông Diệm thì sao? Lập trường của ông và thái độ của ông như thế nào trong toàn bộ âm mưu thỏa hiệp với Cộng Sản Hà Nội của người em cật ruột ?

Ông Diệm là một tín đồ Công giáo có một niềm tin ngưỡng **đậm đà nhưng không sâu sắc**, ông tin tưởng tuyệt đối vào sứ mạng thiêng liêng tiêu diệt Cộng Sản mà ông cho là hiện thân của Satan. **Lập trường chính trị của ông chỉ là một thể hiện tự nhiên những**

xác tín tôn giáo của ông chứ không phải từ một chứng nghiệm hay nghiên cứu chính trị sâu sắc về chủ nghĩa Mác-Lê, phong trào Cộng Sản và bối cảnh của dân tộc Việt Nam. Đối với ông Diệm, là người Công giáo thì tự nhiên phải chống Cộng. Và cũng từ đó mà ông quan niệm chắc nịch rằng chỉ có người Công giáo mới chống Cộng thật sự mà thôi. Toàn bộ quan điểm chống Cộng của ông Diệm cũng như đa số những người đồng đạo của ông ta bắt nguồn từ cái **sứ mạng tông đồ tiêu diệt ma quỷ để làm sáng danh Chúa**, hơn là từ những tình cảm hoặc ý thức dân tộc, nhân quyền, bình đẳng, tự do... Vì thế cho nên khi quân đội Pháp trở lại Việt Nam vào năm 1945–46 dưới quyền chỉ huy của một vị tu sĩ là Đô đốc Thierry d' Argenlieu thì hầu hết người Công giáo Việt Nam đều chọn lựa theo ủng hộ đạo quân xâm lược mượn chiêu bài chống Cộng này, chứ không có một chút ngần ngại chính trị nào giữa hai chọn lựa “theo Kháng Chiến chống Tây” hay “theo Tây chống Cộng Sản” như tình trạng khá phổ quát của đa số các bộ phận khác của dân tộc lúc bấy giờ. Đó đó, nhiều đạo Thân binh hợp tác với quân đội viễn chinh Pháp lúc bấy giờ còn được gọi là **Lính Đạo**, và năm 1946, khi lực lượng Công giáo cho phổ biến “**Lá Thư Luân Lưu**” và thành lập “**Liên Đoàn Công giáo Việt Nam**” thì nội dung và động cơ của nó cũng lấy chủ điểm là đặc tính **Vô Thần** của chủ nghĩa Cộng Sản.

Về mặt chính trị, không những cá nhân ông Diệm có mối thù máu với Cộng Sản đã giết cha con ông Ngô Đình Khôi và giam tù ông tại Thái Nguyên, mà chính sự nghiệp chính trị cũng như những quyền lực và danh vọng của ông đều được xây đắp nhờ chủ trương chống Cộng của ông, do những thế lực chống Cộng Việt Nam cũng như ngoại quốc ủng hộ. Ngày 7 tháng 12 năm 1961, ông Diệm đã gửi cho Tổng thống Kennedy một lá thư dài trình bày tình trạng bi đát của nhân dân miền Nam do Cộng Sản gây ra để kêu gọi vị Tổng thống nước bạn giúp đỡ ^[19]. Lá thư này đã hợp pháp hóa và chính đáng hóa quyết định gửi quân Hoa Kỳ tham chiến tại Việt Nam của Kennedy và củng cố thêm lập trường chống Cộng quyết liệt của ông Diệm lúc bấy giờ. Ngay những tháng cuối cùng của chế độ, lúc ông cho tấn công các cơ sở Phật giáo và đàn áp Tăng Ni thì ông cũng nhân danh sự đe dọa của Cộng Sản để biện minh cho chính sách tàn bạo đó thì tại sao từ cái lập trường thân Mỹ, chống Cộng sắt đá như thế ông lại hoán chuyển tương quan thù bạn để chủ trương đuổi đồng minh Mỹ và bắt tay với kẻ thù Cộng Sản mà nay ông gọi là “anh em”.

Tôi là một cán bộ trung kiên với ông Diệm vì lập trường yêu

nước và chống Cộng Sản, thì việc chuyển đổi tư tưởng và lập trường của ông đã tạo cho tôi một nỗi băn khoăn, thắc mắc rất quan yếu. Tôi cứ tự hỏi chủ trương thỏa hiệp với Hà Nội là chính của ông Diệm hay của ông Ngô Đình Nhu. Tôi thật tâm nghi ngờ rằng ông Diệm đã bị ông Nhu thuyết phục lôi kéo vì ông Diệm thiếu quyết đoán mà lại cả nể ông Ngô Đình Nhu. Thật thế, cuộc đời chính trị của ông Diệm đã cho thấy thời làm quan Nam triều ông nổi tiếng là nhờ thái độ “cần kiệm liêm chính” chứ không phải nhờ tài năng trí tuệ, vì mọi chính sách và hoạt động đều đã có quan Tây chỉ bảo. Ông chỉ cần **thi hành đúng đắn đường lối cai trị và chính sách đô hộ của người Pháp là đủ để được thăng quan tiến chức rồi**. Từ ngày làm Tổng thống, vì thiếu khả năng lãnh đạo, lại mang tính tình bất thường khi nhu khi cương, đầu óc lộn xộn, nên ông đã phải nhờ quá nhiều vào sự giúp sức của anh em, vì vậy sau đó hoàn toàn bị anh em chi phối điều động. Từ sau biến cố Nhảy Dù cuối năm 1960, người ta thấy tương quan của hai anh em ông Diệm–Nhu trong Phủ Tổng thống không khác gì thời vua Lê chúa Trịnh, dù bề ngoài ông Diệm vẫn cố giữ cái thể thống của một vị nguyên thủ quốc gia. Từ sau cuộc đảo chánh Nhảy Dù, nhất là từ ngày dọn về dinh Gia Long (sau cuộc ném bom dinh Độc Lập), những người trong Dinh thường thấy ông Diệm hàng ngày kẹp hồ sơ xuống văn phòng ông Nhu ở tầng dưới để bàn công việc, tham khảo ý kiến. Người ta có cảm tưởng ông Diệm đã hành xử như một viên chức thừa hành mang hồ sơ đến trình bày công việc với thượng cấp là ông Nhu. Trong biên cố Phật giáo, ông Diệm đóng vai trò của một ống loa để tuyên bố, còn tất cả kế hoạch đối phó với cuộc khủng hoảng đều do ông Ngô Đình Nhu thiết kế và quyết định; mà ông Nhu thì lại vốn là người quá nể vợ, nếu không muốn nói là sợ vợ, như các nhân chứng và tài liệu đã nói rõ. Thành ra trong dinh Tổng thống, nhất là vào những năm cuối cùng, ông Diệm đã biến thành nhân vật thứ ba, nằm dưới quyền hành của vợ chồng ông Nhu.

Để thấy rõ bộ máy lãnh đạo tối cao của chế độ và để xác định đúng vị trí của ông Diệm trong bộ máy này, ta hãy nghe những chứng nhân ngày ngày từng trực tiếp theo dõi và liên hệ gần gũi với bộ máy đó mô tả. Ông Nguyễn Thái, cựu Giám đốc Việt Tân Xã, viết rằng:

Mặc dù là lãnh tụ của chế độ, Ngô Đình Diệm đã không thể và thật sự không quyết định một mình, hoàn toàn độc lập khỏi những trung tâm quyền lực khác trong chế độ được. Ngược lại ông đã bị họ ảnh hưởng, và những quyết định của ông phản ánh không những lối suy nghĩ của ông mà còn của họ nữa. Dù ông Diệm có biết hay không

rằng ông đang bị chi phối bởi anh em khác trong gia đình thì ông Diệm vẫn có vẻ như tha thứ, làm ngơ, hay ngay cả nương dựa vào ảnh hưởng đó của họ.

Sự ảnh hưởng lẫn nhau và liên hệ về quyền lực giữa anh em trong hệ thống lãnh đạo của Tổng thống Diệm được gọi là “gia đình trị”. Điều này không thể không chú ý được bởi vì nó là trung tâm guồng máy cai trị đằng sau nền hành chính của Nam Việt Nam. Cũng như nếu một người không biết gì về cá nhân Ngô Đình Diệm thì người đó không thể hiểu được sự lãnh đạo của Tổng thống Nam Việt Nam, không thể thấy được toàn diện chính cuộc nếu người đó không quan sát gia đình họ Ngô ^[20].

Ông Đoàn Thêm, Đồng lý Văn phòng Bộ Phủ Tổng Thống, còn đi sâu vào hiện tượng “gia đình trị” một cách rõ ràng hơn:

Trong mấy anh em gia đình họ Ngô, ông Ngô Đình Nhu là người ảnh hưởng ông Diệm hơn cả. Trong mấy năm đầu, ông Diệm không thấy các em ông có lỗi gì hết. Ông tin rằng mọi sự công kích đều do lòng đố kỵ, do mưu mô ly gián của đối phương.

Đã nhiều lần, ông nói với người chung quanh: Bà Nhu chịu khó lắm, đau hoài mà cứ gắng làm việc công ích, thiên hạ ác miệng lắm.

Nhưng rồi ông thấy cả những người chí thân cũng phản đối nhiều hành động của bà. Sự bất hòa giữa bà với ông Cận chẳng hạn, không thể giữ kín. Phải là “chỉ đạo” mới có gan lên án bà trước ông Tổng thống. Ông Diệm hay bị trách là nhu nhược để mặc vợ chồng ông Nhu làm mưa làm gió.

Ông Diệm biết xử trí ra sao? Có thật ông yếu ớt quá không? Tôi muốn biết rõ hai điểm đó.

Vài người thân tín và quyến thuộc đã hiểu được nỗi khổ tâm của ông. Không những ông phân vân giữa tư tưởng riêng tư và dư luận chung, mà ông còn hay bị kẹt giữa những người ruột thịt.

Có bận ông về Huế ngồi phờ rất lâu, mở tóc đen và dài rớt cả xuống trán và mang tai, ông không nói không rằng chỉ theo thói quen khi ông suy nghĩ nghĩ là dụi tàn thuốc lá, chưa hết nửa điếu này đã châm điếu khác để dụi nhiều hơn.

Ông muốn trong ấm ngoài êm, thì họ cứ lực đực và giận dữ, người nọ khích bác người kia. Ông thương tất cả, chẳng nỡ bênh ai gạt ai. Ông cần ông Nhu hơn hết, sao mọi người cứ muốn chặt tay ông ?

Nhưng chẳng lẽ ông không dám có phản ứng hay sao? Ông

Cần biết tính lưỡng lự của anh đã bảo một người cháu: giục ông Tổng thống mà không khứng bỏ ông ta tất không được. Khứng bỏ Tổng thống là nói mạnh, dọa làm bừa nếu chưa chịu nghe. Đồng ý hay không, bà Nhu đã biện thuyết quá hùng hồn trước mặt ông.

Ở những trường hợp đó, người phải chứng kiến đã ái ngại cho ông Diệm. Ông không quen mạnh dạn trước phụ nữ lại cả nể vợ yêu của người em quý nhất. Sau hết, ông kém về ngôn ngữ và thiếu tài ứng đối nên chỉ cau mặt, không nghe, không bác, lặng thinh, trong một bầu không khí nặng nề. Rút cuộc, ông chỉ thở dài, hình như để tự giải thoát, giải thoát bằng tha thứ.

Ông cho là ông rộng lượng chứ không phải là ông chịu đựng. Bởi thế có lần ông khuyên một Bộ trưởng: Thói thường đàn bà người ta hay nhiều lời. Xong thì thôi, mình đàn ông bận tâm làm chi, cho nó yên mà lo việc lớn ^[21].

Nhưng tất cả vấn đề là nếu “nó” không yên thì sao?

Và “Nó” đã không yên cho nên từ một đất nước thanh bình và một dân tộc đoàn kết thời 1955–56, “Nó” đã đóng góp rất nhiều, quá nhiều, vào việc biến thành một đất nước ly loạn và một dân tộc bị phân hóa vào năm 1962–63. Và đến mấy tháng cuối cùng, khi bị cả dân tộc chống đối, khi bị kẻ thù đe dọa, khi bị đồng minh khuyến cáo, và khi chồng tiến hành kế hoạch thỏa hiệp với quân thù, thì “Nó” còn hồng hách tuyên bố: “*Ông Diệm không thể cai trị miền Nam nếu không có chồng tôi. Trái lại chồng tôi có thể cầm quyền lãnh đạo quốc gia dù không có ông Diệm*” ^[22].

Nói tóm lại, ta thấy ông Diệm tuy chống Cộng nhưng là một thứ **chống Cộng bị điều kiện hóa** chứ không được thúc đẩy và chỉ đạo bởi một cơ sở lý luận vững chắc hoặc được chứng nghiệm bằng một quá trình đấu tranh sống chết. Ông lại là một người hành xử vai trò lãnh đạo nhưng lại **không có tư cách và quyền lực của một nhà lãnh đạo**. Đã thế bản tính ông lại nhu nhược, dễ dãi, nhất là lúc phải đối phó với những vấn đề phức tạp và to lớn. Từ lâu, ông đã tin tưởng tuyệt đối vào ông Ngô Đình Nhu là người em không những ông thương yêu tin phục mà còn nể sợ nữa, đến độ gần như **trao toàn quyền lãnh đạo quốc gia cho em**. Cho nên trong những năm 1962–63, trước những khủng hoảng dồn dập, mà khủng hoảng nào cũng phức tạp và trầm trọng, trước một tình thế vượt hẳn khả năng lý luận và khả năng đối phó của một người như ông, ông đã an tâm trao hết vận mệnh của chế độ, của miền Nam, vào tay vợ chồng Ngô Đình Nhu.

Ngay cả quyết định quan trọng nhất, và quái dị nhất, là chống Mỹ để thỏa hiệp với Cộng Sản Hà Nội, ông cũng đã bị ông Ngô Đình Nhu thuyết phục dễ dàng. Thái độ phủ tay trước những quyết định sinh tử đó của ông không khác gì thái độ rửa tay để tránh trách nhiệm của viên Thống đốc Pontius Pilate trước khi trao vận mệnh chúa Giê Su cho viên chủ tế Pha-ri-si-ên và lực lượng La Mã đóng đinh Chúa lên thánh giá. Từ đó, ông hoàn toàn bị ông Ngô Đình Nhu điều động và trở thành một con cờ đắc lực cho vợ chồng Nhu trải chiếu đánh ván bài định mệnh với Cộng Sản Hà Nội.

Tôi có thể nói sự chuyển biến lập trường của ông Diệm, từ dao động đến bị động, và từ bị động đến dần thân vào âm mưu đó, chỉ có Võ Văn Hải và tôi là biết được phần nào. Sở dĩ biết vì một phần chúng tôi là những cán bộ quá gần gũi và thân thiết với ông Diệm đến độ vượt qua khỏi tương quan “chỉ huy–thuộc cấp” thông thường, và phần khác là vì chúng tôi có chủ ý để tâm khám phá âm mưu đó mà chúng tôi bắt đầu nghi ngờ từ năm 1960, sau cuộc chinh biến của binh chủng Nhảy Dù. Bác sĩ Trần Kim Tuyền tuy là cộng sự viên số một của ông Nhu trong dinh Độc Lập, có thể biết nhiều về ông Nhu, nhưng đối với ông Diệm thì cũng chỉ ngưng lại ở tương quan “chỉ huy–thuộc cấp” mà thôi.

Ai cũng biết Võ Văn Hải và tôi là hai cán bộ cốt cán của ông Diệm, và sự tôn vọng của chế độ cũng như của ông ta gắn liền với số mạng của chúng tôi dù chúng tôi đều bị ông Nhu nghi ngờ, oán ghét, và dù chúng tôi đều căm thù nhóm Công giáo Cần Lao, những kẻ mà chúng tôi cho là làm hại sức mạnh chính trị và uy tín của ông Diệm. Vì thế, chúng tôi cố gắng theo dõi thực sát đường lối và hoạt động chính trị của Phủ Tổng thống, của ông Diệm và của vợ chồng Ngô Đình Nhu, nhất là vợ Nhu, người đàn bà mà Hải và tôi mệnh danh là thứ “Cửu Vỹ Hồ ly tinh Đặc Kỳ”.

Sau cuộc đảo chánh của Nhảy Dù vào cuối năm 1960, tôi cứ thắc mắc tại sao anh em ông Diệm–Nhu cứ kết án người Mỹ đã chủ trương cuộc đảo chánh trong lúc chính nhờ Mỹ một phần mà Vương Văn Đông, người lãnh đạo cuộc binh biến đã tạm ngưng tấn công dinh Độc Lập, tạo cơ hội cho ông Diệm gọi quân về phản công. Tôi lại đã trình bày cho ông Diệm biết có thể nhóm Vương Văn Đông có liên hệ với hệ thống gián điệp Pháp vì từ khi trốn qua Cao Miên, nhóm Vương Văn Đông đã được tình báo của Sihanouk liên lạc và che chở ngay. Cựu Trung tá Trần Đình Lan trong cơ quan gián điệp Pháp cũng từ Paris đến Phnom Penh liên lạc với Vương Văn Đông,

trong lúc Nguyễn Chánh Thi thì lại bị chính quyền và quân đội Cao Miên bạc đãi. Việc này bác sĩ Tuyên còn biết rõ chi tiết hơn tôi và đã báo cáo đầy đủ với ông Nhu.

Sự kết án lạ lùng đó đã khiến cho Hải và tôi để tâm theo dõi và tìm hiểu. Rồi những sự kiện khác tiếp tục xảy ra như vụ Đại sứ Pháp Roger Lalouette và ông Nhu trở nên thân thiết hơn, vụ Trưởng phái đoàn Ba Lan trong Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến Mieczyslaw Maneli được săn đón kỹ càng hơn, vụ công kích người Mỹ càng lúc càng kịch liệt và liên tục hơn. Cho đến đầu năm 1963, khi một phái đoàn Quốc hội Việt Nam Cộng Hòa thăm viếng Pháp thì Hải và tôi không còn nghi ngờ gì nữa. Sau Tết Quý Mão (1963) độ một tháng, tôi và Hải gặp nhau để phối kiểm mọi dữ kiện và duyệt xét toàn bộ những biến chuyển của dinh Gia Long từ hai năm qua, và Hải đã vừa lo lắng vừa buồn rầu kết luận: “*Ông Cự và ông Nhu đã thay đổi lập trường rồi anh Mậu ơi. Bây giờ là chống Mỹ, bắt tay Pháp để nói chuyện với Hà Nội ! Chúng ta làm gì đi chứ?*”

Làm gì bây giờ? Đó là câu hỏi lớn mà Hải và tôi cứ bị ám ảnh mãi suốt hai mùa Xuân và Hạ của năm 1963. Đó cũng là câu hỏi đã vượt ra khỏi cái liên hệ tình cảm giữa chúng tôi và ông Diệm để được đúng đắn đặt trong cái liên hệ giữa chúng tôi và đất nước. Mùa Thu năm đó, khi tôi lấy quyết định cùng với toàn dân lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm thì tôi biết Hải cũng đã lấy quyết định rồi mà thể hiện rõ ràng nhất là trong ngày Cách mạng 1-11-63, dù ông Diệm khẩn cấp gọi Hải nhiều lần nhưng người bạn hiền của tôi nhất quyết nằm tại nhà, không vào Dinh. Phải nhìn vào tình bạn thắm thiết giữa ông Diệm và cụ Ân Võ Vọng, thân phụ của Hải, phải nhìn vào tình thầy trò vô cùng khấn khít giữa ông Diệm và Hải trên 20 năm trời, và hãy nhớ hành động của Hải trong biến cố Nhảy Dù năm 1960 mới thấy được việc Hải không vào Dinh lúc bấy giờ là đau đớn và quyết liệt như thế nào.

-oOo-

Toàn bộ sách lược thỏa hiệp với Cộng Sản của anh em Nhu-Diệm có thể tóm tắt trong bốn kế hoạch sau đây:

1. Công khai và cụ thể chống Mỹ, nhưng chỉ chống đến một mức độ còn kiểm soát được, để vừa thoả mãn điều kiện tiên quyết của Hà Nội vừa lại có thể sử dụng được lực lượng của Mỹ như một áp lực với Hà Nội, hoặc nếu cần, có thể quay trở lại tình trạng đồng minh

như cũ.

2. Vận động để một số quốc gia, đặc biệt là Pháp, đóng vai trò trung gian và bảo đảm sự thực thi của thỏa hiệp trong và sau khi thỏa hiệp thành hình.

3. Chuẩn bị và tiến hành những biện pháp an ninh và chính trị để kiểm soát các lực lượng quốc gia và quân chúng miền Nam trong trường hợp nổi dậy chống đối thỏa hiệp này.

4. Trực tiếp đối thoại với chính quyền Hà Nội để thương thảo về vấn đề chấm dứt chiến tranh và thống nhất đất nước.

Bốn kế hoạch đó được song song tiến hành và do chính ông Ngô Đình Nhu điều động kiểm soát. Vì tính cách tối mật và tối quan trọng của nó, những nhân sự được chọn lựa thi hành các công tác đã là những thuộc hạ trung tín nhất của ông Nhu, và chỉ biết được từng phần mà không biết được toàn bộ kế hoạch. Trong một vài trường hợp đặc biệt, chính ông Nhu đã đích thân trực tiếp thi hành công tác để bảo toàn bí mật.

Diễn tiến của bốn kế hoạch đó lúc công khai lúc bí mật, lúc thì dồn dập lúc thì bế tắc, nhưng một cách thú lý thì đã xảy ra như sau:

Từ đầu năm 1960, với tư cách là trưởng nhiệm sở ngoại giao tại Luân Đôn, ông Ngô Đình Luyện đã xin hội kiến với Tổng thống Pháp De Gaulle. Đáng lẽ ông De Gaulle không tiếp nhưng vì ông Luyện còn là bào đệ của ông Diệm, nên Tổng thống De Gaulle chịu tiếp trong 15 phút với tất cả sự lạnh lùng và qui ước của một cuộc hội kiến ngoại giao. Buổi hội kiến đó nhằm mở đường cho ông Nhu nhưng đã không mang lại kết quả nào vì năm 1961, khi ông Ngô Đình Nhu – trên đường đi dự lễ đăng quang của vua Hassan II tại Maroc – ghé qua Paris để xin gặp Tổng thống De Gaulle thì bị từ chối mà chỉ được Bộ trưởng Ngoại giao Couvre de Murville tiếp kiến và mời ăn cơm. Tham dự buổi tiệc này có các ông Phạm Khắc Hy, Bửu Hội, Đại sứ Pháp Lalouette và ông Etienne Manac, Giám đốc Đông Nam Á Sự Vụ của Bộ Ngoại Giao Pháp (ông này rất thiên về Hà Nội). Tuy cố gắng bày tỏ mọi cảm tình đối với nước Pháp, nhưng ông Nhu đã không thành công trong việc thuyết phục được Couvre de Murville về một chính sách mà nước Pháp có thể đóng một vai trò quan trọng hơn tại Việt Nam.

Nhưng nếu không thành công lớn thì ít ra ông Nhu cũng đã tạo được một mối liên hệ tốt đẹp và hữu ích với Đại sứ Pháp Lalouette để ông này tiếp tục thuyết phục chính quyền “*nên can dự vào nội bộ Việt Nam để khuyến khích và giúp đỡ anh em ông Diệm tránh được gọng*

kềm của Mỹ” (emprise americaine) [23].

Năm 1961 đánh dấu một khúc quanh quan trọng trong chính sách ngoại giao của Pháp đối với Việt Nam và mang lại những kết quả tốt đẹp cho sự kiên nhẫn của Đại sứ Lalouette trong việc liên tục thuyết phục chính phủ mình hãy can thiệp nhiều hơn vào Việt Nam. Thật vậy, thất bại của Mỹ tại Cuba (Vịnh Con Heo, tháng 4 năm 1961) cho một sự hoà hoãn toàn cầu, hội nghị Genève về vấn đề Lào (tháng 5 năm 1961) để mở đầu cho một chính phủ liên hiệp do Hoàng thân Souvanna Phouma lãnh đạo, Hà Nội đề nghị một loạt các hiệp ước hợp tác văn hóa và kỹ thuật với Paris, ... những sự kiện đó đã cho chính phủ Pháp thấy rằng chiều hướng chính trị quốc tế, đặc biệt tại Đông Dương, đã không thuận lợi cho Hoa Kỳ chút nào. Kẽ không lộ Mỹ ngậy thơ vụng về đã thất bại tại Việt Nam để Pháp có thể rửa lại cái hận năm xưa bằng cách đẩy Mỹ ra khỏi Việt Nam hầu nắm lại ưu thế trên vùng đất cựu thuộc địa, mà ảnh hưởng văn hóa cũng như quyền lợi kinh tế vẫn chưa bị phai mờ. Để thực hiện mục tiêu này, trung lập hóa Đông Dương để tiến tới một Việt Nam thống nhất phi liên kết là công thức chính trị của đường lối ngoại giao Pháp.

Bộ ngoại giao Pháp bắt đầu mở những cuộc thăm dò với Hà Nội và Sài Gòn. Bằng cách đi chơi thuyền trên sông Sài Gòn, ông Nhu và Lalouette gặp nhau nhiều lần để giải quyết những khác biệt cuối cùng và để hoạch định những kế hoạch cần thiết cho việc thỏa hiệp giữa hai miền. Trục Sài Gòn–Paris–Hà Nội càng lúc càng được khai thông cho những âm mưu, những dự tính, những thủ đoạn tuôn chảy. Và đến tháng Hai năm 1963, trong khi công luận và chính giới Hoa Kỳ công phẫn vì sự bất lực của chính sách quân viện Mỹ qua thảm bại Ấp Bắc và sự dối trá của chính phủ Ngô Đình Diệm về kết quả trận đánh này, thì chính phủ Pháp nắm lấy cơ hội đó, chính thức mời một phái đoàn Quốc Hội Việt Nam qua thăm Paris.

Sau khi được ông De Gaulle tiếp kiến, phái đoàn Quốc hội do ông Trương Vĩnh Lê cầm đầu, gồm các Dân biểu Hà Như Chi, Nguyễn Hữu Chính, Nguyễn Quốc Hùng, Trần Văn Thọ, đã tỏ ra ngạc nhiên một cách hứng thú (“surprise agréable”) và ca ngợi De Gaulle đã “*rất thông cảm với Việt Nam*” (très compréhensible à l’égard du Vietnam”).

Cũng vào mùa Xuân năm đó, ông Mieczyslaw Maneli đến Sài Gòn lần thứ nhì để đảm nhiệm chức vụ Trưởng phái đoàn Ba Lan trong Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến (của Hội nghị Genève 1954).

Ông Maneli là một cán bộ trí thức Thiên Chúa giáo cao cấp của đảng Cộng Sản Ba Lan, có khuynh hướng quốc gia cực đoan và tự do tiên bộ, lại là một người hiểu biết nhiều về vấn đề Việt Nam. Hơn nữa, ông Maneli lại quen biết thân thiết với các lãnh tụ Cộng Sản cao cấp miền Bắc cũng như lại có dịp đi về thường xuyên đường Hà Nội–Sài Gòn nhờ tư cách Trưởng phái đoàn Ba Lan trong Ủy hội Quốc tế, nên khi ông vừa đến Sài Gòn thì Đại sứ Lalouette liên lạc ngay và khuyên nên gặp ông Ngô Đình Nhu ^[24].

Sau đó, Trưởng phái đoàn Ấn Độ là Đại sứ Goburdhun, rồi vị Đại sứ Ý Đại Lợi Giovanni Orlandi, và ngay cả Khâm mạng Tòa thánh Salvatore d’Asta cũng thúc giục Maneli đến tiếp xúc ngay với Nhu. Tuy biết rằng đang có những vận động quan trọng liên hệ đến nước anh em Dân Chủ Cộng Hòa Bắc Việt, nhưng vì chưa nắm đầy đủ dữ kiện và chỉ thị nên Maneli từ chối: *“Tôi đại diện cho một quốc gia không công nhận miền Nam Việt Nam. Theo quy ước của Hiệp Ước Genève thì chính quyền này chỉ có tính cách giao thời, do đó tôi chỉ phải đến chào vị Tổng trưởng Ngoại giao mà thôi... Tuy nhiên vì thực tế chính trị, tôi sẽ vui mừng được gặp ông Nhu với điều kiện là ông ta mời tôi”* ^[25].

Với lời trả lời linh động đó, ba vị Đại sứ Pháp, Ấn và Ý xem như ông Maneli đã đồng ý trên nguyên tắc nên tìm mọi cách để dàn xếp một cuộc gặp gỡ Nhu–Maneli. Họ cũng cho ông Maneli biết rằng họ đã phúc trình đầy đủ với ông Nhu về quá trình liên hệ và tư thế của ông Maneli đối với cấp lãnh đạo Hà Nội, và ông Nhu đã bày tỏ ý muốn gặp ông Maneli (“Nhu himself had expressed interest in meeting me”). Trong hồi ký của ông Maneli, ông thú nhận rằng ông đã không có đầy đủ tin tức về những vận động từ trước cho kế hoạch thỏa hiệp với Hà Nội như ông Nhu, mà chắc chắn trong kế hoạch đó, ông Nhu và hai vị Đại sứ Ấn cũng như Pháp đã có những mưu tính từ lâu. Điều làm cho ông Maneli ngạc nhiên là:

... kế hoạch của Goburdhun nhằm làm trung gian giữa Nam và Bắc Việt Nam là một kết hợp giữa sự ngây thơ và quý quyết, giữa sự thiếu thực tiễn và lý thuyết trừu tượng, giữa sự hùng biện và sự phức tạp của vấn đề. Điểm mấu chốt của kế hoạch này là câu nói rất mỉa mai của Nhu: “Tôi cũng chống tư bản”. Còn khi đề cập đến một chủ nghĩa xã hội thì cả Nhu lẫn Goburdhun đều không xác định nổi một cách rõ ràng, ngoại trừ chủ nghĩa xã hội đó không dựa trên duy vật biện chứng... Lời giải thích của Nhu cũng mơ hồ như lời mà ông ta hằng tuyên bố rằng trên thế giới này, ông ta là người theo chủ

nghe xã hội chân chính nhất... trong khi vẫn nắm lấy hàng triệu Mỹ kim của ngân khố Mỹ ^[26].

Còn về phần Đại sứ Pháp Lalouette thì sau hai lần gặp nhau, ông Maneli được biết kế hoạch của Pháp là tìm cách cho hai miền Bắc–Nam thương thảo với nhau để tiến đến trao đổi văn hóa và kinh tế, hầu mở đường cho những thỏa hiệp chính trị sau này. Phần vụ được chia rõ là ông Maneli sẽ đề nghị với Hà Nội mô thức đó trong khi Đại sứ Lalouette sẽ giữ liên hệ với chính phủ Sài Gòn.

Một tuần sau đó, vào cuối tháng Hai, ông Maneli đi Hà Nội và trình bày toàn bộ kế hoạch của Lalouette cho các ông Phạm Văn Đồng và Xuân Thủy thì chỉ sau hai ngày, đã nhận được sự đồng ý của Hà Nội rằng “*như lời của Hồ Chủ tịch đã tuyên bố từ lâu, chính phủ sẵn sàng bắt đầu thương thảo bất kỳ lúc nào và bí mật hay công khai cũng được*” ^[27]. Đính kèm với thư trả lời là một danh sách những sản phẩm sẽ được trao đổi giữa hai miền, kê cả đề nghị cùng xuất bản sách chung.

Ông Maneli bay trở về Sài Gòn và báo cáo cho Đại sứ Lalouette biết ý định của Hà Nội khiến ông Lalouette tỏ ra hài lòng. Đặc biệt ông Lalouette cứ cật vấn mãi về thái độ của các ông Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp có thù hằn cá nhân ông Nhu hay không? Khi được biết họ “không thù hằn” mà còn có vẻ “tin tưởng Nhu” (!) ông Lalouette đã phải kêu lên: “*Très intéressant! Très important!*” Ông Maneli cho rằng câu hỏi đó là do ông Nhu thúc đẩy ông Lalouette hỏi và cảm tưởng của ông là mọi nguyên tắc về thỏa hiệp đã được đồng ý rồi, giai đoạn này chỉ còn là những vấn đề cá nhân mà thôi.

Cũng trong mùa Xuân năm 1963 đó, để yểm trợ cho những vận động của Đại sứ Pháp, vị chủ tịch của Ủy Hội Quốc Tế KSDC là Đại sứ Ấn Độ Goburdhun cũng nhịp nhàng tiến hành một số công tác khác. Ông ta đã ra Hà Nội thăm ông Hồ Chí Minh nhân dịp đầu Xuân. Và trong buổi nói chuyện đã tỏ ra rất ngạc nhiên nhận thấy Hà Nội đặc biệt chú ý đến tình trạng căng thẳng giữa Mỹ và anh em ông Diệm, nhất là việc “ông Diệm chống lại các áp lực của Mỹ”.

Với điệu bộ “*ngây thơ khó ai bắt chước nổi*”, ông Hồ Chí Minh đã hỏi Đại sứ Ấn Độ có gì lạ xảy ra tại thủ đô Sài Gòn không, vấn an sức khỏe ông Diệm và tỏ vẻ để tâm đến việc ông Diệm bị Mỹ áp lực. Ông Hồ Chí Minh cũng bày tỏ sự tiếc nuối vì Sài Gòn đã không chịu chấp nhận những đàm phán mà Hà Nội đã nhiều lần đề nghị để tiến tới một thỏa hiệp chung. Khi Đại sứ Ấn từ giã ra về, ông

Hồ Chí Minh còn ân cần dặn dò: Khi nào gặp ông Diệm nhờ ông bắt tay họ. Khi kể lại chuyện này cho ông Nhu nghe, ông Nhu tỏ vẻ đắc chí lắm và giải thích cho Đại sứ Ấn Độ biết rằng đó là nhờ sự thành công của quốc sách Ấp Chiến Lược (!) [28].

Lời hỏi thăm này cũng như lời “khen ngợi” ông Diệm là người yêu nước của ông Hồ Chí Minh, mà sau này tàn dư Cần Lao Công Giáo tại hải ngoại thường huyênh hoang sử dụng như một bằng chứng khả tín, thật ra chỉ là hành xử chính trị của ông Hồ Chí Minh nhằm xúi giục ông Diệm cứ tiếp tục kế hoạch đuổi Mỹ ra khỏi miền Nam mà thôi. Cái tội hết theo Tây đến theo Nhật, bây giờ lại làm tay sai bán xứ cho Mỹ và Vatican chống lại dân tộc và tiêu diệt bao nhiêu đảng viên Cộng Sản, làm sao ông Hồ Chí Minh tha thứ để gọi ông Diệm là “người yêu nước” được. Nhưng người Công giáo Việt Nam, vốn tự hào là lực lượng chống Cộng hung hãn nhất và nguyên rủa ông Hồ Chí Minh nhiều nhất, sẽ quên tất cả mà chỉ cần câu nói của ông Hồ Chí Minh rửa mặt cho chủ cũ là được rồi!

Đầu tháng Tư năm 1963, khi mọi dàn xếp cho cuộc gặp gỡ trực tiếp giữa ông Nhu và ông Maneli đã bắt đầu có vẻ cụ thể thì ông Maneli bèn điện về Warsaw để xin chỉ thị. Đồng thời cũng thông báo cho ông Hà Văn Lâu và Đại sứ Nga tại Hà Nội biết. Mấy ngày sau, đại diện của phái đoàn Ba Lan tại Hà Nội thông báo cho ông Maneli biết rằng “các đồng chí Việt Nam rất lưu tâm đến những chi tiết về sự dàn xếp của Nhu, cũng như nội dung cuộc gặp gỡ đó”, đồng thời đích thân ông Hà Văn Lâu trả lời thẳng cho ông Maneli rằng “các đồng chí lãnh đạo yêu cầu được thông báo tức khắc về các diễn tiến, và nếu đồng chí có thể về Hà Nội đề hội ý với chúng tôi trước khi gặp Nhu thì rất tốt” [29].

Trong khi đó thì ông Nhu cũng ráo riết hoạt động: nào là gọi giáo sư Bửu Hội (vốn là một phần tử có khuynh hướng thân Cộng đang ở Paris và được ủy làm trung gian để liên lạc với Pháp) về nước nhận chỉ thị trong kế hoạch thỏa hiệp với “những người Điện Biên Phủ” (“les hommes de Dien Bien Phu”), nào là tổ chức một chuyến tham quan chính trị từ Sài Gòn lên Đà Lạt cho ba vị Đại sứ của Ủy Hội Quốc Tế để giới thiệu những thành quả của Ấp Chiến Lược, những thành quả mà chỉ ông Nhu mới mang ảo tưởng có đủ sức mạnh để làm một món hàng trả giá với Hà Nội. (Trong cuộc tham quan này, ông Maneli đã chê bai Ấp Chiến Lược chỉ là trò hề đối với Việt Cộng như đã nói trước kia).

Nhưng hoạt động lớn nhất trong tháng 5 năm 1963 của ông

Nhu là nhằm **công khai hóa lập trường chống Mỹ để thỏa mãn điều kiện tiên quyết của Hà Nội**: ngày 12 tháng 5, ông Nhu tuyên bố với Washington Post – nhưng thật ra hướng về Hà Nội mà nói rằng:

“Tôi không nghĩ rằng người Mỹ có khả năng cho chúng tôi những lời khuyên về Chiến tranh Cách mạng. Trong nhiều địa hạt khác như không gian, người Mỹ rất tiến bộ, nhưng còn những vấn đề nhỏ trên mặt đất, tôi nghĩ rằng người Mỹ không giỏi hơn chúng tôi”. Đồng thời trong một cuộc phỏng vấn khác của UPI, Nhu tỏ ý muốn Hoa Kỳ rút một số lớn cố vấn quân sự về nước ^[30].

Cũng theo George Chaffard thì ông Ngô Đình Nhu đã được sự đồng ý của ông Diệm để cố tình tạo nhiều khó khăn cho người Mỹ trước khi cho phép Mỹ sử dụng chất hóa học để khai quang vùng rừng núi mà Việt Cộng sẽ sử dụng để chuyển quân, hoặc thiết lập các căn cứ xuất quân tấn công quân đội Việt Nam Cộng Hòa.

Kế hoạch khai quang của Mỹ lúc vừa mới phát động đã bị Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đánh giá nguy hiểm nên tố cáo dữ dội. Giáo sư Bửu Hội, người ở trong Phong trào Hòa bình có khuynh hướng thân Cộng (từng gián tiếp chống lại thân mẫu là ni sư Diệu Không trong biến cố Phật giáo 1963) cũng chứng minh hóa chất khai quang là độc hại để yểm trợ cho kế hoạch chống Mỹ của ông Nhu. Ngày 26 tháng 4 năm 1963, Nga Sô yêu cầu Anh Cát Lợi, đồng chủ tịch trong hòa hội Genève, phải đề Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến mở cuộc điều tra, nhưng ngày 18 tháng 5, Anh quốc trả lời là “không phải lúc để mở cuộc điều tra” đó. Nói rõ ra, hai đồng minh Anh và Mỹ cũng như Bộ Tham mưu quân đội Việt Nam Cộng Hòa đều đồng ý phải có chiến dịch khai quang, nhất là tại các vùng như Chiến khu D, chiến khu Đổ Xá, rừng U Minh, v.v... để tiêu diệt Việt Cộng và để làm giảm thiểu thương vong cho binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa. Trong lúc đó thì chỉ vì chủ trương chống Mỹ để làm hài lòng Hà Nội, hai ông Diệm và Nhu đã gián tiếp bênh vực cho lập trường của Nga Sô và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam trong việc chống lại chiến dịch sử dụng thuốc khai quang này. Thái độ anh em ông Diệm càng làm tăng thêm sự nghi ngờ của tôi về việc ông ta cho lệnh các ông Huỳnh Văn Cao, Bùi Đình Đạm và nhiều cấp chỉ huy không được đánh đuổi Việt Cộng khi Việt Cộng tháo lui trong các trận chiến tại đồng bằng sông Cửu Long trong năm 1962, dù trên mặt công khai ông tỏ ra lo sợ binh sĩ sẽ thương vong nhiều.

Không những ồn ào chống Mỹ qua báo chí và bằng vụ “thuốc khai quang”, hai ông Diệm và Nhu còn dùng bộ máy tuyên truyền

xám của chế độ để tung ra tin ông Nhu từ chối lời yêu cầu nhượng thuê (cession and bail) quân cảng Cam Ranh. Đó chỉ là một lời đồn ngụy tạo vì tôi biết chắc chắn không có một dự án nào, lúc bấy giờ, về vấn đề đó cả. Cam Ranh là một quân cảng thì hẳn Bộ Tham mưu phải biết về vấn đề đó nhưng tuyệt nhiên các sĩ quan cao cấp đã không bao giờ nghe nói tới. Hơn nữa, các tài liệu khả tín của Bộ Quốc phòng Mỹ, của các cơ quan truyền thông quốc tế, cũng như các sách vở nghiên cứu sau này, đều không hề đề cập đến vấn đề này. Ngay cả các tài liệu của Cộng Sản tôi cũng không thấy họ “đả kích” miền Nam về vấn đề đó. Vả lại, lúc bấy giờ, Mỹ chưa chính thức ồ ạt gửi quân tham chiến thì hẳn chưa có nhu cầu sử dụng một căn cứ rộng lớn và lộ liễu như thế. Sau này, dưới thời Nguyễn Văn Thiệu, khi chiến tranh bộc phát lớn và số quân tham chiến đông đảo, nhu cầu tiếp vận và tồn trữ mới được đặt ra và quân đội Mỹ đã thiết lập nhiều căn cứ to lớn, biệt lập; tuy nhiên ngay cả lúc bấy giờ, vấn đề “nhượng thuê” cũng đã không được đề cập đến giữa hai quốc gia cùng tham dự trong một cuộc chiến tranh chống kẻ thù chung.

Vụ Cam Ranh chỉ là một phát súng trong mặt trận chống Mỹ của ông Nhu lúc bấy giờ mà thôi. Một phát súng giả lúc đó nhưng bây giờ, tại hải ngoại, lại được các sử gia hoài Ngô cho là thật, để ngụy biện rằng vì chống Mỹ nên ông Diệm bị Mỹ giết.

Trong khi ông Nhu đại diện cho chính phủ Sài Gòn hung hăng chống Mỹ thì tại Hoa Thịnh Đốn, Tổng thống Kennedy vốn đã bị Quốc Hội và dư luận quần chúng Mỹ công kích về chính sách tại Việt Nam vì những hành động của vợ chồng Nhu, lại càng bị các cộng sự viên áp lực để duyệt xét lại liên hệ với chính quyền Ngô Đình Diệm. Tuy nhiên, đặt ưu tiên chống Cộng lên trên hết và vì còn tin tưởng vào ông Diệm qua những báo cáo của Đại sứ Nolting và một thiếu số sĩ quan Mỹ tại Sài Gòn ^[31], ông Kennedy vẫn cho tháo khoán 55 triệu Mỹ kim vào ngày 17-5-1963 (nghĩa là 5 ngày sau lời tuyên bố đòi Mỹ rút quân của Nhu trên Washington Post) cho chương trình Ấp Chiến Lược. Mãi cho đến ngày 22 tháng 5, Tổng thống Kennedy mới họp báo để minh định lập trường cho miền Nam và quần chúng Hoa Kỳ biết:

1. Sẽ rút quân đội Mỹ khỏi Việt Nam bất cứ lúc nào, nếu chính phủ Việt Nam yêu cầu. Một ngày sau khi có điều đòi hỏi đó, sẽ cho ngay một số quân về. Nhấn mạnh đó là điềm thứ nhất.

2. Hy vọng rằng tình thế Việt Nam sẽ cho phép rút một số quân vào cuối năm nay, song e rằng cuộc chiến đấu còn gay go ^[32].

Lời tuyên bố dứt khoát và quyết liệt đó đã làm cho ông Nhu lo lắng vì kế hoạch thỏa hiệp của ông Nhu với Cộng Sản Hà Nội mới vào cuối tháng Năm, chưa giải quyết được những vấn đề cụ thể. Vì vậy, chính phủ Sài Gòn đã im lặng không có lời bình luận hoặc tuyên bố gì để trả lời về quyết định này cả. (Mãi cho đến tháng Tám, sau khi bị Hoa Kỳ công khai lên án vụ tấn công chùa chiền, và sau khi đi được sâu hơn vào kế hoạch thỏa hiệp, ông Nhu mới công kích Mỹ trở lại bằng cách kết án CIA đã khuyến khích và yểm trợ Phật giáo, mặc dù ngược lại, trước đó chính ông đã từng tố cáo Phật giáo bị Cộng Sản điều động, và mặc dù chủ nhiệm sở CIA tại Sài Gòn đứng về phe chế độ Diệm). Và lời tuyên bố trên của Tổng thống Kennedy cũng cho thấy Mỹ không muốn lật đổ chế độ Diệm, sẵn sàng thỏa mãn những đòi hỏi của anh em ông Diệm-Nhu.

Cuối tháng Năm năm 1963, sau vụ cấm treo cờ Phật giáo và bạo động tại Huế, biến cố Phật giáo trở thành một cuộc khủng hoảng lớn cho chế độ Ngô Đình Diệm. Những tin đồn về một cuộc đảo chánh để lật đổ ông Diệm và vợ chồng Nhu càng lúc càng tăng và càng công khai.

Ngay cả các quan sát viên của Vatican cũng đã mô tả chế độ này là chế độ thân phương Tây ngu xuẩn nhất... Các quan sát viên này đã tuyên bố một cách công khai mà không cần đến cả sự thận trọng tối thiểu của một nhân viên ngoại giao đoàn... Rõ ràng sự suy tàn của chế độ Diệm đang được đem từng ngày, và Vatican muốn tách rời mọi liên hệ với chế độ này để khỏi đứng cùng phe với kẻ sắp bị bại trận ^[33].

Trong tháng Sáu năm 1963, những cuộc tự thiêu của các tăng sĩ Phật giáo và những cuộc biểu tình được lực lượng sinh viên học sinh tham gia đã làm cho tình hình Sài Gòn thêm căng thẳng. Lệnh giới nghiêm và đặt quân đội trong tình trạng báo động khiến cho ông Maneli đã phải gửi bản phúc trình tối mật sau đây cho Toà đại sứ Ba Lan và Nga Xô tại Hà Nội (mà không gửi cho ông Hà Văn Lâu):

Diệm và Nhu tập trung mọi nỗ lực để chống lại người Mỹ và Phong Trào Phật giáo. Các lực lượng mật vụ và công an đã dành nhiều thì giờ để theo dõi các me Mỹ hơn là để theo dõi Việt Cộng... Quân đội không được điều động ra chiến trường và bị hoán chuyển liên tục để đảm bảo an ninh cho gia đình họ Ngô. Việt Cộng hầu như bị quên lãng hẳn (the Viet Cong are practically forgotten)... Mặt trận Giải phóng Miền Nam đã không khai dụng cơ hội này tấn công quân chính phủ vì chính Hà Nội đã chưa muốn lật đổ Diệm và Nhu, Hà

Nội cần kéo dài thêm thời gian sống sót của Diệm và Nhu để họ có thể đạt được một thoả hiệp với Hà Nội sau lưng người Mỹ...

Qua những tin tức đặc biệt mà tôi nhận được từ miền Bắc, thì một cuộc thảo luận Ngô-Hồ đã bắt đầu từ lâu rồi với sự giúp đỡ của người Pháp. Như tôi đã phúc trình, Phạm Văn Đồng và Xuân Thuỷ đã thúc giục tôi nên gặp Nhu. Khi được hỏi muốn tôi nhắn gì với Nhu không thì họ trả lời: “Ông có thể cho Nhu biết về lập trường của chúng tôi về vấn đề giao thương và hợp tác, hoà bình và thống nhất. Nhưng có một điểm chắc chắn là người Mỹ phải ra đi. Chỉ trên căn bản chính trị đó thì chúng tôi mới có thể thương thảo bất cứ về điều gì...” Phạm Văn Đồng còn nhấn mạnh rằng Hiệp ước Genève sẽ được dùng làm căn bản pháp lý và chính trị, nghĩa là không được có căn cứ quân sự của ngoại quốc và không có quân đội ngoại nhập.

Khi được hỏi Diệm và Nhu một ngày kia có bị bắt và xét xử trước toà án nhân dân không, Phạm Văn Đồng chỉ trả lời rằng *“tất cả mọi vấn đề đều có thể thảo luận. Chúng tôi muốn chấm dứt đánh nhau, thiết lập hoà bình và thống nhất trên một căn bản thật thực tế. Chúng tôi rất thực tế”* ^[34].

Trong khi đó thì vào đầu tháng 7 năm 1963, Đại sứ Lalouette được Tổng thống De Gaulle triệu hồi về Pháp để tham khảo.

Ông Lalouette trình bày cho Tổng thống Pháp biết những lý do khiến chế độ Sài Gòn muốn người Mỹ phải ra đi và tìm kiếm một thoả hiệp với Hà Nội. Muốn giải pháp đó thành công, chế độ Diệm chủ trương nhờ nước Pháp giúp đỡ. Phần trình bày của Đại sứ Lalouette phù hợp với lời trình bày của hai nhân vật Việt Nam (?) với ông Edmond Michelle về cái lợi của Pháp khi được “trở lại” Á Đông. Nhờ hai tiếng chuông đó mà Điện Elysee chú ý, và vì thế mà Tổng thống Pháp đã quả quyết với ông Lalouette rằng ông đã đọc những báo cáo của ông Đại sứ, và ông đồng ý với sách lược do ông Đại sứ đề nghị. Tổng thống Pháp lập lại quyết định là sẽ làm mọi cách để giúp anh em nhà Ngô “đi con đường thống nhất và độc lập đất nước của họ”. Nước Pháp sẽ chứng tỏ cử chỉ đó khi cơ hội đến” ^[35].

Tôi còn nhớ rõ khi Đại sứ Lalouette từ Paris về được độ một tuần thì ông Doudinot de la Boissière, đại diện của Pháp tại Hà Nội, lần đầu tiên từ 9 năm qua bay vào Sài Gòn ghé thăm Bộ ngoại giao, rồi vào dinh Gia Long liền. Võ Văn Hải, Nguyễn Đôn Duyệt và tôi theo dõi thật kỹ thì biết như lời Hải nói *“ông Cụ đã bị vợ chồng Nhu xỏ mũi nhờ Pháp làm trung gian để thỏa hiệp với Hà Nội”*.

Ngày 27 tháng 4 năm 1963, trong một công điện mật gửi về

Warsaw, Maneli cho biết các đại diện ngoại giao của khối ASEAN đã liên lạc mật thiết với ông và đặc biệt dò xem có thể có trường hợp chính quyền Nhu–Diệm hợp tác với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam để chống Mỹ không. Ông Maneli đã trả lời rằng:

... cuộc khủng hoảng hiện tại là do Mỹ và Diệm đã không tôn trọng Hiệp Ước Genève tổ chức bầu cử, do chính sách khủng bố của chính quyền, do **quyết tâm muốn Công giáo hóa Việt Nam bằng bạo lực (to convert Vietnam to Christianity by force)**, do chính sách kinh tế và xã hội thoái bộ, và cuối cùng là do sự thành công của Mặt Trận ^[36].

Ngày 14–8–1963, ông Maneli lại gửi một báo cáo về chuyến đi Hà Nội đầu tháng Tám:

Tôi xin nhắc lại lời tuyên bố của cả Hồ Chí Minh lẫn Phạm Văn Đồng: “*Mục tiêu và nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng tôi là đuổi Mỹ. Rồi sau đó sẽ tính...*” Rõ ràng đã có **một sự đồng thuận tối mật (supersecret understanding) giữa Diệm-Nhu và Hà Nội**. Nếu chưa có một thỏa hiệp chính thức thì ít nhất đã có một khế ước xã hội (contract social): **lúc nào Diệm-Nhu còn chống Mỹ thì Hà Nội còn cho sống** ^[37].

Cùng trong ngày 14 tháng 8 đó, một bản tin của Thông Tấn Xã Pháp (AFP) từ Hà Nội đánh đi đề cập đến một cuộc phỏng vấn ông Hồ Chí Minh của ký giả Cộng Sản Úc Wilfred Burchett trong đó “*Hồ Chí Minh tuy công kích chế độ Diệm là sản phẩm của Hoa Kỳ như thường lệ, nhưng lại mập mờ cho rằng chỉ cần sự can thiệp của ngoại quốc chấm dứt là có thể đi đến ngưng bắn giữa Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và chính quyền miền Nam... để tạo điều kiện thương thuyết*” ^[38].

Ngày 25–8–1963, ông Maneli nhận được giấy mời của Tân Bộ Trưởng Ngoại giao Trương Công Cừu tham dự một buổi tiếp tân tại Bộ. Buổi tiếp tân này có mặt cả ông Nhu lẫn Đại sứ Mỹ Cabot Lodge, và đó là lần đầu tiên ông Maneli gặp ông Nhu:

“*Tôi đứng chung một nhóm với các Đại sứ thuộc khối Tây Âu và liếc nhìn Nhu. Mỗi lần như thế tôi lại thấy Nhu chăm chăm nhìn tôi. Đại sứ Ý Orlando và Khâm mạng Tòa Thánh Salvatore d’Asta giục tôi nhân cơ hội này mà gặp vị Cố vấn Chính trị của Tổng thống, tôi bèn trả lời sẵn sàng gặp nếu họ dàn xếp. Vị Khâm mạng Tòa sứ bèn đến nói với Nhu một hồi rồi cùng với Orlando, Lalouette và Goburdhun bắt đầu di chuyển để tạo ra một vòng tròn mà trong đó, “tình cờ thay” Nhu và tôi đứng giữa. Vị Khâm mạng giới thiệu tôi với*

Nhu và chúng tôi bắt tay nhau” ^[39].

Vì là buổi gặp mặt bán chính thức trong một buổi tiếp tân công khai nên ông Nhu chỉ đề cập đến vấn đề một cách rất tổng quát. Ông Nhu đã mở đầu câu chuyện bằng câu: “Nhu ông biết, Ba Lan là quốc gia được nhiều người Việt Nam biết đến nhất. Dĩ nhiên là sau nước Pháp” khiến cả bốn vị Đại sứ bao quanh đều chưng hửng. Sau đó, ông Nhu nhẹ nhàng chuẩn bị cho chủ đề:

“Đất nước chúng tôi chưa bao giờ tự nhận mình là thuộc địa của Pháp dù chúng tôi đã lớn lên trong tinh thần của nền văn hóa Pháp... Bây giờ thì chúng tôi lưu tâm đến hòa bình và chỉ hòa bình mà thôi... Tôi tin rằng UHQT Kiểm Soát Đình Chiến có thể đồng ý, và cần đồng ý, một vai trò quan trọng trong việc văn hồi hòa bình tại Việt Nam... Chính phủ Việt Nam mong muốn được hoạt động trong tinh thần của Hiệp Ước Genève (The Vietnamese government wishes to act in keeping with the spirit of the Geneva Accords)” ^[40].

Sau đó, ông Nhu tỏ ý muốn tiếp tục cuộc thảo luận rất hứng thú với Maneli và cho biết sẵn sàng gặp khi nào ông Maneli muốn. Đại tá An, vị sĩ quan liên lạc, sẽ dàn xếp. Hai ngày sau, Đại tá An gọi điện thoại cho ông Maneli để dàn xếp một cuộc gặp gỡ với ông Nhu lúc 10 giờ sáng ngày 2 tháng 9. Ông Maneli bèn thông báo cho Warsaw, Tòa đại sứ Nga tại Hà Nội, và Bắc Việt biết ngay. Đại sứ Nga tỏ ra rất quan tâm đến buổi gặp mặt này và yêu cầu phúc trình đầy đủ nội dung cuộc gặp gỡ. Riêng ông Hà Văn Lâu thì trả lời liền: “Các đồng chí lãnh đạo đề nghị nên lắng nghe thật kỹ càng và không hứa hẹn điều gì, ngoài việc bày tỏ thiện chí của đồng chí muốn mọi hành động phải nằm **trong khuôn khổ của Hiệp Ước Genève**. Xin gửi gấp chi tiết buổi gặp gỡ ngay sau đó”.

Tối hôm trước buổi gặp gỡ, Đại sứ Lalouette mời ông Maneli đến tư dinh và cho biết tối đó người Mỹ sẽ tổ chức một cuộc đảo chánh Diệm Nhu. Đại sứ Lalouette cũng cho biết đã từng khuyến cáo Đại sứ Hoa Kỳ Cabot Lodge và Đại sứ Đức Von Wentlandt rằng không nên lật đổ ông Diệm, vì ông Diệm là hy vọng cuối cùng để Việt Nam có hòa bình.

“Nếu Diệm và Nhu bị lật thì tất cả kế hoạch của chúng ta nhằm chấm dứt chiến tranh và tiến đến một thỏa hiệp với miền Bắc sẽ ra mây khói... Diệm-Nhu không có gì tốt cả, những hành động của họ mới đây thật là kinh khủng, nhưng bây giờ chúng ta chỉ có họ là chống Mỹ thôi” ^[41].

Tuy nhiên, tối đó đã không có đảo chánh vì đã không có một

cuộc binh biến nào do Mỹ tổ chức, và riêng về phía Việt Nam thì những vận động để lật đổ chế độ Diệm vẫn trong giai đoạn tiến hành nhằm kết hợp thành một lực lượng rộng lớn hơn và chặt chẽ hơn.

Ngày 2 tháng 9, ông Nhu viết một bài trên tờ *Times of Vietnam* tố cáo CIA “âm mưu lật đổ chế độ hợp pháp tại Việt Nam” để công khai và quyết liệt hơn bày tỏ chủ trương chống Mỹ của Diệm–Nhu. Maneli đến gặp ông Nhu lần thứ nhì tại dinh Gia Long trong cái không khí ngột ngạt đó của Sài Gòn. Trước hết ông Nhu trình bày triết lý chính trị của ông một cách rất mơ hồ về bản chất chính trị và tâm linh của cuộc chiến tại Việt Nam, vì theo ông Nhu cuộc chiến không phải chỉ đơn thuần là một cuộc tranh chấp Quốc Cộng. Chủ nghĩa tư bản chỉ có giá trị cho đến thế kỷ thứ 19, sau đó thì không còn dùng được nữa. ông Nhu chấp nhận một số luận đề Mác Xít ngoại trừ duy vật sử quan và vô sản chuyên chính. Theo ông Nhu, sự mâu thuẫn giữa những người theo chủ nghĩa nhân vị tại Sài Gòn và những người Cộng Sản tại Hà Nội không liên hệ gì đến quyền tư hữu trong chủ nghĩa tư bản mà liên hệ đến những giá trị tinh thần, và ông Nhu nhấn mạnh:

Tôi là một người theo biện chứng Hegelian và tôi đồng ý với kết luận của Marx: nhà nước phải biến mất ^[42].

Sau phần đọc thoại mông lung và dài dòng đó, ông Nhu mới bắt đầu đi thẳng vào chủ đề của buổi nói chuyện, là ông Nhu không chống lại việc thương thảo và hợp tác với miền Bắc (“*I am not against negotiations and cooperation with the North*”) và hy vọng với tư cách cũng như nhiệm vụ của một thành viên trong Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến, ông Maneli có thể đóng một vai trò tích cực.

Sau khi được ông Maneli nhận lời, ông Nhu cho biết hiện nay chưa thuận tiện để trực tiếp gặp cấp lãnh đạo Hà Nội nhưng trong tương lai gần thì mọi sự sẽ dễ dàng hơn. Buổi gặp mặt chấm dứt ở đó.

Ra khỏi dinh Gia Long, ông Maneli đến gặp Đại sứ Pháp Lalouette ngay, và sau khi kể lại nội dung buổi gặp mặt với ông Nhu, ông Lalouette có vẻ bồn chồn vì không thấy có gì cụ thể. Khi nói đến đoạn triết lý ông Nhu chống chủ nghĩa tư bản, Lalouette đã nhận định: “Nhu vẫn mang ảo tưởng là có thể tiến đến một sự cảm thông với Lodge. Nhu đã không muốn chặt cầu. Nếu Nhu không bỏ ảo tưởng này thì sẽ thất bại. Nhu đã làm một lỗi lầm rất bi thảm...” Đại sứ Lalouette cũng đồng ý với ông Maneli rằng chế độ Diệm bị cả thế giới khinh ghét nhưng “nếu chúng ta muốn tiến đến hòa bình thì không còn giải pháp nào nữa” ^[43].

Hai ngày sau đó, ông Maneli gửi một báo cáo dài, trình bày mọi chi tiết của buổi gặp gỡ ông Nhu cho Bộ Ngoại Giao Ba Lan, Đại sứ Nga Tovmassian tại Hà Nội và ông Hà Văn Lâu. Nhưng trong khi hai ông Tovmassian và Hà Văn Lâu tỏ ra đặc biệt quan tâm và yêu cầu ông Maneli đi Hà Nội gấp thì Bộ Ngoại giao Ba Lan lại gửi công điện cấm ông Maneli từ đây không được gặp ông Nhu nữa và chấm dứt mọi hoạt động liên hệ đến công tác này ^[44].

Là người đóng một vai trò quan trọng trong âm mưu thỏa hiệp giữa Sài Gòn và Hà Nội trong chín tháng cuối cùng của chế độ Ngô Đình Diệm, sau này (năm 1971) khi hồi tưởng lại, ông Maneli đã có những nhận định như sau về giai đoạn đó:

- Âm mưu này đã được phát động từ lâu và do chính ông Nhu khởi xướng.

- Pháp và Ấn Độ là hai quốc gia đầu tiên được ông Nhu liên lạc nhờ làm trung gian, sau đó ông Nhu có nhờ sự yểm trợ của Tòa thánh Vatican nữa.

- Các cường quốc liên hệ đến Việt Nam đều chống đối âm mưu này: Nga và Tàu vì muốn cho Mỹ bị sa lầy trong cuộc chiến tại Việt Nam, và Hoa Kỳ vì muốn xây dựng một chế độ chống Cộng tại Đông Nam Á.

- Hà Nội không bị đặt vào cái thế phải thỏa hiệp và lại càng không có lý do để thỏa hiệp với một chế độ chống Cộng và thân Mỹ. Toàn bộ kế hoạch đó chỉ nhằm âm mưu gây mâu thuẫn giữa chế độ Diệm và Mỹ, giữa các lực lượng tại miền Nam để Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam lớn mạnh thêm hầu có thể chiến thắng bằng một giải pháp quân sự.

- Riêng đối với chế độ Ngô Đình Diệm, ông Maneli cho rằng khi tiến hành âm mưu này, các cấp lãnh đạo đã nghĩ đến chính họ nhiều hơn là đến miền Nam. Ba sai lầm lớn là (1) ông Nhu đã không biết gì về Cộng Sản, đặc biệt là giới lãnh đạo Cộng Sản tại Hà Nội; (2) là nhờ Pháp làm trung gian; và cuối cùng là (3) đánh giá sai phản ứng của Mỹ khi “blackmail” quốc gia này. Ngoài ra, theo ông Maneli, ông Nhu đã sống trong ảo tưởng, không biết gì về thực tế của miền Nam mà khuynh hướng và lực lượng chính trị chống Cộng của nhân dân Việt Nam là một sự thật không chối cãi được.

“Cấp lãnh đạo của chế độ Diệm-Nhu đã bị bệnh cận thị nặng nề mà tôi có thể so sánh với căn bệnh của giới lãnh đạo Cộng Sản loại Stalinist” (The leaders of the Diem-Nhu regime suffered from definite myopia which I might compare with the myopia of the Stalinist-type

Communist leaders) [\[45\]](#).

Việc ông Maneli bị chấm dứt vai trò liên lạc nếu chỉ là một trở ngại kỹ thuật trong âm mưu thỏa hiệp của chính phủ Sài Gòn, thì riêng đối với ông Nhu nó lại là một dấu hiệu cho thấy sự can dự của các thế lực Nga và Mỹ càng lúc càng mạnh, có thể phá vỡ âm mưu của ông. Vì vậy từ cuối tháng 9 năm 1963, ông dồn hết mọi nỗ lực vào kế hoạch tổ chức một cuộc binh biến để chính thức thay ông Diệm hầu tiến hành những biện pháp sắt đá hơn trong việc kiểm soát các lực lượng chống đối và nhất là hầu có thể chấm dứt những “phá hoại” của người Mỹ.

Kế hoạch đó được gọi là kế hoạch *Bravo* và dự định được tổ chức vào cuối tháng 10, ngay sau ngày Quốc Khánh. Ông Nhu định lấy Lực Lượng Đặc Biệt của Lê Quang Tung làm chủ lực, giả vờ bắt cóc ông Diệm và Nhu đem xuống Vũng Tàu, rồi sau đó điều động một số đơn vị do các sĩ quan Cần Lao Công giáo của Sư đoàn 5 (Biên Hòa) và Sư đoàn 7 (Mỹ Tho) chỉ huy, để phối hợp với một vài lực lượng không tác chiến của các Nha, Sở tại Thủ đô, và Thanh Niên Cộng Hòa, Phụ Nữ Bán Quân Sự. Các lực lượng này sẽ tạo một cuộc đảo chánh giả chống chính phủ không Tổng thống tại Sài Gòn với đòi hỏi “*chấm dứt chiến tranh*”, “*yêu cầu Mỹ về nước*”, và “*yêu cầu anh em ông Diệm tiếp tục cầm quyền để thực hiện hai nguyện vọng của toàn dân*”.

Ông Nhu sẽ giả vờ dùng thế nhân dân để đuổi Mỹ và để thỏa hiệp với Cộng Sản Hà Nội cho có vẻ chính nghĩa. Ông Nhu cũng ra lệnh cho các đảng viên Cần Lao giả vờ hạ ảnh của ông Diệm tại vài nơi công cộng xuống, để lại lợi dụng thế nhân dân mà lên cầm quyền hầu có thể với tư cách là Tổng thống của miền Nam, tự do và toàn quyền đuổi Mỹ để thỏa hiệp với ông Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, vì một phần của kế hoạch ông Nhu phải thông báo cho tướng Tôn Thất Đính là người mà ông Nhu tin tưởng và lúc bấy giờ đang là Tổng trấn Sài Gòn Gia Định nắm hết mọi lực lượng an ninh và Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến tại Thủ Đô, nên khi Đính quyết định theo lực lượng Cách Mạng thì Đính đã tìm cách kéo dài âm mưu đảo chánh của ông Nhu để tiếng súng Cách mạng ngày 1–11–1963 được nổ trước và chấm dứt không những kế hoạch thỏa hiệp với Cộng Sản của ông Nhu, mà còn chấm dứt vĩnh viễn cả chế độ phản bội miền Nam của Diệm–Nhu nữa. Vài ngày sau khi Cách mạng 1–11–1963 thành công, trong một cuộc họp báo, tướng Đính tuyên bố rõ ràng về âm mưu bắt tay với Hà Nội do trung gian của Maneli mà

chính vị Trưởng phái đoàn Ba Lan đã ghi nhận được. Theo ký giả Karnow trong “*Viet Nam: A History*” (trang 292) thì sau này, bà Nhu còn tiết lộ việc bà ta đã dự định cho hai đứa con của bà ta ra sống tại Hà Nội để làm con tin (fraternal gesture) trong âm mưu thỏa hiệp với Cộng Sản của anh em chồng bà ta.

-oOo-

Suy nghiệm về toàn bộ ý đồ và kế hoạch thỏa hiệp với Cộng Sản của hai anh em Nhu–Diệm trong những năm cuối cùng của chế độ, ta thấy nổi bật lên ba vấn đề quan trọng sau đây:

1. *Trước hết là quyết định của ông Nhu thỏa hiệp với Cộng Sản miền Bắc.*

Hòa bình và thống nhất đất nước đúng là nguyện vọng tha thiết nhất của toàn dân và phải là nhiệm vụ hàng đầu của mọi chính phủ miền Nam. **Nhưng không phải Hòa Bình nào cũng được, Thống Nhất dưới chế độ nào cũng được.** Một nền Hòa bình què quặt tạm bợ trong một đất nước thống nhất dưới sự lãnh đạo chuyên chính của đảng Cộng Sản Việt Nam chắc chắn không phải là ước mơ của nhân dân miền Nam, lại càng không phải là mục tiêu của những chính phủ mà dân chúng miền Nam ủng hộ.

Năm 1954, gần một triệu người miền Bắc di cư vào Nam. Năm 1955, dân chúng bỏ phiếu tín nhiệm chính phủ Ngô Đình Diệm, và suốt chín năm, quân dân miền Nam đổ xương máu chống lại Cộng Sản, đã là những tuyên ngôn chính trị minh bạch về lập trường chống Cộng của nhân dân miền Nam. Do đó, nếu có thống nhất thì chính Nam quân phải tiến về giải phóng đất Bắc và nếu có hòa bình thì phải là một nền hòa bình sau chiến thắng hoặc sau một cuộc thương thảo mà ta nắm ưu thế. Nhưng với sự đui mù chính trị vì chủ quan và kiêu căng, trong sự quần bách chính trị vì tư bề thọ địch, ông Nhu đã không thấy những điều đó mới dựa vào những lý thuyết không tương và những chủ lực không có thật để định âm mưu thống nhất đất nước bằng ngõ tắt và sống chung hòa bình với kẻ thù.

Ông Nhu lại cũng không biết, không hiểu đúng đắn về Cộng Sản, về lực lượng Cộng Sản quốc tế, về tập đoàn lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam tại miền Bắc. Khi một tổ chức sắt thép như đảng Cộng Sản Việt Nam đã đặt ưu tiên *giải phóng miền Nam* lên trên chính sách tối cần thiết là *xây dựng miền Bắc*, đã hy sinh bao nhiêu xương máu trong 10 năm trời để oanh liệt chiến thắng đạo quân viễn chinh Pháp, chiếm

được một nửa nước, đã tin vào chủ nghĩa gọi là bách chiến bách thắng Mác-Lê, đã đặt quyền lợi dân tộc dưới quyền lợi của vô sản quốc tế... thì không có một lý do gì để họ có thể thỏa hiệp và san sẻ đất nước với một chế độ (dù ông Nhu có gọi đó là chế độ xã hội nhân vị!) mà họ đã từng kết án là tay sai của đế quốc Mỹ. Và lại, tương quan lực lượng chính trị cũng như quân sự lúc bấy giờ đã cho họ những ưu thế mà chỉ cần tiếp tục khai dụng là có thể tiến đến thắng lợi cuối cùng trong một tương lai gần. **Hà Nội chỉ cần Diệm-Nhu đuổi Mỹ là coi như chiếm được miền Nam rồi.**

Ông Nhu đã không thấy được những điều rất cơ bản, rất cốt lõi nhưng cũng rất rõ ràng và rất cụ thể đó nên mới định dâng phần đất tự do còn lại của Việt Nam cho Cộng Sản. May mà tiếng súng cách mạng của quân đội và nhân dân miền Nam kịp thời đập tan âm mưu này để từ đây cải tạo và vong quốc tị nạn đã không xảy ra từ thập niên 60!

Nếu chế độ Diệm đã tự do dân chủ hơn, nếu chế độ Diệm đã có khả năng quản trị đất nước hơn, và nếu riêng anh em nhà Ngô không độc tài độc tôn, chủ quan mù quáng thì miền Nam hẳn đã đủ cường thịnh để tính chuyện thống nhất đất nước một cách có chủ động, có ưu thế (như những nỗ lực của Nam Hàn, Tây Đức bấy giờ), và ông Nhu đã không phải đền tội một cách đích đáng trước dân tộc và lịch sử.

2. Thứ nhì là kế hoạch thỏa hiệp của ông Nhu.

Kế hoạch của ông Nhu chủ yếu lấy bốn sức mạnh sau đây để bảo đảm sự an toàn và thành tựu của nó: **1.** Sự đồng thuận với tập đoàn lãnh đạo Hà Nội về chống Mỹ và về một mô thức xây dựng quốc gia theo chủ nghĩa xã hội. **2.** Sức mạnh nội tại của miền Nam. **3.** Quyết tâm chống Cộng, không bỏ rơi miền Nam của Mỹ. **4.** Sự bảo đảm quốc tế của Pháp và Vatican.

- Về sự đồng thuận với Cộng Sản Hà Nội, ta thấy rõ từ đầu cho đến cuối, Hà Nội đã chằng một bẫy sập và lừa dối cho ông Nhu vào tròng. Ý đồ và hành động của Hà Nội là phải đuổi Mỹ - kẻ thù nguy hiểm nhất - ra khỏi miền Nam và tạo mâu thuẫn không hàn gắn được giữa Nhu-Diệm và nhân dân miền Nam. Một khi Mỹ đi rồi, miền Nam bị xé nát vì mâu thuẫn thì Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam sẽ dư cả sức mạnh chính trị lẫn quân sự để cướp chính quyền với sự yểm trợ mọi mặt của Hà Nội.

Ông Nhu không thấy được chiếc bẫy sập chính trị ghê gớm đó, ông mang ảo tưởng về một bản chất dân tộc của người Cộng Sản,

mang ảo tưởng về một chủ nghĩa xã hội mà ông nghĩ là cũng phát xuất từ hệ tư tưởng Marx–Hegel, do đó người Cộng Sản có thể chia sẻ quan điểm, nên ông đã mù quáng chui vào chiếc bẫy của chính mình vốn đã nằm gọn trong chiếc bẫy lớn hơn của Cộng Sản Hà Nội.

Ông Nhu cứ tưởng công Mỹ hung hăng là Hà Nội sẽ hài lòng, cứ tưởng đuổi Mỹ là sẽ được Hà Nội đối xử như người anh em mà không nhớ rằng, dù chỉ trên mặt hình thức mà thôi, Hà Nội vẫn lấy các điều khoản của Hiệp Ước Genève làm cơ sở thỏa hiệp. Mà cơ sở đó là gì nếu không phải là những điều kiện thuận tiện dọn đường cho Hà Nội chiếm lấy miền Nam, một miền Nam không có Mỹ yểm trợ, một miền Nam mà dù ông Nhu có bầu cử gian lận vẫn thất bại trong một cuộc tổng tuyển cử toàn quốc. Nhưng đó chỉ là nói về mặt hình thức vì ai cũng biết rằng từ năm 1956 trở đi, khi ông Diệm được Mỹ giúp vi phạm Hiệp Ước Genève thì Hà Nội chỉ còn một chọn lựa và một chọn lựa mà thôi: giải phóng miền Nam bằng võ lực.

Cho nên sức mạnh thứ nhất của kế hoạch do ông Nhu thiết kế chỉ là một ảo tưởng. Hơn cả một ảo tưởng, nó là một sự trì trệ về ý thức chính trị, một sự bệnh hoạn về khả năng nhận định của ông Nhu, một người được các phần tử Công Giáo Cần Lao muối mặt xưng tụng là Trương Lương của thời đại!

- Về sức mạnh nội tại của miền Nam thì ông Nhu trông cậy vào lực lượng Cần Lao Công Giáo đang điều động các bộ phận khác của dân tộc. Ông Nhu tưởng đảng viên Cần Lao trung kiên với ông vì lý tưởng và đồng đạo, mà không ngờ rằng sự trung kiên đó chỉ được thành hình vì đặc quyền đặc lợi và vì những thủ đoạn bạo quân bạo trị. Ông Nhu tưởng đảng viên Cần Lao nắm được các tổ chức nhân dân như Thanh Niên và Thanh Nữ Cộng Hòa, như Liên Đoàn Công Chức và Hội Phụ Nữ Liên Đới, như quân đội và Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia. Ông Nhu không biết rằng chẳng những đảng viên Cần Lao đã không nắm được các tổ chức đó vì tư cách thối nát và lối hành xử hung thần của chúng, mà dù có nắm được thì tự thân các tổ chức đó cũng không có chức năng của một lực lượng đấu tranh. Các tổ chức của ông Nhu và vợ chỉ có tính cách trang trí cho chế độ một cách phí phạm: công chức thì thụ động, quân đội thì đầy mâu thuẫn và căm phẫn. Đó là chưa nói đến các bộ phận khác của dân tộc như đảng phái, tôn giáo (ngoại trừ Công giáo), trí thức... đều sẵn sàng lật đổ ông Nhu ngay lúc đó chứ đừng nói đợi đến khi ông Nhu thỏa hiệp với Cộng Sản.

Cả miền Nam, ông Nhu chỉ còn đảng Cần Lao Công Giáo, những

tổ chức mật vụ, Lực lượng Đặc biệt có võ trang, một vài đơn vị quân đội thuần Công giáo quá khích và một vài họ Đạo ở gần đô thành là sẵn sàng xả thân không điều kiện cho ông Nhu. Nhưng ông Nhu đã nhìn sức mạnh của nhân lực miền Nam qua cái số lượng ít ỏi đó, rồi trong tháp ngà và bệnh chủ quan, phóng đại ra thành nhân lực cả nước.

Cũng về sức mạnh nội tại của miền Nam, ông Nhu đã đánh giá nhầm những thành quả của quốc sách Ấp Chiến Lược, của Khu Dinh Điền, ... mà không biết rằng những thành quả đó chỉ hời hợt bề ngoài còn bên trong đã bị ruỗng nát vì hệ thống tham nhũng, vì những bất công thối nát. Những kế sách nhắm về nông thôn đó đã bị Việt Cộng vô hiệu hóa, và nông thôn đã bị Việt Cộng kiểm soát từ lâu.

Sức mạnh nội tại của miền Nam, thật sự, nằm trong quyết tâm đấu tranh của nhân dân miền Nam. Đấu tranh chống Cộng Sản để bảo vệ miền Nam tự do, đấu tranh chống thiên nhiên để xây dựng đất nước, đấu tranh chống mọi thách thức để xây dựng một chế độ dân chủ và hữu hiệu. Nhưng chế độ Ngô Đình Diệm đã không tranh thủ được quyết tâm đó của nhân dân lại biến cái quyết tâm đó thành ra quyết tâm chống chế độ. Một quốc gia mà muốn thay đổi Tổng thống, cấp lãnh đạo phải dùng đến thủ đoạn “đảo chánh giả” thì cơ sở pháp lý còn giá trị gì nữa, hiến pháp còn giá trị gì nữa, lòng dân còn giá trị gì nữa!

Cho nên sức mạnh thứ nhì của kế hoạch do ông Nhu thiết kế, đáng lẽ là quyết tâm của toàn dân thì thực sự lại chỉ là một lực lượng mật vụ võ trang và một thiểu số bộ phận thối nát và quá khích. Lấy sức mạnh đó ra để trả giá và bảo đảm cho việc Hà Nội phải thi hành nghiêm chỉnh một thỏa hiệp chưa thành hình thì quả thật ông Nhu đã đến nước liêu, đánh ván bài hại dân mà không cần biết đến những hậu quả gì sẽ xảy đến cho nhân dân miền Nam Việt Nam.

- Về suy luận rằng Mỹ chống Cộng nên sẽ không bỏ rơi miền Nam, ta thấy điều đó không phải là ông Nhu hoàn toàn sai lầm. Thật vậy, cho đến cuối tháng 8 năm 1963 (nghĩa là cho đến ngày ông Nhu hung bạo tấn công các chùa chiền và bắt giam các tăng sĩ Phật giáo) dù liên hệ Việt-Mỹ đã trở nên rất căng thẳng vì những hành động và những lời tuyên bố của ông Nhu, dù tình báo Mỹ đã khám phá ra âm mưu của ông Nhu muốn thỏa hiệp với Cộng Sản, chính quyền Kennedy vẫn chưa có ý định ủng hộ một cuộc thay đổi cấp lãnh đạo tại miền Nam Việt Nam.

Nhưng điểm sai lầm căn bản nhất của ông Nhu là đã không nhận

định được sự vận hành của một cường quốc. Một cường quốc thì phải đặt chính sách ngoại giao trong một quan điểm toàn cầu và dài hạn. Ngăn chặn Cộng Sản (containment) là triết lý ngoại giao chỉ đạo mọi sách lược của Hoa Kỳ lúc bấy giờ, và giúp Việt Nam trở thành một tiền đồn chống Cộng hay yểm trợ ông Diệm (năm 1953) về nước chống Cộng chỉ là những thể hiện có tính cách chính sách của triết lý ngoại giao đó mà thôi. Cho nên dù chế độ Diệm–Nhu có độc tài, tham nhũng, thì trong quá khứ Mỹ vẫn ủng hộ và sẽ còn ủng hộ mãi cho đến khi Diệm–Nhu không chống Cộng nữa hoặc làm lợi cho Cộng thì Mỹ mới can thiệp, vì làm lợi cho Cộng là đi ngược lại với cái triết lý ngoại giao chỉ đạo đó.

Sự can thiệp đó có thể là chấm dứt tư cách đồng minh, có thể là vận động để thay thế bằng cấp lãnh đạo mới. Ông Nhu không thấy rằng Mỹ giúp *miền Nam* chống Cộng chứ không phải chỉ giúp *riêng một gia đình họ Ngô* chống Cộng, cho nên cứ đinh ninh là có thể làm “chantage” Mỹ được. Ông Nhu cứ tưởng rằng đối với Mỹ thì trong 15 triệu dân miền Nam chỉ có gia đình họ Ngô là có quyết tâm và có khả năng chống Cộng mà thôi nên muốn yêu sách gì cũng được. Và Mỹ đã không giải kết khỏi miền Nam trong năm 1963 đó, nhưng đã bỏ rơi gia đình họ Ngô.

Ông Nhu đã nhận định đúng một nửa, là Mỹ không bỏ rơi miền Nam, nhưng nửa còn lại thì ông đã sai một cách thể thảm vì Mỹ sẵn sàng bỏ gia đình họ Ngô để yểm trợ cho một thành phần lãnh đạo mới. Ngoài ra, ông Nhu cũng không thấy rằng dù Hà Nội có thật tâm muốn thỏa hiệp để đuổi Mỹ chẳng nữa thì hai đế quốc Cộng Sản Nga–Tàu vẫn muốn cầm chân Mỹ trong một chiến trường dai dẳng để không những bị tiêu hao uy tín chính trị và khả năng lãnh đạo Khôi TỰ Do của Mỹ, mà còn làm suy nhược Hà Nội, một chư hầu trong quỹ đạo của họ.

Và lại, dù ông Nhu có thật sự chống Mỹ đi nữa thì đối với cấp lãnh đạo Hà Nội, tư cách tay sai và hành động tay sai của chế độ Ngô Đình Diệm đã là một tư cách không thay đổi được nữa. Chế độ “*Mỹ–Diệm*”, Mặt Trận “*Dân Tộc*” hai từ ngữ đó đã nói lên rõ ràng và dứt khoát sự đánh giá của Cộng Sản Việt Nam đối với chế độ Ngô Đình Diệm. Thế mà ông Nhu vẫn mơ tưởng hão huyền !

- Về sự bảo đảm quốc tế của Pháp và Vatican, ta lại càng thấy rõ ràng hơn tính chủ quan và thiên cận trong con tính chính trị của ông Nhu. Đành rằng mọi bang giao quốc tế đều đặt trên căn bản lưỡng lợi, nhưng khi nhờ Pháp dính dự vào kế hoạch của mình, ông Nhu quên

rằng chính sách của Pháp lấy **toàn bộ Việt Nam** (cả Bắc lẫn Nam) làm đối tượng, còn ông Nhu thì **chỉ lấy miền Nam** làm đối tượng mà thôi. Điều đó có nghĩa là Pháp cũng muốn có những liên hệ tốt với miền Bắc để nếu cần thì hy sinh một số cam kết với miền Nam. Trong âm mưu thỏa hiệp này, Pháp cần Hà Nội hơn cần Sài Gòn, và Pháp cần Hà Nội hơn Hà Nội cần Pháp.

Thật vậy, sau năm 1954, tại miền Nam, Pháp vẫn duy trì được các cơ sở kinh tế, văn hóa và xã hội, trong khi ở miền Bắc hệ quả của cuộc chiến tranh Pháp–Việt vẫn chưa cho phép Pháp đặt được một bộ phận ngoại giao (chứ đừng nói đến văn hóa và kinh tế) vững vàng nào. Đã vậy, để phản ứng lại ảnh hưởng và uy thế của Mỹ tại miền Nam, ta còn thấy Pháp gián tiếp yểm trợ cho miền Bắc: các cơ sở văn hóa, kinh tế, các đồn điền, các dịch vụ thương mại... đều có liên hệ đến hệ thống tình báo của Pháp nhằm yểm trợ cụ thể cho Việt Cộng. Ngoài ra, không những De Gaulle đã yểm trợ cho chính sách chống phá Việt Nam Cộng Hòa của Sihanouk mà ngay tại thủ đô Paris, ông ta đã dành mọi dễ dàng cho đại diện Hà Nội, cho đại diện Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam tự do hoạt động để bôi nhọ chính nghĩa của miền Nam trước công luận quốc tế.

Chính sách của Pháp về Đông Dương đã được Tổng thống De Gaulle công khai tuyên bố vào năm 1962 tại Phnom Penh, lấy Hiệp định Genève 1954 làm căn bản. Hiệp định đó phản ánh đầy đủ lập trường của chính quyền Pháp: đẩy ảnh hưởng Mỹ ra khỏi Việt Nam, thống nhất hai miền bằng tổng tuyển cử, trung lập hóa toàn bán đảo Đông Dương. Ai cũng thấy lập trường đó gián tiếp mở đường cho cấp lãnh đạo Hà Nội trở thành cấp lãnh đạo của toàn nước Việt Nam. Và ai cũng thấy nhờ một quốc gia có lập trường như thế đóng vai trung gian cho một âm mưu thỏa hiệp thì chẳng khác gì mở cửa cho cướp vào nhà. Ta còn nhớ năm 1975, Đại sứ Pháp Merillon đã đóng đúng vai trò của Đại sứ Lalouette của năm 1963, cũng nhận làm trung gian cho hai phe đối nghịch như chính sách của Pháp hơn 10 năm trước, để cuối cùng một số lực lượng của Việt Nam Cộng Hòa và Pháp đều bị Cộng Sản Việt Nam đánh lừa vào phút chót.

Chính sách của Pháp là như thế, ý đồ của Cộng Sản là như thế, cho nên thỏa hiệp với Cộng Sản đã là phản động rồi, lại còn nhờ Pháp làm trung gian nữa thì đúng ông Nhu vừa phản động vừa xuẩn động!

Nhưng riêng hành động nhờ Tòa thánh Vatican dính dứ vào âm mưu thỏa hiệp với Cộng Sản thì ông Nhu đã tỏ ra có ý thức chính trị. Trước hết về mặt tầm vóc, lực lượng Cộng Sản và Giáo hội Công

giáo đều có tính quốc tế, **người đảng viên Cộng Sản và người tín đồ Công giáo đều là những người đặt vấn đề quốc tế trên vấn đề quốc gia**, một bên hướng về Điện Cẩm Linh, một bên hướng về Tòa Thánh La Mã. Thứ hai là Tòa Thánh La Mã không những có giáo quyền mà thế quyền nhiều khi còn mạnh hơn với những ảnh hưởng chính trị và kinh tế toàn cầu. Thứ ba là nhìn lại quá trình lịch sử ngoại giao của Tòa thánh, ta thấy không phải là một mà đã rất nhiều lần, **Tòa Thánh đã sẵn sàng thỏa hiệp với mọi lực lượng, kể cả những lực lượng phản động và phi nhân nhất, miễn là bảo toàn được quyền lợi của Giáo hội hoặc của con chiên**. Không cần phải trở lại quá khứ xa xăm, từ Đệ nhị Thế chiến đến nay, bắt đầu bằng Giáo Hoàng Pie XII thỏa hiệp với Phát xít Đức Hitler và Phát xít Ý Mussolini (mà quốc gia Do Thái hiện nay đang lần lượt phanh phui mọi bí ẩn), cho đến gần đây Giáo Hoàng John Paul II thỏa hiệp với chính quyền Cộng Sản Ba Lan của tướng Jaruzleski để làm tê liệt “Công Đoàn Đoàn Kết” của lãnh tụ Walesa, ta cũng thấy Tòa Thánh La Mã quả thật có chính sách và có khả năng để làm trung gian mọi thỏa hiệp. Trong vụ Ba Lan, “chuyến viếng thăm Ba Lan của Giáo Hoàng và sự rút lui khó hiểu của vị lãnh tụ Công Đoàn Đoàn Kết Lech Walesa đã làm mờ đi những diễn biến quan trọng... Lời tuyên bố rằng Giáo Hội và chính quyền đang sửa soạn một nền móng để giúp cho nền nông nghiệp Ba Lan là vấn đề mấu chốt. Thật là lạ lùng khó tin khi biết rằng Giáo hội Công giáo La Mã và cấp lãnh đạo Cộng Sản tại vị lại hợp tác với nhau trong lãnh vực sống chết nhất của nền kinh tế Ba Lan ¹⁴⁶¹. Huống chi vào lúc mà ông Nhu muốn thỏa hiệp với Hà Nội thì Giáo Hoàng Paul VI lại là Giáo hoàng thân Cộng Sản, chắc chắn ông sẽ đứng về phe Cộng Sản chứ không phải đứng về phe miền Nam chống Cộng.

Nhờ một thế lực có cả ba yếu tố: Quốc tế, Chính trị và có truyền thống thỏa hiệp, lại vốn là thế lực đã từng mở đầu cho chế độ, ông Nhu đã tính rất đúng. Tiếc rằng âm mưu của ông không thành hình để xem kết quả đó lợi cho Giáo hội Công giáo hay lợi cho dân tộc Việt Nam? Hay lợi cho Cộng Sản!

3. Những hệ quả của kế hoạch thỏa hiệp với Cộng của ông Nhu.

- Hệ quả đầu tiên là trong hơn một năm trời (kể từ 1963 mà thôi) cấp lãnh đạo miền Nam đã không chống Cộng, đã để 12 tháng trời cho lực lượng Việt Cộng được dễ dàng phát triển. Và cũng trong 12 tháng đó, dĩ nhiên cấp lãnh đạo miền Nam, như một hệ luận tất yếu, phải tiêu diệt ý chí và khả năng chống Cộng của những lực lượng

quốc gia chống lại âm mưu này. Mười hai tháng có thể là ngắn trong cuộc chiến Quốc Cộng 30 năm, nhưng 12 tháng của năm 1963 lại có giá trị sinh tử vì chúng nằm trong con trở mình nhiều sơ hở nhất của miền Nam.

- Hệ quả thứ hai là để lại một ám ảnh sâu sắc và tiêu cực trong mỗi bang giao Việt–Mỹ cho những chính phủ kế tiếp. Đối với người Mỹ, ngoài ấn tượng không tốt về giới lãnh đạo Việt Nam xuyên qua chế độ Ngô Đình Diệm là chế độ mà họ đã đặt nhiều kỳ vọng nhất, từ đó trở đi họ phải luôn luôn xét lại chính sách đồng minh, đến nỗi sự xét lại đó nhiều lúc gây ra những phản ứng quá độ, làm vi phạm đến chủ quyền của miền Nam. Đối với các chính phủ Việt Nam kế tiếp – mà đa số là chính phủ quân nhân – tội ác thỏa hiệp với Cộng Sản của chế độ Diệm–Nhu đã làm cho họ mang mặc cảm và trở thành mù quáng trong sách lược đấu tranh chống Cộng. Chống Cộng đáng lẽ phải là một mắt xích trong toàn bộ chính lược phát triển quốc gia thì lại trở thành cứu cánh cuối cùng.

- Hệ quả chính trị thứ ba là Cộng Sản Hà Nội đã qua kế hoạch này – dù cuối cùng không thực hiện được – đánh giá được đúng đắn hơn những nhược điểm của miền Nam. Từ giai tầng lãnh đạo đến trung quan lãnh tụ quần chúng, từ vai trò của người Mỹ đến bản chất của liên hệ Việt–Mỹ, từ các mâu thuẫn giữa các thành phần nhân dân đến các mâu thuẫn của các lực lượng chính trị tại miền Nam... Sự đánh giá thêm đúng đắn đó đã phần nào giúp họ khai thác được những sơ hở của các lực lượng trong cũng như ngoài chính quyền và giúp họ hoạch định các kế hoạch đánh chiếm miền Nam thêm hiệu dụng sau này.

- Hệ quả cuối cùng, còn kéo dài đến ngày nay, là vì mù quáng và cố chấp bênh vực cho chế độ Ngô Đình Diệm, một số phần tử Cần Lao Công Giáo đã bênh vực luôn cả cái tội ác định dăng miền Nam cho Cộng Sản của ông Ngô Đình Nhu. Hoặc là họ đứng trên một quan điểm nhân bản và quốc gia rất què quặt và mù mờ để biện minh một cách rất lý thuyết cho hành động của ông Nhu, do đó đã gây hoang mang cho những nỗ lực lật đổ Cộng Sản; hoặc là họ bóp méo lịch sử cho rằng có nhiều nhân vật đáng phái hợp tác với ông Nhu trong kế hoạch này để hóa giải tội ác của ông Nhu, do đó đã gây nghi ngờ và chia rẽ giữa các lực lượng chống Cộng đang cần một sự đoàn kết tại hải ngoại. Cả hai thủ đoạn đó, thật ra, đều phát xuất từ ý đồ “chạy tội cho chủ”, nghĩa là cho quyền lợi phe nhóm của Cần Lao Công Giáo, mà không cần biết đến hậu quả cho dân tộc là gì.

-
- [1] Corall Bell, *From Carter To Reagan*, trong Foreign Affairs, Đặc bản “*American and the World*” (số tháng 1-1985, tr. 491).
- [2] Lời tuyên bố của ông Ngô Đình Nhu trong cuộc phỏng vấn của đài truyền hình TV-2 của Pháp được chiếu lại trong chương trình “*Vietnam: A Television History*” của đài PBS, Mỹ năm 1983.
- [3] George Chaffard, *Les Deux Guerres du Vietnam*, tr. 299, 300.
- [4] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 61.
- [5] Stanley Karnow, *Vietnam: A History*, tr. 214.
- [6] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 52.
- [7] Neil Sheehan, *The Pentagon Papers*, tr. 138, 139-143.
- [8] Neil Sheehan, *The Pentagon Papers*, tr. 140, 141.
- [9] Stanley Karnow, *Vietnam: A History*, tr. 252.
- [10] Ngô Đình Vận, *Hoàn Cảnh Bi Thảm Của Quân Lực VNCH*, trong báo Tin Việt (số 51 ngày 21-1-85), tr. 9.
- [11] Terrence Mailand, *The Vietnam Experiences*, tr. 51.
- [12] William Hammond, *US Intervention And The Fall Of Diem (Vietnam War)*, tr. 68.
- [13] Robert Shaplen, *The Lost Revolution*, tr. 165.
- [14] Robert Shaplen, *The Lost Revolution*, tr. 154, 155.
- [15] Stanley Karnow, *Vietnam: A History*, tr. 235.
- [16] Joseph Buttinger, *Vietnam: A Political History*, tr. 433, 434.
- [17] Robert Shaplen, *The Lost Revolution*, tr. 197.
- [18] George Chaffard, *Les Deux Guerres du Vietnam*, tr. 310.
- [19] Marvin E. Gettleman, *Vietnam History, Documents and Opinions*, tr. 239, 242.
- [20] Nguyễn Thái, *Is South Vietnam Viable?*, tr. 175.
- [21] Đoàn Thêm, *Những Ngày Chua Quên*, tr. 111, 112.
- [22] Chương trình “*Vietnam: A Television History*”, đài truyền hình PBS, 1983.
- [23] George Chaffard, *Les Deux Guerres du Vietnam*, tr. 304.
- [24] Năm 1968, Maneli bị chính phủ Cộng Sản Balan trục xuất ra khỏi Đại học Warsaw vì khuynh hướng này và bị đe dọa thủ tiêu nên đã vượt tuyến đến Mỹ tìm tự do. Ở đây, ông được mời dạy môn chính trị học tại Đại học Queens, New York. Năm 1971 ông xuất bản cuốn “*War of The Vanquished*” chỉ trích các chế độ Cộng Sản Nga, Tàu, Ba Lan, Việt Nam và tiết lộ trong hai chương dài vai trò trung gian của ông trong âm mưu thỏa hiệp với Cộng Sản

Bắc Việt của ông Ngô Đình Nhu.

- [25] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 117.
- [26] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 120.
- [27] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 121.
- [28] George Chaffard, *Les Deux Guerres du Vietnam*, tr. 302.
- [29] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 123.
- [30] George Chaffard, *Les Deux Guerres du Vietnam*, tr. 302.
- [31] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 123.
- [32] Đoàn Thêm, *Hai Mươi Năm Qua*, tr. 348.
- [33] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 124.
- [34] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 127, 128.
- [35] George Chaffard, *Les Deux Guerres du Vietnam*, tr. 316.
- [36] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 133.
- [37] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 134.
- [38] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 137.
- [39] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 138.
- [40] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 139.
- [41] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 141, 142.
- [42] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 145.
- [43] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 151.
- [44] Sau này bị Bộ Ngoại Giao Ba Lan phúc trình cho Bí thư đảng Cộng Sản về lỗi lầm của Maneli đã có những hành động phương hại đến chánh sách hòa dịu của Ba Lan với các nước Tây phương và đó cũng là một trong những lý do khiến Maneli bị trục xuất khỏi Đại học Warsaw.
- [45] Mieczylaw Maneli, *War Of The Vanquished*, tr. 150.
- [46] Flore Lewis, *Poland's Strange Coalition*, trong New York Times (trích đăng trong nhật báo Fresno Bee ngày 7-7-83).

TỔNG THỐNG DIỆM VÀ QUÂN ĐỘI MỸ

Ngô Đắc Triết

Mỗi năm cứ vào khoảng đầu tháng 11 thì lại thấy xuất hiện trên báo chí hải ngoại một số bài viết về biến cố lịch sử 1/11/1963. Hiển nhiên, ngày này đánh dấu một khúc quanh quan-trọng của lịch-sử Việt-Nam (VN) cận đại. Trong khi đa số những ngày lịch sử khác thường được nhắc đến để xây dựng tình yêu nước (ngày giỗ tổ Hùng Vương, Hai Bà Trưng, v.v.) thì ngày 1/11/1963 được nhắc đến để làm hiện rõ cái hố chia rẽ triền miên giữa những người theo “*Ngô chí sĩ*” và những người chống “*gia đình trị*”.

Phân tích nguyên nhân của ngày lịch sử này, do đó, đã luôn luôn là một tiến trình phân chia giới nghiên cứu chính trị VN làm hai phe đối nghịch. Một cách tổng quát, phe này nói nguyên nhân đến từ lòng dân quá chán ghét chế độ Ngô Đình Diệm dùng Cần lao Công giáo để áp đặt một chế độ độc tài gia đình trị và phe kia nói nguyên nhân đến từ thái độ yêu nước của Tổng thống Ngô Đình Diệm chống chiến lược đổ thêm quân của người Mỹ nên bị họ tổ chức lật đổ.

Vì vậy bài này sẽ gồm phần thứ nhất nói ngắn gọn về yếu tố VN của nguyên nhân “*chế độ mất lòng dân*” rất rõ ràng không cần phải giải thích nhiều. Phần thứ hai phải nói dài hơn về yếu tố ngoại bang vì đây là nỗi đau nhức của những người “*ủng hộ tinh thần Ngô Đình Diệm*” mà bài này, cố gắng chứng minh rõ rệt một lần cuối cùng, giúp họ thấy được sự thật là ông Diệm chẳng những đã không chống mà còn xin thêm quân ngoại bang vào VN. Để cho mỗi năm đến tháng 11, họ không phải vi phạm vào Điều Răn thứ chín của Chúa: “*Con không được làm chứng dối chống lại đồng loại. (Xh 20,16). . . Nhưng hễ có thì phải nói có, không thì phải nói không. Thêm thắt điều gì là do ác quỷ. (Mt, 33)*” như Cao Văn Luận, Cao Thế Dung, Tú Gàn Nguyễn Căn, Nguyễn Văn Chức đã và đang bị ác quỷ dẫn dắt.

Hãy bắt đầu bằng yếu tố Việt Nam qua bốn lãnh vực:

1. Quân chúng:

Sự ủng hộ của nhân dân dĩ nhiên là chủ yếu để chính quyền

được tồn tại. Trong một chế độ dân chủ, thật hay giả, sự ủng hộ này có thể phân biệt được là tự phát hoặc ép buộc qua những cuộc bầu cử. Theo bài giảng “Luật Hiến Pháp và Chính Trị Học” cho sinh-viên năm thứ nhất Luật khoa của Giáo sư Nguyễn văn Bông, trong cuộc Trưng cầu dân ý tháng 10/1955 để ông Diệm được lên làm Quốc trưởng, kết quả có 5,721,735 phiếu thuận (hơn 98%) trong tổng số 5,828,907 người dân đi bầu. Tháng 4/1961, trong cuộc bầu cử Tổng thống nhiệm kỳ hai, ông Diệm không chứng tỏ là một học trò giỏi về thực tế của khái niệm dân chủ đã thắng với tỷ số 89% (5,997,972 trên tổng số 6,723,720). Hai kết quả này thua 100% của ông Sadam Hussein không xa bao nhiêu. Nếu những người “ủng hộ tinh thần Ngô Đình Diệm” không đỏ mặt khi đọc hai kết quả bầu cử này thì họ không nên và không cần đọc tiếp bài này nữa.

2. Thành phần chính trị :

Gồm các lực lượng đối lập và ủng hộ chính quyền. Trong lực lượng ủng hộ, đảng Cần Lao độc quyền tổ chức bao trùm cả hai môi trường dân sự và quân sự trên toàn quốc làm cho tính độc tài của chế độ trở nên không thể chối cãi như tình trạng độc đảng của các chế độ Cộng sản. Ai cũng biết không có đối lập thật sự thì không thể có dân chủ thực sự. Vì vậy mà trong lực lượng đối lập, hai trường hợp tiêu biểu là ông Nhất Linh của Việt Nam Quốc Dân Đảng đã phải uống thuốc độc tự tử, và ông Nguyễn Bảo Toàn của lực lượng Hòa Hảo đã bị chính quyền thủ tiêu (chỉ tiết trong sách “*Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*” của Hoàng Linh Đỗ Mậu, 1986) là những dấu chỉ của một chính sách đàn áp đảng phái tàn bạo như các cuộc Thánh chiến của các Giáo hoàng Gia-tô La mã.

3. Thành phần tôn giáo:

Về phương diện pháp lý, chính quyền ông Diệm đã độc lập được 9 năm mà vẫn giữ nguyên đạo dụ số 10 của thực dân Tây để lại coi Phật giáo như một hội đá banh. Vì vậy mà một trong 5 nguyện vọng của Phật giáo gửi cho chính phủ Diệm trong tháng 5/1963 là “*được bình quyền với Ki-tô giáo*”. Một đạo mang niềm tin của gần 90% dân mà lại xin được bình quyền với một đạo của gần 10% dân! Về thực tế, sự kiện đạo của thiểu số Ki-tô là tôn giáo duy nhất (gồm hai nhánh Gia-tô La mã và Tin Lành) có tuyên úy trong quân-đội đã đủ để nói về chính sách đàn áp tôn giáo của “Ngô chí sĩ”.

4. Thành phần quân đội:

Quân đội VNCH có gốc rễ từ quân đội Pháp. Đa đa số những sĩ quan lãnh đạo đều đã có kinh nghiệm với chế độ thuộc địa. Những

kinh nghiệm này cộng với truyền thống kỷ luật của quân đội mà họ đã theo đuổi từ thời trai trẻ đã tạo trong họ một trống vắng về ý thức chính trị sâu sắc. Do đó, những hành động, phản ứng hay quyết định của họ có tính cách bản năng, nặng về cảm tính và chú trọng đến hiệu quả thực tiễn. Điều này được chứng nghiệm năm 1954 qua sự ủng hộ vô điều kiện của họ đối với chính khách Ngô Đình Diệm, sự đối kháng của họ đối với thực dân Pháp và sự ly khai của họ đối với Cộng sản tính của lực lượng Việt Minh. Chín năm sau, quân đội đã thấy rất rõ, từ vị thế quân nhân của họ, sự thiếu hiệu quả của chế độ qua sự tăng trưởng của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, sự phản bội của một chế độ chống Cộng mà đi kèm với Cộng (cũng như những tờ báo Bolsa hiện nay hô hào chống Cộng mà vẫn đăng quảng cáo gửi tiền về VN). Và bản năng của quân đội đã bùng vỡ khi vợ con, bạn bè họ bãi khóa, đi biểu tình trên toàn quốc trong mùa Hè năm 1963.

Trong khuôn khổ yếu tố VN, kết quả của tình trạng chín mùi này là người quân nhân trong một lực lượng đã chuẩn bị, chỉ cần 24 tiếng đồng hồ để lật đổ một chính quyền mà họ thấy rõ là không còn giá trị, một chính quyền đã mất lòng dân. Nếu nói rằng một ông Đại Tá lật đổ chính phủ vì không được lên Tướng thì vừa coi thường chính phủ đó vừa coi thường quân đội đó. Phải nhìn thấy sự kháng cự duy nhất và rất ngắn ngủi của Lữ đoàn Phòng vệ Phủ Tổng thống và sự im lặng tuyệt đối của đảng Cần lao, Thanh niên/ nữ Cộng hòa, Công an, Cảnh sát, ... trên toàn miền Nam trong ngày 1/11/1963 mới thấy được sự quan trọng của yếu tố lòng dân trong khi phân tích nguyên nhân của ngày lịch sử này.

* * *

Bên cạnh yếu tố Việt Nam, yếu tố ngoại bang trở nên tương đối đơn giản và khẳng định hơn vì nhân chứng và tài liệu thì đầy đủ và dễ phối kiểm và, do đó, giúp chúng ta có thể suy luận một cách khách quan hơn.

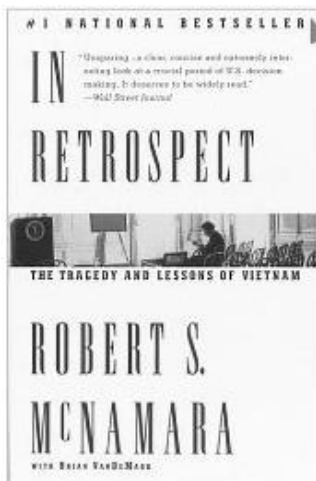
Những tài liệu, sách báo, hồi ký xuất bản từ năm 1963 ở Mỹ đã cho thấy rõ ràng mối liên hệ chặt chẽ giữa nước này và ông Diệm. Trong một bài, đã được đăng trên nhật báo *Người Việt ở Westminster*, California ngày 9 tháng 11/1996, tác giả **Lương Minh Sơn** đã đúc kết các chứng liệu ngoại quốc để trình bày một cách súc tích và chính xác sự đúng chỗ, đúng lúc và đúng người của ông Diệm khi ông được chính quyền Mỹ và Vatican đưa về VN.

Trong khuôn khổ của bài này, vấn đề chỉ cần giới hạn trong câu hỏi: Tại sao người Mỹ đưa ông Diệm về năm 1954 rồi 9 năm sau

lại muốn lật đổ?

Có phải ý của người Mỹ đã thay đổi? Câu trả lời, trong trường hợp VN, tất nhiên là: Không. Vì từ 1954 đến 1963, người Mỹ chỉ có một ý là chống Cộng sản. (Thật ra thì chính sách đối ngoại của Mỹ đặt cơ sở trên sách lược ngăn chặn Cộng sản đã bắt đầu từ bài báo năm 1947 của George Kennan cho đến 1989 khi Nga Sô-viết sụp đổ và Trung Cộng bắt đầu chạy theo kinh tế thị trường). Mục tiêu không thay đổi thì có thể là đường lối đã thay đổi. Đây là chỗ đưa đến lập luận sở đắc của những người mang “tinh thần Ngô Đình Diệm” : *“Đông minh Mỹ trở nên để quốc, muốn đem quân chiến đấu vào để thao túng chủ quyền của VN mà chống Cộng theo kiểu Mỹ, Tổng thống Diệm muốn bảo toàn độc lập quốc gia nên chống lại âm mưu này và đã phải trả giá bằng chính mạng sống và chính quyền của ông.”*

Bằng lý luận chính trị, lập luận này không đứng vững trong bối cảnh của nước Mỹ có một Tổng thống bị thất bại nặng nề ngay từ đầu nhiệm kỳ trong phiêu lưu quân sự ở Vịnh Con Heo (tháng 4/1961) để mưu lật đổ Fidel Castro của Cuba. Ông Kennedy dĩ nhiên là không muốn phiêu lưu vào một thất bại lật đổ Ngô Đình Diệm ở một xứ VN xa xôi vào cuối nhiệm kỳ (tháng 11/1963) khi cuộc chuẩn bị bầu cử cho nhiệm kỳ hai đã bắt đầu.



Cụ thể hơn, bài này sẽ chứng minh ông Diệm chẳng những không chống mà còn xin thêm quân Mỹ và Tàu, (vâng, quân Tàu, kẻ thù truyền kiếp của dân tộc Việt) đổ vào VN. Qua tài liệu mật của Bộ Quốc Phòng Mỹ và tài liệu công khai của Phòng Báo chí Tòa Bạch ốc, lập luận này lại càng mất thêm giá trị để được xứng đáng gọi là một lập luận chính trị. Cựu Bộ trưởng McNamara đã dùng tài liệu mật của Bộ Quốc Phòng để tiết lộ những chi tiết sau đây trong hồi ký *“In Retrospect”* (Ed. Random House, NY, 1995) của ông :

1). “(Ngoại Trưởng) Dean Rusk và các cố vấn của ông ta cũng đi đến kết luận như (của tôi) vậy. Ngày 11/11 (năm 1961) ông ta và tôi, sau khi suy nghĩ và thảo luận thêm,

cùng gửi một văn thư liên bộ (Ngoại Giao và Quốc Phòng) cho Tổng thống để can ngăn việc gửi quân chiến đấu sang VN theo đề nghị của Walt (Rostow) và Tướng Max (well Taylor). . . . Chiều hôm ấy, TT Kennedy đã đem cả hai văn thư đó ra giữa buổi họp tại Tòa Bạch ốc. Ông nói rõ rằng ông không muốn cam kết một cách vô điều kiện sẽ giữ cho miền Nam Việt Nam khỏi bị sụp đổ và **tuyệt đối không chấp nhận việc gửi quân tác chiến Mỹ sang VN.**” [Tr. 39]

2). Trong bản tường trình mật lên Tổng thống, sau chuyến viếng thăm VN (tháng 9/1963), Bộ trưởng McNamara đã có những đề nghị sau đây (trong an ninh tình báo, những đề nghị mật trong giới lãnh đạo cao cấp loại này được coi như là những ý định thật của một chính phủ) :

“Thành lập một chương trình để huấn luyện người Việt Nam **đến cuối năm 1965** có thể thay thế quân nhân Mỹ trong các nhiệm vụ thiết yếu. *Vào thời điểm đó, một số lớn nhân viên Mỹ có thể được rút về nước.*” . . .

Theo chương trình huấn luyện (quân đội) Việt Nam để từ từ thay thế (quân đội Mỹ) trong các nhiệm vụ quân sự, Bộ Quốc Phòng nên **tuyên bố sớm kế hoạch đang được chuẩn bị để rút 1,000 quân Mỹ vào cuối năm 1963.**” [Tr. 78]

3). Thông báo của Phòng Báo Chí Tòa Bạch ốc ngày 2-10-1963 :

“Cuối cùng tổng thống đồng ý, và Tham vụ Báo chí Pierre Salinger đã đưa ra bản thông báo sau buổi họp. Bản thông báo này có đoạn như sau : Bộ trưởng McNamara và Tướng Taylor. . . báo cáo rằng chương trình huấn luyện của Mỹ tại VN sẽ tiến triển đến mức **1,000 quân nhân Mỹ đang đóng tại Nam Việt Nam sẽ có thể được rút về vào cuối năm nay.**” [Tr. 80]

4). Trong một lá thư được nhật báo *The New York Times* đăng ngày 14 tháng 9/1995 để trả lời một độc giả, ông McNamara đã tổng kết như sau :

“. . . Tôi tin rằng các tài liệu đã chứng tỏ là Tổng thống Kennedy, chẳng những đã không trừ tính một kế hoạch leo thang nào, mà còn quyết định - và tuyên bố công khai ngày 2 tháng 10, 1963 - rằng Mỹ dự tính rút quân đội ra (khỏi Việt Nam) vào cuối năm 1965 và bước đầu tiên là rút 1,000 (trong tổng số 16 ngàn quân) vào cuối năm 1963.”

5). Mới nhất là bản tin ngày 23 tháng 12, 1997 của *Associated Press* trích từ hồ sơ dày hơn 800 trang của văn phòng Tổng tham mưu

Liên quân Mỹ (Joint Chiefs of Staff) tiết lộ “*Tổng thống Diệm đã dấu diếm những báo cáo chiến trường cho thấy cuộc chiến đã diễn tiến một cách bất lợi cho Nam Việt Nam*” (“Diem had been hiding reports from the field that showed the war was going badly for the South Vietnamese”). Mặt khác, “*vài tuần trước khi bị ám sát, TT Kennedy đã muốn các lãnh đạo quân sự lập cho ông một kế hoạch rút quân Mỹ khỏi Việt Nam sau cuộc bầu cử 1964*” (“weeks before his assassination President Kennedy wanted his military leaders to draw up contingency plans for a U.S. withdrawal from Vietnam after the 1964 presidential election.”).

Bên kia những tiết lộ rõ rệt này về ý đồ của người Mỹ thì “*Hồ sơ Mật của Ngũ Giác Đài*” (“The Pentagon Papers”, Ed. Bantam Books Inc., 1971) lại cho thấy chính ông Diệm đã có ý đồ... xin thêm **quân tác chiến Mỹ và Tàu vào Việt Nam**, từ năm 1961!

“Điện văn của Tòa Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn gửi bộ Ngoại Giao ngày 13 tháng 10, 1961 về những yêu cầu của ông Nguyễn Đình Thuần, Bộ trưởng Quốc Phòng của Nam Việt Nam...”

Trong buổi họp ngày 13/10/1961 Thuần đã yêu cầu :

1. Gửi thêm các phi đoàn khu trục AD6...

2. Gửi phi công dân sự Mỹ...

3. **Gửi quân Mỹ tác chiến** hoặc quân Mỹ “**cố vấn tác chiến**” cho quân VNCH. Một phần quân số này sẽ đóng gần vĩ tuyến 17 để quân VNCH được rảnh tay chống quân du kích ở miền cao nguyên ...

4. **Xin được biết phản ứng của Mỹ đối với đề nghị (của ông Diệm) xin Trung Hoa Quốc gia gửi một sư đoàn quân tác chiến vào khu vực hành quân ở vùng Tây Nam**

(Bộ trưởng Thuần) nói ông Diệm, dựa trên tình hình Lào, sự xâm nhập (của quân đội Bắc Việt) và sự lưu tâm của TT Kennedy khi gửi Tướng Taylor qua thăm VN, đã yêu cầu Mỹ hãy duyệt gấp những yêu cầu trên.” [Tr. 40]

* * *

Tất cả những tài liệu trên đây đã tự nó nói lên hai sự thật đơn giản:

▪ 1. Tổng thống Diệm không thể “**chống Mỹ đồ thêm quân**”, vì cho đến ngày lịch sử 1/11/1963 chính quyền Mỹ không có ý đồ thêm quân vào Việt Nam mà ngược lại còn dự tính - và tuyên bố công khai - sẽ rút quân kể từ cuối năm 1963.

▪ 2. Từ năm 1961, Tổng thống Diệm đã cầu viện quân ngoại bang (Mỹ và Tàu) vào Việt Nam.

Nguyên nhân của một biến cố lịch sử làm sụp đổ một chế độ dài 9 năm phải đến từ nhiều yếu tố. Không thể lý luận một cách ngu muội là tất cả đều do Mỹ và những người chống ông Diệm (từ Nhất Linh đến Thích Trí Quang đến Trần Kim Tuyến đến Dương Văn Minh) đều bị CIA mua chuộc. Qua những chứng liệu rõ rệt trên đây, một độc giả thông minh tối thiểu và không cuồng tín vì tôn giáo sẽ thấy nguyên nhân của ngày 1/11/1963 đến từ cả hai yếu tố **bên trong** và **bên ngoài** Việt Nam. Với một người có tinh thần dân tộc thì sẽ nhận ra ngay yếu tố Việt Nam mới là tối quan trọng, yếu tố lòng dân Việt Nam mới là chủ yếu. Với loại người được truyền giáo để trở thành phi dân tộc và vọng ngoại thì dĩ nhiên chỉ có thể thấy được yếu tố ngoại bang.

Nếu những người này đã có can đảm đọc đến đây và đã được “mặc khải” thì xin hãy chôn đi cái huyền thoại TT Diệm “chết vì chống Mỹ” sau khi đọc điều số 4 trong lá thư của Bộ trưởng Thuần ở trên rằng “*Xin được biết phản ứng của Mỹ đối với đề nghị (của ông Diệm) xin Trung Hoa Quốc gia gửi một sư đoàn quân tác chiến vào khu vực hành quân ở vùng Tây Nam...*”. Được như vậy, vào tháng 11 mỗi năm, quý vị hoài Ngô khỏi phải day dứt vì mặc cảm phạm tội mà đi mua nhang đèn làm lễ tưởng niệm “tinh thần” “*xin-được-biết-phản-ứng-của-Mỹ*” của Ngô chí sĩ, và chúa Ki-tô khỏi phải nhọc công lập lại Điều răn thứ Chín cho những tên ma đầu loại Cao Văn Luận, Cao Thế Dung (Hà Nhân Văn, Hà Nhân!!), Nguyễn văn Chúc, Tú Gàn Nguyễn Cần.

Ngô Đắc Triết (Montréal) 3.11.2002

NHÂN ĐỌC BÀI “*TỔNG THỐNG DIỆM VÀ QUÂN ĐỘI MỸ*” CỦA ÔNG NGÔ ĐẮC TRIẾT, TÔI CŨNG XIN CÓ ĐÔI LỜI GÓP Ý

Lý Dương Nhiên

(<http://www.sachhiem.net/LICHSU/N/NgoDacTriet.php>)

Cách đây mấy tuần lễ, bình luận gia nổi tiếng Trần Bình Nam có cho phổ biến loạt bài “CIA Và Các Ông Tướng” trong đó tác giả có đề cập đến chi tiết “Tổng Thống Diệm phản đối việc quân đội Mỹ đổ bộ vào Việt Nam” phổ biến trên website Đàn Chim Việt. Liên sau đó, ông Phan Đức Minh cũng cho phổ biến trên Đàn Chim Việt loạt bài “Nhớ Ngày 1/11/1963” trong đó ông có cho biết Tổng Thống Diệm có ra thăm Quân Đoàn I ở Đà Nẵng vào năm 1960 và có nói chuyện với các sĩ quan. Trong buổi đó, Tổng Thống Diệm cũng cho biết “ông chống việc quân đội Mỹ đổ bộ vào Việt Nam.”

Nhân dịp có bài viết của ông Phan Đức Minh, ông Nguyễn Tường Tâm, cháu của nhà văn Nhất Linh, có bài Góp Ý ở dưới bài viết trên đây với đại ý như sau:

- 1.- Buổi nói chuyện của Tổng Thống Diệm có thật không? Xin ông cho biết một vài chi tiết để chứng thực.
- 2.- Xin ông Phan Đức Minh cho tài liệu về việc Tổng Thống Diệm chống việc quân Mỹ đổ bộ vào Việt Nam.

Đồng thời, ông (Nguyễn Tường Tâm) cũng cho biết ông có yêu cầu ông Trần Bình Nam cho ông tài liệu đó, nhưng ông Trần Bình Nam đã thành thật trả lời rằng không thể cung cấp tài liệu đó cho tôi được.

Xin góp ý như sau:

1.- Buổi nói chuyện của Tổng Thống Diệm với các sĩ quan Quân Đoàn I vào năm 1960 ở Đà Nẵng là **hoàn toàn không có** vì rằng từ ngày 1/1/1960 đến ngày 31/12/1960, Tổng Thống Diệm không hề đi Đà Nẵng. Xin đọc (1) sách *Hai Mươi Năm Qua 1945-1964 – Việc Từng Ngày* (Los Alamitos, CA: Xuân Thu – không đề năm) của tác giả Đoàn Thêm. (Cụ Đoàn Thêm làm việc trong văn phòng Tổng Thống Diệm), và (2) *Việt Nam Niên Biểu 1939-1975* Tập

I-C: 1955-1963 (Houston TX: Văn Hóa, 2000) của tác giả Chính Đạo.

2.- Giáo-sư Nguyễn Mạnh Quang và Tiến-sĩ Vũ Ngự Chiêu cũng đã cố gắng đi các thư viện truy tầm mà cũng **không tìm ra một văn kiện nào đề cập đến Việc Tổng Thống Diệm chống quân đội Mỹ đổ bộ vào Việt Nam** và việc Mỹ xin Tổng Thống Diệm sử dụng hải cảng Cam Ranh, nhưng bị ông Diệm từ chối.

Trong lúc đi tìm tài liệu lịch sử nói về Việt Nam trong thời cận và hiện đại, Tiến-sĩ Vũ Ngự Chiêu bắt gặp được mấy tờ phúc trình của Đại-sứ Pháp Lalouette gửi về chính quyền Pháp, trong đó có nói việc ông Diệm cho Đại-sứ Pháp biết rõ là Cuộc Chiến Việt Nam hiện nay trên thực tế đã giống như Cuộc Chiến Triều Tiên trước đây và “*Ít nữa cho tới ngày 7/11/1961, (miền Nam Việt Nam) không những muốn đón nhận quân chiến đấu Mỹ và các nước bạn, mà còn tuyên bố đại đa số dân miền Nam tán thành (welcome) việc này (quân đội Mỹ đến Việt Nam.)*”. Sự kiện này được sách sử ghi lại rõ ràng như sau:

“Tư liệu trong kho Cambodge-Laos-Vietnam ghi nhận Ngô Đình Diệm ít nữa cho tới ngày 7/11/1961, không những muốn đón nhận quân chiến đấu Mỹ và các nước bạn, mà còn tuyên bố đại đa số dân miền Nam tán thành (welcome) việc này. Như thế, những lời tuyên bố chống Mỹ vào năm 1963 của vợ chồng Ngô Đình Nhu chỉ nhằm vào các cố vấn quân sự Mỹ sau khi Ngô Đình Nhu đã bí mật gặp nhiều đại diện Cộng Sản...” Vũ Ngự Chiêu, Các Vua Cuối Nhà Nguyễn (Thiên Mệnh Đại Pháp) 1884-1945 – Tập 3 (Houston, TX: Văn Hóa, 2000), tr 1038.

Ngoài sự kiện lịch sử trên đây,, lại còn có nhiều kiện khác như:

a.- Ngày 11/11/1960, Tổng Thống Diệm Nhờ Linh-mục Raymond de Jaegher, người Bỉ, quốc tịch Mỹ, **xin với Đại-sứ Mỹ Elbridge Durbrow cho Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đổ bộ vào Sài Gòn** để bảo vệ công dân Mỹ và kiểm soát phi trường Tân Sơn Nhất. Sự kiện này được sách Việt Nam Niên Biểu 1939-1975 Tập I-C 1939-1975 ghi lại rõ ràng như sau:

“Thứ Sáu 11/11/1960... 13G30: Durbrow báo cáo Đại-tá Thi đang thương thuyết tại Dinh Độc Lập. Thi đã bắt giữ Đại-Tướng Tỵ và Trung Tướng Thái Quang Hoàng (Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô) làm con tin. Trên đài phát thanh, Thi khẳng định lập trường chống Cộng.

Vẫn theo Durbrow, Diệm từng nhờ Raymond de Jaegher, một linh mục người Bỉ, đại diện Hội Thái Bình Dương Tự Do, Vùng Viễn Đông – yêu cầu Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đổ bộ để bảo vệ công dân Mỹ và kiểm soát phi trường Tân-sơn-nhất. Durbrow tin rằng điều này

không thể được. Cho tới 13G30, vẫn chưa có Mỹ kiều nào bị tổn hại. (FRUS, 1958-1960: I:633-4).” Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu 1939-1975 Tập I-C 1939-1975 (Houston, TX: Văn Hóa 2000), tr. 186.

b.- Ngày 29/9/1961: Diệm gặp Đô Đốc Harry D. Felt, Đại Sư Nolting, đề nghị ký một hiệp ước phòng thủ chung với Mỹ. Chính Đạo, Sdd., tr. 229.

c.- Ngày 20/10/1961: Taylor hội thảo với Diệm lần đầu tiên. Diệm đề nghị một hiệp ước hỗ trợ phòng thủ, gia tăng quân số Việt Nam Cộng Hòa và không yểm của Mỹ.

d.- Ngày 27/10/1961: Taylor hội thảo với Diệm lần thứ hai:

“Đề nghị đưa bộ binh Mỹ vào miền Nam Việt Nam dưới danh nghĩa là cứu lụt. Theo Taylor, Diệm rất tán thành.” Chính Đạo, Sdd., tr. 231.

NHẬN XÉT: Đã cương quyết chống việc quân đội Mỹ vào Việt Nam để bảo vệ chủ quyền, thì TẠI SAO lại còn mời Mỹ vào Việt Nam để làm gì?

Một khi đã ký một thỏa hiệp phòng thủ chung với Mỹ thì đương nhiên là quân đội Mỹ phải trú đóng ở trên lãnh thổ Việt Nam giống như quân đội Mỹ đóng ở Đại Hàn vậy.

ĐỀ NGHỊ: Mong rằng ông Trần Bình Nam, Phan Đức Minh và các ông đã từng đưa ra lập luận nói rằng Tổng Thống Ngô Đình Diệm chống lại việc chính quyền Mỹ muốn đưa quân vào Việt Nam cho nên mới bị Mỹ thuê người giết ông Diệm, hãy lên tiếng làm sáng tỏ vấn đề này để cho các ông khỏi mang tiếng là những người NÓI LÁO và PHIA SỬ.

Mong lắm thay!

Lý Đương Nhiên

NGÔ ĐÌNH DIỆM MUỐN DÂNG MIỀN NAM VIỆT NAM CHO CỘNG SẢN BẮC VIỆT

Lê Chân Nhân

Trước khi giã-từ Thế kỷ 20, tôi tưởng chúng ta cũng nên thử tìm giải-đáp cho một thắc-mắc vẫn còn tồn-động từ thập-niên '60 của Thế-Kỷ 20:

1/ Cứ theo nhiều người (trong đó có tôi) thì chúng ta phải đặt chủ-quyền quốc-gia lên trên hết; nói cách khác, vì tinh-thần dân-tộc, chúng ta không chấp-nhận để cho ngoại-bang lấn-lướt quyền quyết-định việc nước của chúng ta. Do đó, việc cố Tổng-Thống Ngô Đình Diệm chống lại Hoa-Kỳ trong dự-định đổ thêm nhiều quân vào VNCH (Mỹ-hoá chiến-tranh Việt-Nam) là một việc đúng.

2/ Cứ theo một số nhân-vật Hoa-Kỳ (trong đó có cựu Bộ-Trưởng Quốc-Phòng McNamara, cựu Ngoại-Trưởng Henry Kissinger) thì Mỹ không nên tán-đồng hay nhúng tay vào việc lật đổ chế-độ Diệm, và họ rất tiếc là Hoa-Kỳ đã làm như thế.

3/ Một số nhân-vật Quốc-Gia thân-Diệm dựa vào các ý-kiến trên của phía Hoa-Kỳ để khẳng-định rằng nếu không có cuộc chính-biến 1-11-1963, nghĩa là nếu cố Tổng-Thống Diệm vẫn còn sống và tiếp-tục lèo-lái công-cuộc chống Cộng của quốc-dân Việt-Nam (bắt-chấp thời-lượng nhiệm-kỳ, từ 1955 đến 1975 là 20 năm!), thì Việt-Nam Cộng-Hoà hẳn vẫn còn tồn-tại và phát-triển, giàu-mạnh chứ không sụp-đổ như vào Tháng Tư Đen năm 1975.

4/ Thế nhưng, nếu ta đọc hết và đọc kỹ các ý-kiến của Mỹ chống việc chống Diệm, nghĩa là ước chi Hoa-Kỳ hồi đó không gia-tăng lực-lượng và hoạt-động quân-sự mà cứ để cho ông Diệm trực-tiếp tiếp-xúc với Bắc-Việt để cả hai miền Nam Bắc cùng tự giải-quyết vấn-đề nội-bộ Việt-Nam với nhau, thì ta thấy rằng các nhân-vật Mỹ tên-tuổi kể trên đã lý-luận khác hẳn, về kết-quả của việc ông Diệm bắt tay với Bắc-Việt: Không phải là VNCH vẫn còn đứng vững, mà là **Bắc-Việt “thống-nhất Việt-Nam” (nuốt chửng Miền Nam) sớm hơn**, chiến-tranh Việt-Nam chấm dứt sớm hơn, và, quan-trọng hơn

hết là, Mỹ đã có thể tránh được thiệt-hại lớn-lao (về vật-chất là lên đến hơn năm-vạn-tám mạng người, và trăm-tu-tỷ đô-la; và về tinh-thần là ô-danh bại-trận, thay vì “được” ông Diệm yêu-cầu rút ra, rút ra trong danh-dự).

5/ Có một số người vẫn còn tin rằng: nếu để cố Tổng-Thống Ngô Đình Diệm toàn-quyền và tự-lực lo lấy, thì Mỹ đã khỏi tổn-thất như trên, mà Việt-Nam cũng đã thoát được các thâm-cảnh đã xảy ra, nhất là không bị cộng-sản tràn ngập.

Vấn-đề tôi xin đặt ra hôm nay là:

- Về phía cộng-sản thì họ đã có quyết-tâm và kế-hoạch thôn-tính Miền Nam (qua việc cài lại cán-bộ nắm vùng tại Miền Nam sau Hiệp-Định Geneva 1954, nhất là qua Nghị Quyết 15 đầu năm 1959 chủ-trương bạo-lực cách-mạng giải-phóng Miền Nam khiến Tổng-Thống Diệm phải ban-hành Luật 10-59, cụ-thể là việc thành-lập "Mặt Trận Giải-Phóng Miền Nam" từ năm 1960) với sự viện-trợ tối-đa của Khối cộng-sản quốc-tế;

- Về phía Hoa-Kỳ thì họ hẳn thấy chỉ dùng chính-trị, kinh-tế, ngoại-giao... thì vẫn chưa đủ, nên phải dùng đến quân-sự (đổ thêm quân vào Việt-Nam).

- Vậy thì, về phía VNCH, nghĩa là về phần cố Tổng-Thống Diệm, -- người đã tin dùng cán-bộ tình-báo chiến-lược Vũ Ngọc Nhạ của Bắc-Việt làm cố-vấn cho mình, cùng với nội-tuyển-viên Phạm Ngọc Thảo được Tổng-Giám-Mục Ngô Đình Thục nhận làm con nuôi -- “chúng ta” làm cách thế nào mà thắng cộng-sản (ít nhất thì cũng còn nguyên, không bị cộng-sản lấn chiếm) khi mà cộng-sản chắc-chắn là quyết tiến lên, Hoa-Kỳ rút ra, phui tay, không còn phối-hợp và yểm-trợ về quân-sự, dĩ-nhiên giảm-thiểu nếu không cắt hết viện-trợ kinh-tế và các mặt khác, trong lúc chúng ta không được nước ngoài giúp đỡ (Mỹ mà rút đi thì ai mà chịu nhảy vào?), thua sút Cộng-Sản cả về dân-số, quân-số, vũ-khí, tiếp-liệu, viện-trợ, khả-năng tự-túc, nhất là đoàn-kết và ổn-định nội-tình?

* * *

Ông Hồ Chí Minh trả lời phái-bộ ngoại giao Ấn-Độ rằng "He is a patriotic man": ông Ngô Đình Diệm là một người yêu nước

(Cũng như sau này -- thật không? -- họ Hồ tỏ ý thương tiếc trước cái chết của họ Ngô). Câu nói (khen) của họ Hồ đối với họ Ngô chỉ là một câu nói "chính trị", và "ngoại giao".

Ông Hồ Chí Minh cần (tự) đánh bóng thêm con người của mình, nên phải học đòi nói-năng lịch-sự, nhất là khi nói với một nhà ngoại-giao nước ngoài. (Ngày xưa, bên Tàu, tướng của phe này bắt được tướng của phe kia, đã công-khai khen tài-năng & tiết-tháo của kẻ thù, rồi mới ra lệnh chém đầu!) Quan-trọng hơn hết, ông ấy còn mong thuyết-phục ông Ngô Đình Diệm chịu tổ-chức tổng-tuyển-cử, và xa hơn nữa là chịu "về" với mình, thì không lẽ chê-bại người ta để rồi mình lại sẽ ngồi chung bàn hội-nghị, ký chung văn-bản với người ta? hoặc giả mình sẽ thu-dụng người ta làm người hợp-tác với mình?

Câu nói (khen) của ông Hồ Chí Minh về ông Ngô Đình Diệm thật ra là một câu nói cố ý "giết người".

a) Trước ông Ngô Đình Diệm: vào các năm 1945 và 1946, ông Hồ Chí Minh đã "khen" các ông Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam... nồng-nhiệt đến mức nào để các ông ấy chịu đứng chung vào "Chính-Phủ Liên Hiệp" do ông Hồ Chí Minh làm Chủ Tịch; để rồi sau đó, may mà họ trốn kịp chứ không thì họ cũng đã bị giết cùng với các nạn-nhân khác trong vụ Ôn Như Hầu rồi.

b) Sau ông Ngô Đình Diệm: vào các năm 1973, 1974, và đầu năm 1975, ông Hồ Chí Minh (qua các lãnh-tự Đảng thừa-kế chủ-trương đường-lối của mình) đã "khen" ông Dương Văn Minh ngon-ngọt đến mức nào (Hà Nội tuyên bố chỉ nói chuyện với ông DVM mà thôi, tức là công-nhận ông này là một "nhà yêu nước") để ông Dương Văn Minh sa vào bẫy, nhận chức Tổng-Thống miền Nam trong tình-hình đã nát bét vô-phương cứu-chữa rồi, tức là giết chết ông ấy, vì đầu-hàng tức là tự-sát (thân-bại danh-liệt, chết cả về mặt tinh-thần).

c) Đối với ông Ngô Đình Diệm: ông Hồ Chí Minh biết chắc là những gì đại-sứ Ấn Độ nói với, và những gì ông này nghe từ, ông Hồ Chí Minh, đều sẽ lọt vào tai CIA (Ấn Độ trung-lập nghĩ là "đu dây" giữa cộng-sản và tư-bản, chứ không phải thuần-túy thân cộng-sản). Trong trại "cải-tạo", tôi có đọc một cuốn sách dịch từ tác-phẩm của Liên-Xô, kể thành-tích Liên Xô (chỉ một mình Liên Xô mà thôi) đánh thắng Đức Quốc-Xã, và (cũng chỉ một mình) Liên Xô lôi được Đức Quốc-Xã ra Toà-An Quốc Tế, tác-giả đã để lộ ra là hầu hết phương-tiện tổ-chức Tòa án Quốc tế, kể cả từng chiếc xe Jeep cho các sĩ-quan Liên Xô đi, từng vật-phẩm văn-phòng, v.v... đều do Hoa Kỳ cung-cấp. Trong chiến-tranh Việt-Nam cũng thế, sau 1954 với Ủy-

Hội Quốc Tế Kiểm-Soát Đình Chiến, là 1973 với Ủy-Hội Quốc-Tế Kiểm-Soát Và Giám-Sát Ngưng Bắn gồm Ba Lan, Hung Ga Ri, Iran, và Canada (sau đó thì Indonesia thay thế) cũng như Ban Liên-Hợp Quân-Sự 4-Bên rồi 2-Bên (có Cộng-Sản Bắc-Việt và MTGPMN trong đó), tất cả trụ-sở làm việc, phương-tiện di-chuyển (như tàu bay, xe hơi), tài-xế, công-nhân, thậm chí lương-thực, v.v... đều do Hoa Kỳ đài-thọ. Dĩ-nhiên tai+mắt của CIA đã được gài vào (xem hồi-ký “Cảnh Sát Hóa” của Lê Xuân Nhuận).

Ông Hồ Chí Minh lại còn công-khai gửi vào miền Nam biểu ông Ngô Đình Diệm một cành hoa đào để chúc Tết nữa! Do đó, ông Hồ mà "khen" (và làm thân với) ông Ngô là một câu hỏi mà CIA cần tìm câu trả lời.

Rốt cuộc, **ông Ngô Đình Diệm đã mắc mưu ông Hồ Chí Minh, tìm cách lén-lút liên-lạc với đối-phương**, và bị CIA biết được, nên đã đánh mất tín-nhiệm và hậu-thuần của Hoa-Kỳ, kết-quả là cái chết.

(Về phía nội-bộ Miền Nam, **chế-độ Ngô Đình Diệm đã đánh mất lòng dân, nhiều nhất là kể từ đầu thập-niên '60:**

- Cụ-thể với vụ 18 nhà chính-trị trong đó có đến 11 Tổng-Trưởng, Bộ-Trưởng của chính Đệ-Nhất Cộng-Hoà họp tại nhà hàng Caravelle ra Tuyên-Ngôn đòi ông NĐD thay-đổi chính-sách vào tháng 4-1960,
- Cuộc đảo-chính hụt ngày 11-11-1960,
- Vụ ném bom Dinh Độc-Lập đầu năm 1962,
- Rồi đến việc cấm treo cờ Phật-Giáo vào ngày lễ Phật-Đản, nổ chết người tại Đài Phát-Thanh Huế tối 8-5-1963, tổng-tấn-công chùa-chiền đêm 20-8-1963, rồi Hoà-Thượng Thích Quảng-Đức (và các vị khác) tự-thiên, Phật-Tử khắp nơi xuống đường, v.v... Chính ông bà Trần Văn Chương, Đại-Sứ tại Mỹ và Quan-Sát-Viên tại Liên-Hiệp-Quốc, là cha mẹ đẻ của bà Ngô Đình Nhu, thạc-sĩ Vũ Văn Mẫu, Ngoại-Trưởng và là cộng-sự-viên lâu năm nhất của Tổng-Thống Diệm, mà cũng quyết-liệt chống lại chế-độ họ Ngô.

Đó là những tín-hiệu, những cảnh-báo trước, **từ phía người dân Miền Nam**. Hoa-Kỳ đã **thấy rõ tính-chất độc-tài hại dân của tập-đoàn họ Ngô và tinh-thần đối-kháng của sĩ-phu và quần-chúng Việt-Nam từ lâu**, cũng như biết trước về dự-mur đảo-chính của số tướng VNCH liên-hệ từ nhiều năm qua. Thế nhưng mãi đến

tháng 9-1963 Tổng Thống Kennedy mới trả lời báo-chí rằng muốn chiến-thắng Việt-Cộng thì phải thay-đổi chính-sách và nhân-sự của chính-phủ Ngô Đình Diệm, và đại-sứ Henry Cabot Lodge mới trực-tiếp đề-nghị Tổng-Thống NĐD cải-tổ (nhưng ông Diệm vẫn không nghe theo!).

Như thế, thái độ và quyết định của Hoa Kỳ **tùy-thuộc rất nhiều vào lòng dân** Miền Nam Việt-Nam.

PHỤ LỤC 1

■ Theo ông Nguyễn Hưng Đạt

(Cựu đảng-viên cao-cấp Cộng-Sản Việt-Nam, Moscow):

"Vi Mỹ muốn đổ quân vào, nên đề thương thuyết, cụ Hồ đã thông qua Đại tá Phạm Ngọc Thảo liên hệ với cố Tổng thống Ngô Đình Diệm cho Đặc phái viên đặc biệt, Tướng Nguyễn Tài - Thứ trưởng Bộ Công An (chứ không phải Nội vụ) của chính phủ VNDCCH đến Sài Gòn. Ông Tài là em ruột nhà văn nổi tiếng Nguyễn Công Hoan. Nhân chứng Đại tá Thảo nói rõ với ông Diệm mình là người CS trước lúc môi giới thương thuyết. Tướng Huỳnh Văn Cao (trong hồi ký "Một Kiếp Ngươi") đã viết : [Trung tá Phạm Ngọc Thảo, hiện là sĩ quan của Miền Nam, diện hồi chánh, nhưng đã từng là bạn thân của Lê Duẩn, ngày đám cưới của Thảo tại Thiên Hộ Đồng Tháp thì Lê Duẩn đã đích thân đến dự. Khi tôi còn là Tư lệnh Sư Đoàn 7 kiêm Khu chiến Tiền Giang thì Thảo làm Tỉnh trưởng kiêm Tiểu Khu trưởng Kiến Hòa, người được Tổng thống Diệm tin cậy. Trong những giây phút thân tình, Thảo đã tỏ vẻ với tôi: "Nếu Đại tá Tư Lệnh muốn quen biết với ông Lê Duẩn thì tôi có thể sắp xếp được." Cho nên đã có lần tôi thưa với cụ Diệm: "Sao Cụ cứ để Trung tá Thảo làm Tỉnh trưởng Kiến Hòa lâu vậy, Cụ không sợ Thảo rù rê cháu theo Cộng Sản hay sao?" Cụ Diệm đáp lại: "Ừ, để xem đứa nào rù được đứa nào?" Lúc ấy, tôi đã hiểu là Tổng thống Diệm tin chắc không thể nào Thảo rù rê tôi được, nhưng đồng thời có nghĩa là Tổng thống Diệm biết rõ Thảo là Cộng Sản].

Ông Diệm cho ông Tài ở ngay bên cạnh mình trong Dinh Gia Long. Nhân vật mà Thiếu tướng Đỗ Mậu, Phụ trách An ninh Quân đội (thật ra là ông Cao thế Dung, một ký giả), viết trong hồi ký "*Làm Thế Nào Để Giết Một Tổng Thống*" là những nhân vật cao cấp của Chính phủ có thấy một người mang một lá cờ đỏ sao vàng nhỏ bằng con tem trên ve áo, chính là người này. Ông Nguyễn Tài bị bắt ngay

sau Đảo chính 11.1963, bị biệt giam đến cuối tháng 4.1975, may nhờ một hạ sỹ không theo lệnh chỉ huy ném lựu đạn vào xà lim. Anh này báo với Ủy ban Quân quản đến cứu con người liệt hai chân này.

Tết Việt nam 1963, thông qua Ủy hội Quốc tế, chủ tịch Hồ Chí Minh gửi mang vào tặng Tổng thống Ngô Đình Diệm một cành đào. Tiếc thay, vì không thay đổi được lập trường thoả hiệp với CS mà Mỹ giết ông Diệm. Nhà độc tài Pinochett không bị giết vì không làm điều này."

(trong bài viết "Tiểu sử của Cụ Hồ Chí Minh cần phải được xem xét lại" – BBC 05-05-2005)

■ Theo ông Ngô Kỷ (Ký-giả):

(Tháng 9 năm 1963)

... Trong thời điểm này, Mỹ bắt mẫn việc Pháp đứng làm trung gian giải quyết chiến tranh Việt Nam. Đại Sứ Pháp đến miền Nam Việt Nam thảo luận bí mật với Hồ Chí Minh và Tổng Thống Diệm qua trung gian của người Ba Lan tên Mieczyslaw Maneli, thành viên Polish Member of the International Control Commission, cơ quan này được thiết lập để quan sát Hiệp Định Genève. Trong suốt nhiều tháng, Maneli qua lại Sài Gòn - Hà Nội nhiều lần để tìm giải pháp thương thảo. Vào tháng 07 năm 1963, Bắc Việt đồng ý căn bản là lập chính phủ Liên Hiệp cầm đầu bởi Tổng thống Diệm để miền Nam trở thành trung lập. Họ muốn Mỹ phải rút quân.

(trong bài "Khui hồ sơ "Tối Mật": Mỹ chủ mưu thanh toán anh em Tổng Thống Ngô Đình Diệm")

■ Theo ông Việt Thường

(Cựu đảng-viên cao-cấp Cộng-Sản Việt-Nam):

"... Nguyễn công Tài đã dành nhiều thời gian để nghiên cứu hàng núi hồ sơ về gia đình nhà ông Ngô Đình Diệm và những người kế cận, cũng như những người đôi lập. Tài liệu cập nhật từ nhiều nguồn, nhưng **phần đóng góp của nội gián Phạm ngọc Thảo là rất quan trọng**. Làm sao phải chọn người tiếp xúc thật đúng mà lại bảo toàn bí mật. Cuối cùng, sau nhiều ngày đêm suy nghĩ, Nguyễn công Tài đã lựa nhân vật Mã Tuyên, người Tàu ở Chợ-lớn đang làm công việc kinh tài cho gia đình ông Ngô Đình Diệm.

Thông qua dịch vụ buôn bán táo bạo, Nguyễn công Tài đã tiếp xúc trực tiếp được với Mã Tuyên. Và, cái thời điểm để đưa ý kiến cho Mã Tuyên "gợi ý" với anh em ông Ngô Đình Diệm là sau tháng 2-

1962, sau cái ngày mà hai trung úy của quân đội ông Diệm là Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử ném bom dinh Độc Lập làm đảo chính. Sự việc của hai trung úy Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử tuy không thành công nhưng nó lại là lý do hợp thời để Nguyễn Công Tài làm cuộc tiếp xúc với anh em ông Diệm, Nhu thông qua thương gia người Tàu ở Chợ-lớn là Mã Tuyên. Tín hiệu có thuận lợi. Quả nhiên ông Nhu nhận sự tiếp xúc một cách thận trọng và kéo dài thời gian để mặc cả cho cái giá đi đêm. Nguyễn công Tài có nhận xét là anh em ông Diệm, Nhu tuy học ở Pháp và Mỹ về nhưng óc bài ngoại cực đoan như "Tự Đức" và cũng có mộng Việt Nam sẽ gồm cả Miên và Lào và phải là cường quốc ở châu Á.

Sự việc tin đi mỗi lại chỉ dừng ở đó. Phải cho đến lúc được phép của ông Line, Nguyễn công Tài cung cấp cho ông Nhu một số tài liệu chứng minh người Mỹ muốn lưu lại ông Diệm còn vợ chồng ông Nhu phải đi lưu vong nước ngoài, cũng như họ trước sau cũng buộc ông Diệm phải từ bỏ chế độ độc tài, gia đình trị, phải chia quyền lãnh đạo cho các đảng phái cũng như phải có chính sách bình đẳng tôn giáo. Ông Nhu chấp nhận một cuộc gặp gỡ với phái viên đặc biệt của ông Line. Có thể đây chỉ là giải pháp phòng ngừa mà cũng có thể ông Nhu muốn hiểu rõ hơn ý đồ của địch. Những điều này còn là bí ẩn đi theo ông Nhu xuống tuyến đài.

Phạm Hùng nhận những chỉ thị toàn quyền hành động từ ông Line tại phủ toàn quyền Đông Dương ở Ba-Đình (Hà-nội) và cấp tốc đi Nam bằng cả ba thứ phương tiện: thủy, bộ và hàng không.

Đầu tháng 2-1963, cuộc họp "bí mật" giữa ông Ngô Đình Nhu và Phạm Hùng diễn ra tại một địa điểm kín đáo ở quận Tánh Linh, tỉnh Bình Tuy. Trong cuộc họp này có cả Nguyễn công Tài cũng được dự. Khi chia tay, cả hai bên đều hỷ hả. Nội dung cuộc họp vẫn còn nằm trong bí mật cho đến nay.

Đầu tháng 11-1963, các tướng trong quân đội của ông Diệm làm đảo chánh thành công. Anh em ông Diệm, Nhu theo đường hầm trốn vào Chợ-lớn ở nhà Mã Tuyên. Phải chăng hai anh em ông Diệm, Nhu **định chờ người của Phạm Hùng và Nguyễn công Tài đến đón ra bưng biển?**

Người duy nhất còn lại là Nguyễn công Tài, sau này "tình cờ" làm cái việc xét căn cước, cảnh sát của miền Nam đã bắt được Nguyễn công Tài. Người Mỹ đã cho giam Nguyễn Công Tài ở Bạch Đằng (Sài-gòn), cho hưởng mọi tiện nghi vật chất rất cao và cũng được ngồi xe hơi (tất nhiên có bảo vệ) đi "tham quan" phố xá Sài-gòn.

Đến 1975, trước khi dứt phim miền Nam, Mỹ đã thả Nguyễn công Tài ra..."

■ **Theo ông Quang Phục** (ký giả, chủ nhiệm “Góp Gió”):

“Chúng tôi nhận định rằng chính gia đình ông (Ngô Đình Diệm), cụ thể là **ông bà Ngô Đình Nhu, và Đảng Cần Lao của ông ta đã làm hại ông, khi âm mưu thỏa hiệp với CS Hà Nội** từ năm 1958 khi ra lệnh cho các Tỉnh trưởng ngưng bắt các cán bộ cộng sản và thu hồi vũ khí tự động của Bảo An, Dân Vệ, thay vào đó bằng súng mousqueton và dao găm.” (Hồi ký “Công và Tội” của Nguyễn Trân, trang 269)

(trích từ cuốn “*Hãy Trả Lại Sự Thật cho Lịch Sử*” của Quang Phục Võ Văn Sáu, 2004, trang 39)

■ **Theo Trung Tướng Huỳnh Văn Cao:**

“Đọc hồi ký Một Kiếp Người của Trung tướng Huỳnh Văn Cao, tới đây thì vấn đề ông Nhu có liên hệ với CS không cần bàn cãi nữa. Cả tướng (Trần Văn) Đôn, tướng Huỳnh Văn Cao và Nha An Ninh Quân Đội của Đại tá Đỗ Mậu đều báo cáo (rằng) Đại tá Phạm Ngọc Thảo là VC nằm vùng, nhưng cả **2 ông Diệm và Nhu lẫn cha Thục vẫn cứ cố ý bảo vệ cho Thảo**. Trong hồi ký Một Kiếp Người của Huỳnh Văn Cao cho biết Đ/tá Thảo còn dám cả gan “móc nối” ông Cao (lúc còn Đại tá), đòi giới thiệu để ông Cao làm quen với Tổng bí thư Lê Duẩn. Các sĩ quan dưới quyền ông Cao rất tức giận vì biết Thảo là VC nằm vùng, đòi giết Thảo (các trang 79-80). Ông Nhu nghe Thảo báo cáo bèn dọa “Kẻ nào đụng tới Thảo (tôi) sẽ bỏ tù rục xương” (trang 90). Đồng thời, nơi trang 84, Tướng Huỳnh Văn Cao còn cho biết cả Đại tướng Harkins cũng nghi ngờ TT Diệm. Bởi vì cuộc hành quân nào của QLVNCH sắp mở ra mà báo cho Tổng Thống phủ thì VC đều biết trước! Cho thấy người Mỹ, CIA đã biết và theo dõi bám sát ông Ngô Đình Nhu từ lâu. Và người Mỹ nhiều lần đòi Tổng Thống Diệm loại trừ ông Nhu. Các tướng lãnh cũng đòi loại trừ ông Nhu nhưng ông Diệm cương quyết giữ ông Nhu!

(trích từ hồi ký “Một Kiếp Người” của tướng Huỳnh Văn Cao - theo Quang Phục trong cuốn “*Hãy Trả Lại Sự Thật cho Lịch Sử*” của Quang Phục Võ Văn Sáu, 2004, trang 30)

■ **Theo New York Times và The Washington Post**

Hồ sơ tối mật của Ngũ Giác Đài: Người Mỹ Làm Thế Nào Để

Giết Tổng Thống Việt Nam?

Ba tác giả Lan Vi, Hồng Hà và Dương Hùng đã sưu tầm, biên dịch các bài báo đăng trên 2 tờ báo kể trên, trong đó có tiết lộ về những cuộc thảo luận bí mật giữa Tổng Thống Diệm và Hà Nội đăng sau lưng người Mỹ...

(trích từ cuốn “Hãy Trả Lại Sự Thật cho Lịch Sử” của Quang Phục Võ Văn Sáu, 2004, trang 41)

■ Theo Trung Tướng Tôn Thất Đính

(Cựu Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ, Thượng Nghị Sĩ VNCH):

“Trong khi đó, Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu lại phạm vào một lỗi lầm ngoại giao to lớn là khước từ sự giúp đỡ về an ninh của Đại Sứ Mỹ Cabot Lodge, chạy vào nhà Mã Tuyên là Trung Tâm Liên Lạc xưa nay của ông Nhu với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Không phải cuộc binh biến 1-11-63 đã đưa đến cuộc thảm sát 2 ông, mà chính quyết định liều lĩnh này đã làm cho 2 ông gánh lấy thảm họa! Sao lại đi đến một trung tâm liên lạc với cộng sản mà Mỹ đã biết từ lâu rồi!”

(trích trong cuốn hồi-ký “Nghĩa Biển Tinh Sông (Hai Mươi Năm Bình Nghiệp)” của Tôn Thất Đính, trang 443)

■ Theo Luật Sư Hoàng Duy Hùng

(Nhà văn, nhà báo, nhà hoạt-động cộng-đồng tại Texas)

(Phỏng dịch:) "Các cuộc gặp họp bí mật với Cộng Sản.

Sau Đại Hội Đảng Cộng Sản Việt Nam lần thứ 15 vào năm 1959, Lê Duẩn câu kết với Lê Đức Thọ và Trần Quốc Hoàn để củng cố quyền lực ở Miền Bắc. Do đó, họ gây sức ép với Hồ Chí Minh, và kể từ năm 1965 trở đi thì quyền lực thực sự đã nằm trong tay họ. Năm 1963, Hồ đã hai lần gửi người vào tiếp xúc với Ngô Đình Nhu. Hồ muốn liên minh với chính phủ Diệm để chống lại áp lực của Duẩn. Diệm và em là Nhu cũng muốn nhân cơ hội này để chống lại áp lực của Hoa Kỳ. Ngô Đình Nhu giả vờ đi săn ở các khu rừng Tánh Linh, Khánh Hòa và Bình Long, nhưng trong thực tế là hội họp với các cán bộ cao cấp của Miền Bắc do Hồ Chí Minh phái vào. Có một lần Phạm Hùng, người mà sau năm 1975 thì được cử làm Thủ Tướng, đã mang vào trao cho Nhu những thông điệp trực tiếp của Hồ Chí Minh. Các cuộc thương thảo đã phải ngưng lại vì vài tháng sau thì Diệm và Nhu bị sát hại. Vì các cuộc họp mật này mà Hoa Kỳ đâm ra nghi ngờ Diệm và Nhu. Ngày 1-11-1963, các tướng QLVNCH phổ

biến trên đài tin tức về các cuộc gặp mặt giữa Nhu và cộng sản để mong dân chúng hậu thuẫn trong việc lật đổ chính phủ Diệm... Nhiều năm sau đó, vào ngày 1-11-2001, tờ Newsweek đã đăng tải một bài với hình của Tổng Thống Diệm, bình luận rằng Hành Pháp Kennedy vào năm 1963 đã khám phá ra rằng Diệm và Nhu là "công cụ của cộng sản" nên kết quả là họ phải lật đổ chính phủ Diệm..." (trích từ bản thảo tác phẩm "A Common Quest for Vietnam's Future - a brief of Vietnam War, the First and Second Republic of Vietnam" của Hoàng Duy Hùng)

■ **Theo ông Minh Võ** (nhà bình luận thời sự):

Ngô Đình Nhu: Hiệp thương Nam-Bắc

Đài Tiếng nói VNHN – Phòng vấn Minh Võ

Người hỏi là nhà báo Hồng Phúc Lê Hồng Long, chủ nhiệm báo Thế Giới Ngày Nay. Cuộc phỏng vấn này đã được phát thanh ngày chủ nhật 07/10/2007 trên đài phát thanh Tiếng Nói Việt Nam Hải Ngoại.

Hỏi: Trong cuộc mạn đàm giữa ông và ông Cao Xuân Vỹ đăng trên DCVOnline mới đây, ông Cao Xuân Vỹ có nói đến cuộc tiếp xúc giữa ông Ngô Đình Nhu với... Phạm Hùng, cán bộ cao cấp của Việt Cộng.

Hỏi: Về phía nhà cầm quyền miền Bắc, phản ứng của họ ra sao, và những điều kiện họ đưa ra là gì?

Đáp: Theo bà Hammer, tác giả cuốn A Death In November, thì khi ông Goburghun, đại sứ Ấn đi Hà Nội với tư cách chủ tịch Ủy Ban Kiểm Sát Đình Chiến, đến gặp ông Hồ Chí Minh thì thấy ông ta chẳng những không thấy có gì ngăn cản cuộc hiệp thương với Saigon...

Khi Maneli đến Hà Nội trình bày kế hoạch theo sự hướng dẫn của các ông Lalouette và Goburghun, thì chỉ hai ngày sau Hà Nội đã có đáp ứng: Hà Nội sẵn sàng khởi sự thương thuyết bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, bí mật hay công khai. Bộ trưởng ngoại giao Xuân Thủy, theo chỉ thị của chủ tịch và thủ tướng sẽ sẵn sàng trình lên một danh sách những hàng hóa có thể trao đổi giữa hai miền. Còn điều kiện, Hà Nội chỉ cần thấy Mỹ rút khỏi miền Nam, thì sẵn sàng bàn thảo về bất cứ vấn đề gì?

(trích từ Tài Liệu ĐÀN CHIM VIỆT – 30-10-2007)

■ **Theo Linh Mục An-Tôn Trần Văn Kiệm**

(bạn thân của Tổng Thống Ngô Đình Diệm):

"Về sau khá lâu, tôi nghe một nguồn tin nói rằng: Khi bị Hoa kì dồn ép tới đường cùng, ông Diệm có nhờ giáo sư Bửu Hội làm trung gian mở một vài cuộc hoà đàm bí mật với đại diện ông Hồ tại Tánh Linh, khiến cho một số chính khách Mỹ đã dựa vào đó mà gỡ tội cho ông Cabot Lodge, đại sứ của Tổng Thống J.F.Kennedy..."

(trích từ bản thảo cuốn hồi-ký "Có phải Hoa thịnh đôn đã đưa ông Diệm về làm Tổng thống Đệ nhất Cộng hoà Việt Nam?" của L.m. An-tôn Trần văn Kiệm)

[Nguồn: <http://lexuannhuan.tripod.com/PhanDoMi.html>]

Chương Ba

CHỨNG NHÂN LỊCH SỬ

Nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ

Trích từ phần Phụ Lục của Hội ký chính trị
“*Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*”
của Hoàng Linh Đỗ Mậu, Văn Nghệ, USA, 1993



Bạn đọc có thể đọc/nghe phiên bản **điện tử**
của tác phẩm “*Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*”
trên **9 Trang nhà** sau đây (tính đến năm 2012):

1- **Văn Tuyên** (USA)

<http://quanvan.net/index.php?view=story&subjectid=26193>

2- **Việt Nam Thư Quán** (Việt Nam)

<http://vnthuquan.net/truyen/truyen.aspx?tid=2qtqv3m3237nvnvnnnmn1n31n343tq83a3q3m3237nvn>

3- **Sách Hiếm** (USA)

<http://sachhiem.net/HOANHLINH/VNML0.php#TacgiaHLDM>

4- **Thư viện Maivoo** (Việt Nam)

<http://thuvien.maivoo.com/Lich-su-c4/VIET-NAM-Mau-Lua-Que-Huong-Toi-d4127>

5- **Lương Sơn Bạc** (Germany)

<http://luongson.de/forum/1stq.php?do=doctruyen&t=134324817>

6- **Truyện** (Việt Nam)

<http://lmvn.com/truyen/index.php?func=viewpost&id=z4ibpv4gJOaHD7c1POI3IBxWKnxOjQDc>

7- **Giao Điểm** Online (USA)

<http://www.giaodiemonline.com/2008/vnmlqht/index.htm>

8- **Chuyên Luận** Online (Australia)

http://www.chuyenluan.net/index.php?option=com_content&view=article&id=5036:y-kien-nhan-si-ve-hoi-ky-do-mau&catid=2:khaocuu&Itemid=4

9- **Thi ca Việt Nam** (Việt Nam) – Audio file. Cần AlphaBe.mp3

<http://www.facebook.com/notes/thi-ca-viet-nam/viet-nam-mau-lua-que-huong-toi-hoanh-linh-do-mau-truyen-audio/107969589262495>

LỜI PHÊ PHÁN CHẾ ĐỘ DIỆM của 100 Chứng nhân

Tăng Xuân AN • Trần Văn AN • Nguyễn Tường BÁCH • Nguyễn Văn BÌNH • Phạm Văn BÌNH • Phan Bá CẨM • Thích Tâm CHÁU • Hoàng Văn CHÍ • Từ CHUNG • Phạm Hữu CHƯƠNG • Trần Văn CHƯƠNG • Vũ Hoàng CHƯỜNG • NCD • Nguyễn Đôn DƯ • Bảo ĐẠI • Chính Đạo • Phan Quang ĐÁN • Kiên ĐẠT • Tôn Thất ĐÌNH • Trần Văn ĐÔN • Vương Văn ĐÔNG • Thường ĐỨC • Bùi Ngọc ĐƯỜNG • Thích Hộ GIÁC • Trường GIANG • Võ Văn HẢI • Huỳnh Phú HẢI • Thích Nhất HẠNH • Trần Sĩ HUÂN • Minh HUY • Nguyễn Ngọc HUY • Trần Văn HƯƠNG • Nguyễn Ngu Í • Trần Văn KHIÊM • Lê Bá KÔNG • Võ Ngọc KHUÊ • Nguyễn Cao KỶ • Lưu Kỳ LINH • Chu Bằng LĨNH • Thành Nam Nguyễn LONG • Đồ Hoa LƯ • Trần Phủ MINH • Đào Mộng NAM • Phan Nhật NAM • Trần Bình NAM • Vũ Thế NGỌC • Lý Đại NGUYỄN • Trần Nhã NGUYỄN • Hạo Nhiên Trần Thế NGŨ • Nguyễn Khắc NGŨ • Nguyễn NHO • Lê Quang OÁNH • Nguyễn Hữu PHIẾM • Lê PHỔ • Quang PHỤC • Thiên Nhất PHƯƠNG • Trần Kim QUAN • Lê QUÂN • Phạm Nam SÁCH • SÁNG Dội Miền Nam (tuần báo) • Doãn Quốc SĨ • Ngô Quốc SĨ • Lê Văn SIÊU • Trương Bảo SƠN • Lê TÁ • Trương Như TẢNG • Phạm Công TẮC • Trần Công TÂM • Từ TÂM • Nguyễn TÂN • Quách TÂN • Nguyễn THÁI • Lê Văn THÁI • Vũ Văn THÁI • Đoàn THÊM • Nguyễn Chánh THI • Nghiêm Xuân THIỆN • Nhật THỊNH • Huỳnh Sanh THÔNG • Cụ Bà Đức THỤ • Nguyễn Đình THUẦN • Nhật TIẾN • Hoàng Đồng TIỂU • TIỂU Ban Nghiên Cứu Đồng Minh (Tạp Chí Cứu Nước) • Nguyễn Hữu TRÍ • Nguyễn Thế TRUYỀN • Lê Minh TRỰC • Tôn Thất TUỆ • TỰ Do (Nhật Báo) • Dương Tấn TƯỞI • Trần TƯƠNG • Lê Văn TỶ • Bảo VÂN • VIỆT Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng • Lý Khôi VIỆT • Nguyễn Thành VINH • Nguyễn VỸ • Văn XỬA • Phan XỨNG • Huỳnh Minh Ý

PHỤ LỤC

Phần phụ lục này trích đăng lại các nhận định và phê phán của những nhân vật và tổ chức Việt Nam đã sống, chứng kiến và nhiều khi tham dự vào những biến cố tại miền Nam trong 9 năm dưới chế độ Ngô Đình Diệm.

Đáng lẽ trong tình trạng lưu vong tại nước ngoài, tác giả có thể tự cho phép mình chỉ giới hạn trong việc sưu tầm để dành những chứng liệu đầy đủ và khả tín do người ngoại quốc trình bày mà không cần tự bắt buộc khó khăn tìm kiếm những tài liệu Việt Nam hiếm hoi tại hải ngoại.

Nhưng vì nghĩ rằng chính những người Việt Nam đã sinh ra, lớn lên và sống trong giai đoạn đó để chia sẻ những hiện thực của thời đại, hoặc chính những người Việt trẻ tuổi hơn, sau thảm trạng mùa Xuân năm 1975 mà họ kinh qua, đã biết suy nghiệm chín chắn để phê phán về một giai đoạn lịch sử hiện đại... mới cảm thông sâu sắc và đánh giá trung thực hơn, nên tác giả đã quyết định sử dụng những nguồn sử liệu của chỉ người Việt để phần Phụ Lục này mang được giá trị của một Bản án Lịch Sử tổng hợp và chung quyết của Dân tộc Việt Nam về chế độ Ngô Đình Diệm.

Tổng hợp và chung quyết vì trong số những tài liệu Việt Nam thu thập được tại hải ngoại, tác giả đã chỉ tuyển chọn những nhân vật có tính cách đại diện tiêu biểu cho tiếng nói của nhân dân miền Nam hoặc biết rõ ràng về chế độ Ngô Đình Diệm.

*Họ là những **cộng sự viên thân tín của anh em ông Diệm** hay là những nhân vật nòng cốt liên hệ đến sự tồn vong của chế độ như Báo Đại, Trần Văn Chương, Võ Văn Hải, Nguyễn Thái, Đoàn Thêm, Nguyễn Đình Thuần, Lê Văn Thái... Họ là những **người làm văn học nghệ thuật** đứng trên những mâu thuẫn chính trị nhưng không đứng ngoài những âu lo chung về vận mệnh của Tổ quốc và Phúc lợi của đồng bào như Tăng Xuân An, Vũ Hoàng Chương, Doãn Quốc Sĩ, Lê Văn Siêu, Quách Tấn, Nhật Tiến, Dương Tấn Tươi, Nguyễn Vỹ...*

*Họ cũng là những **tăng sĩ Phật giáo** như Hòa Thượng Thích Tâm Châu, Thượng Tọa Thích Nhất Hạnh, hay **tu sĩ Thiên Chúa giáo** như Giám mục Nguyễn Văn Bình, Linh mục Lê Quang Oánh. Họ cũng là **sinh viên đấu tranh** như Bùi Ngọc Đường, Tôn Thất Tuệ, hay **quân nhân** như Phan Nhật Nam, Nguyễn Cao Kỳ.*

*Họ thuộc thành phần **đảng phái quốc gia** như Phan Bá Cầm,*

Phan Quang Đán, Nguyễn Ngọc Huy, Nguyễn Long hay thuộc lực lượng ký giả đấu tranh như Từ Chung, Hiếu Chân, Lê Minh Trực. Họ là thế hệ tiền chiến như Trần Văn Ân, Nguyễn Tường Bách, Nguyễn Thế Truyền, Hoàng Văn Chí, Trần Văn Hương, thế hệ trung niên như Kiên Đạt, Đinh Thạch Bích, Trần Văn Sơn, Phạm Nam Sách, hay thế hệ đang đấu tranh cho tương lai đất nước như Vũ Thế Ngọc, Ngô Quốc Sĩ, Từ Tâm, Lý Khôi Việt...

Họ là tất cả, họ là người Việt Nam. Từ những vị thế khác nhau, từ những góc cạnh khác nhau, họ đã lương thiện đồng đặc cất tiếng nói chung để tạo thành một tiếng vang vọng **NGHÌN NĂM BIA MIỆNG** ghi lại lời Tuyên án Lịch Sử của dân ta về bản chất và hành xử của chế độ Ngô Đình Diệm trong chín năm làm chủ miền Nam.

1. TẶNG XUÂN AN

- Giáo sư trường Trung học Chu Văn An Sài Gòn.
- Giám Đốc Nha Trung-Tiểu học Việt Nam.

... Vì Tổng thống Ngô Đình Diệm là người Công giáo nên hết sức nâng đỡ giáo dân và đa số người di cư lại là tín đồ Thiên Chúa giáo. Dưới thời này cũng có một số người ham danh lợi, đã bỏ Phật giáo để theo Chúa. Việc này đã làm bào huynh của ông Ngô Đình Diệm (tức Đức Cha Ngô Đình Thục) rất hài lòng, vì ông là Tổng Giám Mục Giáo phận Huế và hy vọng sẽ được Tòa Thánh La Mã tấn phong chức Hồng Y Giáo Chủ.

Vào khoảng tháng 4 âm lịch năm 1963, Tòa Thành La Mã đã cử một vị Khâm sai qua thăm Việt Nam, nhưng chẳng may lại đúng vào mùa Phật đản. Bắt đầu từ ngày mùng một tháng Tư, nhiều tỉnh miền Trung (Huế, Đà Nẵng...) đã biến thành rừng cờ Phật giáo treo cạnh lá quốc kỳ. Vì đã trót gửi lên Đức Giáo hoàng những báo cáo sai sự thật về con số tín đồ Việt Nam trở về với Chúa, nên ông Ngô Đình Thục làm áp lực để Tổng thống Ngô Đình Diệm ra lệnh cấm treo cờ Phật giáo tại các tư gia, mà chỉ được treo tại các đình chùa mà thôi.

Những thăng trầm của Phật giáo Việt Nam

Tạp chí **Phật Giáo Việt Nam**, số 24 tháng 5 năm 1980, trang 10 - Los Angeles.

2. TRẦN VĂN AN

- Kỹ sư Công Chánh
- Chiến sĩ Cách Mạng chống Thực dân Pháp thời Nhật chiếm đóng Đông Dương, bị lùng bắt, lưu vong qua Tân Gia Ba.
- Chủ nhiệm tuần báo *Đời Mới*, Sài Gòn 1947-1955.
- Chính trị gia.

...Không phải cụ Ngô giồi mà từ 1955 đến 1960 không có giặc, có nhiều người ngoài Bắc vào nói sao cụ Ngô giồi quá... đất nước bình yên quá, mấy năm đi tới đâu cũng được. Không, (Cộng Sản) nó còn lo ở ngoài Bắc, nó còn lo nhiều chuyện lắm, nó sắp xếp chuyện này chuyện kia xong rồi, khi nó thành lập xong con ngựa thành Troie ở miền Nam là Mặt Trận Giải phóng Dân Tộc đó, nó mới là khởi đầu,... cuối 59 bắt đầu 60 mới khởi sự trận giặc thứ nhì. Trận giặc thứ nhì là giặc xâm lăng của đế quốc Cộng sản để chiếm miền Nam... Phải nhớ rõ chuyện đó, luận mới được...

...Không phải mình muốn đánh dẹp ông Diệm mà mình làm cho ông Diệm đừng độc tài, vì mình không muốn đạo Chúa trị hay Kitô trị, Công giáo trị...

...Ông Diệm với tôi cũng là chỗ quen thân, ông đã quá cố... không có vấn đề tôi nói xấu ông Diệm trước vong linh của ông... Nhưng rủi cho mình đã bao nhiêu năm mất thì giờ xây dựng... lìa lạc về vấn đề mất nước... Như vậy thì các anh thấy, đáng lẽ mình đã mất nước từ năm 1965. Nếu mà Mỹ không... thì chắc năm đó đã thua rồi chứ đâu đợi đến ngày này.

Lời phát biểu (được ghi âm) trong buổi nói chuyện tại Sacramento tháng 5 năm 1985 do ông Chủ tịch Cộng Đồng, cựu Đại tá Phạm Văn Liễu và cựu Chuẩn tướng Nguyễn Văn Chức, tổ chức.

3. NGUYỄN TUỜNG BÁCH

- Bác sĩ Y khoa.
- Một trong những lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng.
- Tác giả **Việt Nam Những Ngày Lịch Sử**.

...Cuối cùng tôi có khuyên anh về sau chỉ làm việc văn nghệ, cần tránh những cuộc đấu tranh chính trị gay go. Nhưng ngờ đâu, hơn 10 năm sau anh lại bị Ngô Đình Diệm bức phải tự hủy thân mình. Ngờ đâu một người có tài kiệt xuất, có uy vọng trong quần chúng và đã chiến đấu vô tư trong cả đời mình lại gặp số phận bi

thương thế!

(Hồi tưởng về quyết định tự sát của nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam).

Việt Nam, Những ngày Lịch sử

Nguyễn Tường Bách - Nhóm Nghiên cứu Sử Địa, Montreal, Canada, 1981, trang 48.

4. NGUYỄN VĂN BÌNH, PHÊ-RÔ

- Giám mục Giáo phận Sài Gòn.

Nếu Đức cha (Ngô Đình Thục) lãnh đạo giáo phận Huế thì tôi lãnh đạo giáo phận Sài Gòn và tôi không thể để nhà thờ của tôi trở thành trung tâm hội họp chính trị.

Background To Betrayal

Hilaire Du Berrier, Mass: Western Islands, 1965.

(Đức Cha Bình trả lời Đức Cha Thục khi ông này đòi hỏi các Giám mục, Linh mục toàn quốc phải tổ chức các đội quân Công giáo tại các giáo phận).

5. PHẠM VĂN BÌNH (biệt hiệu VĂN BÌNH)

- Nhà báo.

- Chiến sĩ chống Việt Minh (1945-1946) trong Phong Trào Dân Chúng Ngũ Xã.

- Bộ trưởng Thanh Niên thời chế độ Quốc trưởng Bảo Đại.

Bác sĩ Đán cũng thành một cái đích cho dư luận phê bình, dân biểu lên án... Trước sau bác sĩ Đán vẫn im lặng không trả lời, không lên tiếng. Vốn biết bác sĩ Đán có một bản tính cao ngạo, tôi tin rằng sự im lặng đây không phải là một sự chấp nhận những lời phê bình kia một cách âm thầm hay lặng lẽ.

Nhiều người nêu ra cái thành tích khóc lóc xin Tòa ân giảm của bác sĩ Đán trong thời Ngô Đình Diệm để chứng tỏ sự thiếu khí phách của một người làm cách mạng.

Riêng phần tôi, không phải là nhân chứng của cuộc đảo chánh này, tôi không có quyền quyết đoán tư cách của bác sĩ Đán lúc bấy giờ. Nhưng lấy quá khứ làm bảo đảm, tôi nghĩ rằng tất nhiên có vài uẩn khúc bên trong.

Hồi ký Phong trào Dân Chúng Ngũ Xã

Biển số 11/11/1960. Trần Tương. Sài Gòn 1971, trang 278 và 279.

6. PHAN BÁ CẦM

- Lãnh tụ Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng (Hòa Hảo).
- Chủ tịch Hội Nhân Quyền Việt Nam (1970-1975).
- Chủ tịch Lực Lượng Dân Tộc Việt (1968-1975).
- Nhà văn, bút hiệu Vương Kim.
- Thời Pháp thuộc lưu vong tại Cao Miên để hoạt động cách mạng, thời Đệ nhất Cộng Hòa bị lưu đày ra Côn đảo.

Nguyễn Ngọc Thơ đã lừa Lê Quang Vinh (tức tướng Ba Cụt) đến thương thuyết để bắt và để cho ông Diệm xử tử. Bảo rằng Lê Quang Vinh sớm đánh tới đầu mà giết đi nhưng Lê Quang Vinh sớm đánh tới đầu với Thực Dân để có thêm vũ khí, phương tiện để đánh Tây đánh Cộng vậy thì Lê Quang Vinh công hay tội. Trong 10 năm trời (1945-1954) Lê Quang Vinh võ trang chống Cộng Sản, chống Thực Dân hỏi rằng Nguyễn Ngọc Thơ và anh em ông Diệm đã làm gì cho dân tộc, quê hương?

Trong lòng người Hòa Hảo chúng tôi luôn luôn mang ba cái tâm tang: tang Đức Thầy, tang anh Nguyễn Bảo Toàn, tang Lê Quang Vinh cho nên chúng tôi không đội trời chung với Cộng Sản, Thực Dân, Phong Kiến, Độc tài, Quân phiệt...

Lịch sử không phải chỉ biết ở các chính biến của thời cuộc mà cần phải biết tìm tòi khai sáng những yếu tố cấu tạo thời cuộc. Nếu một ngày nào đó đất nước được thanh bình, một “Tư Mã Thiên” ra đời viết lại những trang sử cho thật nghiêm minh để công ai tội ai cho rõ ràng chính xác thì nơi chín suối Đức Thầy, Nguyễn Bảo Toàn, Lê Quang Vinh sẽ được ngậm cười...

Phan Bá Cầm, một chiến sĩ cách mạng dân tộc

Nguyệt san **Khai Phóng** số 4, ngày 15/6/1981, Los Angeles, trang 15.

7. THÍCH TÂM CHÂU

- Thượng Tọa.
- Viện trưởng Viện Hóa Đạo Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (1964)

... Tôi và các Thượng Tọa trong ủy Ban Liên Phái đều bị bắt giam trong ngục tối của những người đã mất hết lương tri, mất hết tất cả những gì gọi là tín nghĩa.

Nhưng Phật tử hãy cố gắng lên để dành lại cái hư hương của

ông bà chúng ta đã bị cướp. Hãy ráng chống với những kẻ đã bắt chúng ta đập bàn thờ để thờ Chúa. Tôi có chết cũng cam chịu.

Bức thư từ trong tù

Lịch Sử Tranh Đấu PGVN, Kiềm Đạt, Phật Học, Viện Quốc Tế, Los Angeles 1981, trang 112

...Cuộc tranh đấu năm 1963, khởi nguyên từ việc cưỡng bức bỏ đạo từ mấy năm về trước. Và năm 1963, do lệnh cấm treo cờ Phật giáo mà bùng nổ. Bùng nổ ngày 8/5/1963 tại Huế và ngày 9/5/1963 đã đưa vào Sài Gòn.

...Sau gần một tháng, nguyện vọng tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo không được Chính phủ đương thời thỏa đáng, cuộc tranh đấu tại Huế mỗi ngày một gia tăng, chùa Từ Đàm (trung tâm tranh đấu) bị bao vây, không điện, nước, lương thực suốt trong 7 ngày. Trong tình trạng khẩn trương này, Thượng Tọa Thích Quảng Đức quyết liệt đòi Ủy Ban Liên Phái chấp nhận sự tự thiêu của Ngài để cứu nguy chùa Từ Đàm (Huế), nếu Ủy Ban Liên Phái không chấp nhận, Ngài vẫn tự lực làm lấy theo thệ nguyện của Ngài. Bất đắc dĩ Ủy Ban phải chấp thuận và được sự trợ lực cho thệ nguyện của Ngài là thầy Thích Đức Nghiệp.

...Với sự hy sinh cao cả vì đạo pháp của Ngài Quảng Đức cũng như của những vị tử đạo khác, chỉ tự bản thân, chủ trương và sáng kiến của các ngài mới làm nên nổi sự nghiệp ấy, ngoài ra không ai có thể cưỡng ép các Ngài làm được việc ấy!

Thế mà ngay sau khi Ngài tự thiêu có người, có kẻ có quyền lực đương thời cho rằng ngài bị chích thuốc mê và nường sống. Và sau 20 năm của ngày Phật giáo tranh đấu, có một số người đeo cặp kính màu chính trị đối nghịch đã giàu óc tưởng tượng phóng ra những bài, những lời hay những cuốn tiểu thuyết cho Hòa thượng Quảng Đức là cán bộ Cộng Sản nằm vùng, bị cưỡng bức tự thiêu... Thực là một sự tráo lòng không tưởng tượng được! Chứng nhân của lịch sử còn nhiều người còn sống mà đã bị xuyên tạc, không hiểu tương lai xa nữa, sự thực của lịch sử Phật giáo cũng như của quốc gia Việt Nam sẽ bị biến thể như thế nào!

Cuộc Tự Thiêu Lịch Sử

Nguyệt san Chân Hưng, số 5 tháng 1/1986, Los Angeles, Hoa Kỳ.

8. HOÀNG VĂN CHÍ

- Năm 1926: Tham gia cuộc bãi khóa toàn quốc.

- Năm 1936: Tham gia Phong Trào “Le Travail”.
- Năm 1946: Tham gia kháng chiến chống Pháp.
- Năm 1954: Được ông Hồ Chí Minh tuyên dương công trạng toàn quốc, di cư vào Nam năm 1954, làm việc ở Bộ Ngoại Giao.
- Năm 1959: Từ chức đi ngoại quốc để “có dịp nói lên sự thực của 2 chế độ Hồ Chí Minh và Ngô Đình Diệm”.
- Tác giả cuốn sách nổi tiếng **Từ Thực Dân Đến Cộng Sản** đã được dịch ra nhiều thứ tiếng: Anh, Pháp, Nhật, Y Pha Nho, Đại Hàn, Thái... và **Duy Văn Sử Quan** một công trình nghiên cứu công phu được xuất bản tại hải ngoại.

...Ở Việt Nam , nguyên nhân chính (gây nên cách mạng) là lòng dân khao khát muốn diệt trừ quan lại tham nhũng và cường hào ác bá. Theo sự suy xét của người thường dân Việt Nam thì cách mạng là đấu tranh giữa “liêm” và “vô liêm”, giữa “chính” và “bất chính”, còn vấn đề chủ nghĩa mà sau này Cộng Sản gài thêm vào chỉ là yếu tố phụ. Cứ xét theo điểm này, cũng đủ biết viên cựu Hoàng đế Bảo Đại cũng như viên cựu quan lại Ngô Đình Diệm không tài nào địch nổi Hồ Chí Minh...

...Sau chót là ông Ngô Đình Diệm, nhờ áp lực của Mỹ mà cầm quyền ở miền Nam Việt Nam từ 1954 đến 1963. Ông Diệm và ông Hồ khác nhau về mọi mặt. Trong lúc ông Hồ từ bỏ gia đình từ hồi thanh niên thì trái lại, ông Diệm lúc nào cũng đùm bọc anh em và họ hàng thân thích, giao cho họ quyền cao chức trọng trong Chính phủ và trong quân đội. Trong khi ông Hồ chuyên trò thân mật với thợ thuyền và dân quê thì ông Diệm ngồi bành chọe trên chiếc ghế mạ vàng thờ chân cho các tù trưởng dân tộc thiểu số hứng lấy để rửa, in hệt vua chúa thuở xưa nhận lễ quy thuận của người Thượng.

Từ Thực Dân đến Cộng Sản

Hoàng Văn Chí-Tokyo 1980, trang 58 và 59

Mỹ can thiệp đưa ông Ngô Đình Diệm về làm Thủ tướng. Ông Ngô Đình Diệm không có Nho học nhưng có ít nhiều tư cách nhà Nho: cương trực, liêm chính và có kinh nghiệm về hành chánh vì ông đã từng làm Tuần phủ trong nhiều năm. Nhưng ông có ba khuyết điểm rất lớn:

1. Ông không lập gia đình nên không có kinh nghiệm tề gia, mà theo sách Đại học của Khổng giáo thì phải biết Tề Gia thì mới Trị Quốc được. Đúng như vậy, vì không có vợ nên ông để bà em dâu

lộ hành, phá hỏng công việc trị quốc gia của ông.

2. Xuất thân trong một gia đình quan lại, ba đòi làm tôi nhà Nguyễn ông không hiểu tự do dân chủ là gì cả. Ông truất phế Bảo Đại, rồi ngang nhiên cướp đoạt chức vị Quốc trưởng của Bảo Đại, chỉ trưng cầu dân ý, hỏi dân “Muốn Bảo Đại”, hay “Muốn Ngô Đình Diệm”, không tổ chức bầu cử Tổng thống và không cho một người thứ hai ra tranh cử với mình.

3. Cũng như Trần Trọng Kim, ông không có đảng phái, không có cán bộ. Đến giờ thứ 23, ông mới tìm được người cộng tác và những người ông thu thập được, phần lớn là những phường giá áo túi com, một số là cặn bã của xã hội.

Văn Hóa Giao Lưu

Nguyệt san **Độc Lập** số 8, năm thứ 8 (8/84)

Stuttgart, Tây Đức.

Nghĩ lại, nếu ông Diệm không kỳ thị người Miên, không khinh Sihanouk, không sai Ngô Trọng Hiếu sang tổ chức mưu hại Sihanouk, nếu ông Diệm biết Campuchia và Việt Nam quan trọng với nhau như môi với răng, biết khéo léo ngoại giao thì chắc chắn Sihanouk không nổi khùng mở cửa cho Việt Cộng đặt căn cứ trong nội địa Miên, và tình hình chiến tranh có lẽ đã khác hẳn. Đành rằng Sihanouk làm như vậy là dại vì hậu quả cũng mất nước với Cộng Sản, nhưng ông Diệm và quan thầy Mỹ cũng chẳng khôn hơn.

...Lại còn kỳ thị người Thượng, khinh họ thì làm sao đoàn kết được với tổ chức **FULRO** để chống kẻ thù chung?

Nguyệt san **Dân Quyền** số 98/99 trang 53, tháng 5, 1986, Canada.

(Đăng lại trên tác phẩm **Duy Văn Sử Quan**, Tr.96)

9. TỪ CHUNG

- Ký giả, Tổng thư ký Nhật báo *Chính Luận*, Sài Gòn.

- Bị Cộng Sản ám sát năm 1966.

HIẾU CHẤN (Tên thật là **NGUYỄN HOẠT**)

- Ký giả, nhà văn, biên tập viên Nhật báo *Tự Do*, Sài Gòn.

- Tác giả *Trăng Nước Đồng Nai* và dịch giả bộ *Liêu Trai Chí Dị*.

CHU TỬ (tên thật là **CHU VĂN BÌNH**)

- Cử nhân Luật khoa, Ký giả, nhà văn.

- Tác giả nhiều tiểu thuyết hiện đại.

- Chủ nhiệm Nhật báo *Sống*, Tuần báo *Đời*.

- Tử nạn trên biển trên đường tìm tự do sau biến cố tháng 4 năm 1975.

*Mang danh là những người cầm bút chiến đấu cho Tự Do, Dân Chủ, giải phóng con người vậy mà trong thời gian vừa qua, vì cơm áo, khiếp nhược, đốn hèn, chúng ta đã **nhắm mắt ăn đờ, đánh đĩ tâm hồn, phản bội sự thật, phản bội dân tộc, cam tâm làm gia nô cho bè lũ họ Ngô**. Dù chúng ta có viện bất cứ lẽ gì để bào chữa, chúng ta cũng không thể chối cãi được tội lỗi của chúng ta đối với đồng bào, lịch sử...*

Cách mạng 1/11/1963 là cơ hội duy nhất để chúng ta thoát khỏi cảnh huống bồi bút phi cầm phi thủ, cơ hội duy nhất để chúng ta trở lại làm người đã tới... Chúng tôi khẩn thiết kêu gọi văn nghệ sĩ, bằng máu và nước mắt, mồ hôi mà trong chín năm qua bè lũ họ Ngô đã làm hoen ó...

Hiệu triệu các nhà văn, nhà báo

Nhật báo **Ngôn Luận**, ngày 4/11/1963, Sài Gòn.

10. PHẠM HỮU CHƯƠNG

- Bác sỹ Y Khoa

- Bộ trưởng Bộ Xã Hội đầu tiên của Chính phủ Ngô Đình Diệm.

*“Sau 1954, tuy Việt Minh đã phản bội các anh em đã hy sinh cho tổ quốc, song Chính phủ Sài Gòn không làm gì để khích lệ nhân dân. Ông Ngô Đình Diệm (bản thân trong sạch, song) **đã bị sai lầm vì gia đình trị**, vì gia nô ton hót. Người người đều ngao ngán mà xa lánh”.*

Đặt lại vấn đề chống Cộng

Tập san Quốc Phòng số 19, Sài Gòn tháng 1/1972, trang 26.

11. TRẦN VĂN CHƯƠNG

- Thân phụ của bà Ngô Đình Nhu (Trần Thị Lệ Xuân).

- Tốt nghiệp Đại học Luật khoa Paris.

- Hội viên Đại Hội Đồng Kinh Tế Tài Chánh Đông Dương (1938).

- Tổng trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Trần Trọng Kim (1945).

- Quốc vụ khanh Chính phủ Ngô Đình Diệm (1954).

- Đại sứ VNCH tại Hoa Thịnh Đốn (từ 1955).

- Bị Chính phủ Ngô Đình Diệm chấm dứt nhiệm vụ Đại sứ tháng 8 năm 1963 khi ông đưa ra lời tuyên bố phản kháng chính sách kỳ thị Phật giáo của chế độ Diệm.

“Tôi đã hết sức khuyến can Chính phủ của chúng tôi để chấp nhận những chính sách dân chủ và ôn hòa hơn. Cuối cùng **tôi không thể làm gì khác hơn là phải từ chức**”.

Quotations VietNam: 1945-1970

Williams Effros, Random House, NY 1970 trang 138.

(Lời tuyên bố với báo chí Hoa Kỳ tại Washington DC ngày 22/8/1963)

12. VŨ HOÀNG CHƯƠNG

- Thi sĩ

- Giáo sư Đại học Văn khoa Sài Gòn và Viện Đại học Vạn Hạnh.

- Tác giả các tập thơ Say, Mây, Rừng Phong, Tâm Sự Kê Sang Tần...

LỬA TỪ BI

Lửa! Lửa cháy ngất Tòa Sen!

Tám chín phương nhục thể trần tâm hiện thành thơ, quỳ cả xuống

Hai vàng sáng rưng rưng

Đông Tây nhòe lệ ngọc

Chấp tay đón một Mặt Trời mới mọc

Ảnh Đạo Vàng phơi phới đang bùng lên dâng lên

Ôi, đích thực hôm nay Trời có Mặt

Giờ là giờ Hoàng Đạo nguy nga

Muôn vạn khối sân si vừa mở mắt

Nhìn nhau: Tình huynh đệ bao la

Nam Mô Đức Phật Di Đà

Sông Hằng kia bờ đầu mà cát bay?

Thương chúng sanh trầm luân bể khổ

Người sẽ phăng đêm tối đất đây

Bước ra, ngôi nhập định hướng về Tây

Gọi hết lửa vào xương da bỏ ngõ

Phật Pháp chẳng rời tay...

Sáu ngả luân hồi đầu đố

Mang mang cùng nín thở

Tiếng nấc lên ngừng nhịp Bánh Xe Quay

Không khí vụn mình theo khóc òa lên

Người siêu thăng-Giông bão lắng từ đây

Bóng người vượt chín tầng mây

Nhân gian mát rọi bóng cây Bồ Đề

*Ngọc hay đá tượng chẳng cần ai tạc
Lụa hay tre nào khiến bút ai ghi
Chỗ người ngồi: một Thiên thu Tuyết tác
Trong vô hình sáng chói nét từ bi
Rồi đây... rồi mai sau... còn chi
Ngọc đá cũng thành tro lụa tre dần mục
Vời thời gian lê vết máu qua đi...
- Còn mãi chứ? Còn Trái Tim Bồ Tát
Gội hào quang xuống tận ngục A tỳ
Ôi ngọn lửa Huyền Vi
Thế giới ba ngàn, phút giây ngơ ngác
Từ cõi Vô minh
Hương về Cực lạc
Vần điệu của thi nhân chỉ còn là rom
Và chỉ nguyện được là rom rác
Thơ cháy lên theo với lời Kinh
Tụng cho nhân loại hòa bình
Trước sau bền vững tình huynh đệ này
Thôn thức nghe lòng Trái đất
Mong thành Quả phúc về Cây.
Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật!
Đồng loại chúng con nắm tay nhau tràn nước mắt
Tình thương hiện Tháp chín tầng xây.*

(Sáng tác để tưởng niệm và vinh danh của cuộc tự thiêu cao cả vì Dân tộc và Đạo Pháp của Hòa thượng Thích Quảng Đức năm 1963)

13. N.C.D

...Suốt từ 1949 đến 1954, cựu Hoàng Bảo Đại trong ván cờ ông chơi với Pháp luôn luôn trong tình cảnh cô độc.

Các nhân sĩ ít nhiều có những thành tích đấu tranh cách mạng, có danh là những người yêu nước thì hầu như tất cả đều “chùm chân”, **không nhìn ra nhu cầu phải tiếp tay hy sinh với Bảo Đại** cho cái quốc gia hoang sinh ấy có nhiều thực chất quốc gia đúng cái nghĩa truyền thống lịch sử của nó. Một phần thái độ tiêu cực này cũng bởi Pháp ngăn chặn, nhưng một phần lớn cũng bởi các vị ấy chưa phải là những người lão luyện về chính trị, tinh thần hy sinh chưa đạt đến chỗ vô ngã. Trong suốt 5 năm dằng co thay đổi cả chục lần Thủ tướng mà chỉ có ba người tương đối là cựu hoàng có quyền chọn lựa: Người thứ nhất chính là cựu hoàng. Ông tự kiêm nhiệm sau

khi đuổi Nguyễn Văn Xuân, nhưng cô độc, không đương đầu nổi với sức mạnh của Pháp, ông đành lui bước chỉ giữ quyền pháp lý tối cao mà thôi. Người thứ hai ông mời ra là Nguyễn Phan Long, đây là một nhà báo có lòng dạ ngay thẳng, nhưng chưa đủ mưu trí để đối phó với áp lực của Pháp. Ông này cầm quyền được vài ba tháng, bị Pháp du vào thế bẽ tắc phải rút lui. Và người cuối cùng trước khi Ngô Đình Diệm là hoàng thân Bửu Lộc. Ông này cũng là người thanh sạch, nhiều thiện chí lại ra cầm quyền vào lúc mà thế lực Pháp ở Việt Nam đã quá suy yếu, đã đòi được Pháp trao trả những quyền thực tế cùng các cơ sở của một quốc gia thực sự độc lập. Nhưng thế cờ Việt-Pháp tay ba: Pháp, Bảo Đại, Hồ Chí Minh đến chiến dịch Điện Biên Phủ đã chuyển thành một thế cờ Đông Dương, quốc tế phức tạp hơn. (Hai phe quốc tế đang xé Đông Dương, chủ chốt là Việt Nam, mỗi bên sử dụng nhân sự bán xứ để thi hành những chủ đích của mình cùng những sắp đặt với nhau). Kẻ mà cựu hoàng phải đối phó để nắm giữ “đứa con tư thông” không còn là Pháp nữa, mà là Mỹ. Ông hoàng thân Bửu Lộc phải rút lui và cựu hoàng phải tiếp nhận người của Mỹ: Ngô Đình Diệm. (Thật ra Ngô Đình Diệm là người của Vatican giới thiệu cho Mỹ để Mỹ thi hành sách lược lấy Gia-tô giáo chống Cộng. Tức là sử dụng tín ngưỡng hữu thần (Chúa) chống tín ngưỡng vô thần-đảng Cộng Sản)...

Quốc gia hay Quốc gian

Nguyệt san Dân Quyền số 86, tháng 4/1985
Montréal, Canada

14. NGUYỄN ĐÔN DƯ (QUỖ ƯU)

- Nhân sĩ, thi sĩ tinh Thừa Thiên

CHÁY NHÀ RA MẶT CHUỘT

Đục khoét xưa rày núp ở đâu?

Cháy nhà thấy chuột chạy lao nhao

Dương oai bà Hỏa vừa lên mái

Khiếp vía ông Thiên vội ló đầu

Rường cột rã rời phơi mặt địa

Cổng chùy quay quắt chống hàm râu

Tai bay vạ gió đà ra rứa

Chĩnh nếp dòm vô đã sạch làu.

Cháy nhà ra mặt chuột

Tinh thần trào phúng trong thi ca xứ Huế,

Hoàng Trọng Thuộc, Sài Gòn 1973 trang 272.

(Bài thơ trên ám chỉ việc dinh Độc Lập dưới chế độ Ngô Đình Diệm bị 2 phi công Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử oanh tạc vào tháng 2 năm 1962).

15. BẢO ĐẠI

- Vị vua cuối cùng của triều Nguyễn
- Tối cao Cố vấn Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, tức Chính phủ Hồ Chí Minh (1945-1946).
- Quốc trưởng Việt Nam (1948-1955).
- Tác giả **Le Dragon d’Annam**.

...Do đó, tất cả các mục tiêu của Ngô Đình Diệm, từ những nỗ lực cải cách điền địa đến việc thành lập các Ấp Chiến Lược không những đều dẫn đến thất bại mà còn tiếp sức cho hoạt động khuynh đảo và du kích của Cộng Sản.

Vì thế mà ngày 20 tháng Chạp năm 1960 Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam ra đời. Mặc dù quân đội VNCH đã có đến 150 ngàn người được Mỹ trang bị hơn hẳn quân đội của MTGPMN mà càng ngày người ta càng nhận thấy chính quyền miền Nam bất lực.

*...Cũng cần phải nói lại. Bây giờ thì có Ngô Đình Diệm. Chính tôi đã tìm ông ta khi ông ta còn nghiên cứu về giáo lý (Thiên Chúa giáo) và được giao cho cầm quyền. Nhưng than ôi! Chẳng bao lâu, dưới quyền hành của ông ta, nước **Việt Nam trở thành một quốc gia do một thiểu số cai trị (oligarchique)**. Diệm bị những phân tử xấu bao vây, gia đình ông ta làm hại ông ta.*

Le Dragon D’Annam

Bảo Đại, Paris 1980 trang 348 và 351.

16. PHAN QUANG ĐÁN

- Bác sĩ Y khoa
- Chiến sĩ cách mạng, lãnh tụ Phong trào Ngũ Xã tại Hà Nội năm 1945-1946 chống Việt Minh.
- Bộ trưởng Bộ Thông tin Tuyên truyền Chính phủ Quốc gia Lâm thời năm 1948, chỉ 3 tháng rồi từ chức.
- Theo học chính trị học tại Đại học Harvard Hoa Kỳ cho đến 1954 thì về nước.
- Đảng trưởng Đảng Cộng Hòa. Tham gia cuộc đảo chánh Nhảy Dù 11/11/1960, bị bắt đày ra Côn đảo.

- Phó Thủ tướng đặc trách Xã hội thời Đệ Nhị Cộng Hòa Việt Nam.

Tôi là một người có chút học vấn, cũng gọi là giao du rộng rãi, vốn là quen biết với Tổng thống (Diệm) từ lâu mà còn gặp nhiều điều oan trái, nhiều điều bất công trắng trợn như vậy thì thử hỏi người dân thấp cổ bé miệng hơn còn bị chà đạp như thế nào.

Biển cổ 11/11/1960

(Lời khai trước Tòa án Quân sự Đặc biệt Sài Gòn năm 1963, nhân Tòa xử vụ đảo chánh của Nhảy Dù).

17. CHÍNH ĐẠO

- Tiên sĩ Sử học, Luật học
- Sĩ quan Pháo Binh trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, cũng từng phục vụ trong nhiều binh chủng, kể cả Nhảy Dù.
- Nhà văn với hơn 20 tác phẩm được ký dưới bút hiệu Nguyên Vũ.
- Điều hành cơ sở Xuất Bản và Phát Hành Văn Hóa.

Hành động ve vãn [flirtation] CS của anh em Diệm-Nhu, và như thế phản bội lại đa số dân chúng miền Nam, chỉ được đồn đãi từ năm 1962 ở Sài Gòn, và được bạch hóa sau ngày các Tướng làm đảo chính giết chết họ Ngô năm 1963. Yếu tố phiến Cộng này mới thực sự mang lại sự sụp đổ của Đệ Nhất CH (1956-1963), mà không phải cuộc tranh đấu của Phật giáo, hay cái gọi là bảo vệ chủ quyền quốc gia, quốc thể, nền độc lập như nhiều người tưởng nghĩ.

Trong công điện gửi về Oat-shinh-tân ngày 31/8/1963 để báo tin hoãn lại cuộc đảo chính dự trù vào hôm sau, ngày 1/9, ĐS Lodge ghi thêm chi tiết: Cố vấn Nhu đang bí mật tiếp xúc với CSBV qua trung gian hai ĐS Pháp và Poland [Ba Lan], vì hai chính phủ này muốn một giải pháp VN trung lập. Ngay trong ngày 31/8, Hội Đồng ANQG Mỹ đã thảo luận về việc này. Hilsman tuyên bố đã có trong tay một công điện chứng tỏ Nhu liên lạc với VC qua trung gian Pháp, và đang vận động trục xuất các cố vấn cấp tinh. Cựu ĐS Nolting, có mặt trong buổi họp, bào chữa cho Nhu là Nhu sẽ không chịu chấp nhận mọi điều kiện của HCM. Tuy nhiên, hột xúc xác đã được gieo xuống.

Cơ sở thành lập chế độ miền Nam sau Hiệp định Geneva (20-21/7/1954) là lập trường chống Cộng. Sở dĩ người Mỹ đổ bao tiền của, vũ khí và nhân vật lực vào miền Nam từ năm 1950 cũng chỉ nhằm mục tiêu chiến lược duy trì một tiền đồn chống Cộng của thế giới tự do. Bởi thế, từ giữa tháng 7/1955, họ Ngô được toàn quyền Tổ

Cộng, Diệt Cộng, bắt giết và bắt giữ hàng chục ngàn người tình nghi. Chỉ cần liên hệ hay phổ biến tài liệu CS đã là một hình tội, được qui định rõ ràng trong luật pháp cũng như sinh hoạt hàng ngày ở miền Nam. Chính quyền NDD ngày đêm ra rả lập trường chống Cộng. Viên chức chế độ mang công sắt, súng đạn và máy chém đến khắp hang cùng ngõ hẻm, làng xóm, thôn bản phía Nam vĩ tuyến 17 để tiêu diệt phiến Cộng, tội danh chính thức của các cán bộ CS hoặc những người tình nghi. Các trại cải huấn chật ních cán bộ CS, kể cả những cán bộ cao cấp của tổ chức trí vận Sài Gòn-Gia Định như Dược sĩ Phạm Thị Yên, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Bùi Thị Nga (vợ Huỳnh Tấn Phát, Tổng thư ký MT/DTGPMN), v.. v...

Nhưng ai ngờ chính anh em Diệm-Nhu, người đang được Mỹ ủng hộ và trao phó trách nhiệm chống và Diệt Cộng, từ đầu năm 1963 đã trở thành, âm mưu trở thành, hoặc bị Mỹ tình nghi là, **phiến Cộng nằm vùng hàng đầu trong Dinh Gia Long**, và như thế **đáng bị tử hình theo Sắc Luật 10/59 do chính NDD ban hành**.

Khó kết luận thực chẳng anh em Diệm-Nhu muốn bắt tay với Hà Nội, hay chỉ muốn đánh một canh bạc với Mỹ. Ngày 30/9/1963, Phụ tá đặc biệt Thứ trưởng đặc trách Chính trị vụ Bộ NG là Sullivan báo cáo rằng XLTV ĐS Pháp, Canada và India đều tỏ ý nghi ngờ về thực chất của những tin đồn quanh mối giao dịch HCM-NDD. Tuy nhiên, tất cả nhấn mạnh rằng mối giao dịch đó có thể xảy ra trong tương lai. XLTV ĐS Pháp [Perruche] cho rằng có thể xảy ra trong vòng ba, bốn tháng.....

Trong công điện gửi lên TT Lyndon B. Johnson ngày 1/1/1964, Lodge cho rằng Kennedy chưa được ca ngợi đúng mức về việc ngăn chặn khuynh hướng tàn hại ở VN: **Nếu trong mùa Hè và Thu 1963, Kennedy không kịp thời ngăn chặn, tình thế ở miền Nam đã dẫn đến đại họa**. Lời chứng của Lodge trước Ủy Ban NG Thượng viện ngày 30/6/1964, còn đi thẳng vào vấn đề hơn: **Mùa Thu [1963] vừa rồi, nếu chính phủ NDD không bị dứt điểm và tồn tại thêm khoảng một tháng nữa, tôi nghĩ chúng ta đã thấy CS cướp chính quyền**. Tội nghi yếu tố này rất quan trọng.

Lodge, tưởng cần nhấn mạnh, được Kennedy giao cho đặc quyền hành xử ở Sài Gòn. Bởi thế, dù Lodge có bất mãn về những trò khiêu khích của vợ chồng Nhu hay chẳng, việc ve vãn CS của NDD-Nhu, giống như hành động của Raymond Khánh vào cuối năm 1964, đầu năm 1965, là chiếc đinh cuối cùng đóng lên nắp quan tài chế độ **Đệ Nhất CH**.

Những lời cáo buộc các Tướng cầm đầu cuộc đảo chính 1/11/1963 là sát nhân mà Lệ Xuân rên rỉ, hay âm thầm nguyên rủa trong vùng bóng tối lạnh lẽo của kiếp lưu vong tại Paris, chỉ là dư hưởng của cơn điên cuồng tập thể của một gia đình cai trị đã bị ném xuống mặt đất sau cuộc tế lễ chống Cộng. Hai viên đạn bắn vào gáy anh em Diệm-Nhu, cuộc hành hình Cần vào tháng 5/1964, hay cảnh chết già trong điên loạn, bị rút phép thông công của TGM Thực hai mươi năm sau ở Missouri, dù có khiến trạnh lòng trắc ẩn của người Việt, một dân tộc đầy lòng độ lượng và khoan hồng, nhưng chính thực là những bản án xứng đáng cho tội bội phản và âm mưu bội phản của họ Ngô.

Trích đoạn từ Kết Từ của bài **“Phiến Cộng” Trong Dinh Gia Long**, Houston, 12/8/2003 - Sài Gòn, 4/2005

18. KIÊM ĐẠT

- Giáo sư trường Quốc học Huế.
- Nhà văn, nhà báo, nhà thơ.
- Tác giả **Lịch Sử Tranh Đấu Phật Giáo Việt Nam** và các tác phẩm biên khảo khác.

Thủ đoạn chính:

Những hành động của gia đình Ngô Đình Diệm chủ mưu nhắm vào các mục tiêu:

1. *Cô lập chùa chiền cốt để làm giảm khí thế đấu tranh, ngăn chặn các cuộc biểu tình, cầu nguyện, tuyệt thực.*
2. *Khủng bố tinh thần và cuộc sống hàng ngày của các tăng ni, làm gián đoạn cuộc đấu tranh.*
3. *Phân hóa tinh thần dân chúng, phao vu những tin đồn nhảm, cho rằng “có Cộng Sản trong hàng ngũ” để dễ bề khống chế. Nhưng thực tế vẫn xảy ra hoàn toàn trái ngược. Càng tấn công, phá hoại, đàn áp dã man bao nhiêu, thì trái lại dân chúng lại lẫn mình vào cuộc đấu tranh hăng báy nhiều”.*

Lịch Sử Tranh Đấu PGVN

Kiểm Đạt, Los Angeles 1981, trang 89.

19. TÔN THẤT ĐÍNH

- Trung tướng, Quân đội Việt Nam Cộng Hòa.
- Cựu Nghị sĩ Đệ Nhị Cộng Hòa.

Tổng thống Diệm bị lật đổ là do hậu quả của sự phản bội của

hai ông Diệm-Nhu đã âm mưu thương thuyết với Hà Nội và sự thương thuyết ấy là do Đại sứ Ba Lan làm trung gian.

Lời tuyên bố sau cuộc Cách Mạng 1/11/63

War of The Vanquished, Mieczylaw Maneli, New York Harper Row 1971, trang 112.

20. TRẦN VĂN ĐÓN

- Trung tướng Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa.

- Giám đốc An Ninh Quân Đội và Tham mưu trưởng Quân Đội Quốc Gia (thời vua Bảo Đại).

- Tư lệnh quân đoàn I, Quyền Tham Mưu trưởng Quân đội (thời Đệ Nhất Cộng Hòa).

- Tổng trưởng Quốc Phòng, Nghị sĩ Quốc hội (thời Đệ Nhị Cộng Hòa).

...Hình như Diệm và Nhu chỉ đồng ý điếm bắt di dịch là ngăn triệt sự xâm nhập của Cộng Sản. Họ chủ trương bắt bỏ độc đoán, dầy ải vào các trại tập trung vô thời hạn và không được tòa án xét xử và ám sát những thành phần dân chúng mà họ nghi ngờ là thân Cộng. Các vụ lũng bắt và tra tấn theo kiểu quân xung phong Đức Quốc Xã bị nghe than phiền khắp mọi nơi. Tại miền Trung, những phương pháp khủng bố tàn bạo nhất được sử dụng theo chỉ thị và khuyến khích của Ngô Đình Cẩn. Chỉ cần bị tình nghi là Cộng Sản hay có cảm tình với Cộng Sản là sẽ biết được những biện pháp tàn bạo của Cẩn và đồng bọn. Ngoài ra, chính sách khủng bố cũng được đối xử cho những ai chỉ là đối lập với chế độ như các lãnh tụ hay phát ngôn viên của các đảng phái quốc gia hoặc đối với những cá nhân chống lại chính sách khủng bố, tra tấn cán bộ chính quyền. Nhiều phần tử quốc gia chân chính có đường lối chống Cộng khôn ngoan đã chạy theo Mặt Trận Giải Phóng vì cho rằng Mặt Trận còn ít tàn bạo hơn. Tại những vùng xa xôi, cán bộ của chính quyền đã có những lạm dụng khủng khiếp bằng cách hoàn toàn ngụy tạo ra những tội ác để gán cho kẻ thù của họ. Nhu và Cẩn chỉ huy những ban Mật Vụ đặc trách những vụ đàn áp khủng bố khắp nơi.

Một chứng cứ rõ rệt về chính sách bắt bớ, tra tấn độc đoán là hành động đối xử với một nhân vật quốc gia tên tuổi là ông Phan Khắc Sửu, vị Quốc trưởng của năm 1964. Sau khi chế độ Diệm bị lật đổ ông Sửu được chúng tôi giải thoát đã kể lại một câu chuyện hết sức rùng rợn.

Mặc dù ông ta không liên hệ gì đến cuộc đảo chánh của Nhảy

Dù năm 1960, ông ta vẫn bị Mật Vụ đến bắt vào đêm tối rồi đem giam vào một cái hầm đào sâu dưới đất tại Sở Thú, cái hầm vừa nóng vừa ẩm ướt mà lại không có không khí. Sau đó, ông được chuyển đến một trại giam khác nhưng vẫn thường bị tra tấn. Họ đã sử dụng kiểu tra xưa cũ của Tàu là kiểu “đổ nước” bằng cách trối tội nhân lại rồi cho từng giọt nước rót xuống đầu làm cho ông Sửu cảm thấy như điên cuồng. Chân của ông ta bị tê bại phải chữa trị một thời gian khá lâu vào năm 1964 sau khi được giải thoát.

Một người khác là ông Nguyễn Ngọc Yển, chủ khách sạn Morin (Huế), bị bắt vì bị tố cáo là thân Pháp. Đây chỉ là một thủ đoạn để Chính phủ (Diệm) có thể chiếm hữu ngôi khách sạn của ông Yển. Hiển nhiên là trong lúc ông Yển ngồi trong lao tù họ đã có những cung cách buộc ông Yển bán với giá thật thấp ngôi khách sạn của ông ta cho đảng Cần Lao để sau đó họ bán lại cho Chính phủ.

Our Endless War

Hoa Kỳ 1978 trang 66, 67.

(Mấy tháng sau khi được trả tự do, ông Yển chết vì biến chứng của những cuộc tra tấn. Những nạn nhân của ông Ngô Đình Cần như trường hợp của ông Yển hiện sống tại Hoa Kỳ là các ông Bửu Bang, Nguyễn Văn Quế, Lê Trình, v.v...).

21. VƯƠNG VĂN ĐÔNG

- Trung tá Quân Đội VNCH, Binh chủng Nhảy Dù.

- Lãnh tụ cuộc đảo chánh ngày 11-11-1960.

...Tôi không hề nghĩ đến việc giải tán Chính phủ này hay thành lập Chính phủ khác. Tôi cũng không bao giờ có dự định giữ “ghế” này hay nắm quyền kia trong Chính phủ. Tôi muốn lật đổ chánh quyền Ngô Đình Diệm là để cởi bỏ cho đồng bào **những xiềng xích độc tài áp bức, đồng thời xóa sạch những bất công quá quắt đầy rẫy hiện đang lũng đoạn tinh thần chiến đấu của binh sĩ và làm tan rã hàng ngũ quân đội**, giữa hăm dọa của xâm lăng Cộng Sản đang đè nặng lên nửa mảnh đất quê hương còn lại. Tôi muốn chấm dứt một chế độ chính trị phi nhân phản quốc. Tôi muốn thay đổi một chính sách trị quốc. Với cuộc đảo chánh, tôi muốn xoay chiều thế cuộc, tạo ra một thời cơ thuận lợi cho những người tài đức thật tâm yêu nước nắm lấy để rồi cùng với toàn dân góp sức đưa nước nhà ra khỏi ngõ bí tuyệt vọng hiện nay và tiến dần đến cường thịnh thống nhất. Hoài bão của tôi là thế...

...Theo ý tôi, để thắng cuộc chiến này, chúng ta phải chứng tỏ

cho quần chúng thấy sự khác biệt giữa Cộng Sản và Dân Chủ. Nhân dân Nam Việt Nam chỉ thấy rằng chính sách của ông Diệm giống như đúc của Cộng Sản-nếu không muốn nói là còn tệ hơn. Tại Nam Việt Nam cũng có trại tập trung, bầu cử gian lận, kiểm soát chính trị trong quân đội và hoàn toàn kiểm soát dân chúng như trong một chế độ Cộng Sản. Và ngoài ra, tham nhũng lại lan tràn trong mọi cấp của chế độ Diệm.

Hoa Kỳ sẽ không tham dự vào một cuộc chiến không tuyên chiến và dai dẳng để chống lại Cộng Sản tại Nam Việt Nam. Dư luận quốc nội sẽ không cho phép điều đó nếu người Mỹ thấy rằng họ không thắng được cuộc chiến đó và dù có thắng thì chế độ Diệm cũng chẳng khác gì chế độ Cộng Sản.

Biển Cố 11-11-1960

Trần Tương, Sài Gòn 1971 trang 60 và 136

22. THƯỜNG ĐỨC

Trước hết, về mặt tích cực cách mạng: ông Trình Minh Thế xuất thân là một nông dân, nên có tinh thần cách mạng triệt để hơn ông Diệm. Hành động ly khai quân đội giáo phái vào bưng kháng chiến của ông đã đẩy cách mạng tới giai đoạn bạo lực cần thiết cho công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Trong khi đó Diệm là một quan lại nửa Nho nửa Tây nên tinh thần bảo thủ chỉ nhắm vào việc nắm giữ quyền lực. Từ khi là một quan lại dưới triều Nguyễn cho đến lúc giữ chức vụ Thủ tướng sau ngày về nước, mặc dầu có dấu hiệu ông có tinh thần bài Pháp, nhưng tự bản chất nêu trên thế nào ông cũng có sự liên hệ quan lại với Pháp, do đó, bài Pháp là nhu cầu muốn nắm giữ quyền lực độc tôn mà không xuất phát từ tinh thần cách mạng triệt để. Phong trào kháng chiến Trình Minh Thế đã chống tinh thần phong kiến Bảo Đại, nhưng lại hợp tác với Diệm, một biểu tượng tinh thần phong kiến khác... Trong cuốn “Wars in the Shadow” có đoạn ghi lại lời một nhà ngoại giao Mỹ đã nói với tác giả “một nửa những khó khăn của chúng ta sẽ tiêu tan nếu Diệm là một kẻ mô côi”.

...Cuối cùng, con cáo già Lansdale đã làm chủ được vấn đề và kết quả đạt mục tiêu mình không khó khăn. Để rồi sau đó Lansdale ủng hộ Diệm chặt chẽ hơn... Sau khi thu xếp một cuộc tổng tuyển cử cho Diệm, trước ngày lên đường đi Hoa Thịnh Đốn để lánh mặt, Lansdale đã nói với Diệm: “Trong lúc đi vắng, tôi không muốn bỗng nhiên đọc được tin ông đã thắng 99.99%. Tôi biết đó là âm mưu sắp

đặt trước...”. Sau đó ông Diệm đã thắng 98%..

Điểm sách Phong trào Kháng chiến Trình Minh Thế

Nguyệt san Thanh niên Hành động số ra mắt ngày 1-8-1985,
San Jose Hoa Kỳ.

23. BÙI NGỌC ĐƯỜNG

- Giáo sư
- Giám đốc Sinh Viên Vụ, Viện Đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn.
- Chủ biên Tạp chí **Chấn Hưng**, Los Angeles.

...Trước khi chống Cộng, TT Diệm đã tiến hành chính sách tiêu diệt các đảng phái quốc gia và các tôn giáo không phải là tôn giáo mình, còn ai nữa để mà chống Cộng?

...Khi quân lực, thành trì cuối cùng và vững chắc nhất của chế độ phải đứng lên lật đổ chế độ đó thì điều duy nhất có thể hiểu là chế độ đó đã tự hủy diệt và sụp đổ. Điều này có nghĩa là chính ông Diệm và Bộ Tham Mưu của ông đã **tự tiêu diệt sinh mệnh của mình và của cả chế độ trong giòng sông của dân tộc...**

...Vì không thể ngoan ngoãn, câm nín, chịu đựng nên dân chúng đã nổi lên lật đổ một chế độ (NDD) bạo quyền. Đây là một hành động chính trực. Nói như ngày xưa là “thuận lòng trời, hợp lòng dân”.

Phạm Kim Vinh, ông là ai?

Tạp chí Khai Phóng, số 9, Los Angeles 1983.

24. THÍCH HỘ GIÁC

- Thượng tọa.
- Ủy viên trung ương Viện Hóa Đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất.

... Người Tây phương và Hoa Kỳ đã hiểu lầm Phật giáo, thế nên mới có tâm lý chủ bại tại Việt Nam hiện nay. Người Mỹ nghĩ rằng Phật giáo thân Cộng và đã không giúp đỡ gì cho Phật giáo nhưng **chúng tôi đã hy sinh bao xương máu mà vẫn bị Chính phủ phản bội.** Phải nhớ rằng quân đội có 80% binh sĩ theo đạo Phật, và nếu người Mỹ muốn ở lại Việt Nam, họ phải chấp nhận Phật giáo là nền tảng căn bản của xã hội Việt Nam. Họ phải thực tình giúp đỡ Phật giáo...

...Phật tử có cùng một thái độ với nhân dân, nguyện vọng của nhân dân là nguyện vọng của Phật tử...

The New Face of Buddha

Jerold Schecter - nhà xuất bản John Weatherhill Inc. Tokyo
1967 trang 165.

25. TRƯỜNG GIANG

- Nhân sĩ tỉnh Phú Yên

...Sau ngày 20-7-1954, đất nước chia hai, bao nhiêu xương máu của nhân dân tỉnh Phú Yên cũng như cả nước đổ ra để Cộng sản cướp công và lộ nguyên hình theo lệnh quan thầy Nga, cắt chia tổ quốc Việt Nam làm hai.

Ngày cụ Ngô Đình Diệm về nước, người dân Phú Yên hân hoan tung bùng đón nhận như một cái gì cởi mở họ ra khỏi 9 năm nghẹt thở và dành cho Cụ Diệm một cuộc tiếp đón gần 90 ngàn người tại sân bay Cóp Chải năm 1954.

Oái ăm thay! Bao nhiêu mơ ước hy vọng cứ mỗi ngày lại chìm đắm. Bởi lũ cường hào ác bá ở nông thôn được chính quyền sử dụng và yểm trợ bóp cổ người dân, song với **sự lấn áp tôn giáo cùng Đảng Cần Lao đã xâu xé người dân và đưa đến sự sát hại (1960)**. Bác sĩ Nguyễn Trọng Thiện, Dân biểu đơn vị Phú Yên thời Đệ Nhất Cộng Hòa đến thôn Mậu Lâm, thôn Ngọc Lành thuộc xã Hòa Quang chứng kiến.

Xuất phát từ truyền thống đấu tranh cho Tự Do, Độc Lập và Dân chủ, nhân dân Phú Yên đã họp nhau dưới sự lãnh đạo của Đảng Đại Việt Quốc Dân của cố đảng trưởng Trương Tử Anh liên kết với một số Bảo An đoàn làm cuộc đảo chính cướp chính quyền vào năm 1954, nhưng bị thẳng tay đàn áp.

Lương Duy Uy, Tỉnh trưởng tỉnh Phú Yên lúc bấy giờ đến làng Nam Cẩm thuộc xã Hòa Phong, quê hương của cụ Trương Bội Hoàng, đích thân chỉ huy cuộc đàn áp và mật sát.

Chính chế độ Ngô Đình Diệm là chế độ người dân hy vọng nhất, có đủ điều kiện khách quan và chủ quan để kết hợp toàn dân đại đoàn kết thành một khối để chống Cộng Sản hữu hiệu và bảo vệ mảnh đất miền Nam Tự do ngõ hầu về lâu, về dài giải thoát đồng bào ruột thịt ở miền Bắc.

Trái lại, chế độ ngày càng đi sâu vào tội lỗi, làm mất lòng dân với chính sách cai trị và cũng vì chính sách đó, chế độ đã đẩy biết bao người dân vào ngõ cụt, đường cùng. Đồng thời bản chất của Cộng Sản, đã lợi dụng cơ hội bất mãn của người dân đối với chế độ để khai thác tối đa những nhược điểm của chế độ Diệm nên biết bao nhiêu nhân lực địa phương từ bỏ ruộng vườn để vào bưng biển

để rồi ngày nay trở thành những kẻ đắc tội với Dân Tộc.

Chính ông Nguyễn Hữu Thọ bị chế độ Ngô Đình Diệm đày ra Phú Yên. Và khởi điểm từ đây đi vào Bung làm Chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam...

Hy vọng tan như mây khói

Nguyệt san Thức tỉnh số 97-98, Los Angeles, Hoa Kỳ, Xuân 1983.

26. VÕ VĂN HẢI

- Chánh văn phòng Đặc biệt Phủ Tổng Thống từ 1954-1963.

- Tham gia tổ chức chính trị của ông Diệm từ năm 1945.

*...Tôi đồng ý về việc Trung tá (Vương Văn Đông). **Đinh Độc lập không thể để một bọn dĩ điếm ở được.** Nhưng trong hoàn cảnh hiện tại, kéo dài một cuộc chiến đấu chỉ có lợi cho Cộng Sản... Tôi xin làm trung gian giữa ông Diệm và Trung tá để tìm một giải pháp ôn hòa có thể tránh được sự lợi dụng của Cộng Sản và đồng thời đáp ứng được đòi hỏi của phe nổi dậy. Giải pháp này có thể là lâm thời giữ ông Diệm làm đại diện quốc gia không quyền hành pháp. Gạt bỏ gia đình Nhu và Căn ra khỏi chính trường Việt Nam. Cải tổ Chính phủ.*

Biến cố 11-11-1960

Trần Tương, Sài Gòn 1971 trang 109.

(Trích hồi ký của Trung tá Vương Văn Đông kể lại cuộc điều đình giữa phe Nhảy Dù đảo chính và Chính phủ Ngô Đình Diệm do ông Hải làm đại diện).

27. HUỶNH VĂN HẢI

- Tiên sĩ Sử học, Đại học Sorbonne, Paris.

- Nhân chứng cuộc tự thiêu của Hòa Thượng Quảng Đức.

...Ngày 15 tháng 5, Tổng thống Diệm bắt đắc dĩ phải tiếp phái đoàn Phật giáo gồm 5 vị: Thượng tọa Thiện Hoa, Thiện Hòa, Hành Trụ, Tâm Châu và Đôn Hậu, nhưng ông Diệm đã không thực tâm giải quyết vấn đề. Do đó, ngày 16 lại có nhiều cuộc tuyệt thực khác và biểu tình rầm rộ trước Quốc Hội, nhưng chính quyền vẫn không đã động gì đến những yêu cầu của Phật giáo đồ... Bây giờ câu hỏi rất quan trọng được đặt ra là việc tự thiêu, người hưởng ứng đầu tiên là Ngài Quảng Đức.

... Lúc 10 giờ sáng ngày 11 tháng 6 năm 1963, tôi diu Ngài ra

đến cổng chùa, thầy Đức Nghiệp mở cửa chiếc xe Austin đã đậu sẵn, mời Ngài lên. Xe gặp đường Phan Đình Phùng quẹo phía trái là đường Lê Văn Duyệt, tài xế dừng xe lại, xung quanh tôi các tầng ni đã đứng chặt ních bao vây ngã tư Lê Văn Duyệt-Phan Đình Phùng.

Tay trái tôi xách thùng xăng, tay mặt tôi dìu Ngài bước ra xe và mời Ngài ngồi xuống. Ngài ngồi “Kiết Già” tay mặt đặt lên tay trái. Tôi cầm thùng xăng đang lễ tưới lên vai Ngài, nhưng vì hốt hoảng lo sợ mặt vụ tới nên đã đổ xăng từ đầu Ngài trở xuống. Ngài mở hộp diêm rút 5, 6 que rồi quẹt mạnh. Lửa tức tốc bùng cháy đốt ngay thân xác Ngài như một pho tượng trong khi các tầng ni quỳ xuống vừa khóc vừa niệm: A Di Đà Phật.

Tiếng niệm Phật rất náo nùng thê thảm trong lúc ngọn lửa càng bốc cao, phủ kín cả người Ngài, nhưng Ngài vẫn ngồi vững như bàn thạch chấp hai tay trước ngực.

Sau 7 phút toàn thân Ngài ngã xuống nhưng hai tay vẫn còn chấp trên ngực. Xung quanh các tầng ni vừa bái lạy vừa khóc, vừa niệm Phật, nhưng có một người vẫn đứng thẳng như một trụ đá, không khóc, nét mặt rất đau thương đến độ trông rất lạnh lùng, chấp hai tay nhìn thẳng vào thân xác cháy đen của Ngài Quảng Đức. Đó là Thượng Tọa Thích Tâm Châu mà nay là Hòa thượng tu hành tại nước Pháp.

Ngài Quảng Đức đã hiến mình cho Đạo Pháp bằng cách an nhiên tọa thiền trong biển lửa cao ngút. BỎ TẤT QUẢNG ĐỨC đã tự đốt mình để bảo vệ Đạo Pháp lúc lâm nguy và để bảo vệ quyền Tự Do Tín Ngưỡng. Hành động can đảm và tuyệt vời này của Ngài đã làm cả thế giới khâm phục và đã thức tỉnh lương tri nhân loại rằng đàn áp, chém giết chỉ gieo rắc thêm hận thù. Bạo lực sẽ thất bại trước TỰ DO, CÔNG BẰNG, TÌNH THƯƠNG và lòng KHOAN DUNG.

Cuộc Tự Thiêu Lịch Sử

Nguyệt san Chân Hưng số 4 tháng 8 năm 1985

Trang 2, 3 và 19. Los Angeles, Hoa Kỳ.

28. THÍCH NHẤT HẠNH

- Tu sĩ Phật giáo. Nhà văn. Nhà thơ.

- Tác giả: **VietNam, Lotus In A Sea Of Fire, Đối Thoại Cánh Cửa Hòa Bình, Bông Hồng Cài Áo, Nói Với Tuổi Hai Mươi, Tương Lai Văn Hóa** v.v...

...Công lao quý giá nhất mà Tổng thống Diệm đã đóng góp là

việc tạo ra được ý thức về sự khác biệt giữa phong trào kháng chiến quốc gia và những người Cộng Sản.

Đặc biệt tại thành phố, thành phần trí thức và tiểu tư sản bắt đầu hiểu và ủng hộ các chính sách chống Cộng của chính quyền Diệm. Điều này đạt được là nhờ vào cái hào quang bao quanh việc chế độ đã dành lại được chủ quyền cho Việt Nam. Nhiều chương trình do ông Diệm đưa ra vốn được quan niệm đúng và đã có thể thành công tốt, nhưng chính quyền thì ngày càng thối nát và thiếu hiệu năng vì cái gì ông Diệm cũng muốn chính mình kiểm soát lấy hết, và vì ông không kêu gọi sự hợp tác trong Chính phủ của ông từ những người quốc gia có tài và không Cộng Sản.

Từ khi bắt đầu nắm chính quyền, ông Diệm không bỏ phí một nỗ lực nào nhằm triệt hạ mọi hình thức đối lập, và ông không tin tưởng vào ai ngoài bà con và giáo hội của ông. Trừ một số ít có khả năng, cộng sự viên chung quanh ông là một nhóm nịnh thần chỉ lo củng cố địa vị bằng cách dựa vào chính quyền và giáo hội.

Tại miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ có nhiều nhóm muốn tham chính với hy vọng làm cho chính quyền trở nên thực sự có tính cách đại diện. Cao Đài và Hòa Hảo là những tập thể có quân đội riêng và kiểm soát một vài vùng đất. Họ dựa vào những cứ địa đó và lực lượng quân sự để làm bàn đạp tìm cách tham dự vào chính quyền. Tuy nhiên, ông Diệm và các cố vấn Mỹ đã quyết định ngược lại là dùng võ lực loại trừ các tập thể này với lý do không thể chấp nhận tình trạng một quốc gia trong một quốc gia. Chế độ Diệm quyết tâm loại trừ tất cả mọi phe đối lập, nhưng lại không nghĩ gì đến việc chấn chỉnh các lực lượng không Cộng Sản tại miền Nam Việt Nam. Ông Diệm hoàn toàn dựa vào việc loại trừ bằng bạo lực thay vì dùng những phương cách chính trị nhân bản hơn để củng cố sự tồn vong của quốc gia...

VietNam, Lotus In A Sea Of Fire

Thích Nhất Hạnh, New York 1967, trang 56, 57.

29. TRẦN SĨ HUÂN

- Kỹ sư Công Chánh

- Tác giả **Bóng Ngày Qua** (1992)

...Thời Cụ (Kỹ sư Trần Văn Bạch) lên voi là lúc ông Ngô Đình Diệm mới về nước làm Thủ tướng, mời Cụ làm Tổng trưởng Công Chánh năm 1954-1955. Đến khi Cụ xuống ghế, tôi gặp lại thì Cụ bảo Cụ là người dám đứng giữa sân cờ Bộ Công Chánh chào cờ mà

không chịu hô “Ngô Đình Diệm muôn năm!” Cụ nói có ai sống muôn năm đâu. Rồi tụi nó chụp mũ Cụ thân Bình Xuyên để cất chức. Làm chính trị mà ăn nói như Cụ thật chỉ có rước họa vào thân, may mà Công an còn để yên cho Cụ đi dạy học.

Nhớ Thầy

Nội san Lá Thư Công Chánh số 14, Sacramento 11-1979.

30. MINH HUY

- Nhà văn.

...Sự việc quân đội lật đổ triều đại Ngô Đình để giải cứu nhân dân khỏi cảnh lầm than, còn cử chỉ cứu quốc nào cao đẹp hơn nữa.

Quân Đội, Một Lần Nữa Ra Tay Cứu Nguy Cho Dân Tộc

Tạp chí Minh Tân, Hội Khổng Học Việt Nam, Sài Gòn, số tháng Giêng 1964, trang 5.

31. NGUYỄN NGỌC HUY

- Tiến sĩ Luật khoa đại học Paris.

- Giáo sư Học Viện Quốc gia Hành chánh.

- Khoa trưởng trường Đại học Luật khoa và Khoa học Xã hội Viện Đại học Cần Thơ.

- Giáo sư trường Chính trị Kinh doanh Đà Lạt.

- Đảng viên cao cấp Đại Việt Quốc Dân Đảng (1945-1963).

- Chủ tịch phong trào Quốc gia Cấp tiến.

Có ba người trước sau đã không quyết tâm thực hiện đoàn kết quốc gia “gây nên sự sụp đổ làm mất miền Nam”.

Người thứ nhất là Bảo Đại. Năm 1949, tất cả mọi đảng phái quốc gia đã hết lòng mong mỏi ông ta đứng ra làm công cuộc kết hợp để chống lại Cộng Sản. Nhưng vì thiếu cương quyết và thiếu đạo đức, ông ta đã làm mất cơ hội hiếm có để các đảng phái, phe nhóm, giáo phái, phái tự lực đấu tranh trong những điều kiện hết sức thiếu thốn nên không thành công.

Người thứ hai là Ngô Đình Diệm. Sau năm 1954, không khí thật là thuận lợi để làm một cuộc đoàn kết chặt chẽ giữa mọi thành phần đảng phái và tôn giáo, giáo phái. Tiếc thay ông Diệm sai lầm một lần nữa khi ra tay tiêu diệt hết các lực lượng này. Khi chỉ còn một mình ông, gia đình và phe nhóm của ông trên chính trường, sự tan vỡ của phe quốc gia là điều tất nhiên.

Người thứ ba là Nguyễn Văn Thiệu. Sau năm 1967, Hiến Pháp Đệ Nhị Cộng Hòa cho ông ta một cơ hội tốt nhất để làm công cuộc đoàn kết, ông đã không làm. Đến 1968, sau trận Mậu Thân, đảng lễ không còn chần chờ gì hơn thì ông cũng không làm gì thêm. Đến khi ký hiệp định Paris là đoạn chót rồi cũng không thấy một cố gắng nào để tạo sức mạnh tổng hợp đoàn kết dân tộc.

Lãnh đạo quốc gia không đoàn kết nổi thì mấy ai có thể đoàn kết được? Lịch sử Việt Nam vừa qua để lại ba trường hợp bỏ lỡ cơ hội đoàn kết đầu đón.

Tuần báo Việt Nam Tự Do bộ mới số 10 ngày 28 tháng 6 năm 1980.
Trang 4 và 5, Orange County, Hoa Kỳ.

32. TRẦN VĂN HƯƠNG

- Giáo sư Trung học.
- Đô trưởng Sài Gòn (thời Thủ tướng Ngô Đình Diệm).
- Năm 1960 cùng với 17 nhân sĩ ra Tuyên ngôn chống chế độ Diệm, bị câu lưu.
- Thủ tướng Chính phủ thời Quốc trưởng Phan Khắc Sửu.
- Phó Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa (thời Nguyễn Văn Thiệu).

LAO TRUNG LÃNH VẬN

Mấy vần thơ lạnh ở trong lao,
Khéo vụng dù ai hiểu thế nào;
Thương cũng cảm ơn, cười cũng chịu,
Hỏi người thông cảm độ chùng bao?

Ở TÙ SƯỞNG QUÁ NÈ

Ra đi người bảo: khổ đã nghe!
Ai ngỡ vào đây sướng quá nè!
Sáng hưởng bánh Tây dòn thịt nguội,
Đêm nằm ghé bố xủ màn the.
Đèn chong thường bữa soi trần cửa¹
Lính gác thâu canh diễn khắp hè.
Giả lặng cười vui cho hết buổi,
Bên lòng nặng trĩu mối còn đe.

(1) Ở xà lim bóng mặt trời chiếu vào rất ít vì vậy nên mấy cái đèn néon ngoài hành lang để cháy ngày lẫn đêm cho sáng khắp cả để cho dễ bề kiểm soát người bị giam ở trong (ghi chú của tác giả bài thơ).

Biến Cố 11-11-1960

Trần Tương, Sài Gòn 1971, trang 582, 583.

(Sau cuộc đảo chánh của Nhảy Dù năm 1960, ông Trần Văn Hương bị tình nghi và bị bắt giam. Ngồi trong tù ông thường làm thơ để mỉa mai chế độ Diệm. Trên đây là hai bài do ông sáng tác khi bị bắt giam vào nhà lim tối).

33. NGUYỄN NGU Í

- Nhà văn.

- Biên Tập viên tạp chí *Bách Khoa*, Sài Gòn.

...Vì dưới chế độ cũ, lực lượng gồm những phần tử ưu tú này của đất nước đã bị nhà cầm quyền lũng đoạn bằng đủ mọi cách: chia rẽ, khủng bố, mua chuộc, cho nên hàng ngũ sinh viên có thể coi như gần tan rã và quốc dân gần như chẳng biết đến sự hiện diện của một Tổng Hội Sinh Viên hữu danh vô thực. Nhưng từ khi Phật giáo bị đàn áp trắng trợn, người sinh viên ở Huế, rồi ở Sài Gòn đã đứng lên tham gia vào cuộc chống lại chế độ bạo tàn của họ Ngô, đã khiến đồng bào thương mến và quý trọng họ.

Sinh viên sau ngày 1-11-1963

Nguyệt san Minh Tân, Hội Khổng Học Việt Nam số tháng Giêng 1964, Sài Gòn, trang 28.

34. TRẦN VĂN KHIÊM

- Luật sư.

- Em trai bà Ngô Đình Nhu.

- Năm 1963, được anh chị là ông bà Nhu cử thay thế ông Trần Kim Tuyên trong chức vụ “Giám Đốc Nha Nghiên cứu Chính Trị”.

...I fear I will swing by the neck with the rest in rue Catinat even though I am innocent (tạm dịch: Dù vô tội, tôi vẫn sợ sẽ bị treo cổ cùng với những người khác ở đường Tự Do).

The Last Confucian

Dennis Warner, Penguin Books, Baltimore, Hoa Kỳ 1963, trang 22.

(Lời Trần Văn Khiêm than phiền với bạn là ký giả Denis Warner khi Khiêm nhận thấy chế độ (Diệm) càng ngày càng tồi tệ, tham nhũng càng khủng khiếp, không tránh khỏi được một cuộc đảo chánh).

35. VŨ NGỌC KHUÊ

- Nhà báo.

...Sự bùng nổ của quần chúng trong cuộc nổi dậy của Lê Phái không phải là sự bùng nổ của lòng người trong một ngày Đại Hội, mà nó chứa đựng những gì vĩ đại của hồn nước, nó mạnh như vũ bão, sôi sục như vật chất đang tan chảy trong lòng núi lửa. Hiện tượng ấy, Boris Pasternak bảo là sự “ngàn sao cũng họp mít tinh, nhà cửa cũng cuộn cuộn bước đi biểu tình”, nghĩa là thiên nhiên cũng đã cúi xuống hưởng ứng với lòng người đang bốc cháy, vô tri cũng cướp lấy linh hồn của sống động để đồng ca. Sự sôi sục ấy có sức mạnh chuyển hướng cả lịch sử, đốt cháy lịch sử, làm sống lại quá khứ, cướp chặng đường nhiều năm bị kèm tỏa để tiêu xài trong giây phút cái năng lực tiềm tàng bị dồn ép đến tột độ. Sự bùng nổ ra ấy, chính là sự nổi dậy của Lê Phái, nó là Cách Mạng, là sự đổi đời, nghĩa là những sự kiện Hung Gia Lợi nổi dậy, là cái chết của Thủ tướng Thổ Nhĩ Kỳ Menderes, là sự chạy trốn của Lý Thừa Vãn, Batista, Péron, và mới đây là cái chết tủi nhục của hai ông Nhu-Diệm.

Sự nổi dậy của Lê Phái

Nguyệt san Minh Tân, Hội Khổng Học Việt Nam số tháng Giêng 1964, Sài Gòn, trang 13.

36. LÊ BÁ KÔNG

- Giáo sư

- Nhà văn.

- Trí thức Thiên Chúa giáo.

- Dịch giả chính thức của Phủ Tổng thống thời Đệ I Cộng Hòa.

... Nhưng oái ăm thay, quân đội của chúng ta trưởng thành bao nhiêu thì chế độ gia đình trị của nền Đệ Nhất Cộng Hòa cũng được củng cố theo nhịp độ đó. Chúng tôi không muốn nhiều lời bình phẩm về những khuyết điểm đáng tiếc của chế độ gia đình trị, lên tới cao điểm vào những năm 1959 tới 1963.

The Vietnam Syndrome (mặc cảm Việt Nam)

(In English and Vietnamese) Nhà xuất bản Ziekleks, Texas trang 55.

37. NGUYỄN CAO KỶ

- Thiếu tướng Không quân.

- Phó Tổng thống VNCH 1967-1971.

...Càng về dài Diệm càng cảm thấy rằng ông ta là người do Thiên Chúa sai xuống để cứu rỗi Việt Nam đến độ ông ta đã giao tất cả mọi chuyện cho cố vấn của ông ta.

Trong trường hợp này, em trai của ông ta là Cố vấn Chính trị tối cao, và cũng là chỉ huy trưởng Lực lượng Mật vụ, thì không những tàn ác và tham nhũng mà còn lấy một người đàn bà cũng tàn độc và gian ác làm vợ.

Twenty Years and Twenty Days

Stein and Day Publisher, New York 1976, trang 32.

38. LƯU KỲ LINH

- Thi sĩ tiên chiến, đăng thơ trên Hà Nội Báo, Tao Đàn, Tiểu Thuyết Thứ Bảy. Có tên trong “*Thi Nhân Việt Nam*” của Hoài Thanh, Hoài Chân.

- Anh ruột thi sĩ Lưu Trọng Lư.

TRÁI TIM BI DŨNG

I

Ngùn ngụt lửa hồng vây lớp lớp,
Chấp tay ngồi lặng niệm Nam Mô.
Ma duồng theo lửa, lòng lên gió,
Quảng Đức dâng mình giữa Thủ Đô.
Niệm năm điều nguyện niệm Nam Mô.
Rực đỏ trời Nam hận Cố Đô;
Xe sắt nghiêng tan xương Phật tử,
Sông Hương trào máu thuở nào khô?
Niệm năm điều nguyện niệm Nam Mô,
Tiếng nấc vang vang rợn đáy mồ.
Gương mặt Từ Bi ngồi dững khi,
Cao Tăng quyết liệt diệt hung đồ.
Từng xanh mây trắng nở hoa sen,
Năm sắc cờ bay dáng dịu hiền.
Riu rít chim cành hòa tiếng kệ,
Xác đen gục xuống ánh vàng lên.
Tan tác khói mù lẫn quái điện,
Tây phương chói lợi ngựa xe Thiên.
Hàng hàng đệ tử rung rung lệ,
Vì Đạo quên mình ai dám quên.

II

An dưỡng nơi này lại hiển linh,
Tuổi vàng càng chứng quả Vô Sinh.
Tim không ghê lửa trời nao núng,
Máu chẳng thành tro quý khiếp kinh.
Tuồng giả trên đời rồi biến ảo,
Cơ mưu trước mắt đã xương mình.
Mười phương dâng ngọc ta xây tháp,
Thờ trái tim Thầy: Đạo kết tinh.
Một thiên sử Phật ghi màu lửa,
Dội chút dư quang sử Việt nhà.
Nghìn tám trăm năm ơn Pháp nhũ,
Dưỡng thành Quảng Đức giống nòi ta.

(Bài thơ làm sau cuộc tự thiêu của Hòa Thượng Thích Quảng Đức tại Sài Gòn ngày 11-6-1963)

Xứ Trâm Hương

Quách Tấn, Sài Gòn 1969, trang 452.

39. CHU BẢNG LĨNH (tức Ký giả MẶC THU)

- Nhà văn, nhà báo.
- Ban Chủ biên nhật báo *Tự Do*, Sài Gòn.
- Tác giả **Đảng Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng**

Đảng Cần Lao Ngô Đình Cẩn lột xác một lần thứ hai khi chủ trương “vì Chúa và cho Giáo hội” được chánh thức đề ra, thay thế cho chủ trương “Ba Chóng Ba Vàng” cố hữu. Các tướng tá từ đây tuyên thệ trước mặt Cẩn theo hình thức mới: Thay vì những buổi lễ khi trước, tổ chức cực kỳ trọng thể tại tư dinh ngài Cố vấn Chỉ đạo miền Trung ở Phú Cam, dưới bóng Quốc kỳ và Đảng kỳ (có ngôi sao trắng trong vòng tròn ở chánh giữa lá cờ), thì nay lễ tuyên thệ được tổ chức ngay ở chánh điện trắng của giáo hội, và dĩ nhiên vẫn trước sự hiện diện đích thân của ông lãnh chúa Ngô Đình Cẩn. Nhưng nếu trước kia chỉ có một cảm đơn bọc nhung đỏ để trên hết cho “ông Cậu” ngự, chủ tọa lễ tuyên thệ như hồi nhận tuyên thệ của hai tướng vào Đảng, thì nay hai chiếc ghế được đặt ngang hàng nhau: một chiếc là của Giám mục Phạm Ngọc Chi ngồi, với bộ áo thêu kim tuyến vàng, tay cầm cây gậy chặn chân của các Giám mục, và đầu đội chiếc nón nhọn của các hàng Giáo phẩm đại diện Đức Thánh Cha. Còn chiếc ghế kia thì ông Cẩn ngồi, trong bộ áo dài đen quần trắng quốc phục, chân mang dép, miệng nhai trầu, tay cầm chiếc quạt giấy có nan, xếp lại được. Bóng quốc kỳ không còn thấy xuất hiện

trên tường như khi xưa, như lúc này. Cẩn mang chéo trên vai xuống vòng qua ngực một giải lụa vàng và ba sọc đỏ, in hết tám “Bảo quốc Huân chương” vậy.

Và không những chỉ có bài trí của buổi lễ tuyên thệ là khác mà thôi. Cả đến lời thề cũng không còn như trước nữa: Khi xưa trong giai đoạn của “Hội Hữu Hạn” đảng viên tuyên thệ phải thề tuyệt đối trung thành với ông Diệm, với Cẩn và với các đảng “thay mặt cho Chúa”, là các Cha. Nhưng ngày nay, **đảng viên phải thề tuyệt đối trung thành với Giáo hội Công giáo**, và chỉ có vậy! Cái tên ông Diệm, Cẩn, không còn được đọc lên trong buổi tuyên thệ nữa. Khi trước, đảng viên đặt tay vào ngực, cúi đầu thề “đem hết thể xác và tâm hồn ra chống Cộng, chống Phật giáo, và chống các đảng quốc gia”, thì đảng viên phải quỳ gối, hai tay chắp trước ngực, trong dáng điệu kẻ dâng đời mình cho Chúa và thề “đem hết thể xác và linh hồn cho đến hơi thở cuối cùng để chống Cộng Sản vô thần (thêm hai chữ Vô Thần), và chống Phật giáo ma quỷ (thêm hai chữ Ma Quỷ) và chống các đảng quốc gia (bỏ đi hai chữ phản loạn khi xưa).

Cẩn nhận lời thề bằng cách đứng dậy đặt tay lên vai kẻ tuyên thệ, rồi lại ngồi xuống. Còn Đức giám mục đóng vai chánh! Ngài vẫn ngồi, đặt bàn tay lên đầu kẻ tuyên thệ, rồi đọc lại các câu La Tinh có nghĩa là: “Chúa sẽ ở cùng con” và rồi Người ban phép lành cho kẻ mới vào đảng”.

Đảng Cẩn Lao Nhân Vị Cách Mạng

Sài Gòn 1971, trang 407-409

40. NGUYỄN LONG (biệt hiệu THÀNH NAM)

- Chánh Thư Ký Hội Phật Giáo Hòa Hảo Việt Nam (trước 1975).
- Ủy viên trong Dân Xã Đảng.
- Tác giả *Phật Giáo Hòa Hảo Trong Giòng Lịch Sử Dân Tộc* (1991), Hoa Kỳ

Lịch sử Phật Giáo Hòa Hảo được chia ra các giai đoạn sau đây: - 1939-1945: *Lập đạo, truyền đạo, nhưng bị thực dân Pháp kềm hãm, cấm đoán, đàn áp; Huỳnh Giáo chủ phải biệt xứ 5 nơi khác nhau.*

...

- 1955-1963: *Triều đại Ngô Đình Diệm, không được tự do hành đạo, vẫn bị đàn áp.*

(Diễn văn đọc tại San Diego ngày 6 tháng 4 năm 1986 nhân lễ Tưởng niệm ngày Đức Huỳnh Giáo Chủ ra đi).

Tạp chí Việt Nam Hải Ngoại số 117 ngày 30/4/1986.

41. ĐỒ HOA LỤ (một trong các bút hiệu của ông ĐÌNH THẠCH BÍCH)

- Luật sư

- Cộng sự viên thân tín của Tướng Trình Minh Thế.

- Chủ biên Tạp chí *Việt Nam Hải Ngoại* (San Diego - Hoa Kỳ).

Việt Nam Cộng Hòa thừa hưởng một xã hội do Thực dân Pháp để lại. Bọn phong kiến của xã hội cũ, bám chặt Thực dân núp sau chiêu bài chống Cộng để sống nốt những ngày tàn. Ngô Đình Diệm dựa vào tầng lớp cận bã ấy để củng cố quyền hành, dập tắt mọi cơ hội vươn lên của dân tộc, tạo mảnh đất màu mỡ cho mầm Cộng Sản mọc nhánh. Ngô Đình Diệm với bản chất quan lại, với định kiến hẹp hòi, đã không thể có nổi một nhân quang tiến bộ hầu đặt nền móng cho một xã hội mới Việt Nam đủ tấn tiến để theo kịp đà đi của thế giới và đủ tự do, dân chủ, công bằng để tạo nên một kháng tổ đương nhiên loại trừ Cộng Sản. Ngược lại, Ngô Đình Diệm đã cấu kết với tầng lớp Đốc Phủ Sứ để trở thành một thứ “quan cai trị” xây dựng quyền hành trên sự tuân phục của bầy tướng tá xuất thân Khố xanh, Khố đỏ do Thực dân Pháp để lại và ngoảnh mặt đi trước các lực lượng dân tộc từng dày công kháng Pháp, diệt Cộng. Hơn thế nữa, với sự tiếp tay của quan thầy Mỹ, họ Ngô đã thẳng tay đàn áp, tàn phá tất cả các lực lượng dân tộc để “độc quyền yêu nước”.

Một mình ở chính quyền suốt một thập niên, họ Ngô đã không vạch nổi một đường đi tới cho xã hội Việt Nam. Cả một xã hội bơ vơ không định hướng. Thang giá trị cổ truyền bị thời thế phá vỡ để rồi không có một thang giá trị mới thay vào. Dân tộc nuốt đi bao nguyện vọng tha thiết để hàng ngày nhìn thấy một “ông lãnh tụ” khăn đóng áo dài vây quanh bởi một bầy nha lại và một bọn tướng tá vô hạnh bất tài cai trị theo kiểu “quốc gia là ta”. Cả một xã hội loay hoay theo chiều loay hoay của người lãnh đạo.

Xã hội không có hướng đi thì Cộng Sản mời gọi một hướng đi. Hướng đi có cái đúng có cái sai nhưng xã hội không thể một ngày không định hướng. Hướng đi Cộng Sản dĩ nhiên là sai nhưng ít ra chúng có một cái gì để mời gọi người ta đi tới... còn hơn là đứng đó chịu đòn, nuốt thẳm nguyện vọng để không biết ngày mai, đời sau ra sao, ngoại trừ hàng ngày chứng kiến những điều chướng tai gai mắt của một tầng lớp thống trị cận bã, vây quanh một “ông lãnh tụ” khăn đóng áo dài dạy dỗ những điều cổ lỗ phong kiến, lai một chút giáo

điều La Mã.

Chó Nhảy Bàn Độc

Nguyệt san **Việt Nam Hải Ngoại**, số 7 ngày 1-9-1977. San Diego, Hoa Kỳ.

42. TRẦN PHỔ MINH

...Bá sinh vào tháng 5 năm 1945. Người Sa Đéc. Gia đình thuộc giới thượng lưu trí thức miền Nam. Ông và bà cụ thân sinh là những người yêu nước thương nòi. Bá thừa hưởng lòng yêu nước chân thật, không miêng lưỡi, của dân Đồng Nai ấy. Vì lòng yêu nước này, ông Trần Văn Văn, thân sinh Bá, đã nhiều lần bỏ công ăn việc làm tham gia các phong trào chính trị tiến bộ, dân chủ và ôn hòa. Từ chân Đồng lý Văn phòng của Bộ trưởng Kinh tế Hồ Tá Khanh trong chính phủ độc lập đầu tiên của Việt Nam sau thời thuộc Pháp - Chính phủ Trần Trọng Kim - cho tới việc khởi xướng thành lập nhóm “Tự Do Tiến Bộ” quy tụ những trí thức yêu nước ở miền Nam ra tuyên ngôn hưng quốc, nhưng ông Diệm, với nề nếp chính trị xưa và nặng óc gia đình, đã bỏ tù những thủ lĩnh của nhóm này, mà người ta quen gọi là nhóm Caravelle...

Chân dung Trần Văn Bá

Nguyệt san **Quê Mẹ**, số 63-64 Paris, tháng 2 năm 1985.

43. ĐÀO MỘNG NAM

- Giáo sư Hán Học

- Nhà nghiên cứu Triết học Đông Phương.

*...Còn VNCH miền Nam trước đây, tới ngày nay, các lãnh tụ có nhớ lắm thì cũng tới nhà thờ, chùa chiền, hoặc thánh thất... là cùng, chưa hề thấy ai nghĩ tới “Hội Xuân”, lập bàn thờ Quốc Tổ để mình cùng dân chúng tới chiêm bái cả. Hẳn chúng ta còn nhớ rõ, cứ mỗi độ Tết, Xuân về, dân chúng lại tự động kéo nhau tới Lăng Ông, đền thờ vị anh hùng dân tộc đã có công mở mang dải đất miền Nam. Trước khi thế đó, Chính phủ đã phản ứng bằng cách ra lệnh cấm mà lý do chỉ vì số dân chúng kéo nhau tới quá đông, không giới nghiêm hẳn là sẽ dẫm xéo lên nhau mà chết. **Dinh Độc Lập** xây cất để cho mình và gia đình ở thì to mà đền thờ Quốc Tổ thì không có, có đền thờ vị anh hùng khai quốc là Đức Tả quân Lê Văn Duyệt trải qua hai triều Tổng thống vẫn không cao hơn thêm dinh Độc Lập.*

Quốc Đạo

Tạp chí Non Sông, số 1 Xuân Ất Sửu 1985 của Tổng Hội Sinh

Viên miền Nam California, Hoa Kỳ, trang 6.

44. PHAN NHẬT NAM

- Đại úy Quân đội VNCH.

- Nhà văn với trên 10 tác phẩm viết về cuộc chiến tranh Quốc Cộng tại Việt Nam.

...Chúng tôi cũng không chống Cộng vì “khủng Cộng” (chữ của cha Khai), vì sợ hãi, tê liệt trước người Cộng Sản. Mười năm chiến tranh (63-73) nặng nhất là hai ý hệ, chúng tôi là tầng lớp gánh chịu đau đớn và cụ thể nhất. Chúng tôi cũng không như cha Khai, cha Quỳnh, cha Nguyễn Lạc Hóa phải nhờ Tây giết Cộng (lẽ tất nhiên chúng tôi xài súng Mỹ cũng như Cộng Sản dùng súng AK) mà đã chiến đấu bằng chính đời sống mình, công lưng xuống mang một chiếc ba lô, tay cặp súng tay cầm thêm thùng đạn bắm đôi chân trên núi rừng bạt ngàn của miền Nam để đánh Cộng Sản.

Tù Bình và Hòa Bình

Hiện Đại, Sài Gòn, 1974, trang 413.

(Ghi chú: Cha Khai từng hô hào “tinh thần Ngô Đình Khôi”, từng rửa lễ hàng tuần cho TT Diệm và từng là Đặc sứ lưu động của TT Diệm liên lạc các trại định cư của những người Công giáo di cư Nghệ-Tĩnh-Bình. Sau khi TT Diệm chết, vì chịu ảnh hưởng thân Cộng của Giáo Hoàng Paul VI, và bị ảnh hưởng của chủ trương thỏa hiệp với Hà Nội của nhà Ngô, đã trở thành một linh mục phản chiến hàng đầu trong nhóm Đối Diện.

- Cha Hóa, bạn thân của anh em ông Diệm từng chỉ huy các đơn vị lính đạo chống Cộng tại vùng Cà Mau-Bạc Liêu. Sau khi ông Diệm chết giữ thái độ im lặng.

- Cha Quỳnh, thời chiến tranh Pháp-Việt là Tư lệnh Dân quân Tự vệ vùng Phát Diệm. Thời Đệ Nhất Cộng Hòa cha Hoàng Quỳnh ở tư thế đối lập với chế độ Diệm. Sau khi ông Diệm chết, cha hoạt động tích cực chống lại các phong trào đấu tranh của sinh viên và Phật giáo. Cha Quỳnh đã chống lại Phong Trào Chống Tham Nhũng của cha Thanh và đã cùng năm Linh mục khác lên Đài Truyền Hình bênh vực Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu).

45. TRẦN BÌNH NAM (bút hiệu của ông TRẦN VĂN SON)

- Cựu Hải quân Trung tá.

- Cựu Dân biểu Quốc Hội Đệ Nhị Cộng Hòa.

...Để thành lập tiền đồn chống Cộng tại miền Nam Việt Nam,

Hoa Kỳ đã đưa ông Ngô Đình Diệm từ Mỹ về và bắt đầu kế hoạch thay thế Pháp. Nhưng Cộng Sản với nhân sự và vũ khí đã gây sẵn ở miền Nam đã phát động cuộc chiến tranh phá hoại bằng cách **khai thác mọi sai lầm về chính sách đối với quần chúng của ông Ngô Đình Diệm nhất là chính sách tôn giáo**. Du kích Cộng Sản kiểm soát gần 2/3 đất đai miền Nam và đang chuẩn bị tổng tấn công dành chính quyền.

Hoa Kỳ Trên Bàn Cờ Đông Nam Á

Nguyệt san Độc Lập số tháng 5/1984 Stuttgart - Tây Đức.

46. VŨ THẾ NGỌC

- Giáo sư, Nhà văn, nhà báo.
- Một trong những Sáng Lập Viên và Biên Tập Viên Nhật Báo **Sóng Thần** tại Sài Gòn.
- Chủ nhiệm Nguyệt san **Việt Nam** và Bán nguyệt san **Việt** tại San José, Hoa Kỳ.
- Tác giả: **Bồ Đề Đạt Ma Tuyệt Quán Luận, Mùa Thu Hoa Vàng Viễn Mộng Xanh.**

...Sự thực ngày nay đã cho thấy **Biến Cố Phật Giáo ở Huế** chỉ là những giọt nước cuối cùng. Trước đó đã có biết bao âm mưu đảo chánh, biến động mà trước âm mưu của nhóm Đôn-Kim... là chính âm mưu của nhóm Công giáo Bắc Việt do chính Bác sĩ Trần Kim Tuyến chánh sở Mật vụ tổ chức (Phòng Nghiên cứu Chính trị Tổng thống) mà Phạm Ngọc Thảo móc nối.

...Chế độ Ngô Đình Diệm mới là bá đạo. Lật đổ cái bá đạo kia đi coi như chấm dứt một thể chế. Còn TT Diệm hãy để cho Người thư thả vui thú điền viên. Như thế mới chính nghĩa, mới xứng đáng lớp người kế vị làm chủ dinh Gia Long.

Như thế có nghĩa là Hội Đồng Tướng Lãnh hãy từ đây, giết hết bọn ăn hại nấp dưới bóng uy quyền của TT Ngô Đình Diệm, đồng bào cả nước lấy làm hoan hỉ chấp nhận.

Những kẻ đáng chết là ông bà Ngô Đình Nhu, Bộ trưởng Phủ TT kiêm phụ tá Quốc phòng Nguyễn Đình Thuần, Nguyễn Lương, Trương Vĩnh Lễ (Chủ tịch phân đảo chánh 1960), Trương Công Cửu, Bùi Văn Lương, Ngô Trọng Hiếu. Tướng lãnh thì có Nguyễn Khánh, Huỳnh Văn Cao, Lê Như Hùng, Nguyễn Huỳnh. Về phía Quốc hội, Hà Như Chi... Phong Trào Liên Đới Phụ Nữ thì lắm mệnh phụ đáng chém.

Nguyệt báo **Hòa Bình**, Sài Gòn, trước 1975.

...Viết làm sao được khi ông con nuôi “Cụ Diệm” kéo lính về “giết Cụ” rồi vài năm sau lại cho tổ chức “truy điệu Cụ” long trọng. Viết làm sao khi ngài Dân biểu đồ đệ “Cụ” trong ngày 11-11-63 thì trốn Mỹ, sau khi cách mạng thành công, thì bước ra “chỉ điểm” cho cách mạng về tội lỗi Ngô Đình, rồi vài năm sau lại tổ chức “Phục Hưng Tinh Thần Cụ”...

Một vòng Ta Bà

Bán Nguyệt san **Việt** số 5 ngày 1-11-1983 tr. 5 và 6.

47. LÝ ĐÀI NGUYỄN

- Tác giả **Đòng Sinh Mệnh Văn Hóa Việt Nam** và nhiều tác phẩm nghiên cứu chính trị, văn hóa, tôn giáo

- Trong nhóm chủ trương Nhật báo **Sóng Thần**, Sài Gòn

...Người Mỹ xuất hiện tại miền Nam Việt Nam qua lá bài Ngô Đình Diệm

...Ngô Đình Diệm về nước với **sự bảo trợ trọn vẹn của Giáo hội Đạo Thiên Chúa**, lại được các đoàn thể và nhân sĩ quốc gia đón nhận thật tình. Thế nhưng Ngô Đình Diệm đã về nước mang theo một sứ mạng quốc tế mới: **Đánh tan mọi lực lượng của Pháp là các Giáo phái miền Nam. Theo quan niệm của người Tây phương, bình diện đó là lực lượng duy thần của Đạo Thiên Chúa.** Chính vì tính cách quốc tế này mà các đoàn thể, nhân sĩ quốc gia trở thành lạc lõng.

...Quốc dân lần lần bỏ nhà Ngô. Nếu họ không đi với Cộng Sản thì nấp vào cửa chùa. Hình thái Phật giáo, từ ngàn xưa vốn đã lẫn vào dân tộc, giờ đây bị nhà Ngô đẩy vào thế phải lộ mặt thành lực lượng cụ thể. Sau khi triệt hạ các giáo phái miền Nam, đánh tan lực lượng quốc gia rồi, nhà Ngô đặt Phật giáo làm đối tượng cuối cùng ở Việt Nam. Quyền hành từ nay lãnh tụ cai trị Ngô Đình Diệm chuyển dần sang tay lãnh tụ chính trị Ngô Đình Nhu, Tổng Bí thư đảng Cần Lao Nhân Vị.

...Thất bại của Nhu là ở chỗ bỏ địa bàn chiến lược quốc tế để rút về chiến lược quốc gia. **Vì chín năm cai trị Nhu-Diệm đã đánh mất yếu tố căn bản của dân tộc là nhân tâm bằng sự dung túng thổi nát, bằng hành động tiêu diệt tôn giáo Người Việt, nhất là khối Phật tử trung thành, không thể chấp nhận chủ trương Thiên Chúa giáo hóa miền Nam.**

...Để thỏa chí vẫy vùng và tự kiêu tự đại. Nhu ngầm liên lạc với Pháp, với Cộng Sản để gây sứt mẻ thống nhất Việt Nam trong hòa bình. Thế nhưng chí bất cập lực, vì quá tham lam nên chuốc lấy thảm

bại. Sau khi được Pháp và Cộng Sản ngầm giúp, Nhu dùng Diệm để cầm chân Mỹ rồi thẳng tay triệt hạ lực lượng chống đối cuối cùng là Phật giáo. Nhưng ngọn lửa tự thiêu bùng lên, lớp trẻ lao xuống đường làm cách mạng...

Dòng Vận động Cách mạng Việt Nam

Sài Gòn tháng 6 năm 1967, trang 18, 19 và 20

48. TRẦN NHẢ NGUYỄN

- Nhà báo.

- Bình luận gia chính trị của một số báo chí Hải ngoại.

...*Bài học của nền Đệ Nhất Cộng Hòa: Lý thuyết chỉ đạo không thực tế, chiến lược mâu thuẫn, thiếu cán bộ đứng đắn và có khả năng, không nắm vững chiến thuật, lẫn lộn gia đình với quốc gia, không kết hợp được các mặt chính trị trên cùng một chiến tuyến, không thống hợp được toàn dân... Sự thất bại nhất định phải đến.*

Tạp chí **Độc Lập** số 4/83, Tây Đức 4/1983 tr. 27, 28.

49. HAO NHIÊN (bút hiệu của ông TRẦN THẾ NGŨ)

- Giáo sư.

- Trí thức Thiên Chúa giáo.

Đúng như lời bàn của Cụ Lê Minh Trục và của Cao Thế Dung trong các bài báo đã nêu trên từ 1940 đến 1975 chỉ có và chỉ có tập đoàn Cộng Sản do Đế Quốc Nga Xô lãnh đạo và tay sai ủy nhiệm Hồ Chí Minh-Lê Duẩn tương tranh với tập đoàn tay sai Tư Bản do Đế Quốc Mỹ lãnh đạo và tay sai các Chính phủ ủy nhiệm miền Nam (Diệm - Nhu rồi Thiệu). Không ai phủ nhận hai anh em cố Tổng thống Diệm đều là những nhà ái quốc muốn nhân làm tay sai giai đoạn để có phương thế chống Cộng và phát triển xứ sở. Nhưng vì lý do nào đó và vì dựa lưng vào Mỹ nên không được sự hợp tác mà còn bị các thành phần dân tộc chống đối mãnh liệt. Trong khi ấy quan thầy Mỹ lại đổi chánh sách nên giàn cảnh để thanh toán một cách hợp lý hai anh em nhà Ngô và xóa tan nền Đệ Nhất Cộng Hòa. Tôi xin gọi chế độ miền Bắc là bọn thuần túy tay sai; chế độ miền Nam Đệ Nhất Cộng Hòa là tay sai bán phần và chuẩn bị gỡ vòng nô lệ của quan thầy bị thất bại. Nền Đệ Nhị Cộng Hòa là tập thể quân phiệt tay sai toàn phần. Bằng chứng là Diệm, Nhu, Cần bị thảm sát và Thiệu, Khiêm, Viên, Quang được rước đi với đầy đủ gia nhân và hành trang một cách an toàn để hưởng cảnh về hưu an lạc.

Cao Thế Dung cũng đồng quan điểm đó một cách dứt khoát là

tất cả thành phần dân tộc dù ở đảng phái, tôn giáo, công chức, nông dân v.v... đều bị đàn áp thẳng tay và còn bị cưỡng bách, trưng dụng khai thác phục vụ guồng máy tay sai hai miền Nam-Bắc.

Chúng ta có mất nước không?

Bán nguyệt san Thức Tỉnh số 103, Los Angeles Hoa Kỳ, 1983, trang 16.

50. NGUYỄN KHẮC NGŨ

- Giáo sư Sư Địa Đại Học Sài Gòn.

- Sử gia, tác giả **Những Ngày Cuối Cùng của VNCH**.

... Trong khi ấy ở miền Nam, Ngô Đình Diệm lại áp dụng chính sách độc tài, gia đình trị. Ông và em ông đã tổ chức Đảng Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng, lập các cơ cấu mật vụ để củng cố chính quyền. Ông dẹp các đảng phái quốc gia, đàn áp các phe đối lập nên dân chúng càng ngày càng chán ghét và ngã về phía Việt Cộng một cách dễ dàng. Từ đó tình hình miền Nam ngày càng bi đát, Việt Cộng mở rộng các khu vực ảnh hưởng, kiểm soát được đến 50% diện tích nông thôn.

Những Ngày Cuối Cùng Của VNCH

Nguyễn Khắc Ngũ-Montreal Canada 1979, tr. 4, 5.

51. NGUYỄN NHO

... Với cơ hội ngàn vàng ấy: thiên thời địa lợi nhân hòa, ông Diệm đã làm được gì cho quốc gia? Thay vì bắt tay vào việc xây dựng, bắt nguồn từ hạ tầng cơ sở, lòng bất tiêu diệt những con chốt nằm vùng gài lại để tránh hậu hoạn sinh sôi nảy nở, thì lại dùng phương tiện quốc gia vào việc suy tôn cá nhân, tung hô, kết bè, nịnh bợ... tiếp theo sau là sự chia rẽ, đàn áp tôn giáo, kỳ thị địa phương, trong mưu toan củng cố địa vị, áp đặt một thể chế giật lùi của chế độ phong kiến.

Biển cổ 1963 là biển cổ tất nhiên phải tới.

Từ 20/7/54 đến 30/4/75

Tạp chí **Đông Phương** số 5, tháng 8/1983 Midway City, Hoa Kỳ.

52. LÊ QUANG OÁNH

- Linh mục Thiên Chúa giáo

Kính thưa quý vị,

Chúng tôi, LM Lê Quang Oánh nhân danh khỏi Giáo sĩ Đồng

Tâm cùng đại diện các đoàn thể khác của chúng tôi kính gửi đôi lời huyết lệ như sau:

“Rất đau buồn cho thể đạo nhân tâm, xin kính cảm phân ưu cùng quý vị và các quý Phật tử trong cuộc tang thương vào dịp lễ Phật Đản năm nay ở Cố Đô Huế, tán đồng quan điểm đấu tranh cho “Tin ngưỡng Tự Do”, không đào ngũ, không yếu hèn. Kìa dưới quốc kỳ Việt Nam bao chiến sĩ anh hùng ta hy sinh trên khắp ngã đường đất nước. Tinh thần ái quốc ấy từ lâu đã được hun đúc bởi tinh hoa các tôn giáo tự nhiên và siêu nhiên.

“Xin nghiêng mình mặc niệm các linh hồn tử sĩ, chia buồn với gia đình họ và an ủi các nạn nhân trong cuộc đổ máu này.

“Chúng tôi lên án “tội bất công” đã giết hại đồng bào vô tội. **Thật là tàn bạo, dã man, phản dân chủ, phản tự do, phản đạo đức, làm nhục cho quốc thể Việt Nam, một nước văn hiến trên bốn ngàn năm lịch sử.**

“Dám quả quyết rằng “Nhân Nghĩa” sẽ thắng. Những màu cờ tượng trưng cho công bằng, bác ái, nhân đạo và hòa bình như quốc kỳ Vatican, Hội kỳ Hồng Thập Tự, Đạo kỳ Phật giáo, Thánh kỳ Maria vẫn còn mãi mãi tung bay trên đất Việt thân yêu và khắp toàn cầu, mặc dầu có sàm ngôn xuẩn động **xúc phạm tinh thần Phúc âm mà Đức Giáo Hoàng đã diễn đạt trong thông điệp Hòa Bình Trên Thế Giới, một văn kiện rất thời danh.**

“Đức Giáo Hoàng Joan 23 khi tiếp phái đoàn Phật giáo Nhật Bản đã nói với 19 Thượng Tọa rằng: “Công giáo và Phật giáo chúng ta đều phụng sự cho Hòa Bình”.

Trên hồ Than Thờ Đà Lạt 12 tháng 5 năm 1963.

Đồng ký với Linh mục Lê Quang Oánh trong lá thư gửi Hòa Thượng Hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, và Thượng Tọa Trị sự trưởng Giáo Hội Tăng Già Nam Việt gồm có các vị sau đây:

- Linh mục: T. Võ Quang Thiêng.
- Nữ sinh M. Ngọc Lan Hương.
- Lao công A. Hoàng Trì Siêu.
- Thân hào N. Thanh Lục.
- Tu sĩ P. Viên Tô Tư.
- Giáo hữu B. Huỳnh Phú Sở Sĩ.
- Thanh niên V. Lao Kim Chi.
- Nhân sĩ M. Đào Văn Hộ.

Thư này còn được sao kính gửi Đức Khâm sứ và các Linh mục Công giáo.

Việt Nam Phật Giáo Tranh Đấu Sử
Hoa Nghiêm, Sài Gòn 1964. Trang 159, 160.

53. NGUYỄN HỮU PHIÊM

- Bác sĩ Y Khoa

- Cựu Bộ trưởng thời Quốc trưởng Bảo Đại.

... Có người cho rằng, dù cho có giao du với Nhất Linh thì đã sao, nhất là trong trường hợp tôi, vốn quen biết anh từ lâu, lại là thầy thuốc của gia đình anh nữa; nhưng theo tôi, phải **sống dưới chế độ độc tài, như chế độ họ Ngô, mới thấy rằng người dân không có quyền gì hết đã đành, lại không có cả cái quyền chơi với bạn nữa, nhất là khi người bạn đó lại đứng về phe đối lập như Nhất Linh. Nếu không tất sẽ bị khủng bố, và nếu là một công chức, sẽ bị sa thải, “nồi com sẽ bị bẻ”** như ta nói. Điều bi đát này chính tôi đã được tai nghe một cựu công chức cao cấp của Ngô triều thuật lại.

... Nhất Linh (...) trút hơi thở cuối cùng trong đêm hôm đó. Anh đã được toại nguyện, **đã được chết ngày 7-7-63 là ngày “song thất” của kẻ đã phản dân hại nước.**

... Cái chết của Nhất Linh đã gây nhiều bối rối cho chính quyền Ngô Đình Diệm, nhất là cho vợ chồng Ngô Đình Nhu, lòng lộn lên như con thú dữ. Chúng sợ người sống đã đành, chúng sợ và thù ghét cả người chết nữa, những người chết công kênh (*les morts encombrants*) như chúng tôi nói.

Trước kia chúng sợ cái chết của Thượng Tọa Thích Quảng Đức, ngày nay chúng sợ cái chết của Nhất Linh, không những vì Nhất Linh là một chiến sĩ Cách mạng quốc gia có rất nhiều uy tín ở trong nước cũng như ở ngoại quốc, mà lại còn là một văn hào tên tuổi, được giới thanh niên trí thức mến chuộng.

Tôi dám nói, không sợ nói ngoa, là từ lúc Nhất Linh nằm xuống cho tới khi đưa anh về nơi an nghỉ cuối cùng ở nghĩa trang Gò Vấp, chính quyền Ngô Đình Diệm đã mất ăn mất ngủ, và tìm đủ mọi cách để phá. Bằng cớ là ngay sau khi anh mất, họ ra lệnh làm một cuộc phẫu nghiệm tử thi (*autopsie*), mặc dầu không có sự ưng thuận của gia đình.

... Công an và mật vụ của Nhu-Diệm nhiều thật đấy nhưng chúng đâu có ngăn nổi anh em sinh viên kiên cường của Nhất Linh từ nhà xác ra tận xe tang. Có người khóc Nhất Linh để thương tiếc một chiến sĩ quốc gia chống Cộng, suốt đời tranh đấu cho tự do dân chủ thế mà lại bị những kẻ đội lốt quốc gia bức tử.

Chân Dung Nhất Linh

Nhiều tác giả, Văn xuất bản tại Sài Gòn tháng 6/1966 các trang 20, 24, 27, và 34.

54. LÊ PHỔ

- Giáo sư Mỹ thuật Paris

- Cố vấn Mỹ thuật Chính phủ (1950-1954)

... Tôi chỉ là một họa sĩ, tôi không làm chính trị. Chỉ một lần, hồi Thế chiến thứ hai, tôi cùng với Bửu Hội và Phạm Duy Khiêm đăng lính chống Đức. Nhưng đây là sự tham gia của trí thức chống nạn Đức Quốc Xã. Thời Bảo Đại tôi được mời làm Cố Vấn Mỹ thuật, không có gì chính trị. Tôi chỉ muốn làm đẹp cho quê hương. Tôi ghét phải chống sự hung ác, giết người. Ông Bảo Đại tuy chẳng làm được gì nhưng không hại ai, không giết nhiều người. Ông Diệm không hung ác, nhưng các em ông ấy, **Nhu, Cán..., và gia đình ông ấy quá tàn bạo, họ giết quá nhiều người.** Thời Nguyễn Văn Thiệu cũng vậy. Lý do vì sao tôi không muốn về Việt Nam qua các triều đại này, dù có nhiều anh em mời mọc, thúc hối. Nhưng lòng tôi vẫn mong có một ngày trở lại để làm một cái gì cho nghệ thuật Việt Nam. Đối với Cộng Sản ấy à? Dĩ nhiên tôi cực lực chống đối.

Họa sĩ Lê Phổ, Người vẽ năng

Giải phẩm Quê Mẹ Xuân Giáp Tý số tháng 2 Paris 1984, tr 19.

55. QUANG PHUC

- Nhà báo

... Thêm lần nữa, nhân dân Việt Nam đã chiến thắng. Tiếng súng cách mạng ngày 1-11-63 đã xô đổ tan tành chiếc ngai vàng của một bạo chúa.

... Ngay sau khi ông Ngô Đình Diệm tuyên bố thành lập nền Cộng Hòa Việt Nam, sự chống đối đã phát hiện. Các đoàn thể Cách mạng cũng như các lực lượng Giáo phái đã công bố nhiều tài liệu vạch trần các thủ đoạn xảo trá của ông. Và một sự việc quan trọng đã xảy ra: đó là sự ra đi của một nhóm đông trong lực lượng Cao Đài Liên Minh vì lực lượng Cao Đài đã từng về hợp tác với ông Diệm từ gần một năm trước. Những người đầu tiên bày tỏ thái độ tích cực này dĩ nhiên không phải là những người thiếu thiết tha với một chính thể Cộng Hòa. Nhưng đồng thời với sự thiết tha đó, họ còn đòi hỏi sự **trong trắng và ngay thẳng** nơi những người lãnh đạo quốc gia. Chính vì thế mà trong khoảng thời gian cuối năm 1956, sang đầu

năm 1957, họ đã lần lượt ra đi sau khi gửi về cho ông Diệm những lá thư đầy lời lẽ chua chát. Trong các thư này, những người lãnh đạo các lực lượng trên đã mong ông Diệm coi thái độ của họ như một lời cảnh cáo để thôi tiếp tục **sự lường gạt nhân dân và lường gạt những người thực tâm yêu nước**. Tuy nhiên, ông Diệm không phải là một người dễ dàng phục thiện. Ông đã tự vạch ra một con đường và ông không muốn đổi hướng. Sự may mắn giúp ông thoát khỏi cuộc mưu sát tại Ban Mê Thuột trong thời gian kế đó càng khiến ông tin ở con đường của ông hơn. Thực ra, người ta cũng có thể bảo là con giặc dữ đã buộc ông không phục thiện. Nhưng bề nào thì con đường ông đi vẫn không khiến thỏa mãn ước nguyện của nhân dân Việt Nam. Đó là lý do khiến mỗi ngày nhân dân càng thêm xa ông và phong trào đòi lập phủ phát triển mạnh mẽ. Giữa khoảng đại dương ngậm sóng đó, ông Diệm đã lèo lái con thuyền địa vị của ông bằng cách hạn chế mọi quyền tự do, từ tự do ngôn luận, tới tự do lập hội. Ông cố gắng đào tạo một số tay sai trung tín và tiếp tục đi sâu vào con đường vì nhà vì cá nhân ông chứ không vì đất nước. Thời gian này khó kéo dài cho tới năm 1960 và người ta có thể coi là khoảng thời gian tương đối nhàn hạ nhất của ông Diệm. Các phong trào cách mạng, các đoàn thể chính trị đòi lập, vì còn phải lo củng cố thêm hàng ngũ nên đã cẩn rắng nhường bước cho ông tung hoành.

Đất nước chuyển mình

Nguyệt san Minh Tân-Hội Khổng Học Việt Nam

Số tháng Giêng 1964, Sài Gòn trang 8 và 9.

56. THIÊN NHẤT PHƯƠNG (bút hiệu của ông NGUYỄN VĂN CHỨC)

- Cựu Nghị sĩ Quốc hội Đệ Nhị Cộng Hòa

- Luật sư.

- Trí thức Thiên Chúa Giáo.

... Bài học Tối Cao Pháp Viện là bài học “trí thức hèn hạ”. Trí thức hèn hạ, cũng giống như tướng lãnh hèn hạ, cũng giống như đũa vô học hèn hạ. Ba hạng người này gặp nhau ở một điểm: dễ thay đổi chủ, dễ trở cò. Lịch sử ngay trước mắt: **Hầu hết những kẻ xu nịnh Nguyễn Văn Thiệu cũng là những kẻ xu nịnh nhà Ngô**. Các ông Trần Văn Lắm, Trần Trung Dung, Ngô Khắc Tinh, Phạm Như Phiên, Vương Văn Bắc... các tướng Trần Văn Đôn, Huỳnh Văn Cao... Lịch sử ngay trước mắt: Trần Văn Đình, cựu Đại sứ Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn, một trí thức thâm nhuần “Cần Lao Nhân Vị” hiện

nay đang hoạt động cho Cộng Sản trên đất Mỹ.

Khuyến

Tạp chí **Việt Nam Hải Ngoại** số 33, ngày 1-10-1978-San Diego, Hoa Kỳ.

57. TRẦN KIM QUAN

- Dược sĩ.

- Phó Chủ tịch Hội Truyền Bá Quốc Ngữ.

- Tổng Thư ký Hội Hồng Thập Tự Việt Nam.

- Được Việt Cộng mời giữ chức Chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam nhưng từ chối vì thân phụ bị Việt Minh sát hại.

*Năm 1954, Cộng Sản vẫn còn núp dưới chiêu bài dân tộc trong khi Ngô Đình Diệm, một cựu Thượng thư của triều đình phong kiến Huế, trước làm việc cho chế độ Thực dân Pháp, sau lại móc nối với Mỹ và do Mỹ đưa về Việt Nam. Dưới mắt tôi lúc đó, **Diệm đại diện cho cá nhân và gia đình ông ấy, làm tay sai cho Mỹ** và âm mưu gây lại chiến tranh. Chính vì nghĩ như vậy, tôi chủ trương lập Phong Trào Bảo Vệ Hòa Bình.*

Phỏng vấn của **Tạp chí Việt Nam Hải Ngoại** số 76 ngày 31-7-1980-San Diego, Hoa Kỳ, trang 64.

58. LÊ QUÂN

- Bút hiệu của một cựu giáo sư Viện Đại học Huế.

- Nhà Văn, nhà báo.

*... Nhưng chế độ ông Diệm đã sụp đổ. Quá khứ đã qua rồi. Những con người của một thời đã qua đó cũng đã không còn như cũ. **Khơi lại đồng tro tàn của lịch sử là điều vô ích nếu nó không nhằm mục đích soi sáng cho hiện tại.** Ở đây bên việc đánh tan những áng mây ngộ nhận, xuyên tạc đã từng làm xót xa quần chúng Phật tử, việc khơi lại nó cũng còn cho chúng ta những bài học lịch sử quan trọng không kém. Đó là những bài học về sự tồn tại và hủy diệt của một chế độ, về sự cần thiết phải tôn trọng và phục vụ cho sự công bằng xã hội, phải tôn trọng và phục vụ vì nỗi đau khổ và khát vọng của muôn dân, cũng như phải nhớ rằng: **Cái chết bất cứ của một người dân-dù nhỏ bé đến đâu-tự bản chất cũng đều mang tất cả cái ý nghĩa đau khổ như cái chết của một bậc Đế Vương to lớn.** Chính trong những bài học về sự tồn tại và hủy diệt như thế mà chúng ta đứng mạnh lên đường đi tìm một bình minh mới cho Tổ quốc với tất cả niềm tin của những con người Việt Nam đã được nuôi dưỡng bằng*

giáo lý chân chính của bất kỳ tôn giáo nào: Cao Đài, Hòa Hảo, Thiên Chúa giáo, Nho giáo, Phật giáo thì hôm nay vẫn cùng đứng trên một mảnh đất: Dân tộc; vẫn cưu mang cùng một nỗi khổ: Cộng Sản; và đều cùng một khát vọng giải thoát khỏi tai họa Cộng Sản ác nghiệt.

Những xuyên tạc, ngộ nhận về Phật giáo Việt Nam

Nguyệt san **Khai Phóng** số 3 ngày 30-4-1981-Los Angeles.
Trang 39 đến 48.

59. PHAM NAM SÁCH

- Luật sư

- Nghị sĩ Quốc hội Đệ Nhị Cộng Hòa Việt Nam.

... Ông Diệm vốn giòng quan lại, chịu ảnh hưởng Nho học, trọng lễ quân sư phụ và tin vào ngũ thường trong cách xử thế. Quan niệm thiên mệnh của nhà Nho khiến ông Diệm tin rằng ông có một sứ mệnh Thượng Đế trao cho để cứu dân Việt khỏi tai ương Cộng Sản. Như một ông vua tin vào thiên mệnh, ông Diệm cũng tin vào thiên mệnh. Và dần dà ông hành xử như là đại diện có uy quyền của **Thượng Đế thực**. Vốn quan lại từ trong nôi, từ nhà trường (Quốc học Huế, Hậu bổ Hà Nội) và từ trong nếp nghĩ đến hành động mỗi ngày, ông Diệm tự coi như là một thứ “dân chi phụ mẫu”. Ông không chịu nhận ra chân lý nếu đó không phải là chân lý của ông. Ông tự cho một lời nói, một việc làm của ông là gương mẫu, mọi người phải y thế mà làm...

Nhưng bắt đầu từ năm thứ tư (1959) trở đi thì uy tín và hiệu quả chính trị của ông đi xuống. Nó khởi sự đi xuống với bộ luật Gia đình mà tác giả không ai khác hơn là bà Ngô Đình Nhu, nhũ danh Trần Thị Lệ Xuân. Người ta đồn đại rằng câu chuyện cảm ly hôn này chỉ để cột chặt chân ông C. chồng bà Trần Thị Lệ Chi, bào muội của bà Nhu. Qua đạo luật gia đình, người thức giả nhận thấy ảnh hưởng rõ rệt của Thiên Chúa giáo. Từ nhận định này nhem nhúm dần dần cái ý nghĩ rằng ông Diệm muốn đem cả dân Việt miền Nam vào đạo Thiên Chúa. Không thể phủ nhận vai trò ưu tiên của Thiên Chúa giáo trong thời gian ông Diệm ở chánh quyền. Từ lý thuyết, triết lý Cần Lao Nhân Vị, qua hành động người ta đều cảm thấy hoặc nhìn thấy bóng dáng những vị linh mục, những nhà xứ. Trung tâm nghiên cứu, phát triển và huấn luyện cán bộ cho lý thuyết Nhân Vị là thị trấn Vĩnh Long, nơi được mệnh danh như Vatican của VNCH. Quân nhân, công chức, từ nhỏ đến lớn thầy đều phải theo học lớp huấn luyện Nhân Vị ở Vĩnh Long. Soạn thảo và phụ trách huấn

luyện phần lớn là các linh mục dưới sự giám sát của giám mục Ngô Đình Thục.

... **Biến chính 1 tháng 11 năm 1963 chỉ là một cái gì phải có để kết thúc một giai đoạn suy vi thậm tệ của miền Nam.** Ông Diệm ít nhiều đã biết đến tình trạng suy thoái trong sự lãnh đạo của ông. Vốn tính bướng bỉnh, tự kiêu ông không nghe những lời khuyên cáo. Ngược lại chế độ mỗi ngày một đi vào sai lầm tệ hại. Hàng ngũ nịnh thần mỗi ngày một đông và người thức giả chỉ còn bưng tai bịt mắt nếu không phải nằm trong lao tù. Ngay những người Thiên Chúa giáo cũng nhận ra sự lung lay của chế độ và một số đã lên tiếng yêu cầu ông Diệm cải tổ Chính phủ và sửa đổi chính sách...

Về Ngày 1-11-1963

Tạp chí Hồn Việt số 3 Bộ Mới năm thứ 8, California Hoa Kỳ, trang 23, 45 và 63.

... Từ năm 1954 đến 1963, chế độ bán phong kiến và bán thuộc địa đã giam cầm dân tộc ta trong bùn lầy của **ích kỷ giòng họ và cá nhân, của những tư tưởng lạc hậu, phản dân tộc và phản tiến bộ.**

Biến chính 1 tháng 11 năm 1963 có được kết quả vì nó đúc kết ý nguyện toàn dân. Nhưng những kẻ chủ xướng không mang bản chất cách mạng, đầu óc ít nhiều nhiệm tánh nô lệ, hưởng thụ cá nhân, kém coi về cả chính trị lẫn học vấn, đức bạc mà tham vọng cao, nên thay vì mở ra một chu kỳ cách mạng cho nhân dân thì lại **khép kín trong quyền lợi quân phiệt với nhau, nhắm mắt làm theo nước ngoài để an bề địa vị.** Quyền lợi của hai đế quốc Tây và Đông, vốn xung đột, giờ đây tìm được thí điểm là đất nước chúng ta.

Chính Danh Kháng Chiến

Tuần báo Tin Việt số 39, ngày 28-10-1984, Santa Ana, Hoa Kỳ.

60. SÁNG DỘI MIỀN NAM

- Tạp chí. (Xuất bản tại Sài Gòn từ thập niên 1950’).

Trong chính thể cũ của nhà Ngô, vì kẻ cầm quyền bất tài nên ghen sợ người tài và vì độc tôn nên không ưng cho ai có ý kiến gì khác lạ góp vào việc trị nước an dân. Bởi thế mà ngoài số nhân tài bị tù đầy ám hại, ngoài số người rút ra hải ngoại lưu vong, đại đa số người khác đã thụ động để kháng và nhân dân hết sức dửng dưng với mọi chính sách nhà nước.

Vận Hội Mới

Bài Quan Điểm, Tạp chí Sáng Dội Miền Nam bộ mới số 1, Sài Gòn 1964.

61. DOÃN QUỐC SĨ

- Nhà văn, tù nhân Lương Tâm của Amnesty International (sau 1975)
- Giáo sư Đại học Văn Khoa và Đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn.
- Tác giả cuốn: **Ba Sinh Hương Lửa, Người Việt Đáng Yêu, Khu Rừng Lau**, và rất nhiều tác phẩm nghiên cứu văn chương khác.

Bảo là người Mỹ đã giết Diệm. Không! Diệm đã chết trong lòng dân tộc từ lâu. Mỹ chỉ đến lượm xác sống của y.

Giai phẩm Chó

Đăng lại trên Tạp chí **Việt Nam Hải Ngoại** số 8 ngày 15-9-1977 San Diego, Hoa Kỳ.

Sau khi dân tộc đã bị Hồ Chí Minh lừa, Ngô Đình Diệm là một trường hợp hãn hữu được dân tộc trao trọn vẹn cho niềm tin trước khi y tự chứng minh bằng cách hành động. Diệm không biết hưởng diễm phúc đó. Quyền hành đã nắm trọn và chia cho anh em trong nhà. Kinh tế quốc gia đã nắm trọn và ban tài phát lộc cho gia nô. Nghĩ rằng như vậy thì Tần Thủy Hoàng từ nhất thế đến vạn thế là điều chắc rồi còn gì. Nhưng dân tộc đã nói KHÔNG, và lưỡi cày Kim Cương đã cày ruộng đất đứng của y rồi còn đâu.

Người Việt Đáng Yêu, Lời Mở Đầu

Nhà xuất bản Sáng Tạo, Sài Gòn, 1965.

62. NGÔ QUỐC SĨ

- Giáo sư, nhà thơ.
- Trong nhóm chủ biên Tạp chí *Ngày Về*, Colorado và California.

... Trở lại trường hợp Việt Nam, sự khủng hoảng niềm tin cũng đã tạo nên bao rối ren và đưa tới những thất bại ê chề. Giai đoạn 1956 đến 1960 được coi là giai đoạn tạm ổn định nhờ sự tin tưởng của dân chúng vào chính quyền. Nhưng sau đó, những lỗi lầm của gia đình họ Ngô đã làm cho dân chúng dần dần mất tin tưởng. Sự chống đối càng ngày càng mạnh và sự xâm nhập của Cộng Sản, vì thế, càng ngày càng gia tăng.

Niềm Tin Và Lễ Tất Thắng

Tạp chí Người Việt Tự Do số 63, ngày 15/7/1980 Tokyo, trang 37.

63. LÊ VĂN SIÊU

- Giáo sư Đại học Văn Khoa, Đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn.

- Sử gia.
- Tác giả các công trình nghiên cứu văn hóa và văn minh Việt Nam: **Việt Nam Văn Minh Sử Cương** (1967), **Việt Nam Văn Minh Sử Lược** (1972), v.v...

... Về sách và báo chí thì hồi tiền chiến, dưới thời Pháp thuộc, văn nhân ký giả còn hưởng được nhiều tự do dân chủ hơn dưới chính thể Cộng Hòa (NDD) ngày nay.

Tập Kỷ Yếu hội Bút Việt được trích đăng lại trong

“Văn Hào và Nhà Cách Mạng Nguyễn Tường Tam”.

Tạp chí **Khai Phóng** số 5 ngày 1-9-1981 từ trang 27 đến 33.
Los Angeles, Hoa Kỳ

64. TRƯƠNG BẢO SƠN

- Chiến sĩ Cách mạng (Việt Nam Quốc Dân Đảng)
- Giáo sư.
- Nhà văn.

*... Anh đã biết thoái. Anh đã sửa soạn bước thoái của anh kịp thời đúng lúc. Chết để **dội thêm trái bom vào cái chế độ độc tài tàn bạo của anh em Ngô Đình Diệm**. Chết để thức tỉnh biết bao nhiêu người nhất là giới thanh niên, sinh viên và học sinh. Để thúc đẩy cho cuộc cách mạng toàn dân sớm bùng nổ và hoàn thành. Cái chết của anh cũng tuyệt hảo, cũng cao cả, đẹp như sự nghiệp văn chương và cách mạng của anh.*

Chân Dung Nhất Linh

Đại Nam, Sài Gòn, tái xuất bản tại Hoa Kỳ tr. 14.

(Về cuộc tự vận của văn hào Nhất Linh để chống lại chế độ Ngô Đình Diệm).

65. LÊ TÁ

- Cựu Hiệu trưởng trường Trung học Võ Tánh, Nha Trang.
- Cựu Thanh tra Nha Trung học.

... Nói về chuyện cũ, tôi kể anh nghe thêm về ông Diệm. Tôi có ba người thân biết rõ ông Diệm kể như sau:

1. Ông Huỳnh Hòa. Hồi cuối tháng 6/54, Huỳnh Hòa và tôi đến Paris. Đến nhà người bạn là Cao Văn Chiểu, bí thư của ông Diệm tại Pháp. Ông này nói: hai anh ở bên nhà mới qua, để tôi giới thiệu với Cụ để hai anh nói cho Cụ rõ tình hình chứ Cụ cứ tin mấy cái thơ ở bên nhà, sai hết. Tôi không đi, chỉ Huỳnh Hòa đi thôi. Đi về, Huỳnh Hòa kết luận: ông Diệm rất tầm thường, không có ý thức

chính trị nữa là khác.

2. Một người bạn thân, giáo viên người Huế, bạn học với ông Diệm ở trường Pellerin (Huế). Ông Diệm đậu Diplome, ông ta hỏng. Ông này cũng nói ông Diệm không có gì đặc biệt hết, tâm thường lắm.

3. Đại tá Nguyễn Quang Hoàn thì nói mỗi khi ông Diệm đi kinh lý hoặc khi nào cần nói điều gì thì Trần Ngọc Liên, Bộ trưởng phải soạn trước cho ông.

Riêng tôi thì có lần các Hiệu trưởng Trung học và Thanh tra họp ở Sài Gòn, được ông Diệm tiếp tại dinh Độc Lập. Tôi bị ngồi hàng ghế đầu, cách ông Diệm 3m. Thật là một giờ cực hình. Ông ta nói gì mà không đầu đuôi thứ tự gì hết. Đụng đầu nói đó. Buồn ngủ quá sức mà cũng phải ráng mở mắt.

Trích thư riêng từ Olympia, Washington ngày
12/4/1984 gửi ông Lê Nguyên Long ở Fresno và
được giao lại cho tác giả để làm tài liệu.

66. TRƯỜNG NHƯ TẮNG

- Cựu Bộ trưởng Tư Pháp của Chính phủ Lâm Thời Cách Mạng Miền Nam (Mặt trận Giải phóng Miền Nam). Từ bỏ hàng ngũ Việt Cộng, chống lại Cộng Sản Hà Nội, vượt biển tìm tự do và tị nạn chính trị tại Pháp từ năm 1978.

- Tác giả *Mémoires d'un Vietcong*

Trong vùng Cao Nguyên được gọi là “Người Thượng” chính sách của Diệm thật là tàn nhẫn và hủy hoại. Để kiểm soát dân Thượng, công chức và binh sĩ đã dùng võ lực đuổi dân các Làng Thượng về vùng thung lũng làm cho họ phải xa lìa đất đai và mồ mả tổ tiên. Tại tỉnh Ban Mê Thuột cũng như tại nhiều nơi khác, những tập quán xã hội vốn đậm sâu gốc rễ từ lâu đời bị biến động do những vụ di dân áp buộc làm cho người Thượng xem như là một chính sách hoàn toàn tàn bạo không chối cãi được.

Cho đến cuối năm 1958 Diệm đã thành công rực rỡ trong việc làm tan rã hàng ngũ các đối phương và củng cố được chính quyền. Nhưng đồng thời ông ta cũng làm phân hóa nhân dân ra nhiều mảnh và tạo nên một phong trào thù hận khắp nước. Khi mới lên cầm chính quyền, Diệm không được mấy ai biết đến nhưng chẳng bao lâu ông ta tự tạo ra mối căm thù khắp nơi. Ông ta trở thành một nhà độc tài chỉ dựa vào khối người Công giáo Bắc di cư làm hậu thuẫn và những kẻ dựa thế để làm giàu. Tệ hơn nữa ông ta đã sát hại

rất nhiều người yêu nước từng chiến đấu chống Pháp...

Sự ra đời của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam

Mémoires d'un Viet Cong, Paris 1985, trang 83.

67. PHẠM CÔNG TẮC

- Đức Hộ pháp, Giáo chủ đạo Cao Đài.

- Chiến sĩ Cách mạng bị Pháp bắt đày qua Phi Châu từ năm 1940 đến năm 1946 mới được thả cho về nước.

... Chính phủ Ngô Đình Diệm chưa thực thi dân chủ và chưa hành động đúng chính sách của Mặt Trận Thống Nhất gồm nhiều đoàn thể và đòi hỏi một chính phủ Liên Hiệp Quốc Gia, do các đảng phái đã chấp nhận trong bản Tuyên ngôn ngày 3-3-1955.

Hai Mươi Năm Qua

Đoàn Thêm, Sài Gòn 1969, trang 164, 165.

68. TRẦN CÔNG TÂM

- Nhà văn, nhà báo

... Ông Tuần phủ Ngô Đình Diệm trở thành Tổng thống, và ông Đốc phủ sứ Nguyễn Ngọc Thơ trở thành Phó Tổng thống. Điểm khác biệt duy nhất là ngày trước lớp người này lãnh đạo quốc gia Việt Nam dưới sự chỉ huy của Pháp, ngày nay họ lãnh đạo VNCH dưới sự cố vấn của siêu cường Hoa Kỳ.

Được khai sinh bởi Hoa Kỳ và tiếp nối chính sách cai trị kiểu thực dân Pháp nhưng lại theo tinh thần độc tài và phương pháp tàn bạo của Cộng Sản, những người cầm đầu VNCH đã đàn áp và tiêu diệt tất cả đảng phái quốc gia và các lực lượng dân tộc khác, đã duy trì nguyên trạng bất công áp bức do Thực dân Pháp để lại...

Trước khi Cộng Sản Hà Nội gửi hàng trăm ngàn binh lính vào Nam thì chế độ Ngô Đình Diệm đã là môi sinh tốt đào tạo ra hàng trăm ngàn cán bộ Cộng Sản tại miền Nam Việt Nam. Không những xô đẩy dân chúng về phía Cộng sản, chế độ NDD còn xô đẩy những người ủng hộ nó một cách hăng say nhất là QĐVNCH và Hoa Kỳ phải đứng lên chống nó. Cuối cùng, chế độ không có hậu thuẫn quân chúng, không có tinh thần dân tộc, không có tác phong cách mạng này đã bị lật đổ vào ngày 1-11-63.

Những Chế Độ Tự Hủy

Tạp chí Khai Phóng số 10 ngày 15-2-1983. Los Angeles, Hoa Kỳ.

69. TỪ TÂM

- Bình luận gia chính trị Nguyệt san *Dân Quyền*, Montréal, Canada.

... Đảng Cần Lao chỉ có hình thức nên không đóng nổi vai trò một đảng cầm quyền... Mọi hoạt động, đường lối của chế độ đều do cố vấn Ngô Đình Nhu quyết định và **hầu hết đều thuộc các quyền thuộc và những người cùng tôn giáo với Tổng thống Ngô Đình Diệm nắm giữ các chức vụ then chốt của chính quyền trung ương.** Nạn hối mại quyền thế vì thế phát sinh dù không lớn như chế độ sau, nhưng mầm mống của nó đã tiềm ẩn dưới một môi trường tốt.

... Không thể bảo nền *Đệ Nhất Cộng Hòa* tồn tại thì không có tháng Tư đến 1975. Sự thực anh em cố Tổng thống Ngô Đình Diệm chết đúng lúc để tên tuổi họ đi vào lịch sử. Sự thật **mọi diễn biến đưa đến sụp đổ đều không thể tránh khỏi do những sai lầm căn bản.** Toàn bộ chế độ chỉ được lãnh đạo bởi hệ thống thư lại hơn là hệ thống cán bộ có tổ chức, có huấn luyện. Vô tư tưởng, vô đường lối ngắn và dài hạn, đó là những điểm căn bản đưa đến sụp đổ trước một kẻ thù cả quyết, có tổ chức như *Cộng Sản*.

“Bài học lịch sử 30-4”

Tạp chí *Dân Quyền* số 8, tháng 4-1981 Montréal, Canada.

70. NGUYỄN TÂN

... *Cuộc đảo chính của quân đội ngày 1-11-1963, vì được dân chúng ủng hộ nên đã biến cải thành một cuộc cách mạng nhân dân.*

Khi nhận thấy chính thể của Đệ Nhất Cộng Hòa không đáp ứng đúng nguyện vọng của quần chúng và bị dần dần sa lầy trong các cuộc tranh chấp giữa phe phái nguy hại cho quyền lợi quốc dân, quân đội đã phải đứng dậy lật đổ chế độ cũ để tìm cách đưa miền Nam Việt Nam trở lại thiên chức Cách Mạng .

Quân đội trước sứ mạng thực hiện Cách Mạng Quốc Gia

Tạp san Quốc Phòng số 19, Sài Gòn trang 74 và 81.

71. QUÁCH TẤN

- Thi sĩ: **Một Tấm Lòng, Mùa Cổ Điển, Động Bóng Chiều**

- Nhà nghiên cứu, tác giả: **Xứ Trầm Hương, Nước Non Bình Định**

- Giáo sư Trung học Võ Tánh, Nha Trang.

... *Sau khi thanh toán xong các đảng phái quốc gia, tiêu diệt xong các lực lượng đối lập, họ Ngô ra sức củng cố địa vị và bắt đầu đàn áp Phật giáo.*

Phật giáo chủ trương từ bi nhẫn nhục. Người Phật tử luôn luôn tu dưỡng, tánh ôn hòa và bền gan chịu đựng. Tưởng là nhu nhược, họ Ngô không còn che dấu lòng kỳ thị tôn giáo: Chánh sách đàn áp Phật giáo được bộ hạ trắng trợn thi hành. Cờ Phật giáo treo vào ngày Phật Đản 2507, tức ngày rằm tháng Tư năm Quý Mão (8-5-63) bị triệt hạ, súng đạn nã vào đám Phật tử đi dự lễ. Sau đó những cuộc khủng bố tiếp tục.

Xứ Trầm Hương

Lá Bối Xuất bản, Sài Gòn 1970 trang 451.

72. NGUYỄN THÁI

- Chủ tịch Hội Sinh Viên Công Giáo Việt Nam tại Mỹ.

- Tổng giám đốc Việt Nam Thông Tấn Xã, 1955-1961.

- Tác giả **Is South Vietnam Viable?**

... Nếu người ta có thể tìm được một thể chế chính quyền tốt đẹp thì câu hỏi được đặt ra ở đây là chế độ Ngô Đình Diệm có đủ khả năng để đạt đến thể chế đó hay không? Những chứng cứ đầy đủ chi tiết được trình bày trong những chương sách đã chứng tỏ rằng chế độ Ngô Đình Diệm đã không đạt được hai yếu tố: Tư cách chính trị và một nền Hành chánh hữu hiệu. Quả vậy, dù đã viện cớ chống Cộng để áp đặt lên miền Nam Việt Nam một sự cai trị cứng nhắc, tư cách chính trị của ông Ngô Đình Diệm như một nhà lãnh đạo đã bị thách thức trong mấy năm gần đây.

Về yếu tố thứ nhì, người ta có đầy bằng cứ để chứng tỏ cái kiểu cai trị kỳ lạ của ông Diệm khó mà đạt được một nền hành chánh hữu hiệu. Để tóm tắt lại những gì đã trình bày, sau đây là năm lý do của sự thất bại của chế độ Ngô Đình Diệm trong tiến trình trở thành một chính quyền tốt đẹp:

1. *Quan niệm của ông Diệm về chính quyền là một quan niệm không đồng nhất và hỗn độn. Ông đã tạo miền Nam Việt Nam thành một xã hội bị kiểm soát trong khi vẫn ca tụng lý tưởng tự do. Điều này gây nên bất mãn lớn lao trong quần chúng đối với chế độ của ông. Trong khi vừa tuyên bố dân chủ vừa áp đặt độc tài một cách bất nhất, ông đã phá vỡ lý tưởng cao đẹp của một xã hội tự do đồng thời không đạt được sự tổ chức hữu hiệu đặc biệt của một chế độ độc tài. Vừa nửa vời vừa bất nhất, ông đã bị phê bình trên cả hai khía cạnh, bất lực và độc tài.*

2. *Ông Diệm cũng đã đánh mất cái tiếng tăm ngay thẳng của ông: Giữa thời kỳ những loạn chính trị của năm 1954, người dân Việt*

đã tin tưởng có ít nhất là một người, ông Ngô Đình Diệm, sẽ không phản bội dân tộc. Nhưng trong những năm gần đây, nhiều trường hợp đã làm người dân mất tin tưởng ở ông Ngô Đình Diệm, từ đó ông mất cái bùa chú chính trị quý báu nhất của ông: tiếng tăm liêm khiết của ông.

3. Cái âm ảnh phải vượt qua các trở ngại chính trị bằng mọi giá đã làm vờ uy tín của ông Diệm cũng như là một nhà ái quốc, một lãnh tụ quốc gia chân chính. **Mãi coi sự an ninh cá nhân nặng hơn sự an ổn của nhân dân, mãi đặt sự sống còn của chế độ mình lên trên quyền lợi quốc gia, ông Diệm đã mất đi cái hấp lực đối với quần chúng vì xưa nay ông vốn được coi như một người không màng quyền thế.**

4. Chính quyền gia đình trị vô hình của ông Diệm tạo nên một thái độ hành chánh lệch lạc làm nguy hại đến việc thực hiện những mục tiêu của chính quyền miền Nam: chống Cộng và phát triển.

Liên hệ với chính quyền gia đình trị vô hình là những tổ chức hoặc nhân vật núp bóng lợi dụng thời cơ. Họ không để tâm đến sự an sinh của dân chúng mà chỉ nghĩ cơ hội để khai thác chế độ. Họ ủng hộ ông Diệm không bởi lòng tin tưởng ở ông ta mà bởi ông ta có thể làm cho họ vừa giàu có vừa được tiếng phục vụ “Cách Mạng Nhân Vị”.

Trong khi đó, những người thực tâm ủng hộ ông Diệm, những người hết lòng giúp ông ta chống Cộng và khởi đầu cuộc phát triển quốc gia là những người lo lắng cho chính sách “tự phá hủy” của chế độ. Phần lớn những người này vẫn tiếp tục nhiệm vụ của họ ở công sở nhưng trong lòng lại mang một mối ẩn ức là **chế độ đang theo một chính sách sẽ dẫn quốc gia đến thảm họa.** Vài người nổi dậy chống lại chế độ thì bị gởi đi trại cải tạo hay bị bắt buộc phải xuất ngoại.

Bởi vì chế độ không thể chấp nhận chỉ trích, dù là chỉ trích xây dựng, người dân không có một phương cách bất bạo động nào để nói lên đề nghị hay ý kiến có ích lợi cho chính quyền.

Hậu quả là những phân tử muốn cải tổ xã hội đã bị lôi kéo vào những hình thức đối lập quá khích như vào bưng với Việt Cộng hay âm mưu đảo chánh quân sự.

5. Bệnh tôn thờ cá nhân ông Diệm đã tạo thành một tình trạng nịnh bợ phổ quát và những cách cư xử giả dối. Điều này dẫn đến việc che dấu nhà lãnh đạo tình trạng thật của đất nước. Những người thân cận chỉ biết nịnh hót và lợi dụng biết rằng sẽ có cơ hội

cho họ nếu họ giữ những nhà lãnh đạo ở xa quần chúng, nhất là ở xa những người có thể đánh thức nhà lãnh đạo ra khỏi ảo tưởng.

Vì những nhà lãnh đạo thích nghe những lời xiểm nịnh hơn là lời phê phán và vì điều kiện an ninh sa sút tạo nên nghi ngờ, họ trở nên mất tin tưởng người ngoài và chỉ biết đến các thân nhân trong gia đình. **Chế độ trở nên hoàn toàn cô lập.** Những kẻ nịnh hót lợi dụng triệt để để làm giàu nhưng họ không có ý muốn hay khả năng để thu phục nhân dân cho chế độ. Do đó miền quê Việt Nam đã mở rộng cửa cho tuyên truyền phá hoại của Việt Cộng.

Is South Vietnam Viable?

Manila 1962 trang 289-293.

73. LÊ VĂN THÁI

- Phụ tá Giám đốc Sở Nghiên cứu Chính trị Phủ Tổng thống, Chính phủ Ngô Đình Diệm.

... Khi đi cùng chế độ Diệm, dù lỡ làm việc dưới quyền ông Nhu, tôi cũng chỉ thấy mình là một cộng sự viên trên căn bản phục vụ Dân Tộc. Rồi đến 1962, thấy nhà Ngô gây nhiều bất mãn cho quần chúng và nhiều lần nói cùng ông Nhu, và hai lần đã đề cập đến chuyện sửa sai chế độ cùng Bác, tôi đã bắt buộc phải tính chuyện đảo chánh vậy. Tôi đã khởi việc này cùng anh (Trần Kim) Tuyến ngay sau khi vụ Phật giáo bùng nổ ở miền Trung, và anh Tuyến bắt đầu tham dự từ đó...

... Về chuyện Phật giáo và Công giáo, tôi xin thưa Bác, có anh Đình Thạch Bích làm chứng là tôi luôn luôn coi Công Giáo là... nên việc Công giáo ủng hộ các chính quyền đương thời là chuyện dĩ nhiên.

Về Phật giáo thì tôi hoàn toàn đồng ý cùng Bác về sự bất công của Dự số 10 nhưng xin Bác rõ cho là Ngô Đình Thục là thủ phạm chánh trong vụ này...

Thư riêng từ San Diego, Hoa Kỳ gửi tác giả ngày 31-10-1977.

74. VŨ VĂN THÁI

- Nguyên Tổng giám đốc Nha Ngân Sách và Ngoại viện Chính phủ Ngô Đình Diệm.

... Càng ngày cá nhân tôi càng bị sử dụng để tạo ảo tưởng rằng chính quyền Việt Nam đang có một chính sách chặt chẽ. Trong khi đó, thật ra tôi không còn có thể làm việc một cách hữu hiệu nữa.

Is South VietNam Viable?

Nguyễn Thái, Manila 1962, trang 292.

(Trả lời cuộc Phỏng vấn của báo Washington Post, ngày 24-11-1961 để giải thích lý do vì sao đã từ chức Tổng giám đốc Nha Ngân Sách và Ngoại viện vào năm 1961 và tự ý lưu vong đến Hoa Kỳ).

75. ĐOÀN THÊM

- Luật gia

- Nhà văn. Tác giả: *Những Ngày Chưa Quên, Chuyện Từng Ngày*

- Nguyên Đồng lý văn phòng Bộ Phủ Tổng thống thời Đệ Nhất Cộng Hòa.

... Như nhiều người đã biết, ông Diệm ưa coi tướng mạo của nhân viên. “Tình trường nợ mắt trắng môi thâm, Trung tá kia coi bộ chung thủy, Giám đốc kia cổ dài đầu dài như rắn (tête serpent). Phải chăng lâu dần tôi cũng lây phần nào thói quen của ông nên rồi có lúc tự hỏi: Thế còn tướng ông thì sao?”

Và có dịp đi qua phòng ông hay gặp ông là tôi nhìn, nhìn nhiều hơn nghe. Nhìn ông cũng là một cách trốn khỏi những câu chuyện rất dài mà ông hay kể, bên cạnh những vấn đề phải trình lên ông. Nhiều vị đã lảng tai hàng giờ đến nỗi tê chân mỏi lưng muốn ngáp mà vẫn cứ ngậm miệng. Tôi đã mách bí quyết của tôi (nhìn nhiều hơn nghe) vài bạn là hiệu nghiệm, để hiện diện mà vẫn thoát ly, ở trong gang tấc mà vẫn ngoài quan san.

Xét thoáng qua thì đã lắm người coi ông là nhân vật tiêu biểu một cách điển hình nhất cho quan to thời trước mà ông là hiện thân cuối cùng. Người đầy đà, bụng nở nang, mặt to tai lớn; dưới mắt những vị thuộc thế hệ 1922 trở về xưa thì ông đáng vẻ “đường bệ” của nhiều Tổng đốc, Thượng thư, một vẻ rất khó chịu đối với thân kinh của những người ít tuổi hiện nay, vẻ đó còn lộ ra hơn với bộ khăn xếp áo dài: đó là một sự thiệt thòi lớn cho người lãnh đạo vì bề ngoài cũng không thể gây thiện cảm cho thanh niên.

Có người còn cắt nghĩa chức vị Tổng thống bằng tướng “ngũ đoản”: thân ngắn, chân tay ngắn, trán ngắn... Tôi bẻ lại “Thế thì làm rồi, có lẽ ông Diệm: lục, thất, bát đoản mới phải”.

Điểm khác được nhiều người chú ý là dáng đi. Một số chính khách đối lập đã kêu: Chân lạch bạch, hai cánh tay bơi như rùa. Thật ra ông đi rất mau dẫu người cân nặng.

Tôi nghĩ ông đi mau vì hay mắc cỡ muốn tránh những con mắt to mò. Ông dễ đỏ mặt và hay ngượng nghịu khi phải qua hàng ngũ đón chào nhất là nếu có đàn bà phụ nữ.

Ông then mà cố cười, thì tôi liên tưởng đến một kẻ ngây thơ Simplet, một trong bảy anh lùn chạy quanh cô Bạch Tuyết của Walt Disney. Thật khác hẳn khi ông nổi giận: mặt đỏ bừng, đôi mắt đầy oán hận có lẽ vì ông lòng trắng nhiều hơn lòng đen, dung mạo dữ như người say rượu.

Cảm tưởng của tôi về toàn thân ông cũng tương tự như về trí não của ông: một khối vững chắc nhưng nặng nề, **đầy chất nên khó cỏi mở** co tròn và chìm lặng vào trong thì dễ hơn phơi bày rộng rãi...

Những Ngày Chưa Quên

Đoàn Thêm - Nam Chi Tùng Thư Sài Gòn 1969, cơ sở xuất bản Đại Nam tái phát hành tại hải ngoại.

76. NGUYỄN CHÁNH THI

- Trung tướng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.
- Tư lệnh Binh chủng Nhảy Dù năm 1960.
- Cầm đầu cuộc đảo chính 11-11-1960 và sau đó lưu vong tại Cao Miên.
- Tư lệnh Quân đoàn I, 1965.
- Lưu vong tại Hoa Kỳ từ 1966.
- Tác giả hồi ký *Một Trời Tâm Sự*.

... Họ không mong ước gì hơn là quật ngã chế độ phản bội, thói nát của gia đình họ Ngô mà quân đội xem như là thù nghịch (...). Đảo chánh (...) là một cơ hội tốt đẹp mà họ vẫn mong chờ từ lâu để trút nỗi căm hờn của mình, trả thù cho các chiến hữu đã hi sinh, và rửa nhục cho quốc dân.

Chánh phủ Ngô Đình Diệm sau 6 năm cầm quyền đã tỏ ra **hoàn toàn bất lực trong công việc kiến quốc và cứu quốc**, giữa lúc Cộng Sản càng ngày càng tăng áp lực. Ngô Đình Diệm đã áp dụng chính sách độc tài phong kiến, gia tộc trị mù quáng, đặt **những tham vọng ích kỷ của gia đình y lên trên quyền lợi tối cao của đất nước**.

Quân đội, lực lượng chính yếu của quốc gia, bị nghi kỵ, chia rẽ; mọi tầng lớp nhân dân bị bóc lột, áp bức, miệt thị; tự do không được bảo đảm, **dân tộc bị dồn vào họa diệt vong**.

Trước tình thế đen tối của đất nước, quân đội đã đứng lên lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm và tạm thời điều khiển Chính phủ với sự tham gia của những nhân sĩ quốc gia để kịp thời thi hành những biện pháp chống Cộng và cứu quốc.

Biến Cố 11-11-1960

Trần Tương, Sài Gòn 1971 các trang 20 và 41.

77. NGHIÊM XUÂN THIÊN

- Kỹ sư.
- Tổng trấn Bắc Việt (thời Quốc trưởng Bảo Đại).
- Chủ nhiệm Tuần báo *Thời Luận*.

... Còn về việc bầu cử dân chủ thì sao?

Dưới thời “phong kiến và thực dân” Nguyễn Văn Tâm (thời Bảo Đại 1953) cử tri bị đe dọa và bắt buộc phải đi bầu Hội Đồng Hàng Tỉnh và Hội Đồng Hàng Xã, ấy vậy mà những cuộc bầu cử ấy còn đỡ hơn những cuộc bầu cử bây giờ vì thuở ấy không có ai bị chở bằng xe nhà binh vào Sài Gòn để “trợ giúp cho cuộc bầu cử”.

Còn về chế độ Tổng thống của ông thì sao?

Ông hãnh diện vì đã tạo được cho Việt Nam một chế độ mà ông nghĩ là giống như chế độ tại Hoa Kỳ. Nếu hai chế độ này giống nhau thì hai chế độ ấy cũng liên quan với nhau như mối liên hệ giữa một tòa nhà chọc trời và ngôi lều lợp tôn là vì cả hai đều là “nhà” cho người ta ở.

Tại Hoa Kỳ, Quốc Hội quả là diễn đàn của dân và Nghị sĩ, Dân biểu là những người làm luật, nghĩa là họ là những người tự do, bất vụ lợi và không sợ hãi chính quyền, là những người biết rõ bốn phận của mình và dám chu toàn những bốn phận ấy. Tại đây Dân biểu chỉ là những công chức làm luật như người xướng ngôn viên của đài phát thanh, nghĩa là **đọc lớn những bài đã được người khác soạn sẵn cho mà đọc.**

The Two Vietnam

Bernard Fall trang 270, 271 trích từ Tuần báo *Thời Luận* số 440 ngày 15-3-1958.

(Trên đây là một đoạn trong bài **Thư gửi cho ông Nghị của tôi** của ông Nghiêm Xuân Thiên mà theo Bernard Fall thì ông Thiên đã dám công khai nói ra một điều mà nhiều người Việt Nam tuy không nói ra nhưng đều đã nghĩ đến).

78. NHẬT THỊNH

- Giáo sư
- Nhà văn.

... Nhất Linh chết vì chính trị. Chết để gây tác động tâm lý, để lên án chế độ và để tự giải thoát... Ông chết đi có người cho rằng ông tiêu cực. Ông không dám chống đối Ngô Đình Diệm thẳng thắn. Sự thật, ông chọn sự siêu thoát là ông đã chọn cái thái độ của người quân tử: làm điều phải, thủ tiết.

Chân Dung Nhất Linh

Nhật Thịnh - Đại Nam, Sài Gòn. Tái xuất bản tại Hoa Kỳ, trang 25.

79. HUỶNH SANH THÔNG

- Giáo sư Đại học Yale Hoa Kỳ.

- Học giả

- Chủ trương *Vietnam Forum*, Hoa Kỳ.

... Một điều oái oăm về chánh phủ miền Nam Việt Nam là dưới quyền lãnh đạo của một vị Tổng thống ghét đàn bà, Chính phủ đó đã trao quyền cho một người đàn bà với quyền lực không tiền khoáng hậu: Bà Ngô Đình Nhu, em dâu của Tổng thống Diệm và Đệ nhất Phu nhân của quốc gia.

Cùng với chồng, là Cố vấn Chính trị và chiến lược gia của ông Diệm, bà Nhu đã nắm chặt mấu chốt của nền kinh tế và bà đã bị nghi ngờ là đầu mối của tất cả sự tham nhũng lớn trong nước.

The Greatest Little Man in Asia

Báo The Nation trang 141 tháng 2 năm 1961.

80. Cụ bà ĐỨC THU

- Nữ chiến sĩ cách mạng từ thời Thực dân đô hộ.

... Trước khi chết, em trai tôi đã thuê xe xích lô giờ để tôi đi phân phối tài liệu khừ bạo và khai sơn phá thạch cho các chiến hữu và thay thế giấy đòi của ông Ngô Đình Nhu, tiếp xúc với ông Lê Văn Đồng, cứ tưởng em tôi già vờ cáo bệnh.

Mặc dầu án lệnh thủ tiêu tôi, ông Trần Kim Tuyến (hiện tị nạn ở Luân Đôn) đã báo cho tôi biết, án lệnh đã thu hồi.

Khi tôi trở về bệnh viện, thấy ông Nguyễn Bảo Toàn xuất hiện trong phòng cấp cứu, tôi thúc dục ông Nguyễn Bảo Toàn đi ngay, chính quyền đi truy lùng, treo luôn giải thưởng một triệu rưỡi, nếu ông không đi thì chết cả lũ.

Vì cái giải thưởng to lớn đó, người chiến sĩ Phật giáo Hòa Hảo, kiêm Tổng thư ký Dân Xã Đảng, phải chết tức tưởi dưới sông Nhà Bè cầu Tân Thuận, tôi không nhớ ngày, chỉ biết trước khi thủ tiêu, ông Toàn được nhét giẻ vào miệng cho vào vao bố, hai giờ đêm đem ra xe, người tài xế tên là Vũ, thấy trong bao bố còn cựa quậy, hỏi ai đấy, Nguyễn Bảo Toàn, thôi đem đi cho xong việc.

Tâm Thư Gửi Lâm Văn Tết và Trịnh Đình Thảo

Tạp chí *Việt Nam Tự Do* số 1 ngày 6-9-81 Orange County, Hoa Kỳ.

81. NGUYỄN ĐÌNH THUẬN

- Phụ tá Bộ trưởng Quốc phòng, Đệ Nhất Cộng Hòa.
- Bộ trưởng Bộ Phủ Tổng thống, Đệ Nhất Cộng Hòa.
- Bộ trưởng Đặc nhiệm An Ninh và Quốc Phòng, Đệ Nhất Cộng Hòa.

... Vào giai đoạn đó, **Nhu sa vào vòng nghiện ngập và điều đó đã đẩy ông ta đến những trạng thái cực đoan...** Người ta bắt đầu thấy những dấu hiệu điên loạn trên mặt ông ta, nhìn bất động như kẻ mộng du với một nụ cười lạnh lùng cố hữu...

To Move A Nation

Roger Hillsman, trang 480. Doubleday and Co, Inc. New York 1967.

82. NHẬT TIẾN

- Nhà giáo.
- Nhà văn (giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc). Tác giả: *Thềm Hoang, Chim Hót Trong Lòng, Mồ Hôi Của Đá.*

... Đại diện cho một nhóm nhà văn độc lập, không phụ thuộc một màu sắc chính trị, không gia nhập một đảng phái, hôm nay trước anh hồn của Văn hào, chúng tôi xin được bày tỏ lòng tiếc xót của chúng tôi.

Trọn một đời gian khổ, không ngại khó khăn, không màng danh vọng, Văn hào đã tận tụy hy sinh, từ bỏ mọi quyền lợi riêng để tranh đấu cho lý tưởng Tự Do, cho cuộc sống hạnh phúc của dân tộc.

Văn hào đã hoàn thành sứ mệnh cao quý của người cầm bút, Văn hào đã nêu cao sĩ khí bất khuất của truyền thống của những nhà văn chân chính.

Cái chết của Văn hào sẽ mãi mãi là bó đuốc soi sáng con đường tối tăm của chúng tôi đang đi, là niềm khích lệ lớn lao cho những khó nhọc mà chúng tôi sẽ gặp gỡ, là một tấm gương sáng lạn mà mãi mãi những kẻ cầm bút đi sau như chúng tôi phải soi vào để suy ngẫm.

Chúng tôi xin nguyện trước anh hồn của Văn hào là chúng tôi sẽ nhất quyết theo đuổi con đường cao đẹp mà Văn hào đã vạch ra.

Đó là hoàn thành sứ mệnh cao quý của các nhà văn.

Đó là sự **chống đối lại mãi mãi bạo quyền và bạo lực.**

Đó là sự đòi hỏi đến kỳ cùng quyền tự do được sống đúng nghĩa làm Người của toàn thể dân tộc như ý muốn của Văn hào trước khi nhắm mắt.

Chân dung Nhất Linh

Nhật Thịnh, nhà xuất bản Đại Nam.

(Lời vĩnh biệt đọc trước linh cửu của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam trước khi hạ huyệt, tháng 7/1963).

83. HOÀNG ĐÔNG TIỂU

- Cựu giám đốc Công An Bắc phần Trung-Việt.

... Tôi quá buồn đã phục vụ nhà Ngô, sau này bội bạc còn muốn đem giam cầm là khác.

Về dâm ô, thì ngoài mẹ Nhu còn ông Cẩn lại quá tay hơn. Sau khi làm Giám đốc (sau 1-11-63) tụi ở Nha Công tác, khai thác một con hầu bà Khả được đặc trách vào thư ký. Tiếng hầu bà Khả, chó phục vụ ông Cẩn trong trường dâm dục... Nó còn khai rằng tụi vợ Nghị sĩ, Tỉnh trưởng đưa nào ông Cẩn để ý là “nói nó về thăm tau với”, rồi xài hết. Nó khai và nêu tên tuổi hẳn hoi, cùng mật hiệu để tụi tôi tố lui ra, để ông Cẩn ngủ với nó. Ngoài ra còn thằng con mẹ Luyến, lấy con Bửu Hoàng (con Ung Thông) bị dày đi qua Anh ở với ông Luyến, còn ở nhà ông lấy con ấy. Hồ sơ ấy, lúc ấy báo Mỹ và Việt thích lắm, nếu tôi đem bán là có bạc triệu. Tôi thu lại và đem xé hết vì tôi muốn giữ hai chữ “thủy chung” và không muốn hại người xuống ngựa.

Từ đó tôi ngao ngán nhà Ngô thêm!

Thư riêng ngày 7-11-1977 gửi cho tác giả từ Vancouver, tiểu bang Washington.

84. TIỂU BAN NGHIÊN CỨU ĐÔNG MINH

... Ta phải nhận rõ cái chết của Diệm hay sự bỏ Thiệu là do tình nghĩa giữa một bên là tay sai và một bên là chủ Mỹ không đáng gì đến dân tộc Việt Nam cả.

Bởi một lẽ rất giản dị là dân tộc Việt Nam không bao giờ rước Ngô Đình Diệm về nước hoặc đưa Nguyễn Văn Thiệu lên lãnh đạo. Do đó, cái chết của họ hay sự ra đi của họ không phải thuộc quyền quyết định của dân tộc Việt Nam.

Nói một cách khác Mỹ đã đưa Diệm, Thiệu lên lãnh đạo Việt Nam để thi hành chính sách của Mỹ, chứ Diệm, Thiệu không phải dựa vào lực lượng nhân dân để lên nắm chính quyền lãnh đạo...

... Thực tế là chế độ Thiệu dễ thở hơn Diệm và chế độ Diệm dễ thở hơn chế độ Lê Duẩn ngày nay. Tất cả sự khác biệt đó chỉ là sự khác biệt về hiện tượng, còn bản chất các chế độ Diệm, Thiệu, Lê

Duẩn vẫn là bản chất tay sai.

Nhìn Thẳng Vào Ta-Bạn-Thù

Tạp chí Cứu Nước số 1, trang 25 mùa Hạ năm 1983-Los Angeles.

85. NGUYỄN HỮU TRÍ

- Một lãnh tụ của đảng Đại Việt miền Bắc.
- Thủ Hiến Bắc Việt thời Quốc trưởng Bảo Đại.

... Ông Ngô Đình Diệm là người thế nào?

Khó nói lắm. Khó hiểu lắm. Từ lâu người ta đồn rằng ông ấy có đức độ cao, thanh liêm cương trực, vì thẳng tính mà bị Pháp cho về hồi 1932. Song đối với tôi, cả thành tích của ông ấy chỉ có sự triệt hồi đó mà thôi. Còn như con người ông ấy thì kín quá, như lẩn cả vào trong, có lẽ thâm lắm.

... Ông Diệm khác ông (Trần văn) Hữu. Ông Hữu muốn có toàn quyền, Ngài (Bảo Đại) không cho. Ngài đã chỉ cho tự do quyết định về các biện pháp an ninh và trong hạn 6 tháng một. Còn ông Diệm là người đạo gốc, lại mấy đời thờ nhà Nguyễn, chắc chắn là tôn quân, bảo hoàng và hết lòng với Ngài. Tài cán của ông Diệm thì tôi cũng như ông, chưa ai rõ. Nhưng trung thành với Ngài, thì tôi có thể tin.

Những Ngày Chưa Quên

Đoàn Thêm, trang 234, Đại Nam tái xuất bản. Glendale, California.

86. NGUYỄN THẾ TRUYỀN

- Kỹ sư.
- Hội viên Hội Đồng Thành Phố Hà Nội thời Pháp thuộc.
- Tự ý lưu vong tại Pháp để đấu tranh dành độc lập cho Việt Nam. Đã cùng với Nguyễn Ái Quốc công bố “Bản án thực dân Pháp (Le Procès de la Colonisation Francaise) .
- Ứng cử viên Tổng thống VNCH năm 1961.

... Xin cảm tạ ông Pineau đã thành thực đưa ra ánh sáng về cái tấn kịch miền Nam Việt Nam. Thế giới và quốc gia chúng tôi đã từng hỏi làm sao mà chúng tôi có được ông Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng. Bây giờ thì chúng tôi biết được không như phe nhóm ông Diệm nói rằng vì ông Diệm thanh liêm và tiếng tăm mà là nhờ ân huệ ông ta đã cầu xin được nơi hai cường quốc Pháp và Mỹ mà lên cầm quyền. Bây giờ chúng tôi biết được qua nguồn tin chính thức rằng hai cường quốc Tây phương ở xa nước chúng tôi, trong một ngày đẹp trời năm 1954 đã áp đặt lên chúng tôi một ông Thủ

tướng chỉ để thích hợp cho hai quốc gia đó. Hoa Kỳ và Pháp hãy đem ông Diệm đi và hãy chấm dứt việc xen vào chánh tình nước tôi...

Background To Betrayal

Hoa Kỳ, 1965, trang 31.

(Trên đây là một đoạn trong bức thư ngỏ của nhà Cách mạng Nguyễn Thế Truyền gửi cho Tổng thống Pháp Coty và Tổng thống Mỹ Eisenhower cuối tháng 4 năm 1956 sau khi ngoại trưởng Pháp, ông Christian Pineau, tuyên bố trong một bữa tiệc rằng Hoa Kỳ đã đưa ra điều kiện tiên quyết là nếu Pháp muốn được tiếp tục viện trợ thì phải để cho ông Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng).

87. LÊ MINH TRỰC (Ký giả TÔ VĂN)

- Nhà văn, nhà báo, ký giả.

- Chủ nhiệm Bán nguyệt san *Thức Tỉnh*, Los Angeles.

... “*Cái quan định luận*”, ngày nay *Cụ Ngô Đình Diệm và các bào đệ của Cụ đã ra người thiên cổ, lịch sử phán xét vai trò của Cụ Ngô Đình Diệm cũng như của gia đình họ Ngô, nhất định không xét một khía cạnh mà phải xét toàn bộ. Hơn ai hết, ông Nguyễn Trân là một nhân vật đã từng hoạt động cho “lãnh tụ Ngô Đình Diệm” từ ngày Cụ Diệm còn “lang thang nơi nước ngoài” vận động chính trị để rồi giải pháp Ngô Đình Diệm được chấp nhận thay thế cho lá bài Bảo Đại của Thực dân Pháp. Viên quan Đại thần, Cựu Thượng thư Bộ Lại triều đình nhà Nguyễn, Cụ Ngô Đình Diệm được đưa về nước làm Thủ tướng, rồi làm Tổng thống khai sinh ra nền *Đệ Nhất Cộng Hòa* qua một cuộc trưng cầu dân ý ngày 13-10-1955, trút phé Bảo Đại, **quả là không xuất phát từ nguyện vọng nhân dân Việt Nam-nhân dân miền Nam Việt Nam-mà là do sự đặt đẽ của Mỹ.** Đó là một sự thật của lịch sử, dù chúng ta có quý trọng, kính mến Cụ Ngô Đình Diệm cũng không thể phủ nhận được. Lúc đó có thể Cụ Ngô Đình Diệm cũng như ông Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Luyện, Đức cha Ngô Đình Thục và các đồng chí của Cụ muốn lợi dụng thời cơ, sự bất buộc của thời cuộc, Mỹ phải dính dấp vào Việt Nam, để về nắm chính quyền rồi sau đó sẽ dựa vào Mỹ thực hiện một cuộc Cách mạng Dân tộc, Dân chủ. Đó là sự chủ quan mà quên điều kiện khách quan của Đồng minh Hoa Kỳ phải làm đồng thời quên cả kẻ thù là đế quốc Cộng Sản Nga Sô và bọn tay sai...*

... Năm 1956 tôi bị chế độ *Tổ Cộng Đệ Nhất Cộng Hòa* bắt giam 17 tháng ở lao Bà Chiểu rồi đi an trí tại Trung tâm Cải huấn Tam Hiệp ở Biên Hòa. Trong thời gian đó, tôi và một số anh em Đại

Việt, Việt Quốc, Duy Dân, Hòa Hảo, Cao Đài, Bình Xuyên v.v... trong số này có cả ông Hà Thế Ruyet hiện có mặt tại vùng Los Angeles này, bị giam chung với cán bộ Cộng Sản và những người đi kháng chiến chống Pháp không tập kết trong đó có ông tú tài Đình ở Bạc Liêu, ông Thiếu Sơn, Lê Sĩ Quý v.v... đều bị gộp chung là Cộng Sản...

Chúng Ta Có Mất Nước Không?

(thư của ông Lê Minh Trực trả lời ông Nguyễn Trân và ông Hạo Nhiên).

Bán Nguyệt san Thức Tỉnh số 102 trang 15, 16 và số 103 trang 18, 19 năm 1983, Los Angeles, Hoa Kỳ.

88. TÔN THẤT TUÊ

- Sinh viên tranh đấu 1963, 1964.

- Một trong những sáng lập viên Nhật báo *Sóng Thần*.

- Nhà văn, nhà thơ.

... Thưa Bác, nơi đây (San Jose) cũng có nhiều đoàn thể lăm trong đó có cả tổ chức Phục Hồi Tinh Thần Ngô Đình Diệm. Cháu không có ý nhận xét về Tổ chức này, chỉ ước ao trong lúc họ tưởng niệm Tổng thống Diệm và ông Nhu họ cũng nên nhớ đến cái chết của rất nhiều người do trách nhiệm hai ông ấy gây ra...

Thư riêng từ San Jose, mùa Đông năm 1983, gởi cho tác giả.

89. TỰ DO

- Nhật báo xuất bản tại Sài Gòn.

... Tổng tuyển cử Quốc Hội thứ hai có thể ví như một cuộc đua thuyền toàn quốc... nhưng trên sông người ta chỉ thấy một chiếc tàu độc nhất, trên boong tàu là Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia, dưới hầm máy là đảng Cần Lao Nhân Vị. Ngoài ra chỉ thấy nước trôi, không có bóng dáng một chiếc thuyền nào khác, dù chỉ là một chiếc thuyền manh hay một chiếc tam bản. Chúng ta có thể tiên đoán rằng ngày Tổng tuyển cử sẽ có một vài chiếc bè con do một số ứng cử viên độc lập chèo chống thi đua với chiếc tàu tối tân kia. Những chiếc bè nào được tàu kéo thì đến bến. Những chiếc khác thì bị sóng tấp vào bờ và người chèo chỉ còn việc chạy đi lo có đủ mấy chục ngàn đồng để hoàn lại Chính phủ đã dùng để in bích chương biểu ngữ.

Những Đảng Nào Sẽ Tranh Cử

Ngày báo Tự Do số ngày 23-6-59, Sài Gòn.

90. DƯƠNG TẤN TUÔI

- Bác sỹ Y khoa

- Nhà văn. Tác giả *Cười*, *Nguyên Nhân và Thực Chất*

... Tôi không chối cãi một hiển nhiên: cái cười Việt Nam rất oái oăm và vô cùng thâm độc. Nó là sự tự vệ của một dân tộc bị đô hộ nhiều lần và quá lâu. Vì vậy trong con mắt người mình, cười là biểu hiện sự độc lập của tinh thần. Tánh cách ấy rõ rệt trong cái **thời buổi mất tự do như khoảng chín năm dưới chế độ độc tài của nhà Ngô.**

... Chắc anh chưa quên lúc 7 giờ sáng ngày 2-11-1963: khi đài phát thanh Sài Gòn báo tin dinh Gia Long bị quân đội chiếm, thì già, trẻ, lớn, bé lũ lượt kéo nhau đến xem. Lờ lờ reo, tiếng cười vang với sắc diện tươi vui của mọi người chứng tỏ **sự giải thoát khỏi gông cùm kèm kẹp của độc tài đã bóp nghẹt lòng dân trong chín năm đàng đẵng.**

... Chế độ độc tài lúc nào cũng nghiêm cấm cái cười. Vì chánh thể loại đó là một sự gian lận, một mối lộn sòng, một việc tráo trở... Dưới triều đại Ngô Đình Diệm, người ta cố tận dụng lối tuyên truyền để trình bày một gia đình như là đáng tiêu biểu cho cả dân tộc. Tuy có sự bảo đảm của bài đường luật, chữ phết vàng trên bảng sơn đen bóng láng; nhưng nào ai dẫu được sự hạ giá quá chán chường. Cũng như đem **một người đàn bà thiếu nhiều đức tánh sơ đẳng của phụ nữ Việt Nam lên chức mẫu nghi thiên hạ** thì có gì mĩa mai hơn. Vì vậy cần phải duy trì đến sáu, bảy cơ quan mật vụ để ngăn chặn tiếng cười. *Tổng thống, Chính phủ, Quốc hội, báo chí* hồi thời buổi đó, đều bị hạ giá mà dân chúng không được hở môi cười.

... Chúng ta đã chứng kiến sự hân hoan của toàn dân lúc quân đội lật đổ chánh quyền nhà Ngô. Vì các nhân vật chuyên môn hát câu “*Ngô Tổng thống muôn năm*” đã mau chân chui rút vào chỗ hẻm, nên chúng ta toàn gặp trên gương mặt của công chúng một **sự hả hê tột độ**... Trước sự vui mừng đó, mọi người đều nhận thấy cái sự giam cầm, tra tấn, khổ đau của quá khứ đều bị hạ giá khi đem so sánh với mục tiêu, ao ước bao nhiêu năm nay vừa đoạt được. Nhưng trái lại tại sao trong sự hoan hỉ tột cùng đó, có người vùng òa lên khóc? Nếu nhớ lại sẽ thấy phần lớn là những nhân vật đã từng bị gông cùm, hoặc nhốt dưới hầm tối và chịu quá nhiều tang thương dưới triều của nhà Ngô.

Cười, Nguyên Nhân và Thực Chất

Nguyễn Tấn Tuôi, Sài Gòn, 1968, trang 21, 22, 45, 333 và 337.

91. TRẦN TƯƠNG

- Giáo sư Trung học.

*“Tòa án lúc bấy giờ (thời Ngô Đình Diệm) ai cũng đều biết, là công cụ của Hành Pháp để đập đổ những kẻ chống đối chế độ bất cứ bằng hình thức nào. Còn các cơ quan ngôn luận, dù có muốn vươn mình lên để nói tiếng tự do, cũng không được. Họ bị ràng buộc về mọi mặt. Muốn sống thì phải chiều ý nhà cầm quyền. Như vậy thì chúng ta có thể khẳng định rằng từ Lập pháp, Hành pháp, Tư pháp cho đến quyền Tự do ngôn luận của nền Đệ Nhất Cộng Hòa không một ai bênh vực hay có quyền bênh vực những người liên hệ trong biến cố 11-11-1960. Ngược lại họ còn bịa chuyện để **xuyên tạc, nguyền rủa những chiến sĩ Cách mạng mưu đồ cuộc đảo chánh...**”*

Biến Cố 11-11-1960

Hồi ký chính trị trang 330

92. LÊ VĂN TY

- Đại tướng Tổng Tham Mưu Trường Quân Đội VNCH.

... Sĩ quan, Hạ sĩ quan, Binh sĩ,

“Giữa lúc cuộc chính biến nghiêm trọng diễn ra tại Thủ đô hôm nay, tôi đã hội đàm với Tổng thống Ngô Đình Diệm và đi đến những thỏa thuận sau đây để duy trì sự đoàn kết của quân đội:

1. *Tổng thống đồng ý giải tán chánh phủ hiện tại sau khi đã thảo luận về vấn đề quốc sự với Hội Đồng Cách mạng.*

2. *Với sự đồng ý của Hội Đồng Cách mạng, Tổng thống ủy thác cho các tướng lãnh trong quân đội Cộng Hòa trách nhiệm thành lập một chánh phủ quân nhân lâm thời. Chánh phủ này tiếp tục chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc.*

3. *Ngay sau khi nhận được lệnh này, tất cả các đơn vị phải lập tức ngừng bắn, tiếp tục hoạt động trở lại và phải luôn luôn bình tĩnh đề cao cảnh giác đề phòng sự phá hoại của Việt Cộng”.*

KBC 4002 ngày 11-11-1960

Đại tướng Lê Văn Ty

Tổng Tham Mưu Trường Quân Đội VNCH

Biến Cố 11-11-1960,

Trần Tương, trang 123.

(Nhật lệnh của Đại tướng Lê Văn Ty đọc trên đài phát thanh Sài Gòn trong cuộc đảo chánh của Nhảy Dù khi dinh Độc Lập bị bao vây tấn công và sau khi ông Diệm tuyên bố chịu thương thảo với phe nổi dậy).

93. BẢO VÂN (bút hiệu của ông BÙI VĂN BẢO)

- Nhà giáo

- Tác giả nhiều sách giáo khoa và giáo dục.

... *Tới tháng 12 năm 1960, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam do Hà Nội đỡ đầu được ra đời và chuyển mạnh sang giai đoạn võ trang phá hoại. Trong khi ấy thì Tổng thống Ngô Đình Diệm dần dần đi tới chỗ độc tài, gia đình trị, đàn áp đối lập, dẹp bỏ các Đảng phái quốc gia, làm mất lòng dân chúng. Từ đó tình hình miền Nam càng ngày càng trở nên đen tối vì Cộng Sản đã lợi dụng cơ hội này để tăng thêm ảnh hưởng. Thêm vào đó vụ cấm treo cờ Phật giáo đã khiến Phật tử ở Huế biểu tình phản đối và xảy ra đổ máu 9 người chết và nhiều người bị thương. Tiếp theo lại tới việc Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu và vụ vây bắt Tăng Ni làm cho dân chúng càng chán ghét chế độ...*

Sách giáo khoa Việt Nam Thường Thức

Nhà xuất bản Quê Hương, Toronto, Canada, 1980 trang 68 và 69.

94. LÝ KHÔI VIỆT

- Tiến sĩ Luật khoa, Đại học Sorbonne, Paris.

- Sáng lập và biên tập viên tạp chí *Khai Phóng*.

- Chủ trương Tạp chí *Thanh Niên Hành Động, Bông Sen*

- Tác giả *Hai Ngàn Năm Việt Nam và Phật Giáo*

... *Năm 1963, đối diện với sự kỳ thị và đàn áp của chế độ độc tài ngu tối Ngô Đình Diệm, một chế độ không xuất sinh từ một cuộc đấu tranh cách mạng mà xuất sinh từ mưu đồ của ngoại bang, một chế độ không đại diện cho đại đa số quần chúng mà chỉ đại diện cho một thiểu số được ưu đãi. Phật giáo Việt Nam, dù không có một tác sất trong tay, vẫn can đảm đứng lên tranh đấu.*

Hai Ngàn Năm Việt Nam và Phật Giáo

Trang 258, Los Angeles, 1981.

95. VIỆT NAM DÂN CHỦ XÃ HỘI ĐẢNG

- Tài liệu đảng

... *Đến khi Hiệp định Giơ Neo ký kết, lực lượng Lê Quang Vinh ra tuyên ngôn phản đối sự chia cắt đất nước, rồi rút vào bưng. Ông Ngô Đình Diệm về nước chấp chánh, ứng phó tình thế trong Nam với một chánh sách sai lầm, và với cái nhìn phiến diện, ngăn tầm với các tôn giáo trong Nam. Ông ra sắc lệnh giải tán VNDCXHD, cấm hoạt động. Nhưng Đảng đã bất chấp sắc lệnh đó,*

vẫn tiếp tục hoạt động bí mật, dù cơ sở tại Sài Gòn đã bị tịch thu.

Năm 1955, để nối tiếp các hoạt động Dân Xã, quý ông Phan Bá Cầm, Nguyễn Bảo Toàn đứng lên xin hợp thức hóa đảng trở lại, dưới danh xưng là Đảng Việt Nam Dân Chủ Xã Hội (thay vì Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng, chỉ đặt chữ Đảng lên đầu thay vì ở cuối). Lý do là theo luật pháp lúc đó, VNDCXHD đã bị giải tán rồi, nay hợp thức hóa phải có sự thay đổi để thích nghi nhu cầu pháp lý.

Nhưng chỉ ít lâu sau, đảng VNDCXH cũng trở thành nạn nhân của chế độ Ngô Đình Diệm. Đây là một kế hoạch khủng bố hai mặt. Vừa khủng bố đảng VNDCXH (ông Nguyễn Bảo Toàn, Tổng bí thư) ngoại thành, vừa khủng bố VNDCXHD (ông Trình Quốc Khánh) trong bưng. Ông Trình Quốc Khánh bị bắt giam. Ông Nguyễn Bảo Toàn phải trốn sang Cao Miên rồi qua Mỹ (1956). Ông Phan Bá Cầm bị bắt giam tại Sài Gòn sau cuộc đảo chánh hụt tháng 11-1960. **Toàn bộ đảng bị chế độ Ngô Đình Diệm khủng bố tứ phía. Rất nhiều cán bộ đảng bị bắt. Một số bị thủ tiêu, trong đó có các cán bộ cao cấp là quý ông Nguyễn Bảo Toàn, Trần Văn Tập, Huỳnh Thiện Tử, Lê Hoài nam, Huỳnh Hữu Thiện (1963).**

Sau khi chế độ nhà Ngô bị lật đổ (1963) Phật giáo Hòa Hảo có cơ hội phục hoạt, gây dựng lại cơ sở. Đó cũng là cơ hội để VNDCXHD chấn chỉnh hàng ngũ đã bị đánh phá tàn nhẫn suốt 9 năm cai trị của chế độ gia đình trị.

Lược Sử Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng

Báo Việt Nam Hải Ngoại, số 159, năm thứ 8, ngày 31-10-84, trang 73, San Diego, Hoa Kỳ.

96. NGUYỄN THÀNH VINH

- Giáo sư Đại học Văn Khoa Sài Gòn.

- Dân biểu Quốc Hội Lập Hiến Đệ Nhị Cộng Hòa Việt Nam.

... Từ khi ở Mỹ về, tôi càng thấy rõ chế độ Diệm không thể tồn tại được. Vì chế độ còn sống ngày nào thì nhân dân phải chịu cảnh chết chóc điều linh ngày đó. Nhưng làm thế nào để đánh đổ nó. Đó là một vấn đề nan giải đối với những tổ chức chính trị bị chánh sách thực dân làm cho phá sản đã 30 năm. Nhiều anh em chiến hữu đã không chịu nổi mà phải hành động dù biết thất bại. Vì thế mà nhà tù đông. Tổ chức mật vụ rải khắp nơi, trại giam bí mật cũng mọc đầy và tập trung hầu hết là người quốc gia yêu nước.

... Quân đội không dùng để chống Cộng nữa mà để củng cố địa vị. Bộ máy chính quyền dùng để phục vụ cho cá nhân và gia đình

ông Diệm. Ông bà cố vấn làm vua ở miền Nam. Cậu Cẩn làm vua ở miền Trung. Rồi tổ chức Nghiên cứu Chính trị, tổ chức mật vụ miền Trung hình thành để củng cố và phục vụ cho địa vị quyền lợi của gia đình họ Ngô. Nhân dân điều đứng khổ sở càng ngày càng căm thù chính quyền. Vì thế mà **Việt Cộng lợi dụng lúc chính sách thất nhân tâm của ông Diệm để gửi cán bộ xâm nhập miền Nam.**

Thôn quê đã bắt đầu mất an ninh. Vật giá leo thang đe dọa đời sống kinh tế. Trong chính quyền nạn tham nhũng hoành hành.

Biển cổ 11-11-1960,

Sài Gòn, 1971, trang 134, 135.

97. NGUYỄN VỸ

- Nhà văn, nhà thơ, nhà báo, từng bị Pháp bắt giam tại Dakto (Kontum) Pháp thuộc

- Chủ nhiệm tuần báo *Dân Ta* thời chiến tranh Pháp-Việt (1945-1954)

- Chủ nhiệm Nguyệt san *Phổ Thông* thời VNCH.

... Bảo Đại không phải vì phục nhân tài mà triệu Phạm Quỳnh về Huế làm “Đồng lý đại thân”. Phạm Quỳnh không phải hẳn là người của Bảo Đại. Ông là người của Toàn quyền Pierre Pasquier và của Khâm sứ Yves Chatel. Người Pháp rút kinh nghiệm ở hai vị Hoàng đế trẻ tuổi Hàm Nghi, Duy Tân sợ rằng Bảo Đại sẽ có thể chịu ảnh hưởng thâm kín của các đảng phái Cách mạng đang hoạt động lên lút...

*... Cho nên bên cạnh Bảo Đại, người Pháp muốn để làm một kẻ thân tín của họ và kẻ ấy không thể ai hơn Phạm Quỳnh. Tin đồn Phạm Quỳnh sẽ về Huế làm quan, giới trí thức Hà Nội và Huế biết đã lâu rồi. Có hai luồng dư luận đều không tốt cho nhà học giả của Nam Phong tạp chí. Đám quan lại đã có dòng dõi mấy đời làm quan ở triều đình Huế vì ganh ghét, chê Phạm Quỳnh là một kẻ “bach đình” được “Nhà nước Bảo hộ” cân nhắc lên ngang hàng với họ, và chắc là sẽ còn lên cao hơn họ nữa. Trong đám này có Ngô Đình Diệm, con của cựu thân Ngô Đình Khả, và đương thời làm Tuần vũ Phan Thiết vừa được Bảo Đại triệu về Kinh làm Thượng Thư. **Tư tưởng chống đối Phạm Quỳnh của gia đình họ Ngô chính là mầm mống sự chống đối Bảo Đại.***

Luồng dư luận thứ hai cũng không có thiện cảm với nhà học giả của Nam Phong là ở trong các giới trí thức và Cách mạng...

- Sự thật Phạm Quỳnh không đếm xỉa đến thái độ chống đối của phe quan lại ganh ghét nhỏ mọn và Ngô Đình Diệm đã phải từ chức

Thượng Thư vì tự thấy mình không đủ uy tín và thế lực đương đầu với địch thủ họ Phạm.

Tuấn, Chàng Trai Nước Việt

Hồi ký của Nguyễn Vỹ, xuất bản tại Sài Gòn năm 1970, tái bản tại Hoa Kỳ, trang 187, 188.

98. VÂN XUA (Bút hiệu của ông Hồ Sỹ Khuê)

- Giáo sư

- Trong nhóm ủng hộ ông Diệm từ thập niên 1940'

- Nhà nghiên cứu chính trị

- Tác giả “Ngô Đình Diệm, Hồ Chí Minh và Mặt trận Giải phóng Miền Nam”, Văn Nghệ, Hoa Kỳ

... Trong một xã hội mà nét độc đáo của nếp sống văn minh là “tự khen”, không nên lấy làm lạ là “Bác” có thể trơ trên tự mình xưng tụng lấy mình trong câu “nhà nước” quân chúng bắt buộc phải hát hàng ngày cho “Bác” nghe:

Hồ Chí Minh muôn năm

Hồ Chí Minh

Làm cho nước Việt Nam quang vinh

Điều đáng nói là ở miền Nam, tiêu biểu được ít nhiều tinh thần dân tộc, tức không có chuyện “tự khen” mà có lẽ thói “thậm xưng”. “Cụ Ngô” đã tỏ ra chẳng thua “Bác Hồ”. Đã làm Quốc trưởng, đứng ra cầm quyền. “Cụ” vẫn còn buộc dân xưng tụng mình là “chí sĩ” như thường. Ở ngôi Tổng thống bắt dân hát:

Toàn dân Việt Nam ghi ơn Ngô Tổng thống

Ngô Tổng thống, Ngô Tổng thống muôn năm

cho mình nghe, nghiêm trang đứng thẳng chào quốc kỳ. Phải chăng có lúc vui tính, “Cụ” cũng lảm nhảm hát theo, để nghe mình khen lấy mình là “cứu tinh của dân tộc”!

Xin nói rõ: “Cụ Ngô” có thể đáng cho toàn dân ghi ơn, hay “Bác Hồ” quả đã làm cho nước được quang vinh, nhưng đó là chuyện chính trị, thuộc phạm vi phán quyết của lịch sử, không thuộc phạm vi bài này. Và tùy nhận định của quần chúng trong nước, cũng như của mỗi cá nhân, người viết không có tư cách bàn đến. Nhưng “Bác” và “Cụ” dùng quyền lực nhà nước, đứng trên cương vị Quốc trưởng, mà buộc nhân dân trong nước ngày ngày hát cho mình nghe những lời chẳng có chút thậm xưng hay tự khiêm, ngược với tâm lý chung của dân tộc thì đây là chuyện ngôn từ ăn nói xưng hô bừa bãi. Nguy hiểm lại xuất phát từ cấp thượng đẳng trong nước.

Lối xưng hô ăn nói bừa bãi ấy có thể gọi là lối “Kiêu xưng” mà ở miền Nam lối kiêu xưng này, sau đó, đã truyền nghiệp cho các “ông tướng” kế tiếp ở ngôi cao.

Người Việt Tiếng Việt

Nguyệt san Quê Mẹ-Xuất bản tại Paris tháng 9, 10 năm 1984, số 61, 62.

99. PHAN XỨNG

- Chiến hữu và ân nhân của gia đình Tổng thống Ngô Đình Diệm từ 1948 thời còn ở Đà Lạt.

- Cựu Dân biểu Quốc hội, Đệ Nhất Cộng Hòa Việt Nam.

... Khi ở Đà Lạt, tôi là người duy nhất lui tới và tiếp tế cho gia đình ông Nhu từ hạt gạo, từ lon sữa, từ điều thuốc và cũng biết quá nhiều về gia đình này nhất là những giao du thân mật của người đàn bà có giọng máu "Tư Hy Thái Hậu". Khi hàn vi thì thân thiết nhưng lúc đã lên voi rồi thì mỗi lần gặp tôi là mỗi lần nhớ đến quá khứ chẳng mấy tốt đẹp. Nên họ muốn quên quá khứ và không muốn gặp tôi. Biết vậy nên muốn giữ tiết tháo của mình, tôi đã tuyên bố với bạn bè rằng: “Je leur laisse la chance de réussir”.

Trích từ thư riêng gửi tác giả-ngày 28-6-1979, từ Minesota, Hoa Kỳ.

100. HUỲNH MINH Ý

- Nhân sỹ tôn giáo Tin Lành.

- Dân biểu Quốc Hội Đệ Nhất Cộng Hòa.

- Bạn thân của Tổng thống Ngô Đình Diệm.

... Chớ thật gia đình Cụ (Ngô Đình Diệm) đối với bạn không có nhân tình. Cụ biết Cụ Tạ Chương Phùng chớ, dám biếu Cụ Diệm 20 ngàn đồng bạc khi cụ Diệm sa cơ thất thế mà khi Cụ về nước chấp chánh Cụ Phùng và cháu (tức Tạ Chí Diệp) con trai Cụ chẳng được chi vì nhiều người tranh giành. Cụ Phùng thất chí lang thang, Bác sĩ Tin nuôi, đến tôi hốt từng thang thuốc Bắc (tôi có hiệu thuốc Bắc và có vị Đông y đại tài) tôi biếu Cụ Phùng luôn. Cụ Phùng có mẹ già lắm ở Nha Trang trên 90 tuổi. Lúc con rể Cụ Phùng bị Công An bắt, vì Châu đã trốn sang Bình Xuyên, nhơn viên Công an thăm vấn nhìn Cụ Phùng ngó vào hồ sơ nói, Cụ cũng theo Tổng thống kia mà. Cụ Phùng trợn mắt la lớn: “nói bậy, tôi đâu được cái hân hạnh theo Tổng thống, thật sự tôi đã ủng hộ Ngô chí sỹ, chớ Tổng thống Diệm tôi đâu có được theo, nếu tôi được theo Tổng thống Diệm thì cha của

ông cũng không dám bắt tôi”. Nhơn viên ấy nghe câu khăng khái, thích quá, trình lên thế nào, Cụ Phùng được thả tự do ngay... Lúc đó ông Ông Hải Thọ cũng thương Cụ Phùng. Ở trong Nam tất cả các nhà tai mắt đều biết tôi và thương tôi vì tôi nói thật, nhịn nhục mà theo Kinh Thánh dạy “sự tham tiền là cội rễ mọi tội ác”. Nên tôi đã thẳng thắn trước mặt Tổng thống Diệm và dám nói: “Tất cả cái gì Cụ làm ai nấy đều khen cả, cái gì cũng có kết quả. Song còn có một điều”, Cụ (Diệm) hỏi điều gì? Tôi nói: “Cụ hỏi tôi mới dám nói, xin Cụ đừng nóng giận. Người ta nói **Cụ ở với bạn thiếu nhân tình**, kia kìa như Cụ Tạ Chương Phùng đó. Cụ muốn làm Tổng thống quá sớm nên hồng việc cả... như để tên đường”. Tôi đã nói mình làm cái gì về sau người ta để yên thì mình làm, còn làm mà người ta lên phá ngay thì đừng làm như tên đường Ngô Đình Khôi, ở Vĩnh Long để tên đường Ngô Đình Thục mấy tháng sau đảo chánh họ phá ngay... Nếu để Ngô Đình Khả còn có ý nghĩa hơn chút đỉnh chớ Ngô Đình Khôi, ai không biết khi ở Quảng Nam...

Trích thư riêng gửi tác giả ngày 9-5-1977 tại Oakland, California.

HẾT TẬP MỘT XIN ĐỌC TIẾP TẬP HAI VÀ TẬP BA

Nhà Xuất bản
THIEN TRI THUC Publications
P.O. Box 4805
Garden Grove, CA.92842-4805 – USA